NGUYỄN TÀI CẨN

TƯ LIỆU TRUYỆN KIỀU

TỪ BẢN DUY MINH THỊ ĐẾN BẢN KIỀU OÁNH MẬU



vh
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU QUỐC HỌC

Tư liệu
TRUYỆN KIỀU

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU QUỐC HỌC

NGUYỄN TÀI CẨN

Tư Liệu

TRUYỆN KIỀU

(Từ bản Duy Minh Thị
đến bản Kiều Oánh Mậu)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

MỤC LỤC

PHẦN THỨ HAI

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA VỀ 9 BẢN KIỀU THẾ KỶ 19

PHẦN THỨ BA

DỰA TRÊN CƠ SỞ 9 BẢN KIỀU THẾ KỶ 19, THỬ TÌM CÁCH PHỤC NGUYÊN LẠI MỘT VĂN BẢN BẢN GẦN VỚI NGUYÊN TÁC NHẤT

Lời nói đầu

1. Cuốn sách này gồm có 3 phần chính. Về thực chất, nội dung mỗi phần chính đó là lấy từ một tập hồ sơ cũ chúng tôi đã khởi công xây dựng trong khoảng 1982-1990, nhân dịp có 2 lần, thời gian hơn 2 năm, chúng tôi được cử sang giảng dạy ở trường Đại học Paris 7. Gần đây bạn bè có cung cấp thêm một số tài liệu mới, chúng tôi có dựa vào đó bổ sung, sửa chữa.

2. Trong 3 tập hồ sơ này, tập quan trọng nhất là tập chúng tôi để ở phần II. Đó là tập gồm hơn 300 trang, cung cấp cứ liệu điều tra về các bản Kiều thế kỷ 19.

Một nửa là điều tra về những gì còn lại của cụ Nguyễn Du sau khi Cụ mất bảy tám mươi năm; và một nửa là điều tra về 1962 chỗ tác phẩm của Cụ đã bị sửa chữa vì tính đến cuối thế kỷ 19 đã có đến 4107 dị bản khác nhau.

Chúng tôi khởi công xây dựng tập hồ sơ này là sau khi được trao đổi ý kiến cùng Giáo sư Hoàng Xuân Hãn và được Giáo sư hoàn toàn thuyết phục: muốn tìm hiểu thấu đáo truyện Kiều thì trước hết phải khảo sát tất cả các truyền bản cổ thế kỷ 19 có thể có được, với số lượng càng nhiều càng tốt - Bản thân Giáo sư cho biết Giáo sư đã nghiên cứu 8 bản đời Tự Đức[1] *còn chúng tôi thì cho đến năm vừa qua chúng tôi đã thu thập được cả thảy 9 bản, được chép được in trong khoảng từ 1870 đến năm 1902. Có thể có một số bản chúng tôi chọn không thật ăn khớp với Giáo sư nhưng chắc chắn phần lớn 2 danh sách phải giống nhau. Vì vậy sau khi đọc kỹ tập hồ sơ này bạn đọc có thể tin chắc rằng bạn đọc đã hình dung được trên đại thể kho tư liệu Giáo sư đã thu thập được để đối chiếu và kết quả đối chiếu mà Giáo sư đã đạt đến được.*

3. Từ tập hồ sơ gốc trên đây, chúng tôi đã hình thành thêm được hai tập hồ sơ bổ sung nữa:

- Một tập nêu những nhận xét khái quát về các bản Kiều thế kỷ 19 (sẽ để ở phần I cuốn sách).

- Và một tập nêu lên các nguyên tắc phục nguyên và kết quả phục

---

(1) Xin xem *Tạp chí Văn học*, số 3, 1997.

nguyên để đi đến được một bản Kiều có khả năng gần với nguyên tác nhất (tập này sẽ để ở phần III).

Trong tập "Vài nét khái lược về các bản Kiều thế kỷ 19" về cơ bản chúng tôi cũng đi theo những hướng mà Giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã vạch ra, ví dụ như:

- Nghiên cứu các chữ kị húy để chia các bản Kiều thế kỷ 19 thành các thế hệ trước sau: thế hệ biên tập trong khoảng 1803-1825; thế hệ biên tập trong khoảng 1836-1840; và thế hệ biên tập sau năm 1847.

- Nghiên cứu những chỗ lúc đầu cụ Nguyễn Du diễn Nôm theo sát Thanh Tâm Tài Nhân nhưng rồi sau đổi khác đi để phỏng đoán về các bước tự nhuận sắc của Cụ.

- Hoặc nghiên cứu vết tích các phương ngữ Nghệ Tĩnh, Thừa Thiên - Huế và Nam Bộ để phỏng đoán quá trình truyền bá văn bản truyện Kiều ra khắp cả ba miền đất nước.

- Hoặc nghiên cứu những sự đính ngoa, nhuận sắc, những sự sai lầm trong các khâu sao chép, in ấn làm cho văn bản diễn biến v.v.

4. Khi bắt tay vào việc xây dựng tập hồ sơ "Dựa trên cơ sở các bản Kiều thế kỷ 19 thử tìm cách phục nguyên lại nguyên tác" chúng tôi có báo cáo với Giáo sư Hoàng Xuân Hãn là chúng tôi xin đi theo hướng ngôn ngữ học: chúng tôi sẽ dựa vào ngữ pháp, dựa vào từ vựng, dựa vào ngữ âm lịch sử... vì chúng tôi được đào tạo về chuyên môn theo hướng này. Giáo sư cho biết Giáo sư phục nguyên theo vốn kinh nghiệm riêng, nhưng Giáo sư rất khuyến khích, rất ủng hộ chúng tôi đi theo chuyên môn của mình... Thành thử riêng tập hồ sơ này là tập có thể có những cách kiến giải khác nhau giữa Giáo sư và chúng tôi.

Mỗi tập hồ sơ có những nét riêng như vậy, nhưng nhìn chung cả 3 tập thì phải nói rằng chúng tôi đi theo hướng Giáo sư đã vạch ra là chính. Nếu trong 3 tập này có được những thành tựu nào đấy thì rõ ràng đó là những thành tựu chính nhờ Giáo sư mà có. Tất nhiên chắc sẽ còn nhiều khuyết điểm bạn đọc sẽ phát hiện ra. Nhưng đó lại là những sai lầm của riêng chúng tôi, chúng tôi phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

5. Trước đây chúng tôi xây dựng hồ sơ chỉ là để có một ít tư liệu riêng, chứ chúng tôi không có ý định viết lách gì. Vì chúng tôi biết: Giáo sư đã nửa thế kỷ nghiên cứu truyện Kiều, và bản Kiều tầm nguyên của Giáo sư đã có nhiều bản thảo trong kho lưu trữ của Giáo sư.

Nhưng không may Giáo sư qua đời, chưa kịp công bố gì, ngoài một bài trả lời phỏng vấn. Bài trao đổi với nhà báo này Giáo sư lại nói theo trí nhớ, và nói rất vắn tắt, do đó có nhiều chi tiết người hiểu thế này, kẻ hiểu thế nọ. Và nhiều cuộc tranh luận đã nảy sinh, lắm khi khá gay gắt. Đứng trước tình hình đó, chúng tôi đã phải làm 3 việc để bạn đọc hiểu đúng Giáo sư hơn:

- Viết một số bài báo, thuyết minh cho rõ một số luận điểm mà Giáo sư đã đề ra.

- Làm một báo cáo khoa học ở hội nghị quốc tế EURO - VIỆT lần thứ 5 (năm 2002) để bạn bè thế giới biết về hướng đi của Giáo sư.

- Và giới thiệu sơ bộ bản DMT/1872 là bản Giáo sư hết sức đề cao, coi như là truyền bản đứng đầu danh sách 8 bản Kiều mà Giáo sư đã tham khảo.

Nhưng kết quả nghiên cứu của Giáo sư trong bản Kiều tầm nguyên thì mãi đến nay vẫn chưa ai hiểu rõ. Mà cuốn sách của Giáo sư thì chưa biết đến bao giờ mới in ra được. Do đó bạn bè lại đề nghị chúng tôi tiếp tục công việc giới thiệu về Giáo sư, tạm thời ra một cuốn sách giúp bạn đọc có cơ sở để có thể hình dung được phần nào hướng nghiên cứu mà Giáo sư đã đề xuất cho ngành Kiều học nói chung, cho lớp nghiên cứu trẻ tuổi hơn, như lớp chúng tôi nói riêng.

6. Đứng trước đề nghị này, thú thực lúc đầu chúng tôi rất băn khoăn. Chúng tôi tự biết: ba tập hồ sơ cũ chúng tôi xây dựng vội vã trước đây chắc còn quá nhiều khuyết điểm:

- Về tư liệu chắc không tránh khỏi nhiều sai sót, sai lầm.

- Về nội dung chắc còn có nhiều chỗ trùng lặp, nhiều chỗ có thể trước sau bất nhất.

- Về văn phong, do ghi chép vội vã, hẳn về mặt câu chữ cũng có không ít vấn đề.

Nhưng bạn bè đã động viên, khuyến khích, giúp đỡ chúng tôi rất nhiều: gửi cho các bản photocopy cần thiết nhất giúp chúng tôi có điều kiện kiểm tra lại những gì đã thu thập trước kia; cho những lời khuyên hết sức thiết thực như khuyên tránh tư tưởng đòi hỏi tuyệt đối, khuyên cứ nên "có gì in nấy"; và ngỏ ý sẵn sàng tham gia biên tập hộ bản thảo. Xin kể ra đây những bạn đã giúp đỡ nhiều nhất để tỏ lòng tri ân: nhà nghiên cứu Lê Sơn Thanh (tức Alexandre Lê) ở trường Viễn Đông bác cổ Paris; các tiến sĩ Đào Thái Tôn, Ngô Đức Thọ, Hoàng Thị Hồng Cẩm ở Viện Hán Nôm; chị cử nhân Hà Thị Tuệ Thành ở khoa Ngôn ngữ trường Đại học KHXH&NV Hà Nội; tiến sĩ Mai Quốc Liên, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu Quốc học.

Trước những tấm lòng như thế, chúng tôi đành phải nhận lời. Nhưng với sự hạn chế của tuổi tác, chúng tôi tự thấy cũng khó có thể làm được gì nhiều để có thể làm cho chất lượng bản thảo được nâng cao lên hẳn.

Rất mong bạn bè và đông đảo bạn đọc thông cảm, lượng thứ cho, và góp ý cho.

NGƯỜI VIẾT

TÊN RIÊNG VIẾT TẮT

1. AM	Abel des Michels
2. CVT	Chiêm Vân Thị
3. CMT	Chu Mạnh Trinh
4. DMT	Duy Minh Thị
5. ĐDA	Đào Duy Anh
6. Gén	J.F.M. Génibrel
7. GĐNHV	Giúp đọc Nôm và Hán Việt
8. HVTĐ	Hán Việt từ điển
9. HXH	Hoàng Xuân Hãn
10. HTC	Huỳnh Tịnh Của
11. KTTĐ	Khai trí tiến đức
12. KOM	Kiều Oánh Mậu
13. LVĐ	Liễu Văn Đường
14. NQX,VVK	Nguyễn Quang Xỹ và Vũ Văn Kính
15. QVĐ	Quan Văn Đường
16. TMĐ	Thịnh Mĩ Đường
17. TTTN	Thanh Tâm Tài Nhân
18. TVK	Trần Văn Kiệm
19. TVKI	Trương Vĩnh Kí
20. TĐCN	Từ điển chữ Nôm
21. TĐTN	Từ điển tiếng Nghệ
22. TĐTV	Từ điển tiếng Việt
23. TĐTK	Từ điển truyện Kiều
24. TĐTC	Từ điển từ cổ
25. VBL	Việt Bồ La
26. VNTĐ	Việt Nam tự điển
27. VVK	Vũ Văn Kính

TÊN GỌI VÀ CÁCH VIẾT TẮT

Chín bản Kiều thế kỷ 19 đã được điều tra trong sách này

Ba bản miền Nam

Bản Duy Minh Thị, 1872 - viết tắt là DMT hoặc D

Bản Trương Vĩnh Kí, 1875 - viết tắt là TVKI hoặc T

Bản Abel des Michels, 1884 - viết tắt là ADM hoặc 84

Bốn bản miền Bắc

Bản Liễu Văn Đường, 1871 - viết tắt là LVĐ hoặc 71

Bản Quan Văn Đường, 1879 - viết tắt là QVĐ hoặc Q

Bản Thịnh Mĩ Đường, 1879 - viết tắt là TMĐ hoặc Th

Bản VNB-60 - viết tắt là VNB hoặc V

Hai bản gốc Huế

Bản Lâm Nọa Phu, 1870 - viết tắt là LNP hoặc 70

Bản Kiều Oánh Mậu, 1902 - viết tắt là KOM hoặc K

PHẦN THỨ NHẤT

VÀI NÉT KHÁI LƯỢC VỀ CÁC BẢN KIỀU THẾ KỶ XIX

I. THỬ LƯỚT QUA 2 THẾ KỶ LỊCH SỬ VĂN BẢN TRUYỆN KIỀU

Trước khi nói đến các bản Kiều thế kỷ 19, thiết nghĩ cũng nên nhìn lướt qua cả hai thế kỷ lịch sử của truyện Kiều. Truyện Kiều được hoàn thành cụ thể vào năm nào, chúng ta hiện chưa biết rõ, nhưng nhìn chung cũng đã có khoảng 200 năm trôi qua, kể từ ngày nền văn học cổ điển nước ta có thêm được tác phẩm vĩ đại này. Mà đó là 200 năm đầy biến cố lịch sử.

Xét về mặt chính trị, có thể chia 200 năm đó thành ba giai đoạn lớn:

- Giai đoạn đầu là giai đoạn Việt Nam còn là một nước độc lập, theo chế độ quân chủ, sống dưới sự cai trị của các vua triều Nguyễn.

- Giai đoạn giữa là giai đoạn đế quốc thực dân Pháp đem quân xâm lược, biến Việt Nam thành một nước thuộc địa.

- Và giai đoạn từ 1945 trở về sau là giai đoạn Việt Nam đánh đổ chế độ thực dân, phục hồi lại độc lập thống nhất cho tổ quốc, và xây dựng đất nước theo chế độ cộng hòa.

Những biến cố lớn lao về mặt chính trị đó đã đưa đến những thay đổi cực kỳ sâu sắc cho xã hội Việt Nam, và tất nhiên điều đó cũng không thể nào không ảnh hưởng đến lịch sử văn bản truyện Kiều.

Trong giai đoạn đầu, xã hội Việt Nam là một xã hội được tổ chức chủ

yếu theo mô hình các triều đại trước: quan lại, sĩ phu đều là những nhà nho. Họ là tầng lớp được đào tạo theo lối khoa cử cổ truyền: tri thức cơ bản của họ là Tứ thư, Ngũ kinh, Đường thi, Cổ văn, Bắc sử, Nam sử. Về ngôn ngữ văn tự, họ chỉ được học một thứ chữ duy nhất là chữ Hán, lối chữ Nôm của dân tộc họ cũng chỉ tự mò mẫm suy ra từ chữ Hán mà đọc, chứ không được học. Họ sáng tác, viết lách chủ yếu cũng bằng văn ngôn. Tiếng Việt bị coi là "nôm na mách qué": nó chỉ được dùng trong cuộc sống hàng ngày. Nếu có ai đó thích làm thơ phú Nôm thì đó cũng chỉ là những sáng tác "trà dư tửu hậu" không được coi trọng như những sáng tác bằng Hán văn. Tiếng Việt, văn Việt đã không được đề cao thì tất nhiên truyện Kiều được chép ra, in ra cũng là để có thêm một truyện Nôm thưởng thức cho vui, thế thôi, dầu đó là một kiệt tác. Và các văn bản chép ra, in ra đều là những văn bản Nôm. Chất lượng các bản Kiều Nôm này thường thua kém so với chất lượng những bản in ra bằng chữ Hán.

Sang giai đoạn 2 thì tình hình đổi khác: với tác động của chính quyền thực dân, với phong trào Duy tân do các sĩ phu yêu nước đề xướng, nền cựu học lùi dần, nền tân học phổ biến dần: bắt đầu từ Nam Bộ rồi lan truyền ra Bắc Bộ, Trung Bộ. Đây là giai đoạn chuyển tiếp: tiếng Hán dần dần nhường chỗ cho tiếng Pháp. Lối khoa cử lần lượt bị bãi bỏ, các trường kiểu mới (công lập cũng như tư thục) được tổ chức càng ngày càng nhiều. Trong bối cảnh chung đó, tiếng Việt, văn Việt (ghi bằng chữ Quốc ngữ) cũng tranh thủ có được những bước tiến: một nền văn xuôi hiện đại được hình thành và phát triển nhanh, với nhiều loại văn phong mới, xưa chưa từng có: văn phong báo chí, chính luận; văn phong nghệ thuật (truyện ngắn, tiểu thuyết); văn phong hành chính, và phần nào cũng có manh nha cả văn phong khoa học. Nền thơ ca cũng phá vỡ khuôn sáo cũ để canh tân... Những tiến bộ này bắt buộc bộ máy chính quyền phải có chủ trương, lần đầu tiên trong lịch sử, cho đem tiếng Việt, văn Việt dạy ở nhà trường, dầu chỉ dạy ở bậc trung học, và dạy cũng không nhiều.

Đã có hai loại người đọc song song tồn tại (lớp cựu học với số lượng càng ngày càng giảm, lớp tân học với số lượng càng ngày càng tăng) thì tất yếu giai đoạn chuyển tiếp này văn bản truyện Kiều cũng được in ra theo hai lối chữ: các bản Kiều Nôm và các bản Kiều Quốc ngữ(1). Đã có những giờ giảng dạy về tiếng Việt, văn Việt ở nhà trường, thì vai trò của truyện Kiều cũng có sự đổi khác. Nó không còn chỉ là một truyện thơ in ra để đọc cho vui nữa, mà nó đã trở thành một tác phẩm in ra để phục vụ thầy trò ở nhà trường: cuốn *Việt văn hợp tuyển giảng nghĩa* của Lê Thành Ý, Nguyễn Hữu Tiến in

---

(1) Bản Kiều Quốc ngữ đầu tiên được in cuối đời Tự Đức, các bản Kiều Nôm cuối cùng in theo lối cũ còn được xuất bản đến tận đời Bảo Đại.

năm 1925 giảng 6 trích đoạn; cuốn *Việt Nam thi văn hợp tuyển* của Dương Quảng Hàm sau đó giảng đến 7 trích đoạn.

Việc quan tâm càng ngày càng nhiều đến nền văn chương Quốc ngữ, việc làm quen với các sách vở báo chí phương Tây, và việc tiếp thu lối giảng dạy văn học của nhà trường Pháp cũng đem lại những ảnh hưởng tích cực: một số bản Kiều Quốc ngữ in ra ở gian đoạn này đã có diện mạo và nội dung cao hơn hẳn so với đa số các bản Kiều Nôm của giai đoạn trước.

Nhưng phải sang giai đoạn 3, mới có một sự tiến lên thực sự cơ bản. Với việc đánh đuổi được chế độ thực dân, khôi phục lại được nền độc lập thống nhất cho đất nước, tiếng Việt nghiễm nhiên trở thành ngôn ngữ chính thức của Quốc gia; nền văn học viết bằng tiếng Việt nghiễm nhiên được coi là nền văn học chủ đạo - Và văn Việt, tiếng Việt đã trở thành những môn dạy quan trọng bậc nhất của ngành giáo dục, không những ở bậc phổ thông, mà cả ở bậc đại học và sau đại học. Nhiều khoa ngữ văn, nhiều viện, nhiều trung tâm nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam, văn học Việt Nam được thành lập. Không phải ngẫu nhiên mà đến giai đoạn này mới có Từ điển truyện Kiều, mới có nhiều chuyên luận có giá trị về truyện Kiều, mới có nhiều công trình duyệt lại cách đọc chữ Nôm trong truyện Kiều... Việc tìm hiểu sâu hơn về các khái niệm như bản Kinh, bản Phường, việc tìm cách phục nguyên lại nguyên tác của truyện Kiều, việc ấn hành lại các bản Kiều Nôm cổ để nghiên cứu v.v. đó cũng đều là những việc chỉ đến giai đoạn này mới đề ra được.

II. ĐÃ ĐẾN LÚC CẦN ĐIỀU TRA VỀ CÁC BẢN KIỀU THẾ KỶ 19.

Nhưng rõ ràng là đang có quá nhiều việc cần làm. Cụ Nguyễn Du đã trở thành danh nhân văn hóa của thế giới; Truyện Kiều đã trở thành một tác phẩm quốc tế quan tâm; một ngành khoa học mới – ngành Kiều học – đang hình thành. Muốn đáp ứng được tình hình mới đó của thời đại, thiết nghĩ cũng không thể nào không đặt ra vấn đề: phải cố gắng làm sao để có thể mở ra được những trang lịch sử mới cho truyện Kiều...

Theo ý chúng tôi, trước mắt có hai hướng cần nỗ lực: - Thứ nhất là phải gắng nỗ lực hiện đại hóa phương pháp nghiên cứu, tiếp thu cho được các thành tựu quốc tế về các ngành có liên quan: văn bản học, thi pháp học v.v. Và thứ 2 là phải tiến hành điều tra cơ bản về tất cả các bản Kiều đã có; có đủ tư liệu trong tay thì rồi muốn làm gì mới có thể làm được.

Với ý nghĩ như vậy, trong cuốn này chúng tôi sẽ xin cố gắng nêu lên những tư liệu và những suy nghĩ mà chúng tôi hiện có, sau khi sơ bộ tiến hành một đợt điều tra mở đầu về 9 bản Kiều thế kỷ 19, bao gồm 7 bản Nôm: Duy Minh Thị (DMT/1872, 1879), Liễu Văn Đường (LVĐ/1871), Quan Văn

Đường (QVĐ/1879), Thịnh Mĩ Đường (TMĐ/1879), VNB-60 (?), Lâm Nọa Phu (LNP/1870), Kiều Oánh Mậu (KOM/1902); một bản nửa Nôm nửa Quốc ngữ của Abel des Michels (ADM/1884) và một bản Quốc ngữ của Trương Vĩnh Kí (TVKI/1875, 1911).

Điều tra về 9 bản Kiều tức là phải khảo sát đến khoảng hơn 2 vạn 9 ngàn câu với khoảng 20 vạn 5 ngàn chữ. (3254 x 9 =29.286 câu, với 29.286 x (6+8/2) =205.002 chữ). Làm công việc đó ở tuổi già như chúng tôi, chắc chắn khó tránh khỏi sai sót. Vậy rất mong các nhà nghiên cứu trẻ tiếp tục làm thêm cho mấy việc như sau:

- Kiểm tra lại kết quả điều tra của chúng tôi, chữa lại những chỗ sai lầm;

- Tìm thêm những bản Kiều thế kỷ 19 mà chúng tôi hiện chưa có, để điều tra bổ sung;

- Điều tra tiếp về các bản Kiều Nôm in ra trong khoảng từ đời Thành Thái đến đời Bảo Đại;

- Và cuối cùng là điều tra về tất cả các bản Kiều Quốc ngữ quan trọng nhất mà giới biên khảo đã in ra trong thế kỷ 20.

*

Về truyện Kiều ai cũng thấy rõ là hiện đang có rất nhiều câu hỏi chưa được giải đáp một cách thật đến nơi đến chốn, ví dụ:

- Cụ Nguyễn Du hoàn thành bản phác thảo đầu tiên ở giai đoạn nào?

- Sau khi có bản phác thảo đầu tiên đó Cụ đã có quá trình chữa đi chữa lại như thế nào?

- Có bao nhiêu thế hệ bản sao đã phản ánh quá trình tự nhuận sắc đó của Cụ?

- Trung tâm phát đi các bản sao đó là vùng nào?

- Sau khi các bản sao được truyền đi, có những nhân tố nào đã tác động đến văn bản làm cho văn bản thay đổi?

- Tính cho đến cuối thế kỷ 19, đã có bao nhiêu chỗ bị thay đổi? Danh sách những thay đổi đó cụ thể là như thế nào? Trừ những chỗ đó ra thì còn lại bao nhiêu phần trăm vẫn giữ nguyên được từ tác phẩm của cụ Nguyễn Du?

- Mối quan hệ giữa các bản Kiều thế kỷ 19 là như thế nào? Đặc điểm của các bản ở miền Bắc, ở Huế và ở miền Nam là như thế nào? Các bản đó đã được biên tập vào những thời kỳ nào?

- Có thể phục nguyên lại những gì cụ Nguyễn Du đã viết ra hay không? Dựa vào những tiêu chí nào để làm công việc phục nguyên? Vân vân và vân vân...

Để trả lời những câu hỏi đó, trước nay con đường chủ yếu của chúng ta là đi tìm những gì còn lại trong các thư tịch cổ. Kết quả là tìm được chưa nhiều, như đã thấy. Vậy nay phải gắng mở thêm một hướng đi nữa: điều tra các bản Kiều với số lượng càng nhiều càng tốt; xuất phát từ những gì có bên trong các bản Kiều đó đối chiếu so sánh với phương pháp của ngành văn bản học để gợi lên những lời giải đáp.

Các bậc đàn anh như G.S. Hoàng Xuân Hãn, G.S. Đào Duy Anh, G.S. Trương Chính đã gợi ý rằng truyện Kiều được phác thảo đời Tây Sơn. Rất có thể là nhà thơ đã phác thảo thời kỳ Cụ về quê vợ ở, rồi sau đem bản thảo về Tiên Điền tiếp tục chữa đi chữa lại. Các vị nghiên cứu trên đây đã vận dụng nhiều tư liệu, trong đó có cả những cứ liệu rút ra từ bản thân các câu, các chữ trong Truyện Kiều: như dựa vào 2 chữ BỂ DÂU, dựa vào 4 chữ ĐÃ ĐAU ĐỚN LÒNG, hoặc dựa vào những câu như HÀNG THẦN LƠ LÁO PHẬN MÌNH RA ĐÂU v.v.

Tiếc rằng các vị chỉ mới nêu đôi ví dụ để minh họa chứ chưa vị nào cung cấp cho chúng ta đầy đủ mọi tư liệu mà các vị đã thu thập được. G.S. Hoàng Xuân Hãn cho biết đã soạn xong bản Kiều tầm nguyên sau gần nửa thế kỷ nghiên cứu, nhưng GS đã qua đời mà chưa biết đến bao giờ thì tác phẩm của GS mới ra mắt được bạn đọc. Vậy chỉ còn một cách là phải đi lại con đường các vị đã đi, làm lại tất cả những gì các vị đã làm, để có đủ các cứ liệu cần thiết.

a. Trước hết phải cố gắng thống kê, lên danh sách thật đầy đủ:

- Tất cả những trường hợp có một dị bản theo sát truyện Tàu của TTTN (Thanh Tâm Tài Nhân) nhưng về sau đổi khác đi.

- Tất cả các chỗ có vết tích các phương ngữ, mà chủ yếu là 3 phương ngữ Nghệ Tĩnh, Thừa Thiên - Huế và Nam Bộ.

- Tất cả các hiện tượng kị húy các đời: Kị húy bằng cách thay từ cũng như kị húy bằng cách thay cách viết;

- Tất cả các chỗ chép hoặc in sai hoặc có tự dạng đặc biệt mà được nhiều bản lặp đi lặp lại.

- Và cố nhiên, tất cả những chỗ mà các thế hệ biên tập đời sau đã đính ngoa hay nhuận sắc lại.

b. Tất cả các cứ liệu trên đây đều phải được khảo sát theo đúng yêu cầu của ngành văn bản học; chỉ lưu ý đến mặt văn chương như trước đây thường làm là chưa đủ.

c. Với hướng đi văn bản học các cứ liệu trên đây có thể giúp chúng ta soi sáng khá nhiều vấn đề, ví dụ:

- Trong việc tìm hiểu các bản sao, bản in của thế kỷ 19.

- Và trong việc cố gắng phục nguyên lại nguyên tác của Nguyễn Du.

Việc phục nguyên nguyên tác là một việc lớn, vì vậy chúng tôi xin dành trọn cả phần III để bàn đến vấn đề này. Còn việc tìm hiểu các bản sao, bản in của thế kỷ 19 thì sau đây chúng tôi sẽ xin giới thiệu ngay một vài điểm chính:

♦ Thứ nhất là xin giới thiệu về các nhân tố đã làm nảy sinh sự khác nhau giữa các truyền bản;

♦ Và thứ 2 là xin giới thiệu về quá trình phổ biến truyện Kiều ra các vùng.

III. VỀ CÁC NHÂN TỐ ĐÃ LÀM NẢY SINH SỰ KHÁC NHAU GIỮA CÁC BẢN KIỀU THẾ KỶ 19.

A. Nhân tố thứ nhất, sự tự nhuận sắc của bản thân tác giả.

Đối chiếu 9 bản Kiều thế kỉ 19 chúng tôi hiện có, chúng tôi thấy đã có đến khoảng gần 2 ngàn chỗ khác nhau về từ ngữ[1]. Ít nhất là có bốn lý do đã đưa đến điều đó:

- Sự chữa đi chữa lại của chính tác giả trong thời gian tác giả còn sống, tạo nên những bản sao trước sau không hoàn toàn giống nhau.

- Sự đính ngoa, nhuận sắc của các thế hệ biên tập đời sau.

- Sự kiêng húy do các lệnh của triều đình bắt buộc.

- Và sự sai sót phạm phải trong 3 khâu kỹ thuật: kỹ thuật sao chép, kỹ thuật khắc mộc bản, và kỹ thuật in chữ Quốc ngữ.

Trước hết xin nói về khả năng có thể có những bản thảo ít nhiều hơi khác nhau do chỗ chính tay tác giả đã tự chữa đi chữa lại (và về hậu quả: có thể có những bản sao ra ở những giai đoạn khác nhau, không hoàn toàn giống nhau về từ ngữ).

Hiện nay chúng ta không có các bản thảo đó. Từ năm 1922 Cụ Lê Thước đã đặt vấn đề tìm trong dòng họ Tiên Điền thử xem có còn bản nào lưu lại được tự tích tác giả không và Cụ cho biết kết quả là không. Thế nhưng, với kinh nghiệm của ngành văn bản học, vẫn có thể đoán ra được một số trường hợp chính tác giả lúc sinh thời đã tự nhuận sắc lại như thế. Đó phải là những

---

[1] Con số chính xác chúng tôi hiện có là 1962 chỗ.

trường hợp có được mấy điều kiện như sau:

- điều kiện thứ nhất là có thể xác lập được trình tự thời gian trước sau giữa các truyền bản;

- và điều kiện thứ hai là có thể chứng minh được cái lôgích tất yếu trong tư duy nghệ thuật của tác giả dẫn từ bản trước đến bản sau.

Sau đây xin nêu một vài trường hợp để minh họa.

Trường hợp A:

Chúng ta vốn có câu 2 với 3 dị bản

A_1 - *Trăm năm trong cõi người ta*
Chữ tình chữ khổ khéo là kết nhau

A_2 - *Trăm năm trong cõi người ta*
Chữ tài chữ sắc khéo là cợt nhau

A_3 - *Trăm năm trong cõi người ta*
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau

Câu số 3 hiện là câu được chấp nhận. Nó rất cổ vì đã có mặt ở hai bản 1870, 1871. Nhưng câu số 2 còn phải có trước vì nó được in ở bản DMT, theo một bản gốc đời Gia Long, biên tập khoảng 1803-1825, trước thời gian biên tập bản gốc 2 bản 1871 và 1870.

Truyền bản I là do chúng tôi phục nguyên, căn cứ những cứ liệu văn bản học, đã được trình bày trong cuốn "Tư liệu truyện Kiều bản DMT/1872". Truyền bản này hiện không còn, nhưng DMT đã từng có, vì lúc đầu ông đã cho khắc mộc bản theo như thế. Và chỉ đến khi có thêm được truyền bản 2, biết rằng Nguyễn Du đã chữa lại, thì DMT mới cho đục bỏ hai chữ TÌNH KHỔ và khắc hai chữ TÀI SẮC thay vào.

Đó là nói về trình tự thời gian trước sau giữa 3 truyền bản. Còn cái lô gích tất yếu dẫn từ truyền bản 1 đến truyền bản 2, truyền bản 3 thì như sau:

Chắc Nguyễn Du mở đầu bản phác thảo đầu tiên của mình là bằng hai câu trong truyền bản thứ nhất.

Trăm năm trong cõi người ta
Chữ tình chữ khổ khéo là kết nhau

Bởi vì đó chỉ là sự diễn Nôm câu đầu tiên của hồi đầu tiên trong bản nguyên tác bằng Hán văn: "Trong thiên này chữ TÌNH tuy chỉ một chữ nhưng là đại kinh, và chữ KHỔ tuy chỉ một chữ nhưng là đại vĩ".

Nhưng đi vào cụ thể, chuyện đau khổ trong tình trường là chuyện gì? Nếu không phải là chuyện trai tài, gái sắc gặp nhau, yêu nhau nhưng rồi

không được cùng nhau bách niên giai lão? Trời xanh cho họ gặp nhau chỉ là để đem họ ra mà giễu cợt! Chính TTTN đã cho Kiều nói ra điều đó, khi biết mình phải lìa bỏ Kim Trọng để đi theo Mã Giám Sinh: "Thật đáng thương cho đóa hoa thơm phải rơi xuống chốn bùn lầy. Trời hỡi trời, đã không cho tôi cái số tốt đẹp thì đừng cho gặp con người tài tử. Đã gặp con người tài tử, sao lại không cho kết mối lương duyên!".

Kiều gặp Kim Trọng, đúng là:

Người quốc sắc, kẻ thiên tài.

Nhưng trời xanh đã dựng lên cơn gia biến để làm khổ Kiều trong mối tình đầu này. Rồi Kiều gặp Thúc sinh. Theo lời ông quan phủ đường, đây cũng là trường hợp:

Thực là tài tử giai nhân
Châu Trần còn có Châu Trần nào hơn

Nhưng trời xanh lại dựng lên cái hiểm họa:

Phải tay vợ cả phũ phàng
Bắt về Vô Tích tìm đường bẻ hoa

Đến nỗi Kiều phải đang đêm bỏ trốn:

Cất mình qua ngọn tường hoa
Lần đường theo bóng trăng tà về tây

Nhưng chưa hết. Sau lần trốn đi này, Kiều lại gặp người đàn ông thứ ba: Từ Hải. Lại cũng đúng là một trường hợp trai tài gái sắc nữa, đúng như lời Thúc sinh kể:

Gặp nàng ngày ở Châu Thai
Lạ gì quốc sắc thiên tài phải duyên

Nhưng trời xanh lại cho họ gặp nhau để giễu cợt họ. Họ bị Hồ Tôn Hiến lừa gạt, Từ Hải bị chết đứng, Kiều bị "ép duyên thổ tù", phải tự đi đến sự kết thúc bi thảm.

Sông Tiền Đường đó, ấy mồ hồng nhan...

Cụ Nguyễn Du là một nhà thơ. Rất có thể, càng về sau càng đi sâu vào câu chuyện, tâm hồn nhà thơ càng bị những cái cụ thể lôi cuốn. Tình tiết ba lần trai tài gái sắc lỡ duyên có lẽ đã làm Cụ xúc động nhiều hơn là cái câu trừu tượng "TÌNH là đại kinh, KHỔ là đại vĩ" nên Cụ cụ thể hóa thành câu của truyền bản 2:

Trăm năm trong cõi người ta
Chữ tài chữ sắc khéo là cợt nhau

Nhưng từ truyền bản 1 đến truyền bản 2, Nguyễn Du đang vẫn theo sát nguyên tác bằng Hán văn. Chỉ ở bước từ truyền bản 2 sang truyền bản 3 (tức truyền bản cuối cùng, hiện phổ biến) ta mới thấy Nguyễn Du tách ra đi theo một hướng riêng. Như mọi người đều biết, Thúy Kiều là một nhân vật tài sắc vẹn toàn. Trong *Đoạn trường tân thanh* có đến 7 câu nói đến điều đó (7 câu nói đến cả tài cả sắc Thúy Kiều là các câu số 24, 28, 639, 985, 1456, 2640 và 2891) - Như vậy số phận long đong của Kiều, xưa có thể nói đó là số phận của một người đẹp, bị:

Trời xanh quen với má hồng đánh ghen

Mà cũng có thể nói đó là số phận của một người tài, bị:

Chữ tài liền với chữ tai một vần!

Trong truyện Tàu, cả tác giả, cả người bình luận đều nghiêng về hướng "hồng nhan bạc mệnh". Trong bài từ của mình, Thánh Thán (tức / hay Quán Hoa Đường) viết:

Xưa nay sắc nước thêm người ghét
Đành để ông xanh giết đã sao

Ở đoạn tiếp đó, Thánh Thán dẫn Chiêu Quân, dẫn Dương Quý Phi, dẫn Tây Thi, dẫn Điêu Thuyền v.v. cũng chỉ là để minh họa cho rõ thêm cái kết luận của ông sau khi viết bài từ: "Khúc từ *Nguyệt nhi cao* trên đây chỉ thở than riêng cho số phận giai nhân đeo mệnh bạc, hồng phấn gặp sự không may, sinh ra có sắc đẹp, đã không gặp được cái vinh sống ở nhà vàng, trở lại bị nỗi khổ phũ phàng hắt hủi". Không phải ông không nghĩ đến chuyện "có được một chút tài tình, lại phải gánh thêm một phần nghiệp chướng", nhưng dẫn điển tích xưa, ông vẫn có thiên hướng nhấn mạnh luận điểm "hồng nhan bạch mệnh". Ông viết "Thử xem từ xưa đến nay, những bậc giai nhân đệ nhất, ít thấy trên đời, phỏng có mấy ai đã thoát khỏi được vòng tai hại".

Ở *Đoạn trường tân thanh* thì lại có khuynh hướng ngược lại. Thúy Kiều tài sắc vẹn toàn, nhưng Nguyễn Du nhấn mạnh cái tài hơn là cái sắc. Ở phần giới thiệu mở đầu, trong 12 câu nói về Kiều, trừ những câu chuyển tiếp, ta thấy chỉ có 2 câu miêu tả cái đẹp của dung nhan, trong lúc có đến 6 câu nói đến sự thông minh, nói đến các tài năng của nàng: tài thư pháp, tài hội họa, tài làm thơ và nhất là cái tài về âm nhạc. Trong suốt cuốn truyện cũng vậy, số lượng câu nói đến cái sắc ít hơn (chỉ bằng 2/3) số lượng câu nói đến cái tài của Kiều[1] Nguyễn Du cho người tướng sĩ đoán trước tài hoa của Kiều sẽ

---

[1] Chỉ nói về *sắc* ở câu 163, 825, 1065, 1271, 1452, 2922; chỉ nói về *tài* ở các câu 405, 416, 1469, 1871, 1849, 1900, 1904,1990 và 2154 - Tất nhiên, đây là các câu nói về *tài, sắc* Thúy Kiều, chứ không phải nói về các nhân vật khác.

dẫn đến đâu:

Anh hoa phát tiết ra ngoài
Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa

Và Nguyễn Du cũng cho Kiều tự than trách về cái tài của nàng:

Nghĩ đời mà ngán cho đời
Tài tình chi lắm cho trời đất ghen

Tất nhiên những điều đó sẽ dẫn Nguyễn Du đi đến kết thúc câu chuyện với thuyết tài mệnh tương đố, thay vì thuyết hồng nhan bạc phận. Phải chăng vì Nguyễn Du cũng là người có tài, nên Nguyễn Du cảm nhận sự cay nghiệt của cuộc đời đối với người có tài nhiều hơn? Tất nhiên khi tác phẩm đã kết thúc bằng thuyết tài mệnh tương đố, thì hai câu mở đầu cũng phải đổi theo. Hai câu truyền bản 3:

Trăm năm trong cõi người ta
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau

rõ ràng là hai câu cuối cùng Nguyễn Du đã giữ lại trong quá trình tự nhuận sắc của mình.

Về ba trường hợp B,C,D

Sau khi đã trình bày khá tỉ mỉ về cách phỏng đoán một trường hợp rắc rối như trên, sau đây chúng tôi sẽ xin điểm thêm, một cách ngắn gọn hơn, về vài trường hợp nữa. Đó là về ba câu:

B/2 - 930 : Trên treo một tượng trắng đôi lông mày.

C/2 - 2008 : Mà chàng Thúc phải ra người bó tay.

D/2 - 1060 : Trông nàng chàng cũng ra tình đeo đai.

Ba câu này, ở các bản phác thảo đầu tiên, Nguyễn Du đã diễn âm theo sát Thanh Tâm Tài Nhân.

B/1 - 930 : Treo tranh Quan Thánh trắng đôi lông mày.

C/1 - 2008 : Mà chàng THÚC THỦ ra người bó tay.

D/1 - 1060 : Trông chàng nàng cũng ra tình đeo đai.

Chúng tôi đoán rằng đây cũng đúng là 3 trường hợp chính tay Nguyễn Du đã tự chữa lại như hiện thấy. Vì từ câu phác thảo đến cậu đã tự nhuận sắc lại chúng ta thấy rõ ràng là đã có một sự diễn tiến rất lô gích trong tư duy nghệ thuật của tác giả.

a. Quan Thánh đế quân là một nhân vật thần thoại được kính nể ở cả Trung Quốc, ở cả Việt Nam. Khi tả bàn thờ ở chốn lầu xanh, TTTN chỉ dám

nêu lên một sự so sánh, khi mới nhìn thoáng qua: "*Xa xa* thấy trên bàn thờ đã bày nhiều hoa quả, trên treo bức tượng *giống như* Quan thánh đế quân, *nhìn kỹ* thì ra vị thần này gọi là vị thần Mày trắng". Ở đoạn phác thảo của Nguyễn Du, hiện in ở bản Duy Minh Thị, ta thấy viết:

Bên thì mấy ả mày ngài
Bên thì ngồi bốn năm người làng chơi
Giữa thì hương nến hẳn hoi
Treo tranh Quan Thánh trắng đôi lông mày

Ở đây thì rõ ràng là một sự khẳng định chứ không phải là một sự so sánh, và không có từ ngữ nào phản ánh sự thay đổi ấn tượng từ khi "nhìn thoáng từ xa" cho đến khi "nhìn kỹ". Thành thử nếu có ai phản ứng trước sự bất kính đối với Quan Thánh đế quân, thì chính cụ Nguyễn Du sẽ bị phản ứng chứ không phải TTTN. Do lẽ đó, phải đổi cho phù hợp với tín ngưỡng của những người đọc: Nguyễn Du đã bỏ hẳn cái tên riêng Quan Thánh và thay bằng "một tượng". Hơn nữa, nếu trước kia "tranh Quan Thánh trắng đôi lông mày" được treo ở giữa, cùng một vị trí với "hương nến", và còn sắp thứ tự sau "hương nến" thì sau khi đã chữa lại, ngay bức tượng không còn liên quan gì đến Quan Thánh nữa, cũng đã được đặt vào một vị trí trang trọng hơn; vì dầu sao đó cũng là một vị thần - vị thần riêng của chốn lầu xanh. Với việc bỏ tên Quan Thánh và với việc chuyển từ 3 vị trí (bên thì, bên thì, giữa thì) thành 4 vị trí (bên thì, bên thì, giữa thì và trên), đoạn thơ không còn tí gì là bất kính nữa. Thậm chí nó còn phù hợp với tín ngưỡng dân gian hơn cả đoạn miêu tả trong nguyên tác.

b. Ở câu 2008 ta cũng có thể nghĩ là Nguyễn Du đã có sự tự nhuận sắc lại. Đúng là trong bản DMT/1872 hiện có 2 chữ "thúc thủ" - Có thể hiểu hai cách.

C/1-A. Mà chàng THÚC THỦ ra người bó tay.

C/1-B. Mà Chàng thúc thủ ra người bó tay.

Chúng tôi phỏng đoán rằng lúc ban đầu, khi đang sơ thảo bản Nôm, cụ Nguyễn Du đang nhớ theo nguyên tác Hán văn nên viết ra câu A. Về cú pháp, đó là một câu rất đơn giản, mà lại có tí chút kỹ xảo chơi chữ: trong khối chủ ngữ "chàng THÚC THỦ" đã có cái ý là "anh chàng bó tay" nêu ở khối vị ngữ. Nhưng chắc không lâu sau, nghĩ lại, Nguyễn Du thấy trong truyện Thúc sinh không được giới thiệu đầy đủ họ tên như Kim Trọng, như Từ Hải, mà mới chỉ nêu tự, nêu họ:

Khách du bỗng có một người
Kỳ Tâm, họ Thúc, cũng nòi thư hương

Vậy thì phải xóa bỏ cái tên THÚC THỦ, và chuyển sang cách hiểu B:

Mà Chàng thúc thủ ra người bó tay

Trong cách hiểu này, Chàng trở thành chủ ngữ, "thúc thủ" trở thành một kết cấu động từ + bổ ngữ đứng làm vị ngữ thứ nhất trong câu có 2 vị ngữ. Chuyện có ý nghĩa giống nhau giữa 2 khối vị ngữ có thể xem như một cách nói láy lại để nhấn mạnh. Nhưng rồi về sau lại có thể có ý nghĩ cho rằng như vậy vẫn là trùng lặp nên phải chuyển sang cách đặt câu khác:

Mà chàng Thúc phải ra người bó tay

hoặc: *Mà chàng Thúc cũng ra người bó tay*

Chữ "phải" hiện thấy ở các bản LNP/1870, LVĐ/1871, QVĐ/1879 và TMĐ/1879 cũng như ở hai bản VNB-60 và bản KOM/1902; chữ "cũng" thì lại thấy ở hai bản miền Nam là TVKI (1875) và bản A.D Michels (1884).

Trong tập hồ sơ trước đây chúng tôi đang băn khoăn không biết Nguyễn Du đã đến giai đoạn nào trong quá trình tự nhuận sắc của mình. Nay thì chúng tôi tin rằng:

1. Nguyễn Du đã tự chữa, chứ không phải người khác chữa.

2. Và Nguyễn Du đã thay "THỦ/thủ" bằng "phải". Sở dĩ chúng tôi tin như vậy là vì việc thay "THỦ/thủ" bằng "phải" phải là sản phẩm của cả một quá trình suy nghĩ sâu sắc về nghệ thuật: về sự diễn biến tình tiết trong cả đoạn, về sự diễn biến tâm lý của nhân vật Kiều; mà chỉ có tác giả mới làm được chuyện đó. Quả vậy, thay "THỦ/thủ" bằng "phải", tức là:

- Bỏ bớt được một kĩ xảo chơi chữ (thúc thủ = bó tay), bỏ bớt được một chi tiết bất hợp lí (không có tên Thúc Thủ!)

- Và nhấn mạnh thêm được cái bất lực của Thúc Sinh – trước Hoạn Thư. Nhấn mạnh điều này là rất ăn khớp với sự đánh giá cuối cùng của Kiều về họ Thúc. Khi thấy Thúc Sinh tìm cách ra gặp được mình, Kiều còn cầu xin:

Liệu mà mở cửa cho ra
Ấy là tình nặng, ấy là ơn sâu

Cầu xin Thúc Sinh giải thoát có nghĩa là còn tin rằng Thúc Sinh đang có một tí khả năng nào đó. Nhưng đến khi nghe Thúc Sinh khuyên Kiều phải tự tổ chức việc bỏ trốn:

Liệu mà cao chạy xa bay
Ái ân ta có ngần này mà thôi

thì chắc Kiều không còn hy vọng gì nữa. Nhưng Kiều chưa có gì sợ hãi. Phải đến khi biết Hoạn Thư đã rình nghe tất cả, đã bắt được quả tang mà vẫn

"cười cười nói nói ngọt ngào" thì Kiều mới cảm thấy khiếp quá, trước cái nham hiểm của bà vợ cả này:

Nghe thôi kinh hãi xiết đâu

Đàn bà dường ấy thấy âu một người

Ấy mới gan, ấy mới tài

Nghĩ càng thêm nghĩ sởn gai rụng rời

Mà Hoạn Thư đã thế thì Thúc Sinh nhất định phải là người hoàn toàn bất lực, hoàn toàn bị trói buộc, không còn cựa quậy gì được nữa, phải chịu thua thôi:

Người đâu sâu sắc nước đời

Mà chàng Thúc phải ra người bó tay

Rõ ràng có đổi "THỦ/thủ" thành "phải" thì mới phản ánh sát đúng sự diễn biến trong tâm tư, trong suy nghĩ của Kiều. Và mới hiểu được vì sao ngay sau đó Kiều đi đến quyết định:

Thân ta ta phải lo âu

Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này!

c. Đoạn Thúy Kiều mới nghe Sở Khanh "họa vần", mới thấy Sở Khanh cũng mạch thư hương thì tác giả Thanh Tâm Tài Nhân cho nàng có ý nghĩ: "nếu chàng này có thể cứu thoát ta thì dù ta theo chàng đi nữa, cũng là may mắn!" Bởi vậy đoạn sau đó tác giả viết tiếp: "Thúy Kiều bỗng lại nghe tiếng Sở Khanh ngâm nga ở bên kia lầu, *liền tựa cửa sổ, ghé mắt trông kỹ*". Chi tiết cuối cùng này, lúc đầu Nguyễn Du cũng cứ thế mà diễn âm theo:

Bóng nga thấp thoáng dưới mành

Trông chàng, nàng cũng ra tình đeo đai

Nhưng chắc khi vào Huế, Nguyễn Du đã đảo lại trình tự giữa hai chữ *chàng, nàng*, chuyển Sở Khanh thành người chủ động:

Trông nàng, chàng cũng ra tình đeo đai

Vì sao chúng tôi đoán chữa ở Huế? Là vì có 2 lẽ:

- Bản sớm nhất có câu 1064 đã chữa lại như hiện thấy là bản cụ Lâm Nọa Phu chép năm 1870; chép ở Huế và chép theo một truyền bản có ở Huế.

- Một bản nữa, in chậm hơn, cũng có câu 1064 đã chữa lại là bản Kiều Oánh Mậu: nhưng bản này lại cũng là một bản có nguồn gốc ở Huế.

Còn sở dĩ chúng tôi cho rằng Nguyễn Du tự chữa, chứ không phải người khác chữa là vì:

- Đọc cả đoạn 8 câu 1057-1064, không có gì quá kì dị đập vào mắt nên cả ở Bắc, cả ở Nam không ai thấy cần phải chữa: những người biên tập có học vấn uyên bác như Duy Minh Thị, Trương Vĩnh Kí đều chấp nhận; vậy chắc ở Huế cũng không có ai để ý và nhuận sắc lại đâu.

- Nhưng cụ Nguyễn Du thì khác: ở cả đoạn dài Kiều gặp Sở Khanh, theo Sở Khanh đi trốn và bị bắt trở lại, rồi bị Sở Khanh quát mắng... Thanh Tâm Tài Nhân đưa ra nhiều chi tiết bất lợi cho Kiều, như quá tin Sở Khanh, đằng hắng báo hiệu cho Sở Khanh leo thang vào phòng mình, mừng rỡ sụp lạy, tha thiết xin Sở Khanh ra tay cứu thoát, rồi khi Sở Khanh gạ gẫm thì cũng "muốn lấy lòng" đồng ý cho hắn cùng ăn nằm. Cụ Nguyễn Du là người bênh vực Kiều và rất ghét Sở Khanh, cho nên Cụ không thích những chi tiết đó. Và dần dần cụ lược bỏ những cái có hại cho uy tín Kiều, cũng như dần dần thay đổi từ ngữ để vạch mặt Sở Khanh. Thay vì "mừng rỡ" của Thanh Tâm Tài Nhân, cụ viết thái độ của Kiều là:

Sượng sùng đánh dạn ra chào (câu 1059)

Và khi Sở Khanh đến thị uy, thay vì sự đón chào của Tú Bà và thay vì sự ngây thơ của Thuý Kiều "tưởng hắn đến để phân trần phải trái cho mình nên cứ cúi đầu lẳng lặng ngồi yên", Cụ hạ ngay 2 câu 1169 và 1170:

Còn đương suy nghĩ trước sau

Mặt mo đã thấy ở đâu dẫn vào

Chỉ có người - như dưới đây sẽ thấy rõ thêm – đã kinh qua cả một quá trình biên tập lại như vậy và có tinh thần biên tập như vậy thì mới dễ phát hiện ra được cái còn chưa ổn trong 4 chữ TRÔNG CHÀNG, NÀNG CŨNG của câu 1064 và tìm ra ngay cách đảo lại để chữa nốt câu này.



Ở 4 trường hợp trên đây, chúng tôi khá chắc là chính cụ Nguyễn Du đã cân nhắc và tự mình chữa đi chữa lại bản phác thảo đầu tay của mình. Sau đây là một số trường hợp nữa, chúng tôi cũng phỏng đoán theo phương hướng đó, nhưng đang còn tí chút băn khoăn, muốn đưa ra để bạn đọc cho ý kiến:

a. Như đã nói, đoạn Kiều mới gặp Sở Khanh, TTTN đưa ra nhiều chi tiết rất bất lợi cho Kiều. Nhưng Cụ dần dần thay lại hết. Xin so sánh từ câu 1094 đến 1097:

1. 1/a Đẩy song đã thấy Sở Khanh BƯỚC vào

1/b Đẩy song đã thấy Sở Khanh LÊN vào

2. 2/a *LẠY thôi nàng mới rỉ trao ân cần*

2/b *ĐOẠN thôi nàng mới rỉ trao ân cần*

3. 3/a *Rằng tôi bèo BỌT CHÚT thân*

3/b *Rằng tôi bèo NƯỚC XÓT thân*

Rõ ràng thay BƯỚC bằng LẺN là hạ bệ cái uy tín của Sở Khanh; thay LẠY bằng ĐOẠN là nâng cao hơn cái tư thế của Kiều và thay BÈO BỌT CHÚT THÂN bằng BÈO NƯỚC XÓT THÂN là không để cho Kiều tự hạ mình quá. Nhìn một cách nhất quán thì chỉ có cụ Nguyễn Du mới đúng là người có thái độ ghét Sở Khanh và bênh vực Kiều như thế. Có thể tin rằng chính Cụ đã gạt bỏ những gì vốn có ở truyện Tàu để thay vào những cách diễn đạt mới. Nhưng điều đó Cụ không làm được ngay khi mới bắt đầu diễn Nôm, mà làm về sau, hơn nữa cũng làm dần dần ít nhất là hai đợt.

Chuyện Cụ không làm được ngay từ đầu thể hiện rõ ở chỗ là đã có những bản sao ra còn giữ nguyên các chi tiết của TTTN, những bản sao đó hiện lưu lại dấu vết ở ba bản LNP, KOM và TVK.

Chuyện Cụ ít nhất đã chữa hai đợt lại thể hiện ở chỗ là trong bản gốc 4 bản miền Bắc (LVĐ, QVĐ, TMĐ và VNB-60) việc sửa chữa chỉ tiến hành được một nửa (BƯỚC > LẺN, CHÚT THÂN > XÓT THÂN), còn nửa kia lại phải đọc bản gốc bản DMT/1872 mới thấy được sự thực hiện (LẠY >ĐOẠN và BÈO BỌT > BÈO NƯỚC).

Chúng tôi sở dĩ cho rằng cụ Nguyễn Du đã có quá trình chữa đi chữa lại để tự nhuận sắc là vì thế.

Nhưng cũng có thể có người đưa ra giả thuyết ngược lại. Đó là giả thuyết mấy ông bạn đã phản bác chúng tôi với lập luận:

1. LẺN, ĐOẠN, BÈO NƯỚC XÓT THÂN mới là những dạng cổ; còn BƯỚC, LẠY, BÈO BỌT CHÚT THÂN mới là những dạng xuất hiện về sau.

2. Sự sửa chữa LẺN thành BƯỚC, ĐOẠN thành LẠY, BÈO NƯỚC XÓT THÂN thành BÈO BỌT CHÚT THÂN chính là sự nhuận sắc của các thế hệ biên tập về sau;

3. Và cơ sở của giả thuyết này là: các dạng cổ thì có ở các bản có nguồn gốc cổ, các dạng mới thì có ở các bản biên tập về sau.

Đúng là rất logich! Giả thuyết của chúng tôi đưa ra có vẻ rắc rối hơn: ở bản biên tập đời Gia Long thì đã có các dạng mới, ở các bản biên tập chậm hơn thì đang còn giữ các dạng cổ! Nhưng xin thưa: đó là những cái rắc rối của lịch sử – vì lịch sử luôn luôn phức tạp, mà nhiều ngành khoa học đã ghi nhận và đã có giải thích. Chẳng hạn ở ngành ngôn ngữ học người ta đã chia

các phương ngữ thành phương ngữ cực cổ (như vùng khu 4 của Việt Nam), phương ngữ tương đối cổ (như vùng Nam Trung Bộ và Nam Bộ) và vùng phương ngữ mới (như vùng Bắc Bộ). Nói chung phương ngữ cổ thì giữ nhiều nét cổ, phương ngữ mới thì có nhiều cái mới, nhưng lệ ngoại bao giờ cũng có. Ai cũng biết trong tiếng Việt đã có hiện tượng xát hóa: B>V, Đ>D, CH>GI, K>G. Nói chung vùng khu 4 giữ rất nhiều B, Đ, CH, K trong khi miền Bắc đã chuyển thành V, D, GI, G. Ví dụ: BUA>VUA, ĐA THỊT> DA THỊT, CÁI CHỜNG>CÁI GIƯỜNG, CON CẤY>CON GÁI. Nhưng ở các trường hợp sau đây thì lại ngược hẳn thế: trong khi các lối nói THỊT BĂM, CÂY ĐA, DÂY CHÙNG, ĐẤT CÁT đang còn được bảo lưu ở tiếng Hà Nội với B, Đ, CH, K/C thì vùng khu 4 lại đã từ lâu chọn hẳn cách diễn đạt với V, D, GI/D, G: VĂM RAU LỢN, CƠN DA, DÂY CÒN (GIÙNG>) DÙNG LẮM, ĐẤT GÁT! (Xin xem Trần Hữu Thung, Thái Kim Đỉnh - Từ điển tiếng Nghệ - Nhà xuất bản Nghệ An, 1997).

Chuyện cụ Nguyễn Du đã phác thảo theo sát TTTN rồi sau đó có 2 lần chữa lại, theo ý chúng tôi, cũng có thể chấp nhận được. Và chuyện các bản Huế giữ nguyên theo phác thảo, các bản Bắc in theo lần chữa này, bản DMT/1872 in theo lần chữa nọ, đó cũng là chuyện không có gì đáng lấy làm lạ!

Một nhân vật nữa cụ Nguyễn Du cũng không có thiện cảm lắm là Hồ Tôn Hiến. Trước nhân vật này Cụ cũng không muốn để Kiều tự hạ mình quá. Cho nên ở 2 câu 2587, 2588 chúng tôi cũng phỏng đoán là Cụ vốn phác thảo theo TTTN:

Rộng THƯƠNG còn mảnh hồng quần
Hơi tàn được thấy gốc phần là may

Nhưng rồi sau Cụ chữa lại thành:

Rộng CHO còn mảnh hồng quần
Hơi tàn được thấy gốc phần là may

Cụ xóa bỏ việc xin Hồ Tôn Hiến "thương hại", thay THƯƠNG bằng CHO, cũng như đã từng dùng XIN CHO ở hai câu 2561, 2562 trước đó:

XIN CHO thiển thổ một doi
Gọi là đắp để cho người tử sinh[1]

*

Nếu những điều phỏng đoán về 4 câu A, B, C, D trên đây là đúng thì hóa ra các bản Kiều hiện biết đều không phải là cùng xuất phát từ một nguồn

---

[1] Ở truyện Tàu, TTTN cho Kiều nói năng mềm mỏng, nhún nhường hơn.

gốc chung: nghĩa là từ cùng một bản thảo duy nhất cụ Nguyễn Du cho truyền đi sau khi Cụ đã sửa chữa một cách hoàn mỹ. Căn cứ những gì chúng ta hiện có, có thể ngờ rằng trong quá trình chữa đi chữa lại bản thảo, ít nhất Cụ cũng đã cho người ta lần lượt chép ra 4 bản sao ít nhiều có chỗ khác nhau.

- Một bản rất xưa, khi 2 câu mở đầu còn đang được phác thảo là A/1. Bản này hiện không còn, nhưng DMT đã từng dựa vào một bản sao của nó, khi mới bắt đầu cho khắc bộ ván in năm 1872. Ở Huế, ở Bắc vốn cũng có.

- Sau đó có một bản đã chữa A/1 thành A/2 nhưng ở câu 930 còn B/1 và ở câu 2008 còn C/1. Bản này sau được biên tập lại vào khoảng 1803-1825 và trở thành bản gốc của bản DMT/1872.

- Rồi đến một bản chữa thêm 3 chỗ nữa (A/2>A/3; B/1>B2; C1>C2) nhưng vẫn còn để D/1 ở câu 1064. Bản sao này sau cũng được biên tập lại khoảng 1836-1840, và trở thành bản gốc bản LVĐ/1871.

- Và cuối cùng là một bản đã chữa nốt cả D/1 thành D/2 ở câu 1064. Bản này sau có một bản sao ở Huế mà cụ LNP đã chép lại năm 1870.

Còn nếu sự phỏng đoán của chúng tôi về đoạn Kiều gặp Sở Khanh, Kiều gặp Hồ Tôn Hiến cũng đúng thì lại phải chấp nhận rằng còn có thêm một bản sao cổ nữa, chép trước hay sau bản số 1 trên đây.

Hiện nay chúng ta không còn bản thảo nào có tự tích của cụ Nguyễn Du nữa, thật là một điều đáng tiếc. Nhưng với cứ liệu các bản Kiều thế kỷ 19 hiện có, nhất là cứ liệu do bản DMT cung cấp, sau khi sơ bộ so sánh, chúng ta cũng đã có thể phỏng đoán được 4, 5 bản sao cổ như trên. Cần phải chịu khó tiếp tục nghiên cứu tỉ mỉ hơn nữa. Biết đâu có ngày chúng ta sẽ còn có thể đi đến hình dung được một cách đầy đủ hơn nữa toàn bộ quá trình sáng tác và tự nhuận sắc của Cụ: từ bản phác thảo đầu tiên cho đến lần cụ sửa chữa cuối cùng, trước khi Cụ qua đời.

B. Những sự thay đổi từ ngữ do các thế hệ biên tập đời sau đưa lại

Trong truyền thống xưa, người đọc, người biên tập thường tự ban cho mình một cái quyền rất lớn: đọc văn bản cổ thấy chỗ nghi sai là chữa lại để "đính ngoa", thấy chỗ chưa thật vừa ý là "nhuận sắc" lại cho hay hơn.

Theo ý chúng tôi, đính ngoa các văn bản cổ là một công tác rất cần. Đọc bản DMT chúng tôi đã phát hiện ra không biết bao nhiêu là chỗ sai lầm: những sai lầm làm mất nghĩa, những sai lầm làm mất vần. Cứ để thế mà phiên ra thì không còn là một văn bản nữa, đâu dám nói là văn bản truyện Kiều! Đính ngoa, nếu làm đúng, chính là tôn trọng nguyên tác, vì đính ngoa chính xác là trừ bỏ được những yếu tố "ngoài văn bản", không thuộc văn bản, để phục hồi lại đúng diện mạo văn bản của tác giả. May rằng đại đa số

những chỗ sai lầm trong bản Duy Minh Thị đều được đời sau đính ngoa rất chính xác, và các bản hiện nay đã thừa hưởng được những thành tựu đó. Ví dụ:

Hoa tính thua thắm → *Hoa ghen thua thắm*

Bồng lai cách mấy nắng mưa → *Sân Lai*

Tuyết nhường màu lưng → *Tuyết nhường màu da*

Tiếc rằng có những trường hợp đính ngoa rất đúng mà không được đời sau ủng hộ theo. Và cũng tiếc rằng không ít trường hợp nguyên bản vốn đúng, người biên tập tưởng là sai, rồi đính ngoa, làm cho văn bản đổi khác.

Ví dụ về trường hợp đính ngoa đúng mà không được đời sau theo: ở câu 36, ta thấy bản DMT/1872 khắc in: *Xuân xanh xấp xỉ lên tuần cập kê*.

Xét về mặt ngôn ngữ, dùng LÊN không có gì là sai: Trong tiếng Việt có thể nói LÊN BA, LÊN NĂM, LÊN SÁU MƯƠI, LÊN BÁT TUẦN... Nhưng chắc sai, nếu so với nguyên tác. Nguyễn Du diễn Nôm theo truyện Tàu: trong bản gốc bằng Hán văn, TTTN cho biết tuổi tác của các nhân vật chính là như sau:

- Chị em Thúy Kiều: tuổi đều đang độ thanh xuân.

- Kim Trọng: tuổi trạc đôi mươi.

Nếu hiểu là "lên tuần cập kê" thì Thúy Kiều 15 tuổi, Thúy Vân 14 tuổi, Vương Quan 13 tuổi. Đó là điều không hợp lý về nhiều mặt:

♦ Không hợp với nội dung "đang độ thanh xuân" của nguyên tác.

♦ Không hợp với cách cư xử của Thúy Kiều.

♦ Không hợp với tình bạn giữa Vương Quan và Kim Trọng. Chỉ xem cách Kim Trọng gọi Vương Quan ở TTTN là "Anh Hải Vọng", là "tôn huynh" thì đủ rõ Vương Quan không thể là một cậu bé 13 tuổi!

Vì thấy thế, bản A.D.Michels đã đính ngoa lại:

Phong lưu rất mực hồng quần

Xuân xanh xấp xỉ TRÊN tuần cập kê

Đính ngoa lại như thế, thì Thúy Kiều sẽ vào khoảng 18,19; Thúy Vân sẽ vào khoảng 17,18, và Vương Quan sẽ vào khoảng 16, 17: có vẻ hợp lý hơn nhiều. Một cô gái 18, 19 thì mới dám sang nhà người yêu bàn đến đại sự cả cuộc đời; dám quyết định việc tự bán mình để chuộc cha. Một cậu thanh niên 16, 17 thì mới có thể chơi thân với một người tuổi đôi mươi như Kim Trọng.

TRÊN và LÊN tự dạng rất gần nhau nên dễ khắc nhầm. Khi A.D.Michels chuẩn bị cho ra bản Kiều 1884 của mình, chắc ông đã được Duy Minh Thị

báo cho biết chuyện khắc nhầm này, cũng như ông đã được Trương Vĩnh Kí, Trần Ngươn Hanh giúp cho trong nhiều việc khác. Vì vậy ở cả bản Nôm, bản Quốc ngữ A.D.Michels đều đính ngoa LÊN của bản Duy Minh Thị thành TRÊN. Tiếc rằng bản ADM in ở Paris, ít ai biết nên không ai theo.

Ví dụ về trường hợp nguyên tác đúng, người biên tập tưởng sai, đính ngoa và làm cho văn bản đổi khác. Hai câu 229 và 230 ở văn bản 1803-1825 được các bản DMT/1872, 1879 đem khắc in là:

Ngay ngày chơi mả Đạm Tiên

Nhắp đi thoắt thấy ứng liền chiêm bao

Nhưng khổ nỗi bản gốc là một bản do người Nghệ Tĩnh ghi Nôm, nên chữ *Ngay* chép thành chữ có thể đọc là *Ngày*. Điều này cũng dễ hiểu: ở vùng quê hương Nguyễn Du, *ngày* thường nói thành *ngay*, ví dụ:

- Nó đi chơi 2 ngay chưa về (= 2 ngày)

- Giỗ ngay mô? (= giỗ ngày nào?)

Chuyện đọc mất dấu huyền NGÀY thành NGAY là chuyện có quy luật lịch sử, so sánh với VÀO//VÔ; GÌ//CHI; CON GÀ// CON GA; VỪA VỪA THÔI// VƯA VƯA THÔI v.v. Nhưng nhiều người không biết điều đó nên đọc thành:

Ngày ngày chơi mả Đạm Tiên

Và cho là sai, vì Kiều mới đến chơi một lần! Ngay chúng tôi là người Nghệ Tĩnh mà trước đây cũng quên và cũng cho là bản DMT khắc sai - Đã sai thì phải đính ngoa: và tất cả mọi bản đều chấp nhận sự đính ngoa thành:

Buổi ngày chơi mả Đạm Tiên

Nhắp đi thoắt thấy ứng liền chiêm bao

Đổi NGAY (viết như NGÀY) thành BUỔI thì cũng có cái lý là 2 bên tự dạng có phần nào giống nhau. Nhưng xét về mặt đính ngoa thì đó là phạm liên tiếp 2 điều sai:

- Điều sai thứ nhất là bản thân đọc sai rồi tưởng nguyên tác viết sai.

- Và điều sai thứ hai là đưa ra một đề nghị hết sức gượng ép về mặt ngôn ngữ. Trong tiếng Việt, trước chữ NGÀY, chữ ĐÊM thường phải dùng chữ BAN chứ không dùng chữ BUỔI. BUỔI chỉ một khoảng thời gian tương đối ngắn nên chỉ dùng được ở những cách nói như BUỔI SÁNG, BUỔI TRƯA, BUỔI CHIỀU, BUỔI TỐI. Nếu dùng BUỔI trước NGÀY hay ĐÊM thì đó là cách nói tắt, ví dụ:

Phim này, Chủ nhật sẽ chiếu 2 buổi: BUỔI NGÀY bắt đầu lúc 9 giờ sáng và BUỔI ĐÊM bắt đầu lúc 8 giờ tối (BUỔI NGÀY = buổi chiếu ban

ngày; BUỔI ĐÊM = buổi chiếu ban đêm). Mà cách nói tắt này thường cũng chỉ dùng khi đã tạo được ngữ cảnh thích hợp, chẳng hạn trong ví dụ trên, chỉ dùng BUỔI NGÀY, BUỔI ĐÊM sau khi đã nêu trước ba chữ "chiếu 2 buổi". Ở câu Kiều đã đính ngoa lại chúng ta không thấy có một sự chuẩn bị trước về ngữ cảnh như vậy cho nên đổi BAN NGÀY thành BUỔI NGÀY thì nghe không ổn. Trong lúc đó ở 2 câu nguyên tác:

Ngay ngày chơi mả Đạm Tiên

Nhắp đi thoắt thấy ứng liền chiêm bao

chữ "NGAY" dùng chính xác hơn nhiều. Theo từ điển tiếng Việt (HP), NGAY được giải thích là "từ biểu thị ý nhấn mạnh tính xác định của một địa điểm, thời điểm đúng ở nơi hoặc vào lúc nói đó, chứ không phải ở nơi hoặc vào lúc nào khác", ví dụ *"ngay ở cạnh trường"*, *"ngay chiều nay sẽ xong"*. Nói một cách khác, NGAY có nghĩa gần như ĐÚNG; ví dụ: NGAY CHIỀU NAY = ĐÚNG CHIỀU NAY. Và câu nguyên tác được hiểu là:

Đúng ngày chơi mả Đạm Tiên

Nhắp đi thoắt thấy ứng liền chiêm bao

Thiết nghĩ vì đọc sai NGAY NGÀY thành NGÀY NGÀY rồi gạt bỏ đi một câu nguyên tác như vậy, thật là điều đáng tiếc.

Nhìn chung, đính ngoa là một công tác rất khó khăn. Gặp chữ sai, khi đính ngoa cần nghiên cứu thật kỹ tự dạng của chữ viết sai đó. Nếu không làm thế thì khó lòng tìm lại được cái chữ đúng vốn có. Mà đã không phục hồi lại được cái chữ đúng vốn có ở nguyên tác tức là đẻ thêm ra những dị bản mới.

Theo ý chúng tôi, trong các bản Kiều thế kỷ 19, rất nhiều trường hợp công tác đính ngoa đã đưa đến kết quả như vậy. Sau đây xin dẫn vài ví dụ để minh họa. Ở câu 154, bản DMT/1872 khắc in:

Với Vương Quan trước vẫn là đồng thân 同親. Nói Kim Trọng đồng thân với Vương Quan thì rõ ràng đó là một điều sai. Theo HVTĐ của ĐDA thì đồng thân có nghĩa là "cùng một cha mẹ sinh ra" hoặc có nghĩa là "làm thông gia với nhau": cả hai nghĩa này đều không ăn khớp với cái quan hệ bạn bè giữa Vương Quan và Kim Trọng. Có hai cách đính ngoa đã được đưa ra: đính ngoa thành TƯƠNG THÂN ở bản Lâm Nọa Phu chép năm 1870; và đính ngoa thành SONG THÂN ở bản Kiều Oánh Mậu in năm 1902. Rõ ràng hai bản này đã căn cứ vào ý nghĩa để chữa lại chỗ sai chứ không phải là căn cứ vào tự dạng để phục hồi nguyên tác: chữ TƯƠNG và chữ SONG không thể nào có thể chép hay khắc nhầm thành chữ ĐỒNG được. Thành thử thay vì đính ngoa, họ đã đẻ ra hai dị bản mới! Tra cứu các từ điển, chúng tôi đoán rằng trong nguyên tác chắc vốn là hai chữ CHU THÂN 周親. Từ Hải cho biết

CHU vốn có nghĩa là CHÍ. Xưa CHU THÂN cũng như CHÍ THÂN vốn là những kết cấu dùng để chỉ nghĩa là "bà con gần" (très proches parents, theo Couvreur). Nhưng với sự diễn biến của ngôn ngữ, CHU THÂN, CHÍ THÂN sau có thể dùng rộng ra, chỉ cả những người thân thiết mà không cùng huyết tộc, ví dụ có thể nói "bạn chí thân" chẳng hạn. Còn về mặt tự dạng thì chữ CHU quả dễ khắc nhầm thành chữ ĐỒNG.

Ví dụ thứ hai là hai chữ đầu trong câu 675. Bản DMT/1872 khắc câu này như sau:

Lòng tơ dù chẳng dứt tình

Kiều nói về tấm lòng của Vương Ông mà nói LÒNG TƠ thì quả là có chỗ không ổn. Vì vậy bản Lâm Nọa Phu và bản Kiều Oánh Mậu chữa lại thành LƯỢNG TRÊN: lần đính ngoa này, hai bản lại cũng chỉ dựa vào ý nghĩa để chữa. Còn về mặt tự dạng thì LƯỢNG TRÊN quá khác xa LÒNG TƠ, khó tin rằng trong nguyên tác vốn là LƯỢNG TRÊN, bản DMT/1872 khắc nhầm thành LÒNG TƠ. Đọc lại đoạn này ở trong nguyên tác, chúng ta thấy TTTN viết về lời Kiều đáp lại ý định liều chết của Vương Ông như sau: "Cha con dạy là lời của bậc *từ phụ*, song... con nghĩ, nếu không liều một thân này, thế tất cha, em phải chết cả ở trong tù... Để đến khi nhà tan, người chết, rồi đi làm tì thiếp, chi bằng nay liều mình cứu lấy mạng cha...".

Rõ ràng đoạn đó ăn khớp với 3 câu của Nguyễn Du:

LÒNG... dù chẳng dứt tình

Gió mưa âu hẳn tan tành nước non

Thè (= Thà) rằng liều một thân con

Vậy có phần chắc "lời của bậc từ phụ" đã được Nguyễn Du diễn Nôm thành LÒNG TỪ. Mà LÒNG TỪ thì quả rất dễ chép và khắc nhầm thành LÒNG TƠ!

*

Như đã nói, đính ngoa là chữa sai để phục hồi lại cái đúng; nhuận sắc là thay cách viết dở để có cách viết hay hơn. Như vậy hai bên khá khác nhau. Nhận diện cái sai tương đối dễ, vì khách quan; nhận định hay hay dở thì dễ chủ quan hơn. Đính ngoa thì có lợi cho văn bản gốc nên ai cũng đồng tình; nhuận sắc thì đẻ ra văn bản mới nên về nguyên tắc, ngành văn bản học thường chỉ trích. Nhưng trong truyền thống văn học của ta, hiện tượng nhuận sắc là một hiện tượng phổ biến, nên sau khi đã nói đến sự gia tăng số lượng dị bản vì đính ngoa sai, thiết nghĩ cũng cần phải đề cập đến các hậu quả của truyền thống hay nhuận sắc đó.

Đọc bản DMT/1872, rồi so với các bản xuất hiện sau nó, rất thường gặp những trường hợp có từ ngữ bị thay đổi khác đi, do nhuận sắc. Tình hình cụ thể như thế nào, ở mỗi bản, xin xem phần II, phần III. Ở đây chỉ xin nêu một số ví dụ để thấy rằng nhuận sắc thơ ai chứ nhuận sắc thơ Nguyễn Du thì không dễ.

Trước hết hãy xin xem hai câu 97, 98. Hai câu này bản DMT/1872 khắc in là:

Một vùng cỏ áy bóng tà

Gió hiu hiu thổi một và ngọn lau (1)

Chúng ta đọc nghe đã rất hay, nhưng hai bản VNB-60 và Kiều Oánh Mậu vẫn chữa lại thành:

Gió hiu hiu thổi một và bông lau (2)

Sự nhuận sắc này về sau rất được nhiều người tán thành, kể cả những bậc chuyên gia nổi tiếng: Đào Duy Anh, P.Schneider, v.v. Chắc theo ý họ, hình tượng BÔNG LAU thì đẹp hơn NGỌN LAU và với thanh bằng thì chữ BÔNG nghe êm tai hơn chữ NGỌN. Riêng Vũ Văn Kính còn bình luận thêm rằng "NGỌN có vẻ cầu kỳ!". Nhưng Nguyễn Du trước khi viết chắc có quan sát kỹ, có suy nghĩ sâu, có tra cứu sách vở, thi ca cổ kim chứ! Trong thơ Đỗ Phủ có câu "*Dĩ ánh châu tiền lô địch hoa*", (tạm dịch: *Đã sáng hoa lau trước bãi cồn*): câu đó nằm ở bài thứ 2 trong 8 bài *Thu hứng*. Bạch Cư Dị mở đầu bài *Tỳ bà hành* cũng nói đến hoa lau và hoa lau cũng gắn với mùa thu:

Tầm Dương giang đầu dạ tống khách

Phong diệp địch hoa thu sắt sắt

Tiếc rằng câu dịch rất hay nhưng dịch không sát, bỏ mất 2 chữ PHONG DIỆP (= lá phong) và chữ HOA. Xin tạm đổi lại như sau cho rõ nghĩa:

Bên Tầm Dương canh khuya đưa khách

Lá hoa thu: phong lách đìu hiu

Thơ trong nước cũng vậy. Trong bài *Thanh Quyết độ* (Bến đò Thanh Quyết, có khả năng làm năm 1338), Nguyễn Trung Ngạn cũng có câu về hoa lau mùa thu:

Yên phù tùng tản, miếu hà xứ

Bạch phất lô kì thiên cọng thu

Tạm dịch:

---

(1), (2) Theo một chú thích trong bản Minh Mạng lục niên thì 2 chữ MỘT VÀ vốn là 2 chữ VẬT VỜ chép nhầm mà thành.

Thông phủ khói, miếu dâu rồi

Cờ lau phất trắng, đất trời sang thu

Rõ ràng các loài lau lách chỉ đâm bông nở hoa về mùa thu: giới khoa học tự nhiên cho biết thế, các nhà thơ cổ điển cũng cho biết thế! Và cụ Nguyễn Du đúng, bản DMT đúng: tiết Thanh Minh chỉ có thể có ngọn lau mà thôi![1]

Nếu trường hợp trên đây có sự nhuận sắc sai do không chú ý đến hiện tượng thiên nhiên, thì trường hợp sau đây lại đẻ ra dị bản sai do không nghĩ đến điển tích cổ. Ở câu 27 bản DMT/1872 khắc in:

Một hai nghiêng nước nghiêng thành

Đó là một câu khen sắc đẹp của Kiều, dùng điển cổ rút từ bài ca của Lý Diên Niên trong Hán thư "Phương Bắc có người đẹp hơn hết đời mà *đứng một mình. Một* lần nhìn *làm nghiêng đổ thành* của người ta; *hai* lần nhìn làm *nghiêng đổ nước* của người ta". Ở Đoạn trường tân thanh, mấy chữ Hán "tuyệt thế nhi độc lập" đã được cụ Nguyễn Du chuyển thành SẮC ĐÀNH TRỌI MỘT (câu 28), 4 chữ "nhất cố", "tái cố" đã được Cụ rút gọn lại thành MỘT, HAI (câu 27). Cả 2 câu này đều nằm vào đúng giữa cả đoạn 12 câu chỉ nói riêng về Kiều. Ấy thế mà các vị biên tập các bản in về sau (LVĐ/1871, TMĐ/1879, QVĐ/1879...) lại đổi thành: *Một đôi nghiêng nước nghiêng thành!*

Hẳn có người nghĩ rằng đây là nói cả hai chị em Thúy Kiều, Thúy Vân đều "nghiêng nước nghiêng thành" nên mới thay MỘT (cái nhìn), HAI (cái nhìn) bằng MỘT ĐÔI! Điều này rất dễ xảy ra đối với người đọc bình thường trong dân gian. Mà khi đã phổ biến trong dân gian, thì rồi các vị biên tập cũng cứ theo thế mà nhuận sắc, sơ ý, quên mất điển tích cổ.

Trường hợp sau đây, các vị cũng chữa sai HAI thành ĐÔI, nhưng do không chú ý đến mối liên quan giữa từ vựng và ngữ pháp. Đó là ở đoạn nói chuyện Kim Trọng về nhà, chuẩn bị tặng phẩm cho Kiều. Ở đoạn này bản DMT/1872 khắc in rất chính xác:

Vội vào thêm lấy của nhà (câu 317)

Xuyến vàng hai chiếc, khăn là một vuông (câu 318)

Thật là lạ: chỉ bản A.D.Michels in lại theo DMT, còn tất cả các bản khác đều đổi HAI thành ĐÔI! Đúng là khi tặng XUYẾN người ta thường tặng MỘT ĐÔI và cũng đúng là trong tiếng Việt, khi nói MỘT ĐÔI thì cũng

---

[1] Riêng KOM còn nhuận sắc VI LAU ở câu 264 thành BÔNG LAU, và ĐỐ LÁ ở câu 160 thành ĐỎ LÁ: biến cảnh tháng 3, tháng 4 thành cảnh thu đông cả.

chỉ 2 cái. Nhưng phải có điều kiện về mặt ngữ pháp: đó là phải dùng ĐÔI trước một danh từ bình thường, như khi nói MỘT ĐÔI ĐŨA, HAI ĐÔI GIÀY hoặc ĐÔI TẤT, ĐÔI NGỖNG v.v. Còn khi dùng trước danh từ chỉ đơn vị, có thể đếm được, thì trong tiếng Việt, ĐÔI không chỉ chính xác con số HAI nữa, mà chỉ ước chừng là ĐÔI BA hoặc HAI BA. Ví dụ:

- Ghế ĐÔI CÁI (ĐÔI CHIẾC) đã bị hỏng

- Lợn ĐÔI CON không chịu ăn

- ĐÔI NGƯỜI nghĩ rằng...

Ở đây Kim Trọng tặng xuyến thì nhất định phải tặng MỘT ĐÔI, đúng 2 cái. Nhưng dùng ĐÔI trước loại từ chỉ đơn vị CHIẾC thì - như đã nói - nghĩa của chữ ĐÔI lại trở thành chỉ con số ước chừng là VÀI, ĐÔI BA, hoặc HAI BA! Lẽ nào vì vội quá mà Kim Trọng vơ bậy, không rõ cầm trong tay 2 hay 3 chiếc xuyến trong lúc "khăn là" thì đếm đúng "một vuông"! Nhuận sắc mà đổi HAI CHIẾC thành ĐÔI CHIẾC thì không những chỉ làm hại câu thơ mà còn làm hại cả việc xây dựng nhân vật nữa!

Cuối cùng xin nói thêm một trường hợp nhuận sắc nữa: trường hợp vì không tính hết các khả năng đọc và hiểu chữ in trong bản cổ nên phải đi tìm từ ngữ khác, với cách viết khác. Trong câu 367 mà thường các bản hiện nay đều đọc là:

Một tường tuyết... sương che

Ở chữ thứ 4, ta thấy bản DMT/1872 khắc in là 渚. Chữ này thường đọc CHƯA, CHỬA, CHẢ, CHỚ, nhưng cũng còn vài cách đọc khác nữa, trong đó có cách đọc CHỞ, như ở Maiorica. Về sau, hai bản để nguyên vậy và đọc là CHỞ (Trương Vĩnh Kí và A.D.Michels), 4 bản nhuận sắc thành ĐIỂM (LVĐ, TMĐ, QVĐ, VNB-60), 1 bản nhuận sắc thành ĐÓN (bản 1870) và 1 bản nhuận sắc thành TRỞ (KOM): Đây là câu nói Kiều và Kim Trọng bị ngăn cách nên phải chịu cái cảnh "Tin xuân đâu dễ đi về cho năng". Rõ ràng TUYẾT CHỞ SƯƠNG CHE thì không diễn đạt được cái ý ấy. Nhưng nhuận sắc thành TUYẾT ĐÓN, TUYẾT ĐIỂM thì cũng chả có gì hay hơn. Riêng cách nói: MỘT TƯỜNG TUYẾT TRỞ SƯƠNG CHE - thì được nhiều người tán thành vì có hình tượng tuyết thì ngăn trở, sương thì che khuất, làm cho hai người không có cách gì gần gũi nhau. Nhưng cách nhuận sắc này vẫn tạo ra một dị bản mới, với TRỞ là một từ mới, trong lúc ở bản cổ đã có từ cần thiết với đúng nghĩa như vậy. Chữ 渚 nếu đọc CHỚ thì đó là cách đọc của từ có cùng nguồn gốc và cùng nghĩa như TRỞ. Về mặt nguồn gốc, mối quan hệ giữa TRỞ và CHỚ thì cũng giống như mối quan hệ giữa TRỮ và CHỨA, giữa TRẢM và CHÉM, giữa TRẢN và CHÉN v.v. Về mặt ý nghĩa, vì cùng gốc với TRỞ nên CHỚ vốn cũng có nghĩa là "ngăn lại": chính cái

nghĩa "ngăn lại" này đã đưa đến cách dùng CHỚ để ra mệnh lệnh ngăn cấm, ví dụ:

- Chớ làm ồn!

- Chớ hút thuốc.

- Ấy chớ!

Thành thử ở hai câu 367, 368 không nên nhuận sắc thành TRỞ làm gì: cứ để câu Nôm như ở bản DMT/1872, nhưng xin đọc là:

Một tường TUYẾT CHỞ SƯƠNG CHE

Tin xuân đâu dễ đi về cho năng

Đọc thế chính là đúng âm, đúng chữ, đúng nghĩa của từ mà cụ Nguyễn Du đã dùng.

Chú thích: Có ý kiến cho rằng cứ nên để CHỞ, nhưng phải hiểu đó là từ TRỞ đọc theo giọng BẮC. Chúng tôi thấy khó lòng đồng ý được, vì:

- TVKI, ADM đều theo giọng miền Nam, vậy khi in CHỞ hai ông không hiểu là TRỞ.

- KOM tiếp thu một bản của Huế: ở Huế TRỞ cũng không đọc thành CHỞ - Hơn nữa, ở câu 3185 KOM ghi CHỞ là [illegible] còn chữ 阻 thì ở 9 câu đều phải đọc là TRỞ: ở câu 367 cũng như ở các câu 211, 527, 810, 1165, 1691, 1933, 2500, 3030.

C. Những sự thay đổi từ ngữ do lệnh triều đình bắt kị húy

Kị húy cũng là một nguyên nhân làm thay đổi diện mạo của văn bản, nhưng đó là một nguyên nhân có những nét đặc thù, nên cần phải xét riêng.

Kị húy có nét gần với đính ngoa và nhuận sắc ở chỗ là nó cũng do người biên tập chủ động tiến hành. Các sai sót làm thay đổi văn bản qua khâu chép, khâu in thì trái lại: đó là những nguyên nhân ngoài ý muốn.

Nhưng kị húy khác đính ngoa và nhuận sắc ở 2 điểm:

- Người biên tập chủ động chữa lại văn bản nhưng không phải do ý muốn riêng, mà do phải tuân thủ theo mệnh lệnh triều đình.

- Người biên tập chữa lại nhưng không nhằm mục đích làm cho văn bản tốt hơn về mặt văn chương, mà nhằm mục đích làm cho văn bản hợp lệ, khỏi phạm pháp.

Nghiên cứu hiện tượng kị húy là một khâu rất quan trọng, có ý nghĩa về nhiều mặt: vì vậy sau đây chúng tôi sẽ còn trở lại, nói kỹ. Ở đây chỉ xin nói sơ qua mấy điểm có liên quan thôi.

a. Về mặt lịch sử diễn biến của văn bản, cần phân biệt các trường hợp khi kị húy chỉ đổi tự dạng là được (gia dạng, bớt nét, chuyển nửa trái sang bên phải, chuyển nửa phải sang bên trái v.v.) với các trường hợp khi kị húy phải thay đổi từ khác. Chỉ trường hợp sau mới tác hại đến nguyên tác. So sánh:

- LAN → thay bằng HƯƠNG
- LÀN → thay bằng BÀN

Ví dụ: Thiếp LAN ĐÌNH → Thiếp HƯƠNG ĐÌNH (câu 1988)

LÀN cây cong → BÀN máy cung (câu 2118)

- HOÀN → thay bằng CHÂU, THOA

Ví dụ: Dở KIM HOÀN → Dở KIM CHÂU//KIM THOA (câu 354)

- CHỦNG // GIỐNG → thay bằng CHỐN, HỆT, THÓI, KHÉO

Ví dụ: GIỐNG hôi tanh → CHỐN hôi tanh (câu 853)

GIỐNG của nhà Hoạn nương → HỆT của nhà Hoạn nương (câu 2066)

GIỐNG hữu tình → THÓI hữu tình (câu 243)

GIỐNG oan gia → KHÉO oan gia (câu 2097)

- TÔNG (ông tổ cao nhất) thay bằng TÔN (= quý trọng)

Ví dụ: TÔNG đường → TÔN đường (câu 1953)

- NHẬM thay bằng TỂ, ĐIỆU

Ví dụ: Vâng ra ngoại NHẬM → ngoại TỂ (câu 2873)

Cải NHẬM → cải ĐIỆU (câu 2949, 2950)

b. Và trong trường hợp phải thay bằng từ khác lại cần phân biệt những chữ có tần số xuất hiện thấp ở trong truyện Kiều (như chữ TÔNG//TÔN chỉ gặp ở 2 câu 1953, 2452) với những chữ có tần số xuất hiện cao (như chữ THÌ gặp trên 100 lần): trong bản Kiều Lâm Nọa Phu chép tay năm 1870, riêng một chữ THÌ đã hơn 60 lần tạo ra dị bản mới, vì thay THÌ bằng KÌ (ở câu 63), THÀ (ở câu 76), LÀ (ở câu 179), HÀO (ở câu 377), CŨNG (ở câu 410), NGUYỆN (ở câu 422), NHỮNG (ở câu 508), LIỀN (ở câu 527), CÒN (ở câu 569), NGÀY (ở câu 651), ẮT (ở câu 722), PHẢI (ở câu 736), RẰNG (ở câu 744), THÔI (ở câu 768), SẼ (ở câu 802), LẠI (ở câu 815), NỮA (ở câu 860), NHÀ (ở câu 873), NÀY (ở câu 927), KIA (ở câu 928), BÀY (ở câu 929), VỪA (ở câu 989), ẤY (ở câu 1011), NI (ở câu 1447), CÀNG (ở câu 1869), TỪ (ở câu 2231), ĐÀ (ở câu 2473) v.v.

Vì ví dụ quá nhiều nên chỉ xin dẫn mấy câu sau đây để minh họa:

Ba câu 927, 928, 929

- Ở bản Duy Minh Thị 1872

Bên thì mấy ả mày ngài

Bên thì ngồi bốn năm người làng chơi

Giữa thì hương nến hẳn hoi

- Ở bản Lâm Nọa Phu 1870

Bên này mấy ả mày ngài

Bên kia ngồi bốn năm người làng chơi

Giữa bày hương triện hẳn hoi

Câu 1562

- Ở bản Duy Minh Thị 1872

Đứa thì vả miệng gã thì bẻ răng

- Ở bản Lâm Nọa Phu 1870

Thằng đồng vả miệng, con tì bẻ răng

Như đã thấy qua mấy câu trên đây, khi phải thay từ ngữ nhưng người biên tập được quyền lựa chọn từ ngữ, thì sau khi kị húy xong, văn bản đọc nghe vẫn không có vẻ gượng ép lắm. Tất nhiên, nếu bị việc gieo vần hạn chế sự lựa chọn thì cũng có những câu kị húy khá bất ngờ:

So sánh: Câu 1447 của bản DMT/1872 ở đoạn:

Nghe lời nói cũng thương lời

Dẹp uy mới dạy mở bài giải vi

Rằng: Như hắn có thế thì (1447)

Trăng hoa nhưng cũng thị phi biết điều

với câu đó ở bản Lâm Nọa Phu đã kiêng húy:

Rằng: Như hắn có thế ni

Hoặc so sánh câu 466 của bản DMT/1872 ở đoạn:

Thưa rằng tiện kĩ sá chi

Đã lòng dạy đến dạy thì phải vâng (câu 466)

với cùng đoạn ở bản Lâm Nọa Phu:

Thưa rằng tiện kĩ sá chi

Đã lòng dạy đến kính vì phải vâng

Ở bản Duy Minh Thị hiện tượng tương tự cũng đã từng gặp khi kị húy

chữ LÀN.

So sánh 2 câu thôi kị húy (câu 2117-2118) ở bản KOM:

Thiếp như con én lạc đàn

Phải cung rày đã sợ làn cây cong

với 2 câu kị húy ở bản Duy Minh Thị/1872:

Thiếp như con én lạc đàn

Phải cung rày đã sợ bàn máy cung

Nhưng những trường hợp triều đình đã có lệnh quy định hẳn phải thay chữ trọng húy bằng chữ gì rồi, thì quả người biên tập dễ gặp lúng túng nhiều hơn.

Trước đây chúng tôi đã từng có phân tích chuyện đời Gia Long bắt thay LAN bằng HƯƠNG, và chuyện đó đã đưa đến những hậu quả tai hại như thế nào. Xin nhắc lại một vài chỗ: "Chuyện triều đình bắt kị húy, bản DMT/1872 còn lưu lại vết tích rành rành. Nghiên cứu các vết tích đó, chúng ta thấy nghệ thuật của nguyên tác đã bị xúc phạm một cách rõ rệt. Hãy thử nghĩ đến một trường hợp như đổi LAN ĐÌNH thành HƯƠNG ĐÌNH mà xem. Nguyễn Du dựng lên nhân vật Thúy Kiều: một cô gái đẹp, tài hoa, không những có tài đàn, tài họa, mà còn có cả cái tài "văn hay chữ tốt" nữa. Để nói đến cái tài làm thơ của nàng, Nguyễn Du đã mượn lời của Đạm Tiên, của Kim Trọng, của cả ông quan ở Phủ đường, hết ví với "cẩm tú", với "nàng Ban ả Tạ" lại ví với "thơ Thịnh Đường". Thế thì về cái tài viết chữ đẹp của nàng, thế nào cũng phải đem ví với một nhà thư pháp cực kỳ nổi tiếng nào đó mới xứng. Và quả nhiên Nguyễn Du đã đưa nghệ thuật của Vương Hi Chi ra để so sánh, qua lời khen của Hoạn thư:

Khen rằng bút pháp đã tinh

So vào với thiếp Lan đình nào thua

Thiếp Lan đình là thiếp nổi tiếng ai ai cũng biết. Còn đổi lại thành thiếp Hương đình thì sao? Trong Từ Hải có nói đến "hương đình", nhưng đó là cái tên chung chỉ một dụng cụ dùng để đặt lò hương trong các lễ tang, chứ không phải là một cái tên riêng có tí gì liên quan đến nghệ thuật thư pháp. Cụm từ "thiếp Hương đình" là một cụm từ đặt liều lĩnh, không có căn cứ về mặt điển tích. Nhưng giả dụ sau này, có ai đó biện hộ được cho cách đặt cụm từ này thì chắc chắn rằng ba chữ "thiếp Hương đình" đó cũng không thể nào đưa lại được cho người đọc cái ấn tượng về tài thư pháp của nàng Kiều như ba chữ "*thiếp Lan đình*" đã từng đưa lại.

Cũng vậy, HUỆ LAN là một kết cấu đẳng lập ghép sóng đôi hai sự vật hoàn toàn đồng loại; XUÂN LAN THU CÚC là một cách đặt gồm hai vế đối

nhau rất tề chỉnh; đổi lại thành HUỆ HƯƠNG, thành XUÂN HƯƠNG THU CÚC thì đâu còn sự sóng đôi đẹp đẽ như trước trong kết cấu đẳng lập; đâu còn sự đối nhau tề chỉnh như trước trong lối hành văn biền ngẫu! Trường hợp vì né tránh chữ LAN//LÀN mà đổi LÀN THU THỦY thành HƯƠNG THU THỦY cũng vậy: đổi xong, câu thơ số 25:

Hương thu thủy, vết (nét) xuân sơn

bỗng trở nên nghe khá vụng về! Nói đến nước, đến sóng thì xưa nay ai cũng nói LÀN chứ có nói đến HƯƠNG bao giờ! Vả lại, HƯƠNG mà đối với VẾT (NÉT) thì sao cho chỉnh được bằng LÀN!

Tóm lại, những câu có từ ngữ bị kị húy là những câu đã bị người biên tập, dưới tác động các lệnh của triều đình, làm cho sai lệch hẳn đi. Muốn phục nguyên lại nguyên tác, phải gạt bỏ tất cả các chỗ bị kị húy đó.

Sau đây là danh sách các câu trong bản thảo cổ nhất hiện còn, đã bị làm sai lệch:

GIỐNG // CHỦNG bị đổi thành từ khác:

Ở câu 243 : Cho hay là THÓI hữu tình

Ở câu 258 : Làm chi đem THÓI khuynh thành trêu ngươi

Ở câu 853 : Tuồng chi là CHỐN hôi tanh

Ở câu 2066 : Khen rằng khéo HỆT của nhà Hoạn nương

Ở câu 2097 : KHÉO oan gia, của phá gia

LAN bị đổi thành từ khác:

Ở câu 162 : Xuân HƯƠNG thu cúc mặn mà cả hai

Ở câu 375 : Nhà HƯƠNG thanh vắng một mình

Ở câu 1310 : Thang HƯƠNG rủ bức trướng hồng sạch hoa

Ở câu 1471 : Huệ HƯƠNG sực nức một nhà

Ở câu 1803 : Nhà HƯƠNG cao cuốn bức là

Ở câu 1988 : So vào với thiếp HƯƠNG đình nào thua

LAN//LÀN bị đổi thành từ khác:

Ở câu 25 : HƯƠNG thu thủy vết xuân sơn

Ở câu 261 : Một DÒNG cỏ mọc xanh rì

Ở câu 2118 : Phải cung rày đã sợ BÀN MÁY CUNG

HOÀN bị đổi thành từ khác:

Ở câu 354 : Giở KIM CHÂU với khăn hồng trao tay

D. Về hậu quả của những sai sót trong ba kỹ thuật sao chép, in mộc bản và in Quốc ngữ

Tác phẩm của Nguyễn Du ra đời, được nhiều người ưa thích: từ những danh sĩ nổi tiếng như Phạm Quý Thích, từ những hạng vương tôn, công tử ở Huế cho đến những người dân bình thường cả ba miền. Nhu cầu cần nhân lên thành nhiều truyền bản càng ngày càng lộ rõ. Có ba kỹ thuật nhân bản đã được dùng: nhân bản bằng lối sao chép, nhân bản bằng lối in mộc bản và cuối cùng là nhân bản bằng lối in Quốc ngữ.

Sao chép và in mộc bản là hai chuyện đã quen thuộc đối với xã hội Việt Nam, còn dùng lối chữ Quốc ngữ thì đó là một điều cực kỳ mới lạ đối với nhà nho (trừ những nhà nho bên Công giáo), nên sau này chúng ta sẽ trở lại, nói rõ hơn.

Mỗi lối kỹ thuật nhân bản đều có thể đẻ ra những kiểu sai sót riêng, tác hại đến văn bản, vì vậy cũng cần phải khảo sát. Chép từ một bản cũ ra một bản mới, cái công việc mới xem qua tưởng chừng rất đơn giản đó, thực ra, dưới con mắt của ngành văn bản học chính là cả một quá trình rất phức tạp, bao gồm khá nhiều khả năng và khá nhiều khâu. Khá nhiều khả năng, vì có thể là chép theo một bản đặt ngay trước mặt, có thể là chép theo trí nhớ, mà cũng có thể là chép theo lời đọc của kẻ khác. Khá nhiều khâu, vì ít nhất bước đầu cũng phải có khâu xem (hoặc nghe), khâu nhớ rồi đến khâu tự đọc nhẩm lại và cuối cùng là khâu hạ bút chép ra giấy[1]. Trong mỗi khả năng cũng như trong từng khâu của mỗi khả năng đều có thể xảy ra những sơ suất riêng, với những nguyên nhân riêng: chẳng hạn sai ở khâu xem thì có thể xảy ra do lẫn lộn giữa hai, ba chữ có tự dạng gần giống nhau, mà sai ở khâu nhớ, đọc nhẩm thì thường lại đẻ ra không phải do tự dạng mà do liên tưởng nhầm về âm nghĩa. Những sai sót về mặt kĩ thuật sao chép đó không những chỉ ảnh hưởng đến tự thân các bản viết tay, mà còn ảnh hưởng đến cả các bản in, vì trước khi in thường cũng phải có bản chép. Không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn Quảng Tuân đã phải phân biệt trường hợp " các chữ bị khắc sai" với trường hợp "các chữ bị chép sai rồi khắc sai theo".

- Ví dụ về sai do lẫn lộn giữa các chữ có tự dạng gần giống nhau: ở câu 696, bản DMT/1872 khắc trùng san một bản cổ giai đoạn 1803-1825 thành:

Áo dầm giọt tủi TÓC se mối sầu

Câu đó, bản LVĐ/1871 lại khắc theo một bản gốc biên tập khoảng 1836-1840 thành:

---

[1] Xin xem thêm D.S.Likhatsov: Tekstologhiia (= văn bản học) – Moskva, Leningrad, 1964, trang 25-30.

Áo dầm giọt lệ MÂY se mái sầu

Chắc hẳn đã có hiện tượng sao chép nhầm từ TÓC thành MÂY do hai bên gần gũi nhau về mặt chữ.

- Ví dụ về sai do liên tưởng nhầm về âm: ở hai câu 29, 30 bản DMT khắc:

Thông minh vốn sẵn tư trời

Pha nghề THƯ HỌA đủ mùi ca ngâm

Nhưng câu 30 này tất cả các bản về sau đều chép và khắc THƯ HỌA thành THI HỌA cả! Vì sao? Chắc vì mặt âm: ở rất nhiều miền đất nước có quan hệ Ư/Ơ (THƯ/THƠ, CỨ/CỚ, TỪ/TỜ, MỰ/MỢ) lại có quan hệ Ư, Ơ/ I, TƯ, TƠ/ TI, THƠ/THI, NGỜ/NGHI) nên rất dễ xảy ra nghe hay đọc nhẩm nhầm. Mà nghe hay đọc nhẩm THƯ thành THƠ, thì rất dễ chuyển nhầm THƯ HỌA thành THƠ HỌA, để rồi cuối cùng đi đến THI HỌA. Còn về mặt chữ thì THƯ và THI viết rất khác nhau.

- Ví dụ về sai do liên tưởng nhầm về nghĩa trong kết cấu: so sánh hai câu 590 và 1133 của bản DMT và chính hai câu đó ở bản LVĐ:

Ở câu 590: Bản DMT : Tiếng oan dậy ĐẤT, án ngờ rựng mây

Bản LVĐ : Tiếng oan DẬY BẢO, án ngờ lòa mây

Ở câu 1133: Bản DMT : Tú Bà tốc thẳng đến NƠI

Hăm hăm áp điệu một HƠI lại nhà

Bản LVĐ : Tú Bà tốc thẳng đến NGAY

Rõ ràng ĐẤT đối với MÂY được, NƠI gieo vần với HƠI rất chỉnh, còn BẢO và NGAY thì không được như thế. Nhưng sở dĩ sai là do liên tưởng nhầm khi nhớ và đọc nhẩm trong đầu: nghe DẬY thì nghĩ đến DẬY BẢO; nghe TỐC THẲNG ĐẾN thì nghĩ đến chữ có thể tiếp theo sau đó một cách rất lôgich là chữ NGAY!

Tất cả những sai sót này, chúng tôi đã thống kê và đưa vào danh sách đối chiếu từ ngữ khác nhau giữa 9 bản Kiều thế kỷ 19, trình bày ở phần II.



Khi nghiên cứu các sai sót phạm phải ở khâu khắc mộc bản chúng tôi không coi bản khắc năm 1872 của DMT là cứ liệu chính, vì dầu sao đó cũng là một bản khắc không điển hình: như đã biết, đó là một bản Kiều thuê thợ Trung Quốc khắc ở trấn Phật Sơn, gần Quảng Châu (ở phía tây nam trung tâm thành phố này). Còn bản in sớm nhất trong nước (LVĐ/1871) thì đã được Nguyễn Quảng Tuân nghiên cứu kĩ, nhặt ra được hầu hết các chỗ khắc

sai. Ở mục nêu các chữ bị sai do kĩ thuật khắc (chứ không phải sai do bản chép tay) ông đã nêu một danh sách 11 ví dụ; chúng tôi đã nhặt thêm một số nữa để đầy đủ các kiểu loại hơn.

Nói chung số lượng các sai sót ở các bản in mộc bản thường lớn hơn nhiều, so với các bản chép tay. Có thể là vì 3 lí do sau đây:

- Thứ nhất là vì các lỗi chép tay khi in thường không được đính ngoa mà vẫn giữ lại, rồi cộng thêm những lỗi sai mới.

- Thứ hai là vì khắc trên gỗ thì khó khăn hơn nhiều, so với việc chép lại trên giấy;

- Và thứ ba là vì trình độ học vấn của thợ khắc thì thường chắc thấp hơn trình độ của những người sao chép.

Có hai loại lỗi tiêu biểu trong kĩ thuật in mộc bản:

a. một số chữ không được in ra, vì còn để một ô đen hoặc một ô bỏ trống, ví dụ ở bản DMT/1872 có 4 ô bỏ trống (ở các câu 960,1510, 1532, 2523) và 1 ô đen (ở câu 1738); bản LVĐ/1871 có 8 ô đen (ở các câu 1130, 1656,1682, 2738, 2738, 2740, 2744, 2762). Có người giải thích: ô đen là ô – vì lí do nào đấy – thợ để lại để định khắc sau, rồi quên; còn ô bị trống là ô bị khắc hỏng, đục đi định khắc rồi chêm vào sau, nhưng rồi cũng quên. Nhưng hai ô đen ở câu 1130, và 2762 làm cho chúng tôi hơi ngờ vực lối giải thích đó. Thiết nghĩ đây là một việc nên đến các làng có truyền thống khắc mộc bản xác minh lại cho rõ lí do.

b. Loại sai sót thứ hai là loại do khắc không chuẩn nên biến chữ này thành chữ khác hay thành một kí hiệu không đọc được, hoặc đọc được nhưng phải đoán chừng. Chỉ mấy ví dụ của Nguyễn Quảng Tuân cũng đã cho thấy khá nhiều kiểu loại khắc không chuẩn, như:

- Hai nét sổ dài quá nên chữ đến thành chữ thả

- Nét ngang trên dài quá nên chữ thổ thành chữ sĩ

- Nét xiên bị mất một đoạn nên chữ nữ thành chữ văn

- Chấm trên đầu bị mất nên chữ gia thành chữ trủng

- Nét ngang khắc xiên nên chữ cơn thành chữ thiên

- Bộ thảo đầu bị mất nên chữ nhà thành chữ như

Nhưng chuyện biến chữ này thành chữ khác thì ở các bản chép tay cũng có ví dụ, tuy lí do có thể khác. Còn chuyện tạo ra những kí hiệu không thành chữ thì riêng chỉ ở các bản khắc mộc bản mới thường gặp. Một ví dụ: chữ đầu câu 197 là một chữ đọc MẤY cũng không đúng mà đọc THÊM cũng không đúng, nếu căn cứ theo tự dạng đã khắc. Ở bản DMT/1872 do thợ Trung Quốc

khắc thì loại chữ "bất thành tự" này vô cùng nhiều.

Hậu quả mà những sai sót loại này đưa lại là có nhiều câu trở thành vô nghĩa, nhiều câu mất vần, nhiều câu sai cả bằng trắc trong luật thơ lục bát. Xin đọc ở bản LVĐ/1871 những câu như:

- Câu 1778 : Trúc tơ hỏi khúc nghề chơi hỏi các

  (câu đúng là *Trúc tơ hỏi đến nghề chơi mọi ngày*)

- Câu1791 : Lâm Tri bạch trụ uyên bay

  (câu đúng là *Lâm Tri từ thuở uyên bay*)

- Hai câu 2207 : Ngỏ lời nói với băng đại

  2208 : Tiền (?) trăm lại cứ nguyên quân chiếu hoàn

  (đúng ra là: *Ngỏ lời nói với băng nhân*

  Tiền trăm lại cứ nguyên ngân chiếu hoàn)

Nhưng những trường hợp như vậy thật ra lại không nguy hiểm lắm, vì chỗ sai dễ phát hiện ra và dễ đính ngoa, dễ phục nguyên câu cũ. Đáng lo hơn là các trường hợp khắc sai chữ của nguyên tác, tạo ra một chữ khác, mà chữ mới tạo ra này đọc lên lại nghe được: chính trường hợp này mới hình thành nên những dị bản khác nhau, cần cân nhắc. Ví dụ câu 1901, bản DMT khắc in:

Ví sinh có số giàu sang

Giá này dẫu đúc nhà vàng cũng nên

Bản Kiều Oánh Mậu in theo bản đã chép sai thành:

Ví chăng 庄 *có số giàu sang*

Chủ quan chúng tôi cho là chép sai sinh thành chăng nhưng nhiều người lại cho *ví chăng* mới đúng! Phiền toái là có đến 4 bản cũng khắc *chăng* như bản Kiều Oánh Mậu mà lại khắc một chữ chăng rất khác chữ sinh, trong đó có bản LVĐ/1871: 拯 . Thành thử đâm ra phát sinh ngờ vực. Và như sau này sẽ thấy chúng tôi phải đi đến lập giả thuyết riêng để giải quyết mối ngờ vực này.

*

Sự xuất hiện của những bản Kiều Quốc ngữ nói riêng, sự phổ biến của lối chữ Quốc ngữ nói chung đã tạo ra một bước ngoặt lớn trong đời sống xã hội nước ta, giai đoạn cuối thế kỷ 19- đầu thế kỷ 20. Đối với giới nhà nho lúc bấy giờ, đó là một sự thay đổi cực kỳ sâu sắc. Tôi có một ông cậu bị bắt buộc

phải học chữ Quốc ngữ để có thể tham gia các khoa thi cuối cùng: trong các khoa đó thể lệ bắt thí sinh đã phải viết được một bài văn Quốc ngữ. Cậu tôi cho biết cảm nghĩ lúc bấy giờ của cậu tôi như sau: "Cái gì cũng khác trước:

- Xưa viết hàng dọc thì nay viết hàng ngang;

- Xưa đọc từ phải sang trái thì nay đọc từ trái sang phải;

- Xưa bút lông thì nay bút sắt, bút chì;

- Và nhất là xưa thì chữ gì cũng có nghĩa: thiên là trời, địa là đất...; học câu đầu là có nghĩa lý ngay: nhân chi sơ tính bản thiện là "người chưng đầu tính vốn lành"; còn nay thì phải đánh vần mãi những câu vô nghĩa mới thành chữ, thành câu. Không tài nào hiểu được, nhớ được, giai đoạn phải học những câu như:

- Tê e rờ ơ trơ, ơ i ơi là trơi, huyền trời

- Đê ớ đớ, ớ tê ất là đất, sắc đất!"

Cậu tôi còn giữ được cuốn vở học chữ Quốc ngữ, bảng chữ cái còn viết bằng bút lông, mực nho, với rất nhiều chú thích bằng chữ Hán, ví dụ bên cạnh ÁC thấy ghi là "ô đề thanh" (= tiếng con quạ kêu), bên cạnh ÓT thấy ghi là "nữ nhân bất cẩn" (= người con gái không cẩn thận) v.v. Chú thích đầu tôi hiểu được, còn chú thích sau tôi phải hỏi. Thì ra – Cậu tôi giảng – xưa học O tê ót: "o tê" ở tiếng Nghệ thì cũng như "cô kia" ở ngoài Bắc nên phải chú là "nữ nhân" mới nhớ được; còn "ót" thì như là tiếng không hay, bụng dạ không yên, vô ý lỡ để lọt ra, nên phải chú là "bất cẩn"!

Nghe giảng, tôi vừa buồn cười, vừa thông cảm với sự đổi thay quá đột ngột trong cách học mà các cụ xưa đã gặp phải. Nhưng Cậu tôi xác nhận: khi đã học được, thì chữ Quốc ngữ cũng có cái hay! Quả vậy, thi chữ Nho bị hỏng, đọc thơ Nôm cho vui, vì chưa quen với chữ Nôm lắm, có khi các cụ phải chú âm Quốc ngữ vào bên cạnh. Tôi hiện còn giữ được một bản *Thu dạ lữ hoài ngâm* của các cụ xưa, trên một chữ SUỐI viết tắt thấy có chú "suối" bằng Quốc ngữ, chữ suối Quốc ngữ này còn viết bằng bút lông!

Về những lỗi kỹ thuật mà một bản in Quốc ngữ có thể phạm phải, thế hệ của chúng ta hiện nay đã biết quá rõ, vì vậy thiết nghĩ cũng không cần phải phân tích làm gì. Nhưng có vài cảm tưởng của thế hệ các nhà nho đầu thế kỷ trước (thế kỷ 20) khi họ đọc những bản in Quốc ngữ đầu tiên, cũng xin nhắc lại. Theo họ, đọc Quốc ngữ:

- Thì khỏe lắm, cứ in sao đọc vậy, không cần phải cân nhắc, đắn đo gì nữa, như khi đọc Nôm.

- Nhưng sách mà in sai thì chịu vậy, không có cách nào mà lần cho ra

manh mối.

Hai cảm tưởng đó rất đúng. Trong chữ Nôm một cách ghi có thể đọc thành nhiều âm, một âm lại có thể có nhiều cách viết, nên khi đọc Nôm rõ ràng là phải có cân nhắc, có đắn đo. Vũ Văn Kính đã dẫn những trường hợp một chữ Nôm đọc được 19, 20 âm, và những trường hợp một âm ghi 25, 27 cách! (xin xem bảng tra chữ Nôm sau thế kỷ 17, 1994). Ngay đầu Truyện Kiều cùng một chữ mà ở câu 57, bản LVĐ/1871 đọc ĐẤT:

Sờ sờ nấm đất bên đường

Còn ở câu 104 lại phải đọc ĐỨT:

Sầu tuôn đứt nối châu sa vắn dài

Cảm tưởng thứ hai cũng rất có cơ sở. Khi đọc bản LVĐ/1871 có thể gặp những câu như:

Dưới đào sai có bóng người thướt tha (câu 290)

Phúc nào đổi thì giá này cho ngang (câu 408)

Ngày vui ngắn chẳng thủ gang (câu 425)

hoặc những câu như:

Thân ngàn vàng để cái danh má hồng (câu 854)

Cắt người coi sóc liền thầy thuốc thang (câu 992)

Khóa phòng xuân để hành người đào non (câu 1010)

Người quen đọc Nôm có thể căn cứ văn cảnh, căn cứ tự dạng đoán ra ngay: *sai* là *dường*; *thì* là *được* ; *thủ* là *đầy*; *cái* là *ô*; *liền* là *rước*; *hành* là *đợi* do khắc nhầm mà thành. Còn nếu đọc một bản Quốc ngữ mà in sai như thế thì quả là khó mà "lần cho ra manh mối" thực !

Chữ Quốc ngữ có ưu thế là ghi âm sát đúng hơn chữ Nôm nhiều, đó là điều ngay các cụ nhà nho cũng đã từng khen ngợi. Nhưng điều đó cũng có hậu quả của nó. Duy Minh Thị và Trương Vĩnh Kí đều là người Nam Bộ, nhưng giữa hai bản Kiều của hai ông có sự khác nhau rất xa. Đọc bản Kiều DMT/1872, người đọc ít khi thấy rõ dấu ấn của Nam Bộ, vì in Nôm; bản Kiều Trương Vĩnh Kí lại bộc lộ tiếng địa phương nhan nhản khắp nơi, vì in Quốc ngữ. Người vùng khác mà đọc thấy "*chữ mạng – những đều – lạ chi kiểu thơm – nhu gia – Túy Kiều, Túy Vân*" rồi "*đờn bà – phui pha – sau chơn – cu don – tánh trời – thinh khí – nhơn duyên – dưỡng sanh – vưng lời – thơ song – buông kìm – vuờ tay*" v.v. thì thế nào cũng ít nhiều bỡ ngỡ.

Thành thử có thể nói: bản Kiều DMT vẫn là bản Kiều của toàn quốc, còn bản Kiều Trương Vĩnh Kí là bản chỉ phục vụ riêng người đọc miền Nam mà thôi.

Chữ Quốc ngữ theo hẳn kỹ thuật ấn loát của Tây phương nên có in hoa, in thường, có đủ cả các dấu chấm câu: dấu phẩy, dấu chấm, dấu than, dấu hỏi v.v... Dấu chấm câu không có trong chữ Hán, chữ Nôm. Có lẽ do biết truyền thống đó, bản TVKI chấm câu cũng đang đơn giản. Nhưng sang bản Kiều Quốc ngữ của A.D.Michels thì tình hình đã khác hẳn. Xin xem một ví dụ của bản này đã được chấm câu như thế nào, từ câu 963 đến câu 967:

"Nầy nầy! Sự đã quả nhiên!
Thôi! Đã cướp của chồng min đi rồi!
Bảo thì đi dạo lấy người,
Đem về rước khách, kiếm lời mà ăn!
Tuồng vô ngãi! Ở vô nhân!..."

Muốn biết A.D.Michels đã hiểu văn bản truyện Kiều như thế nào, thiết nghĩ cũng nên tìm hiểu cách chấm câu của ông. Đó cũng là một đề tài nghiên cứu khá thú vị và khá bổ ích về nhiều phương diện. Hy vọng rằng sẽ có một nhà nghiên cứu nào đấy nay mai sẽ cho chúng ta những kết luận cần thiết sau khi đi sâu vào vấn đề này.

IV. VỀ QUÁ TRÌNH PHỔ BIẾN TRUYỆN KIỀU RA CÁC VÙNG

A. Nguồn gốc Nghệ Tĩnh của các bản sao đầu tiên

Trên đây, từ trang 16 cho đến trang 45, chúng ta đã thử phác qua lịch sử diễn biến của văn bản truyện Kiều, và đã nêu lên vài nét về các nguyên nhân đã tác động đến những sự diễn biến đó. Nhưng như thế vẫn chưa thể cho là đủ. Nói đến lịch sử truyện Kiều, thiết nghĩ cũng cần phải tìm hiểu thêm cả mấy vấn đề sau đây:

- Quá trình truyền bá, phổ biến truyện Kiều ra các vùng (nhất là giai đoạn từ đầu cho đến cuối thế kỷ 19).

- Và mối quan hệ, ảnh hưởng qua lại giữa các truyền bản của giai đoạn đó.

Muốn tìm hiểu quá trình truyền bá ra các vùng thì chỗ dựa chủ yếu là cứ liệu về các phương ngữ. Về cơ bản, mọi người đều nhất trí rằng truyện Kiều là một tác phẩm được viết theo tiếng miền Bắc. Nhưng xét kỹ các truyền bản Nôm, vẫn có thể phát hiện ra lẻ tẻ đó đây, một số cách viết phản ảnh lối nói, lối phát âm của vùng này vùng nọ, không giống như truyền thống ở Bắc. Sau đây là cứ liệu về ba vùng quan trọng nhất cần xét đến: cứ liệu về phương ngữ Nghệ Tĩnh, cứ liệu về phương ngữ Thừa Thiên – Huế và cứ liệu về phương ngữ Nam Bộ.

Về cứ liệu phương ngữ Nghệ Tĩnh, trong cuốn TƯ LIỆU TRUYỆN

KIỀU: BẢN DUY MINH THỊ 1872, chúng tôi đã viết từ trang 50 đến trang 54 và từ trang 546 đến trang 548. Xin nhắc lại vài điểm chính - Mặt từ ngữ đáng lưu ý là các trường hợp như:

- Dùng CÁO với ý nghĩa "chỉ lấy lòng thành để cúng" như ở 2 câu 95, 96:

Lâm dâm khấn vái nhỏ to

Sụp ngồi và CÁO trước mồ, bước ra

- Dùng ĐÍCH với ý nghĩa là "chút xíu" như ở 2 câu 75, 76:

Đã không duyên trước chăng thà (thè)

Thì chi chút ĐÍCH gọi là duyên sau

- Dùng TRẸ với ý nghĩa là "rẽ" như ở 2 câu 1125, 1126:

Nàng càng thổn thức gan vàng

Sở Khanh đã TRẸ dây cương lối vào

- Dùng NEN với ý nghĩa là "chen, chèn" ở 2 câu 987, 988:

Nỗi oan vỡ lở xa gần

Trong nhà người chật một lần như NEN

- Dùng MÙI với ý nghĩa là "màu", như ở 2 câu 139, 140:

Tuyết in sắc ngựa câu dòn

Cơ pha MÙI áo, nhuộm non dạ trời

- Dùng NGHỈ với ý nghĩa là "nó, hắn" ở các câu 893, 1188:

Mé ngoài NGHỈ đã giục liền ruổi xe

Dơ tuồng NGHỈ mới kiếm đường tháo lui

- Dùng ĐÂY với ý nghĩa là đại từ ngôi thứ nhất, ở câu 2324:

Từ rằng việc ấy ĐÂY cho mặc nàng

Mặt phát âm: chúng tôi chỉ chọn hiện tượng dấu ngã đọc thành dấu nặng và một hiện tượng về phụ âm: TƠ CHÙNG nói thành TƠ GIÙNG > DÙNG. Vì sao vậy? Ai cũng biết vùng Nghệ Tĩnh nói riêng, vùng Khu IV cũ nói chung còn giữ được rất nhiều phụ âm cổ, như V nói thành B (ví dụ: VUA – BUA), D nói thành Đ (ví dụ: DA – ĐA); GI nói thành CH (ví dụ: GIƯỜNG – CHỜNG); G nói thành K (ví dụ: CON GÁI – CON CẤY) v.v. Nhưng những phụ âm cổ đó thường được bảo lưu trong chữ Nôm, vì chữ Nôm đã được đặt ra từ lâu, trong quá khứ; người miền Bắc phát theo âm mới nhưng viết lại dùng chữ Nôm có âm cổ. Chỉ có vài trường hợp tránh được điều đó, và chúng tôi sở dĩ chọn chúng là vì vậy.

Sau đây là bảng thống kê các từ ngữ và các cách phát âm Nghệ Tĩnh hiện thấy trong 9 bản Kiều thế kỷ 19.

I – TỪ NGỮ	CÂU	D	T/75	1884	71	TH	Q	V	1870	K
Chút đích	76	+	+	+			+	+	+	+
Mùi áo	140	+			+	+	+	+	+	+
Nghỉ (= nó, hắn)	893									
(bộ thủ 扌)		+	(+)	+	+		+			+
(bộ nhân 亻)						+		+	+	
	1188									
(bộ thủ 扌)			(+)		+	+	+	+		
(bộ nhân 亻)		+		+					+	+
Đây (đại từ ngôi thứ nhất)	2324	+		+	+	+	+	+		
Nen (thanh phù niên)	48	+		+	+	+		+	+	
	988	+		+	+	+	+	+	+	+
Cáo (= cúng với lòng thành)	96	+								

II – PHÁT ÂM	CÂU	D	T/75	1884	71	TH	Q	V	1870	K
Giùng / Dùng (dụng)	254	+	+	+	+	+	+	+	+	
Lưỡng lự (lượng)	217	+		+	+	+	+	+	+	+
Tiễn hành (tiện)	872	+		+	+	+	+			
Tầm tã (tạ)	851	+								
	1944	+		+	+	+	+	+	+	
Đãi đằng (đại)	1025	+		+	+	+	+	+		
	2011	+		+	+	+	+	+		
Phũ (phụ)	592	+	+	+	+	+	+	+	+	+
Phũ phàng (phụ)	85	+	+	+	+	+	+	+	+	+
	1969	+	+	+	+	+	+	+	+	+
	2897	+	+	+	+	+	+	+	+	+
Hãi hùng (hại)	1720			+	+	+	+	+		
Nghĩ (nghị)	238	+								
	554	+		+						
	788	+		+						
	1190	+								
	1431	+		+						

II – PHÁT ÂM	CÂU	D	T/75	1884	71	TH	Q	V	1870	K
	1435	+		+						
	1588	+								
	2546	+								
	3172	+		+						

(+): Bản Trương Vĩnh Kí ghi Quốc ngữ với dấu ngã như có bộ 扌 (thủ).

Bảng thống kê cho thấy cả ba bản miền Nam: D (= Duy Minh Thị, 1872), T (= Trương Vĩnh Kí, 1875), 1884 (A.D.Michels); cả bốn bản miền Bắc: 71 (= Liễu Văn Đường, 1871), Th (= Thịnh Mĩ Đường, 1879), Q (= Quan Văn Đường, 1879), V (= VNB-60); cả hai bản nguồn gốc Huế: 1870 (= bản Lâm Nọa Phu), K(= Kiều Oánh Mậu, 1902) đều có sử dụng – không nhiều thì ít, một số từ ngữ của vùng Nghệ Tĩnh, và một số cách ghi Nôm phản ảnh cách phát âm của vùng đó. Hơn nữa bản thống kê cũng cho thấy rằng bản Kiều có nguồn gốc cổ nhất – bản DMT/1872 là bản có số lượng nhiều nhất. Hai điều đó cho phép chúng ta rút ra một nhận định: các bản sao xưa nhất phát đi cả ba miền đất nước đều là những bản sao có nguồn gốc Nghệ Tĩnh. Khi nói đến từ ngữ Nghệ Tĩnh trong truyện Kiều, cụ Hoàng Xuân Hãn chỉ nghĩ đến vai trò của tác giả. Còn khi nói đến nguồn gốc Nghệ Tĩnh của các bản Kiều đã phát đi, chúng tôi nghĩ nhiều đến vai trò của những người sao chép: chắc họ là những người trong đám bà con, bạn bè, học trò của cụ Nguyễn Du. Thấy cụ Nguyễn Du viết được một truyện Nôm hay, họ sao thêm cho cụ và cho bản thân họ một số bản nữa. Vì họ đều là người Nghệ Tĩnh cho nên họ mới đưa cách phát âm của họ vào trong cách ghi Nôm nhiều đến thế.

Cũng nên nghĩ thêm đến một giả thuyết nữa: là trung tâm tiến hành sao chép và phát các bản sao chép đi khắp các nơi, đó là vùng quê hương Nguyễn Du. Giả thuyết này không bắt nguồn trực tiếp từ bảng thống kê trên đây, bởi vì bảng thống kê chỉ cho biết chuyện có một nhóm người Nghệ Tĩnh sao ra những bản sao đầu tiên, chứ không cho biết những bản đó sao ở đâu! Ở đâu mà Nguyễn Du chẳng tìm được một số bà con bạn bè quê Nghệ Tĩnh: ở Thăng Long chẳng hạn! Nhưng tiểu sử cụ Nguyễn Du cho biết khoảng 30 tuổi Cụ về quê, có mấy năm rảnh rỗi, đi săn, đi câu, đi hát phường vải, sang Trường Lưu chơi, và làm được mấy tác phẩm Nôm nữa. Rất có thể trong thời gian này Cụ đã chữa đi chữa lại bản phác thảo truyện Kiều nên ở quê mới có truyền thuyết Cụ viết một đêm là xong, bạc trắng cả đầu! Mà đã chữa đi chữa lại ở Tiên Điền thì chắc vùng Tiên Điền là vùng phát đi các bản sao đầu tiên. Có điều giả thuyết này chỉ đứng vững được nếu quả đúng là cụ Nguyễn Du đã phác thảo xong truyện Kiều vào thời Tây Sơn: một ý kiến đã có người nghĩ đến, nhưng đang còn cần phải chứng minh thêm, với những

luận cứ có hoàn toàn đầy đủ sức thuyết phục.

Những bản sao gốc Nghệ càng ngày càng được nhân bản, nhưng mỗi lần nhân thêm bản mới, từ ngữ đôi câu cũng có thay đổi, do chỗ – như trước đây đã nói – Cụ Nguyễn Du vẫn tiếp tục chữa đi chữa lại. Rồi một số được truyền đi các nơi: vào Huế, vào Nam và ra Bắc. Đến mỗi nơi lại có chuyện nhiều người chép lại, và mỗi nơi chép lại đều ít nhiều có thay đổi, hoặc bỏ bớt các cách ghi quá đặc biệt của vùng Nghệ Tĩnh hoặc/và gia thêm cách viết của địa phương mình. Chứng cớ là các bản sao ở Huế, có bản chữa BẢO thành BIỂU theo lối nói các "Mệ hoàng phái", thay NĂN (trong ĂN NĂN, NĂN NỈ) bằng NĂNG, thay DAN (trong DAN DÍU) bằng GIANG, thay SỞN (trong SỞN GAI) bằng SỞNG, chuyển BUÔNG (trong THÌ BUÔNG) thành BUÔN, thay KHẮT (trong KHẮT KHE) bằng KHẮC, thay CHẮC (trong ĐÃ CHẮC) bằng CHẮT v.v. theo đặc điểm phát âm vùng Thừa Thiên – Những điều này còn có thể thấy qua bản cụ Đào Nguyên Phổ đem từ kinh về tặng cho Kiều Oánh Mậu, và được cụ Kiều giữ nguyên (xin xem ở các câu 965, 2407, 3195, 1784, 1300, 2006, 2142, 1220, 2282). Nhưng cũng tùy cả người chép: Cụ Lâm Nọa Phu năm 1870 cũng sao lại một bản ở Huế, nhưng vì Cụ là người Hoan Châu, Cụ không theo những cách viết đặc biệt ấy của các vị công tử vương tôn.

Các bản vào Nam chắc cũng phải kinh qua Huế, vì Huế vốn là kinh đô từ thời các chúa vùng đất Đàng trong cho đến cả thời Tây Sơn và triều Nguyễn. Một bản đã có phần Nam Bộ hóa như bản DMT/1872 mà còn giữ lại được của Huế: CAY ĐẮN thay vì CAY ĐẮNG (ở câu 1870), NGĂN ĐOÁN thay vì NGĂN ĐÓN (ở câu 793) hoặc VỀ NHÀ thay vì VỀ GIÀ (ở câu 810), NHƠ TAY thay vì GIƠ TAY (ở câu 295).

Vào Nam, tất nhiên các bản Kiều lại chịu ảnh hưởng của miền Nam. Hai bản Quốc ngữ của Trương Vĩnh Kí và A.D.Michels đầy rẫy ví dụ về cách phát âm Nam Bộ, vì chữ Quốc ngữ ghi sát theo âm, người Nam Bộ nói sao, đọc sao, hai bản này ghi đúng như vậy (xin xem lại các ví dụ ở trang 45) – Bản Duy Minh Thị, tuy ít hơn, nhưng cũng có dùng đây đó một số cách nói năng của miền Nam, ví dụ QUÀNG XIÊN ghi thành QUÀNG XUYÊN, KHỦNG KHIẾN ghi thành KHỦNG KHUYẾN (câu 1701 và câu 1734). Một số chữ Nôm Duy Minh Thị dùng lại có lối cấu tạo riêng, người đọc miền Bắc không dễ nhận ra, ví dụ NGẮT gồm NGẠT + LẮT, THẸN gồm KHẨU + NẢN, BỞI gồm NGUYÊN + DO v.v. ([illegible], [illegible], [illegible] ở ba câu 758, 787, 767).

Các bản truyền bá ở miền Bắc (hay từ Tiên Điền gửi ra Bắc?) cũng vậy thôi: ở các bản LVĐ/1871, TMĐ/1879, QVĐ/1879 và VNB-60, đã bỏ bớt nhiều chữ ghi thanh điệu hay ghi phụ âm theo kiểu Nghệ Tĩnh và thay cách ghi của miền Bắc vào. Ví dụ về thanh điệu: ở 9 câu 238, 554, 788,

1190, 1431, 1435, 1588, 2546, 3172 chữ NGHỊ dấu nặng đều chữa thành chữ NGHĨ dấu ngã. Ví dụ về phụ âm: ở Nghệ Tĩnh thường nói CAU MÀY hơn CHAU MÀY; nói NGƯỜI ĐẾN TRẶT NHÀ hơn CHẬT NHÀ; bản Duy Minh Thị/1872 còn giữ CAU (ở câu 2010) và có lẽ TRẶT (ở câu 988), nhưng các bản miền Bắc đều chuyển thành CHAU và CHẤT//CHẬT cả.

Có một điều đáng lưu ý là các bản LVĐ/1871, TMĐ/1879, QVĐ/1879 đều hầu như không có một dấu ấn nào của lối ghi Nôm và lối nói của vùng Thừa Thiên – Huế: thế có nghĩa là các bản Kiều đã được truyền bá ngay ở đất Thăng Long, hay nếu có gửi từ Tiên Điền ra thì cũng gửi thẳng, không kinh qua Huế như các bản ở Nam Bộ. Chúng tôi sở dĩ nói "hầu như" là vì có một trường hợp cần cân nhắc. Ở hai câu 1555, 1556, các bản miền Bắc cũng đều in:

Tuần sau bỗng có hai người

Mách tin ý cũng liệu bài TÂN CÔNG

Trước đây chúng tôi ngờ rằng TÂN là chữ TÂNG ghi theo lối HUẾ. Nhưng có 3 cơ sở làm cho chúng tôi về sau sinh ra ngờ vực:

- Ở bản 1870 cụ Lâm Nọa Phu chép ở Huế, Cụ ghi DÂNG CÔNG chứ không phải TÂNG CÔNG.

• Ở bản 1884, A.D.Michels ghi Nôm là TÂN như ở bản DMT/1872 nhưng lại in Quốc ngữ là TẤN như ở Trương Vĩnh Kí. Có 2 khả năng: hoặc bản thân Trương Vĩnh Kí phiên Nôm sai TÂNG thành TẤN; hoặc Trương Vĩnh Kí biết rằng chữ TÂN có thể dùng thay một chữ có 2 cách đọc là TẤN hay TIẾN, với nghĩa là "dâng đưa".

• Một số nhà nghiên cứu (như Đào Duy Anh) và một số từ điển chữ Nôm (như cuốn của Nguyễn Quang Xỹ, Vũ Văn Kính, ở miền Nam và cuốn của Trần Văn Kiệm ở Mỹ) cũng đều thiên về hướng cho rằng đây là một cách ghi Nôm được chấp nhận ở nhiều vùng chứ không phải là một lối ghi đặc biệt chỉ dùng riêng ở vùng Thừa Thiên – Huế.

Nhìn chung lại, dầu đang có điểm đang cần cân nhắc kỹ thêm, nhưng khả năng các bản LVĐ/1871, TMĐ, QVĐ/1879 xưa đều xuất phát từ một hay vài bản sao trực tiếp truyền ra miền Bắc, không kinh qua Huế, là một khả năng có xác suất rất cao, rất dễ được chấp nhận.



Đến đây một vấn đề lại nảy ra: vậy việc truyền những bản sao gốc Nghệ Tĩnh ra ba miền là một việc xảy ra khoảng nào, và như thế nào, sau khi bản phác thảo đã được định hình về cơ bản? Theo ý riêng chúng tôi: khá

sớm! Cụ Hoàng Xuân Hãn cho biết cụ Phạm Quý Thích đã đọc xong bản Kiều khoảng một ngày trước khi đến Huế – Năm cụ Phạm Quý Thích đến Huế, theo tài liệu chắc chắn nhất, là năm 1811, nếu quả trước đó Cụ chưa hề có một chuyến đi nào. Mà bản Kiều cụ Phạm Quý Thích đọc, theo ý chúng tôi, là bản đã có câu 2 chữa lại như hiện thấy:

Trăm năm trong cõi người ta

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau

Điều đó có thể suy ra từ các bản hiện có và từ 2 câu thơ cụ Phạm:

Bạc mệnh cầm chung oán hận trường

Nhất phiến tài tình thiên cổ lụy

Chúng tôi đã từng chứng minh truyền bản TÀI MỆNH... GHÉT NHAU là truyền bản thứ ba của cụ Nguyễn Du. Trước truyền bản này, tác giả đã từng có 2 câu phác thảo cổ hơn. Mà hai bản sao có 2 câu phác thảo cổ đó cũng đã từng được truyền đi, vì cuối cùng chúng đều đến được tay cư sĩ Duy Minh Thị cả. Ở Bắc, vì gần, truyền bản 3 đến sớm, nên chúng bị bỏ. Vậy chuyện có những bản sao gốc Nghệ Tĩnh lần lượt lên đường, tung ra khắp cả 3 miền là một chuyện có khả năng đã xảy ra vào khoảng đầu đời Gia Long – Mà đó mới chỉ là nói đến những bản sao thuộc loại đầu tiên. Còn về sau, khi mỗi miền đều đã có những bản sao riêng của mình rồi, thì chắc việc phổ biến, trao đổi các bản sao giữa các vùng là chuyện còn xảy ra thường xuyên hơn nữa.

Chắc chắn là đã có rất nhiều bản sao khác nhau. Chỉ vì chúng ta bảo quản kém nên đã để mất mát quá nhiều. Hiện nay các bản thảo có tự tích tác giả đều không còn nữa. Các bản gốc mà Duy Minh Thị dùng, các nhà tàng bản dùng cũng đều không còn! Mà đó là chưa nói đến các trường hợp mất mát khác nữa: ví dụ mất bản quý mà Trương Vĩnh Kí đã từng có trong tay! Vì sao biết vậy? Biết, vì đó là bản duy nhất biên tập khoảng sau 1833, không kị húy chữ HOÀN nữa, nên ở câu 354 Trương Vĩnh Kí mới in theo là:

Giở KIM HUỜN với khăn hồng trao tay

Tất cả các bản thế kỷ 19 mà chúng tôi hiện có đều in hoặc GIỞ KIM CHÂU (DMT, LVĐ, QVĐ, TMĐ, VNB-60) hoặc GIỞ KIM THOA (bản Lâm Nọa Phu, bản Kiều Oánh Mậu). Hoặc mất một bản khoảng trước 1870 với chữ CHĂNG viết là 庄 ở câu 1901, 1902:

VÍ CHĂNG 庄 có số giàu sang

Giá này dẫu đúc nhà vàng cũng nên

Vì sao biết vậy? Biết, vì câu này có 4 dị bản:

Ví sinh 生 ở các bản DMT, TVK, ADM

Ví chăng 庄 ở bản KOM

Ví chăng 極 ở các bản LVĐ, TMĐ, QVĐ, VNB-60

Ví mà 𦓡 ở bản Lâm Nọa Phu

Chữ CHĂNG 庄 phải ở khâu trung gian trong quá trình diễn biến 生- 庄- 極 mới lô gích, vì CHĂNG 庄 giống SINH về tự dạng, CHĂNG giống CHĂNG//CHẲNG 極 về ngữ nghĩa. Bản 1870 chữa thành hay chép theo bản đã chữa thành VÍ MÀ vì cho là VÍ CHĂNG sai[1]. Nhưng VÍ CHĂNG nào? Nhất định là 丕 庄 vì trước nó, trong bản gốc mà DMT trùng san, đã có VÍ SINH; SINH 生 thì chỉ có thể chuyển sang chữ CHĂNG 庄 này. Chắc hẳn bản bị mất này là bản về sau được chép lại thành bản cụ Đào Nguyên Phổ đem từ kinh ra, tặng Kiều Oánh Mậu. Bản Đoạn trường tân thanh của Kiều Oánh Mậu sở dĩ in chữ CHĂNG 庄 là vì vậy.

B. Một số ảnh hưởng qua lại hiện thấy giữa các bản Kiều thế kỷ 19

Muốn làm sáng tỏ vấn đề này, cần tiến hành 2 việc:

➢ Trước hết là việc xác định niên đại xuất hiện trước sau giữa 9 bản này, căn cứ vào thời gian biên tập bản gốc của chúng, chứ không phải căn cứ vào năm in, năm chép.

➢ Và thứ hai là việc cố gắng tìm ra các tiêu chí có thể giúp chúng ta xác định được chiều hướng ảnh hưởng từ bản nào đến bản nào.

Về việc đầu, rõ ràng là phải quay lại, dựa vào hiện tượng kị húy.

Căn cứ vào chuyện có kị húy Thiệu Trị, Tự Đức hay không có thể vạch ra sự lưỡng phân:

I – Các bản muộn đã kị húy Thiệu Trị, Tự Đức:	II – Các bản sớm chưa kị húy Thiệu Trị, Tự Đức:
a) Bản Lâm Nọa Phu 1870	a) Bản Duy Minh Thị
b) Bản Kiều Oánh Mậu 1902	b) Bản Liễu Văn Đường
	c) Bản Thịnh Mĩ Đường
	d) Bản Quan Văn Đường
	e) Bản VNB-60

Rồi căn cứ vào chuyện đã kị húy chữ CẢO/KIỂU theo lệnh năm 1836 đời Minh Mệnh hay chưa, lại có thể vạch bước lưỡng phân thứ hai:

---

[1] Vẫn có người ủng hộ VÍ CHĂNG, nhưng trong Truyện Kiều, ở hai câu 257, 2017, VÍ CHĂNG đều dùng với ý nghĩa "Ví không có" chứ không dùng với ý nghĩa "Ví như... chăng?". Cách giải thích của cụ ĐDA do đó khó đứng vững.

I – Các bản muộn đã kị húy:

a) Bản gốc bản Liễu Văn Đường 蒿

b) Bản gốc bản Thịnh Mĩ Đường 高

c) Bản gốc bản Quan Văn Đường 嚆

d) Bản gốc bản VNB-60 嚆

II – Bản sớm, chưa kị húy:

a) Bản gốc bản Duy Minh Thị 藁

Như vậy, theo trình tự trước sau trong việc biên tập, ta có 3 thế hệ văn bản gốc:

➢ Biên tập trước năm 1836, mà chính xác là trong khoảng 1803-1825: bản gốc của bản DMT/1872, 1879.

➢ Biên tập trong khoảng 1836-1840: bản gốc bốn bản LVĐ/1871, QVĐ/1879, TMĐ/1879 và VNB-60/?/;

➢ Biên tập sau năm 1847: bản gốc bản LNP/1870 và bản gốc bản KOM/1902.

Hai bản Trương Vĩnh Kí, ADM phải xét riêng. Bản TVKI là một bản Quốc ngữ. Bản ADM thì nửa Nôm nửa Quốc ngữ: phần Nôm dựa chủ yếu vào bản DMT/1872, nhưng có tham khảo thêm một bản miền Bắc, phần Quốc ngữ chịu nhiều ảnh hưởng của bản TVKI. Cả TVKI cả ADM đều không kị húy TÔNG, THÌ, HỒNG, NHẬM. Hơn nữa, căn cứ chữ HUỜN ở câu 354 có thể đoán rằng riêng TVKI có dùng thêm một bản Nôm biên tập sau năm miễn húy HOÀN (1833) vì như đã nói – chữ này không đâu có nữa: ở DMT và các bản miền Bắc đều in là CHÂU (chắc do các bản gốc xưa viết tắt chữ HOÀN để kị húy rồi sau chép nhầm mà thành), còn 2 bản LNP, KOM lại đều đổi thành THOA. Bản ADM in Nôm chữ này theo DMT là CHÂU, in Quốc ngữ theo TVKI là HUỜN lại viết húy chữ KIỂU theo lối LVĐ! Như vậy 2 bản này đều có nguồn gốc cổ hơn 2 đời Thiệu Trị, Tự Đức, tuy TVKI in năm 1875 và ADM in năm 1884. Nhìn chung bản ADM gần DMT, bản TVKI thì xa DMT hơn và xích gần các bản LVĐ, TMĐ, QVĐ.

Về vấn đề các thế hệ sau vừa tiếp thu vừa cách tân những gì đã có ở các thế hệ trước, riêng với tiêu chí kị húy, có thể lập thành 2 bảng chính như sau:

Bảng 1: thay LAN bằng HƯƠNG

CÂU	DMT	ADM	TVKI	LVĐ	TMĐ	QVĐ	VNB60	LNP	KOM
162	+	+							
375	+	+		+	+	+	+		
497	+	+	+	+	+	+	+		
1310	+	+	+						

CÂU	DMT	ADM	TVKI	LVĐ	TMĐ	QVĐ	VNB60	LNP	KOM
1471	+			+	+	+	+	+	
1988	+	+		+	+	+			

Bảng 2: kị húy chữ GIỐNG//CHỦNG

CÂU	DMT	ADM	TVKI	LVĐ	TMĐ	QVĐ	VNB60	LNP	KOM
243	Thói	Thói	Thói	Thói	Thói	Thói	Thói	⿰器重	⿰重禾
258	Thói	Thói	Thói	Thói	Thói	Thói	Thói	⿰器重	⿰重禾
853	Chốn	<種>	<giống>	<種>	揰	揰	揰	⿰器重	⿰重禾
1194	衆	<種>	<giống>	眾	眾	眾	眾	⿰器重	⿰重禾
1728	⿱巛種	<種>	<giống>	种	仲	仲	仲	⿰器重	種
2066	Hệt	Hệt	Hệt	种	Tạc	⿰木中	Tạc	⿰器重	種
2097	Khéo	Khéo	Khéo	Hại	Khéo	Khéo	Khéo	⿰器重	種

Chú thích: < > = trường hợp quên kị húy.

Qua hai bảng có thể thấy:

- Các bản miền Nam, miền Bắc khá gần gũi nhau, tạo thành một khối; 2 bản LNP, KOM đứng tách thành một khối riêng, khác hẳn.

- Các bản miền Nam, miền Bắc tiếp thu nhiều, tuy cũng đã có những cách tân. Hai bản LNP và KOM thì hầu như không tiếp thu gì từ các bản trước; chúng cách tân hoàn toàn cách kị húy.

- Nếu cần tiêu chí hình thức, chỉ dựa vào một câu 243 (hoặc 258) là có thể vạch được sự đối lập giữa Bắc, Nam và Huế; dựa vào một câu 2066 là thấy ngay sự phân chia thành Bắc Nam; còn sự chia nhỏ trong nội bộ mỗi miền thì cũng đều có thể tìm ra tiêu chí như vậy, nhưng phải đi thêm hai, ba bước nữa.

Việc căn cứ vào mặt kị húy phân thành 3 thế hệ có quan hệ với nhau như trên rất ăn khớp với kết quả nghiên cứu các mặt khác. Chẳng hạn cứ liệu về mặt khảo dị ở gần 2 ngàn chỗ có từ ngữ khác nhau (con số chính xác của chúng tôi là 1962 chỗ) cũng cho thấy:

- Hai bản gốc Huế đứng tách riêng hẳn: chúng khác bản DMT đến gần 60% từ ngữ (bản LNP 57,4%, bản KOM 57,3%).

- Bốn bản miền Bắc khác DMT ít hơn, khoảng 40% (bản VNB-60 khác 38,2%, TMĐ 38,7%; 2 bản LVĐ, QVĐ: 39,7%).

- Bản TVKI của miền Nam cũng có số liệu xấp xỉ như các bản miền Bắc: khác DMT khoảng 40,8%.

- Riêng bản ADM do dựa chủ yếu vào bản DMT nên chỉ khác DMT khoảng 21,6%.

Rõ ràng các bản Kiều biên tập càng muộn bao nhiêu thì càng đi xa các bản cổ bấy nhiêu. Có điều, trong xu hướng chung đó, ý nghĩa 2 bên có chỗ khác nhau: ở địa hạt kị húy, càng bỏ được những vết tích cổ bao nhiêu là càng tốt bấy nhiêu, bởi vì làm những sự cách tân như bỏ HƯƠNG phục hồi lại LAN hoặc bỏ THÓI, CHỐN, HỆT, KHÉO phục hồi lại GIỐNG... đó chính là gạt bỏ được những cái tai hại của các lệnh xưa để trở về với nguyên tác của Nguyễn Du. Còn ở địa hạt từ ngữ thì như trên đây đã thấy – kết quả lại khác: nếu đính ngoa mà không đúng, nếu nhuận sắc mà quá nhiều thì chỉ có hại cho văn bản gốc của tác giả mà thôi.

*

Một loại cứ liệu nữa mà chúng tôi cũng chọn làm tiêu chí, là những chỗ sai sót làm mất nghĩa, mất vần, hoặc mất sự hài hòa cần thiết về mặt bằng trắc. Nếu những sai sót đó mà cứ thấy lặp đi lặp lại hoàn toàn như nhau ở nhiều bản thì nhất định đó không thể là một sự trùng lặp tình cờ do sự ngẫu nhiên đưa lại. Mà phải giải thích đó là hậu quả của các luồng ảnh hưởng đã tỏa ra từ bản trước đến bản sau hoặc đôi khi giữa cả các bản hầu như đồng thời.

Vì những sai sót này có số lượng cực nhiều, nên chúng tôi chỉ xin được chọn một số trường hợp tương đối điển hình để minh họa. Trước hết xin chọn những ví dụ sau đây, rút từ bản Duy Minh Thị. Trong bản DMT/1872 có đủ cả 4 trường hợp sai sót:

a) Sai sót mà không ảnh hưởng đến bản nào, vì sai sót quá dễ thấy, các bản sau đều đính ngoa lại hết, ví dụ:

Hoa <u>ghen</u> thua thắm liễu hờn kém xanh: chữ GHEN khắc thành chữ TÍNH (câu 26).

b) Có sai sót nhưng chỉ ảnh hưởng đến các bản Nam Bộ, ví dụ:

Hài văn lần bước dặm xanh: hai chữ HÀI VĂN in thành GIAI NHÂN (câu 143). Nói Kim Trọng thì không thể dùng 2 chữ GIAI NHÂN, nhưng cả 2 bản TVKI và A.D.Michels đều in theo như vậy. Nói chung, bản ADM sai theo DMT rất nhiều.

c) Có những sai sót thấy cả ở bản DMT/1872, cả ở các bản miền Bắc, ví dụ ở câu 1568:

Sinh đà về đến lầu hồng xuống yên: chữ XUỐNG khắc thành chữ DƯỚI (câu 1568) – Các bản LVĐ/1871, TMĐ/1879, QVĐ/1879 và VNB-60 cũng in DƯỚI như vậy.

d) Và cuối cùng là những sai sót có mặt đồng thời ở cả bản DMT/1872, ở cả các bản miền Nam, miền Bắc và đôi khi ở cả một hai bản của Huế. Ví dụ về các sai sót có mặt ở cả Nam cả Bắc.

Có khi vui chuyện mua cười

Tiểu thư lại giở những lời đâu đâu (câu 1582)

DMT/1872 khắc LỜI thành ĐIỀU, làm mất vần: hiện tượng này thấy lặp lại ở cả hai bản TVKI, A.D.Michels, đồng thời cũng thấy có mặt ở cả 4 bản LVĐ/1871, TMĐ/1879, QVĐ/1879 và VNB-60. Ví dụ về các sai sót bản Huế cũng sai theo:

Cắt người xem sóc, chạy thầy thuốc men (câu 992)

MEN bị bản DMT/1872 khắc thành THANG! THUỐC THANG thì có nghĩa, nhưng nó không gieo vần được với TRẦN DUYÊN của câu sau, nên ta biết chắc là có sai sót. Sai sót này không những hiện thấy ở 2 bản miền Nam (TVKI, A.D.Michels), ở 4 bản miền Bắc (LVĐ, TMĐ, QVĐ, VNB-60), mà còn thấy ở cả bản cụ Lâm Nọa Phu chép tại Huế năm 1870!

Những cứ liệu trên đây cho phép suy nghĩ như sau:

- Hai bản miền Nam chắc chịu ảnh hưởng trực tiếp từ bản trùng san năm 1872 của DMT, vì chúng đều in sau, lại ở trong cùng một vùng. Ngay A.D.Michels đã viết rõ rằng ông dựa vào bản DMT/1872 là chính.

- Các bản miền Bắc thì chắc chịu ảnh hưởng của một bản gốc cùng kiểu như bản gốc mà DMT đã dùng. Không thể giải thích sự sai sót ở các bản này như sự sai sót ở các bản TVKI, A.D.Michels được, bởi lẽ đơn giản là khi bản LVĐ in ra năm 1871 thì bản DMT/1872 còn chưa in!

- Các bản sao cổ, biên tập khoảng đời Gia Long nhất định có được truyền đến Huế, chứng cớ là bản gốc DMT dùng cũng đã kinh qua Huế, được sao chép lại tại Huế, tiếp thu đôi nét của phương ngữ Thừa Thiên – Huế (như đã nói trước đây). Nhưng khi thống kê, chúng tôi thấy có một hiện tượng lạ: có rất ít sai lầm chung giữa các bản gốc Huế với các bản miền Nam, miền Bắc, trong lúc giữa Nam với Bắc số lượng sai lầm chung đó lại khá nhiều. Tại sao? Chúng tôi đã sơ bộ nghĩ đến hai khả năng giải thích:

Một là: Các bản được chính thức gửi vào kinh đô chắc là những bản đã được biên tập cẩn thận – được rà soát kỹ lưỡng các chỗ cần kị húy, được chữa lại các chỗ lỡ sai.

Hai là: Huế là nơi tập trung được nhiều người đọc, người duyệt, người sao chép có trình độ, họ đã bỏ nhiều công sức vào các việc đính ngoa, nhuận sắc.

*

Cùng loại với những sai sót như trên, là những ký hiệu văn tự quá đặc biệt hoặc những từ ngữ quá bất ngờ[1]. Có sự lặp đi lặp lại của những chi tiết này hay không, nhiều khi đó cũng là một tiêu chí có thể vận dụng khi xét mối quan hệ tiếp thu hay cách tân giữa truyền bản thế hệ trước đến các truyền bản thế hệ sau.

Về cách ghi Nôm đặc biệt có thể dẫn 2 ví dụ sau:

	DMT	ADM	TVK	LVĐ	QVĐ	TNĐ	VNB60	LNP	KOM
THUA ghi bằng KHOA (câu 20)	+	+	-	-	-	-	-	-	-
THIỀN ghi bằng THUYỀN (câu 1991)	+	+	+	+	+	-	-	+	-

Về cách dùng từ ngữ quá bất ngờ có thể dẫn những ví dụ như:

	DMT	ADM	TVK	LVĐ	QVĐ	TMĐ	VNB60	LNP	KOM
THƯ HỌA (câu 30)	+	-	-	-	-	-	-	-	-
NĂM ÂM (câu 31)	+	+	+	-	-	-	-	-	-
TRO TÀN (câu 50)	+	+	+	+	+	+	+	-	-

Tuy đã xác định được 3 thế hệ chính giữa các văn bản có niên đại biên tập khác nhau, và cũng đã nêu lên được một số tiêu chí quan trọng có thể giúp chúng ta xác định được phương hướng trong quá trình tìm tòi, nhưng phải thú thực rằng vấn đề nêu lên vẫn là một vấn đề chưa có thể giải quyết triệt để được. Mối quan hệ ảnh hưởng qua lại giữa 9 bản Kiều thế kỷ 19 hiện có vẫn là một mối quan hệ còn nhiều bí ẩn, cần phải tiếp tục khám phá. Có thể thấy rõ điều đó qua 2 bảng số liệu sau đây:

Bảng số liệu thứ nhất: Về những trường hợp chỉ có 2 bản giống nhau – nếu trường hợp giống nhau quá nhiều, chúng tôi chỉ nêu tổng số; nếu trường hợp giống nhau không nhiều lắm, chúng tôi sẽ vừa nêu tổng số, vừa nêu các câu cụ thể để dễ kiểm tra.

---

[1] Nói "bất ngờ" là vì chúng ta đã quá quen với những lối nói khác, ví dụ như THI HỌA, NGŨ ÂM, TRO TIỀN v.v.

BẢNG

	ADM	TVKI	LVĐ	QVĐ	TMĐ	VNB.60	LNP	KOM
DMT	**114**	**12**: 58, 824, 1069, 1221, 1309, 1459, 1488, 1558, 1760, 1772, 2532, 3072	**3**: 2294, 2562, 3194				**10**: 141, 637, 664, 1186, 1296, 1351, 2090, 2795, 2800, 3020	**10**: 633, 1119, 1306, 1665, 1858, 2178, 2426, 2439, 2853, 3189
ADM		**103**	**3**: 2182, 2187, 3144				**2**: 1185, 1447	**2**: 1489, 2825
TVKI				**1**: 1496			**20**	**20**
LVĐ				**53**	**3**: 669, 2561, 3253		**4**: 2093, 2151, 2219, 2419	**2**: 1735, 1756
QVĐ					**9**: 971, 973, 1348, 1356, 1721, 2145, 2163, 2804, 2885	**2**: 1054, 3031		**1**: 712
TMĐ						**43**		**2**: 1054, 1991
VNB.60							**4**: 500, 1795, 2061, 2532	**9**: 4, 98, 515, 1876, 2010, 2090, 2093, 2723, 2820
LNP								**223**

Trong bảng chúng ta có 5 con số lớn hoặc tương đối lớn:

- 223 trường hợp chỉ xuất hiện giống nhau ở 2 bản LNP và KOM
- 114 trường hợp chỉ xuất hiện giống nhau ở 2 bản DMT và ADM
- 103 trường hợp chỉ xuất hiện giống nhau ở 2 bản ADM và TVKI
- 53 trường hợp chỉ xuất hiện giống nhau ở 2 bản LVĐ và QVĐ
- 43 trường hợp chỉ xuất hiện giống nhau ở 2 bản TMĐ và VNB.60

Hai bản LNP, KOM đều có nguồn gốc Huế, ba bản DMT, ADM, TVKI đều ở Nam Bộ, hai bản LVĐ, QVĐ cũng như hai bản TMĐ, VNB-60 đều ở Bắc. Vậy có thể tạm giải thích: hai bản mà sở dĩ giống nhau nhiều đến thế là vì chúng đều có mặt ở cùng một vùng, ở cùng một vùng thì dễ có quan hệ mật thiết với nhau.

Nhưng nhìn chung, những điểm chưa thật rõ, cần phải tìm hiểu thêm lại rất nhiều, ví dụ:

- Vì sao sự giống nhau giữa các bản gốc Huế đạt đến con số gấp đôi các bản Nam Bộ, và hơn gấp 4 các bản Bắc Bộ?

- Hoặc vì sao cùng ở Bắc Bộ nhưng 4 bản lại tách đôi thành 2 phía: phía LVĐ thì gần với QVĐ hơn, phía TMĐ thì lại gần với VNB-60 hơn?

Và tất nhiên cần khám phá nhất là những bí ẩn nằm đằng sau khá nhiều trường hợp có con số nhỏ, ví dụ có thể băn khoăn:

- Vì sao có hai trường hợp lại giống nhau giữa ADM với LNP? Cũng vì sao có một trường hợp lại giống nhau giữa TVKI và QVĐ?

- Hoặc vì sao về mặt kị húy Bắc Nam gần nhau, cùng đối lập với Huế (xin xem trước đây) mà về mặt từ ngữ thì lại ngược lại: Nam giống Huế đến 64 trường hợp trong lúc chỉ giống Bắc 7 trường hợp? Vân vân và vân vân...

Bảng số liệu thứ hai: Cũng đặt ra lắm vấn đề. Đây là bảng cho số liệu về các trường hợp độc đáo, đặc hữu, chỉ có ở một bản duy nhất nào đấy. Như:

- Có 157 trường hợp chỉ có riêng ở bản DMT
- Có 42 trường hợp chỉ có riêng ở bản ADM
- Có 225 trường hợp chỉ có riêng ở bản TVKI
- Có 39 trường hợp chỉ có riêng ở bản LVĐ
- Có 6 trường hợp chỉ có riêng ở bản QVĐ
- Có 16 trường hợp chỉ có riêng ở bản TMĐ
- Có 36 trường hợp chỉ có riêng ở bản VNB-60
- Có 282 trường hợp chỉ có riêng ở bản LNP

- Có 308 trường hợp chỉ có riêng ở bản KOM

Tổng số các trường hợp này là 1111 dị bản, nhưng ở 1962 chỗ có sự khác nhau chúng ta chỉ có 4107 dị bản cả thảy: vậy những hiện tượng độc đáo (chỉ có ở một bản) mà lại lên đến tỉ lệ 27,05% tổng số! Làm sao cắt nghĩa được điều đó? Hơn một ngàn trường hợp, không bản nào giống bản nào, thật là chuyện kỳ lạ!

Tất nhiên chúng ta có thể nêu lên một vài sự phỏng đoán, ví dụ:

- Hai bản ở Huế đều có khoảng gần 300 điểm đặc hữu: đó là vì ở Huế ai cũng thích đính ngoa nhuận sắc, và ai cũng làm theo ý riêng của mình – như cụ Hoàng Xuân Hãn đã từng nhận xét (xin xem Văn học - số 3/1997).

- Hoặc bản DMT có đến 157 trường hợp khác tất cả 8 bản còn lại: chắc đó là vì do bản DMT còn bảo lưu được một cách trung thành một số lượng lớn những gì cụ Nguyễn Du đã phác thảo ra, những điểm này về sau đã bị đổi khác đi.

- Hoặc Trương Vĩnh Kí là người theo Tây học: ông đã tham khảo nhiều, đã có những sự chọn lựa độc đáo. Và cũng không loại trừ cái khả năng ông có cách phiên Nôm đặc biệt, nhiều khi không giống đa số các nhà nho khác.

Về 4 con số lớn, trên đây chúng ta đều đã thử phỏng đoán. Nhưng những sự phỏng đoán đâu có phải là những kết luận đã được chứng minh! Mà đó là chưa nói đến 5 con số ở 5 bản còn lại! Toàn là những con số không dễ gì cắt nghĩa!

Tóm lại, lịch sử sao đi chép lại, lịch sử truyền bá truyện Kiều ra các vùng là một lịch sử đang còn nhiều chỗ cần phải tìm hiểu tiếp, và mối quan hệ giữa các truyền bản thế kỷ 19 là một mối quan hệ đang chứa đựng nhiều nghi vấn, chưa đủ rõ.

C. Các bản Bắc, Trung, Nam – Sơ bộ giới thiệu 9 bài Kiều thế kỷ 19 sẽ được đem ra đối chiếu

Trước hết có thể chia 9 bản Kiều thế kỷ 19 mà chúng tôi hiện có thành 2 loại chính:

- Loại thứ nhất là 7 bản Nôm ấn loát, sao chép, biên tập theo lối cổ truyền.

- Và loại thứ hai bao gồm 2 bản biên soạn theo tinh thần của nền khoa học Tây phương: một bản chỉ in Quốc ngữ của TVKI (1875); và một bản có cả Nôm, cả Quốc ngữ và cả bản dịch ra tiếng Pháp của Abel des Michels (1884).

Bảy bản loại thứ nhất lại có thể chia nhỏ thành:

➢ Các bản Nôm của miền Bắc, in theo lối bình dân không có tên người biên tập: như bản LVĐ in năm 1871, hai bản QVĐ, TMĐ in năm 1879 và bản VNB-60 hiện chưa rõ năm in, nhưng cùng gốc như ba bản trên.

➢ Hai bản Nôm của vùng Thừa Thiên – Huế: bao gồm một bản do Lâm Nọa Phu chép tay năm 1870 và một bản do cụ Đào Nguyên Phổ đem ở kinh về tặng cho cụ Kiều Oánh Mậu, cụ KOM biên tập, đem khắc và in năm 1902.

➢ Và một bản được chép lại ở miền Nam, rồi được Gia Định thành cư sĩ Duy Minh Thị thuê thợ Quảng Đông khắc in năm 1872.

Các bản miền Bắc

- Hiện chúng tôi có 4 bản: bản LVĐ/1871 do tiến sĩ Đào Thái Tôn in tặng; bản QVĐ/1879 do tiến sĩ Ngô Đức Thọ cho in lại; bản TMĐ/1879 anh A.Lê in hộ từ thư viện Giáo sư Hoàng Xuân Hãn và bản VNB-60 in lại từ thư viện Viện Hán Nôm (T.S.Nguyễn Thị Hồng Cẩm in giúp).

- Hai bản QVĐ và VNB-60 bị mất tờ bìa, thay bìa mới; hai bản QVĐ và TMĐ lại đều mất tờ cuối (từ câu 3217 đến 3254). Nhưng căn cứ 2 bản LVĐ và TMĐ, có thể thấy:

➢ Tên truyện được gọi là KIM VÂN KIỀU TÂN TRUYỆN

➢ Tên tác giả được ghi là TIÊN ĐIỀN LỄ THAM NGUYỄN HẦU SOẠN

➢ Bài thơ Phạm Quý Thích mở đầu bằng 2 chữ "Thi vân" câu 5 còn để "mộng lý" và cuối bài ghi "Lương Đường Phạm tiên sinh soạn" (đã kị húy chữ "Hoa").

- Bên trong đều in mỗi trang 12 dòng, bên lề đều ghi 3 chữ Kim Vân Kiều, và cuối chuyện đều ghi "Kim Vân Kiều truyện" (không có chữ "tân"!) quyển hoàn. Và bản nào cũng đều 3254 câu.

- Đặc điểm của 4 bản miền Bắc là làm thành một hệ thống văn bản rất gần gũi nhau. Nếu so sánh sự giống nhau về từ ngữ giữa 4 bản chúng ta có các con số như sau:

100%	QVĐ	TMĐ	VNB-60
LVĐ	92% 09	86%74	81%65
QVĐ		88%93	83%48
TMĐ			90%87

Qua gần 2.000 chỗ cần khảo dị, sự khác nhau chưa đâu đạt đến 20%! Nếu xuất phát từ 6 con số trên để tính thì con số trung bình là khác nhau

12%70! Trong lúc đó, như sau này sẽ thấy, sự khác nhau trung bình giữa 3 bản miền Nam là 30%18, còn giữa 2 hai bản miền Thừa Thiên – Huế là 42%87! Sự thống nhất cao độ giữa 4 bản miền Bắc còn thể hiện ở chỗ là trong 4 bản này hiện tượng đặc hữu tuy ở bản nào cũng có, nhưng con số nói chung rất thấp nếu so với các bản miền Nam và các bản ở Huế (xin xem lại trang 62).

Tuy nhiên, bốn bản miền Bắc cũng không làm thành một khối hoàn toàn thống nhất: bảng ở trang 58, 59 cũng cho thấy có sự tách đôi thành 2 phía: như đã nói, bản LVĐ gần với bản QVĐ hơn, tạo thành một phía, còn phía bên kia là 2 bản TMĐ và VNB-60.

Trong số 4 bản miền Bắc, bản LVĐ là bản cần đặc biệt chú ý. Trong tình hình hiểu biết hiện nay, đó là bản Kiều được in mộc bản sớm nhất. Do được in sớm như vậy, nên không ít thì nhiều nó cũng đã tỏa ảnh hưởng đến các bản khác.

Tất nhiên, ảnh hưởng rõ rệt nhất của bản LVĐ/1871 là ảnh hưởng tỏa xuống các bản miền Bắc. Chỉ xem những chỗ bản LVĐ/1871 bị khắc in sai là đủ thấy: phần lớn những chỗ sai này, các bản QVĐ/1879, TMĐ/1879 và VNB-60 cũng đều khắc sai theo. Ví dụ:

CÂU	ĐÚNG – SAI	LVĐ	QVĐ	TMĐ	VNB 60	LNP	KOM	DMT	ADM	TVKI
168	*lên* → *xuống* ngựa	+	+	+						
178	*gần* → đường *xa*	+	+							
370	*thưa* → *tơ* hồng	+	+	+	+					
590	dậy *đất* → dậy *bảo*	+	+							
696	*tóc* xe → *mây* xe	+	+	+	+					
1458	*còn* có → *con* có	+	+							
1896	một *tờ* → một *lời*	+	+							
2078	thế *thì* → thế *này*	+	+	+						
2952	một *đàng* → một *ngày*	+	+							
866	*gáy* → *tức gáy*	+	+	+	+					
124	*in rêu* → *rêu in*	+	+	+						
503	*yêu đào* → *đào yêu*	+	+	+		+				
1008	*mưa mây* → *mây mưa*	+	+	+	+					
2344	*hoa nô kia* → *hoa kia nô*	+	+	+	+					
2461	*trung quân* → *quân trung*	+	+	+	+					
2921	*châu Thai* → *Thai châu*	+	+	+	+					

Bản LVĐ/1871 (hay bản gốc của nó) cũng tỏ ra đã có phần nào quan hệ với các truyền bản ở Huế và ở Nam Bộ[1]

Ở Huế, bản LNP cũng dùng thấy âu, gớm cho, tâm phúc, nàng rằng giống y như bản LVĐ trong 4 câu:

- 2039: *Thấy âu ăn mặc mâu sồng*

- 2151: *Gớm cho cái số hoa đào*

- 2219: *Từ rằng tâm phúc tương tri*

- 2419: *Nàng rằng ân oán rạch ròi*

Các bản khác thì trái lại: chỉ dùng thấy màu, chém cha, tâm đảm (hay tâm phủ) và nàng từ.

Bản KOM cũng có vài câu chỉ giống LVĐ như vậy, ví dụ:

- Ở câu 735 : *Chiếc thoa với bức tờ mây*

- Ở câu 1756 : *Thấy ai quen thuộc cũng đừng nhìn chi*

Thay vì chiếc thoa , quen thuộc, các bản khác đều dùng chiếc vành và quen cũ hay người cũ.

Ở Nam Bộ, bản DMT cũng dùng ân ái (thay vì ân oán) và đắp để (thay vì đắp điếm) giống như bản LVĐ[2] trong hai câu:

- 2294: *Chút còn ân ái đôi đường chưa xong*

- 2562: *Gọi là đắp để lấy người tử sinh*

Còn bản ADM thì ở phần Nôm lại cũng chép y nguyên đúng theo 2 cái sai của LVĐ[2]:

- CÓ in thành ĐỘNG ở câu 2182:

Mắt xanh chẳng để ai vào động không

- Và CHUNG in thành TRỌNG ở câu 3144:

Hoa xưa ong cũ mấy phen trọng tình

*

Nói đến tầm quan trọng đặc biệt của bản LVĐ/1871 là đúng. Nhưng cũng không nên vì thế mà quá coi nhẹ vai trò của các bản như bản QVĐ, bản

---

[1] Phải nghĩ đến bản gốc của bản LVĐ là vì bản này in năm 1871, nó không thể ảnh hưởng đến một bản chép năm 1870 như bản LNP.

[2] Ở phần Quốc ngữ ADM đã chữa lại theo TVK! – Về chữ Kiểu//Cảo bản ADM cũng kị húy theo lối LVĐ/1871.

TMĐ và bản VNB-60. Đối với việc tìm hiểu lịch sử văn bản Truyện Kiều, các bản này cũng có những đóng góp nhất định, ví dụ ở hai câu 87, 88 và các câu 121, 2187 v.v.

Ở hai câu 87, 88 bản LVĐ/1871 có một dị bản rất độc đáo:

Sống thìn tình chẳng riêng ai

Khéo thay thác xuống ra người tình không

Phải chăng xưa như vậy? Không? Cả ba bản QVĐ, TMĐ, VNB-60 đều cơ bản nhất trí với các bản miền Trung, miền Nam!

Ở câu 121 bản DMT không khắc chữ ĐỔ, chữ TRÚT trước chữ LỘC mà khắc chữ GIÓ: chắc là chữ GIŨ bị chép nhầm. Một sự chép nhầm riêng của miền Nam? Không! Bản QVĐ ở miền Bắc cũng in GIÓ như vậy! Có thể phỏng đoán: chữ GIŨ vốn có mặt ở phác thảo của cụ Nguyễn Du, nhưng một bản sao rất xưa đã phổ biến sai do nhầm lẫn về mặt tự dạng.

Ở câu 2187, bản LVĐ/1871 in: *Xót riêng chọn đá thử vàng.*

Các bản LNP, TVKI, KOM nhuận sắc lại thành: *Chút riêng chọn đá thử vàng.*

Nhưng ba bản QVĐ, TMĐ, VNB-60 lại khắc một cách nhất trí: ***ĐỐT*** *than chọn đá thử vàng.*

Dùng Đốt than trước chọn đá và thử vàng, đó là một dị bản không thể không cân nhắc. Hơn nữa đây cũng là một dị bản rất xưa: bản gốc biên tập đời Gia Long của bản DMT cũng hoàn toàn đi theo hướng như vậy.

Nói chung, các bản miền Bắc đều là những bản dân dã, do những nhà buôn sách in ra để bán. Có nhiều sai lầm là lẽ đương nhiên! Nhưng cũng phải nhớ rằng đây là những bản có nguồn gốc khá xưa, khi biên tập chưa kị húy Thiệu Trị, Tự Đức. Hơn nữa cũng có rất nhiều điểm quý hiện còn bảo tồn được do chỗ khi in không một nhà in nào đặt nặng vấn đề mời những người có tên tuổi đứng ra để làm cái công việc rất có lợi mà cũng nhiều khi rất có hại là cái công việc đính ngoa và nhuận sắc.

Hai bản Thừa Thiên – Huế

Chúng tôi có được hai bản có nguồn gốc Huế: bản KOM (1902) in lại của thư viện Viện Hán Nôm; và bản LNP (1870) vừa in ở Canada, do tiến sĩ Mai Quốc Liên gửi tặng. Hai bản này cho thấy:

- Tên truyện được ghi là ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH
- Tên tác giả được ghi ở tờ bìa bản LNP là HỒNG SƠN LIỆP HỘ NGUYỄN DU TỐ NHƯ ÔNG TRỨ; còn ở bản KOM thì lại ghi ở trang 2 là LỄ BỘ HỮU THAM TRI HỒNG SƠN LIỆP HỘ TỐ NHƯ TỬ NGUYỄN

DU TRỨ.

➢ Bài thơ Phạm Quý Thích thì được giới thiệu như sau:

- Ở bản KOM mở đầu bằng 2 chữ "ĐỀ TỪ", ở câu 5: MỘNG TỈNH; ở bản LNP không có hai chữ ĐỀ TỪ, ở câu 5 vẫn MỘNG LÝ.

- Nhưng cuối bài thơ, bản LNP ghi: LÊ TRIỀU TIẾN SĨ LƯƠNG ĐƯỜNG PHẠM LẬP TRAI ĐỀ, còn bản KOM lại ghi HOA ĐƯỜNG LẬP TRAI PHẠM QUÝ THÍCH ĐỀ.

- Bên trong bản KOM in mỗi trang 10 dòng, bên lề ghi bốn chữ Đoạn trường tân thanh, nhưng cuối truyện lại ghi KIM VÂN KIỀU TRUYỆN CHUNG. Bản LNP là bản chép tay năm 1870, mỗi trang 7 dòng.

- Số câu ở bản KOM là 3256 câu vì 4 câu 531 – 534 của các bản miền Bắc đổi thành 6 câu[1]. Bản LNP cũng đổi như vậy. Hơn nữa cả hai bản đều đổi câu 414.

Có người tướng sĩ đoán ngay một lời

thành câu:

Cứ trong tướng pháp lắm thầy chê bai

Cũng như đều đổi câu 1705:

Nước trôi hoa rụng đã yên

thành câu:

Đành rằng nàng đã cửu nguyên

Nhưng ngoài một số điểm chung, LNP thường khác KOM. Ví dụ ở 2 câu 1681, 1682:

Thương càng nghĩ, nghĩ càng đau

Dễ ai lấp thảm quét sầu cho khuây

Bên cạnh việc nhất trí đổi câu bát thành:

Đoạn đường ai có qua cầu mới hay

riêng LNP còn đổi thêm cả câu lục thành:

Kể sao xiết nỗi thảm sầu

Chúng tôi đã thống kê thấy:

---

[1] Về con số câu, chúng tôi căn cứ đa số các bản 3254 câu để tính.

- Có bốn trường hợp LNP chỉ thay đổi nội dung, không thay đổi số lượng câu: ở câu 999, câu 1212, ở dãy 5 câu từ 1886 đến 1890 và ở câu 2274.

- Có một trường hợp LNP bỏ hẳn 2 câu, sau khi điều chỉnh vần (2 câu: 1217, 1218).

- Một trường hợp thay 2 câu (1827, 1828) bằng 4 câu.

- Và một trường hợp thay 3 câu (1893, 1894, 1895) bằng 5 câu.

Kết quả là bản LNP đã đưa truyện Kiều lên đến 3258 câu.



Nếu các bản miền Bắc mang đậm màu sắc dân dã thì các bản ở kinh đô lại nổi lên với sắc thái "bác học" của chúng. Đây đều là những bản đã được hiệu đính rất cẩn thận.

- Hầu như không còn những sai lầm về tự dạng.

- Những lỗi nặng nề như in sai, làm mất nghĩa mất vần đều đã được đính chính hầu như toàn bộ.

- Những lối kị húy cũ đều được cách tân; những trọng húy Thiệu Trị, Tự Đức đều được tuân thủ nghiêm mật.

Về bản Lâm Nọa Phu, chỉ cần nghĩ đến chuyện người biên tập đã đính ngoa, nhuận sắc bao nhiêu là chỗ, đã kị húy TÔNG, THÌ, HỒNG, NHẬM bằng cách thay từ là chủ yếu; còn về bản KOM, chỉ cần nghĩ đến chuyện cho ra một cuốn sách có đầy đủ 10 điều lệ ngôn, có bài tựa, có tiểu sử tác giả, có lời bình của 2 nhà, lại có nhiều chú thích về văn bản... là đủ thấy sắc thái "bác học" của 2 bản Kiều này.

Mà đã đi theo hướng coi trọng đính ngoa, nhuận sắc, biên tập theo lối bác học thì tất yếu sẽ có rất nhiều sự thay đổi trong nội dung văn bản:

- So với ba bản miền Nam, hai bản Huế chỉ còn thống nhất được khoảng trên 40% dị bản.

- So với bốn bản miền Bắc dị bản chung cũng chỉ ở vào khoảng trên dưới 50% một tí.

- Trong lúc đó, các bản Bắc Nam tuy ở 2 đầu đất nước, cách xa nhau gấp bội về mặt địa lý, nhưng lại có từ ngữ gần gũi nhau hơn nhiều: dị bản chung gần đạt 60%. Sau đây là bảng so sánh đầy đủ tất cả mọi trường hợp với 2 loại con số chính xác (về số lượng cũng như về tỉ lệ phần trăm).

	ADM	TVKI	LVĐ	QVĐ	TMĐ	VNB.60	LNP	KOM
DMT 100%	1540 78.49%	1163 59.27%	1184 60.34%	1184 60.34%	1203 61.31%	1214 61.87%	837 42.66%	838 42.71%
ADM 100%		1407 71.71%	1288 62.58%	1225 62.43%	1232 62.79%	1235 62.94%	874 44.54%	845 43.06%
TVKI 100%			1079 54.99%	1088 55.45%	1120 57.08%	1152 58.71%	837 42.66%	858 43.73%
LVĐ 100%				1807 92.09%	1702 86.74%	1602 81.65%	1016 51.78%	970 49.43%
QVĐ 100%					1745 88.93%	1638 83.48%	1002 51.07%	965 49.18%
TMĐ 100%						1783 90.87%	1008 51.37%	1011 51.52%
VNB.60 100%							1004 51.17%	1051 53.56%
LNP 100%								1121 57.13%

Cụ Hoàng Xuân Hãn đã thuê chép rất nhiều bản Kiều Huế và Cụ đi đến nhận xét như sau: "mỗi nhà có một bản Kiều, mà nhiều khi các bản rất khác nhau là vì ông nào thích thế nào thì chữa như thế... Nhiều khi buồn cười lắm: mình thấy ông hoàng này có độ học cao hơn, những cái chữa cao hơn; có ông muốn bông đùa cho vui thì chữa một cách cợt nhả, không hay ho gì". Có thể dẫn ví dụ sau đây để minh họa cho điều đó.

Bốn câu: 1893, 1894, 1895, 1896 các bản miền Bắc in:

Những e lại lụy đến nàng
Đánh liều mới sẽ liệu đường hỏi tra
Cúi đầu quì trước sân hoa
Thân cung nàng mới lên qua một tờ

Nhưng bản LNP đã chữa lại như sau, chữa hầu như toàn bộ:

Luýnh quýnh cua lật bò càng
Sợ đây thương đó hai đàng chưa xong
Dưới thềm trên ghế cùng trông
Một lời chưa mở hai dòng đã sa
Lấy lòng giả cách hỏi tra
Thân cung nàng đã trình qua một tờ

Nhuận sắc theo sở thích riêng, mỗi người một kiểu như thế thì tất yếu sẽ dẫn đến hai hậu quả:

- Mỗi bản sẽ có nhiều dị bản đặc biệt, bản này không theo bản kia.

- Và giữa các bản tỉ lệ dị bản chung sẽ bị xuống thấp. Không phải ngẫu nhiên mà bảng thống kê của chúng tôi đã cho những con số như sau:

- Về nét độc đáo, đặc hữu: ở bản LNP con số là 282, ở bản KOM con số là 308, hai bản cùng ở Huế mà cộng lại khác nhau đến 590 (282 + 308) điểm![1]

- Và về tỉ lệ dị bản chung giữa hai bản con số chỉ là 57,13% trong lúc tỉ lệ chung giữa ba bản miền Nam lên đến 69,82% và giữa 4 bản miền Bắc lên đến 87,30%!



Nói đến các bản của Huế, cần phải thấy sự đóng góp của chúng, nhất là về mặt đính ngoa. Bao nhiêu lỗi của các bản miền Bắc, miền Nam, sở dĩ ngày nay chúng ta đều tránh được cả, phần lớn chính là nhờ dựa vào các bản của Huế. Nhưng như đã nói, các vị ở Huế cũng nhiều khi đính ngoa sai, vì không tuân thủ yêu cầu khoa học của công tác này: đính ngoa mà không nghiên cứu kỹ mặt tự dạng để phục hồi cái đúng! Còn cái tai hại của các bản Huế chủ yếu lại nằm ở mặt nhuận sắc! Nói chung, theo văn bản học, cần phải hết sức tôn trọng nguyên tác, nhuận sắc là điều không nên. Hơn nữa, nhuận sắc thơ ai chứ nhuận sắc thơ Nguyễn Du thì thường chỉ đi đến thất bại.

Tuy nhiên, nói đến các bản của Huế cũng cần lưu ý đến một điểm nữa: cuối đời , cụ Nguyễn Du có nhiều năm vào làm quan ở kinh đô. Trong thời gian này Cụ còn tiếp tục tự chữa đi chữa lại tác phẩm của mình, và cũng rất có thể là cụ đã có bàn bạc cùng bạn bè, tiếp thu một số điểm nhuận sắc của bạn bè. Muốn biết được những điểm này không có con đường nào khác ngoài con đường nghiên cứu các dị bản riêng của Huế, đem chúng so sánh với từ ngữ ở các bản khác để rút ra những giả thuyết cần thiết.

Ba bản ở miền Nam

- Trong thế kỷ 19, miền Nam đóng góp được 3 bản Kiều: bản Nôm Duy

---

[1] Xin so sánh hai điểm: a) 2 bản LNP, KOM khác nhau tất cả là 841 điểm, vậy 590 điểm độc hữu chiếm đến hơn 70%!; b) 3 bản miền Nam tổng cộng chỉ có 424 dị bản độc hữu; 4 bản miền Bắc tổng cộng chỉ có 111 dị bản độc hữu.

Minh Thị in lần đầu năm 1872[1] và in lại năm 1879, năm 1891[2]; bản Quốc ngữ Trương Vĩnh Kí in năm 1875; bản nửa Nôm nửa Quốc ngữ của Abel des Michels in năm 1884, có kèm thêm bản dịch ra tiếng Pháp. Chúng tôi có được 3 bản này, đều nhờ anh Lê Sơn Thanh (tức Alexandre Lê) in lại từ thư viện của gia đình G.S Hoàng Xuân Hãn.

- Về tên truyện bản DMT và bản ADM đều lấy tên "Kim Vân Kiều tân truyện" như các bản miền Bắc. Riêng bản TVKI bỏ chữ "tân", thành ra trùng tên với bản tiểu thuyết Hán văn của TTTN.

- Về bài thơ của Phạm Quý Thích, bản DMT mở đầu bằng 6 chữ "Hoa Đường Phạm tiên sinh soạn", còn bản ADM thì đưa 6 chữ đó xuống cuối bài. Trong phần Nôm, ADM vẫn dùng 2 chữ "thi vân", nhưng sang phần Quốc ngữ và tiếng Pháp thì ADM đã gọi bài thơ này là "Bài tựa bằng thơ chữ Hán của Giáo thụ Hoa Đường họ Phạm "Préface en vers chinois du professeur Hoa Đàng Phạm". Cả bản DMT và bản ADM đều giữ 2 chữ "MỘNG LÍ" trong câu 5.

- Trên tờ bìa, bản DMT trình bày theo kiểu Liễu Văn Đường: cột bên phải vẫn để tên tác giả là "Tiên Điền Lễ Tham Nguyễn hầu soạn"; nhưng điều đáng lưu ý là cả hai bản TVKI và ADM đều không để tên tác giả ở ngoài bìa.

- Bên trong, bản DMT và phần Nôm bản ADM đều in mỗi trang 10 dòng, bản DMT in theo lối khắc mộc bản, bản ADM cho chép bằng bút sắt rồi in.

- Bản DMT và bản ADM đều chỉ có 3252 câu. Lý do: từ sau câu 1066 cho đến trước câu 1073, các bản miền Bắc cũng như các bản ở Huế đều có 6 câu, nhưng bản DMT và bản ADM in theo một bản thảo cổ chỉ có 4 câu:

Quế trong trăng, hạnh (?) trên mây
Cát lầm nỡ để cho đầy đọa hoa
Tiếc điều nhầm chẳng biết ta
Về châu vớt ngọc dễ đà như chơi

G.S. Hoàng Xuân Hãn cho biết: theo truyền thuyết trong dòng họ

---

(1) Ở tờ bìa bản DMT/1872 ghi "khắc ván mới" (tân thuyên) năm Nhâm Thân. Nhưng trang cuối lại ghi "Tuế tại nhâm thân xuân Nam Việt Gia Định thành cư sĩ Duy Minh Thị trùng san". Hai chữ "trùng san" này có nghĩa là "in lại" hay có nghĩa là "san định lại"? Cần nghiên cứu tiếp.

(2) Chưa thật dám chắc có mấy lần in lại vì ngay trong một năm 1879 mà có cả bản thuộc Văn Nguyên Đường tàng bản, cả bản thuộc Bảo Hoa Các tàng bản.

Nguyễn ở Tiên Điền, lúc đầu nhà thơ chỉ viết 4 câu như vậy, rồi sau bạn bè ở miền Bắc chữa thành 6 câu như hiện thấy. Sáu câu này hai bản DMT và ADM cũng đều có chú thêm để bạn đọc biết. Bản TVKI in 6 câu theo đa số.

Qua những điểm trên đây có thể thấy ngay một điều: ba bản miền Nam không tạo thành một hệ văn bản gần gũi nhau kiểu như bốn bản miền Bắc. Về phương diện này chúng có tình hình phần nào gợi cho chúng ta nghĩ đến các bản Kiều ở Huế. Nhưng nguyên nhân có thể khác nhau: hai bản ở Huế thiếu sự thuần nhất có lẽ do mỗi người biên tập theo một sở thích riêng trong công tác nhuận sắc. Ba bản miền Nam thiếu sự thuần nhất nội bộ có lẽ lại là do ba vị DMT, TVKI và ADM được đào tạo theo 3 truyền thống khác nhau: DMT là một nhà nho; ADM là một nhà Đông phương học người Pháp; còn TVKI thì trung gian ở giữa (một người vừa có tri thức Tây phương, vừa có cả tri thức truyền thống). Về mặt trình bày, Duy Minh Thị không khác gì các vị đã khắc ván cho in bốn bản LVĐ, QVĐ, TMĐ và VNB-60 – Trương Vĩnh Kí và ADM trái lại: cả hai người đều cho in một cuốn sách theo kiểu Tây phương. Nhưng TVKI là người Việt Nam, am hiểu truyền thống Việt Nam và viết chủ yếu cho bạn đọc Việt Nam; ADM là người Pháp, giới thiệu truyện Kiều cho bạn đọc Pháp. Cuối thế kỷ 19 ở Nam Bộ giới nhà nho vẫn đông, nhưng lớp tân trí thức đã hình thành. Hơn nữa, việc chiếm Nam Bộ làm thuộc địa cũng đòi hỏi người Pháp phải tìm hiểu Việt Nam. Rõ ràng việc in hầu như đồng thời ba bản Kiều của DMT, của TVKI và của A.D.Michels là một điều hoàn toàn phù hợp với bối cảnh chính trị xã hội đặc biệt đó.

Còn sau đây, chúng tôi sẽ xin giới thiệu hơi sâu hơn một tí về từng bản.

Bản Duy Minh Thị đã được G.S. Hoàng Xuân Hãn đánh giá rất cao. Theo G.S. đây là "bản quý nhất". Quý nhất vì mấy lẽ:

➢ Đây là bản cổ nhất hiện biết: căn cứ các chữ húy đời Gia Long và đời Minh Mệnh, có thể đoán chắc bản gốc bản DMT là một bản được biên tập trong khoảng 1803-1825, tức một bản có thể cụ Nguyễn Du đã từng biết đến.

➢ Đây là một bản gần với phác thảo đầu tiên của nhà thơ, trong bản này có một số câu cụ Nguyễn Du đã diễn Nôm theo sát như trong TTTN, chỉ về sau Cụ mới đổi khác (xin xem lại trang 16-26). Hơn nữa, trong bản này có hai chi tiết rất phù hợp với truyền thuyết vốn có trong dòng họ Tiên Điền, đó là:

- Chi tiết về việc dùng 2 chữ TRƯỢNG NGHĨA để kị húy chữ TRỌNG tên một ông chú cụ Nguyễn Du.

- Và chi tiết về chuyện xưa Cụ chỉ viết 3252 câu, sáu câu 1067-1072 là do bạn bè sau nhuận sắc lại.

➢ Và đây là một bản cổ được Duy Minh Thị rất tôn trọng, DMT cho khắc in với tinh thần "xưa sao cứ để nguyên vậy", không đính ngoa, nhuận sắc, ngay những chỗ có sai sót rõ ràng. Hai điểm đầu chúng ta có thể tin theo những dẫn chứng của G.S. Hoàng Xuân Hãn. Riêng ở điểm thứ 3 này có thể có người còn ngờ vực nên chúng tôi sẽ xin dừng lại nói rõ thêm:

1. Theo ý chúng tôi, DMT không phải là một người có chủ trương hiệu đính, chữa lại những chỗ sai trong bản cổ, để làm cho văn bản chuẩn mực hơn. Điều đó có thể thấy qua những chỗ sai về văn tự cũng như về từ ngữ.

a) Bản DMT/1872 có hơn 400 chỗ chép hay khắc sai tự dạng:

- Hoặc tạo ra những ký hiệu bất thường khó biết đó là chữ gì: như chữ thứ 5 ở câu 112, hai chữ đầu ở câu 1320 hoặc chữ thứ 8 ở câu 1892 v.v.

- Hoặc biến thành chữ khác, không phù hợp về mặt ý nghĩa, ví dụ:

Ở câu 20 : *màu da* khắc thành *màu lưng*

Ở câu 26 : *hoa ghen* khắc thành *hoa tính*

Ở câu 30 : *pha nghề* khắc thành *phi nghề*

Ở câu 44 : *đạp thanh* khắc thành *đạp tình*

- Hoặc biến thành chữ khác, không những khác nghĩa mà mất cả vần, ví dụ:

Ở câu 992 : *thuốc men* khắc thành *thuốc thang*

Ở câu 1110 : *chước gì* khắc thành *chước nào*

Ở câu 1496 : *quyết lòng* khắc thành *quyết tình*

Ở 2 câu 1582, 1586 : *những lời* khắc thành *những điều*

Ở câu 1644 : *biết là* khắc thành *biết rằng*

b) Bản DMT cũng có khi in đúng chữ nhưng đảo sai trật tự, ví dụ:

Ở câu 82: *đầm đầm châu sa* khắc thành *châu sa đầm đầm*, làm mất hiệp vần.

Ở câu 421 : *ví dù* khắc thành *dù ví*, làm cho chữ bằng thứ 2 trong câu lục trở thành chữ trắc.

Ở câu 717 : *tàn canh* khắc thành *canh tàn*, không hiệp vần được với câu trên câu dưới.

Ở câu 1509 : *Sông Tần* khắc thành *Tần Sông*, tạo thành một kết cấu trái với cả tiếng Việt cả tiếng Hán.

c) Trong số hơn 400 chỗ mắc phải nhầm lẫn như vừa nêu ở trên, có những trường hợp biết chắc sai từ bản gốc hay mới sai do thợ Trung Quốc khắc nhầm, nhưng cũng có trường hợp hiện chưa biết sai do đâu. Có điều trong cả 2 trường hợp vẫn có một chuyện rất rõ ràng: là khi đem bản 1872 khắc lại để in năm 1879, DMT vẫn để y nguyên các chỗ sai, không sửa chữa một trường hợp nào. Không sửa chữa vì thận trọng![1]

2. Như vậy chắc chắn DMT cũng không phải là người có chủ trương nhuận sắc lại bản cổ để có văn bản với chất lượng cao hơn.

a) Về mặt lý luận ai cũng biết rằng trong công tác biên tập bước sơ đẳng, tối cần thiết là bước đính ngoa vì để lọt quá nhiều chỗ sai về văn tự, từ ngữ thì văn bản không còn là văn bản nữa; mà để xảy ra quá nhiều chỗ sai về bằng trắc, sai về hiệp vần thì một tác phẩm thơ cũng không còn là thơ nữa. Nhuận sắc là bước chữa lại nguyên tác, hy vọng rằng làm cho nguyên tác hay hơn: bước này nhiều người không dám làm vì là bước cao hơn, khó hơn. DMT đã không chủ trương tiến hành bước dễ, bước cần thiết là bước đính ngoa thì lẽ nào ông lại dám tiến hành bước khó, bước bổ sung là bước nhuận sắc!

b) Và về mặt tư liệu, chúng ta cũng có những cơ sở để tin chắc điều đó. Trong bảng thống kê của chúng tôi, bản DMT có khoảng vài chục chỗ mất "tính phổ thông" vì sử dụng cứ liệu phương ngữ (từ ngữ hoặc cách viết vùng Nghệ Tĩnh và vùng Thừa Thiên – Huế) và khoảng trên 150 chỗ dùng dị bản độc đáo, đặc hữu, khác hẳn tất cả 8 bản Kiều thế kỷ 19 còn lại. Các trường hợp đó, nhiều bản khác – nhất là các bản ở Huế – đều tự ý chữa lại (tuy có thể là chữa sót, chữa sai!) trong lúc bản DMT vẫn "có sao để vậy": ở bản 1879 cũng như ở bản 1872! Để vậy vì tôn trọng nguyên tác! So sánh:

Ở câu 30: Pha nghề THƯ HỌA (ở bản DMT/1872, 1879)
Pha nghề THI HỌA (ở tất cả các bản còn lại)

Ở câu 96: Sụp ngồi và CÁO (ở bản DMT/1872, 1879)
Sụp ngồi và GẬT (ở các bản LNP, TVK, ADM, KOM)
Sụp ngồi BẠ CỎ (ở các bản LVĐ, TMĐ, QVĐ, VNB.60)

Ở câu 229: NGAY NGÀY (ở bản DMT/1872, 1879)
BUỔI NGÀY (ở tất cả các bản còn lại)

Ở câu 310: TRƯỢNG NGHĨA (ở bản DMT/1872, 1879)
TRỌNG NGHĨA (ở tất cả các bản còn lại)

---

[1] DMT phân biệt rất rõ TRÙNG SAN, SOẠN, ĐÍNH CHÁNH. Các sách in của ông cho thấy ông chia thành 3 trường hợp khác nhau.

c. Không phải bản DMT không có những nét mới thêm vào, làm cho nó khác bản gốc cổ chuyển từ Nghệ Tĩnh vào, sau khi đã kinh qua Thừa Thiên – Huế: đó là những chữ ghi Nôm theo lối Nam Bộ, không rõ đây là sản phẩm của một người sao chép lại trong Nam hay là sản phẩm của bản thân DMT. Nhưng dầu đó có đúng là những cách viết của bản thân DMT đi nữa, thì cũng không nên nghĩ rằng DMT đã có chủ trương Nam Bộ hóa như vậy trong khi biên tập! Như trên đã nói, những cách viết của Nghệ Tĩnh, của Thừa Thiên – Huế, ông vẫn giữ nguyên chứ có Nam Bộ hóa đâu! Những trường hợp như XIÊN ghi thành XUYÊN, KHỈNH phát âm thành KHIỂNG rồi ghi thành KHUYỂN... đều là những hậu quả của một cách ghi vô ý thức, theo thói quen mà thôi...

Tóm lại DMT luôn luôn tôn trọng bản cổ. Khi đặt vấn đề khắc in lại truyện Kiều, năm 1872 cũng như về sau, ông cứ để nguyên xi như bản vốn có, chứ không chủ trương biên tập lại. Điều đó giúp chúng ta rất nhiều, chúng ta chỉ cần:

- Xét kỹ những chỗ chắc sai và đính ngoa.

- Cân nhắc những chỗ hơi lạ nhưng khả thủ, tìm xem thử có phải cụ Nguyễn Du nguyên phác thảo như vậy không.

- Còn những chỗ độc đáo nhưng chắc là Cụ dụng ý viết vậy thì tôn trọng, dẫu về sau các bản khác đã thay đổi cho hợp với người đời sau hơn.



Hai bản TVKI và ADM tuy công bố theo một tinh thần mới, theo truyền thống Tây phương, nhưng cũng chịu nhiều ảnh hưởng của bản DMT, do lẽ in sau, lại ở cùng một vùng.

Bản ADM có vai trò ở giữa bản DMT và bản TVKI. Về mặt số liệu cụ thể, điều đó thể hiện ở 2 điểm.

- Căn cứ tổng số dị bản chung chúng ta thấy ADM giống DMT 78,49%, giống TVKI 71,71% nhưng tỉ lệ chung giữa DMT và TVKI thì chỉ còn là 59,27%.

- ADM có 114 dị bản chỉ theo DMT và 103 dị bản chỉ theo TVKI, khác hẳn tất cả 6 bản Kiều thế kỷ 19 còn lại. Nhưng chỉ ở 13 trường hợp là có sự giống nhau cặp đôi giữa DMT và TVK, làm cho 2 bản này đứng tách riêng, đối lập lại với tất cả.

Điều dễ hiểu là khi biên soạn công trình của mình ADM luôn luôn có trước mặt 2 bản tiền bối để tham khảo. Sự quyết định của ADM cho thấy:

- Có khi ông dựa vào bản Quốc ngữ của TVKI để chữa lại phần Nôm.

Xin minh họa bằng một ví dụ: Ở câu 884, cả 4 bản DMT, LVĐ, LNP, KOM đều dùng kết cấu DÙI DẮNG (có ở HTC): *khi vào DÙI DẮNG khi ra vội vàng.*

Ba bản miền Bắc là VNB-60 và TMĐ, QVĐ/1879 đều theo dị bản DÙNG DẰNG. Riêng phần Nôm của ADM chép là DÙI THẲNG! Do đâu? Xin thưa: do theo bản Quốc ngữ của TVKI! Mà chỉ trong 100 câu đầu đã có 4 lần theo TVKI để chữa bản Nôm như thế: NGƯỜI ở câu 20, GƯƠNG ở câu 25, VẸN ở câu 30, NAO NỨC ở câu 45!

- Có khi ADM lại dựa vào bản Nôm DMT để chữa lại phần Quốc ngữ. Ở câu 288, phần Nôm của ADM chép theo 7 bản là:

Tuần trăng thấm thoắt nay đà THÊM hai.

Nhưng ở phần Quốc ngữ ông lại in là:

Tuần trăng thấm thoắt nay đà TRÒN hai

Phiên TRÒN HAI ở bản Quốc ngữ là phiên theo bản Nôm của DMT: vì đây là bản duy nhất dùng hai chữ TRÒN HAI!

- Và điều rất thường thấy là ADM Nôm chép theo DMT mà Quốc ngữ lại phiên theo TVKI, bản này đi theo một đường, bản kia đi theo một nẻo, hai bên không ăn khớp gì với nhau.

Một số ví dụ:

CÂU	NÔM (theo DMT)	QUỐC NGỮ (theo TVKI)
8	Có *lục*	Có *lúc*
71	*Buồng* không	*Phòng* không
102	Đứng *lặng*	Đứng *sững*
116	*Thể* phách	*Thấy* phách
160	*Đố* lá	*Đổ* lá
165	*Chập* chờn	*Rập* rình
176	*Treo* nặng	*Gieo* nặng
178	*Rộn* đường gần	*Đon* đường gần
240	*Rẽ* (bước) *sang ngang*	*Bay ngang trước*
267	*Thẳm* nghiêm	*Thâm* nghiêm
287	*Nhẫn* từ	*Những* từ
558	*Người* hôm nay	*Ngày* hôm nay
561	Ngại *ngần*	Ngại *ngùng*
579	Vơ *chằng*	Vơ *quàng*

CÂU	NÔM (theo DMT)	QUỐC NGỮ (theo TVKI)
650	*Cánh* thiếp	*Canh* thiếp
675	Lòng *tơ* (*từ* ?)	Lòng *thơ*
720	*Con tơ*	*Tơ duyên*
738	*Chẳng* quên	*Chớ* quên
757	Hồn *dứt*	Hồn *ngất*
771	*Dặn* lại	*Nhủ* lại
782	*Rũ* tằm	*Rã* tằm
868	Giục *giạo*	Giục *giã*
...	....	....

Nói chung, hai bản TVKI, ADM cũng có những chỗ đáng ngờ:

- Hoặc về phiên Nôm, như ở câu 116:

Thác là THẤY PHÁCH còn là tinh anh (ADM, TVKI)

- Hoặc về cách chấm câu như ở bốn câu 267, 268:

Thâm! Nghiêm kín! Cổng! Cao tường!

Cạn dòng lá thắm! Dứt đường chim xanh! (ADM)

Và 493, 494:

Rằng quen, mất nết đi rồi!

Tẻ vui, thôi! Cũng tánh trời! Biết sao? (ADM)

Nhưng Trương Vĩnh Kí dùng Quốc ngữ có chú thích; ADM in cả Nôm, cả Quốc ngữ lại có cả phần dịch ra tiếng Pháp. Ai cũng biết, in Quốc ngữ thì cách đọc được ghi lại một cách hết sức rõ ràng; có chú thích, có phần dịch thì nội dung ngữ nghĩa cũng được trình bày một cách rất hiển ngôn, không thể ngờ vực vào đâu được về cách hiểu của người biên tập. Do đó cũng cần khai thác sự đóng góp của hai bản TVKI và ADM, những lúc các bản khác đang để lại cho chúng ta một sự băn khoăn về cách đọc hay cách hiểu nào đó. Sau đây xin dẫn một đôi ví dụ:

Ở câu 81, chữ thứ 4 viết đúng chữ MỎN; ở câu 264 chữ thứ 2 viết đúng chữ LAU, nhưng nhiều người băn khoăn không biết có nên đọc như sau hay không:

Lòng đâu sẵn MỎN thương tâm (câu 81)

VI LAU hiu hắt như màu cởi trêu (câu 264)

Sự băn khoăn đó cũng có cơ sở: ở câu 81 dị bản MỐI, MÓN có vẻ hợp lý hơn; ở câu 264 kết cấu thuần Hán VI LÔ có vẻ cũng thuận tai hơn. Nhưng

hai bản TVKI, ADM làm cho chúng ta yên tâm: có thể đọc MỎN, có thể đọc VI LAU!

Trương Vĩnh Kí có đến 225 dị bản độc đáo, khác tất cả bản khác. A.D.Michels cũng có 42 dị bản như vậy. Không biết các dị bản đó do đâu mà có: do TVKI, ADM có tham khảo thêm nhiều truyền bản nữa nhưng không nói ra, và những truyền bản đó ngày nay chúng ta không còn? Hay nguyên nhân là do TVKI và ADM có những cách đọc, cách hiểu đặc biệt không giống như mọi người?

Dẫu sao, các dị bản riêng của TVKI, ADM nhiều khi cũng rất hữu ích. Ở câu 77 bản DMT khắc in chữ CHỈ (= giấy) thay vì chữ TỬ, và khắc chữ CHÂU hình như vốn có bộ THẠCH. Sự giải thích của TVKI "NÍP GIẤY là rương giấy để đồ minh khí, XE CHÂU là nhà táng" làm cho chúng ta hiểu được hai chữ đầu, và cũng dễ nghiêng về chữ CHÂU là "sơn màu đỏ" chứ không phải chữ CHÂU với nghĩa là "ngọc trai".

ADM là một người nước ngoài. Nhưng nhờ sự giúp đỡ của một số trí thức Việt Nam đương thời như TVKI, như Trần Nguơn Hanh v.v. Ông cũng đã phổ biến được một số điểm độc đáo hoặc ít khi gặp – như sự đính ngoa thành TRÊN TUẦN CẬP KÊ ở câu 36, hay như sự ủng hộ các cách đọc kiểu IM TRỜI ở câu 289, LÉN TRƯỚC ở câu 536 v.v. Thật là những sự đóng góp đáng trân trọng!

V. VÀI ĐIỂM CẦN THỐNG NHẤT Ý KIẾN TRƯỚC KHI ĐIỀU TRA VỀ CÁC BẢN KIỀU THẾ KỶ 19

A. Về mặt lý luận:

Trong số 9 bản Kiều thế kỷ 19 mà chúng tôi có được, có cả thảy 7 bản Nôm, 1 bản nửa Nôm nửa Quốc ngữ và 1 bản Quốc ngữ. Trong số 7 bản Nôm này, có 5 bản đã được các nhà biên khảo phiên ra Quốc ngữ: đó là một điều may mắn lớn giúp ích cho chúng tôi rất nhiều. Nhưng giữa các nhà lại có những sự khác nhau khó tránh khỏi, trong công tác phiên Nôm. Do đó trước khi đối chiếu so sánh, cần phải có một sự điều chỉnh lại, theo một quan niệm thống nhất. Chúng tôi biết đó là một công việc rất khó khăn, nhưng chúng tôi đành phải lãnh về mình trách nhiệm nặng nề và rất dễ bị phê phán đó.

Những sự điều chỉnh về chi tiết, đi vào cụ thể, chúng tôi sẽ xin nói ở mục B/ và các phần sau. Nhưng trước khi đi vào các điểm đó, ít nhất cũng có 3 vấn đề lớn cần phải nhất trí với nhau vì chúng đều liên quan đến hướng đi chung của ngành văn bản học. Đó là:

- Vấn đề phân biệt cái gì thuộc về văn bản, cái gì nằm ngoài văn bản để có cách xử lý khác nhau giữa hai bên.

- Vấn đề nhận diện các ký hiệu chữ Nôm.

- Và cuối cùng, đó là vấn đề xác định mối quan hệ giữa việc phiên Nôm và việc phục nguyên ngữ âm cổ.



VĂN BẢN VÀ CÁC YẾU TỐ NGOÀI VĂN BẢN

Cái gì thuộc văn bản? Cái gì nằm ngoài văn bản? Mới xem qua, phân biệt hai bên không khó lắm. Giả dụ có một bản thảo viết tay đưa đến nhà xuất bản, người biên tập biết ngay những gì sẽ đưa in, những gì không in ra. Cái thuộc diện đưa in, đó là cái thuộc văn bản: đó là phần thông tin diễn đạt bằng ngôn ngữ mà tác giả muốn đưa đến cho người đọc. Cái không thuộc diện đưa in, đó là phần nằm ngoài văn bản: ví dụ những chữ bị xóa bỏ, những giọt mực làm bẩn tờ giấy, những nét ghi ở lề để thử bút v.v... Nếu nhà văn viết tắt, người biên tập phải đánh máy lại cho đầy đủ, nếu có lỗi sai chính tả, người biên tập phải chữa lại cho đúng. Người phiên Nôm cũng có nhiệm vụ như người biên tập: nếu người biên tập làm việc để nhà xuất bản chuyển được chữ viết tay thành chữ in thì người phiên Nôm làm việc để văn bản Nôm chuyển được thành văn bản Quốc ngữ. Người phiên Nôm thấy chữ sai cũng phải đính ngoa, thấy chữ nghi ngờ cũng phải cân nhắc để luận cho ra chữ đúng của tác giả... Nghe những chuyện như vậy chắc ai cũng dễ nhất trí.

Thế nhưng khi ứng dụng vào thực tế thì không đơn giản. Nhất là khi ứng dụng vào việc nghiên cứu các văn bản cổ. Điều hiển nhiên là văn bản nào cũng phải có nghĩa. Văn bản thơ lại phải có vần. Văn bản những nhà thơ lớn lại còn phải hay nữa! Nhưng xung quanh những cái hiển nhiên đó đã có biết bao nhiêu cuộc tranh luận, về lí thuyết đại cương cũng như về những cách xử lý cụ thể!



Gặp một chữ X, cho nó có nghĩa thì nó là một thành tố của văn bản; cho nó là vô nghĩa hay có nghĩa không phù hợp với ngữ cảnh, thì nó lại là một yếu tố nằm ngoài văn bản, khi biên tập, khi phiên Nôm phải đính ngoa. Nhưng có nghĩa là thế nào? Xác định cho ra nghĩa của một từ, một câu đâu phải lúc nào cũng có thể đi ngay đến những kết luận rõ ràng! Sở dĩ thế là vì:

- Trong các văn bản xưa rất hay dùng những từ ngữ cổ. Đối với người đọc hiện đại, thường thường không thể hiểu ngay được những từ đó: trong

bộ nhớ của người Việt thế hệ chúng ta làm gì có chỗ ghi lại những cách nói như XANH *TẠN* CHÂN TRỜI, SẢNH TRÊN *MẮNG* TIẾNG hoặc BÓNG CHIỀU *THA LA*[1]

- Các nhà Nho ta trước đây rất hay dùng lối dịch thẳng từ cổ văn Trung Quốc. Nghe những lối dịch thẳng như NĂM HẰNG, NĂM MANG, NĂM TRONG, ai cũng nghe rất xa lạ, xa lạ hơn cả NGŨ THƯỜNG, NGŨ UẨN, NGŨ NỘI trong tiếng Hán.

Vì không nghĩ đến khả năng dịch thẳng này nên hai chữ NĂM (=5) TRÒN trong câu 327

NĂM TRÒN như gửi cung mây

đã đưa đến bao nhiêu là cách xử lí khác nhau: ADM thì đổi con số NĂM thành NĂM với ý nghĩa là 365 ngày; 7 bản còn lại thì đổi thành THÁNG; cụ Hoàng Xuân Hãn thì nghĩ đến giả thuyết do VUÔNG TRÒN chuyển nhầm mà thành. Theo ý chúng tôi, đó là lối dịch thẳng từ hai chữ NGŨ LUÂN bên Phật giáo. Theo Từ điển Phật học Hán Việt, NGŨ LUÂN được giải thích là "hai cánh tay, hai đầu gối và đầu đều tròn nên gọi là ngũ luân. Ngũ luân đó chạm đất mà làm lễ... thì đó là lễ cung kính nhất". Vậy NĂM TRÒN là cách nói dùng để chỉ cái thân một con người đang hành lễ, đang có sở nguyện cầu xin một chuyện gì, hay cái lòng thành của người ấy. Và câu thơ trên có thể hiểu là:

Thân hèn như gửi cung mây

Hoặc: *Lòng thành như gửi cung mây*

Cách dịch thẳng nhiều khi đưa đến hai kết cấu đồng âm, làm cho việc xác định nghĩa càng thêm rắc rối: CƯỠI RỒNG có thể có nghĩa là "chết" "lên cõi tiên" vì dịch KỊ LONG, mà cũng có thể có nghĩa là "chọn được rể quý" vì dịch THỪA LONG. Trước đây vì chỉ nghĩ đến HỒNG TRẦN nên rất khó hiểu vì sao BỤI HỒNG lại có thể chỉ người con gái đẹp; nhưng nếu nghĩ đến HỒNG PHẤN thì lại có thể hiểu ngay: hóa ra có hai kết cấu BỤI HỒNG có nguồn gốc khác nhau!

- Các cụ xưa cũng rất hay dùng điển cổ. Có những điển cổ quen thuộc nhưng cũng có những điển cổ rất hiểm hóc. Chấp nhận một từ ngữ này và cho nó vào văn bản hay phủ nhận nó và đặt nó ra ngoài văn bản nhiều khi cũng là cái chuyện điển cổ này. Ủng hộ MỘT HAI, bác bỏ MỘT ĐÔI ở câu 29:

MỘT HAI nghiêng nước nghiêng thành

---

[1] TẠN = vươn tới; MẮNG = nghe; THA LA = (bóng) rủ nghiêng nghiêng trên mặt đất (TĐTC).

là dựa vào điển cổ. Ủng hộ TRÊN GÁC DƯỚI DUỀNH, bác bỏ LÊN THÁC XUỐNG GHỀNH cũng là dựa vào điển cổ (ở câu 1951). Mà bác bỏ cách hiểu NUNG SỪ với nghĩa là "mênh mông mịt mù", tán thành cách hiểu NÔNG SỜ ở câu 365:

Sông Tương một dải nông sờ

lại cũng dựa vào điển cổ.

Những điểm trên đây đều thuộc từ vựng. Nhưng vấn đề ý nghĩa không phải chỉ bó hẹp trong phạm vi đó. Còn ý nghĩa ngữ pháp của từ, còn ý nghĩa của kết cấu, còn ý nghĩa của cả câu nữa. Đưa XUYẾN VÀNG HAI CHIẾC vào văn bản, gạt bỏ XUYẾN VÀNG ĐÔI CHIẾC là dựa vào ngữ pháp. Tán thành 2 câu 229, 230 của bản DMT.

NGAY NGÀY chơi mả Đạm Tiên

Nhắp đi thoắt thấy ứng liền chiêm bao

mà bác bỏ hai chữ BUỔI NGÀY của 8 bản còn lại là cũng có phần nào dựa vào cả ngữ pháp.

Vấn đề ngữ pháp trong truyện Kiều là một vấn đề chưa được chú ý. Do đó có nhiều điểm nghi vấn đang treo. Xin dẫn một ví dụ để minh họa. Hiện nay câu 50:

Thoi vàng bó (//vó) rắc tro tiền giấy bay

là một câu mọi người đọc đã quen, không ai thắc mắc điều gì. Thế nhưng xét về mặt ngữ pháp thì chữ THOI là chữ đáng ngờ. Đó là một danh từ chỉ đơn vị. Kết cấu THOI VÀNG là một kết cấu cùng kiểu như các kết cấu CỤC ĐẤT, HÒN ĐÁ, VIÊN PHẤN v.v... Vì không có NHỮNG, CÁC, MẤY hoặc số từ ở trước nên các kết cấu này đều chỉ số ít. Do đó không ai nói CỤC ĐẤT RẮC ĐẦY SÂN, HÒN ĐÁ RẮC ĐẦY ĐƯỜNG, VIÊN PHẤN RẮC ĐẦY LỚP. Vậy rất ít có khả năng là cụ Nguyễn Du nói THOI VÀNG RẮC ĐẦY MỘ! Chữ RẮC mâu thuẫn với chữ THOI, vậy xưa THOI là chữ gì? Về nguyên tắc đó phải là chữ gì không mâu thuẫn với RẮC: chữ THOI với nghĩa khác, hay một chữ chuyển nhầm thành THOI? Chúng tôi nghĩ đến (ĐỒNG) THOI, (ĐỒNG) THÒA 錗, hai danh từ chỉ loại hợp kim có pha đồng[1]. Và rất có thể xưa câu thơ vốn là:

THOI // THÒA VÀNG bủa rắc TRO TÀN dấy bay

Hoặc: *THOI // THÒA VÀNG bó rắc TRO TÀN giấy bay*[2]

---

[1] VBL cho cả THOI ĐỒNG (trang 152) cả ĐỒNG THOI (trang 472) với nghĩa "một thứ đồng"; còn ĐỒNG THÒA thì nói rõ là "đồng pha vàng".

[2] Nếu đọc THOI VÀNG thì phải hiểu "ĐỒNG và VÀNG", KHÁC "THỎI VÀNG"!

Có VÀNG BÓ, BẠC BÓ thì chắc nói THOI//THÒA BÓ cũng được, và THOI//THÒA BÓ, VÀNG BÓ mà đối lại với: TRO GIẤY, TÀN GIẤY là chỉnh. Còn THOI//THÒA VÀNG BỦA RẮC mà đối lại với TRO TÀN DẤY BAY thì lại càng chỉnh hơn nữa. Nếu xưa vốn là THOI thì phải hiểu đúng nghĩa. Còn nếu vốn là THÒA thì chắc về sau THÒA bị chép nhầm từ 錗, 倰 thành 拸 (như ở DMT) rồi thành THOI 梭. Thấy THOI VÀNG với TRO TÀN không cân xứng với nhau, các vị ở Huế chữa câu thơ lại thành:

Thoi VÀNG BÓ rắc, tro TIỀN GIẤY bay

Kể ra, TIỀN GIẤY mà đối lại với VÀNG BÓ (// VÀNG VÓ) thì thực là đạt! Nhưng các vị quên một điều – như đã nói – là trước chữ RẮC thì dùng kết cấu THOI VÀNG (với nghĩa là THỎI VÀNG) là không ổn![1]

Trên đây chúng ta có nói: ở một văn bản thơ mà chỉ đòi hỏi chuyện "có nghĩa" là chưa đủ: thơ còn cần phải có vần. Nhưng thế nào là gieo đúng vần? Thế nào là gieo sai vần? Xin thưa: đó cũng là vấn đề cần nghiên cứu, nếu muốn giải quyết thực sự trọn vẹn vấn đề đối lập giữa văn bản và ngoài văn bản. Những chữ ở vị trí gieo vần mà gieo sai vần thì đó không thể là chữ của văn bản.

Có hai trường hợp được gọi là gieo vần sai: gieo trùng vận và gieo vần không đúng quy tắc, thành ra mất vần, mất hài hòa.

Mới xem qua, trong bản DMT/1872, có 6 chỗ người đọc hiện nay có thể cho là trùng vận. Đó là:

Ở 2 câu 106 : *Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa*
107 : *Rằng hồng nhan tự thuở xưa*

Ở 2 câu 346 : *Công đeo đuổi chẳng thiệt thòi lắm ru*
347 : *Lặng nghe lời nói như ru*

Ở 2 câu 2090 : *Mừng thầm được thóp bán buôn có lời*
2091 : *Hư không đặt bỏ nên lời*

Ở 2 câu 2462 : *Từ công riêng nghĩ mười phân hồ đồ*
2463 : *Một tay gây dựng cơ đồ*

Ở 2 câu 2696 : *Lân la tìm thú bên sông Tiền Đường*
2697 : *Đánh tranh chụm nóc thảo đường*

---

[1] Nếu THOI là "thỏi" thì rất có thể VÀNG THOI đã bị đảo nhầm thành THOI VÀNG. Với trật tự VÀNG THOI câu thơ không sai ngữ pháp nữa:

Ngổn ngang gò đống kéo lên
Vàng thoi bủa // bó rắc tro tàn dấy bay.

Ở 2 câu 2836 : *Máu theo nước mắt hồn lìa chiêm bao*

2837 : *Xuân huyên lo sợ xiết bao*

Trong ca dao không có lối gieo vần như vậy. Các nhà thơ Việt Nam hiện nay cũng không ai gieo vần 2 chữ hoàn toàn đồng âm như vậy. Nhưng trong truyền thống xưa có quan niệm khác, do tiếp thu ảnh hưởng của thơ văn cổ điển Trung Quốc. Đối với người Hán, chữ viết quan trọng hơn âm: 2 chữ đồng âm nhưng viết khác nhau là có thể hiệp vận với nhau được. Xem thơ Lý Bạch, Đỗ Phủ, Vương Duy, Bạch Cư Dị. . . chúng ta đều thấy những trường hợp gieo vần những chữ đọc lên nghe cùng âm, nhưng viết ra thì lại khác tự dạng. Khi làm thơ chữ Hán các nhà Nho ta xưa cũng theo mẫu mực như vậy. Và vì quen như vậy rồi, khi làm thơ Nôm họ vẫn tiếp tục truyền thống đó: ngay gần chúng ta hơn, một nhà thơ như Nguyễn Khuyến vẫn gieo vần TEO ở câu 2:

Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo

với TEO ở câu 6:

Ngõ trúc quanh co khách vắng teo

Với truyền thống đó, rõ ràng từ trường hợp 2 đến trường hợp 6 trên đây, không chỗ nào là có sai lầm vì trùng vận cả: hai chữ RU, hai chữ LỜI, hai chữ ĐỒ, 2 chữ ĐƯỜNG, 2 chữ BAO đều khác nghĩa nhau cả! Duy ở trường hợp 1 là có vấn đề vì cùng nghĩa. Nhưng ở đây lại có thể đọc thành hai âm khác nhau: SƠ và XƯA! Trước đây, vì nghĩ đến BAN SƠ trong HTC nên chúng tôi đề nghị đọc THUỞ SƠ; nay tìm thấy được ĐỜI SƠ trong từ điển Việt- La nên chúng tôi xin kiến nghị lại: xin đọc SƠ ở câu 106 và XƯA ở câu 107.

Ảnh hưởng của thơ chữ Hán đến dòng thơ bác học Việt Nam còn thể hiện ra cả ở hiện tượng gieo vần không thật hài hòa.

Từ đời Tây Hán, Đông Hán đến đời Đường, đời Tống ngay cách gieo vần ở thơ Trung Quốc cũng đã có thay đổi vì tự bản thân tiếng Hán có thay đổi. Nhưng các nhà Nho ta thì coi thơ đời Hán cũng là mẫu mực như thơ đời Đường, gieo vần theo kiểu nào cũng là đúng cả! Vì vậy mới có hiện tượng ở bài này Nguyễn Du đọc NHAI và gieo vần NHAI-HỒI-LAI-KHAI, ở bài kia Nguyễn Du lại đọc NHAI thành NHA và gieo vần NHA- HOA-GIA –XÀ.

Thêm vào đó, ngay thơ một thời đại- như thơ đời Đường chẳng hạn- vào Việt Nam cũng có thể trở nên những bài thơ người Việt Nam cảm thấy đọc mất hài hòa, vì người Việt Nam đọc theo cách đọc Hán Việt: nghe hài hòa sao được khi thấy gieo vần ÂY với Ê, hoặc ÂU, ƯU với U, hoặc ANG,

ƯƠNG với ONG, hoặc ÂM với IM; AI với A; IÊN, UYÊN với ÔN; I, UY với Ư! Nhưng thơ Đường là mẫu mực, nên khi làm thơ chữ Hán các cụ xưa cũng gieo vần như vậy. Tất nhiên ở thơ Nôm các cụ xưa cũng tự cho phép gieo vần theo mẫu mực đó: xin xem ÔI-AI ở bài 2, O-ÂU ở bài 3, ƯƠNG-ONG ở bài 68, IM-ÂM ở bài 70; ÔN- UYÊN ở bài 111; AI-A ở bài 189 trong *Nguyễn Trãi Quốc âm thi tập* chẳng hạn.

Vậy những trường hợp gieo vần như CHÊNH- RIÊNG ở 2 câu 241-242; TÂY-NGƯỜI ở 2 câu 469-470; THÊU-ĐÀO ở 2 câu 527-528 hoặc ĐEN-ĐƠN ở 2 câu 1414-1415; THAN-BÊN ở 2 câu 2000-2001 v.v. chúng ta không thể cho là những cách gieo vần gượng ép hoặc sai trái.

Tất nhiên, những trường hợp khắc sai làm mất vần như khắc THUỐC MEN thành THUỐC THANG ở câu 992, khắc GIEO MỒI thành GIEO MÌNH ở câu 2672 v.v. thì người phiên Nôm phải đính ngoa!

Tóm lại gặp trường hợp chép nhầm, khắc nhầm làm câu mất nghĩa hoặc mất vần thì phải cho đó là những hiện tượng nằm ngoài văn bản, không thể để thế rồi phiên âm, in ra cho độc giả đọc được. Trước đây khi chúng tôi đưa bản thảo cuốn sách giới thiệu bản Nôm DMT/1872 cho nhà xuất bản, ban biên tập có ngỏ ý đề nghị nên đổi tên cuốn sách thành "TRUYỆN KIỀU-BẢN NÔM DMT/1872-Nguyễn Tài Cẩn phiên Nôm và khảo dị" nhưng chúng tôi đã không đồng ý. Đồng ý sao được, khi chúng tôi tự thấy chưa thể đính ngoa hết những chỗ sai lầm, chưa thể bảo đảm đúng 100% sự phiên âm ở các trường hợp khó. Để thế mà in thì chỉ dám coi là "tư liệu" cung cấp cho bạn đọc, chứ đâu dám coi là văn bản DMT, nói gì đến văn bản Truyện Kiều! May rằng cuối cùng Nhà xuất bản cũng tán thành cách suy nghĩ của chúng tôi.

Phải đưa các yếu tố phi văn bản ra khỏi văn bản. Nhưng nói thế không có nghĩa là không nên nghiên cứu các yếu tố phi văn bản. Trái lại, xưa có lối in fac – similé, giống như lối in photocoppie hiện nay, in đủ cả văn bản, cả những yếu tố phi văn bản để cung cấp cho giới nghiên cứu. Sở dĩ thế là vì những chỗ xóa bỏ của tác giả, những đặc điểm trong chữ viết của tác giả, các lỗi chính tả tác giả hay phạm phải... đều là những cứ liệu quý, có thể soi sáng nhiều điều, như soi sáng phong cách của tác giả, soi sáng quá trình lao động của tác giả... Trong đợt điều tra này, sở dĩ chúng tôi nói nhiều đến các chữ kỵ húy, các cách ghi sai, các chữ Nôm các địa phương để lọt vào các bản in... là vì chúng tôi biết giá trị khoa học của chúng trong việc tìm hiểu lịch sử diễn biến của Truyện Kiều và lịch sử truyền bá văn bản Truyện Kiều ra cả 3 miền Bắc – Trung – Nam của đất nước.

VẤN ĐỀ NHẬN DIỆN CÁC KÝ HIỆU CỦA CHỮ NÔM

Chữ Nôm là một hệ thống kí hiệu văn tự đặt ra theo những nguyên tắc nhất định, rất có lý. Nhưng đó là một hệ thống đã có nhiều diễn biến qua các thế kỷ và qua các vùng phương ngữ khác nhau.

Vì vậy, khi nghiên cứu chữ Nôm, khi phiên âm các văn bản Nôm, theo ý chúng tôi, cần phải lưu ý đến những điểm sau đây:

a. Trước hết, phải đặt lên hàng đầu các quy tắc cơ bản của hệ thống văn tự này. Dẫu có sự diễn biến từ đời này sang đời khác, hoặc từ vùng này sang vùng khác, nhưng các quy tắc văn tự vẫn được bảo đảm.

- Chữ RẮN trong *Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh* được ghi bằng hai chữ PHÁ TÁN; còn hiện nay nó thường được ghi bằng kết cấu TRÙNG + LẬN. Hai cách ghi hoàn toàn khác nhau: một bên ghi bằng 2 chữ, một bên ghi bằng 1 chữ; xưa ghi với 2 âm PH, T Hán Việt, nay ghi với thanh phù L. Nhưng bên nào cũng đúng qui tắc cả: thời Phật thuyết, RẮN còn phát âm nghe gần như /p-săn/ nên ghi bằng PHÁ TÁN, chữ TÁN hồi bấy giờ còn đọc Hán Việt với phụ âm /s/. Nay RẮN đọc với phụ âm R, trong Hán Việt không có R nên phải ghi bằng L.

- Chữ NÍN của chữ Nôm phổ thông, vào đến Nam bộ thì được dùng để ghi chữ THẸN, nhưng cách ghi nào cũng có nguyên tắc cả. Chữ NÍN là một chữ hình thanh gồm nghĩa phù KHẨU và thanh phù NẢN; chữ THẸN lại là một chữ hội ý: chữ KHẨU phản ánh sự e lệ trong lối nói năng, chữ NẢN thì có nghĩa là "đỏ mặt xấu hổ" ở trong tiếng Hán, cả hai chữ đều là nghĩa phù.

Tất nhiên lịch sử chữ Nôm cho thấy phần gọi là thanh phù là phần quan trọng nhất. Khi gặp một chữ Nôm khó, điều đầu tiên là phải dựa vào ngữ âm lịch sử, dựa vào các tiền lệ, gắng dựng nên được danh sách các khả năng đọc có thể có rồi tìm cách đọc cần tìm ở trong phạm vi các khả năng lí thuyết đó. Một chữ Nôm chưa giải thích được về mặt qui tắc cấu tạo thì dù cách đọc của nó đã ghi vào từ điển hoặc được tìm thấy ở nhiều bản phiên Nôm, ta vẫn chưa thể yên tâm dùng cách đọc đó được.

b. Nhưng các tri thức mà các tài liệu xưa cung cấp cho chúng ta về ngữ nghĩa cổ, về cách đọc cổ cũng là những tri thức hết sức cần thiết. Những gì đã cổ thì hiện không có ở trong bộ nhớ của chúng ta nữa. Phải tra cứu từ điển và văn bản cổ để có được những cứ liệu cần thiết. Vì vậy, đây là điều thứ hai mà người nghiên cứu và người phiên Nôm cũng phải hết sức trọng thị. Các nét cổ có thể mất ở tiếng phổ thông nhưng còn được bảo lưu trong các phương ngữ. Điều tra phương ngữ, nhất là những vùng phương ngữ "bảo thủ" cũng là một điều không thể thiếu. Có thể gọi chung cứ liệu có ở các từ

điển, các văn bản và các phương ngữ như là những cứ liệu thực tiễn. Thực tiễn thường rất phong phú, rất đa dạng, nó có thể minh họa cho rõ quy tắc, nhưng không thể vượt ra ngoài quy tắc. Hễ có sự mâu thuẫn giữa quy tắc và cứ liệu thực tiễn thì phải hết sức cảnh giác, phải để riêng những trường hợp đó ra để tiếp tục tìm hiểu.

c. Cuối cùng cũng cần lưu ý đến đặc trưng của văn bản mà chúng ta định phiên Nôm. Mỗi chữ Nôm thường có nhiều khả năng đọc, chọn cách đọc nào là phải căn cứ vào một tổng hợp hai tiêu chí: dựa vào cấu trúc của chữ Nôm đó và dựa vào văn bản. Nhiều khi chính văn bản là tiêu chí có vai trò quyết định, vì bộ phận phụ thuộc vào toàn thể chứ không phải cái toàn thể phụ thuộc vào cái bộ phận. Có điều phải gắng hiểu thật rõ cái gọi là văn bản, để tránh những sự kết luận chủ quan. Hơn nữa, nếu một văn bản có nhiều truyền bản khác nhau thì khi xét một truyền bản này bao giờ cũng phải đối chiếu với các truyền bản kia để gắng tìm cho ra cái văn bản gốc vốn có. Có thế mới có đủ điều kiện để hiểu về các kí hiệu đang cân nhắc.

Xin minh họa những điều nói trên đây bằng vài ví dụ chúng tôi đã gặp phải:

- Câu số 2489: "*Rằng TRONG thánh ĐẾ dồi dào*" là câu chưa ổn. Xét theo văn bản, trong câu này còn thiếu mất cái ý "ơn vua". Vì vậy, ĐDA, KOM đã có 2 hướng đính ngoa: đính ngoa TRONG thành ƠN hoặc đính ngoa ĐẾ thành TRẠCH. Nhưng khi xét bản DMT 1872 thấy chữ TRONG 𥪝 quá khác chữ ƠN 恩 và chữ TRẠCH 澤 quá khác chữ ĐẾ 帝, rõ ràng là không thể không đặt vấn đề, phải gắng tìm cho được một cách đính ngoa khác phù hợp hơn. Trước đây, chúng tôi đã nghĩ đến chữ GIÁO vì có tự dạng hơi giống chữ ĐẾ 窖, nhưng ý ơn vua vẫn chưa rõ. Gần đây chúng tôi xét kỹ lại chữ TRONG: thì hóa ra bản DMT chỉ khắc giống chữ TRỌNG chứ không phải chữ TRONG! Vì bộ phận bên trái không phải là thanh phù LONG 竜 mà là chữ SỦNG viết tắt 寵! SỦNG có nghĩa đúng là "ơn", nhưng như vậy nó là nghĩa phù, còn 中 mới là thanh phù. Trở lại quy tắc ngữ âm lịch sử, chữ ÂN Hán Việt hiện nay vốn có âm ƠN dùng trong Nôm. Nhiều vùng cũng đọc chữ NHÂN thành NHƠN. Mà lịch sử diễn biến ngữ âm lại cho thấy có quá trình IN> ƠN> ÂN, chứng cớ là trong từ điển Việt Bồ La, NHÂN còn ghi Quốc ngữ là NHIN. Vậy có thể đi đến giả thuyết 中 vốn là thanh phù IN 印 chép hay khắc nhầm mà thành. Và chữ ƠN được viết một cách rất lạ 寵印 (SỦNG + IN), lạ nhưng hoàn toàn đúng quy tắc.

- Xét câu số 2128 "*Mách tin họ Bạc tức thì SẮM SANH*" ta thấy chữ thứ 7 trong câu được Vũ Văn Kính cho in ở Truyện Kiều và ở Bảng tra chữ Nôm với thanh phù NÃI 扔. Thật là trái quy tắc, phụ âm N không thể nào đọc thành S, vần AI không thể nào đọc thành vần ĂM! Cho nên chúng tôi nghi

ngờ. Có cứ liệu thực tiễn rõ ràng như vậy, nhưng cứ liệu đó chưa được giải thích. Sự giải thích 忄乃 là cách viết tắt của chữ SÁM không được giới Hán học quốc tế chấp nhận vì theo giới này dạng viết tắt của SÁM phải là 忏. Nếu người Việt Nam viết tắt SÁM thành 忄乃 thì đó là một cách viết tắt đã chịu ảnh hưởng của lối ghi Nôm SẮM là 忄乃 mà Vũ Văn Kính nêu lên. Tóm lại, chúng tôi phải gác trường hợp đọc SẮM lại và đi tìm hướng khác.

- Hoặc tìm hướng có chữ gì đó bị khắc nhầm thành 忄乃.
- Hoặc tìm hướng chữ 忄乃 có thể đọc thành gì?

Trong từ điển Việt La và từ điển HTC chữ 乃 được dùng để ghi NÁY như trong ÁY NÁY. Với nghĩa đó chuyển 乃 thành 忄乃 là điều đúng quy tắc. Tất nhiên đọc NÁY SINH thì nghe rất lạ nhưng lạ là do bản thân không biết. Nếu không có từ điển HTC thì nghe THẤT NÁY cũng rất lạ. Kết cấu THẤT NÁY gồm một yếu tố Hán Việt, một yếu tố Nôm thì còn đáng lạ hơn kết cấu NÁY SINH. Còn chuyện suy nghĩa của NÁY từ ÁY NÁY thì cũng như chuyện dùng NÃO trong ẢO NÃO thành một từ độc lập, ví dụ trong câu số 567 "*NÃO người cữ gió tuần mưa*".

Tóm lại, chúng tôi nghiêng về đề nghị đọc tạm là NÁY SINH. Có thể có người cho là lạ và phê phán, nhưng sợ lạ, sợ bị phê phán thì còn hơn là sợ trái quy tắc.

Nhưng gần đây thì chúng tôi đã chấp nhận cách đọc SẮM, chấp nhận vì đã giải thích được theo quy tắc. Nhờ có kính lúp, đôi mắt già của một người gần 80 như chúng tôi cũng đã phát hiện được một nét ngang nhỏ trong cái gọi là chữ NÃI 乃. Thế thì có thể hiểu được rồi: đây là chữ SẮM gồm có một chữ SÁM viết tắt 忏 và một dấu cá nháy viết nhanh thành ㄅ. Thành thử, vì tôn trọng quy tắc nên không tin các tài liệu đã có, không tin các giải thích đã có, và vì không yên tâm dựa vào các tài liệu đã có nên phải đi tìm và cuối cùng tìm được hai điều: tìm được quy tắc viết chữ SẮM ở bản DMT 1872 và tìm được lý do vì sao người Việt lại tưởng nhầm rằng trong chữ SẮM có bộ phận viết là NÃI

Hai dẫn chứng trên đây nói đến mối quan hệ giữa tự dạng và quy tắc. Còn sau đây là vài dẫn chứng về mối quan hệ giữa việc tìm hiểu ngữ cảnh trong văn bản với việc chọn lựa cách đọc của chữ. Ở câu 321, bản DMT cũng như một số bản khác đều khắc in một chữ có cấu trúc là THỦ + DỮ. Chữ này thường đọc là DỞ/GIỞ. Trương Vĩnh Ký và ADM cũng đều đọc như vậy. Nhưng đọc vậy thì câu thơ "*Sượng sùng giở ý rụt rè*" có điều gì đó không ổn: GIỞ Ý thường gợi lên một thái độ, một ý định không tốt (như GIỞ Ý TRÁO TRỞ, GIỞ Ý LỢI DỤNG...). Cũng dễ hiểu: GIỞ TRÒ, GIỞ

MẸO, GIỞ CHỨNG cũng đều có thiên hướng như vậy cả[1]. Mà 2 chữ RỤT RÈ ở đây thì không gợi lên điều gì không tốt cả. Vậy cần xét xem chữ THỦ + DỮ này có còn cách đọc nào khác nữa không? Có! Nguyễn Quảng Tuân, Vũ Văn Kính, Nguyễn Bá Triệu còn đọc là GIỮ, tuy chữ GIỮ thường dùng thanh phù TRỮ. Họ đọc vậy là có lý do: trong lịch sử diễn biến ngữ âm của tiếng Việt hay có biến thể ư/ơ cũng như d/gi (so sánh THƯ TỪ/ THƠ LẠI; thế kỷ 17 GIẢI THƯỞNG viết là DẢI). Chữ Nôm Nam Bộ có khi ghi GIỮ bằng chữ có cấu trúc DỮ + THỦ 㒷守 ; từ điển T.V.Kiệm cũng ghi cả GIỮ là THỦ + DỮ 扌㒷 giống như trong bản DMT 1872. Không nên băn khoăn về nghĩa phù THỦ (= tay) lắm: phải nhớ rằng nghĩa phù chỉ có giá trị đối với cách đọc chính tức cách đọc đầu tiên khi mới đặt chữ. Còn khi dùng một chữ đã có sẵn để ghi một từ khác có âm gần gũi thì nghĩa phù trở thành một yếu tố không liên quan với cách đọc nữa. Chẳng hạn khi đặt chữ ĐẤT, người ta bỏ bộ TÂM của chữ ĐÁT và dùng bộ THỔ thay vào: dùng bộ THỔ là phải, vì nó có nghĩa là "đất". Nhưng khi dùng chữ ĐẤT để ghi âm từ ĐỨT (như ở câu 104 bản LVĐ 1871) thì bộ THỔ không còn tác dụng gì nữa.

Tóm lại đọc GIỮ là đúng quy tắc, đúng cứ liệu thực tiễn có trong từ điển. Còn xét về ngữ cảnh, về văn bản thì cách đọc "*Sượng sùng GIỮ Ý rụt rè*" rõ ràng là hay hơn hẳn cách đọc trên kia. Có thể phản bác: ở các chỗ khác DMT đều nhất quán ghi GIỮ bằng 宁守 (TRỮ + THỦ). Xin trả lời: DMT không phải bao giờ cũng nhất quán trong cách ghi cả đâu! Chữ NHỚ ở câu 256 khác như chữ NỢ ở câu 257, khác hẳn chữ NHỚ ở câu 259: trong 3 câu đứng sát cạnh nhau mà đã có hiện tượng tiền hậu bất nhất như vậy rồi. Mà giả dụ trường hợp GIỮ/GIỞ có sự khác nhau một cách nhất quán thật đi nữa[2] thì phải cũng cho là bản gốc của bản DMT đã hiểu sai cụ Nguyễn Du, đã đổi nhầm GIỮ thành DỞ/GIỞ. Không thể chỉ dựa vào cách viết để ủng hộ một cách đọc mâu thuẫn với ngữ cảnh trong văn bản, tức mâu thuẫn với tác giả, trong khi có thể có một cách đọc khác cũng đúng với quy tắc, đúng với kinh nghiệm thực tiễn mà lại phù hợp với sự cảm nhận về văn học hơn.

- Xin dẫn thêm một ví dụ nữa, chữ thứ 2 trong câu 565 "Buồn NOI phong cảnh quê người". Chữ này căn cứ tự dạng, có thể làm cho chúng ta nghĩ đến 2 cách đọc, đọc là BUỒN MUÔN và đọc là BUỒN NOI. Đọc BUỒN MUÔN thì hợp với cách ghi ở nhiều câu khác, và hợp với cách đọc của ADM; nhưng đọc là BUỒN NOI thì lại hợp với chữ NỘI ở 3 bản LVĐ, QVĐ, TMĐ (1871, 1879): chữ NỘI có thể làm thanh phù cho NÒI, cho NÓI thì cũng có thể đọc NOI[3]. Có hai khả năng đọc, vậy chọn cách nào để đưa

[1] Ý này vốn của cụ P.Schneider. Khi chúng tôi hỏi Cụ, Cụ đã lập luận như vậy.

[2] Thật ra DMT không nhất quán: GIỮ viết 4 cách khác nhau, lại có khi viết sai nữa.

[3] Cụ Hoàng Xuân Hãn đọc NOI ở TMĐ.

in? Lại phải nghĩ đến ngữ cảnh, nghĩ đến cách hiểu văn bản để có chủ trương thích hợp. Sau 2 chữ BUỒN NOI hay BUỒN MUÔN, tác giả viết tiếp

"............ phong cảnh quê người

Đầu cành quyên nhặt cuối trời nhạn thưa"

Đứng trước ngữ cảnh đó, 3 bản đã dùng 2 chữ BUỒN TRÔNG, gần với BUỒN NOI hơn là BUỒN MUÔN. Vả lại đã có chữ BUỒN lại có chữ SẦU ở câu 564 trước đó và chữ NÃO ở câu 567 sau đó thì cần chữ NOI, chữ TRÔNG để thêm ý mới hơn là chữ MUÔN với nội dung trùng lặp. Vậy thì thứ nhất nên chọn chữ NOI để đưa in và thứ hai, để tỏ ra thận trọng, cũng nên chú thích thêm cả BUỒN MUÔN để giới nghiên cứu tiếp tục cân nhắc,chọn lựa.

Chúng tôi xin nhắc lại, nghiên cứu tự dạng để tìm ra các khả năng đọc, đó là một việc vô cùng quan trọng. Nhưng cuối cùng chọn cách đọc nào, đó lại là một việc phải dựa vào ngữ cảnh, dựa vào văn bản để quyết định.

MỐI QUAN HỆ GIỮA VIỆC PHIÊN NÔM VÀ VIỆC PHỤC NGUYÊN NGỮ ÂM CỔ

Chữ Nôm thuộc loại hình như chữ Hán. Vì vậy giới văn bản học cho rằng khi đọc Nôm, phiên Nôm phải theo kinh nghiệm mà người Trung Quốc nói chung, giới Hán học nói riêng đã thực hiện: phải phân biệt việc đọc các văn bản cổ với việc phục nguyên ngữ âm cổ. Giới Hán học đã có những thành tựu xuất sắc trong việc phục nguyên ngữ âm của tiếng Hán thời cổ đại (từ đời Hán trở về trước) cũng như thời trung đại (từ Tùy Đường cho đến đời Tống)... Thế nhưng , khi đọc Kinh thư, Sở từ cũng như khi đọc Lí Bạch, Đỗ Phủ, Lục Du, họ đều đọc theo âm Bạch thoại hiện đại cả. Vì sao? Có 2 lẽ rất đơn giản.

- Âm cổ đại, âm trung đại mà giới Hán học đã phục nguyên được, dầu sao đó cũng chỉ là thành quả của ngành ngữ âm lịch sử, một thành quả vị tất chính xác 100%. Không phải ngẫu nhiên mà giới Hán học cũng như giới ngữ âm lịch sử của quốc tế bao giờ cũng dùng dấu hoa thị trước các dạng ngữ âm cổ đã được phục nguyên. Dùng dấu đó là để báo cho người đọc biết đây chỉ là những cách đọc mà giới khoa học đã dùng phương pháp lịch sử so sánh để dựng nên; đây chỉ là những giả thuyết khoa học. Âm Bạch thoại thì trái lại, đây là âm đang có thực trước mắt, biết bao nhiêu triệu người Hán đang dùng hàng ngày, đọc sai đọc đúng là có thể xác định được ngay. Vậy khi đọc văn thơ xưa cũng phải đọc theo cái âm mọi người biết một cách chắc chắn, chứ không thể đọc theo cái âm mà giới khoa học chỉ mới dựng nên như một thứ giả thuyết mà thôi.

- Lẽ thứ hai là đọc theo âm hiện đại thì ai cũng hiểu được, thưởng thức được, còn đọc theo cổ âm thì như đọc một thứ ngôn ngữ xa lạ, ít ai hiểu được. Trước đây Nguyễn Bạt Tụy có thử phục nguyên một câu thơ của Nguyễn Trãi theo cách đọc thế kỉ 15: "*Xìm môi xeo tạp poóng plăng*".

Chưa nói đến chuyện phục nguyên như vậy đúng ở chỗ nào, sai ở chỗ nào. Nhưng giả dụ có đúng 100% đi nữa thì khi đọc Quốc âm thi tập cũng không ai có thể đọc như vậy, vì đọc như vậy thì nghe như tiếng Mường chứ không phải là tiếng Việt nữa, và đọc như vậy thì không ai hiểu được nữa. Trái lại, nếu đọc theo âm hiện đại: "*Tìm mai theo đạp bóng trăng*" thì rõ ràng ai cũng hiểu Nguyễn Trãi định nói gì, và câu thơ ấy ai cũng thấy rõ được ý nghĩa của nó, nghệ thuật của nó. Chắc đến đây chúng ta đã có thể thấy những đòi hỏi như đòi hỏi THUỞ phải đọc KHUỞ, RẼ MÂY phải đọc GHẼ MÂY, GẠT LỆ phải đọc BẠT LỤY là những đòi hỏi không thể chấp nhận được.

Nói chung, đọc các văn bản Nôm nhất định phải đọc theo âm hiện đại.

Nhưng lịch sử ngôn ngữ cho thấy có thể có 4 trường hợp, cụ thể:

a. Trường hợp một từ xưa có, nay còn giữ lại được và đọc như xưa, ví dụ những từ MỘT, HAI, NGÀY, THÁNG, ĂN, NÓI... thời A.de Rhodes ghi như thế nào thì nay vẫn đọc cơ bản như vậy.

b. Trường hợp một từ xưa có, nay còn giữ lại được, nhưng đọc đã khác xưa, ví dụ BLĂNG (= trăng), TLỌN (= trọn), MLẠT (= nhạt)... Những từ này thế kỷ 17 đang còn đọc với tổ hợp phụ âm BL, TL, ML, nhưng nay đã đọc với phụ âm đơn TR/GI, TR/CH, NH/L: TRĂNG hoặc GIĂNG, TRỌN hoặc CHỌN, NHẠT hoặc LẠT.

c. Trường hợp một từ xưa có, nay đã mất trong phạm vi ngôn ngữ toàn dân, nhưng còn giữ lại được ở một đôi thổ ngữ nào đấy, ví dụ từ KHẲM (= đủ) nay còn thấy là KHẲM ở Bình Trị Thiên, từ TLÁO (= nôi trẻ em) nay còn nói là TRÓNG, CHÓNG ở Vĩnh Phú.

d. Và trường hợp những từ xưa có nhưng nay đã mất hoàn toàn, không lưu lại dấu vết ở bất kỳ thổ ngữ nào.

Nói chung, trường hợp a là trường hợp thường không gây rắc rối gì, vì xưa nay đọc như nhau, ít khi nảy sinh vấn đề. Trường hợp b thì trái lại, đây là trường hợp đã sản sinh ra những sự phức tạp về mặt tự dạng và những sự tranh cãi về mặt cách đọc. Về mặt tự dạng, ở trường hợp này thường có những dạng cổ phản ánh hệ thống ngữ âm cổ song song tồn tại bên những dạng hậu kỳ phản ánh cách phát âm đời sau. Một tổ hợp phụ âm như Bl có khi được ghi đầy đủ cả 2 yếu tố như ở 𪩮 (= trăng), có khi được giản hóa thành B như ở 把 (BLẢ > BẢ = trả) có khi được giản hóa thành L như ở 𤳆

(BLAI> LAI = trai). Còn GIẢ mà ghi 者 thì đó đã là dạng hậu kỳ.

Còn về mặt cách đọc thì đã có quá trình như sau: các nhà biên tập đầu thế kỷ 20 thường thường đều đọc theo âm hiện đại, không có băn khoăn thắc mắc gì. Nhưng sang cuối thế kỷ thì nhiều người đã biết đến dạng ngữ âm cổ, do đó nảy sinh xu hướng đòi hỏi phiên Nôm theo âm cổ, một điều mà trên đây chúng tôi đã phân tích là không nên, và cũng không thể nào thực hiện một cách triệt để được. Theo ý chúng tôi, chỉ có thể phản ánh được cách cấu tạo của chữ cổ trong chừng mực mà tiếng Việt hiện đại cho phép, ví dụ 半短 có thể phiên âm VẮN để theo sát thanh phù BÁN vì trong tiếng Việt hiện nay, bên cạnh cách nói NGẮN còn dùng cả VẮN như trong kết cấu VẮN TẮT chẳng hạn.

Trường hợp c thì phải gắng tìm cho ra dạng phương ngữ đang tồn tại để phiên Nôm theo, vì đó là dạng duy nhất còn tồn tại đến ngày nay. Nhưng phải có chú thích vì những dạng phương ngữ đó chắc chắn trong đông đảo bạn đọc, ít người biết đến.

Cuối cùng chỉ có trường hợp d là trường hợp chúng ta phải phiên Nôm theo âm cổ, vì không còn cách nào khác. Tất nhiên trường hợp này cũng cần phải có chú thích.

B. VÀI QUY ƯỚC CỤ THỂ

Trong quá trình đối chiếu 9 bản Kiều thế kỷ 19 với nhau, chúng tôi đã tự vạch ra mấy quy ước như sau:

1. Chúng tôi sẽ chú ý đến cả các yếu tố thuộc văn bản, cả các yếu tố nằm ngoài văn bản. Các yếu tố thuộc văn bản sẽ giúp cho chúng ta trong việc cố gắng phục nguyên lại nguyên tác của nhà thơ; các yếu tố ngoài văn bản lại có thể giúp chúng ta trong việc tìm hiểu lịch sử diễn biến của Truyện Kiều, lịch sử phổ biến Truyện Kiều ra các vùng, ảnh hưởng của bản Kiều này đến bản Kiều nọ...

Cuốn "Tư liệu Truyện Kiều", bản DMT 1872 mà chúng tôi đã cho công bố trước đây mới chỉ là một tập hồ sơ cung cấp dữ liệu cho giới nghiên cứu. Vậy nay phải gắng chữa lại cho hợp với yêu cầu. Công trình của Nguyễn Quảng Tuân vốn đi theo hướng miêu tả sát đúng bản in năm 1871, tôn trọng tất cả các chỗ khắc sai, vậy nay phải đính ngoa để tìm ra các chữ đúng vốn có trong văn bản. Công trình của Nguyễn Bá Triệu vốn nghiêng về hướng phiên Nôm văn bản LNP, vậy nay phải gắng tìm ra các yếu tố phi văn bản ẩn chứa trong bản Kiều chép tay này... Tóm lại phải có khâu tìm hiểu thêm về mặt này hay mặt khác ở các bản Kiều thế kỷ 19 hiện có.

2. Chúng tôi được thừa hưởng nhiều ở các bản phiên Quốc ngữ đã có nhưng bao giờ cũng phải quay trở lại các bản Nôm, coi đó là chỗ dựa chính.

Sở dĩ thế là vì trong khi đọc các bản Nôm ai cũng dễ bị sơ suất, chọn sai cách đọc chữ này, nhận diện sai tự dạng chữ khác. Chúng tôi đã báo cho độc giả biết chúng tôi có thể sai. Các bản khác cũng còn lưu lại những chỗ sai như vậy, ví dụ:

- Trong cuốn 1870, ở câu 88:

Khéo thay nằm xuống là ma không chồng

Nguyễn Bá Triệu vẫn cho in NẰM thành THÁC, LÀ thành LÀM theo thói quen đã có từ trước.

- Trong cuốn 1871, ở câu 1115 DỜI đã in thành ĐƯA, ở câu 3077 VỘI ÁT ĐI đã phiên thành VỘI GẠT ĐI mà Nguyễn Quảng Tuân quên đính chính. Trở lại các bản Nôm trước hết là để kiểm tra sai đúng.

3. Lẽ thứ hai là đứng trước một chữ Nôm các bản khắc như nhau có thể có người đọc theo âm Hán Việt, có người đọc theo âm cổ Hán Việt; có người đọc theo âm, có người đọc theo nghĩa v.v. mà về nội dung không có gì khác nhau một cách cơ bản lắm. So sánh:

- TIẾC LỤC THAM HỒNG với TÍCH LỤC THAM HỒNG ở câu 90 hai bản 1870, 1871.

- Hoặc MÂY TẦN KHÓA KÍN với MÂY TẦN TỎA KÍN ở câu 249, cũng ở hai bản 1870, 1871.

Lại có trường hợp cùng một chữ Nôm mà có 2, 3 cách đọc khác nhau với nghĩa khác nhau, ví dụ ở câu 92:

Sẵn đây ... ... một vài nén hương

Cụ Hoàng Xuân Hãn đọc là TA CẦM, bản Bùi Kỉ, Trần Trọng Kim lại đọc là TA KIẾM.

Những trường hợp như trên, mới xem qua ở bản Quốc ngữ, rất dễ nghĩ đến những dị bản khác nhau, cần phải "khảo dị", nhưng kỳ thực đó là những sự khác nhau chỉ mới nảy ra về sau ở các bản Kiều hiện đại; còn ở các bản Nôm thế kỷ 19 thì tình hình lại có thể khác: chữ Nôm vẫn viết thống nhất! Không có vấn đề khảo dị!

4. Những chỗ thực sự có vấn đề khảo dị là những chỗ – như đã nói – có sự khác nhau ngay giữa các bản Nôm:

- Hoặc bản này khác bản kia ở số lượng câu, ví dụ sau câu 530, 7 bản có một đoạn 4 câu, nhưng 2 bản LNP, KOM lại thay đoạn đó bằng một đoạn 6 câu.

- Hoặc số lượng câu như nhau, nhưng câu bên này về cơ bản khác câu bên kia, ví dụ câu 1186 hoặc câu 1212 v.v.

- Nhưng thường thường là trong câu các bản chỉ khác nhau ở một số kết cấu hay ở một chữ. Thỉnh thoảng cũng có thể gặp những kết cấu gồm thành tố như nhau, nhưng sắp xếp theo trật tự khác nhau, ví dụ: 3 bản dùng PHÁCH LẠC HỒN XIÊU, 6 bản dùng HỒN LẠC PHÁCH XIÊU...

Vì có những kiểu loại dị bản khác nhau như trên, tạm thời chúng tôi tính toán theo số lần phải khảo dị (tức cũng là tính toán theo số lượng chỗ có vấn đề khảo dị), như nói ở trang 49A có 11 câu phải khảo dị trong đó bao gồm:

- 7 câu chỉ có 1 chỗ khảo dị
- 3 câu có 2 chỗ khảo dị
- và 1 câu có đến 3 lần phải khảo dị

- Hoặc nói trong truyện Kiều có đến 1962 chỗ phải khảo dị.

5. Nếu chọn những dị bản quen thuộc thì chắc sẽ dễ được nhiều người tán thành. Nhưng mục đích của chúng tôi lại có phần khác: cố gắng gợi lên những khả năng mới, lật ngược vấn đề để gây tranh luận, kích thích tinh thần thích tìm tòi, thích khám phá. Đó là lý do vì sao chúng tôi hay quan tâm đến các dị bản lạ, bất ngờ, bị thiểu số... Rất mong bạn đọc hiểu cho và thông cảm cho.

PHẦN THỨ HAI

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA VỀ 9 BẢN KIỀU THẾ KỶ 19

Sau đây là hơn 300 trang trình bày kết quả điều tra về 9 bản Kiều thế kỷ 19 mà chúng tôi hiện có.

I. Ở mỗi trang bên tay trái là những gì còn lại từ tác phẩm của cụ Nguyễn Du:

- Những câu còn nguyên vẹn.

- Và những phần còn nguyên vẹn đang sót lại trong những câu đã bị thay đổi.

Hễ những gì còn lại của nguyên tác chúng tôi đều cho in ra. Những chỗ đã bị thay đổi thì chúng tôi đành phải gạt đi và để trống.

II. Ở mỗi trang bên tay phải đều có bảng ghi lại những chỗ nguyên tác đã bị thay đổi. Bảng sẽ cho biết:

- Chỗ bị thay đổi nằm ở câu nào, ở chữ thứ mấy.

- Ở chỗ ấy hiện có mấy dị bản khác nhau.

- Và dị bản nào có mặt ở bản Kiều nào (trong số 9 bản Kiều thế kỷ 19 được đem ra so sánh)

Bạn đọc chỉ cần đối chiếu những chỗ bị bỏ trống ở trang bên tay trái với những gì có ở trang bên tay phải là biết được tình hình.

III. Để tiện lợi cho việc ấn loát, khi lập bảng chúng tôi đã dùng những quy ước như sau:

- Sự hiện diện của một dị bản nào đấy ở một truyền bản nào đấy sẽ được đánh dấu bằng dấu cộng: +

- Nếu dị bản đó khắc in không chuẩn thì sẽ đánh dấu là: /+/

- Nếu một chữ có hai khả năng đọc, hiểu khác nhau thì giữa hai biến thể đó sẽ dùng dấu: //

- Ví dụ: chữ ÊM cũng ghi như chữ IM và trong văn cảnh cần cân nhắc giữa hai dị bản đó, thì trong bảng sẽ ghi: ÊM // IM

- Nếu một chữ này in nhầm thành một chữ kia thì có thể dùng dấu > với ý nghĩa là: in nhầm thành chữ... Hoặc dùng dấu < với ý nghĩa là: in nhầm từ chữ...

- Ví dụ: LỜI > điều: LỜI in nhầm thành chữ ĐIỀU

- ĐIỀU < lời: ĐIỀU in nhầm từ chữ LỜI

- Thường mỗi dị bản ghi riêng ở một dòng, nhưng đôi trường hợp, để tiết kiệm chỗ, chúng tôi cũng bắt buộc phải để hai dị bản vào cùng một dòng. Lúc đó sẽ đặt một dị bản vào trong hai dấu ngoặc. Ví dụ ở câu 999 có 3 dị bản:

1. Hãy xin HẾT kiếp liễu bồ

2. Hãy xin TRỌN kiếp liễu bồ

3. Chịu lời cho vẹn kiếp tu

Chúng tôi đã dồn hai dị bản 1, 2 thành một câu như sau: Hãy xin HẾT (TRỌN) kiếp liễu bồ.

IV. Mục đích của phần thứ II này là cung cấp cho bạn đọc các kết quả điều tra. Từ những kết quả điều tra này có thể rút ra nhiều điều. Trong cuốn sách này chúng tôi sẽ dùng kết quả điều tra vào hai việc chính sau đây:

- Vào việc rút ra những nhận xét tổng quát về các bản Kiều thế kỷ 19

(xin xem các nhận xét nêu ở phần I).

- Và vào việc cố gắng thử tìm cách phục nguyên lại nguyên tác. Ý kiến của chúng tôi về công tác phục nguyên sẽ được trình bày 2 nơi:

a. Những dị bản chúng tôi dự định sẽ chọn để phục nguyên thì để ngay ở trong các bảng phần II này. Mỗi dị bản đó sẽ được in nghiêng, và ở trước thì gia thêm dấu hình hoa thị.

b. Lý do vì sao phục nguyên như vậy sẽ để ở phần III. Những điểm cần nói rõ hơn về việc phục nguyên đó cũng sẽ để ở phần III.

V. Số trang xin ghi theo bản DMT/1872; số câu xin tính theo bản LVĐ/1871.

Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ ... khéo là ... nhau.
Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy ... đau đớn lòng.
Lạ gì bỉ sắc tư phong
Trời xanh quen ... má hồng đánh ghen.

Cảo thơm lần giở trước đèn,
Phong tình ... lục còn truyền sử xanh.
Rằng: Năm Gia - tĩnh triều Minh,
Bốn phương phẳng lặng hai kinh vững vàng.
Có nhà viên ngoại họ Vương
Gia tư ... cũng thường thường bậc trung.
Một trai con thứ rốt lòng,
Vương Quan là chữ nối dòng nho gia.
Đầu lòng hai ả tố nga,
Thúy Kiều là chị em là Thúy Vân.
Mai cốt cách tuyết tinh thần,
... người ... vẻ mười phân vẹn mười.
Vân xem trang trọng ... vời,
... ... đầy đặn nét ... nở nang

Ký hiệu các bản: D: bản Duy Minh Thị 1872, 1879; 70= bản Lâm Nọa Phu chép tay năm 1870; 71= bản Liễu Văn Đường in năm 1871; T = bản Trương Vĩnh Ký, Quốc ngữ, 1875, 1911; TH = bản Thịnh Mĩ Đường, năm 1879; Q = bản Quan Văn Đường, năm 1879; 84 = bản A.D Michels, 1884; V= bản VNB-60;K= bản Kiều Oánh Mậu, 1902.

2A

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2	4 *	*mệnh*		+	+	+	+	+		+	+
		sắc	+						+		
	7 *	*ghét*		+	+	+	+	+		+	+
		cợt	+						+		
4	5 *	*đã*	+		+	+	+	+	+		+
		mà		+						+	
6	4 *	*với*	+	+	+	+	+	+	+	+	+
		thói									
8	3 *	*có*	+		+	+	+	+	+	+	+
		cổ		+							
12	3 *	*nghĩ*	+	+	+		+	+	+	+	.
		nghỉ				+					+
18	1 *	*Một*	+	+	+	+	+	+	+	+	+
		Mỗi									
	3 *	*một*	+	+	+	+	+	+	+	+	+
		mỗi									
19	5 *	*khác*	+	+	+		+	+	+	+	+
		tót				+					
20	1,2 *	*Khuôn trăng*		+	+		+	+		+	+
	*	*Khuôn lưng*				+					
		Tư phong	+						+		
	6 *	*ngài*	/+/		+		/+/	+		+	+
		người		+		+			+		

1. +: có chữ ấy /+/: có, nhưng không chuẩn, sai nét, vị trí v.v...
2. Chúng tôi dẫn hai câu 6 và 18 để chứng tỏ rằng trong việc khảo dị đang cần tìm thêm các bản cổ khác nữa, vì với 9 bản hiện có thì chưa giải thích được nguồn gốc của chữ "thói" và hai chữ "mỗi .... mỗi".
3. *---: đề nghị phục nguyên; lý do xin xem ở phần III.

Hoa cười ngọc ... đoan trang,
Mây ... nước tóc tuyết nhường màu da
Kiều ... sắc sảo mặn mà,
So bề tài sắc lại là phần hơn.
... thu thủy ... xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh
Một ... nghiêng nước nghiêng thành,
Sắc đành ... một tài đành họa hai.
Thông minh vốn sẵn ... trời,
... nghề ... họa đủ mùi ca ngâm
Cung thương làu bậc ... âm,
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương
Khúc nhà tay lựa nên ...
Một ... Bạc mệnh lại càng não nhân.
Phong lưu rất mực hồng quần,
Xuân xanh xấp xỉ ... tuần cập kê.
... ... trướng rủ màn che,
Tường đông ong bướm đi về mặc ai

... ... con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
21	4	*	*thốt*	+		+	+		+	+		
			nói		+			+			+	+
22	2	*	*thua* (thu)		+	+	+	+	+		+	+
		*	(khoa)	+						+		

2 B

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
23	2		xem	+						+		
		*	*càng*		+	+	+	+	+		+	+
25	1		Hương (<Làn)	+								
		*	*Làn*			+		+	+		+	+
			Gương				+			+		
			Nền		+							
	4	*	*nét* >/đớn/	/+/	(+)	+			(+)	/+/		
			vết >(thấp)				+	+			+	+
27	2	*	*hai*	+	+		+			+		+
			đôi			+		+	+		+	
28	3	*	*trọi // đòi*	+		+	+	+	+	+	+	+
			có		+							
29	5	*	*tư*	+			+				+	+
			tự							+		
			tính		+	+		+	+			
30	1	*	*Pha*	/+/	+	+		+	+		+	+
			Vẹn				+			+		
	3	*	*thư*	+								
			thi		+	+	+	+	+	+	+	+
31	5		ngũ		+	+		+	+		+	+
		*	*năm*	+			+			+		
33	6	*	*xoang*	+						/+/		+
			chương		+	+	+	+	+		+	
34	2	*	*thiên*	+		+	+	+	+	+	+	
			cung		+							+
36	5		tới		+	+	+	+	+		+	+
			lên (<trên)	+								
		*	*trên*							+		
37	1,2	*	*Êm* // (Im) niềm		+		(+)					+
		*	*Êm* nềm // *đềm*	+		+		+	+	+	+	
39	1,2	*	*Ngày xuân*	+	+					+		+
		*	Mùa *xuân*				+					
			Tiết vừa			+		+	+		+	

Cỏ non xanh ... chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
Thanh minh ... tiết ... ba
Lễ là Tảo mộ ... là Đạp thanh
Gần xa ... nức yến anh,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
Dập dìu tài tử giai nhân,
Ngựa xe như nước áo quần như ...
Ngổn ngang gò đống kéo lên,
Thoi vàng ... rắc tro ... ... bay (Thoi ?!)
Tà tà bóng ngả về tây
Chị em thơ thẩn ... tay ra về.
Bước dần theo ngọn tiểu khê,
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh
Nao nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu ... nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
... ... nấm đất bên đường,
Dàu dàu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.
Rằng: "Sao trong tiết thanh minh".
Mà đây hương khói vắng tanh thế mà?"

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
41	4	*	*tạn* 羡	+	+	+		+	+	+		+
			tận 尽				+				+	
43	3	*	*giữa*	+								
			trong		+	+	+	+	+	+	+	+
	5	*	*ngày*	+			+			+		
			tháng		+	+		+	+		+	+
44	5	*	*hội*		+						+	+
		*	gọi // *hội*	+		+	+	+	+	+		
45	3,4	*	*nô nức*	+	+	+		+	+		+	+
		*	nao *nức*				+			+		
48	8	*	nen (⿰扌年) ⿰木年 ⿰扌年	+	+	[+]		+		(+)	+	
			nêm 楠				+		+			+
50	3		bỏ				+					
		*	*bó // vó, bủa,* búa									
			鈽		+	+			+	+		
			⿰糸布	+								+
			抪					+			+	
	6		tiền		+							+
		*	*tàn*	+		+	+	+	+	+	+	
	7	*	*giấy* 紙	+		+	+	+	+	+	+	
			dấy ⿰糸代 (絏)		+							(+)
52	5	*	*dan // gian*	+		+	+	+	+	+	+	
			dang		+							+
56	3,4	*	*nhỏ nhỏ*	+			+			+		
			nho nhỏ		+	+		+	+		+	+
58	1,2	*	*sè sè// (sờ sờ)* 花		+	+		+	+	(+)	+	+
			sờ sờ //trờ trờ 除	+			+					

... ... dẫn gần xa:
"Đạm Tiên nàng ấy xưa là ca nhi.
"Nổi danh tài sắc một ...
... ... ngoài cửa kém gì yến anh,
"Kiếp hồng nhan có mong manh
Nửa chừng xuân thoắt gãy cành thiên hương.
"Có người khách ở viễn phương,
"Xa nghe cũng ... tiếng nàng tìm chơi.
"Thuyền tình vừa ghé ... nơi,
"Thì đà trâm gãy bình rơi bao giờ!
" ... không ... ngắt như tờ,
"Dấu xe ngựa đã rêu lờ mờ xanh.
"Khóc than khôn xiết sự tình,
"Khéo vô duyên ... là mình với ta!
"Đã không duyên trước chăng ...
"Thì chi chút ... gọi là duyên sau.
"Sắm sanh nếp ... xe châu,
" ... ... một nấm mặc dầu cỏ hoa.
"Trải bao thỏ lặn ác tà,
"Ấy mồ vô chủ ai mà viếng thăm!"

3B

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
61	1,2	*	*Chàng Vương*	/+/								
		*	*Chàng* Quan							+		
			Vương Quan		+	+	+	+	+		+	+
	3	*	*mới*	+		+	+	+	+	+	+	+
			do		+							
63	6	*	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
			kì		+							
64	1,2		Xôn xao		+	+	+	+	+	+	+	+
		*	*Sán quanh*	+								
68	4		nức		+	+	+	+	+	+	+	+
		*	phục // *mặn*	+								
69	5	*	*đến*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			tới									+
71	1		Phòng				+	+	+		+	
		*	*Buồng*	+	+	+				+		+
	3	*	*lạnh*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			lặng									+
74	4	*	*bấy*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			mấy									+
75	6	*	*thà* // thè	(+)			+	+		+	+	
			mà		+	+			+			+
76	4	*	*dích*	+	+		+		+	+		+
			ước			+		+			+	
77	4	*	*giấy*	+			+			+		
			tử		+	+		+	+		+	+
78	1,2	*	*Vùi nông*	+	/+/	/+/	+			/+/		
			Bụi hồng					+	+		+	+

Lòng đâu sẵn ... thương tâm,
Thoạt nghe Kiều ... đầm đầm châu sa
"Đau đớn thay phận đàn bà!
"Lời ... ... cũng là lời chung.
"Phũ phàng chi ... hóa công!
"Ngày xanh mòn mỏi má hồng phôi pha.
"Sống làm vợ khắp người ta,
" ... thay ... xuống ... ma không chồng! [1]
"Nào người phượng chạ loan chung,
"Nào người tiếc lục tham hồng là ai?
"Đã không kẻ đoái người hoài
"Sẵn đây ta cắm một vài nén hương.
"Gọi là gặp gỡ giữa đường
"Họa là người dưới suối vàng biết cho."
Lầm rầm khấn ... nhỏ to,
Sụp ngồi ... ... trước mồ bước ra.
Một vùng cỏ áy bóng tà,
Gió hiu hiu thổi một và ... lau.
... trâm sẵn giất mái đầu.
Vạch da cây vịnh ... câu ... vần.

---

[1] Hai câu 87, 88 bản 1871 đổi thành:
Sống thìn tình chẳng riêng ai
Khéo thay thác xuống ra người tình không

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
81	4	*	*mởn*	+		+	+		+	+		
			mối		+			+			+	
			món									+
82	4		đã		+	+	+	+	+		+	+
		*	*thoắt*	+						+		
84	2	*	*rằng*	+	+		+	+		+	+	+
			là			+			+			
	3,4	*	*bạc mệnh*	+	+		+			+		+
			phận bạc			+		+	+		+	
85	4	*	*bấy*	+	+		+					
		*	mấy // *bấy*			貝		買	貝	貝	買	余
88	1		Khéo		+	+			+		+	+
		*	*Hại*	+			+	+		+		
	3		thác			+	+	+	+		+	+
		*	*nằm*	+	+					+		
	5	*	*là*	+	+	...				+		
			làm			...	+	+	+		+	+
95	4	*	*vái*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			khứa									+
96	3,4	*	*và cáo*	+								
			bạ cỏ			+		+	+		+	
		*	*và* gật		+		+			+		+
98	7	*	*ngọn*	+	+	+	+	+	+	+		
			bông								+	+
99	1	*	*Rút*	+		+	+	+	+	+	+	
			Chiếc		+							+
100	5	*	*bốn*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			tám									+
	7	*	*ba*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			bốn									+

Lại càng mê ... tâm thần,
Lại càng đứng ... tần ngần chẳng ra.
Lại càng ủ dột nét hoa,
Sầu tuôn đứt nối châu sa vắn dài.
Vân rằng: "Chị cũng nực cười,
" ... dư nước mắt khóc người ... ... !"
Rằng: "Hồng nhan tự ... ...
"Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu.
"Nỗi niềm tưởng đến mà đau.
"Thấy người nằm ... biết sau thế nào?"
Quan rằng: "Chị nói hay sao,
"Một ... là một vận vào khó nghe!
"Ở đây âm khí nặng nề,
"Bóng chiều đã ngả dặm ... còn xa."
Kiều rằng: "Những đấng tài hoa,
"Thác là ... phách còn là tinh anh.
"Dễ hay tình lại gặp tình,
"Chờ xem ắt thấy hiển linh bây giờ!"
Một lời nói chửa kịp thưa,
Phút đâu trận gió cuốn cờ đến ngay.

4 B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
101	4	* ... *mải*	+								
		... mẩn		+	+	+	+	+	+	+	+
102	4	* *lặng*	+		+		+	+	+	+	
		sững				+					+
		xáp		+							
106	1	cũng	+						+		
		* *khéo*		+	+	+	+	+		+	+
	7,8	* *đời* xưa *(sơ)* [1]	(+)	+	(+)	+	(+)	(+)	(+)	(+)	
		* cổ *sơ*									+
107	5,6	* *thủa xưa*	+			+			+	+	+
		* nghìn *xưa*		+	+		+	+			
110	4	* *đấy*	+	+		+			+		
		đó			+		+	+		+	+
112	2	lời									+
		* *điều*	+	+	+	+	+	+	+	+	
114	6	* *về*	+	+		+	+		+	+	+
		hòe			+			+			
116	3	* *thể...*	+	+	+		+	+	/+/	+	+
		thấy				+					

(1) Cụ HX Hãn phiên ra Quốc ngữ là ĐỜI SƠ, chúng tôi cũng tán thành như vậy.

Ào ào ... ... rung cây,
Ở trong dường có hương bay ít nhiều.
Đè chừng ngọn gió lần theo,
... ... từng bước in rêu rành rành
Mặt nhìn ai nấy đều kinh,
Nàng rằng: "Này thực tinh thành chẳng xa.
"Hữu tình ta lại ... ta,
... nề u hiển mới là chị em."
Đã lòng hiển hiện cho xem,
Tạ lòng nàng lại nối thêm ... lời.
Lòng thơ lai láng bồi hồi,
Gốc cây lại vạch một bài cổ thi.

Dùng dằng ... ở ... về,
Nhạc vàng đâu ... tiếng nghe gần gần.
Trông chừng thấy một văn nhân,
Lỏng buông tay khấu bước lần dặm băng.
Đề huề lưng túi gió trăng,
Sau chân theo một vài thằng con con.
Tuyết in sắc ngựa câu giòn,
Cỏ pha ... áo nhuộm non da trời.

5A

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
121	3,4	*	*giữ // rũ lộc* (>gió lốc ?)	+					+	+		
		*	đổ *lộc*		+	+	+	+			+	
		*	trút *lộc*									+
124	1,2		Dấu hài		+							
		*	Dấu *giày*			+		+	+		+	+
		*	*Vết giày*	+			+			+		
127	5	*	*biết*	+	+		+			+		
			gặp			+		+	+		+	+
128	1		Chớ									+
		*	*Chẳng*	+	+	+	+	+	+	+	+	
130	7	*	*và*	+	+	+	+	/+/	+	+	+	
			vài									+
133	3	*	*dở*	+	+		+			+		
			nửa			+		+	+		+	+
	5	*	*dở*	+	+		+			+		
			nửa			+		+	+		+	+
134	4	*	*đã*	+		+	+	+	+	+	+	+
			bỗng		+							
140	3	*	*mùi*	+	+	+		+	+		+	+
			màu				+			+		

Nẻo xa mới ... mặt người,
Khách đà xuống ngựa tới nơi tự tình.
... ... lần bước dặm xanh,
Một vùng như ... cây quỳnh cành dao.
Chàng Vương quen mặt ra chào,
Hai kiều e ... nép vào dưới hoa.
Nguyên người quanh quất đâu ...
Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm anh.
Nền phú ... bực tài danh,
Văn chương nết đất thông minh tính trời.
... tư tài mạo tốt vời,
Vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa.
Chung quanh vẫn đất nước nhà,
Với Vương ... trước ... là ... thân.
Vẫn nghe thơm nức hương lân,
Một nền Đồng - tước khóa xuân hai Kiều.
Nước non cách mấy ... ...
Những là trộm ... thầm yêu chốc mòng.
May thay giải cấu tương phùng,
Gặp tuần ... lá thỏa lòng tìm hoa.

5B

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
141	4	*	*rõ*	+	/+/							
			tỏ			+	+	+	+	+	+	+
143	1,2		Giai nhân	+			+			+		
		*	*Hài văn*		+	+		+	+		+	+
144	4	*	*thế*	+		+		+	+		+	+
			thấy		+		+			+		
146	4	*	*mặt*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			lệ									+
147	6	*	*xa*	+	+	+	+	+		+	+	+
			ta (?)						+			
149	3	*	*hậu*	+			+			+	+	+
			quí		+	+		+	+			
151	1,2	*	*Thiên tư*	+		+	+	+	+	+	+	
			Phong tư		+							+
154	3	*	*Quan*	+		+	+	+	+	+	+	+
			Ông		+							
	5	*	*vẫn*	+	+	+	+	+	+	+		+
			cũng								+	
	7	*	*chu* > đồng	+		+	+	+	+	+	+	
			tương		+							
			song									+
157	5,6	*	*buồng thêu*	+			+			+		
		*	*buồng* điều // đào			+		+	+		+	+
			nguồn đào		+							
158	4	*	*dấu*	+	+	+		+	+	+	+	+
			nhớ				+					
160	3	*	*đố*	+	+	+		+	+	+	+	
			đổ				+					
			đỏ									+

Bóng hồng nhác thấy nẻo xa,
Xuân ... thu cúc mặn mà cả ...
Người quốc sắc kẻ thiên tài,
Tình trong như đã mặt ngoài còn e.
Chập chờn cơn tỉnh cơn mê,
Rốn ... chẳng tiện dứt về chỉn khôn. (ngồi?!)
... ... như giục cơn buồn,
Khách đà ... ngựa người còn nghé theo.
... ... trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều ... ...

Kiều từ trở gót trướng hoa,
Mặt trời ... ... chiêng đà thu không.
... ... song,
Vàng gieo ngấn nước cây lồng bóng sân.
Hải đường lả ngọn đông lân,
Giọt sương treo nặng cành xuân la đà.
... ... ngắm ... ... ,
... đường ... với ... xa bời bời:
“Người mà đến thế ... thôi,
“Đời phồn hoa cũng là đời bỏ đi!

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
162	2	hương	+						+		
	*	*lan*		+	+	+	+	+		+	+
	8 *	*... hai*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		... đôi									+
167	1,2 *	*Bóng* chiều					+			+	
	*	*Bóng tà*	+	+	+			+	+		+
		Gió chiều				+					
168	3 *	*lên*	+	+		+			+	+	+
		xuống			+		+	+			
169	1,2 *	Nhịp *cầu*				+					
	*	*Dưới cầu*	+						+		+
		Dưới giòng		+			+			+	
		Dưới khe			+			+			

6A

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
169	3,4	*	*dải nước*	+			+			+		
			nước chảy		+	+		+	+		+	+
170	7,8		thướt tha					+			+	
		*	*tha la* // ra	+			+			+		
			la tha		+							+
			đã ra			+			+			
172	3,4	*	*lặn núi*	+			+			+		
		*	gác *núi*					+			+	+
			đến đất		+	+			+			
173	1,2	*	*Gương nga*	+		+	+	+	+	+	+	
			Mảnh trăng		+							+
	3,4	*	*vạnh vạnh*	+		+	+	+	+	+	+	
			chếch chếch		+							+
	5	*	*đầy*	+			+			+		
			dòm		+							+
			từ			+		+	+		+	
177	1,2	*	*Đăm đăm*	+			+			+		
			Một mình		+	+		+	+		+	+
	3	*	*lặng*	+			+			+		+
			rạng		+	+		+	+		+	
	5,6	*	*bóng hoa*	+						+		
		*	*bóng* nga		+		+					+
			tố nga			+		+	+		+	
178	1	*	*Rộn*	+	+	+		+	+	+	+	+
			Đon				+					
	3	*	*gần*	+	+		+	+		+	+	+
			xa			+			+			
	5	*	*nỗi*	+		+		+	+		+	+
			nẻo		+		+			+		
179	5	*	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
			là		+							

"Người đâu gặp gỡ làm chi
"Trăm năm biết có duyên gì hay không?"
Ngổn ngang trăm mối bên lòng,
Nên câu tuyệt ... ngụ trong tính tình.
Chênh chênh bóng nguyệt xế mành,
Tựa ... bên triện một mình thiu thiu.
Thoắt đâu thấy một tiểu kiều,
Có chiều phong vận có chiều thanh tân.
Sương in mặt tuyết pha thân,
... vàng ... ... như gần như xa.
... mừng ... hỏi dò la:
" ... ... lạc lối đâu mà đến đây?"
Thưa rằng: "Thanh khí xưa nay,
"Mới cùng nhau lúc ban ngày đã quên?
"Hàn gia ở mé tây ...
"Dưới dòng nước chảy bên trên có cầu.
" ... lòng hạ cố đến nhau,
"Mấy lời hạ tứ ném châu gieo vàng.
"Vâng trình hội chủ xem tường,
"Mà ... trong sổ Đoạn trường có tên.

6 B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
184	4 *	*diệu*	+		+	+	+	+	+	+	+
		cú		+							
186	2 *	*loan*	+			+			+		
		nương									/+/
		hoa								+	
		ngồi		+	+		+	+			
190	1 *	*Sen*	+	+						+	+
		Trên				+			+		
		Nhạc			+		+	+			
	3,4 *	*lãng đãng*	+	+		/+/			+		+
		đãng đãng			+		+	+		+	
191	1 *	*Chào*	+			+			+		
		Rước		+			+	+		+	+
		Liền			+						
	3 *	*đon* // đón	+	+	+	+	+	+	+		+
		ướm								+	
192	1,2 *	*Nguồn đào*	+	+		+			+		
		Đào nguyên			+		+	+		+	+
195	6 *	*thiên*	+		+	+	+	+	+	+	+
		hiên		+							
197	1	Thêm			+			+			
	*	*Mấy*	+	+		+	+		+	+	+
202	2	sao		+							+
	*	*xem*	+		+	+	+	+	+	+	

"Âu đành quả kiếp nhân duyên,
"Cùng người một hội một thuyền đâu xa!
"Này mười bài mới mới ra,
"Câu thần lại mượn bút hoa vẽ vời."
Kiều vâng lĩnh ý đề bài,
Tay tiên một ... đủ mười khúc ngâm.
Xem thơ ... ... khen thầm:
Giá đành tú khẩu cẩm tâm khác thường!
Ví đem vào tập Đoạn trường,
Thì treo giải nhất chi nhường cho ai!
Thềm hoa khách đã trở hài,
Nàng còn ... lại một hai tự tình
Gió đâu ... bức mành mành.
Tỉnh ra mới biết rằng mình chiêm bao.
Trông theo nào thấy đâu nào,
Hương thừa ... hãy ra vào đâu đây.
Một mình lưỡng lự canh chầy,
Đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh.
Hoa trôi bèo giạt đã đành,
Biết ... mình biết phận mình thế thôi.

7A

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
206	4	* *vẫy*	/+/	+	/+/		/+/	+	/+/	/+/	+
		vẽ				+					
207	3,4	* *thắc thỏm*	/+/	+	+	+		+	+		
		nức nở					/+/			+	+
212	3	* *cầm*	/+/	+		+	+			+	+
		ở			+			+	+		
213	3	* *sịch*	/+/	+	+	/+/	+	+	+	+	
		khua									+
216	3	* *nhường*	+								
		* *dường*		+	+	+	+	+	+	+	+
220	2	đâu	+						+		
		* *duyên*		+	+	+	+	+		+	+

Nỗi riêng lớp lớp sóng ...
Nghĩ ... cơn lại sụt sùi đòi cơn.
Giọng Kiều rền rĩ trướng loan,
Nhà huyên chợt tỉnh hỏi cơn cớ gì.
"Cớ ... trằn trọc canh khuya,
"Màu hoa lê hãy dầm dề giọt mưa?"
Thưa rằng: "Chút phận ngây thơ,
"Dưỡng sinh đôi ... tóc tơ chưa đền.
... ngày chơi mả Đạm Tiên,
"Nhấp đi thoắt thấy ứng liền chiêm bao.
"Đoạn trường là số thế nào,
"Bài ra thế ấy vịnh vào thế kia.
"Cứ trong mộng triệu mà suy,
" ... con ... có ra gì mai sau!"
Dạy rằng: "Mộng ... ... đâu,
"Bỗng không mua não chác sầu nghĩ nao!"
Vâng lời khuyên giải thấp cao,
Chưa xong điều nghĩ đã dào mạch ...
Ngoài song thỏ thẻ oanh vàng
... tường bông liễu ... ...

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
221	6 *	bồi // vùi					+			+	
		dồi // giồi	+	+		+			+		+
		trôi			+			+			

7B

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
222	2	*	*đòi*	+		+	+	+	+	+	+	+
			nguồn		+							
225	2	*	*chi*	+						+		
			sao		+	+	+	+	+		+	+
228	4	*	*nợ*	+		+	+	+	+	+	+	+
			lứa		+							
229	1	*	*Ngay*	+								
			Buổi		+	+	+	+	+	+	+	+
234	1	*	*Phận*	+		+	+	+	+	+	+	
			Thân		+							+
	3	*	*thôi*	+	+	+		+	+	+	+	+
			biết				+					
235	4	*	*triệu*	+		+		+	+	+	+	
			ảo //huyễn		+		+					+
	5		chắc									+
		*	*cứ*	+	+	+	+	+	+	+	+	
238	8	*	*Tương*	+			+	+		+	+	+
			Sương		+	+			+			
240	1	*	*Nách*	+	+	+		+	+		+	+
			Dựa							+		
			Cuối				+					
	5		bay		+	+	+	+	+		+	+
		*	*rẽ* > bước	/+/						/+/		
	6	*	*sang*	/+/						/+/	+	+
			ngang		+	+	+	+	+			
	7,8	*	*ngang duềnh*	+								
		*	*ngang* mành							+		
			trước mành		+	+	+	+	+		+	
			láng giềng									+

Hiên tà gác bóng ... ...
... riêng riêng chạnh tấc riêng một mình.

Cho hay là ... hữu tình,
Đố ai ... mối tơ mành cho xong!
Chàng Kim từ lại thư song,
Nỗi nàng cánh cánh bên lòng ... khuây
Sầu đong càng ... càng đầy,
Ba thu ... lại một ngày dài ghê!
Mây Tần khóa kín song the,
... hồng liệu nẻo đi về chiêm bao.
Tuần trăng khuyết đĩa dầu hao,
Mặt mơ tưởng mặt lòng ngao ngán lòng.
... văn hơi ... như đồng,
Trúc se ... thỏ tơ chùng phím loan.
Mành Tương phất phất gió đàn,
Hương ... mùi nhớ trà khan giọng tình.
Ví chăng duyên nợ ba sinh,
Làm chi đem ... khuynh thành trêu người?
Bâng khuâng nhớ cảnh nhớ người,
Nhớ nơi kỳ ngộ vội dời ... đi.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
241	5,6	* *chênh chênh*	+		+	+	+	+	+	+	
		nghiêng nghiêng		+							+
242	1	Nỗi		+	+	+	+	+	+	+	+
		* *Hãy*	+								
243	4	thói	+		+	+	+	+	+	+	
		* *giống*		+							+
244	3	* *dứt*	+		+	+	+	+	+	+	
		gỡ		+							+
246	7	* *biếng*	/+/	+	+	+	+	+	/+/		+
		khôn								+	
247	4	* *khắc*	+		+	+	+	+	+	+	
		gạt									+
		gỡ		+							
248	3	* *giọn* 論	+		+		+	+	+	+	
		dồn 扽		+		+					+
250	1	* *Bụi*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Bóng									+
253	1	* *Buồng*	+	+	+		+	+	+	+	+
		Phòng				+					
254	4	* *giá*	+	+		+			+		+
		lạnh			+		+	+		+	
	3	* *ngón*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		ngòi									+
256	2	* *dây*	+		+		+			+	
		thêm (?)						+			
		gây		+		+			+		+
258	4	thói	+		+	+	+	+	+	+	
		* *giống*		+							+
260	7	* *chân*	+	+		+	+		+		+
		gót			+			+		+	

Một ... cỏ mọc xanh rì,
Nước ngâm trong vắt thấy gì nữa đâu!
Gió chiều như ... cơn sầu,
... ... hiu hắt như màu ... trêu.
... riêng ... ít ... nhiều,
Xăm xăm đè nẻo Lam - kiều lần sang.
... nghiêm kín ... cao tường,
Cạn dòng lá thắm dứt đường chim xanh.
Lơ thơ tơ liễu buông mành,
Con oanh học nói trên cành mỉa mai.
Mấy lần cửa đóng then cài,
... thềm hoa rụng biết người ở đâu!
Tần ngần đứng suốt giờ lâu,
... quanh chợt thấy mé sau có nhà.
Là nhà Ngô Việt thương gia,
... không để đó người xa chưa về.
Lấy điều ... học hỏi thuê,
Túi đàn cặp sách đề huề ... sang.
Có cây có đá sẵn sàng,
Có hiên Lãm - thúy nét vàng chưa phai.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
261	2	dòng // vùng (dàng)	+		+	(+)		+	+	+	
		* *làn*		+			/+/				+
263	4	* *giục*	+						+		
		gợi		+	+		+	+		+	+
		khẩy				+					
264	1,2	* *Vi lau*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		* Bông *lau*									+
	7	* *Cới*	/+/	+	+		+	+	+	+	
		Khẩy				+					+
265	1	* *Nghề*	+		+	+	+	+	+	+	
		Chạnh		+							+
	3	* *nhớ*	+		+	+	+	+	+	+	
		tưởng		+							+
	5	nhớ		+							
		* *tưởng*	+		+	+	+	+	+	+	
		tình									+
267	1	* *Thẩm*	+	+	+		+	+	+		+
		Thâm				+				+	
	4	* *cống // cổng*	+	+	+		+	+	+	+	+
		cổng				+					
272	1	Đầy									+
		* *Dẫy*	+	+	+	+	+	+	+	+	
274	1	* *Diễu*	+								
		Dạo		+	+	+	+	+	+	+	+
276	1	* *Buồng*	+	+	+		+	+	+	+	+
		Phòng				+					
277	3	* *du*	+	+		+			+	+	+
		dạo // đạo			+		+	+			
278	7	* *dọn // giọn*	扽	[illegible]	道	+	道		道	道	
		soạn									撰
		rước						逴			

... ... chốn ấy chữ bài,
Ba sinh âu hẳn duyên trời chi đây!
Song hồ nửa khép cánh mây,
Tường đông ghé mắt ngày ngày hằng trông.
Tấc gang ... ... phong,
Tuyệt mù nào thấy bóng hồng ... ra.

Nhẫn từ quán ... lân la,
Tuần trăng ... ... nay đà ... hai.
Cách tường phải buổi im trời,
Dưới đào dường có bóng người thướt tha.
Buông cầm xốc áo vội ra,
Hương còn ... ... người đà vắng tanh.
Lần theo ... gấm dạo quanh,
Trên đào ... thấy một cành kim thoa.
Giơ tay với lấy về nhà,
"Này trong khuê các đâu mà đến đây?
Gẫm âu người ấy báu này,
"Chẳng duyên chưa dễ vào tay ai cầm!"
Liền tay ngắm nghía biếng nằm,
Hãy còn thoang thoảng hương ... chưa phai.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
281	1,2 *	*Mừng thầm*	+		+	+	+	+	+	+	+
		Thầm mừng		+							
285	3 *	*động*	+	+		+					+
		đồng			+		+	+	+	+	
	4 *	*khóa* 鎖 (錁)	+	+							(+)
		tỏa			+	+	+	+	+	+	
	5	nguyên		+	+	+	+	+	+	+	+
	*	*nguồn*	+								
286	7 *	*vào*	+	+	+	+	+	+		+	+
		nào							+		
287	4	khách		+	+	+	+	+	+	+	+
	*	*các*	+								
288	3,4 *	*thấm thoắt*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		đếm đốt									+
	7 *	*tròn*	+								
		thèm			+	+	+	+	+	+	+
		đầy		+							
292	3	thơm		+	+	+	+	+		+	+
	*	*ngát*	+								
		ngật							+		
	4	nức		+	+	+	+	+		+	+
	*	*sực*	+								
		ngật							+		
293	3 *	*rào*	+								
		tường		+	+	+	+	+	+	+	+
294	3 *	*nhác*	+	+	+		+	+	+	+	+
		liếc				+					
300	6 *	*thầm*	+								
		trầm		+	+	+	+	+	+	+	+

Tan sương đã thấy bóng người,
Quanh tường ra ý tìm tòi ngẩn ngơ.
Sinh đà có ý đợi chờ,
Cách tường lên tiếng xa đưa ướm lòng:
"Thoa ... bắt được hư không,
"Biết đâu Hợp - phố mà mong châu về?"
Tiếng Kiều nghe lọt bên kia:
"Ơn ... quân tử sá gì của rơi.
"Chiếc thoa ... của mấy mươi,
"Mà lòng ... ... nghĩa khinh tài xiết bao!"
Sinh rằng: "Lân lý ra vào,
"Gần đây nào phải người nào xa xôi.
"Được rày ... chút ... rơi,
"Kể đà thiểu não lòng người bấy nay!
" ... lâu mới được một ngày,
"Dừng chân gạn chút niềm tây gọi là."
Vội ... thêm lấy của nhà,
Xuyến vàng ... chiếc khăn là một vuông.
... mây dón bước ngọn tường.
Phải người hôm nọ rõ ràng chẳng ... ?

9 B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
305	2	này		+	+			+			+
	*	*đâu*	+			+	+		+	+	
308	2 *	*lòng*	+			+	+		+	+	+
		người		+	+			+			
309	3 *	*nào*	+	+	+		+	+	+	+	+
		là				+					
310	3 *	*trượng*	+								
		trọng		+	+	+	+	+	+	+	+
313	3 *	*nhờ*	/+/			+			/+/		+
		như		+	+		+	+		+	
	5	thơm		+	+	+	+	+		+	+
	*	*hơi*	+						+		
315	1	Mấy		+	+	+	+	+		+	+
	*	*Bấy*	+						+		
317	2 *	*vào*	+			+			+		
		về		+	+		+	+		+	+
318	3 *	*hai*	+						+		
		đôi		+	+	+	+	+		+	+
319	1 *	*Vin // vén*	+			+	+	+	+	+	
		Bậc		+	+						+
320	8 *	*nhe*	+	+		+	+		+	+	+
		sai			+			+			

Sượng sùng giữ ý rụt rè,
Kẻ nhìn ... mặt người e cúi đầu.
Rằng: "Từ ngẫu nhĩ gặp nhau,
" ... trông trộm nhớ ... lâu đã chồn.
"Xương mai tính đã ... mòn.
"Lần lữa ai biết ... còn hôm nay.
" ... tròn như gởi cung mây,
"Trần trần một phận ấp cây đã liều.
"Tiện đây xin một hai điều,
"Đài gương soi đến dấu bèo cho chăng?"
... ... nàng mới thưa rằng:
"Thói nhà băng tuyết chất hằng phỉ phong.
"Dầu khi lá thắm chỉ hồng,
"Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha.
"Nặng lòng xót liễu vì hoa,
"Trẻ ... đã biết đâu mà dám thưa!"
Sinh rằng: "Rày gió mai mưa,
"Ngày xuân đã dễ tình cờ mấy khi.
"Dầu chăng xét tấm tình si,
"Thiệt ... mà có ích gì đến ai?

10A

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
322	3	* *rõ*	+		+		+	+	+	+	
		tạn (tận)		+		(+)					+
324	1	* *Đắm*	+								
		Thầm		+	+	+	+	/+/	+	+	+
	5	* bây // *bấy*	+								
		* *bấy*		+	+	+	+	+	+	+	+
325	5	* *ròn*	+								
		rũ		+	+	+	+	+	+	+	
		thâu									+
326	5	* *lại*	+						+		
		hãy		+	+	+	+	+		+	+
327	1	* *Năm (5)*	+								
		Tháng		+	+	+	+	+		+	+
		Năm							+		
331	1,2	* *Ngần ngừ*	+			+					
		Ngẩn ngơ		+	+		+	+	+	+	/+/
336	2	* *con*	+		+		+	+	+	+	
		thơ		+		+					+
340	2	* *dây*	+	+		+			+	+	+
		ta			+		+	+			

" ... chi ... bó một hai,
"Cho đành rồi sẽ liệu bài mối manh.
"Khuôn ... dầu phụ tấc thành,
"Cũng liều bỏ quá xuân xanh một đời.
"Lượng xuân dầu quyết hẹp hòi,
"Công đeo ... chẳng thiệt thòi lắm ru!"
Lặng nghe lời nói như ru,
Chiều xuân dễ khiến nét thu ngại ngùng.
Rằng: " ... buổi mới lạ lùng,
"Nể lòng có lẽ cầm lòng cho đang.
"Đã lòng quân tử đa mang,
"Một lời vâng tạc đá vàng thủy chung."
Được ... như cổi ... lòng,
Giở kim ... với khăn hồng trao tay.
Rằng: "Trăm năm cũng từ đây,
"Của tin gọi một chút này làm ghi".
Sẵn tay ... ... quì,
Với cành thoa ấy tức thì đổi trao.
Một lời ... ... tất giao,
Mé sau dường có xôn xao tiếng người.

10 B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
341	1 *	*Chút*	+	+	+	+		+	+		+
		Ước					+			+	
	3 *	*gắn*		+	+	+	+	+	+	+	+
		nhắn	+								
343	2 *	*thiêng*	+	+	+		+	+	+	+	+
		linh				+					
346	3 *	*đuổi*	+		+		+	+	+	+	+
		đẳng		+		+					
349	2	khi	+						+		
	*	*trong*		+	+	+	+	+		+	+
353	2 *	*lời*	+	+	+	+	+	+		+	+
		lòng							+		
	5 *	*tấm*	+		+	+	+	+	+	+	+
		tấc		+							
354	3 *	*hoàn*				+					
		châu	+		+		+	+	+	+	
		thoa		+							+
357	3,4 5 *	*bả quạt hoa*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		khăn gấm quạt									+
359	3,4 *	*vừa gắn*	+	+		+			+	+	+
		gắn bó			+		+	+			

... ... lá rụng hoa rơi,
Chàng về ... ... dời lầu trang.
Từ phen đá biết tuổi vàng,
Tình càng ... ... càng ngẩn ngơ.
Sông ... một dải nông sờ,
Bên trông đầu nọ bên chờ cuối kia.
Một tường tuyết ... sương che,
Tin xuân đâu dễ đi về cho năng.

Lần lần ngày gió đêm trăng,
... hồng rậm lục đã chừng xuân qua.
Ngày vừa sinh nhật ngoại gia,
Trên ... đường dưới nữa là hai em,
Tưng bừng sắm ... ... xiêm,
... dâng một lễ xa đem tấc thành.
Nhà ... thanh vắng một mình,
Gẫm cơ hội ngộ đã dành ... ...
... trân thức thức sẵn bày,
Gót sen thoắt thoắt dạo ngay mé tường.
Cách hoa sẽ dặng tiếng vàng,
Dưới hoa ... ... có chàng đứng trông.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
361	1,2	* *Vội vàng*	+		+	+	+	+	+	+	+
361	1,2	Mơ màng		+							
362	3,4	* *thư viện*	+	+	+	+	+	+	+	+	
362	3,4	viện sách									+
362	5	* *nàng*	+		+	+	+	+	+	+	+
362	5	thiếp		+							
364	3,4	thắm thiết								+	
364	3,4	* *thấm thía*	+	+	+	+	+	+	+		+
364	5	* *lòng*	+	+	+		+	+	+	+	
364	5	dạ				+					+
365	2	* *Tương*	+	+		+				+	+
365	2	Dương // Tiêu ?			+		+	+	+		
367	4	* *chớ* // chở	+			+			+		
367	4	trở									+
367	4	điểm			+		+	+		+	
367	4	đón		+							
370	1	* *Thưa*	+	+		+			+		+
370	1	Tơ			+		+	+		+	
372	2	* *hai*	+	+	+	+	+	+	+	+	
372	2	song									+
373	4,5	* *áo, sửa*	+						+		
373	4,5	sửa áo		+	+	+	+	+		+	+
374	1	Cần		+							+
374	1	* *Biện* // Bèn	+		+	+	+	+	+	+	
375	2	hương	+		+		+	+	+	+	
375	2	* *lan*		+		+					+
376	7,8	* *hôm nay*		+	+	+	+	+		+	+
376	7,8	* có *nay* // có nơi	+						+		
377	1	* *Thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
377	1	Hào		+							
380	3,4	* *thấy đã*	+	+							+
380	3,4	đã thấy			+	+	+	+	+	+	

"Trách lòng hờ hững ... lòng,
"Lửa hương chốc để lạnh lùng bấy lâu.
"Những là đắp nhớ đổi sầu,
"Tuyết sương nhuốm nửa mái đầu hoa râm."
Nàng rằng: "Gió bắt mưa cầm,
"Đã cam tệ với tri âm bấy chầy.
"Vắng nhà được buổi hôm nay,
"Lấy lòng gọi chút ... ... tạ lòng."
Lần theo núi giả đi vòng,
Cuối tường dường có nẻo thông mới rào.
Xắn ... mở ... động đào,
Rẽ mây trông rõ lối vào Thiên - thai.
... nhìn mặt càng thêm tươi,
Bên lời vạn phúc bên lời hàn huyên.
Sánh vai về chốn thư hiên,
... lời phong nguyệt nặng nguyền non sông.
Trên yên bút giá ... đồng,
Đạm thanh ... bức tranh tùng treo ...
Phong sương được vẻ thiên nhiên,
... ... nét bút càng nhìn càng tươi.

11B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
381	5	bấy	+			+			+		
		mấy		+							
	*	*với*			+		+	+		+	+
388	5 *	*ra*	+	+	+	+		+	+		+
		sang					+			+	
	6	nơi	+								
	*	*đây*		+	+	+	+	+	+	+	+
391	2	ngang	+						+		
	*	*tay*		+	+	+	+	+		+	+
	4	mặt	+						+		
		cửa				+					
	*	*khóa*		+	+		+	+		+	+
393	1 *	*Mặt*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Càng									+
396	1 *	*Ngâm*	+			+	+		+	+	
		Gẫm // Ngẫm			+			+			
		Góp		+							+
397	5 *	*thi*	/+/						+		+
		thi		+	+	+	+	+		+	
398	3 *	*một*	+		+	+	+	+	+	+	+
		có		+							
	8	lên		+					+		+
	*	*trên*	/+/		+	+	+	+		+	
400	1,2 *	Phục *khen*									
	*	*Mặn khen*	+		+	+			/+/		+
		Mặn mà					+	+		+	
	*	Liếc *khen*		+							

Sinh rằng: “Phác họa ... rồi,
“Phẩm đề xin một vài lời thêm hoa.”
... ... gió táp mưa sa,
Khoảng trên dừng bút thảo và bốn câu.
Khen: “Tài nhả ngọc phun châu,
“Nàng Ban ả Tạ cũng đâu thế này.
“Kiếp tu xưa ví ... dày,
“ ... nào ... được giá này cho ngang.”
Nàng rằng: “ ... ... dung quang,
“Chẳng sân Ngọc bội ... phường Kim môn.
“Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn,
“Khuôn xanh ... ... vuông tròn mà hay?
“Nhớ từ năm hãy thơ ngây,
“ ... ... tướng ... ...
“Anh hoa phát ... ra ngoài,
“Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa.
“Trông người lại ... ... ta,
“Một dày một mỏng biết là có nên?”
Sinh rằng: “Giải cấu là duyên,
“Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
401	5 *	*mới*	+								
		vừa		+	+	+	+	+	+	+	+
403	1,2 *	*Tay tiên*	+	+				+	+		+
		Ngộ khi			+		+			+	
		Một khi				+					
407	5 *	*chưa // chửa*	+	+		+			+		+
		chẳng			+		+	+		+	
408	1 *	*Phúc*	+	+	+		+	+		+	+
		Bực				+			/+/		
	3 *	*đổi*	+		+	+	+	+	+	+	
		nhắc		+							+
409	3,4 *	*trộm liếc*	+	+		+			+	/+/	+
		lẫm liệt			+		+	+			
410	5 *	*thì*	+		+		+	+	+	+	
		cũng		+		+					+
412	3,4 *	*biết có*	+	+		+			+		+
		đã biết			+		+	+		+	
414	1→8 *	*Có người tướng sĩ đoán ngay một lời*	+		+	+	+	+	+	+	
		Cứ trong tướng pháp lắm thầy chê bai		+							+
415	4 *	*tiết*	+	+		+					+
		越 tiết? vượt?			+			+	+		
		vượt 越					+			+	
417	4 *	*ngắm*	+	+	+		+	+		+	+
		nhắm				+			/+/		
	5 *	*vào*	+						+		+
		đến		+	+	+	+	+		+	

" ... ... giải kết đến điều,
" ... đem vàng đá mà liều với thân."
Đủ điều ... ... ân cần,
Lòng xuân phơi phới chén xuân tàng tàng.
Ngày vui vắn chẳng đầy gang,
Trông ra ác đã ngậm gương non đoài.
Vắng nhà chẳng tiện ngồi dai,
Giã chàng nàng mới kíp dời song sa.
Đến nhà vừa thấy tin nhà,
Hai thân còn dở tiệc hoa chưa về.
Cửa ngoài vội phủ rèm the,
Xăm xăm băng ... vườn khuya một mình.
Nhặt thưa gương giọi đầu cành,
Ngọn đèn trông ... trướng huỳnh hắt hiu.
Sinh ... tựa án thiu thiu,
... chiều như tỉnh ... chiều như mê.
Tiếng ... sẽ động giấc hòe,
Bóng trăng đã ... hoa lê lại gần.
Bâng khuâng đỉnh ... non thần,
Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ màng.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
421	1,2	* *Ví dù*	/+/						/+/		+
		Dù đâu		+	+	/+/	+	+		+	
422	1	* *Thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
		Nguyện		+							
423	3,4	* *trung khúc*	+	+		+			+		+
		khúc lí			+		+	+		+	
432	4	* *lối*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		nẻo									+
434	4	* *suốt // lọt*									
		卒	+								
		逹					+			+	
		扌聿		+							
		律							+		+
		thấy			+	+		+			
435	2	* *vừa*	+		+	+	+	+	+	+	
		còn		+							+
436	1	* *Dở*	+	+	+	+		+	+	+	+
		Cũng					+				
	5	* *dở*	+	+	+	+		+	+	+	+
		cũng					+				
437	2	* *sen*	/+/	+	/+/		/+/	/+/		+	+
		lên				+			+		
438	4	* *trở* 𨀈	+								
		xế		+	+	+	+	+	+	+	+
439	4	* *Giáp // Hiệp*	+	+		+	+		+	+	+
		núi			+			+			

Nàng rằng: "Khoảng vắng đêm trường,
"Vì hoa ... phải ... đường tìm hoa.
"Bây giờ ... mặt đôi ta,
"Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao?"
Vội ... làm lễ rước vào,
Đài sen nối ... song đào thêm hương.
Tiên thề cùng ... một chương,
Tóc mây một ... dao vàng ... ...
Vừng trăng vặc vặc ... trời,
Đinh ninh hai ... một lời song song.
Tóc tơ căn vặn tấc lòng,
Trăm năm tạc một chữ đồng ... xương.
Chén hà sánh giọng quỳnh tương,
Dải ... hương lộn bình gương bóng lồng.
Sinh rằng: "Gió mát trăng trong,
"Bấy lâu nay một chút lòng chưa cam.
... sương chưa ... cầu Lam,
"Sợ lần khân quá ra sàm sỡ chăng?"
Nàng rằng: "Hồng diệp xích thằng,
"Một lời cũng đã tiếng rằng tương tri."

13A

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
442	3	*	*cho* (= khiến)	+	+	+	+	+	+	+	+	
			nên									+
	5	*	*dọ, dò // trổ*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			đánh									+
443	3	*	*rõ*		+	+	+	+	+	+	+	+
		?	tỏ	+								
445	2	*	*mừng*	+	+	+		/+/	+	+	+	+
			vàng				+					
446	4	*	*sáp*	+	+	+		+	+	+	+	+
			nến				+					
447	4		trót // suốt	+								
		*	*thảo*		+	+	+	+	+	+	+	+
448	4	*	*món*	+		/+/	+	/+/	/+/	+	/+/	+
			mối		+							
	7	*	*chia*		+	+		+	+			+
			một	+			+			+	+	
	8		hai		+	+		+	+			
		*	*đôi*	+			+			+	+	+
449	5	*	*giữa*	+	+		+			+	+	+
			trong			+		+	+			
450	4	*	*mặt*	+	+		+			+	+	+
			miệng			+		+	+			
452	7	*	*đến*		+	+	+	+	+		+	+
		?	tàng	+						+		
454	2	*	*là*	+	+		+			+	+	+
			the			+		+	+			
457	1	*	*Chày*	+	+	+		+	+	+	+	+
			Giọt				+					
	4	*	*nện*	+	+	+		+	+	+	+	+
			nặng				+					

" ... điều nguyệt nọ hoa kia,
" ... ra ai lại tiếc gì với ai."
" ... ... cầm đài,
"Nước non luống những lắng tai Chung Kỳ."
Thưa rằng: "Tiện kỹ sá chi,
"Đã lòng dạy đến ... ... phải vâng."
Hiên sau treo sẵn cầm trăng,
Vội vàng sinh đã ... nâng ngang mày.
Nàng rằng: "Nghề mọn riêng ...
"Làm chi cho nặng lòng ... lắm thăn!"
... dần dây võ dây văn,
Bốn dây to nhỏ theo vần cung thương.
Khúc đâu ... ... chiến trường,
Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau.
Khúc đâu Tư-mã ... cầu,
Nghe ra như oán như sầu phải chăng?
Kê Khang này khúc Quảng - lăng,
Một rằng ... ... rằng ... vân.
Quá quan này khúc Chiêu - quân,
Nửa phần luyến chúa nửa phần tư gia.

13 B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
461	1 *	*Đừng*	+		+	+	+	+	+	+	
		Tha		+							
		Xin									+
462	1 *	*Ngoài*	+		+	+	+	+	+	+	+
		Còn		+							
463	1-> 4 *	*Rằng nghe nổi tiếng*	+	+		+	+		+	+	+
		Chàng rằng nghe nổi			+			+			
466	5,6 *	*dạy thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
		kính vì		+							
468	5 *	*tay*	+	+		+	+		+	+	+
		cầm			+			+			
469	6 *	*tây*	+			+					+
		tay		+	+		+	+	+	+	
470	6	này		+	+		+	+		+	+
	*	*người*	+			+			+		
471	1 *	*So*	+	+	+		+	+	+	+	
		Lựa				+					+
473	3,4 *	*Sở Hán*	+						+		
		Hán Sở		+	+	+	+	+		+	+
475	5 *	*Hoàng*	+			+					
		Phượng		+	+		+	+	+	+	+
478	3,4 *	*Lưu thủy*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Hoa nhạc									+
	5 *	*hai*	+		+	+	+	+	+	+	
		một		+							+
	7 *	*Hành*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Qui									+

Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như ... suối mới sa nửa vời.
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau ... ... như trời đổ mưa.
Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,
Khiến người ngồi ... ... ngơ ngẩn sầu.
Khi tựa gối khi cúi đầu,
Khi ... chín khúc khi chau đôi mày.
Rằng: "Hay thì thật là hay,
"Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào!
... chi những ... ... tao,
" ... lòng mình cũng ... ... lòng người."
Rằng: "Quen mất nết đi rồi,
"Tẻ vui thôi cũng tính trời biết sao.
"Lời vàng vâng lĩnh ý cao,
"Họa dần dần bớt chút nào được không"
... ... càng tỏ thức hồng,
Đầu mày cuối ... càng nồng tấm yêu.
Sóng tình ... đã xiêu xiêu,
Xem trong âu yếm có ... lả lơi.

14 A

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
481	3	*	*tiếng*	+	+		+			+		
			nước			+		+	+		+	+
484	3,4	*	*sập sập*	+	+					+		
			dầm // dập dập				/+/	/+/			/+/	/+/
			phới phới			+			+			
486	4	*	*đấy*	+		+	+	+	+	+	+	
			đó		+							+
	5	*	*cũng*	+			+			+		+
			mà		+	+		+	+		+	
488	2	*	*vò*	+	+	+		+	+		+	+
			gò				+			+		
491	1	*	*Lựa*	+			+			+	+	+
			So		+	+		+	+			
	4		khúc				+			+		
		*	*bực*	+	+	+		+	+		+	+
	5	*	*tiêu*	+	+		+	+		+	+	+
			thanh			+			+			
492	1	*	*Thiệt*	+		+		+	+		+	
			Dột, Giột // Chột		/+/		/+/			/+/		/+/
	5,6	*	*nao nao*	+	+		+			+		+
			lao đao					+			+	
			hao hao			+			+			
497	1,2	*	*Hoa hương*	+		+	+	+	+	+	+	
			Ngọn lan		+							+
498	4	*	*mặt*	+	+	+		+	+	+	+	
			mắt				+					+
499	3		dường		+	+	+	+	+		+	+
		*	*xem // chớm*	+						+		
500	6	*	*chiều*	+		+	+	+	+	+		+
			điều		+						+	

Thưa rằng: "Đừng lấy làm chơi,
" ... cho thưa hết một lời đã nao!
... chi một đóa ... ... ,
"Vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh.
"Đã cho vào bực bố kinh,
"Đạo tòng phu lấy chữ trinh làm đầu.
"Ra tuồng trên Bộc trong dâu,
" ... con người ấy ai cầu làm chi!
"Phải điều ăn xổi ở thì,
" ... trăm năm nỡ bỏ đi một ngày!
Gẫm duyên kỳ ngộ xưa nay,
"Lứa đôi ai lại đẹp tầy Thôi Trương.
"Mây mưa đánh đổ đá vàng,
"Quá chiều ... đã chán chường yến anh.
"Trong khi ... cánh ... cành,
"Mà lòng rẻ rúng đã dành một ...
"Mái tây để lạnh hương nguyền,
" ... duyên đằm thắm ra duyên bẽ bàng.
"Gieo thoi trước chẳng giữ giàng,
"Để sau nên thẹn cùng chàng bởi ai?

14 B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
502	1	* *Rẽ // Dẽ, Giẽ*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Để									+
503	1	* *Vĩ (= sá, quản)*	+		+	+	+	+	+	+	
		Vẻ		+							+
	5,6	* *yêu đào*	+			+			+	+	+
		đào yêu		+	+		+	+			
508	1	* *Thì*	+		+	+	+	+	+	+	
		Những		+							+
510	1	* *Tiết*	+	+		+	+		+	+	+
		Rằng			+			+			
514	3	* *nên*	+		+	+	+	+	+	+	
		trước		+							+
515	3	kết				+					
		* *bày*	+						+		
		tựa		+	+		+	+			
		chắp								+	+
	5	* *liền*	+	+							+
		trên			+	+	+	+	+	+	
516	6	* *bên*	+	+		+	+		+	+	+
		phen			+			+			
518	1	* *Cho*	+		+	+	+	+	+	+	
		Xui		+							+

"Vội chi liễu ép hoa nài,
"Còn thân ... ... đền bồi có khi."
"Thấy lời đoan chính dễ nghe,
Chàng càng thêm nể thêm vì mười phân.
Bóng tàu vừa lạt vẻ ...
Tin đâu đã ... cửa ngăn gọi vào.
Nàng ... vội trở buồng ... ,
Sinh ... ... sân đào ... ra.

Cửa ... vừa ngỏ then hoa,
Gia đồng vào gởi thư nhà mới sang.
* **Đem tin thúc phụ từ đường,**
Bơ vơ lữ thấn tha hương đề huề.
Liêu - dương cách trở sơn khê,
Xuân đường kíp gọi sinh về hộ tang.
Mắng tin xiết nỗi kinh hoàng,
Băng mình lén trước đài trang tự tình.
Gót đầu mọi nỗi đinh ninh,
Nỗi nhà tang tóc nỗi mình xa xôi:
"Sự đâu chưa kịp đôi hồi,
"Duyên đâu chưa kịp một lời trao tơ.

A: * 531 - 534
B: Mở xem thủ bút nghiêm đường
Nhắn rằng: "Thúc phụ từ đường mệnh chung
Hãy còn kí táng Liêu Đông
Cố hương khơi diễn ngàn trùng sơn khê
Rày đưa linh thấn về quê
Thế nào con cũng phải về hộ tang (bản 1870)
Cũng 6 câu này ở bản 1902 nhưng ở câu 2, *từ đường* thay bằng *xa đường*

15 A

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
522	3 *	*còn*	+	+					+		+
		ắt			+	+	+	+		+	
	4 *	*một*	+	+					+		+
		lại			+		+	+		+	
		cũng				+					
525	6 *	*sân*	+		+		+	+		+	
		ngân		+		+			+		+
526	4 *	*đến*	+		+	+	+	+	+	+	
		kết		+							
		gõ									+
527	2 *	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
		liền		+							
	6 *	*thêu // thao*	+	+		+	+			+	+
		điều			+			+	+		
528	2 *	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
		liền		+							
	3,4 *	*rảo* // dạo *bước*	+	+	+	+		+	+		
		rảo // dạo gót					+			+	+
	7 *	*vội*	+	+	+	+	+	+	+		
		bước								+	+
529	2 *	*sài*	+		+		+	+		+	
		ngoài		+		+			+		+
530	*	*4 câu (A)*	+		+	+	+	+	+	+	
		6 câu (B)		+							+

"Trăng ... còn đó trơ trơ,
"Dám xa xôi mặt mà thưa thớt lòng.
"Ngoài nghìn dặm ... ba đông,
"Mối sầu khi gỡ ... xong còn chầy.
"Gìn vàng giữ ngọc cho hay,
"Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời."
Tai nghe ruột ... bời bời,
... ... nàng mới giải lời trước sau:
Ông tơ ... ... chi nhau,
"Chưa vui sum họp đã sầu ... phôi.
"Cùng nhau trót đã nặng lời,
"Dẫu thay mái tóc dám dời lòng tơ.
"Quản bao tháng đợi năm chờ,
"Nghĩ người ăn gió nằm mưa xót thầm.
"Đã nguyền ... chữ đồng tâm,
"Trăm năm thề chẳng ôm cầm ... ai.
"Còn non còn nước còn dài,
"Còn về còn nhớ đến người hôm nay."
Dùng dằng chưa nỡ ... tay,
Vừng đông trông đã đứng ngay nóc nhà.

15 B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
541	2 *	*thề*		+	+	+	+	+	+	+	+
		thềm	+								
543	4 *	*chốc*	+		+	+	+	+	+	+	+
		cách		+							
544	5	chưa	+						+		
	*	*cho*		+	+	+	+	+		+	+
547	4 *	*rối*	+			+	+		+	+	+
		nổi (nối)		+	(+)			+			
548	1,2 *	*Nhịn ngừng*	+						+		
		Ngập ngừng		+						+	+
		Nhẩn nha			+		+	+			
		Ngần ngừ				+					
549	3,4 *	*ghét bỏ*	+		+	+	+	+	+	+	
		chèo quải		+							
		gàn quải									+
550	7 *	*chia*	+			+	/+/		+	/+/	+
		pha		+	+			+			
555	3	đôi	+			+			+		
	*	*hai*		+	+		+	+		+	+
556	7 *	*thuyền*	+	+		+	+	+	+	+	+
		đợi			+						
559	5 *	*rời* // dời 移	+		+		+	+	+	+	+
		rời [illegible]		+		+					

Ngại ... một bước một xa,
Một lời trân trọng châu sa mấy hàng.
Buộc yên quảy gánh vội vàng,
Mối sầu sẻ nửa bước đường chia hai.
Buồn ... phong cảnh quê người,
... ... quyên nhặt ... trời nhạn thưa.
Não người ... gió, ... mưa,
Một ngày nặng gánh tương tư một ...

Nàng ... đứng ... hiên tây,
Chín ... vấn vít như vầy mối tơ.
Trông chừng khói ngất song thưa,
Hoa trôi trác thắm liễu xơ xác vàng.
Tần ngần dạo gót lầu trang,
Một đoàn mừng thọ ngoại hương mới về.
Hàn huyên chưa kịp dã dề,
Sai nha bỗng thấy bốn bề ... xao.
Người nách thước kẻ tay đao,
Đầu trâu mặt ngựa ào ào như sôi,
... ... một lão một trai,
Một dây vô ... buộc hai thâm tình.

16 A

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
561	2 *	*ngần*	+						+	+	
		ngùng		+	+	+	+	+			+
565	2	trông		+						+	+
	*	*noi*	+		+		+	+			
		muôn				+			+		
566	1,2 *	*Đầu cành*		+	+	+	+	+		+	+
		Tiếng cây	+						+		
	5 *	*cuối*		+	+	+	+	+		+	+
		bóng	+						+		
567	3,5	nghe ... rằng	+								
	*	*cữ ... tuần*		+	+		+	+		+	+
		trải ... dầm				+			+		
568	8 *	*ngày*	+	+		+	+			+	+
		người			+			+	+		
569	2 *	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	
		còn		+							+
	4 *	*rũ*	+	+		+			+		
		tựa			+		+	+		+	+
570	2 *	*hồi*	+	+	+		+	/+/	+	+	+
		chìu				+					
576	7 *	*xôn*	+		+	+	+	+	+	+	
		lao		+							+
579	1,2 *	*Vơ chằng*	+						+		
	*	*Vơ* quàng				+					
		Già giang		+	+		+	+		+	+
580	4 *	*lại*	+			+			+		
		loại		+	+		+	+		+	+

Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh,
... rời ... ... tan tành ... ...
Đồ tế nhuyễn của riêng ...
Sạch sành sanh ... cho đầy túi tham.
Điều đâu bay ... ai làm?
Này ai ... ... bỗng dưng?
Hỏi ra sau mới biết rằng:
Phải tên xưng xuất ... thằng bán tơ.
Một nhà hoảng hốt ngẩn ngơ,
Tiếng oan dậy đất án ngờ ... mây.
Hạ từ van ... suốt ngày,
Điếc tai lân tuất phũ tay tồi tàn.
Rường cao rút ngược dây oan,
Dẫu ... đá cũng nát gan lọ người!
Mặt trông đau đớn rụng rời,
Oan này còn một kêu trời nhưng xa.
Một ngày lạ thói sai nha,
Làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền.

Sao cho cốt nhục vẹn tuyền,
Trong khi ngộ biến tòng quyền biết sao?

16 B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
582	1	* *Rung*	+		+	+	+	+	+	+	+
		Rã		+							
	3,4	* *khung dệt*	+	+		+			+		+
		giọt liễu			+		+	+		+	
	7,8	* *gói may*	+	+					+		+
		* quả *may*				+					
		cội mai			+		+	+		+	
583	6	* *tây*	+	+		+					+
		tay			+		+	+	+	+	
584	4	* *quét // vét*	+	+	/+/	+	+	/+/	+	+	
		vét									+
585	4	* *buộc*	+	+	+		+	+		+	+
		bốc				+			+		
586	3,4	* *đan rập*	+	+	+		+	/+/		+	
		* *đan* giặm									+
		đơn huyễn				+			+		
	5,6	* *giật giàm*	+	+	+		+	+		+	+
		trặt hàm				+			+		
588	5	* *là*	+						+		
		tại		+	+	+	+	+		+	+
590	7	lòa		+							+
		* *rựng*	+		+		+	+		+	
		đầy				+			+		
591	4	* *vái*	+	+		+			+	+	+
		lạy			+		+	+			
594	2	là				+					
		rằng					+			+	
		mà									+
		* *người*	+	+	+			+			
		vàng							+		

Duyên hội ngộ đức cù lao,
... tình ... hiếu bên nào nặng hơn?
Để lời thệ hải minh sơn,
Làm con trước phải đền ơn sinh thành.
Quyết tình nàng mới hạ tình:
... cho để thiếp bán mình chuộc cha!"
Họ Chung có kẻ lại già,
Cũng trong nha dịch lại là từ tâm.
Thấy nàng hiếu trọng tình thâm,
Vì nàng ... cũng thương thầm xót vay.
Tính bài lót đó luồn đây,
Có ba trăm lạng việc này mới xuôi.
... ... tạm phó giam ngoài,
... ... quy liệu trong đôi ba ngày.
Thương ... con trẻ thơ ngây,
Gặp cơn vạ ... tai bay bất kỳ.
Đau lòng tử biệt sinh ly,
Thân còn ... tiếc tiếc gì đến duyên!
Hạt mưa sá ... phận hèn,
Liều đem tấc cỏ quyết đền ba xuân.

17 A

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
602	1	* *Chữ*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Bên									+
	3	* *chữ*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		bên									+
606	1	* *Dẽ* // Rẽ(= xin, hãy)	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Hãy									+
610	3	nghỉ									+
		* *nghĩ*	+	+	+	+	+	+	+	+	
613	1	* *Hãy*	+	+	+		+	+	+	+	+
		Đem				+					
	2	* *cầu*	+						+		
		về		+	+	+	+	+		+	+
614	1	* *Dặn*	+	+	+		+	+	+	+	+
		Nhủ				+					
	2	* *nàng*	+	+	+		+	+		+	+
		rằng				+			+		
615	2	* *nàng*	+						+		
		tình		+							+
		lòng			+	+	+	+		+	
616	4	* *gió*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		gửi									+
618	3	* *chả*	+						+		
		chẳng		+	+	+	+	+		+	+
619	4	* *ngại*	+						+		
		nghĩ		+	+	+	+	+		+	+

Sự lòng ngỏ với băng nhân,
Tin sương đồn đại xa gần xôn xao.
Gần miền có một mụ nào,
Đưa người viễn khách tìm vào vấn danh.
Hỏi tên rằng Mã giám sinh,
Hỏi quê rằng huyện Lâm - thanh ... gần.
Quá niên trạc ngoại ... tuần,
... ... nhẵn nhụi áo quần bảnh bao.
Trước thầy sau tớ ... xao,
Nhà băng đưa ... rước vào lầu trang.
... ... ngồi tót ... sàng,
... trong mối đã ... nàng kíp ra.
Nỗi mình ... tức nỗi nhà,
Thềm hoa một bước ... hoa mấy hàng.
Ngại ngùng ... gió e sương,
... hoa bóng thẹn trông gương mặt dày.
Mối ... ... tóc bắt tay,
Nét buồn như cúc ... gầy như mai.
Đắn đo cân sắc cân tài,
Ép cung cầm nguyệt thử bài quạt thơ.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
626	7 *	*tản*	+								
		cũng		+	+	+	+	+	+	+	+
627	5 *	*bốn*	+	+		+			+		
		tứ									+
		tư			+		+	+		+	

17 B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
628	1,2 *	*Râu mày*	+			+			+		
		Mày râu		+	+		+	+		+	+
629	5 *	*lao*	+	+					+		+
		xôn			+	+	+	+		+	
630	4 *	*mối*	+	+	+	+	+	+	+		+
		khách								+	
631	*	*Ghế trên*									+
	1,2 *	Ghé lên // *Ghế trên*	/+/	/+/	/+/	+	/+/	/+/	/+/		
	*	Vắt lên // *trên*								/+/	
	5 *	*sẵn*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		sỗ									+
632	1 *	*Buồng*	+	+	+		+	+	+	+	+
		Phòng				+					
	5	giục		+	+	+	+	+		+	+
	*	*đưa*	+						+		
633	3 *	*đang*	+								+
		thêm		+	+	+	+	+	+	+	
634	5	giọt	+			+			+		
	*	*lệ*		+	+		+	+		+	+
635	3 *	*nản* (= sợ)	+								
		dớn // rợn		+	+		+	+	+	+	+
		thẹn				+					
636	1 *	*Ngừng // Ngưng*	+		+		+	+	+	+	
		Nhìn									+
		Xem		+		+					
637	2 *	*càng*	+	+	+		+	+	+	+	+
		còn				+					
	3 *	*vuốt*	+	+							
		vén			+	+	+	+	+	+	+
638	5 *	*điệu*	+	+		+			+		+
		mình			+		+	+		+	

Mặn nồng một vẻ một ưa,
Bằng lòng khách mới tùy cơ dặt dìu.
Rằng: "Mua ngọc đến Lam- kiều,
"Sính nghi ... dạy bao nhiêu ... ... ?"
Mối rằng: " ... ... nghìn vàng,
" ... nhà nhờ lượng người thương dám nài."
Cò kè bớt một thêm hai,
Giờ lâu ngã giá ... ngoài bốn trăm.
Một lời thuyền đã êm giầm,
Hãy đưa ... thiếp trước cầm làm ghi.
Định ... nạp thái vu qui,
Tiền lưng đã ... việc gì chẳng xong!
Một lời cậy với Chung công,
Khất từ tạm lĩnh Vương ông về nhà.
Thương ... con trẻ cha già,
Nhìn nàng ông ... máu sa ruột rầu.
"Nuôi con những ước về sau,
"Trao tơ phải lứa gieo cầu đáng nơi.
"Trời làm chi cực ... trời!
"Này ai vu thác cho người hợp tan.

18 A

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
644	3	*	*xin*	+			+			+		
			vâng		+	+		+	+		+	+
	7	*	*đấy*	+		+	+	+	+	+	+	
			cho		+							+
	8	*	*chiềng // chường*	+		+	+	+	+	+	+	
			tường		+							+
645	3	*	*đáng giá*	+		+	+	+	+		+	+
			giá đáng		+							
			phát *giá*							+		
	4	*	*giá*	+		+	+	+	+	+	+	+
			đáng		+							
646	1	*	*Giớp // Dớp // Rấp*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			Ngặt									+
648	5	*	*vâng*	+		+	+	+	+	+	+	
			chịu		+							+
650	3		cánh	+	+					+		
		*	*canh*			+	+	+	+		+	+
651	2		kì				+					
		*	thời *(<ngày)*	+		+		+	+	+	+	
		*	*ngày*		+							+
652	4		thấy	+						+		
		*	*có*		+	+	+	+	+		+	
			sẵn									+
655	2		nàng	+						+		
		*	*tình*		+	+	+	+	+		+	+
656	4	*	*đã*	+		+	+	+	+	+	+	
			những		+							+
659	5	*	*bấy*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			mấy									+

"Búa ... bao quản thân tàn,
"Nỡ đày đọa trẻ càng oan ... già.
"Một ... sau trước cũng là
"Thôi ... mặt khuất chẳng ... lòng đau."
Theo lời ... chảy dòng châu,
Liều mình ông ... gieo đầu tường vôi.
Vội vàng kẻ giữ người ...
Nhỏ to nàng lại tìm lời khuyên can:
Vĩ chi một ... hồng nhan,
"Tóc tơ ... ... đền ơn sinh thành.
"Dâng thư đã thẹn nàng Oanh,
"Lại thua ả Lý bán mình hay sao?
" ... ... tuổi hạc càng cao,
"Một cây gánh vác biết bao nhiêu cành.
" ... ... dù chẳng ... tình,
"Gió ... âu hẳn tan tành nước non.
Thè rằng liều một ... con,
"Hoa dù rã cánh lá còn xanh cây.
"Phận ... đành vậy cũng vầy,
"Cầm như chẳng đỗ những ngày còn xanh.

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
661	2	*	*đao // dao*	+	+		+			+		
			rìu // phủ cân			+		+	+		+	+
662	7	*	*khốc*	+	+		+			+		+
			thác			+		+	+		+	
663	2	*	lời (< *lần*)	+		+	+	+	+	+		
		*	*lần*		+							+
			đời								+	
664	2,6	*	*thè...thè // thà...thà*	+	+							
		*	thì... *thà*			+	+	+	+	+	+	+
665	3	*	*như (nô, nổ?)*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			càng									+
666	4	*	*đã*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			rắp									+
667	6	*	*coi*	+	+	+	+	+	+	+		+
			lôi								+	
669	4	*	*mảnh*	+			+		+	+	+	+
			tấm			+		+				
			đóa		+							
670	3,4	*	*chưa chút*	+		+		+	+	+	+	+
			chút chửa		+							
		*	gọi *chút*				+					
673	1,2	*	*Đống// Cội xuân*	+								+
		*	Chồi *xuân*		+							
			Xuân huyên			+	+	+	+	+	+	
675	1,2	*	*Lòng từ* (> tơ)	+		+	+	+	+	+	+	
			Lượng trên		+							+
	5	*	*dứt*	+		+	+	+	+	+	+	+
			quyết		+							
676	2	*	*mưa //* mây	+		+	+	+	+	+	+	
		*	*mưa*		+							+
677	5	*	*thân*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			mình									+
679	2	*	*sao*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			đành									+

"Cũng đừng tính quẩn ... quanh,
"Tan nhà là một thiệt mình là hai."
Phải lời ông cũng êm tai,
Nhìn nhau giọt vắn giọt dài ngổn ngang.
... ... họ Mã vừa sang,
Tờ hoa đã ký cân vàng mới trao.
Trăng già độc địa làm sao?
Cầm dây chẳng ... buộc vào tự nhiên!
Trong tay đã sẵn đồng tiền,
Dầu lòng đổi trắng thay đen khó gì!
Họ Chung ra sức giúp vì,
Lễ tâm đã đặt tụng kỳ cũng xong.

Việc nhà ... tạm thong dong,
Tinh kỳ giục giã đã mong độ về.
Một mình ... ngọn đèn khuya,
Áo dầm giọt ... ... sầu.
"Phận ru, dầu vậy cũng rầu,
" ... lòng đeo đẳng bấy lâu một lời.
"Công trình kể biết mấy mươi,
"Vì ta khăng khít cho người dở dang.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
681	5	* *tính*	+						+		
		toan		+	+		+	+		+	+
		lo				+					
685	1,2	* *Mé ngoài*	+		+	+	+	+	+	+	+
		Mái sau		+							
688	4	* *lựa*	+	+		+			+		+
		nghĩ			+		+	+		+	
693	3	* *đã*	+		+	+	+	+	+	+	+
		mới		+							
695	3	* *nàng*	+		+		+	+	+	+	+
		nương		+		+					
696	4	* *tủi*	+	+							+
		lệ			+	+	+	+	+	+	
	5	* mây (< *tóc*)			+		+	+		+	
		* *tóc*	+	+		+			+		+
	6	* *se // xe*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		chia									+
	7	* *mái*		+	+		+	+		+	+
		mối	+			+			+		
698	1	* *Xót*	+			+			+		
		Chút		+	+		+	+		+	

"Thề ... chưa ráo chén vàng,
"Lỗi thề thôi đã phụ phàng với hoa!
"Trời Liêu non nước bao xa,
"Nghĩ đâu rẽ cửa ... nhà tự tôi!
"Biết bao duyên nợ thề bồi,
"Kiếp này thôi thế ... thôi còn gì!
"Tái sinh chưa dứt hương thề,
"Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai.
"Nợ tình chưa giả cho ai,
Khối tình mang xuống Tuyền đài chưa tan."
... riêng riêng những bàn hoàn,
Dầu chong trắng đĩa ... tràn ... khăn.
Thúy Vân chợt tỉnh giấc xuân,
Dưới đèn ghé đến ân cần hỏi han:
"Cơ trời dâu bể đa đoan,
"Một nhà để chị riêng oan một mình.
" ... ... ngồi nhẫn tàn canh?
"Nỗi riêng còn ... ... tình chi đây?"
Rằng: "Lòng ... ... đầy,
... ... còn vướng mối này chưa xong.

19 B

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
701	2	*	*lòng*	+			+			+		
			hoa		+	+		+	+		+	+
704	5	*	*chia*	+	+	+		+	+	+	+	+
			phân				+					
706	5	*	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	
			là		+							+
711	1	*	*Niềm*	+						+		
			Nỗi		+	+	+	+	+		+	+
712	5	*	giọt (< *lệ*)	+		+		+	+		+	+
		*	*lệ* // lụy		+		+			+		
	7	*	thấm (< *thắm*)		+	+	+	+		+	+	
		*	*thắm*	+					+			+
717	1,2	*	*Một mình*	+						+		
			Cớ chi		+	+	+	+	+		+	+
718	4	*	*mắc*	+		+	+	+	+	+	+	+
			vướng		+							
	5	*	*mưới*	+						+		
			với			+		+	+		+	
			mối		+		+					+
719	3-> 5	*	*đương thổn thức*	+	+		+	+		+	+	+
			rộn rã thức			+			+			
720	1,2		Con tơ	+						+		
		*	*Tơ duyên*		+	+	+	+	+		+	+

"Hở môi ra cũng thẹn thùng,
"Để lòng ... phụ tấm lòng với ai.
"Cậy em em ... chịu lời,
"Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.
"Giữa đường đứt gánh tương tư,
"Keo loan chắp mối tơ thừa mặc em.
"... từ khi gặp chàng Kim,
"Khi ngày quạt ước khi đêm chén thề.
"Sự đâu sóng gió bất kỳ,
"Hiếu tình ... nhẽ hai bề vẹn hai.
" ... xuân em hãy còn dài,
"Xót tình máu mủ thay lời nước non.
"Chị dù thịt nát xương mòn,
"Ngậm cười chín suối ... còn thơm lây.
"Chiếc ... với bức tờ mây,
"Duyên này ... giữ vật này của chung.
"Dầu em nên vợ nên chồng,
" ... người mệnh bạc ắt lòng ... quên.
"Mất người ... chút của tin.
"Phím đàn với ... ... nguyền ngày xưa.

20 A

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
722	3 *	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
		ắt		+							
723	4 *	*có*	+		+	+	+	+	+	+	+
		cũng		+							
727	1 *	*Kể*	+	+		+	+	+	+	+	+
		Nhớ			+						
730	3	khôn		+							+
	*	*có*	+		+	+	+	+	+	+	
731	1 *	*Ngày*	+	+		+	+	+	+	+	+
		Thì			+						
734	5 *	*cũng*	+						+		
		hãy		+	/+/	+	/+/	/+/		/+/	+
735	2 *	*vành*	+	+		+	+	+	+	+	
		thoa			+						+
736	3 *	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
		phải		+							
738	1 *	*Xót*	+		+	+	+	+	+	+	+
		Nghĩ		+							
	7 *	*chẳng*	+	+	+		+	+	+	+	+
		chớ				+					
739	3 *	*gọi*	+								
		còn		+	+	+	+	+	+	+	+
740	4 *	*mảnh*	+			+			+		+
		tấm		/+/	+		+	+		+	
	5 *	*hương*	+	+		+			+		+
		gương			+		+	+		+	

"Mai sau dầu ... bao giờ,
"Đốt lò hương ấy ... tơ phím này.
"Trông ra ngọn cỏ lá cây,
"Thấy hiu hiu gió ... hay chị về.
"Hồn còn mang nặng lời thề,
"Nát thân bồ liễu ... nghì trúc mai.
"Dạ đài cách mặt khuất lời,
"Rưới xin ... ... cho người thác oan.
"Bây giờ ... ... tan,
"Kể làm sao xiết muôn vàn ái ân!
"Trăm nghìn gởi lạy tình quân,
" ... ... vấn vỏi có ngần ấy thôi.
"Phận sao phận bạc như vôi!
"Đã đành nước chảy ... trôi lỡ ... .
"Ôi Kim lang! hỡi Kim lang!
"Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ ... !"
Cạn lời ... ... ,
Một hơi lặng ngắt đôi tay lạnh đồng.
Xuân huyên chợt tỉnh giấc nồng,
Một nhà ... ... kẻ trong người ngoài.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
741	4	* *có*	+		+		+	+	+	+	+
		đến		+		+					
742	5	* *so*	+	+	+		+	+		+	
		lựa									+
		dở				+			+		
744	5	* *thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
		rằng		+							
746	5	* *còn*	+						+		
		đền		+	+	+	+	+		+	+
748	3	* *giọt*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		chén									+
	4	* *nước*	+	+					+	+	+
		lệ			+	+	+	+			
749	3,4	* *trâm gãy*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		gương vỡ									+
	5	* *gương*	+	+	+		+	+	+	+	
		người									+
		bình				+					
752	1,2	* *Tóc tơ*	+			+			+		
		Tơ duyên		+							+
		* Mây tơ (< *tóc tơ*)			+		+	+		+	
754	5	* *bèo*	+						+		
		hoa		+	+	+	+	+		+	+
	8	làng		+		+			+		
		* *đường*	+		+		+	+		+	+
756	8	* *nay*	+								
		đây		+	+	+	+	+	+	+	+
757	3→6	* *hồn dứt máu say*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		phách tán hồn bay									+
760	3,4	* *tấp nập*	+	+							+
		vây lớp			+		+	+		+	
		chật ních				+			+		

Kẻ thang người thuốc bời bời,
Mới dầu cơn vựng chưa phai giọt hồng.
Hỏi sao ra sự lạ lùng.
Kiều càng nức nở mở không ra lời.
Nỗi nàng Vân mới rỉ tai:
Chiếc ... ... với tờ bồi ở đây.
... cha làm lỗi duyên mày,
"... ... nỗi ấy sau này đã em.
"Vì ai rụng cải rơi kim?
"Để con bèo nổi mây chìm vì ai?
"Lời con ... lại một hai,
"Dẫu mòn ... đá dám sai tấc vàng."
Lạy thôi nàng lại ... chiềng:
"Nhờ cha trả được nghĩa chàng cho xuôi.
" ... chi thân phận tôi đòi,
"Dẫu rằng xương trắng quê người quản ... ?"

Xiết ... ... nỗi ... sầu!
Khắc canh ... giục ... lâu mấy hồi.
Kiệu hoa đâu đã đến ngoài,
Quản huyền đâu ... giục ... sinh ly.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
766	2 *	*vành*	+			+			+		
		thoa		+	+		+	+		+	+
	3 *	*đây* (> để)	+		(+)	+	(+)	(+)	+	(+)	
		này		+							+
767	1 *	*Bởi*	+								
		Nay // Này		+	+	+	+	+	+	+	+
768	1,2 *	*Thôi thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
		Thôi thôi		+							
771	3 *	*dặn*	+	+	+		+	+	+	+	+
		nhủ				+					
772	3 *	*ngấn*	+						+		
		bia		+	+	+	+	+		+	+
773	5 *	(mới) *rén*	+	+							(+)
		thưa			+	+	+	/+/	+	+	
775	1 *	*Thốt*	+								
		Sá		+	+	+	+	+	+	+	+
776	8 *	*đâu*	+		+	+	+	+	+	+	+
		bao		+							
777	2	đâu	+						+		
	*	*bao*		+	+	+	+	+		+	+
	3	trong	+						+		
	*	*kể*		+	+	+	+	+		+	+
	5	tấm			+						
	*	*thảm*	+	+		+	+	+	+	+	+
778	3 *	*đã*		+	+	+	+	+		+	+
		lại	+						+		
	5 *	*nam*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		thú									+
780	4 *	*đã*	+	+					+		+
		lại			+	+	+	+		+	
	6	người		+		+					+
	*	*ngày*	+		+		+	+	+	+	

Đau lòng kẻ ở người đi,
... rơi thấm đá tơ chia rũ tằm.
Trời hôm mây kéo tối rầm,
Rầu rầu ngọn ... dầm dầm cành sương.
Rước ... về đến trú phường,
... bề xuân khóa một nàng ở trong.
Ngập ngừng thẹn lục e hồng,
Nghĩ lòng lại xót xa lòng đòi phen.
Phẩm tiên ... đến tay hèn,
Hoài công nắng giữ mưa gìn với ai!
Biết thân đến bước lạc loài,
Nhị đào ... ... người tình chung.
Vì ... ngăn đón gió đông,
Thiệt lòng khi ở đau lòng khi đi.
Trùng phùng dù họa có khi,
Thân này thôi có ... gì mà mong.
Đã sinh ra số long đong,
Còn ... lấy kiếp má hồng được sao?
Trên yên ... ... dao,
Giấu cầm nàng đã ... vào ... khăn.

21 B

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
782	1	*	*Giọt*	+		+		+	+		+	+
			Lệ		+		+			+		
784	4	*	*khói*	+								
			cỏ		+	+	+	+	+	+	+	+
785	2	*	*dâu*	+	+					+		+
			nàng			+	+	+	+		+	
786	1	*	*Bốn*	+		+	+	+	+	+	+	
			Tư		+							+
789	3	*	*thuở*	+							+	+
			rơi		+	+	+	+	+	+		
792	2,3	*	*thè // thà lấy*	+								
		*	*thà* bể		+							+
			đã bể			+	+	+	+	+	+	
	4	*	*tay*	+								
			cho		+	+	+	+	+	+	+	+
793	2		ta	+								
		*	*ai*		+	+	+	+	+	+	+	+
796	5	*	*còn*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			ra									+
798	2	*	*ôm*	+						+		
			mang		+	+	+	+	+		+	+
799	3,4 5	*	*nhác thấy thanh*	+								
		*	phát *thấy thanh*							+		
			sẵn có con		+	+	+	+	+		+	+
800	5	*	*gói*	+	+	+	+	+	+	+		+
			buộc								+	
	7	*	*rọt*	+				+			+	
			chéo		+		+			+		+
			áo			+			+			

Phòng khi nước đã đến chân,
Dao này ... liệu với thân ... này.
... ... một khắc một chầy,
Bâng khuâng như tỉnh như say một mình.
Chẳng ... gã Mã giám sinh,
Vẫn là một đưa phong tình đã quen.
... chơi lại gặp hồi đen,
... ... lại kiếm ăn miền nguyệt hoa.
Lầu xanh có mụ Tú bà,
Làng chơi đã trở về ... hết duyên.
Tình cờ chẳng hẹn mà nên,
Mạt cưa mướp đắng đôi bên một phường.
Chung lưng mở một ... hàng,
Quanh năm buôn phấn bán ... đã lề.
Dạo tìm khắp chợ ... quê,
Giả danh hầu hạ dạy nghề ăn chơi.
Rủi may âu cũng sự trời,
Đoạn trường lại chọn ... người vô duyên.
Xót nàng ... phận thuyền quyên,
Cành hoa ... bán vào thuyền lái buôn.

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
802	3	*	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
			sẽ		+							
	7	*	*phận*	+			+			+		
			sau	+	+	+		+	+		+	+
803	1,2	*	*Điểm sầu*	+								
		*	Đêm *sầu*		+		+			+		+
			Đêm thu			+		+	+		+	
805	2	*	*là*	+		+		+	+	+	+	
			ngờ		+		+					+
807	1	*	*Quá*	+	+		+				+	+
			Qua			+		+	+	+		
808	1,2	*	*Quen vùng*	+	+	+	+			+	+	
			Qua *vủng*					+	+			
		*	*Quen* mồi									+
810	6	*	nhà // *già*	+								
		*	*già*		+	+	+	+	+	+	+	+
813	5	*	*cửa*	+						+		
			ngôi		+	+	+	+	+		+	+
814	6	*	gương // *hương*	+								
		*	*hương*		+	+	+	+	+	+	+	+
815	5	*	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
			lại		+							
818	5	*	*mặt*	+	+	+		+	+	+	+	+
			một				+					
819	3	*	xót (< *chút*)	+					+			
		*	*chút*		+	+	+	+		+	+	+
820	3	*	đi (< đưa < *đem*)	+						+		
		*	*đem*		+	+	+	+	+		+	+

Mẹo lừa đã ... vào khuôn,
Sính nghi ... giá nghinh hôn sẵn ngày.
Mừng thầm cờ đã đến tay,
Càng nhìn vẻ ngọc càng say khúc ... .
Đã nên quốc sắc thiên hương,
Một cười này hẳn nghìn vàng chẳng ngoa.
Về đây ... trước bẻ hoa,
Vương tôn quý khách ắt là đua nhau.
... ... trăm lạng ... đâu,
Cũng đà vừa vốn còn sau ... lời.
Miếng ngon kề đến tạn nơi,
Vốn nhà cũng tiếc của ... cũng tham.
Đào tiên đã bén tay phàm,
Thì vin cành quít cho cam sự đời.
... trần mấy mặt làng chơi,
Chơi hoa ... dễ mấy người biết hoa.
Nước vỏ lựu máu ... gà,
Mượn màu chiêu tập lại là còn nguyên.
... mờ đánh lận con đen,
Bao nhiêu cũng bấy nhiêu tiền mất chi?

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
821	4 *	*chớm//* nắm // ném	+								
		mắc		+	+	+	+	+	+	+	+
822	3 *	*rẻ*	+	+	+		+	+		+	+
		nạp				+			+		
824	8	hoàng	+			+					
	*	*vàng*		+	+		+	+	+	+	+
827	3 *	*nước*	+	+		+			+	+	+
		tự			+		+	+			
829	1,2 *	*Ba bốn*	+			+			+		
		Hẳn ba		+	+		+	+		+	+
	5 *	*thử // bì*	+			+			+		
		kém		+	+		+	+		+	+
830	7 *	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
		là		+							
832	6 *	*trời*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		đời									+
835	1 *	*Dưới*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Trong									+
836	3 *	*chưa*	+						+		
		đã		+	+	+	+	+		+	+
837	5 *	*mào*	+	+	+		+	+	+	+	+
		mồng				+					
839	1 *	*Mập*	/+/		+	+	+	+	+	+	+
		Lờ		+							

Mụ già ... có điều gì,
Liều công mất một buổi quì mà thôi.
... đây đường sá xa xôi,
Mà ta bất động nữa người sinh nghi.
Tiếc thay một đóa trà (đồ)mi,
Con ong đã mở đường đi lối về.
Một cơn mưa gió nặng nề,
... gì đến ngọc ... gì đến hương.
... xuân một giấc mơ màng,
Đuốc hoa để ... ... nàng ... trơ.
... riêng tầm tã tuôn mưa,
Phần ... nỗi khách phần ... nỗi mình.
Tuồng chi là ... hôi tanh,
Thân nghìn vàng để ô danh má hồng.
Thôi còn chi nữa mà mong,
Đời người thôi thế là xong một đời!
Giận duyên tủi phận bời bời,
... dao nàng đã toan bài quyên sinh.
Nghĩ đi nghĩ lại một mình:
Một ... thì chớ hai tình ... sao?

23 A

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
841	3 *	*hoặc*	+		+	+	+	+	+	+	+
		dầu		+							
843	1 *	Đến (< *vả*)	+		+	+	+	+	+	+	
	*	*Vả*		+							+
848	1,5 *	*Thương ... tiếc*	+	+	+	+	+	+	+		+
		Tiếc ... thương								+	
849	1 *	*Tiệc*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Đêm									+
850	4 *	nọ (< *đó*)	+								
	*	*đó*		+	+	+	+	+	+	+	+
	5 *	*một*	+			+			+		
		mặc		+	+		+	+		+	+
	7 *	*ngồi*	+			+			+		
		nằm		+	+		+	+		+	+
851	1 *	*Giọt // Dột*	+						+		+
		Lệ		+							
		Nỗi				+	+	+		+	
		Nỗi [illegible] ?			/+/						
852	2 *	*căm*	/+/	+	/+/		/+/	/+/		/+/	+
		e				+			+		
	6 *	*dơ // nhơ*	/+/	+			+			+	+
		lo			+	+		+	+		
853	4 *	chốn (< *giống*)	+								
	*	*giống*		+	+	+	+	+	+	+	+
858	1 *	*Cầm*	+	+	+	+			+		+
		Cõi					+	+		+	
860	2 *	*mình*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		tình									+
	7 *	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
		nữa		+							

Sau dầu sinh sự thế nào,
Truy nguyên chẳng kẻo lụy vào song thân.
... âu ... ... dần,
Kịp chầy thôi cũng một lần ... thôi.
Những là đo đắn ngược xuôi,
Tiếng gà nghe đã gáy sôi mé tường.
Lầu mai vừa ... ... sương,
Mã sinh giục ... vội vàng ra đi.
Đoạn trường thay lúc ... kỳ!
Vó câu khấp khểnh bánh xe gập ghềnh.
... ngoài ... dặm trường đình,
Vương ông ... tiệc tiễn hành đưa theo.
Ngoài ... chủ khách dặt dìu,
... nhà huyên với một Kiều ở trong.
... ... giọt hồng,
Rỉ tai nàng mới giải lòng thấp cao:
"... sinh ra phận thơ đào,
"Công cha nghĩa mẹ kiếp nào giả xong!
"Lỡ ... nước đục ... trong,
"Trăm năm để một tấm lòng từ đây.

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
863	1,2		Nỗi mình			+	+	+	+		+	
		*	*Đánh liều*	+						+		+
		*	Trót *liều*		+							
	4		cũng			+	+	+	+		+	+
		*	*hãy*	+						+		
			phải		+							
	5	*	*thả*	+						+		
			giãn		+	+	+	+	+		+	+
864	7	*	*là*	+								
			mà		+	+	+	+	+	+	+	+
867	4,5	*	*rúc còi*	+	+	+		+	/+/	+	+	+
			lúc tan				+					
868	4	*	*giạc*	+	+	+		+	+	+	+	
			giã				+					+
869	5	*	*phân*	+		+	+	+	+	+	+	
			lâm		+							+
871	1	*	Bề // *Vừa* 皮	+		+	+	+	+	+	+	+
		*	*Vừa* 旇		+							
	3	*	*mười*	+	+	+	+	+	+		+	+
			lên							+		
872	3	*	*gánh*	+	+		+			+		+
			mở			+			+			
			bày					+			+	
873	2	*	*thì*	+			+	+	+	+	+	
			nhà		+	+						+
874	1	*	*Một*	+		+	+	+	+	+	+	
			Trong		+							+
875	1→4	*	Nhìn càng lã chã	+		+	+	+	+	+	+	
			Càng nhìn càng ứa		+							+
877	1	*	*Vả*	+						+		
			Hổ		+	+	+	+	+		+	+
879	2	*	*làng*	+	+		+			+		/+/
			dường			+		+	+		+	
	5	*	*pha*	/+/						/+/		
			bụi		+	+	/+/	+	+		+	+

"Xem gương trong bấy nhiêu ngày,
"Thân con chẳng kẻo mắc tay bợm già.
"Khi ... bỏ vắng trong nhà,
"Khi vào ... ... khi ra vội vàng.
"Khi ăn khi nói lỡ ... ,
"Khi thầy khi tớ xem thường xem khinh.
"Khác màu kẻ quí người thanh,
"... ra cho kỹ như hình con buôn.
"Thôi con còn nói chi con,
"Sống nhờ đất khách thác chôn quê người!"
Vương bà nghe bấy nhiêu lời,
Tiếng oan đã muốn ... trời kêu lên.
Vài ... chưa cạn chén khuyên,
Mé ngoài nghỉ đã giục liền ruổi ... .
Xót con lòng nặng ... ... ,
Trước yên ông ... nằn nì thấp cao:
"... ... ... thơ đào,
... nhà đến nỗi ... vào tôi ngươi.
"Từ đây góc bể chân trời,
"Nắng mưa thủi thủi quê người một thân.

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
883	2	*	*về*	+		+	+	+	+	+	+	+
			đi		+							
884	3,4	*	*dùi dắng*	+	+	+						+
		*	*dùi* thẳng				+			+		
		*	dùng *dắng*					+	+		+	
885	6	*	*làng*	+	+		+			+		+
			dường			+		+	+		+	
888	1	*	*Ngắm*	+	+							+
			Gẫm // Ngẫm			+	+	+	+	+	+	
892	5		vạch		+	+	+	+	+	+	+	+
		*	*rạch*	+								
893	2	*	câu (< *tuần*)	+								
			tuần		+	+	+	+	+	+	+	+
894	8	*	*xe*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			đi									+
895	5,6	*	*bì bì // bề bề*	+			+			+		
			trì trì // chề chề		+	+		+	+		+	+
896	4	*	*lại*	+	+					+		
			đã			+	+	+	+		+	+
897	1,2	*	Xót (< *chút thân*)	+	+	+		+	+	+	+	+
			Xót con				+					
	3,4	*	*liễu yếu*	+		+	+	+	+	+	+	
			yếu liễu		+							+
898	1	*	*Trất // Dớp*	+		+		+	+	+	+	
			Cực		+							+
			Dớp // (Rấp)				(+)					
	5	*	*giấn*	+	+	⿰金羑						+
			chen				+	⿰糹羑		+		
			buộc						+		+	

"Nghìn tầm nhờ bóng tùng quân,
"Tuyết sương che chở cho thân cát đằng."
Cạn lời khách mới thưa rằng:
"Buộc chân thôi cũng xích thằng nhiệm trao.
"Mai sau dầu đến thế nào,
"Kìa gương nhật nguyệt nọ dao quỷ thần."
Đùng đùng gió ... mây ... .
Một xe trong cõi hồng trần như bay.
Trông vời gạt lệ ... tay,
Góc trời thăm thẳm ... ngày đăm đăm.
... ... khách xa xăm,
Bạc phau cầu giá đen dầm ngàn mây.
... lau sát sát hơi may,
Một trời thu để riêng ... một người.
Dặm khuya ngắt tạnh mù khơi,
Thấy trăng mà thẹn những lời non sông.
... thu từng biếc ... hồng,
Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn.

Những là lạ nước lạ non,
Lâm - tri vừa một tháng tròn ... nơi.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
907	4	* *giục*	+	+	+		+	+	+	+	+
		Hiệp				+					
	6	vẫn		+							+
		* *Tần*	+		+	+	+	+	+	+	
909	5	* *phân*	+		+	+	+	+	+	+	
		chia		+							+
910	5	* *ngày*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		đêm									+
911	1,2	* *Nàng thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
		Thương nàng		+							
	3	* *cõi*	+		+	+	+	+	+	+	
		dặm		+							+
913	1	* *Vi*	+	+	+		+	+	+	+	+
		Bờ				+					
914	6	* *say*	+				+			+	
		ngây		+							
		tây				+			+		
		ai			+			+			+
917	1	* *Rừng*	+	+			+		+	+	+
		Lầu			+	+		+			
	5	chen // xen		+	+		+	+		+	
		* *úa // ố*	+			+			+		+
920	7	* *đến*	+	+	+		+	+	+	+	
		tới				+					+

Xe châu dừng bánh cửa ngoài,
Rèm trong đã thấy một người bước ra.
Thoắt trông lợt lợt màu da,
Ăn gì cao lớn đẫy đà làm sao?
Trước xe ... ... chào,
Vâng lời nàng mới bước vào tận nơi.
Bên ... mấy ả mày ngài,
Bên ... ngồi bốn năm người làng ... .
Giữa thì hương ... hẳn hoi,
... ... trắng đôi lông mày.

Lầu xanh quen lối xưa nay,
Nghề này ... lấy ông này tiên sư.
Hương ... ... sớm phụng thờ,
Cô nào xấu ... ... thưa mối hàng.
Cởi xiêm lột áo chán chường,
Trước ... sẽ nguyện mảnh hương lầm,
... hoa lót ... chiếu nằm,
Bướm ... ... lại ầm ầm tứ vi.
... còn ... ... biết gì,
Cứ lời lạy xuống mụ thì khấn ngay:

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
925	*	*lơi lả*	/+/	+	+		+	+		+	
	3,4 *	bả *lả*									+
		hớn hở				+			+		
	5 *	*han*	+	+	+	+		+	+		+
		ra					+			+	

25 A

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
927	2	*	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
			nầy		+							
928	2	*	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
			kia		+							
	8	*	*chơi*	+	+	+		+	+	+	+	+
			soi				+					
929	4	*	*nến*	+			+			+		
			án									+
			lửa			+		+	+			
			triện		+							
			sáp								+	
930	1→4		Treo tranh Q.Thánh	+						+		
		*	*Trên treo một tượng*		+	+	+	+	+		+	+
932	3		phải		+							
		*	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
933	2,3	*	*hôm hoa*	+		+	+	+	+	+	+	
			hoa hôm		+							+
934	4	*	*mẽ*	+		/+/		+	+	+	+	
			vía		+		+					+
	5		có		+		+					+
		*	*cho*	+		+		+	+	+	+	
936	2	*	*thần*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			bàn									+
937	1		Nệm				+			+		
		*	*Đối*	+	+	+		+	+		+	+
	4	*	*dưới*	+								
			xuống		+	+	+	+	+	+	+	+
938	2,3		đi ong									+
		*	*ong bay*	+		+	+	+	+	+	+	
		*	*ong* đi		+							
939	1	*	*Kiều*	+		+	+	+	+	+	+	+
			Nàng		+							
	3,4		liệu đất	+						+		
		*	*ngơ ngẩn*			+	+	+	+		+	+
			bỡ ngỡ		+							

"Cửa hàng buôn bán cho may,
"Đêm đêm Hàn thực ngày ngày Nguyên tiêu.
"Muôn ... người thấy cũng yêu,
"Xôn xao anh yến dập dìu trúc mai.
"Tin ... ... lá thơ bời,
"Đưa người cửa trước rước người cửa sau."
Lạ tai nghe chửa biết đâu,
Xem tình ... cũng những màu dở dang.
Lễ xong hương hỏa ... đường,
Tú bà vắt ... lên giường ngồi ngay.
Dạy rằng: "Con lạy mẹ đây,
"Lạy rồi ... lạy cậu mày bên kia."
Nàng rằng: "Phải bước lưu ly,
"Phận hèn vâng đã cam bề tiểu tinh.
"Điều đâu lấy yến làm anh,
Ngây thơ chẳng biết ... danh phận gì.
"Đủ điều nạp thái vu quy,
"Đã khi ... ... lại khi đứng ngồi.
"Giờ ra thay bực đổi ngôi,
"Dám ... ... lại một lời cho minh."

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
943	2 *	*nghìn*	+		+	+	+	+	+	+	+
		vàn		+							
945	2,3 *	*nhạn vẩn*	+	+	+		+	+	+	+	
	*	*nhạn* vượt									+
		ve vạch				+					
948	3 *	*ra*	+		+	+	+	+	+	+	+
		là		+							
949	5 *	*gia*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		từ									+
950	4 *	*nóc*	+	+	+	/+/	+	+	+	+	
		vẻo									+
952	3 *	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	
		sang		+							+
956	5 *	với (< *là*)	+						+		
	*	*là*		+	+	+	+	+		+	+
958	3,4 *	*chung chạ*	+			+				+	+
		suồng sã		/+/	+		+	+	+		
960	2 *	*xin*	+	+		+	+	+	+	+	+
		hô			+						
	3 *	*gửi*		+	+	+	+	+	+	+	+
		chỉ	/+/								

Mụ nghe nàng nói hay tình,
Bấy giờ mới nổi tam bành mụ lên:
"Này này sự đã quả nhiên,
"Thôi đà cướp ... ... min đi rồi!
"... ... đi dạo lấy người,
"Đem về rước khách ... lời mà ăn.
"Tuồng vô ... ở ... nhân,
"Buồn mình trước đã tần mần thử chơi.
"Màu hồ đã mất đi rồi,
"Thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma!
"Con kia đã bán cho ... ,
"... ... phải cứ phép nhà tao đây.
"... kia có giở bài bây,
... ... vào mặt ... mày ... nghe.
"Cớ sao chịu tốt một bề,
"Gái tơ mà đã ngứa nghề sớm sao!
"Phải làm cho biết phép tao!"
Giật bì tiên rắp sấn vào ra tay.
Nàng rằng: "Trời thẳm đất dày!
"Thân này đã bỏ những ngày ra đi."

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
964	4 *	của (< *sống*)	+						+		
	*	*sống*		+	+	+	+	+		+	+
	5 *	*chồng*	+	+	+	+		+	+		+
		của					+			+	
965	1 *	*Bảo*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Biểu									+
	2	thì (< là)	+			+			+		
	*	*rằng*		+	+		+	+		+	+
966	5 *	*kiếm*	+	+	+		+	+	+	+	+
		lấy				+					
967	3 *	*nghĩa*	/+/	+	+	+	+	+	+	+	
		sĩ									+
	5 *	*vô*	+			+			+		
		bất		+	+		+	+		+	+
971	6 *	*ta*	+	+	+	+			+	+	+
		tha					+	+			
972	1,2 *	*Nhập gia*	+		+	+	+	+	+	+	
		Vào nhà		+							+
973	1 *	Này (< *lão*)	+		+				+		
	*	*Lão*		+		+				+	+
		Con					+	+			
974	1,2 *	*Chẳng* loi					+				
	*	*Chẳng phang*	+			+			+	/+/	
	*	*Chẳng* văng			+		+	+			+
	*	*Chẳng* mắng		+							
	5 *	*mà*	+	+	+		+	+	+	+	+
		thì				+					
	7	đừng				+					
	*	*đành*	+						+		+
		lại		+	+		+	+		+	

Thôi ... ... có tiếc gì!
Sẵn dao tay áo tức thì giở ra.
Sợ gan nát ngọc liều hoa,
Mụ còn ... mặt nàng đà quá tay.
Thương ôi tài sắc ... này,
Một dao oan nghiệt dứt dây phong trần.
Nỗi oan vỡ lở xa gần,
Trong nhà người chật một lần như nen.
Nàng ... bặt bặt giấc tiên,
Mụ thì ... ... mặt nhìn hồn bay.
Vực nàng vào chốn hiên tây,
Cắt người ... sóc ... thầy thuốc ... .
Nào hay chưa hết trần duyên,
Trong ... ...
... rằng: "Nhân quả dở dang,
"Đã toan trốn nợ đoạn trường được sao?
"Số còn nặng nghiệp má đào,
"Người dầu muốn ... trời nào đã cho!
"... ... ... ,
"Sông Tiền – đường sẽ hẹn hò về sau".

26 B

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
981	2,3	*	*thì thôi*	+		+	+	+	+	+	+	
			thôi còn		+							+
984	3	*	*trông*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			nhìn									+
985	5		bậc									+
		*	*mực*	+	+	+	+	+	+	+	+	
989	2	*	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
			vừa		+							
990	3,4		cập cập //ngợp ngợp		+			+	+		+	+
			mét mét // mịt mịt			+	/+/			+		
		*	*ngáy ngáy*	+								
992	3		coi									+
		*	*xem*	+	+	+	+	+	+	+	+	
	5		rước		+	+		+	+		+	
		*	*chạy*	+			+			+		+
	8	*	thang (< *men*)	+	+	+	+	+	+	+	+	
		*	*men*									+
994	2	*	*mê*	+	+							+
			mây (< *mê*)			+	+	+	+	+	+	
	3,4	*	thôi *đã*			+						
		*	*dường đã*	+			+	+	+	+	+	
			trông thấy		+							
			đã thấy									+
	5→8	*	*đứng bên một nàng*	+		+	+	+	+	+	+	
			Đạm Tiên rõ ràng		+							+
995	1	*	*Rỉ*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			Biểu									+
998	4	*	*quyết*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			lánh									+
999	1→6	* A	*Hãy xin hết (trọn) kiếp liễu bồ (A)*	+		+	+	+	+	+	+	(+)
		B	Chịu lời cho vẹn kiếp tu (B)		+							

Thuốc thang suốt một ngày thâu,
Giấc ... nghe đã dầu dầu vừa tan.
Tú bà chực sẵn bên màn,
... lời ... ... mơn man gỡ dần:
"Một người dễ có mấy thân,
"Hoa xuân ... nhị ngày xuân còn dài.
"Cũng là lỡ một lầm hai,
"Đá vàng ... nỡ ép nài mưa mây.
"Lỡ chân ... ... vào đây,
"Khóa ... xuân để ... ngày đào non.
"Người còn ... của ... còn,
"Tìm nơi xứng ... ... con cái nhà.
"Làm chi tội báo oan gia,
"Thiệt mình mà hại đến ta ... gì?
Kề tai mấy nỗi nằn nì,
Nàng nghe dường cũng thị phi rạch ròi.
Vả ... thần mộng mấy lời,
Túc ... ... cũng có trời ở trong.
Kiếp này nợ giả chưa xong,
Làm chi ... ... chồng kiếp sau!

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1002	2	*	*mê*	+		+	+	+	+	+	+	+
			tiên		+							
1004	1	*	*Gieo*	+		+	+		/+/	+		
			Dịu									+
			Lựa					+			+	
			Kiếm		+							
	3,4		khuyên giải		+	+	+	+	+		+	+
		*	*ỏn thót*	+						+		
1006	3	*	*đang*	+	+	+	+	+	+		+	+
			phất							+		
1008	3		chi									+
		*	*sao*	+	+	+	+	+	+	+	+	
1009	3,4	*	*trót đã*	+		+	+	+	+	+	+	+
			đã trót		+							
1010	2	*	*buồng*	+	+		+	+	+	+	+	+
			phòng			+						
	5	*	*đợi*	+		/+/	+	+	+	+	+	+
			chờ		+							
1011	3... 5	*	*thì ... hãy ...*	+		+	+	+	+	+	+	+
			ấy ... cũng		+							
1012	4,5		đáng làm					+			+	
		*	đáng *là*		+	+	+		+			+
		*	*để là*	+						+		
1014	7	*	*hay*	+		+	+	+	+	+	+	+
			ích		+							
1017	2	*	*suy*	+	+		+			+		+
			trong			+		+	+		+	
1018	2	*	*nhân*	+	+	+		+	+			+
			khiên				+			+	+	
	3	*	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	
			âu		+							+
1020	3 → 5	*	*thì cũng nợ* (>một)	+		+	+	+	+	+	+	
		*	lại *cũng* một		+							
		*	lại một *nợ*									+

Lặng nghe ... ... đầu,
Thưa rằng: "Ai có muốn đâu thế này.
"... ... lời thế là may,
"Hẳn rằng mai có như rày cho chăng!
"... khi ong bướm đãi đằng,
"Đến điều sống đục sao bằng thác trong!"
Mụ rằng: "Con hãy thong dong,
"Phải điều lòng lại ... lòng mà chơi!
"Mai sau ở chẳng như lời,
"Trên đầu có bóng mặt trời rạng soi."
Thấy lời quyết đoán hẳn hoi,
Đành lòng nàng cũng sẽ nguôi nguôi dần.
Trước ... ngưng bích khóa xuân,
... non xa tấm trăng gần ở chung.
... bề bát ngát ... trông,
Cát vàng cồn nọ ... hồng dặm kia.
Bẽ bàng mây sớm đèn khuya,
... tình ... cảnh như chia tấm lòng.
Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,
Tin sương luống hãy rày ... mai chờ.

27 B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1021	3,4 *	*tẩm ngẩm*	+								
		thấm ngấm		+							
		đầm thắm				+					
		ngẫm nghĩ									+
		thấm thẩm			+		+	+	+	+	
	5 *	*cúi // cuối*	+						+		
		cuối		+							
		gót			+	+	+	+		+	+
1023	1,2 *	*Được như* > thì nhà	+								
	*	*Được như*		+	+	+	+	+	+	+	+
1025	1 *	*Lệ*	+								
		Sợ			+	+	+	+	+	+	+
		E		+							
1028	5 *	*dối*	+		+	+	+	+	+	+	
		đổi		+							+
1033	2 *	sau < *lầu*	+	/+/	+	+	+	+	+	+	
	*	*lầu*									+
1034	1	Vẻ									+
	*	*Vết, vệt (Vít)*	+	+	+	(+)	+	+	+	+	
1035	1 *	*Bốn*		+	+	+	+	+	+	+	+
		Tư	+								
	5 *	*xa*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		vời									+
1036	5 *	*bụi*	+	+	+		+	+	+	+	+
		doi				+					
1038	1,3 *	*Nửa ... nửa*	+	+	+		+	+		+	+
		Nhớ ... nhớ				+			+		
1040	6 *	*trông*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		mong									+

Bên trời góc bể bơ vơ,
Tấm son gột ... bao giờ cho phai.
Xót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?
... Lai cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm.
Buồn trông cửa bể gần hôm,
Thuyền ai ... ... buồm xa xa.
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông ... ... rầu rầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt ...
... ... tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

Chung quanh những nước non người,
Đau lòng lưu lạc nên vài bốn câu.
... ... rèm châu,
Cách ... nghe có tiếng đâu họa vần.
Một chàng vừa trạc thanh xuân,
Hình ... chải chuốt áo khăn ...

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1042	4	*	*rửa*	+		+	+	+	+	+	+	
			đến		+							+
1045	1	*	*Sân*									+
		*	Bồng (< *Sân*)	+		+	+	+	+	+	+	
			Đình		+							
1048	3,4		thoáng cánh	+						+		
		*	*thấp thoáng*		+	+	+	+	+		+	+
	5		gió	+						+		
		*	*cánh*		+	+	+	+	+		+	+
1051	3,4	*	*nội cỏ*	+		+	+	+	+	+	+	
			cỏ nội									+
		*	ngọn *cỏ*		+							
1053	6	*	*duềnh*	+	+	+		+	+	+	+	+
			ghềnh				+					
1054	1,2	*	*Om* (âm) *thòm* (thầm)	+	(+)	+	+					
		*	*Om sòm*							+		
			Ầm ùng (?) [1]					+				+
			Ầm ầm						+		+	
1057	1,2	*	*Ngậm ngùi*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			Tần ngần									+
	3,4	*	*rủ bức*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			đứng rủ									+
1058	2		tường									+
		*	*lầu*	+	+	+	+	+	+	+	+	
1060	2	*	*dung*	+		+	+	+	+	+	+	+
			thù		+							
	7,8	*	*dịu dàng*	+		+	+	+	+	+	+	
			gọn gàng		+							+

[1] Vì có thanh phù hơi giống chữ ỦNG viết tắt nên tạm đọc là ÙNG.

Nghĩ rằng cũng ... thư hương,
Hỏi ra mới biết rằng chàng Sở khanh.
Bóng nga thấp thoáng dưới mành,
Trông ... ... cũng ra tình ...
"... ... sắc nước hương trời,
"Tiếc cho đâu bỗng lạc loài đến đây?
QUẾ TRONG TRĂNG HẠNH TRÊN MÂY.
CÁT HỒNG NỠ ĐỂ CHO ĐẦY ĐỌA HOA!
HỰU NHẤT THỂ VÂN:
"Giá đành trong nguyệt trên mây,
"Hoa sao hoa khéo ... ... hoa?
... ... riêng giận trời ... ,
"Lòng này ai tỏ cho ai hỡi lòng?
"Thuyền quyên ví biết anh hùng,
"Ra thay tháo cũi sổ lồng như chơi!"
TIẾC ĐIỀU LẦM CHẲNG BIẾT TA
VỀ CHÂU VỚT NGỌC DỄ ĐÀ NHƯ CHƠI.
Song ... đã khép cánh ngoài,
Tai còn đồng vọng mấy lời sắt đanh.
Nghĩ người thôi lại nghĩ mình,
Cám lòng chua xót lạt tình ... vơ.
Những là lần lữa nắng mưa,
Kiếp phong trần biết bao giờ là thôi?

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1061	4	*	*mạch*	+	+	+			+	+	+	+
			vẻ				+					
			loại					+				
1064	2,3		chàng, nàng	+		+	+	+	+	+	+	
		*	*nàng, chàng*		+							+
	7,8	*	*đeo đai*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			chơi vơi									+
1065	1,2	*	Ôi than (< *than ôi*)	+								
		*	*Than ôi*		+	+	+	+	+	+	+	+
1067		*	*4 câu* + 6 câu	+						+		
			6 câu		+	+	+	+	+		+	+
1068	5,6	*	*giã giày* (rã đài)	+	(+)	+	+	+	+	+	+	
			đọa đày									+
	7	*	*bấy*	+	+		+			+		+
			với			+		+	+		+	
1069	1,2	*	*Nổi* cơn (< *gan*)	+			+					
		*	*Nổi gan*		+	/+/				+		
		*	Sốt *gan*					+	+		+	
		*	Tức *gan*									+
	6	*	*già*		+	+	+	+	+	+	+	+
		*	hoa (< *già*)	+								
1073	2	*	*thu*	+	+	+		+	+	+	+	+
			thưa				+					
1076	7	*	*bơ* 巴				+	+	+	+	+	
			chơ 諸, (猪)		+							(+)
			giơ 加		+							
			nhơ 如			+						

... liều nhắn một ... lời,
Nhờ tay tế độ vớt người trầm luân.
Mảnh tiên kể hết xa gần,
Nỗi nhà báo đáp nỗi thân lạc loài.
... vừa rạng ngày mai,
... hồng nàng mới nhắn lời gởi sang.
Trời tây lãng đãng bóng vàng,
Phục thư đã thấy tin chàng ... nơi.
Mở xem một bức tiên mai,
Rành ràng *tích việt* có hai chữ đề.
Lấy trong ý tứ mà suy:
Ngày hai mươi: mốt tuất thì phải chăng?
Chim hôm thoi thót về rừng,
... trà (đồ) mi đã ngậm trăng nửa ... .
Tường đông lay động bóng cành,
Đẩy song đã thấy Sở khanh ... vào.
Sượng sùng đánh dạn ra chào,
... thôi nàng mới rỉ trao ân cần.
Rằng: "Tôi bèo ... ... thân,
"Lạc ... mang lấy nợ nần yến ... .

29 A

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1079	1	* *Đánh*	+	+		+					+
		Đành			+		+	+	+	+	
	5	* *hai*	+	+	+		+	+	+	+	+
		đôi				+					
1083	1,2	* *Hôm dao*	+								
		Tan sương		+	+	+	+	+	+	+	+
1084	1	* *Tiện*	+	+	+		+	+	+	+	+
		Cánh				+					
1086	7	* *đến*	+	+	+		+	+	+	+	+
		tới				+					
1092	1	Đóa				+			+		
		* *Giá*	+	+	+		+	+		+	+
	8	* *mành // vành*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		vành									+
1094	7	* *lển*	+		+		+	+		+	
		bước		+		+			+		+
1096	1	* *Đoạn*	+						+		
		Lay		+	+	+	+	+		+	+
1097	4	* *nước*	+						+		
		bọt		+	+	+	+	+		+	+
	5	* *xót*	+		+		+	+	+	+	
		chút		+		+					+
1098	2	* *đường*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		đàn									+
	8	* oanh (< *anh*)	+								
		* *anh*		+	+	+	+	+	+	+	+

"Dám nhờ cốt nhục tử sinh,
"Còn nhiều kết cỏ ngậm vành về sau."
Lặng ngồi ... ... gật đầu:
"Ta đây phải mượn ai đâu mà rằng!
"Nàng đà biết đến ta chăng,
"... trầm luân ... cho bằng mới thôi."
Nàng rằng: "Muôn sự ơn người,
"Thế nào xin quyết một ... cho xong."
Rằng: "Ta có ngựa truy phong,
"Có tên dưới trướng vốn dòng kiện nhi.
"Thừa cơ lén ... ra đi,
"Ba mươi sáu chước chước ... ... hơn?
"Dù khi gió kép mưa đơn,
"Có ta đây cũng chẳng cơn cớ gì!"
Nghe lời nàng đã sinh nghi,
Song đà quá ... quản gì ... thân.
Cũng liều nhắm mắt ... chân,
Mà xem con tạo xoay vần đến đâu.
Cùng nhau lẻn bước ... lầu,
Song song ngựa trước ngựa sau một đoàn.

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1101	3,4	*	*thấm thía*	+	+			+	+		+	
			tẩm ngẩm									+
			thầm ngẫm				+					
			thầm lén							+		
			thẩm tiếng			+						
1104	1	*	*Bể*	+	+		+	+	+	+	+	+
			Nỗi			+						
	4	*	*lấp*	+	+		+	+	+	+	+	+
			rũ			+						
1106	6	*	*bài*	+	+	+		+	+	+	+	+
			lời				+					
1109	4	*	*khẽ // vút*	+								
			bước		+	+	+	+	+	+	+	+
1110	6	*	*gì*		+	+	+	+	+		+	+
			nào	+						+		
	7	*	*lại*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			là									+
1114	4		đỗi									+
		*	đến *// trớn*	+		+		+	+	+	+	
			đất		+		+					
	7	*	*được*	+	+	+		+	+	+	+	+
			đến				+					
1115	5		gieo // rảo	+								
			sẩy				+					
		*	dời (< *đưa*)			+		+	+	+	+	
		*	*đưa*		+							+
1117	5	*	dưới (< *xuống*)	+	+	+	+	+	+	+	+	
		*	*xuống*									+

Đêm thu khắc ... canh tàn,
Gió cây ... lá trăng ngàn ngậm gương.
Lối mòn ... ... sương,
Lòng quê đi một bước đường một đau.
Tiếng gà ... ... gáy mau,
Tiếng người đâu đã mé sau dậy dàng.
Nàng càng thổn thức gan vàng,
Sở khanh đã rẽ dây cương ... nào!
Một mình ... biết làm sao,
Dặm rừng bước thấp bước cao hãi hùng.
Hóa nhi ... có nỡ lòng,
Làm chi giày tía vò hồng lắm nao!
Một ... ... trước sau,
Vuốt đâu ... đất cánh đâu ... trời?
Tú bà tốc thẳng ... ... ,
Hăm hăm áp điệu một hơi lại nhà.
Hung hăng chẳng hỏi chẳng tra,
... tay vùi liễu dập hoa tơi bời.
Thịt da ai cũng là người,
Lòng nào hồng rụng thắm rời chẳng đau.

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1119	4		mãn				+			+	+	
		*	*vợi*	+								+
			lậu		+	+		+	+			
1120	3	*	*trút*	+	+	+		+	+	+	+	+
			lọt				+					
1121	3,4	*	*cỏ lợt*	+		+	+	+	+	+	+	
			lợt lạt // lướt mướt		/+/							/+/
	5	*	*mùi* (màu)	+		+	(+)	+	+	+	+	
			hơi		+							+
1123	3,4	*	*xao xác*	+	+	+		+	+	+	+	+
			eo óc				+					
1126	7	*	*lối*	+	+	+		+	+	+	+	+
			nẻo				+					
1127	3	*	*khôn*	+	+	+		+	+	+	+	+
			không				+					
1129	3	*	*thật // thực*	+		+	+	+	+	+	+	
			thiệt		+							+
1131	2	*	*đoàn*	+		+	+	+	+	+	+	+
			mình		+							
	3,4	*	*đổ đến*	+		+		+	+	+	+	+
		*	đua *đến*				+					
			đo đắn		+							
1132	3,7	*	*xuống ... lên ...*	+		+		+	+		+	
			dưới... trên...		+		+			+		+
1133	5,6	*	*đến nơi*	+			+	+	+	+	+	+
		*	tới *nơi*		+							
		*	*đến* ngay			+						
1136	1		Quá				+					
		*	*Đang*	+	+	+		+	+	+	+	+

Hết lời thú phục khẩn cầu,
Uốn lưng ... đổ ... đầu máu sa.
Rằng: "Tôi ... phận đàn bà,
"Nước non lìa cửa lìa nhà đến đây.
"Bây giờ sống ... ở tay,
"Thân này đã đến thế này ... thôi!
"Nhưng tôi có sá chi tôi,
"Phận tôi đành vậy vốn người ... đâu?
"Thân lươn bao quản lấm đầu,
"... lòng trinh bạch từ ... ."
Được lời mụ mới tuỳ cơ,
Bắt người bảo lĩnh ... tờ cung chiêu.
Bày vai có ả Mã kiều,
Xót nàng ra mới đánh liều chịu đoan.
Mụ càng kể nhặt kể khoan,
... ... đến mực nồng nàn mới tha.
Vực nàng vào nghỉ trong nhà,
Mã kiều lại ... ý ra dặn lời:
"Thôi đà mắc lận thì thôi!
"Đi đâu chẳng biết con người Sở khanh?

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1140	3	* núi (< *thịt*)	+	+	+	+	+	+	+	+	
		* *thịt*									+
	5	* *cất*	/+/	+	/+/		+	+		+	+
		giập				+			+		
1141	3	* *chút*		+	+	+	+	+	+	+	+
		* xót // trót (< *chút*)	+								
1143	4	* *thác*	+	+					+		+
		chết			+	+	+	+		+	
1144	7	* *thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
		cũng		+							
1146	7	* *để*		+		+					+
		* đây (< *để*)	+		+		+	+	+	+	
1148	1	* Xót (<*chút*)			+		+	+	+	+	
		* *Chút*	+	+		+					+
	6	* *sau*	+	+		+			+		+
		lâu			+		+	+		+	
	7,8	* *cũng chửa*	+	+		+	+		+	+	+
		đến giờ			+			+			
1150	5	* *bắt*	+								
		làm		+	+	+	+	+	+	+	+
1154	1,2	Đón rào		+							+
		* *Gạn gùng*	+		+	+	+	+	+	+	
1156	4	ngỏ					+			+	+
		* *hở*	+	+	+	+		+	+		

"... tình nổi tiếng lầu xanh,
"Một tay chôn biết mấy cành phù dung.
"Đà đao ... sẵn chước dùng,
"Lạ gì một cốt một đồng xưa nay.
"Có ba ... lạng trao tay,
"Không dưng ... có ... này ... kia.
"Rồi ra trở mặt tức thì,
"Bớt lời ... chớ ... ... đời."
Nàng rằng: "Thề thốt nặng lời,
"Có đâu mà lại ... ... hiểm sâu."
Còn đương suy trước nghĩ sau,
Mặt mo đã thấy ở đâu dẫn vào.
Sở khanh lên tiếng rêu rao:
... nghe ... có con nào ở đây,
"Phao cho quyến gió rủ mây,
"Hãy xem ... biết mặt này là ai?"
Nàng rằng: "Thôi thế ... thôi,
"Rằng không thì cũng ... ... rằng không."
Sở khanh quát mắng đùng đùng,
... vào vừa rắp thị hùng ra tay.

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1159	1	*	*Bạc*	+	+	/+/			+			+
			Phụ				+	+		+	+	
1161	3		sắp				+					+
		*	*lập*	+	+	+		+	+	+	+	
1163	3	*	trăm (< lăm // *dăm*)	+	+	+	+	+	+	+	+	
			mươi									+
1164	3	*	*chi*	+	+	+		+	+	+	+	+
			sao				+					
	5	*	*chuyện*	+	+		+			+		+
			người			+		+	+		+	
	7	*	*trò*	+	+		+			+		+
			nọ			+		+	+		+	
1166	3	*	*kêu*	+		+	+	+	+	+	+	
			liệu		+							+
	5,6		sân si		+							+
		*	*rầy chi*	+		+		+	+	+	+	
		*	lay *chi*				+					
	7	*	mà (< Mị = *thiệt*)	+		+	+	+	/+/	+	+	
		*	*thiệt*		+							+
1168	5,6	*	*có người*	+						+		
		*	ra *người*		+							+
		*	là *người*			+		+	+		+	
			ra lời				+					
1172	1	*	*Dọ // dò (độ)*	+		+	(+)	+	+	+	+	
			Rằng									+
			Nọ		+							
	3	*	*rằng*	+	+	/+/	+	/+/	/+/	+	+	
			mới									+
1174	3	*	*có*	+		+	+	+	+	+	+	+
			cho		+							
1175	5	*	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
			ấy		+							
1176	5,6	*	*vâng lời*		+	+	+	+	+		+	+
		*	la trời (< *vâng lời*)	+						+		
1178	1	*	*Bước*	+	+	+		+	+	+	+	+
			Sấn				+					

Nàng rằng: "Trời nhẽ có hay!
"Quyến anh rủ yến sự này tại ai?
"... người ... xuống giếng ... ,
"Nói rồi rồi lại ăn lời được ngay!
"Còn tiên *tích việt* ở tay,
"Rõ ràng mặt ấy mặt này chứ ai?"
Lời ... đông mặt trong ngoài,
... ... vô lương.
... tình án đã rõ ràng,
... ... nghỉ mới kiếm đường tháo lui.
... ... riêng những sụt sùi,
Nghĩ thân mà lại ngậm ngùi cho thân.
Tiếc thay trong giá trắng ngần,
Đến phong trần cũng phong trần như ai.
Tẻ vui cũng một kiếp người,
Hồng nhan phải giống ở đời mãi ru!
Kiếp xưa đã vụng đường tu,
Kiếp này chẳng kẻo đền bù mới xuôi.
Dẫu sao bình đã ... ... ,
Lấy thân mà giả nợ đời cho xong.

31B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1181	1 *	*Đem*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Phỉnh									+
	3 *	*dẩy // giẩy*	+		+	+	+	+	+	+	+
		bỏ		+							
	6 *	*thơi*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		khơi									+
1185	2 *	*ngay*	+		+	+	+	+		+	+
		nghe		+					+		
1186	1→6	Kẻ chê bất nghĩa người cười			+	+	+	+		+	+
	*	*Ai ai cũng gớm mặt người*	+	+							
		Ai ai cũng khiếp *mặt người*							+		
1187	1	*Phụ*		+	+	+	+	+	+	+	+
	*	Riêng (< *phụ*)	+								
1188	1,2 *	*Dơ tuồng*	+	+		+			+		+
		Chờ xong			+		+	+		+	
1189	1,2 *	*Buồng riêng*	+	+	+		+	+	+	+	+
		Trách thầm				+					
1197	5,6 *	*vỡ rồi*	+			+			+	+	+
		lỡ rơi // rã rời		+	+		+	+			

Vừa tuần nguyệt sáng gương trong,
Tú bà ... ... thong dong dặn dò:
"Nghề chơi cũng lắm công phu,
"... ... ta phải biết cho đủ điều."
Nàng rằng: " ... gió dập dìu,
"Liều thân ... cũng phải liều thế thôi."
Mụ rằng: "Ai cũng như ai,
"... ... ai ... tiền hoài đến đây?
"Ở trong còn lắm điều hay,
"Nỗi đêm khép mở nỗi ngày riêng chung.
"Này con thuộc lấy làm lòng,
"Vành ngoài bảy chữ vành trong tám nghề.
"Chơi cho liễu chán hoa chê,
"... ... ... (1)
"Khi ... hạnh ... nét ngài,
"Khi ngâm ngợi nguyệt khi cười ... hoa.
"Đều là ... ... nhà,
"Đủ ngần ấy nết mới là ... ... " (2)
... đầu vâng dạy mấy lời,
Dường chau nét nguyệt dường phai ... hồng.

---

(1) A: Cho lăn lóc đá cho mê mẩn đời
B: Đủ điều lịch sự mới mê đặng người

(2) Bản LNP/1870 bỏ 2 câu:
Cúi // cuối đầu vâng dạy mấy lời
Dường chau nét nguyệt, dường phai chiều hồng.

32 A

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1200	3,4	*	*sính // sánh lại*	+								
		*	ghé *lại*		+	+	+	+	/+/	+	+	
			ghé đến									+
1202	1,2	*	*Con người*	+						+		
			Làng chơi		+	+	+	+	+		+	+
1203	3	*	*mưa*	+			+					+
		*	mây (< *mưa*)		+	+		+	+	+	+	
1204	3	*	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
			ấy		+							
1206	1,2	*	*Người ta*	+		+	+	+	+	+	+	
			Bỗng dưng									+
			Không dưng		+							
	4		có (< mất)	+						+		
		*	*mất*		+	+	+	+	+		+	+
1212	1→8	*	*Cho lăn lóc đá... (A)*	+		+	+	+	+	+	+	+
			Đủ điều lịch sự... (B)		+							
1213	2	*	*khóe*		+	/+/		+	+		+	+
		*	nghe (< *khóe*)	(+)			+			+		
	4	*	*khi*	+	+		+			+		+
			lúc			+		+	+		+	
1214	7	*	*cợt*	+	+		+	+		+	+	+
			răn [1]			+			+			
1215	3,4 5	*	*nghề nghiệp trong*	+		+	+	+	+	+	+	+
			đáp thỉnh nghề		+							
1216	7,8	*	*người* chơi				+			+		
		*	*người soi*	+		+		+	+		+	
		*	làng *soi*									+
			tay trong		+							
1217	1	*	*Cúi // cuối*	+	o		+			+	+	
			Gót			+		+	+			+
1218	7	*	*chiều*	+	o							
			vẻ			+	+	+	+	+	+	+

O: Không có hai câu này. (1): cười răn 呡 (1871).

Những nghe nói đã thẹn thùng,
Nước đời lắm nỗi lạ lùng khắt khe!
Xót mình cửa các ... khuê,
... lòng ... lấy những nghề nghiệp hay!
Khéo là mặt dạn mày dày,
Kiếp ... đã đến thế này ... thôi!
Thương thay thân phận lạc loài,
Dẫu sao cũng ở tay người biết sao?
Lầu xanh mới rủ trướng đào,
Càng treo giá ngọc càng cao phẩm người.
Biết bao bướm ... ong ... ,
Cuộc say đầy tháng trận cười ... đêm.
Dập dìu lá gió cành chim,
Sớm đưa Tống ngọc tối tìm ... - khanh.
Khi tỉnh rượu lúc tàn canh,
Giật mình mình lại thương mình xót xa.
Khi sao phong gấm rủ là.
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường.
Mặt sao dày gió dạn sương,
Thân sao bướm chán ong chường bấy thân!

32 B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1221	5 *	*buồng*		+	+		+	+	+	+	+
	*	phòng // *buồng*	+			+					
1222	1 *	*Vỡ*	+	+	+		+	/+/	+	+	+
		Dở				+					
	3 *	*học*	+	+	+	+	+	+		+	+
		lại							+		
1224	2 *	*người*	+		+	+	+	+	+	+	+
		này		+							
	7 *	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
		là		+							
1229	4 *	*lả*	+	+	+		+	+	+	+	+
		rã				+					
	6 *	*lơi*	+	+	+		+	+	+	+	+
		rời				+					
1230	7 *	*suốt* // trót	+	+	+		+	+	+	+	+
		trót				+					
1232	7 *	*Trường*	+		+	+	+	+	+	+	+
		Sở		+							

Mặc người mưa Sở ... Tần,
Những mình nào ... xuân là gì.
Đòi phen gió tựa hoa kề,
Nửa ... ... trăng thâu.
Cảnh nào cảnh chẳng ... sầu,
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ?
Đòi phen nét vẽ câu thơ,
Cung cầm trong nguyệt nước cờ dưới hoa.
Vui là vui gượng kẻo là,
Ai tri âm đó mặn mà với ai?
Thờ ơ gió trúc mưa mai,
Ngẩn ngơ trăm nỗi dùi mài một thân.
Ôm lòng đòi đoạn xa gần,
Chẳng vò mà rối chẳng dần mà đau.
Nhớ ơn chín chữ cao sâu,
Một ngày một ngả bóng dâu tà tà.
Dặm nghìn nước thẳm non xa,
Nghĩ đâu thân phận con ra thế này!
thơ ngây,
Trân cam ai kẻ đỡ thay ... mình?

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1239	5	* *mây*	+		+	+	+	+	+	+	+
		gió		+							
1240	4,5	* *biết có*	+	+	+		+	+	+	+	
		có biết				+					+
1242	2	* *rèm*	+	+	+		+	+	+	+	+
		mành				+					
	3,4	* *tuyết ngậm*	+			+	+		+	+	+
		* *tuyết* lạnh		+							
		mây ngỏ			+			+			
	5,6	* *bốn hè*	+			+			+		+
		* tư *hè*								/+/	
		* *bốn* mùa		+							
		tư mùa			+		+	+			
1243	5	* *đeo*	+		+	+	+	+	+	+	+
		đau		+							
1257	1→4	* *Sân hòe đôi chút*	+		+	+	+	+	+	+	+
		Long đong nhà bạc		+							
1258	7	* *Việc*	+	+		+			+		+
		một			+		+	+		+	

Nhớ lời nguyện ước ... sinh,
Xa xôi ai có ... tình chăng ai?
Khi về hỏi liễu Chương – đài
Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay.
Tình sâu mong giả nghĩa dày,
Hoa kia đã chắp ... này cho chưa?
Mối tình đòi đoạn vò tơ,
Giấc hương quan luống ... mơ canh dài.
Song ... vò võ phương trời,
Nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng.
Lần lần thỏ bạc ác vàng,
Xót người trong hội Đoạn trường đòi cơn.
Đã cho lấy ... hồng nhan,
Làm ... cho hại cho tàn cho cân.
Đã đày vào kiếp phong trần,
Sao cho ... nhục một lần mới thôi.
Khách du bỗng có một người,
Kỳ - tâm họ Thúc cũng ... thư hương.
Vốn người huyện Tích châu Thường,
Theo nghiêm ... mở ngôi hàng Lâm – tri.

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1259	5	*	*ba*		+	+	+	+	+	+	+	+
		*	tam // *ba*	+								
1260	5	*	*biết*	+		+	+	+	+	+	+	+
			thấu		+							
1264	5	*	*cây*	+		+	+	+	+	+	+	
			cội		+							+
1266	5	*	*những*	+			+			+		
			lần		+	+		+	+		+	+
1267	2	*	*sa*	+		+	+	+	+	+	+	+
			the		+							
1271	4	*	*chữ*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			kiếp									+
1272	2	*	*cho*	+		+	+	+	+	+	+	+
			sao		+							
1274	3	*	*sĩ*		+	+	+	+	+	+	+	+
			xuyết //nuốt	+								
1276	6	*	*loài // nòi*	+			+	+		+	+	
			nòi		+							+
			dòng			+			+			
1278	3	*	*thân*	+			+			+		
			đường		+	+		+	+		+	+

Hoa khôi mộ tiếng Kiều nhi,
Thiếp hồng tìm đến hương khuê gởi vào.
Trướng tô giáp mặt hoa đào,
Vẻ nào chẳng mặn nét nào chẳng ưa.
Hải – đường mởn mởn cành tơ,
... xuân càng gió càng mưa càng nồng.
Nguyệt hoa hoa nguyệt não nùng,
Đêm xuân ai dễ cầm lòng được chăng!
Lạ gì thanh khí nhẽ hằng
Một dây ... buộc ai giằng cho ra.
Sớm đào tối mận lân la,
Trước còn trăng gió sau ra đá vàng.
Dịp ... may mắn lạ dường.
Lại vừa gặp khoảng ... đường ... quê.
Sinh càng một tỉnh mười mê,
Ngày xuân lắm lúc ... về với xuân.
Khi gió gác khi trăng sân,
Bầu tiên ... rượu câu thần nối thơ.
Khi ... sớm khi ... trưa,
Bàn ... ... nước đường tơ hòa đàn.

34 A

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1284	1	* *Ngày*	+		+	+	+	+	+	+	
		Chiều		+							+
1288	3	* *một*	+		+		+	+		+	+
		đã		+		+			+		
1291	2	* *sao*	+								
		đâu		+	+	+	+	+	+	+	+
1292	5	* *nghiêm*	+						+		
		xuân		+	+	+	+	+		+	+
	7	* *lại*	+	+	+		+	+		+	+
		về				+			+		
1294	5	* *quên*	+	+		+			+		+
		đi			+		+	+		+	
1296	3	chuốc				+			+		+
		* *dốc*	+	+							
		rót			+		+	+		+	
1297	5	* hương (< *sương*)... *mây*	+		+	+	+	+	+	+	
		hương................ trà		+							+
1298	2	* *vây*	+			+	+		+	+	+
		cờ		+							
		trà			+			+			
	3	điểm		+	+		+	+	+	+	+
		* *lừa*	+								
		đếm				+					

... ... trong cuộc truy hoan,
Càng quen thuộc nết càng dan díu tình.
Lạ cho cái sóng khuynh thành,
Làm cho đổ quán xiêu đình như chơi.
Thúc sinh quen ... bốc rời,
Trăm nghìn đổ một trận cười như không.
Mụ càng tô lục chuốt hồng,
Máu tham ... thấy hơi đồng ... mê.
Dưới trăng quyên đã gọi hè,
Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông.
... ... phải buổi thong dong,
Thang ... ... bức trướng hồng ... hoa.
Rõ ... trong ngọc trắng ngà,
Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên.
Sinh càng tỏ nét càng khen,
... tình tay thảo một thiên luật Đường.
Nàng rằng: “Vâng biết ... chàng,
“Lời lời châu ... hàng hàng gấm thêu.
“Hay hèn nhẽ cũng nối điêu,
“Nỗi ... ... một ... điều ngang ngang.

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1299	1,2		Miệt mài		+	+		+	+		+	
		*	*Mệt mờ* (Mập mờ)	/+/			(+)			(+)		
		*	*Mệt* mê									+
1303	4	*	*nết*	/+/	+	+	+	+	+	+		+
			thói								+	
1306	3		hễ		+	+	+	+	+	+	+	
		*	*ngửi*	+								+
	7	*	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
			phải		+							
1309	1,2		*Buồng* là							+		
		*	Phòng la // *Buồng the*	+			+					
		*	*Buồng the*		+	+		/+/	+		+	+
1310	2		hương	+			+			+		
		*	*lan*		+	+		+	+		+	+
	3	*	*rủ*	/+/	+	+		+	+		+	+
			nâng				+			+		
	7		sạch	+			+			+		
		*	*tẩm // tắm*		+	+		+	+		+	+
1311	2	*	*ràng*	+			+			+		
			màu		+	+		+	+		+	+
1314	1	*	*Ngu*	+	+			+		+		+
			Tả			+	+		+		+	
1315	5	*	*lòng*	+	+	+		+	+			+
			ý				+			+	+	
1316	4	*	*ngọc*	+	+		+			+		+
			nguyệt			+		+	+		+	
1318	2	*	*quê*	/+/	+	+		+	+		+	+
			sinh				+			+		
	3	*	*nghĩ*	+		+	+	+	+	+	+	
			dở		+							+
	5	*	*hai*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			vài									+

“Lòng còn gởi ... mây ... ,
... ... xin hãy chịu chàng hôm nay.”
Rằng: “Sao ... lạ lùng thay!
“Cành kia chẳng phải cỗi này mà ra?”
Nàng càng ... ... thu ba,
Đoạn trường ... ấy ... mà buồn tênh:
“Thiếp như hoa đã lìa cành,
“Chàng như con bướm ... vành ... chơi.
“Chúa xuân đành đã có nơi,
“Vấn ngày thôi chớ dài lời làm chi!”
Sinh rằng: “Từ thủa tương tri,
“Tấm riêng riêng những nặng vì nước non.
“Trăm năm tính cuộc vuông tròn,
“Phải dò cho đến ngọn nguồn ... sông.”
Nàng rằng: “Muôn đội ơn lòng,
... e bên thú bên tòng dễ đâu.
“Bình - khang ... ná bấy lâu,
“Yêu hoa yêu được một màu điểm trang.
“Rồi ra ... phấn ... hương,
“Lòng kia giữ được thường thường ... chăng?

35 A

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1319	4,6	*	đám... *vàng*				+					
		*	*áng... vàng*	+	+	+		+	+	+	+	
		*	*áng* ... Hàng									+
1320	1,2		Bấn ngòi	+								
		*	*Họa vần*		+	+	+	+	+	+	+	+
1321	3	*	*nói*	+			+	+		+	+	+
			có		+	+			/+/			
1323	3,4	*	*tủi dột* // giọt	+				+			+	
		*	*tủi* xót			+			+			
		*	ủ *dột // giọt*				+			+		
			tuôn giọt		+							+
1324	3	*	*lúc*			+	+	+	+	+	+	+
		?	lục	+	+							
	5		nghĩ				+	+		+	+	
		*	*dở*	+	+	+			+			+
1326	5	*	lả // lạ // *lựa*	+								
			liệng		+	+	+	+	+	+	+	+
	7	*	*mà*	+		+		+	+	+	+	
			chút		+		+					+
1332	7		lạch		+	+	+	+	+	+	+	+
		*	*ngác*	/+/								
1334	1	*	Xót (< *chút*)	+								
		*	*Chút*		+	+	+	+	+	+	+	+
1335	3	*	*nấn*	/+/	+	+		+	+		+	+
			áng				+			+		
1337	3		lạt				+					+
		*	rã, rữa, *rửa*, (lở)	+	(+)	(+)		+	+	+	+	
	5	*	xao // *lau*	+								
			phai		+	+	+	+	+	+	+	+
1338	7		thế		+							+
		*	*mãi*	+			+	+		+	+	
			là			+			+			

"Vả trong thềm quế cung trăng,
"Chủ trương đành đã chị ... ở trong.
... ... khăng khít ... đồng,
"Thêm người ... cũng chia lòng riêng tây.
"... chi chút phận bèo mây,
"Làm cho bể ái khi đầy khi vơi.
"Trăm điều ngang ngửa vì tôi,
"Thân sau ai chịu tội trời ấy cho?
"Như chàng có vững tay co,
"Mười phần cũng đắp điếm cho một ...
"Thế trong dù lớn hơn ngoài,
"Trước hàm sư tử gởi người đằng la.
"Cúi đầu luồn ... mái nhà,
"... ... lại tội bằng ba lửa ... .
"Ở trên còn có nhà thung,
"... trên trông xuống ... ... có thương?
"Sá chi liễu ngõ hoa tường,
"Lầu xanh lại bỏ ... phường lầu xanh.
"Lại càng ... dáng dại hình,
"Đành thân phận thiếp ... danh giá chàng.

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1340	6		Thường			+			+	+		
		*	*Hằng*	+	+		+	+			+	+
1341	1,2	*	*Bấy lâu*	+	+			+		+	+	+
		*	*Bấy* giờ			+	+		+			
	5	*	*dải*	+		+	+	+	+	+	+	+
			chữ		+							
1342	3	*	*người*	+		+	+	+	+	+	+	+
			ắt		+							
1343	1	*	*Vĩ* (= sá, quản)	+		+	+	+	+	+	+	
			Vẻ		+							+
1348	8	*	*vài*	+	+	+	+			+	+	+
			bài					+	+			
1351	4	*	*dưới*	+	+							
			xuống			+	+	+	+	+	+	+
1352	1,2	*	*Dấm chua*	+	+	+		+	+		+	+
			Dấu mùi				+			+		
	8	*	*nồng*	+	+	+		+	+		+	+
			hừng				+			+		
1354	1-5 6	*	*Lòng ... biết lòng*	+	+	+		+	+	+	+	
			Biết... phỏng chừng				+					
		*	Lượng ... *biết lòng*									+
1356	5	*	*ra*	+	+	+	+			+	+	+
			la ⿰口罢					+	+			
1357	3		ứ		+							
		*	*nhơ // dơ*	+		+	+	+	+	+	+	
		*	*dơ*									+
1358	5		ngại					+			+	+
		*	*nghĩ*	+	+	+	+		+	+		

"Thương sao cho vẹn thì thương,
"Tính sao cho trọn mọi đường ... vâng."
Sinh rằng: "Hay nói dè chừng,
"Lòng đây lòng ... chưa từng hay sao?
"Đường ... chớ ngại Ngô Lào,
"Trăm điều hãy cứ trông vào một ta.
"Đã gần chi có điều xa,
"Đá vàng ... quyết phong ba cũng liều."
Cùng nhau căn vặn đến điều,
Chỉ non thề bể nặng gieo ... lời.
Nỉ non đêm vắn tình dài,
Ngoài hiên thỏ đã non đoài ngậm gương.
Mượn điều trúc viện thừa lương,
Rước về hãy tạm giấu nàng một nơi.
Chiến hòa sắp sẵn hai bài,
Cậy tay thầy thợ mượn người dò la.
Bắn tin đến ... Tú bà,
Thua cơ mụ cũng cầu hòa dám sao!
Rõ ràng của dẫn tay trao,
... ... một thiếp thân vào cửa công.

36 A

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1360	7	* *thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
		xin		+							
1362	4	* *đấy*	+		+	+	+	+	+	+	+
		đó		+							
1363	2	* *xa*	+			+			+		+
		dài		+	+		+	+		+	
1366	3	* *cũng*	+		+	+	+	+	+	+	
		đã		+							+
1368	7	* *đến*	+		+	+	+	+	+	+	+
		hết		+							
1375	4	* *mặt*	+	+	+	+		+	+	+	+
		tay					+				
1378	1,2	* *Hoàn lương*		+							+
		* *Hoàn* nguyên			+		+	+		+	
		Cung di							+		
		Lịch dời	+								
		* Tòng *lương*				+					

Công ... hai lễ đều xong,
Gót tiên ... đã thoát vòng trần ai
Một nhà sum họp trúc mai,
Càng sâu nghĩa bể càng dài tình sông.
Hương càng ... lửa càng nồng,
Càng sôi vẻ ... càng lồng màu sen.

Nửa năm hơi tiếng vừa quen,
Sân ngô cành biếc đã chen lá vàng.
... thu ... nảy ... sương,
... ... đã thấy xuân đường đến nơi.
Phong lôi nổi trận bời bời,
... lòng ... tính bài phân chia.
Quyết ... ... một bề,
Dạy ... má phấn lại về lầu xanh.
Thấy lời nghiêm huấn rành rành,
Đánh liều sinh mới lấy tình nài kêu.
Rằng: "Con biết tội đã nhiều,
"Dẫu ... sấm sét búa rìu cũng cam.
"... vì tay đã giúng chàm,
"Dại rồi còn biết khôn làm sao đây!

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1379	2 *	*tư*		+	+		+	+		+	+
	*	riêng (< *tư*)	+								
		xem				+			+		
1380	3 *	*trót* (= trọn vẹn)	+								
		phút		+	+	+	+	+	+	+	+
1383	3 *	*sóng*	+								
		đượm		+	+	+	+	+	+	+	+
1384	4 *	*nguyệt*	+	+					+		
		ngọc			+	+	+	+		+	+
1387	1 *	Hè (< *Giậu*)	+								
	*	*Giậu*			+		+	+		+	+
		Cành		+							
		Mận				+			+		
	3 *	*vừa*	+		+	+	+	+	+	+	+
		mới		+							
	5 *	*giò*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		chồi									+
1388	1,2 *	*Xe bồ*	+			+			+		
		Gối yên		+	+		+	+		+	+
1390	1 *	*Sốt*	+			+			+		
		Nặng		+	+		+	+		+	+
	3,4	e ấp		+	+	+	+	+	+	+	+
	*	*ơi hỡi* // e hãy	+								
1391	2	nghe			+		+	+		+	
	*	*ngay*	+	+		+			+		+
	3,4 *	*biện bạch*	+		/+/	+	+	+	+	+	+
		tẳn hẳn		+							
1392	2 *	*cho*	+		+	+	+	+	+	+	+
		rằng		+							
1396	2 *	*rằng*	+		+	+	+	+	+	+	+
		là		+							
1397	1 *	Xót // *trót* (= lỡ) 㤕	+		+		+	+	+	+	
		Chót // *trót* 捽 啐		+		+					+

"Cùng nhau vả tiếng một ngày,
”Ôm cầm ai nỡ dứt dây cho đành.
"Lượng trên ... chẳng thương tình,
"... ... thôi có tiếc mình làm chi!"
Thấy lời ... đá tri tri,
Sốt gan ông mới ... cửa công.
Đất bằng nổi sóng đùng dùng,
Phủ đường sai lá phiếu hồng thôi tra.
Cùng nhau theo gót sai nha,
Song song vào trước sân hoa ... quì.
Trông lên mặt sắt đen sì,
Lập ... trước ... ra uy nặng lời:
"Gã kia dại nết chơi bời,
"Mà con người ... ... người đong đưa!
"Tuồng chi hoa thải hương thừa,
"Mượn màu son phấn đánh lừa con đen.
"Suy trong tình trạng nguyên đơn,
"Bề nào thì cũng chưa ... bề nào.
"Phép công chiếu án luận vào,
"Có hai đường ... muốn sao mặc mình:

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1401	3	* *quyết*	/+/	+	+	+	+	+	+	+	
		dầu									+
1402	1,2	* *Bạc đen*	+		+	+	+	+	+	+	+
		Phụ lòng		+							
1403	3	* *vàng*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		sắt									+
1404	5,6	* *cáo* tì	+		+			+			
		* *cáo quì*				+	+		+	+	
		* thân *quì*		+							+
1408	7	* *lạy*	+		+	+	+	+	+	+	
		điếu		+							+
1410	2	* *uy*	+			/+/			+		
		nghiêm		+	+		+	+		+	+
	4	* *đã*	+			+			/+/		+
		hãy		+	+		+	+		+	
1412	4,5	* *ấy là*	+	+		+			+		
		* thế *là*			+		+	+		+	
		thế ra									+
1416	6	xong		+							
		* *yên*	+		+	+	+	+	+	+	+
1418	4	đó		+							
		* *ấy // ý*	+		+	+	+	+	+	+	+

"Một là cứ phép gia hình,
"... là lại cứ lầu xanh phó về."
Nàng rằng: "Đã quyết một bề,
"Dện này vương lấy tơ kia mấy lần!
"Đục trong thân cũng là thân,
"Yếu thơ vâng chịu trước sân lôi đình."
Dạy rằng cứ phép gia hình!
Ba cây ... ... một cành mẫu đơn.
Phận đành chi dám kêu oan,
Đào ... ... má liễu tan tác mày.
Một sân lầm cát đã đầy,
Gương lờ nước thủy mai gầy vóc sương.
Nghĩ tình chàng Thúc mà thương,
Nẻo xa trông thấy lòng càng xót xa.
Khóc rằng: "Oan ... vì ta,
"... nghe ... trước ... ... sau.
"... lòng chẳng ... nghĩ sâu,
"Để ai trăng tủi hoa sầu vì ai?"
Phủ đường nghe thoảng vào tai,
Động lòng lại gạn đến lời riêng tây.

37 B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1420	1 *	*Một*	+		+	+	+	+	+		+
		Hai		+						/+/	
1426	3,4 *	*chặt (//chẹt) lại*	+		+	+	+	+	+	+	
		đóng chặt		+							+
1428	2,3 *	*hoen quẹn*	+		+		+	+	+	+	
		nhăn nhíu									+
		xơ xác		+							
		giun cuốn				+					
1433	4 *	*khốc*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		khổ									+
1434	1	Phải		+							
	*	*Có*	+		+	+	+	+	+	+	+
	3 *	mình (< *trọn*)	+		+	+	+	+	+	+	
		lời		+							+
	5,6 *	*chả đà*	+		+	+	+	+	+	+	
	*	chẳng *đà*									+
		dễ mà		+							
	7 *	*kẻo* (= tránh khỏi)	+								
		lụy (/lệ/)		+	/+/			/+/			+
		khỏi				+			+	+	
		hối					/+/				
1435	1 *	*Cạn*	+	+	+	+	+	+	+		+
		Nông								+	
	4 *	*biết*	+	+		+	+		+	+	+
		mấy			+			+			

Sụt sùi chàng mới thưa ngay,
Đầu đuôi ... ... ngày cầu thân:
"Nàng đã tính hết xa gần,
"Từ xưa nàng đã biết thân có rày.
"... tôi ... lấy một ... ,
"Để nàng cho đến nỗi này vì tôi."
Nghe lời nói cũng thương lời,
Dẹp uy mới dạy ... bài giải vi.
Rằng: "như hẳn có thế ... ,
"Trăng hoa ... cũng thị phi biết điều."
Sinh rằng: " ... phận bọt bèo,
"Theo đòi ... ... ít nhiều bút nghiên."
Cười rằng: "Đã thế thì nên,
"Mộc già hãy thử một thiên trình nghề."
Nàng vâng cất bút tay đề,
Tiên hoa trình trước án phê xem tường.
Khen rằng: "Giá ... Thịnh Đường,
"Tài này sắc ấy nghìn vàng chưa cân.
"... là tài tử giai nhân,
"Châu Trần ... có Châu Trần nào hơn!

38 A

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1440	3,4 *	*kể sự*			+		+	+		+	
	*	*kể lại*									+
	*	lại kể (< *kể lại*)	+	+		+			+		
	5 *	*sự*	+	+		+			+		+
		ngày			+		+	+		+	
1443	1 *	*Tại*	+	+	+	+		+	+	+	+
		Kìa					+				
	3... 6 *	xứng (< *hứng*)... *tay*		+	+	+	+	+	+	+	
	*	xứng (< *hứng*)... tôi	+								
	*	hứng ... *tay*									+
1446	5	cho					+			+	
	*	*mở*	+	+	+	+		+	+		+
1447	6 *	*thì*	+		+	+	+	+		+	+
		ni		+					+		
1448	3 *	*nhưng*	+						+		
		song		+	+	+	+	+		+	+
1449	3 *	xót (< *chút*)	+								
	*	*chút*		+	+	+	+	+	+	+	+
1450	3,4 *	*cũng vả*	+		+	+	+	+	+	+	
		vả cũng		+							+
1455	4 *	*lạt // (lướt)*	+	+	+	(+)		+	+		
		đáng					+			+	
		rợp // lợp									+
1457	1 *	*Thực // (Thật)*	+		+	(+)	+	+	+	+	+
		Thiệt		+							
1458	3 *	*nào*	+						+		
		còn				+	+			+	
		lại		+							+
		con			+			+			

"Thôi đừng ... dữ ... hờn,
"Làm chi lỡ ... cho đàn ngang cung.
"Đã đưa đến trước cửa công,
"... ... là ... song trong là tình.
"Dâu con trong đạo gia đình,
"Thôi thì dẹp nỗi bất bình là xong."
... ... sắm sửa lễ công,
Kiệu hoa ... gió đuốc hồng ... sao.
Bày hàng cổ ... xôn xao,
Song song đưa tới trướng đào sánh đôi.
Thương vì ... trọng vì tài,
Thúc ông thôi cũng dẹp lời phong ba.
Huệ ... sực nức một nhà,
Từng cay đắng lại mặn mà hơn xưa.

Mảng vui rượu sớm ... trưa,
Đào đà ... thắm sen vừa nảy xanh.
Trướng hồ vắng vẻ đêm thanh,
E tình nàng mới bày tình riêng chung:
"Phận bồ từ vẹn chữ tòng,
"Đổi thay nhạn ... đã ... đầy niên.

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1459	3	*	*chác*	+			+					
			rước		+	+		+	/+/	+	+	+
	5	*	*mua*	+			+			+		
			cưu		+	+		+	/+/		+	+
1460	4	*	*nhịp*	+	+	+		+	+		+	+
			bậc				+			+		
1462	1,2	*	*Ngoài thì*	+		+	+	+	+	+	+	
			Dẫu ngoài		+							+
	4	*	*nhẽ*	+		+		+	+		+	
			lí				+			+		
			phép		+							+
1465	1,2	*	*Kíp // kịp thì // thời*	+								
		*	*Kíp* truyền		+	+	+	+	+	+	+	+
1466	3		cất			+		+	+		+	
			chen									+
		*	tinh (< *sánh*)	+						+		
			lướt				+					
		*	*sánh*		+							
	7	*	*điểm*	+	+		+			+		+
			ruổi			+		+	+		+	
1467	4	*	*vũ*	+		+		+	+	+	+	
			xúy									+
			nhạc		+		+					
1469	3	*	*nết*	+	+		+			+		+
			hạnh			+		+	+		+	
1471	2		hương	+	+	+		+	+		+	
		*	*lan*				+			+		+
1473	5	*	*cờ*	+		+	+	+	+	+	+	
			trà		+							+
1474	3	*	*bay*	+			+			+		
			phai		+	+		+	+		+	+
1478	4	*	cá (< *yến*)	+		+	+	+	+	+	+	
		*	*yến*		+							+
	6	*	*cùng*	+		+		+	+	+	+	
			hồng		+		+					+

"Tin nhà ngày một ... tin,
"Mặn tình cát lũy lạt ... tao khang.
"Nghĩ ra thật cũng nên dường,
"Tăm hơi ai ... giữ giàng cho ta?
"Trộm nghe kẻ ... trong nhà,
"... ... khuôn phép nói ra mối giường.
"E thay những dạ phi thường,
"Dễ dò rốn bể khôn lường ... sông!
"Mà ta suốt một năm ròng,
"Thế nào cũng chẳng giấu ... được nào.
"... ... chưa tỏ ... hao,
"Hoặc là trong có làm sao chăng là?
"Xin chàng ... ... lại nhà,
"Trước ... đẹp ý sau ta biết tình.
"... ... giữ mực giấu quanh,
"Rày lần mai lữa như hình chưa thông."
Nghe lời khuyên ... thong dong,
mới quyết ... hồi trang.
Rạng ra ... ... xuân ... ,
Thúc ông cũng vội giục chàng ninh gia.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1479	5 *	*thầm* (= kín)	+			+			+		
		vắng		+	+		+	+		+	+
1480	6 *	*tình*	+	+	+		+	+	+	+	
		nguyền									+
		nền				+					

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1482	4	*	*kẻ*	+			+			+		
			dễ		+	+		+	+		+	+
1483	4	*	*lớn*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			cả									+
1484	1,2	*	*Ở vào*	+			+	+		+	+	+
		*	*Ở* trong			+			+			
			Vào trong		+							
1486	7		đáy		+	+	+	+	+	+	+	+
		*	*bụng*	+								
1488	6	*	*giung*	+			+					
			xong		+	+		+	+	+	+	+
1489	1,2	*	*Bây giờ*	+			+			+		
			Bấy chầy		+	+		+	+		+	+
	5		âm							+		+
		*	*tiêu*	+	+	+	+	+	+		+	
1491	3,4	*	*liệu kíp*	+	+	+		+	+	+	+	
			kíp liệu				+					+
1492	2	*	*người*		+							+
		*	là (< *người*)	+		+	+	+	+	+	+	
1493	1,2	*	*Đêm ngày*	+		+	+	+	+	+	+	
			Ví bằng		+							+
1495	4	*	*dỗ*	+						+		
			nhủ		+	+	+	+	+		+	+
1496	1,2	*	Định (// *Đành*) *lòng*	+		+		+		+	+	
		*	*Đành lòng*		+							+
			Định tình				+		+			
	3	*	*sinh*	+		+	+	+	+	+	+	
			chàng		+							+
	6	*	*lòng*		+		+	+			+	+
			tình (< *lòng*)	+		+			+	+		
1497	3,4	*	*gửi đến*	+		+	+	+	+	+	+	+
			đến gửi		+							
	6	*	*đường*	+	+		+	+		+	+	+
			đài			+			+			

Tiễn đưa một chén quan hà,
Xuân – đình thoắt đã ... ra Cao – đình.
... ... một dải ... xanh,
Loi thoi bờ liễu mấy cành Dương – quan.
Cầm tay dài ... ... than,
Chia phôi ... chén hợp tan nghẹn lời.
Nàng rằng: "Non nước xa khơi,
"Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm.
"Dễ ... ... kim,
"Làm chi bưng ... bắt chim khó lòng!
"Đôi ta chút nghĩa ... bồng,
"Đến nhà trước liệu nói ... cho minh.
"Dù khi ... gió bất ... ,
"... ... ... tôi đành phận tôi.
"Hơn điều giấu ngược giấu xuôi,
"Lại mang những ... tầy trời đến sau.
"Thương nhau xin nhớ lời nhau,
"Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy.
"Chén đưa nhớ bữa ... nay,
"Chén mừng xin đợi ... này năm sau."

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1500	5 *	*dạo ra*	+			+			+		+
	*	dọn *ra*		+	+		+	+			
	*	đưa *ra*								+	

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1501	1,2	*	*Sông Tần*	+		+	+	+	+	+	+	+
			Tần Hoài		+							
	5	*	*xanh*	+		+	+	+	+	+	+	
			trong		+							+
1503	4,5	*	*thở vắn*	+			+			+		
			vắn thở		+	+		+	+		+	+
1504	3	*	*ngừng*		+	+	+		+	+		+
		*	ngại // *ngừng*	+				+			+	
1507	2 → 5	*	*lòa yếm thắm trôn*	+	+	+		+	+		+	
		*	lòn chỉ *thắm trôn*				+			+		
			mà ép xẩm luồn									+
1508	4	*	*mắt*		+	+	+	+	+		+	+
		*	mặt (< *mắt*)	+						+		
1509	5	*	*đèo*	+	+		+	?		+		+
			bèo			+			+		+	
1510	6	*	*sòng*	+		+	+	+	+	+	+	+
			cùng		+							
1511	3	*	*mưa*	+		+	+	+	+	+	+	
			sóng		+							+
	6	*	*bình*	+	+		+			+		
			tình			+		+	+		+	+
1512	1	*	*Lớn*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			Cả									+
	2	*	*đành*	+						+		
			ra		+	+	+	+	+		+	+
	3,4		uy cả									+
		*	phận *lớn*					+			+	
		*	*uy lớn*	+	+	+	+		+	+		
1514	4	*	*việc*	+		+	+	+	+	+	+	+
			tiếng		+							
1517	5	*	*đêm* (> lần) nay	/+/								
			hôm nay		+	+	+	+	+	+	+	+
1518	5	*	*đêm* này	+		+		+	+	+	+	
			bữa này		+		+					+

Người lên ngựa kẻ chia bâu,
Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san.
Dặm hồng bụi cuốn chinh an,
Trông người đã khuất mấy ngàn ... xanh.
Người về chiếc bóng năm canh,
Kẻ đi muôn dặm một mình ... .
Vừng trăng ai sẻ làm đôi?
Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường!

Kể chi những ... dọc đường,
... trong ... nỗi chủ trương ở nhà.
Vốn dòng họ Hoạn danh gia,
Con quan Lại bộ ... là Hoạn thư.
Duyên Đằng ... ... gió đưa,
Cùng chàng kết tóc xe tơ những ngày.
Ở ăn thì nết cũng hay,
Nói điều ... buộc ... tay cũng già.
Từ nghe vườn mới thêm hoa,
Miệng người đã lắm tin nhà ... không.
Lửa ... càng dập càng nồng,
... người đen bạc ra lòng trăng hoa.

40 A

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1522	7	*	*cây*	+			+			+		
			dâu		+	+		+	+		+	+
1524	7,8	*	*pha phôi*	+			+			+		
			xa xôi		+	+		+	+		+	+
1527	4	*	*nỗi*	+		+	+	+	+	+	+	
			sự		+							+
1528	1	*	*Buồng*	+	+	+		+	+	+	+	+
			Phòng				+					
	3	*	*này*		+	+		+	+		+	+
		?	lại (< *này*)	+			+			+		
1530	5		tên		+	+	+	+	+		+	+
		*	*gọi*	+						+		
1531	3,4	*	*thuận nẻo*	+		+	+	+	+	+	+	
			sớm thuận		+							+
1534	3	*	*ràng* buộc	/+/			+			+		
			trói buộc		+							
			giàm buộc			+		+	+		+	+
	5	*	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
			là		+							
1536	7	*	*thì*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			còn									+
1537	2	*	*tâm*	+		+	+	+	+	+	+	+
			lòng		+							
1538	1		Trách		+	+	+	+	+			+
		*	*Giận*	+						+	+	

Ví bằng thú thật cùng ta,
... dung kẻ dưới mới là ... trên.
Dại chi chẳng giữ lấy nền,
Tốt chi mà ... tiếng ghen vào mình?
Lại còn bưng bít giấu quanh,
Làm chi những thói trẻ ranh nực cười!
... rằng cách mặt khuất lời,
... ... ta ta cũng liệu bài giấu cho!
Lo gì việc ấy mà lo,
Kiến trong miệng chén ... bò đi đâu?
Làm cho nhìn chẳng được nhau,
Làm cho đày đọa cất đầu chẳng lên.
Làm cho trông thấy nhãn tiền,
Cho người thăm ván bán thuyền biết tay.
... lòng kín chẳng ai hay,
Ngoài tai để mặc gió bay mé ngoài.
Tuần sau bỗng ... hai người,
Mách tin ... cũng ... bài tân công.
Tiểu thư nổi giận đùng đùng:
"Gớm ... thêu dệt ra lòng trêu ngươi!

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1540	1 *	*Cũng (cùng)*	+		(+)	+	(+)	(+)	+	+	(+)
		Có		+							
	7 *	*đường // đàng, đằng*	+			+			+		
		người									+
		lượng			+		+	+		+	
		bậc		+							
1542	4 *	*chác*	+			+	+				+
		rước		+	+			+	+	+	
1545	1 *	*Tính*	+		+	+	+	+	+	+	+
		Những		+							
1546	1 *	*Giấu*	+	+	+		+	+	+	+	+
		Dối				+					
1548	5 *	*có*	+			+			+		
		lại		+	+		+	+		+	+
1553	1 *	*Trong*	+			+			+		
		Nỗi		+	/+/		+	/+/		+	+
1555	4 *	*có*	+	+					+		+
		thấy			+	+	+	+		+	
1556	3 *	*ý // (ấy)*	+		(+)	+	+	(+)	+	+	
		rắp		+							+
	5 *	*liệu*	+		+	+	+	+	+	+	+
		toan		+							
1558	2	tay		+	+		+	+	+	+	+
	*	*thay // (hay)*	+			+					

"... ... nào phải như ai,
"Điều này hẳn ... những người thị phi!"
... ... ra uy,
... vả miệng ... ... bẻ răng.
Trong ngoài kín mít như bưng,
Nào ai còn dám nói năng một lời!
Buồng ... khuya sớm thảnh thơi,
Ra vào một mực nói cười như không.
Đêm ngày lòng những dặn lòng,
Sinh đà về đến lầu hồng ... yên.
Lời tan hợp nỗi hàn huyên,
Chữ tình càng mặn chữ duyên càng nồng.
Tẩy trần vui chén thong dong,
Nỗi lòng ai ở trong lòng mà ra?
Chàng về xem ý tứ nhà,
Sự ... cũng rắp lân la giãi bày.
Mấy phen cười ... ... say,
Tóc tơ ... động mảy may sự tình.
Nghĩ ... bưng kín miệng bình,
Nào ai có khảo mà mình ... xưng!

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1559	1,2	*	*Lang quân*	+			+			+		
			Chồng tao		+	+		+	+		+	+
1560	4	*	*bởi*	+			+			+		
			miệng		+	+		+	+		+	+
1561	1,2	*	*Vội vàng*	+		+	+	+	+	+	+	+
			Chưng lưng 徵凌		+							
	3,4	*	*làm dữ*	+	+		+			+		+
			xuống lệnh			+		+	+		+	
1562	1,2	*	*Đứa thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
			Thằng đồng		+							
	5,6	*	đứa *thì*			+	+	+	+	+	+	+
		*	*gã thì*	+								
		*	con tì		+							
1565	2	*	*thêu*	+	+		+			+		+
			đào			+		+	+		+	
1568	7	*	*xuống*		+		+			+		+
		*	dưới (< *xuống*)	+		+		+	+		+	
1574	2	*	*mình*	+		+	+	+	+	+	+	+
			lòng		+							
1575	4,5	*	*tỉnh nói*	+	+		+			+		+
			nói tỉnh			+		+	+		+	
1576	3		bất			+		+	+		+	+
		*	*chẳng*	+	+		+			+		
1577	2	*	*là*	+						+		
			đà		+	+	+	+	+		+	+
1578	7	*	*đã*	+	+					+		+
			lại			+	+	+	+		+	

Những là e ấp dùng dằng,
Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi.
Có khi vui chuyện mua cười,
Tiểu thư lại giở những ... đâu đâu.
Rằng: "Trong ngọc đá vàng thau,
"Mười phần ta đã tin nhau cả mười.
"... cho những miệng dông dài,
"Bướm ong lại đặt những ... nọ kia.
"Thiếp dù vụng chẳng hay suy,
"Đã dơ bụng nghĩ lại bia miệng cười."
Thấy lời thủng thỉnh như chơi,
Thuận lời chàng cũng nói xuôi đỡ đòn.
Những là cười phấn cợt son,
Đèn khuya ... bóng trăng tròn sánh vai.
... ... bén mùi,
Giếng vàng đã ... một vài ... ngô.
Chạnh niềm nhớ cảnh giang hồ,
Một ... quan tái mấy mùa gió trăng.
Tình riêng chưa dám ... răng,
Tiểu thư trước đã liệu chừng nhủ qua:

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1582	6	*	*lời*		+							+
		*	điều (< *lời*)	+		+	+	+	+	+	+	
1585	1		Gớm									+
			Hỏi						+			
		*	*Khen*	+	+	+	+	+		+	+	
1586	6	*	*lời*		+	+	+	+	+		+	+
		*	điều(< *lời*)	+						+		
1592	3	*	*chung*	+	+							+
			chong			+	+	+	+	+	+	
1593	1	*	*Non*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			Thú									+
	2	*	xuân (< *quê*)	+			+			+		
		*	*quê*		+	+		+	+		+	+
	3	*	*thuần*	+	+	+		+	+	+	+	+
			gỏi				+					
	4	*	quắc // hức // *vược* 馘			+		+	+		+	
		*	hức // *vược* [illegible]	+	+		+			+		+
1594	4		rụng		+	+		+	+		+	+
		*	*nẩy*	+			+			+		
	7		lá		+	+		+	+			+
		*	*tin*	+			+			+	+	
1596	2		*màu*					+			+	+
		*	Niềm (< *Màu*)	+	+	+	+		+	+		
1597	5	*	*rỉ*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			hở									+

"Cách năm mây bạc xa xa,
"Lâm – tri cũng phải tính ... thần hôn."
Được lời như ... tấc son,
Vó câu thẳng ruổi nước non ... người.
Long lanh đáy nước in trời,
Thành xây ... biếc non phơi bóng vàng.
... câu vừa gióng dặm trường,
Xe hương ... ... thuận đường quy ninh.
Thưa nhà huyên hết mọi tình,
Nỗi chàng ở bạc nỗi mình chịu đen.
"Nghĩ rằng: ... ... hờn ghen,
"Xấu chàng mà có ai khen chi mình!
"Vậy nên ngảnh mặt làm thinh,
"Mưu cao vốn đã rắp ranh những ngày.
"Lâm – tri đường ... tháng chầy,
"Mà đường hải đạo sang ngay ... gần.
"... thuyền lựa mặt gia nhân,
"Hãy đem dây ... buộc chân nàng về.
"Làm cho cho ... cho mê,
"Làm cho đau đớn ê chề cho coi.

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1600	6	*	*mà*		+	+	+	+	+		+	+
		*	điều (< *mà*)	+						+		
1601	4	*	*mở*	+	+	+	+		+	+		+
			cối					+			+	
1602	7	*	xuân (< *quê*)	+								
		*	*quê*		+	+	+	+	+	+	+	+
1604	3	*	*khói*	+	+	+		+	+		+	+
			trổ				+			+		
1605	1	*	*Vó*	+			+			+		
			Roi		+	+		+	+		+	+
1606	3	*	*nàng*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			Thư									+
	4	*	*dã*	+		+	+	+	+	+	+	
			cũng		+							+
1609	3	*	*giận* // (hận)	+	(+)	+	+	+	+	+	+	
			ngứa									+
	4	*	*ghẻ*	+	+	+		+	+	+	+	+
			lẩy				+					
1613	4	*	*bộ*	+		+	+	+	+	+	+	+
			một		+							
1614	7	*	*thì*	+		+	+	+	/+/	+	+	+
			là		+							
1615	1	*	*Dọn*	+	+	+	+	+	+	+		+
			Đóng								+	
1616	4	*	*xích*	+	+		+			+		+
			thắm			+			+			
			sắt					+			+	
1617	4	*	*mệt*	+		+	+	+	+	+	+	
			dại		+							+

"Trước cho bõ ghét những người,
"Sau cho để một ... cười về sau."
Phu nhân khen chước ... mầu,
Chiều con mới dạy mặc dầu ra tay.
Sửa sang buồm gió lèo mây,
Khuyển Ưng lại chọn một ... côn quang.
Dặn dò hết các ... đường,
Thuận phong một lá vượt sang ... Tề.
Nàng từ chiếc bóng song the,
Đường kia nỗi nọ như chia mối sầu.
Bóng ... đã xế ngang đầu,
Biết đâu ấm lạnh biết đâu ngọt bùi.
Tóc thề đã chấm ngang vai,
Nào ... non nước nào ... sắt son?
... ... chút phận con con,
... duyên biết có vuông tròn cho chăng?
Thân sao nhiều ... bất bằng!
Liều như ... ... nghĩ nao!
Đêm thu gió lọt song đào,
Nửa vành trăng khuyết ba sao giữa trời.

42 B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1620	5	* *trò*	+	+		+	+		+		+
		tiếng			+			+		+	
1621	5	rất		+	+	+	+	+		+	+
		* *cũng*	+						+		
1624	6	* vài (< *bảy*)	+	+	+		+	+	+	+	
		* *bảy*				+					+
1625	5	* mọi đường // *mối giường*	+		+	+	+	+	+	+	+
		nẻo		+							
1626	7	* *bến // biển*	+		+	+	+	+	+	+	
		bể		+							+
1629	2	* *tang // dâu*	+						+		
		dâu		+	+	+	+	+		+	+
1631	5	* *quanh*	+		+	+	+	+	+		
		ngang		+						+	+
1632	2... 6	* ... *lời* ... *lời*	+	+		+			+		+
		... người... người			+		+	+		+	
1633	1,2	* *Sắn bìm*	+	+	/+/		+	/+/	+	+	+
		Đèo bòng				+					
1634	1	* *Hương*	+								
		Khuôn			+		+	+		+	+
		Nhân		+		+			+		
1635	4	* án (< *nỗi*)	+								
		* *nỗi*		+	+	+	+	+	+	+	+
1636	3,4	* *cung Quảng*	+		+	+	+	+	+	+	
		ả Tố		+							+
	5,6	* ả *Hằng*			+		+	+		+	
		* *chị Hằng*	+			+			+		
		cung trăng		+							+

Nén hương đến trước ... đài,
Nỗi lòng khấn ... ... lời vân ... .
Dưới hoa dậy lũ ác nhân,
Ầm ầm khốc quỉ kinh thần ... ra.
Đầy sân gươm tuốt sáng lòa,
Thất kinh nàng chửa biết ... làm sao.
Thuốc mê đâu ... rưới vào,
Mơ màng như giấc chiêm bao biết gì.
... ngay lên ngựa tức ... ,
Phòng ... viện sách ... bề lửa chong.
Sẵn thây vô chủ bên sông,
... vào để ... lẫn sòng ai hay?
Tôi đòi phách lạc hồn bay,
... ... bụi cỏ gốc cây ẩn mình.
Thúc ông nhà cũng gần quanh,
Chợt trông ngọn lửa thất kinh rụng rời.
Tớ thầy ... thẳng ... nơi,
Tơi bời tưới ... tìm người lao xao.
Gió ... ngọn lửa càng cao,
Tôi đòi tìm đủ nàng nào thấy đâu.

43 A

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1639	5 *	*Thiên*	+		+	+	+	+	+	+	
		Phật		+							+
1640	4,5 *	*chứa cạn*	+	+	+	+		+	+		+
		hết mọi					+			+	
	8 *	*vân*	+	+		+			+	+	+
		vi			+		+	+			
1642	7 *	*mọc*	+		+	+	+	+	+	+	
		nhảy // dẫy [1]		+							+
1644	6 *	*là*		+	+	+	+	+		+	+
		rằng (< là)	+						+		
1645	4 *	*thoắt*	+								
		đã		+	+	+	+	+	+	+	+
1647	1,6 *	*Dẫy... thì* (Dẫy...kỳ)[1]	+	(+)	+	+		+	+		
		Đặt									+
		Vực					+			+	
1648	2 *	*đào*	/+/		+		+	+		+	
		thêu		+		+			+		+
	5 *	*bốn*	+	+		+			+		+
		tư			+		+	+		+	
1650	1 *	*Đem*	+	+	+		+	+	+	+	+
		Ném				+					
	4 *	*đó*	+		+		+	+	+	+	
		đánh		+		+					+
1652	1,2 *	*Pha càn*	+		+	+	+	+	+	+	
		Xông (tung) pha		(+)							+
1655	3 *	*chạy*	+	+		+					+
		nhảy			+		+	+	+	+	
	5	tới				+					
	*	*đến*	+	+	+		+	+	+	+	+
1656	4 *	*lửa*	+	+	+		+	+	+	+	+
		nước				+					
1657	2 *	tung (< *cao*)	+			+			+		
	*	*cao*		+	+		+	+		+	+

[1] Dẫy = xô đẩy, lướt xông (HTC)

Hớt hơ hớt hải nhìn nhau,
Giếng sâu bụi rậm trước sau tìm quàng.
Chạy ... chốn cũ phòng hương,
... ... thấy một đống xương cháy tàn.
Ngay tình ai biết mưu gian,
Hẳn nàng thôi lại có bàn rằng ai.
Thúc ông ... ... vắn dài,
Nghĩ con vắng vẻ thương người nết na.
Di hài nhặt ... về nhà,
Nào là khâm liệm nào là tang trai.
Lễ thường đã ... một hai,
Lục trình chàng cũng đến nơi bấy giờ.
Bước vào chốn cũ lầu thơ,
Tro than một đống nắng mưa bốn tường.
Sang nhà cha tới trung đường,
Linh sàng bài vị thờ nàng ở trên.
Hỡi ôi nói hết sự duyên,
Tơ tình đứt ... lửa phiền cháy gan.
Gieo mình vật vã khóc than,
"Con người thế ấy thác oan thế này!

43 B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1661	2 *	*ra*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		vào									+
1662	1 ?	Trong		+		+					+
	*	*Trông*	+		+		+	+	+	+	
	2 *	*than*	+	+	+		+	+	+	+	+
		tro				+					
1665	3,4 *	*rơi* giọt	+								+
	*	*rơi* lệ // lụy				+			+		
		sùi sụt		+	+		+	+		+	
1667	4 *	*gói*	+			+			+		
		sắp			+		+	+		+	+
		nhạnh		/+/							
1669	4 *	*vẹn*	+			+			+		
		đủ		+	+		+	+		+	+
1676	4 *	*ruột*	+		+	+	+	+	+	+	+
		bụng		+							

"Chắc rằng mai trúc lại vầy,
"Ai hay vĩnh quyết ... ngày đưa nhau!"

... ,

Gần miền nghe có một thầy,
Phi phù ... quỉ cao tay thông huyền.
Trên Tam ... dưới Cửu tuyền,
Tìm đâu thì cũng biết tin rõ ràng.
Sắm sanh lễ vật ... sang,
Xin tìm cho thấy mặt nàng hỏi han.
Đạo nhân phục trước tĩnh đàn,
Xuất thần giây phút chưa tàn nén hương.
Trở về minh bạch nói tường:
"Mặt nàng chẳng thấy việc nàng đã tra.
"Người này nặng ... oan gia,
"Còn nhiều nợ lắm sao đà thác cho!
"... cung đang mắc nạn to,
"Một năm nữa mới thăm dò được tin.
"Hai bên giáp mặt ... ... ,
"Muốn nhìn mà chẳng dám nhìn lạ thay!"

44 A

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1680	5 *	đến (< *là*)	+						+		
	*	*là*		+	+	+	+	+		+	+
1681	A/1 *	*Thương càng nghĩ,nghĩ càng đau*	+		+	+	+	+	+	+	+
	B/1	Kể sao xiết nỗi thảm sầu		+							
1682	A/2 *	*Dễ ai rấp thảm quạt sầu - cho khuây*	+			+			+		
		- cho hay			?		+	+		+	
	B/2	Đoạn trường ai có qua cầu mới hay		+							+
1684	3	sát			+		+	+			
	*	*trí*	+	+		+			+	+	+
1685	3 *	bảo (< *đảo*)	+		+	+	+	+	+	+	
	*	*đảo*		+							+
1687	5 *	*đưa*	+			+			+		
		rước		+	+		+	+		+	+
1693	4 *	*kiếp*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		nghiệp									+
1695	1 *	*Mệnh*	+			+			+		
		Bột		+	+		+	+		+	+
1697	5,6 *	*chiền chiền*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		nhiều phen									+

... ... nói lạ ... ... ,
Sự nàng ... thế lời thầy dám tin!
Chẳng qua đồng cốt quàng xiên,
Người đâu mà lại thấy trên cõi trần?
Tiếc hoa những ngậm ngùi xuân,
Thân này dễ ... mấy lần gặp tiên!

... ,
... đâu địa ngục ở miền nhân gian.
Khuyển Ưng đã đắt mưu gian,
... nàng đưa xuống để an dưới thuyền.
Buồm cao lèo thẳng cánh suyền,
Đè chừng ... Tích băng miền vượt sang.
... ... lên trước sảnh đường,
Khuyển Ưng hai đứa nộp nàng dâng công.
... nàng tạm xuống môn phòng,
Hãy còn thiếp thiếp giấc nồng chưa phai.
... ... tỉnh ... mai,
Cửa nhà đâu ... lâu đài nào đây?
Bàng hoàng dở tỉnh dở say,
Sảnh ... mắng tiếng đòi ngay lên hầu.

44 B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1699	1,2 *	*Điều đâu*	+			+			+		+
		Nghe lời		+	+		+	+		+	
	5,6 *	... *dường này*	+	+	+		+	+	+	+	+
		... lùng thay				+					
1700	3 *	*là*	+	+					+		
		đã			+	+	+	+		+	+
1704	4 *	*lại*	+		+	+	+	+	+	+	+
		biết		+							
1705	A	Đành rằng nàng đã cứu nguyên		+							+
	B *	*Nước trôi hoa rụng đã yên*	+		+	+	+	+	+	+	
1706	1 *	*Hay*	/+/	+	+	+	+	+		+	+
		Có							+		
1708	1 *	*Vực*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Đem									+
1710	3	Vô		+							+
	*	*Huyện*	+		+	+	+	+	+	+	
1711	1,2 *	*Dỡ (giã) đò*	+	(+)	(+)		(+)	+		(+)	(+)
		Đến bến				+			+		
1713	1 *	*Vực*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Đem									+
1715	1,2	Mơ màng		+							+
	*	*Hoàng lương*	+		+	+	+	+	+	+	
	3	chợt		+		+					+
	*	*nghe*	+		+		+	+	+	+	
	5 *	*hồn*	+	+	+		+	+	+	+	+
		trước (= trúc?)				+					
1716	4 *	*mất*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		tá									+
1718	2	đường		+	+	+	+	+		+	+
	*	*trên*	+						+		

A hoàn ... ... giục mau,
Hãi hùng nàng mới theo sau ... người.
... trông tòa rộng ... dài,
"Thiên quan trủng tể" có bài treo ...
... ngày ... thấp ... bên,
... giường thất bảo ngồi ... một bà.
Gạn gùng ngọn hỏi ngành tra,
Sự mình nàng ... cứ mà gởi ... .
Bất tình nổi trận mây mưa,
... ... bơ thờ quen thân.
"Con này chẳng phải thiện nhân,
"Chẳng ... trốn chúa thì quân lộn chồng.
"Ra tuồng mèo mả ... đồng,
"Ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào.
"Đã đem mình bán cửa tao,
"Lại còn ... ... làm cao thế này!
... bay!
"Hãy cho ba chục biết tay một lần."
A hoàn trên dưới dạ rân,
Dẫu rằng trăm miệng khôn phân nhẽ nào.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1719	3,4 *	*trên dưới*	+		+	+	+	+	+	+	
		lên xuống // (liền xuống)		(+)							+
1720	7	một			+		+	+	+	+	
	*	*mọi*	+	+		+					+

45 A

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1721	1	* *Nhác* // (liếc)	+	(+)		(+)			+		
		Ngước									+
		Nhìn			+		+	+		+	
	7	*dãy*	+	+	+	+			+	+	+
		* đất					+	+			
1722	8	* *trên*	+			+	+	+		+	+
		lên		+	+				+		
1723	1,3	* Bằng(< *ban*)... *nến*	+								
		* *Ban*............... sáp		+	+		/+/	+		+	+
		* *Ban*............... đèn				+			+		
	5	đôi									+
		* *hai*	+	+	+	+	+	+	+	+	
1724	1,6	Giữa.........lên									+
		* *Trên*........ *ren*[1]	+								
		Trên........ *lên*		+					+		
		Trên........ *trên*			+	+	+	+		+	
1726	4,8	* *đã* (phải) * *thưa*	+	+		+			+	+	(+)
		đã thân			+		+	+			
1728	1,2	Tuồng chi					+			+	
		* *Diếc* nàng (< *rằng*)	+		+			+	+		
		* Mắng *rằng*		+		+					+
	3,4	* *những giống*	+		+	+	+	+	+	+	
		giống khéo		+							+
1730	2	phường									+
		* *màu*	+	+	+	+	+	+	+	+	
1731	5	* *gà*			+	+		+	+		+
		cò (< *gà*)	+				+			+	
		cua		+							
1734	3,4	* *khủng* khiển (< *khỉnh*)	+								
		* *khủng khỉnh*		+	+	+	+	+	+		+
		đủng đỉnh//đỏng đảnh								+	
1735	1→5	* *Gia pháp đâu trẻ nọ*	+			+			+		
		* Nào là gia pháp *nọ*			+		+	+		+	+
		Chưa nào roi nọc chúng		+							

[1] ren = dò đón, thăm chừng (HTC)

Trúc côn ra sức chập vào,
Thịt nào chẳng nát gan nào chẳng kinh.
Xót thay đào lý một cành,
Một phen mưa gió tan tành một phen.
Hoa nô truyền dạy đổi tên,
... ... dạy ép vào phiên thị tì.
Ra vào theo lũ thanh y,
Dãi dầu tóc rối da chì quản bao.
... gia có một mụ nào,
Thấy người thấy nết ra vào mà thương.
Khi chè chén khi thuốc (...),
... lời phương tiện mở đường hiếu sinh.
... rằng: "May rủi đã đành,
"Liễu bồ mình giữ lấy mình cho hay.
"Cũng là oan nghiệt chi đây,
"Sa cơ mới đến thế này chẳng dưng.
"Ở đây tai vách mạch rừng,
"Thấy ai ... ... cũng đừng nhìn chi.
"Kẻo khi sấm sét bất kỳ,
"Con ... ... kiến kêu gì được oan!"

45 B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1744	1,2	Buồng the									+
	*	*Phòng* đào			+		+	+		+	
	*	*Phòng thêu*	+	+		+			+		
1747	1	Quản			+	+	+			+	+
	*	*Hoạn*	/+/	+				/+/	/+/		
1750	1	Đem			+		+	+		+	
	*	*Giúp*	+	+		+			+		+
1751	1 *	*Dạy*	+		+	+	+	+	+	+	+
		Dặn		+							
1756	3,4 *	*người cũ*	+			+	+	/+/	+	+	
	*	quen *cũ*		+							
		quen thuộc			+						+
1758	2 *	*ong*	+		+	+	+	+	+	+	
		sâu		+							+
	3 *	*cái*	+		+	+	+	+	+	+	+
		con		+							

Nàng càng ... ngọc như chan,
... lòng ... những bàn hoàn niềm tây.
Phong trần kiếp đã chịu đầy,
Lầm than ... có thứ này bằng hai!
... sao bạc chẳng vừa thôi?
... ... buộc mãi lấy người hồng nhan.
Đã đành túc trái tiền oan,
Cũng liều ngọc nát hoa tàn mà chi.
Những là nương náu qua ... ,
Tiểu thư phải buổi ... ... ninh gia.
Mẹ con trò chuyện lân la,
Phu nhân ... gọi nàng ra dạy lời:
"Tiểu thư dưới trướng thiếu người,
"Cho về bên ấy theo đòi ... trang."
Lĩnh lời nàng mới theo sang,
Biết đâu địa ngục thiên đường là đâu.
Sớm khuya khăn mặt lược đầu,
Phận con hầu ... con hầu dám sai.
... ... êm ả chiều trời,
Trúc tơ hỏi đến nghề chơi mọi ngày.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1759	3	đổ // dỏ // giỏ				+			+		
		* *đũa*	+								
		giọt		+	+		+	+		+	+
1760	1	* *No*	+			+					
		Nỗi		+	+		+	+	+	+	+
	3	* *no*	+		+	+	+	/+/	+	+	
		luống		+							+
1762	3	lại		+	+	+	+	+		+	+
		* *cũng*	+						+		
1763	1	* Làm (< *phận*)	+		+	+	+	+	+	+	
		* *Phận*		+							+
1764	1,2	Khăng khăng		+						+	+
		* *Chằng chằng*	+		+	+	+	+	+		
1767	6	kì		+							
		* *thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
1768	5,6	về nhà		+							
		* *mới về*	+		+	+	+	+	+	+	+
1770	3	* *mới*	+		+	+	+	+	+	+	
		lại		+							+
1772	7	* *đài*	+			+					
		lầu		+	+		+	+	+	+	+
1776	4	* *giữ*	+		+	+	+	+	+	+	+
		hạ		+							
1777	1,2	* *Phải đêm*	/+/			+	+	+	+	+	
		* Hỏi *đêm*			+						
		Có khi		+							+

Lĩnh lời nàng mới ... dây
Nỉ non ... ... dễ say lòng người.
Tiểu thư xem cũng thương tài,
Khuôn uy dường cũng bớt vài bốn phân.
Của người đày đọa ... thân,
Sớm ... ... bóng ... ... lòng.
Lâm – tri chút ... đèo bòng,
Nước ... để chữ tương phùng kiếp sau.
Bốn phương mây trắng một màu,
Trông vời cố ... biết đâu là nhà?
Lần lần tháng lọn ngày qua,
Nỗi gần nào biết đường xa thế này.

Lâm – tri từ thủa uyên bay,
... không thương kẻ tháng ngày chiếc thân.
Mày ... trăng mới in ngần,
Phấn thừa hương cũ bội phần xót xa.
Sen tàn ... lại ... ... ,
Sầu dài ngày vắn đông đà sang xuân.
Tìm đâu cho thấy cố nhân?
Lấy câu vận mệnh ... dần nhớ thương.

46 B

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1779	5		lựa		+			+			+	+
		*	*dắt // (nhắc)*	+			(+)			+		
			dở // giở			+			+			
1780	3,4		thính tỏ			+						
		*	*thánh thót*	+	+		+	+	+	+	+	+
1783	5	*	xót (< *chút*)	+						+		
			hỏi			+						
		*	*chút*		+		+	+	+		+	+
1784	2,3		than thở									+
		*	*năn nỉ*	+	+	+	+	+	+	+	+	
	5	*	*đêm*	+		+	+	+	+	+	+	
			khuya		+							+
	6,7	*	*ân hận*	/+/	+	/+/		/+/	/+/	/+/	+	
			ngơ ngẩn				+					
			năn nỉ									+
1785	4	*	*nghĩa*	+		+	+	+	+	+	+	+
			phận		+							
1786	2	*	*bèo*	+	+		+			+		+
			non			+		+	+		+	
1788	4	*	*quốc*	+		+	+	+	+	+	+	+
			quận		+							
1792	1	*	*Phòng*	+		+	+	+	+	+	+	+
			Buồng		+							
1793	2	*	*xanh*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			ai									+
1795	3		cúc									+
		*	*mai*	+	+	+	+	+	+	+	+	
	5,6		*nở* ra			+		+	+			
		*	nở *hoa*		+						+	
		*	*chiếng hoa*	+			+			+		+
1798	5	*	*cỗi // cởi*	+			+			+		
			khuây		+	+		+	+		+	+

Chạnh ... nhớ ... gia hương,
Nhớ quê chàng lại tìm đường thăm quê.
Tiểu thư đón cửa dã dề,
Hàn huyên vừa cạn mọi bề gần xa.
Nhà ... cao cuốn bức là,
... trong truyền gọi nàng ra lạy mừng.
Bước ra một bước một ... ,
Trông xa nàng đã tỏ chừng nẻo xa.
Phải rằng nắng quáng đèn lòa,
Rõ ràng ngồi ... chẳng là Thúc sinh?
... ... tình,
Thôi thôi đã mắc vào ... chẳng sai.
Chước đâu có chước lạ đời,
Người đâu mà lại có người tinh ma.
Rõ ràng ... lứa đôi ta,
Làm ra con ở chúa nhà ... nơi.
Bề ngoài thớt thớt nói cười,
Mà trong nham hiểm ... người không dao.
Bây giờ đất thấp trời cao,
Ăn làm sao nói làm sao bây giờ?

47 A

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1799	2	lòng		+		+					
	*	*niềm*	+		+		+	+	+	+	+
	4 *	*đến*	+						+		
		cảnh		+	+	+	+	+		+	+
1803	2 *	*hương*	+		+	+	+	+	+	+	+
		xuân		+							
1804	1 *	*Phòng*	+		+	+	+	+	+	+	+
		Buồng		+							
1805	6 *	*dừng*	+	+	+		+	+	+	+	+
		ngừng				+					
1808	4 *	*đó*	+	+	+		+	+	+	+	+
		đấy				+					
1809	1→5 *	*Bây giờ tình mới rõ*	+		+	+	+	+	+	+	+
	*	Đến bây giờ *mới* biết		+							
1810	6 *	*vành*	/+/	+	/+/		+	/+/	/+/	+	+
		vòng				+					
1813	3 *	*thật*	+		+	+	+	+	+	+	
		thiệt		+							+
1814	7 *	*đôi*	+		+	+	+	+	+	+	+
		hai		+							
1816	5 *	chết // *giết*	+	+	+		+	+	+	+	
	*	*giết*				+					+

Càng trông mặt càng ngẩn ngơ,
Ruột tằm đòi đoạn như tơ rối bời.
Sợ uy dám chẳng vâng lời,
Cúi đầu nép xuống sân mai một chiều.
Sinh đà phách lạc hồn xiêu,
Thương ôi ... ... nàng Kiều ở đây?
Nhân làm sao đến thế này?
Thôi thôi ta đã mắc tay ... .
... ... ,

Tiểu thư trông mặt hỏi tra:
“Mới về ... ... động dung?”
Sinh rằng: “Hiếu phục vừa xong,
“Suy lòng trắc Dĩ đau lòng chung thiên.”
Khen rằng: “Hiếu tử đã nên,
“Tẩy trần mượn chén giải phiền đêm thu.”
Vợ chồng chén tạc chén thù,
Bắt nàng ... ... nơi.
Bắt khoan bắt nhặt đến lời,
Bắt quì ... mặt bắt mời ... tay.

47 B

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1824	3,4	*	*chẳng phải*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			nọ chẳng									+
1826	7,8	*	*ai rồi*			+		+	+		+	+
		*	đà (đã) *rồi*	+			+			+		
			mặt thù		+							
1827	A	*	*Sợ quan dám hở ra lời Khôn ngăn giọt ngọc sụt sùi nhỏ sa*	+		+	+	+	+	+	+	+
	B		Thương ôi mảnh sắt vào lò Bấy lâu nay biết dày vò đến đâu Nỗi lòng chẳng đánh mà đau Đang cười nói bỗng mặt rầu lệ sa		+							
1830	3 → 6	*	*có việc chi mà*	+	+	+		+	+	+	+	+
			mà có việc gì				+					
1836	3,4	*	*đứng chực*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			rót rượu									+
	5,6	*	*trì hồ*	+	+	+		+	+	+	+	
		*	huề *hồ*				+					
			chực hầu									+
	7	*	*hai*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			đôi									+
1838	3... 7	*	*tận... tận...* 尽	+	+	+		+	+	+	+	
			tạn... tạn... 羡				+					+

Sinh càng như dại như ngây,
Giọt dài giọt vắn chén đầy chén vơi.
... đi chợt nói chợt cười,
... say ... đã ... bài ... .
Tiểu thư vội thét: "Con Hoa!
"... ... ... đòn."
Sinh càng nát ruột tan hồn,
Chén mời phải ngậm bồ hòn ... ngay.
Tiểu thư cười ... ... say,
Chưa xong cuộc rượu ... bày trò chơi.
Rằng: "Hoa nô đủ mọi tài,
"Bản đàn thử dạo một bài chàng nghe."
Nàng đà ... ... tê mê,
Vâng lời ra trước bình the vặn đàn.
Bốn dây như khóc như than,
Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng.
Cùng ... một tiếng tơ đồng,
Người ngoài cười ... người trong khóc ... .
... châu lã chã khôn cầm,
Cúi đầu ... những gạt thầm ...

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1841	1 *	*Dửng*	+	+	+		+	+	+	+	
		Lặng				+					
		Ngảnh									+
1842	1 *	*Cáo*	+		+	+	+	+	+	+	+
		Giả		+							

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
	3 *	*chàng*	+		+	+	+	+	+	+	+
		vội		+							
	5 *	*dạm // giạm*	+	+	+						+
		kiếm					+	+		+	
		tính				+			+		
	7,8 *	*lảng ra*	+		+		+	+	+	+	+
		cáo qua		+							
	*	giản ra				+					
1844	1→7 *	*Khuyên chàng chẳng cạn thì ta - có*	+			+	+	+	+	+	+
		- đánh		+							
		Nói vào những phép dở ra những			+						
1846	7 *	*ráo*	+	+	+		+	+	+	+	+
		trơu				+					
1847	4,5 *	*tỉnh nói*	+	+		+			+		+
		nói tỉnh			+		+	+		+	
1848	5 *	*lại*	+	+	+		+	+	+	+	+
		đã				+					
1851	3,4	tẩn mẩn				+					
	*	*tán hoán*	+	+	+		+	+	+	+	
		choáng váng									+
1855	2 *	(Cùng // Cũng) *trong*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		(Cùng // Cũng) chung									+
1856	4 *	*nụ*	+	+	+		+	+	+	+	+
		rộ				+					
	8 *	*thầm*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		ngẫm									+
1857	1	Hạt									+
	*	*Giọt*	+	+	+	+	+	+	+	+	
1858	3 *	*chàng*	+		+	+	+	+	+	+	+
		nàng		+							
	7 *	*giọt*	+		+	+	+	+	+	+	+
		hạt		+							
	8 *	*Tương*	+								+
		sương		+	+	+	+	+	+	+	

Tiểu thư lại ... lấy nàng,
"Cuộc vui gảy khúc đoạn trường ấy chi!
"Sao ... biết ý tứ gì?
"Cho chàng buồn bã tội ... tại ngươi."
Sinh càng thảm thiết bồi hồi,
Vội vàng ... nói ... cười cho qua.
... rồng canh đã điểm ba,
Tiểu thư nhìn mặt dường đà cam tâm.
Lòng riêng ... ... mừng thầm:
... ... đã bõ đau ngầm ... nay!"
Sinh ... gan héo ruột ... ,
Nỗi lòng càng nghĩ càng cay đắng lòng.
Người vào chung gối loan phòng,
Nàng ra tựa bóng đèn chong canh dài.
... ... mới ... ... ,
Máu ghen đâu có lạ đời ... ghen!
Chước đâu rẽ thuý chia uyên,
... ra đường ... ai nhìn được ai?
Bây giờ một ... một trời,
Hết điều ... ... hết ... thị phi.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1859	4	thét				+				+	+
	*	*nạt*	+	+	+		+	+	+		
1861	2 *	*chẳng*	+		+	+	+	+	+	+	+
		không		+							

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1862	6	*	*thì*	+	+		+	+	+	+	+	+
			vì			+						
1864	3... 5	*	*gượng... gượng...*	+		+	+	+	+	+	+	
			nói... cười ...		+							+
1865	1	*	Khúc (< *Giọt*)	+		+	+			+		
		*	*Giọt*		+			+	+		+	+
1867	3,4	*	*khấp khởi*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			tấp tểnh									+
1868	1,2	*	*Buồn này*	+			+	+	+	+	+	
		*	Vui *này*			+						
			Đêm nay		+							+
	7	*	*xưa*	+		+	+	+	+	+	+	
			lâu		+							+
1869	2	*	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	
			càng		+							+
	6	*	*dày // dầy*	+	+	+		+	+		+	+
			gầy				+			+		
1873	1,2	*	*Đến nay*	+			+			+		
			Bây giờ		+	+		+	+		+	+
	4,5	*	*biết đầu đuôi*	+			+			+		
			rõ tăm hơi		+	+		+	+		+	+
1874	7	*	*nhà*	+		+	+	+	+	+	+	+
			là		+							
1876	1		Đã					+			+	
		*	*Ai*	+	+	+	+		+	+		+
	4		ấy								+	+
		*	*nấy*	+	+	+	+	+	+	+		
1877	4	*	*vực*	+	+	+		/+/	+		+	+
			đất				+			+		
1878	3,4	*	chiều chuộng (<*khinh trọng*)	+								
		*	*khinh trọng*		+	+		+	+		+	+
			dùi thẳng				+			+		
	6	*	điều (< *lời*)	+						+		
		*	*lời*		+	+	+	+	+		+	+

Nhẹ như bấc nặng như chì,
Gỡ ... ... còn gì là duyên?
Lỡ ... chút phận thuyền quyên,
Bể sâu sóng cả có tuyền được vay?
Một mình âm ỷ ... chầy,
Đĩa dầu vơi nước mắt đầy năm canh.

Sớm khuya hầu hạ đài doanh,
Tiểu thư ... mặt dè tình hỏi tra.
Lựa lời nàng mới thưa qua:
Phải khi mình lại xót xa nỗi mình.
Tiểu thư ... ... Thúc sinh:
"Cậy chàng tra lấy thực tình cho nao."
Sinh đà ... ... như bào,
Nói ra chẳng tiện trông vào chẳng ... .
Những e lại lụy đến nàng,
... ... mới sẽ ... đường hỏi tra.
Cúi đầu quì trước sân hoa,
... cung nàng ... ... qua một tờ,
tiểu thư,
Thoất xem dường ... ngẩn ngơ ... tình.

(I) 1886 - 1890 Nét sầu khôn cưỡng giọt tình còn nguyên
Tiểu thư trông liếc quở liền
Sa mày nặng mặt bởi duyên cớ gì
Bì tiên giao lại tức thì
Cậy chàng hỏi nó rằng vì làm sao.
(II) 1893 - 1895 chữa thành 5 câu:
Luýnh quýnh cua lật bò càng
Sợ đây thương đó hai đàng chưa xong
Dưới thềm trên ghế cùng trông
Một lời chưa mở hai dòng đã sa
Lấy lòng giả cách hỏi tra
(Theo bản Lâm Noạ Phu, 1870)

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1880	2	ra		+		+					
	*	*sao*	+						+		
		cho			+		+	+		+	+
	3,4 *	*ra* nữa // *nợ* 女	+		+		+	+	+	+	
	*	*ra nợ* 𡢻									+
		cho khỏi		+							
		cho được				+					
1881	2 *	*dường*	+		+		+	+		+	
		làng		+		+			+		+
1883	5 *	*đêm*	+	+	+		+	+	+	+	+
		canh				+					
1886	3 *	*chạm*	+	I	+	+		+	+		+
		trông					+			+	
1889	3,4 *	*lại hỏi*	+		+	+	+	+	+	+	
		hỏi lại									+
1891	3,4 *	*rát ruột*	+		+	+	+	+	+	+	+
		ruột héo		+							
1892	8 *	*đang* 當 (登)		+	(+)	+	(+)	+	+	(+)	+
	*	*đang? xoang* 𨋣	+								
1894	1,2 *	*Phô sòng*	+	II		+			+		
		Đánh liều			+		+	+		+	
		Lấy lòng									+
	5 *	*liệu*	+			+			+		
		lựa			+		+	+		+	+
1896	1 *	*Bạch*	+						+		
		Thân		+	+		+	+		+	+
		Tự				+					
	4 *	*mới*	+		+	+	+	+	+	+	+
		đã		+							
	5	thảo									+
	*	*lên*... một tờ (một lời)	+		(+)	+	+	(+)	+	+	
		trình		+							
1897	1→4 *	*Diện tiền trình với*	+		+	+	+	+	+	+	+
		Xem rồi đưa lại		+							
1898	4 *	*có*	+		+	+	+	+	+	+	
		cũng		+							+
	7	chút (?)		+	+	+	+	+	+	+	+
	*	*nao* (hay < chút?)	+								

... tay trao lại Thúc sinh,
Rằng: "Tài nên trọng mà tình nên thương.
"Ví ... có số giàu sang,
"Giá này dẫu đúc nhà vàng cũng nên!
"Bể trần chìm nổi thuyền quyên,
"Hữu ... thương nỗi vô duyên lạ đời!"
Sinh rằng: "Thật có như lời,
"Hồng nhan bạc mệnh một người nào vay!
"Nghìn xưa âu cũng thế này,
... ... âu liệu bớt tay mới vừa."
Tiểu thư rằng: "Ý trong tờ,
"Rắp đem mệnh bạc xin nhờ cửa không.
"Thôi ... thôi cũng chiều lòng,
"Cũng cho ... ... trong vòng bước ra.
"Sẵn Quan – âm các vườn ta,
"Có cây trăm thước có hoa bốn mùa.
"Có ... thụ có ... ... ,
"Cho nàng ra đó giữ chùa ... kinh".
Tưng tưng trời mới bình minh,
Hương hoa ngũ cúng sắm sanh lễ thường.

49B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1899	1 *	*liền*	+	+	+		+	+	+	+	+
		trên				+					
1901	2	chăng 庄 (拯)			(+)		(+)	(+)		(+)	+
	*	*sinh* 生	+			+			+		
		mà		+							
1904	2 *	*tài*	+		+	+	+	+	+	+	+
		tình		+							
1908	1,2 *	*Từ bi*	+			+			+	+	+
		Bây giờ		+	+		+	+			
1911	2 *	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	
		thôi		+							+
1912	3,4 *	*cho nghỉ*	+	+		+			+		+
		nghỉ nghĩ (ngợi)			+			+			
		khỏi lụy					+			+	
1915	2	thảo				+					+
	*	*cổ*	+	+	+		+	+	+	+	
	5,6	sơn hồ		+		+					+
	*	*san hô*	+		+		+	+	+	+	
1916	7 *	tụng (< *chép*)	+	+	+		+	+	+	+	
	*	*chép*									+
		viết				+					

... ... đến trước Phật đường,
Tam qui ngũ giới cho nàng xuất gia.
Áo xanh đổi lấy cà sa,
Pháp danh lại đổi tên ra Trạc – tuyền.
Sớm khuya ... đủ dầu đèn,
Xuân Thu cắt sẵn hai tên hương trà.
Nàng từ lánh ... vườn hoa,
Dường gần rừng tía dường xa bụi hồng.
Nhân duyên đâu ... ... mong?
Khỏi điều thẹn phấn tủi hồng ... thôi.
Phật tiền thảm lấp sầu ... ,
Ngày pho thủ tự đêm nồi tâm hương.
... ... giọt nước cành dương,
... lòng tưới tắt mọi đường trần duyên.
... ... tử trở màu thiền,
Sân thu trăng đã ... phen đứng đầu.
... ... lưới mau,
Nói ... trước mặt rơi châu vắng người.
Gác kinh viện sách đôi nơi,
Trong gang ... lại ... mười quan san.

50 A

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1919	1,2 *	*Mống đưa*	+								
		Đưa chàng			+			+			
		Đưa nàng		+		+	/+/		+	+	+
1923	3 *	*tính*	+	+	+		+	+	+	+	+
		sắm				+					
1925	4 *	*dấu*	+	+	+		+	+		+	+
		gót				+			+		
1927	4,5 *	*lại còn*	+		+	+	+	+	+	+	
	*	dám *còn*		+							
		nữa mà									+
1928	7 *	*thôi*	+								
		thì			+	+	+	+	+	+	+
		là		+							
1929	6 *	*khơi*	+		+		+	+	+	+	
		vùi		+		+					+
1931	1,2 *	*Cho hay*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Mát thay									+
1932	1	Tỏ [illegible]		+							
	*	*Lửa* 焒				+			+		
		Tro 烣									+
	*	Lò (tro, *lửa*) 炉	+		+		+	+		+	
1933	1,2 *	*Sồng nâu*	+		+		+	+	+	+	
		Nâu sồng		+		+					+
1934	5 *	*vài*	+		+	+	+	+	+	+	+
		hai		+							
1935	1,2 *	*Quan phòng*	+			+	+		+	+	
		Cửa phòng		+	+			+			
		Cửa thiền									+
	3,4 *	*then nhặt // chặt*	+	+	+		+	+	+	+	+
		then mặt				+					
1936	2 *	*lời*	+	+	+		+	+		+	+
		cười				+			+		
1938	3 *	*tấc*	+	+	+		+	+	+	+	+
		thước				+					
	5 *	*gấp*	+	+	+		+	+		+	+
		bì				+			+		

Những là ... thở ... than,
Tiểu thư phải buổi vấn an về nhà.
Thừa cơ Sinh mới lẻn ra,
Xăm xăm đến mé vườn hoa với nàng.
Sụt sùi ... nỗi đoạn trường,
... châu tầm tã ... ... áo xanh:
... cam chịu bạc với tình,
"Chúa ... để tội một mình cho hoa!
"Thấp cơ thua trí đàn bà,
"Trông vào đau ruột nói ra ngại lời.
"Vì ta cho lụy đến người,
"Cát lầm ngọc trắng thiệt ... xuân xanh.
"... chi ... ... ,
"Cũng toan sống thác với tình cho xong.
"Tông đường chút chửa cam lòng,
"Cắn răng bẻ một chữ đồng làm hai.
"Thẹn mình đá nát vàng phai,
"Trăm thân dễ chuộc một lời được sao!"
Nàng rằng: "Chiếc bách sóng đào,
... ... cũng mặc lúc nào rủi may.

50 B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1939	3	* *ngâm*	+		+		+	+			
		ngậm		+		+			+	+	+
	5	* *giột*	+		+		+	+			
		nuốt		+							+
		ngùi				+			+	+	
1943	3	* *kể*	+			+			+		
		dở // giở			+		+	+		+	+
		nghĩ		+							
1944	1	Lệ		+							
		* *Giọt*	+		+	+	+	+	+	+	+
	5	* *ướt*	+	+		+			+		+
		đẫm // đượm			+		+	+		+	
	6	* *tràng*	+	+	/+/	+	/+/	/+/		/+/	+
		làn							+		
1945	1	Đã		+	+		+	+		+	+
		* *Rằng*	+			+			+		
1946	2	xuân		+	+		+	+		+	+
		* *đông*	+			+			+		
1950	6	* *thòi*	+	+		+			+		+
		đời			+		+	+		+	
1951	1	* *Quản*	+	+	+		+	+	+	+	+
		Luận				+					
	3,4	* *trên gác*	+	+	+		+	+		+	
		lên thác				+					+
		* lên *gác*							+		
	5,6	* *dưới duềnh*	+	+	+		+	+		+	
		xuống ghềnh				+					+
		* xuống *duềnh*							+		
1958	1,2	* *Nổi chìm*		+	+		+	+		+	+
		* Phù trầm // *Nổi chìm* (đọc theo nghĩa)	+			+			+		

"Chút thân quằn quại ... ... ,
"Sống thừa còn tưởng đến rày nữa sao!
"Cũng liều một giọt mưa rào,
"Mà cho thiên hạ trông vào ... hay.
... vì cầm đã ... dây,
"Chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta.
"Liệu ... ... cửa cho ra,
"Ấy là ... ... ấy là ơn sâu."
Sinh rằng: "Riêng tưởng bấy lâu,
"Lòng người nham hiểm biết đâu mà lường.
"... khi giông tố phũ phàng,
"Thiệt riêng ... cũng lại càng cực đây.
"Liệu mà ... chạy ... bay,
"Ái ân ta có ngần này mà thôi.
Bây giờ kẻ ngược người xuôi,
"Biết bao giờ lại nối lời nước non?
"Dẫu rằng sông cạn đá mòn,
"Con tằm đến chết cũng còn ... tơ."
Cùng nhau kể lể say sưa,
Nói rồi lại nói lời chưa hết lời.

51 A

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1959	5,6	* *vũng lầy*	+	+	+		+	+		+	+
		vùng vầy				+			+		
1962	7	* *cũng*	+	+	+		+	+	+	+	+
		cho				+					
1963	1	* Chút (< *xót // trót*)	+		+		+	+	+	+	
		* *Xót // trót*		+							+
		* *Trót // xót*				+					
	5	* *bám*	+		+			+	+		
		bén		+		+	+			+	+
1965	2	* *mà*	+						+		
		bài		+	+	+	+	+		+	+
	3	* ra (< *mở*)	+								
		* *mở*		+	+	+	+	+	+	+	+
1966	3,4	* *tình nặng*	+		+	+	+	+	+	+	+
		nghĩa trọng		+							
1969	1	Sợ									+
		* *Nữa*	+	+	+	+	+	+	+	+	
1970	3	* *đấy*	+		+	+	+	+	+	+	+
		đó		+							
1971	3... 5	* *Cao... xa...*	+		+	+	+	+		+	
		Xa... cao...		+					+		+
1976	7	* *kéo*	+	+	+	+		+	+		
		vương					+			+	+

Mặt trông tay chẳng nỡ rời,
Hoa tì đã động tiếng người nẻo xa.
... ... ra,
Tiểu thư đâu đã ... hoa bước vào.
Cười cười nói nói ngọt ngào,
Hỏi: "Chàng mới ở chốn nào lại chơi?"
Dối quanh sinh mới liệu lời:
"Tìm hoa quá bước xem người viết kinh".
Khen rằng: "Bút pháp đã tinh,
"So vào với thiếp ... đình nào thua!
"Tiếc thay lưu lạc giang hồ,
Nghìn vàng thật cũng nên mua lấy tài."
... trà ... ... hồng mai,
Thong dong nối gót thư trai cùng về.
Nàng càng e lệ ủ ê,
... tai hỏi lại hoa tì trước sau.
Hoa rằng: "Bà đến ... lâu,
... chân đứng ... độ đâu nửa giờ.
"Rành rành ... tóc ... tơ,
"Mấy lời nghe hết đã dư tỏ tường:

51 B

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
1981	1,2	*	*Nhịn ngừng*	+	+	+			+	+		+
			Ngại ngần					+			+	
			Ngẩn ngơ				+					
	3,4	*	*nuốt tủi đứng*	/+/		/+/		+	/+/	/+/	+	+
			tủi đứng chân		+							
		*	nói *tủi* bước				+					
1982	5		rẽ									+
			lánh			+			+			
		*	*gót*	+				+			+	
			hài		+							
			thềm				+			+		
1988	5	*	Hương (< *Lan*)	+		+		+	+	+		
		*	*Lan*		+		+				+	+
1991	1		*Thiền*					+				+
		*	*Thuyền // Thiền*	+	+	+	+		+	+	+	
	3,4	*	*cạn nước*			/+/		+	+		+	
		*	*cạn* chén		+							+
		*	rót (< *cạn*) *nước*	+			+			+		
1994	1	*	*Rỉ*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			Kể									+
1995	5	*	*đã*	+	+		+			+		+
			bấy			+		+	+		+	
1996	1	*	*Dón* (chôn)	+	+	+	(+)	+	+	+	+	
			Dừng									+
	4	*	*nấp*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			lại									+
1997	3... 5	*	*kẻ... chân...*	+	+	+		+	+		+	+
			chân... kẻ...				+			+		

"Bao nhiêu đoạn khổ tình thương,
"Nỗi ông vật vã nỗi nàng thở than.
"... tôi đứng lại một bên,
"Chán tai rồi mới bước lên trên lầu."
Nghe thôi kinh hãi xiết đâu,
"Đàn bà ... ấy ...
"Ấy mới gan ấy mới tài!
"Nghĩ càng thêm ... ... rụng rời.
"Người đâu sâu sắc nước đời,
"Mà chàng Thúc ... ra người bó tay.
"Thực tang bắt được dường này,
"Máu ghen ai cũng ... mày ... răng.
"Thế mà êm ... đãi đằng,
"Chào mời vui vẻ nói năng dịu dàng.
"Giận ru ra dạ thế thường,
"Cười ru mới thực khôn lường hiểm sâu.
"Thân ta ta phải ... âu,
"Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này.
"Ví ... ... cánh cao bay,
... cây lâu cũng có ngày bẻ hoa.

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2001	1	*	*Ngăn*	+	+	+		+	+		+	+
			Dặn				+			+		
2004	3	*	*dường*	+	+		+			+		
			thể			+		+	+		+	
			thế									+
	5->8	*	*thấy âu một người*	+		+	+	+	+	+	+	+
			dễ hầu có hai		+							
2006	4	*	*nghĩ*	+						+		
			nỗi		+	+	+	+	+		+	+
	5,6	*	*sởn (sởng) gai*	+			+			+		(+)
			đắng cay		+	+		+	+		+	
2008	3,4	*	*Thúc* thủ	+								
		*	*Thúc phải*		+	+		+	+		+	+
		*	*Thúc* cũng				+			+		
2010	5	*	*cau* (nheo)	+						(+)		
			chau		+	+	+	+	+		+	+
	7	*	*cắn // nghiến* 哏	+	+	+	+	+	+	+		
			nghiến 哯								+	+
2011	4	*	*... chẳng*	/+/		/+/	+	/+/	/+/	/+/	/+/	+
			... ả		+							
2015	5	*	*lo*	+	+		+	+	+	+	+	+
			đăm			+						
2017	2	*	*chăng*	+		+	+	+	+	+	+	+
			không		+							
	3		chắp		+	+	+	+	/+/	+	+	+
		*	*gieo*	+								
2018	1		Trèo			+		+	+		+	
		*	*Rào*	+	+		+			+		+

"Phận bèo bao quản nước sa,
"Lênh đênh đâu nữa cũng là lênh đênh.
"Chỉn e quê ... một mình,
"Tay không chưa dễ tìm vành ấm no."
Nghĩ đi nghĩ lại quanh co,
Phật tiền sẵn có mọi đồ kim ngân.
Bên mình giắt để hộ thân,
... nghe canh đã một phần trống ba.
Cất mình qua ngọn tường hoa,
Lần đường theo bóng trăng tà về tây.

Mịt mù dặm cát ... cây,
Tiếng gà điếm ... dấu giày cầu sương.
Canh khuya thân gái dặm trường,
... e đường sá phần thương dãi dầu.
Trời đông vừa rạng ngàn dâu,
Bơ vơ nào đã biết đâu là nhà.
Chùa đâu trông thấy nẻo xa,
Rành rành "Chiêu – ẩn am" ba chữ bài.
Xăm xăm gõ ... ... ,
Trụ trì nghe tiếng ... mời vào trong.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2021	4	* *khách*	+	+		+	+	+	+	+	+
		quán			+						
2026	1	* *Lần*	+	+	+		+	/+/	+	+	+
		Lóng				+					
2029	5	* *đồi*	+	+	+	+	+	+		+	+
		lòi							+		
2030	4	* *điếm cỏ*	+	+	+		+	+	+	+	
		điếm nguyệt									+
		đêm cỏ				/+/					
2032	1	* Chỉn (< *Phần*)	+								
		* *Phần*		+	+	+	+	+	+	+	+
2037	4	mé			+		+	+		+	+
		* *cửa*	+	+		+			+		
	5,6	* cửa *ngoài*			+		+	+		+	+
		* bước vào (< *bậc ngoài*)	+			+			+		
		uốn // ướm lời		+							
2038	5	* *rước*	+		+	+	+	+	+	+	+
		liền		+							

Thấy ... ăn mặc nâu sồng,
Giác – duyên sư trưởng lành lòng liền thương.
Gạn gùng ngành ngọn cho tường,
Lạ lùng nàng hãy tìm đường nói quanh:
"Tiểu thiền quê ở Bắc – kinh,
"Qui sư qui Phật tu hành bấy lâu.
"Bản sư rồi cũng đến sau,
Dạy đưa pháp bảo sang hầu sư huynh."
Rày vâng diện hiến rành rành,
Chuông vàng khánh bạc bên mình giở ra.
Xem ... sư mới dạy qua:
"Phải ... Hằng – thủy là ta hậu tình.
... ... đường sá một mình,
"Ở đây chờ đợi sư huynh ít ngày."
Gởi thân ... chốn am mây,
... dưa đắp đổi tháng ngày thong dong.
Kệ kinh câu cũ thuộc lòng,
Hương đèn ... cũ trai phòng quen tay.
Sớm khuya ... ... mây,
Ngọn đèn khêu nguyệt tiếng chày ... sương.

53 A

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2039	2	* *màu*	+			+	+	+	+	+	+
		âu		+	+						
2049	2	* *qua*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		rồi									+
2050	2	* *ni* // nơi	+	+	+		+	+	+	+	+
		nơi				+					
2051	1,2	* *Hiền đồ*	+			+			+	+	
		Chỉn e		+	+		+	+			+
2053	3	* *được*	+	+	+		+	+	+	+	+
		dựa				+					
2054	1	* *Muối*	+	+		+	+		+	+	+
		Thái // < Rau			+			+			
2056	3	* *việc...*	+		/+/	+	+	+	+	+	+
		sự		+							
2057	3,4	* ra mái (< *lá bối*)	+		+	+	+	+	+	+	
		* *lá bối*		+							+
	5	* phên (< *phướn*)	+		/+/	+	/+/	+	+	+	
		* *phướn*		+							+
2058	7	* nặng (< /*nện*/)	/+/	/+/	/+/		/+/	/+/	/+/	/+/	+
		nặng				+					

Thấy nàng thông tuệ khác thường,
Sư càng nể mặt nàng càng vững chân.

Cửa ... vừa ... cuối xuân,
Bóng hoa ... đất vẻ ngân ngang trời.
Gió quang ... tạnh thảnh thơi,
Có người đàn việt lên chơi cửa già.
Giở đồ chuông khánh xem qua,
Khen rằng: "Khéo ... của nhà Hoạn nương!"
Giác – duyên thực ý lo lường,
Đêm thanh mới hỏi lại nàng trước sau.
Nghĩ rằng khôn nỗi giấu mầu,
Sự mình nàng mới gót đầu bày ngay:
"Bây giờ sự đã dường này,
Phận hèn dù rủi dù may tại người."
Giác – duyên nghe nói rụng rời,
Nửa thương nửa sợ bồi hồi chẳng xong.
Rỉ ... ... , ... lòng:
"Ở đây cửa phật là không hẹp gì.
"E chăng những sự bất kỳ,
"Để nàng cho đến ... cũng thương.

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2061	2	*	*thiền*	+	+	+		+	+	+	+	+
			thuyền				+					
	4		tiết				+					
		*	*trăng*	+						+		
			buổi		+						+	
			cữ									+
			chặng					/+/				
			đã			+			+			
2062	3	*	*đầy*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			rợp									+
2063	3	*	*mây*	+		+	+	+	+	+	+	+
			mưa		+							
2066	4	*	*giống*		+	+			+			+
			hệt	+			+			+		
			tạc					/+/			+	
2075	2	*	*tai*	+	+		+			+		+
			nghe			+		+	+		+	
	3 → 5	*	*nàng mới dải*	+		+	+	+	+	+	+	
			mới kể sự		+							+
2078	5,6	*	*thế thì*	+			+			+	+	
		*	*thế* này			+		+	+			
			nỗi gì		+							
		*	nỗi *thì*									+

"Lánh xa trước liệu tìm đường,
"... chờ nước đến ... ... còn quê."
Có nhà ... Bạc bên kia,
Am mây quen lối đi về dầu hương.
Nhắn sang dặn ... mọi đường,
Dọn nhà hãy tạm cho nàng ... chân.
Những mừng được chốn an thân,
Vội vàng nào kịp tính gần tính xa.
Nào ngờ ... tổ bợm già,
Bạc bà học với Tú bà đồng môn.
Thấy nàng ... phấn ... son,
Mừng thầm được ... bán buôn có lời.
Hư không đặt ... nên lời,
Nàng đà ... ... rụng rời lắm phen.
Mụ càng ... ... cho len,
Lấy lời hung hiểm ép duyên Châu Trần.
Rằng: "Nàng muôn dặm một thân,
"Lại mang ... tiếng dữ gần lành xa.
"... oan gia của phá ... ,
"Còn chưa dám chứa vào nhà nữa đây.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2080	1 *	*Ngồi*	+	+		+	+	+	+	+	+
		Đứng			+						
	*	*nên đường*	+		+	+	+	+	+	+	
	5,6 *	bằng *đường*									+
		chân giường		+							

54 A

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2081	3	*	*mụ*	+	+		+			+		
			họ					+			+	+
			nàng			+			+			
2083	4	*	*hết*	+	+		+			+		+
			hỏi			+		+	+		+	
2084	7	*	*chứa*	+		+		+	+	+	+	+
			nghỉ		+							
			trú				+					
2087	3	*	*cũng*	+		+	+	+	+	+	+	+
			những		+							
2089	3	*	*lạt*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			mặn									+
	5	*	*nhàm // sàm*	+	+	+			+	+		
			bợt					+			+	
			tươi									+
			đượm				+					
2090	4		mối								+	+
			buổi			+		+	+			
		*	*thóp*	+	+							
			chốn				+			+		
2091	4	*	*bỏ*	+		+	+	+	+	+		
			để		+							+
			bỗng								+	
2092	3,4	*	*sớn sác // nhớn nhác*	+	+		+			+		+
			lớn sợ			+		+	+		+	
2093	3,4	*	*xoi dói*	+	+	+		+	+	+		
			xua đuổi				+					
			xui giục								+	+
2096	3	*	*những*	+								
			lấy		+	+	+	+	+	+	+	+
2097	1		Hại			+						
			Khéo	+			+	+	+	+	+	
		*	*Giống*		+							+
	6	*	*gia*	+	+		+	+		+	+	+
			nhà			+			+			

"Kíp toan kiếm chốn xe dây,
Không dưng chưa dễ mà bay đường trời.
"Nơi gần thì chẳng tiện nơi,
"Nơi xa ... chẳng có người nào xa.
"... chàng Bạc Hạnh cháu nhà,
"Cũng trong thân thích ruột rà chẳng ai.
"Cửa ... buôn bán châu Thai,
"Thật thà có một đơn sai chẳng ... .
"Thế nào nàng cũng phải nghe,
"Thành thân rồi sẽ liệu về châu Thai.
"... ... ai lại biết ai,
"Dầu lòng bể rộng sông dài thênh thênh.
"Nàng dù ... ... thuận tình,
"Trái ... nẻo trước lụy mình đến sau."
Nàng càng mặt ủ mày chau,
Càng nghe mụ nói càng đau như dần.
Nghĩ mình túng đất ... chân,
Thế cùng nàng mới xa gần thở than:
"Thiếp như con én lạc đàn,
"Phải cung rày đã sợ ... ...

54 B

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2102	3	*	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
			cũng		+							
2103	1		Có									+
		*	*Này*	+	+	+	+	+	+	+	+	
2105	2	*	*nhà*	+		+	+	+	+	+	+	
			hàng		+							+
2106	8	*	*hề*	+	+		+	+			+	+
			ngờ			+			+	+		
2109	1,2	*	*Bấy* nay (< *giờ*)	+		+		+	+			
		*	*Bấy giờ*		+						+	+
		*	Bây *giờ*				+			+		
2111	3,4	*	*chẳng quyết*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			quyết chẳng									+
2112	2	*	*lời*	+	+		+			+		+
			mình			+		+	+		+	
2115	5	*	*sẩy*	+		+	+	+	+	+	+	+
			dại		+							
2118	6	*	*làn*			+	+	+	+	+	+	+
			lờn // nhờn		+							
			bàn	+								
	7,8	*	cây *cong*					+			+	+
			với cung		+							
		*	máy cung (< *mái cong*)	+		+	+		+	+		

"Cùng đường dù tính chữ tòng,
"Biết người biết mặt biết lòng làm sao?
"... khi muôn một thế nào,
"Bán hùm buôn ... chắc vào lưng đâu?
"... ai lòng có sở cầu,
"Tâm minh xin quyết với nhau một lời.
"Chứng minh có đất có trời,
"... giờ vượt ... ra khơi quản gì."
Được lời mụ mới ra đi,
Mách tin họ Bạc tức thì ... sanh.
Một nhà dọn dẹp linh đình,
Quét sân đặt trác rửa bình thắp hương.
Bạc sinh quỳ xuống vội vàng,
Quá lời ... hết Thành hoàng Thổ công.
... sân lòng đã giãi lòng,
Trong màn làm lễ Tơ hồng kết duyên.
Thành thân mới rước xuống thuyền,
Thuận buồm một lá xuôi miền châu Thai.
Thuyền vừa đỗ bến thảnh thơi,
Bạc sinh ... trước tìm nơi ... .

55 A

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2121	1	* *Nữa*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Sợ									+
2122	4	* quỉ (< *sói*)	+		+	+			+		
		hổ					+	+		+	
		* *sói*		+							+
2123	1	* *Dù*	+		+	+	+	+	+	+	+
		Nào		+							
2126	1	* *Bấy*	+	+	+		+	+	+	+	+
		Bây				+					
	4	* *bể*	+	+	+		+	+		+	+
		biển				+			+		
2128	7,8	* *sắm* sanh 攕 ,懺		+	+	+	+	+	+	+	+
		* *sắm* sanh [illegible]	+								
2132	3	* *nguyện*	+	+		+			+	+	+
		xin			+		+	+			
2133	1	* *Trước*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Ngoài									+
2138	3	* *lên*	+	+		+	/+/		+	+	+
		xuống			+			+			
	7	* *mọi*	+	+					+		+
		gọi				+					
		* hỏi (< *mọi*)			+		+	+		+	
	8	* *ngày*	/+/	+	+		+	+		+	+
		người				+			+		

Cũng nhà hành viện xưa nay,
Cũng phường bán thịt cũng tay buôn người.
Xem người định giá vừa rồi,
Mối hàng một đã ra mười ... ...
Mượn người thuê kiệu rước nàng,
Bạc đem mặt bạc kiếm đường cho xa.
Kiệu hoa ... trước thềm hoa,
Bên trong thấy một mụ ra vội vàng.
Đưa nàng vào lạy gia đường,
Cũng thần mày trắng cũng phường lầu xanh.
Thoắt trông nàng đã biết tình,
Chim lồng khôn nhẽ cất mình bay cao.
... ... cái số hoa đào,
Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi!
Nghĩ đời mà ngán cho đời,
Tài tình chi lắm cho trời đất ghen!
Tiếc thay nước đã đánh phèn,
Mà cho bùn lại ... lên mấy lần!
Hồng quân với khách hồng quần,
Đã xoay đến thế còn ... chưa tha.

55 B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2142	7	* *thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
		phải		+							
	8	* *buông*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		buôn									+
2145	3	* *đặt*	+	+	+	+			+	+	+
		rước					+	+			
2151	1,2	* *Chém cha*	+			+	+	+	+	+	+
		Gớm cho		+	+						
2156	5	nhuốm	+			+		+	+		
		* *vẩn*		+	/+/		+			+	+
1258	6	hẳn // hờn	+		+	+			+		
		* *vẩn*		+			+	+		+	+

Lỡ từ ... bước bước ra,
Cái thân liệu những từ nhà liệu đi.
Đầu xanh đã tội tình gì?
Má hồng đến quá nửa thì chưa ...
Biết thân ... chẳng khỏi trời,
Cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh.
Lần ... gió mát ... thanh,
Bỗng đâu có khách biên đình ... chơi.
Râu hùm ... én mày ngài,
Vai ... ... rộng thân mười thước cao.
Đường đường một đấng anh hào,
Côn quyền hơn sức lược thao gồm tài.
Đội trời đạp đất ở đời,
Họ Từ tên Hải vốn người Việt – đông.
Giang hồ quen thú vẫy vùng,
Gươm đàn nửa gánh non sông một chèo.
Qua chơi ... tiếng nàng Kiều,
Tấm lòng nhi nữ ... xiêu anh hùng.
Thiếp danh đưa đến lầu hồng,
Hai bên ... liếc hai lòng ... ưa.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2159	3 *	*lạc*	+		+	+	+	+	+	+	
		nước		+							+
2162	8 *	tha (< *thôi*)	+								
	*	*thôi*		+	+	+	+	+	+	+	+
2163	3 *	*chạy*	+	+	+	+			+		+
		tránh					+	+			
		lánh								+	
2165	2 *	*thâu*	+		+	+	+	+	+	+	
		lừa		+							+
	5 *	đêm (< *trăng*)	+		+		+	+		+	
	*	*trăng*		+		+			+		+
2166	7 *	*đến*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		sang									+
2167	3	hàm		+	+	+			+		
	*	*cằm*	+				+	+		+	+
2168	2 *	*năm*	+	+	+	+	+	+		+	+
		đôi							+		
	3 *	*tấc*	+	+	+		+	+		+	+
		thước							+		
		vững				+					
2175	3 *	*thấy*	+		+		+	+	+	+	
		nghe		+		+					+
2176	5 *	*cũng*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		dễ									+
2178	3... 7 *	*cùng...cùng...*	+								+
		cũng...cũng...				+			+		
		cùng... cũng...		+	+		+	+		+	

Từ rằng: "Tâm ... tương cờ,
"Phải người trăng gió vật vờ hay sao!
"Bấy lâu nghe tiếng má đào,
"Mắt xanh chẳng để ai vào ... không?
"Một đời được mấy anh hùng,
"Bõ chi cá chậu chim lồng mà chơi!"
... rằng: "Người dạy quá lời,
"Thân này còn dám xem ai làm thường.
"... ... chọn đá thử vàng,
"Biết đâu mà gởi can trường vào đâu?
"Còn như vào trước ra sau,
"Ai cho kén chọn vàng thau tại mình."
Từ rằng: "Lời nói hữu tình,
"Khiến người lại nhớ câu Bình – nguyên quân.
"Lại đây xem lại cho gần,
"Phỏng tin được một vài phần hay không."
Thưa rằng: "Lượng cả bao dung,
"Tấn - dương ... thấy mây rồng có phen.
"Rộng thương cỏ nội hoa hèn,
"Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau."

56 B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2179	4	* *đảm*	+						+	+	
		phúc			+		+	+			+
		phủ		+		+					
2182	7	phải		+							
		* *có*	/+/				+	+		+	+
		đồng				+					
		động			+				+		
2185	1	Thưa					+	+		+	
		* *Nàng*	+	+	+	+			+		+
2187	1,2	* *Đốt than*	+				+	+		+	
		Xót riêng			+				+		
		Chút riêng		+		+					+
2196	3	* *được*	+	+	+		+	+	+	+	+
		đợi				+					

Nghe lời vừa ý gật đầu,
Cười rằng: "Tri kỷ ... ... mấy người!
"Khen cho con mắt tinh đời,
"Anh hùng ... giữa trần ai mới già.
"Một lời đã biết đến ta,
"Muôn chung nghìn tứ cũng là có nhau."
Hai bên ý hợp tâm đầu,
Khi thân chẳng lọ là cầu mới thân.
... ... với băng nhân,
... trăm lại cứ nguyên ... ... hoàn.
... riêng sửa chốn thanh nhàn,
Đặt giường thất bảo vây màn bát tiên.
Trai anh hùng gái thuyền quyên,
Phỉ nguyền ... phượng đẹp duyên cưỡi rồng.
Nửa năm hương lửa đương nồng,
Trượng phu ... đã động lòng bốn phương.
Trông vời trời bể mênh ... ,
Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong.
Nàng rằng: "Phận gái chữ tòng
"Chàng đi thiếp cũng quyết lòng xin đi".

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2200	5,6	* *trước sau*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		thấy âu									+
2202	3	tìm				+					
		biết									+
		* *đứng* (= dựng)	+	+	+		+	+	+	+	
2207	1,2	Sự lòng ngỏ		+							+
	3	* *Ngỏ lời nói*	+		+	+	+	+	+	+	
2208	1	* *Tiền*	+		+	+	+	+	+	+	
		Hai		+							+
	6	* *ngân*	+	+		+	+	+	+	+	+
		quân			+						
	7	chiếu		+	+						+
		* *phát*	+			+	+	+	+	+	
2209	1	* *Phòng*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Buồng									+
2212	3	* *sánh*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		bói									+
2214	3	* *thoắt*	+	+	+		+	+	+	+	+
		phút				+					
2215	6	mang									+
		* *mộng*	+	+	+	+	+	+	+	+	

Từ rằng: "Tâm ... tương tri,
"Sao chưa thoát khỏi nữ nhi thường tình.
"Bao giờ mười vạn tinh binh,
"Tiếng ... dậy đất bóng tinh rợp đường.
"Làm cho rõ mặt phi thường,
"... giờ ta sẽ rước nàng nghi gia.
"Bằng nay bốn bể không nhà,
"Theo càng thêm bận biết là đi đâu?
"Đành lòng chờ đó ít lâu,
"Chầy chăng là một năm sau vội gì!"
Quyết ... dứt áo ra đi,
Gió ... bằng ... ... dặm khơi.
Nàng ... chiếc bóng song mai,
... thâu đẵng đẵng ... cài then mây.
Sân rêu chẳng vẽ dấu ... ,
Cỏ cao hơn thước liễu gầy và phân.
Đoái ... muôn dặm tử phần,
Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa.
Xót thay huyên cỗi xuân già,
Tấm lòng thương nhớ biết là có nguôi.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2219	4	phủ				+					+
		* *đảm*	+				+	+	+	+	
		phúc		+	+						
2222	2	* *đồng*	+						+		
		bể		+		+					+
		chiêng			+		+	+		+	
2224	1	* Bây // *Bấy*	+		+		+	+	+	+	
		* *Bấy*		+		+					+
2229	2	* *lời*	+	+	+		+	+	+	+	+
		lòng				+					
2230	2	* *mây*	+		+	+	+	+	+	+	
		đưa		+							+
	4	xí		+							
		tiện									+
		* *dã*	+		+	+	+	+	+	+	
	5,6	đã lìa		+							+
		* *đến kì* (// xí)	+		+	+			+		
		* *đến* thì					+	+		+	
2231	2	* *thì*	+		+	+	+	+	+	+	
		từ		+							+
2232	1	Đêm		+	+		+	+			+
		* *Ngày*	+			+			+	+	
	5	ngày		+	+			+			
		* *nhặt*	+			+	+		+	+	+
2233	6	* *giày* (hài)		+		+			(+)		+
		* *giày* // đầy	+		+		+	+		+	
2235	2	trông		+							+
		* *thương*	+		+	+	+	+	+	+	

Chốc ... mười mấy năm trời,
Còn ra khi đã da mồi tóc sương.
Tiếc thay chút nghĩa cũ càng,
Dẫu lìa ... ... còn vương tơ lòng.
Duyên em dầu nối ... hồng,
May ra khi đã tay bồng tay mang.
Tấc ... cố quốc tha hương,
Đường kia nỗi nọ ngổn ngang bời bời.
Cánh hồng bay bổng tuyệt vời,
Đã mòn con mắt phương trời đăm đăm.
Đêm ngày luống những âm thầm,
Lửa binh đâu đã ầm ầm ... phương.
Ngất trời sát khí mơ màng.
Đầy sông kình ngạc chật đường giáp binh.
Người quen ... ... chung quanh,
... nàng hãy tạm lánh mình một nơi.
Nàng rằng: "Trước đã ... lời,
"Dẫu trong nguy hiểm dám ... ước xưa!
Còn đang ... ... ngẩn ngơ,
Mé ngoài đã thấy ... cờ tiếng la.

58 A

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2239	2	ra							+		
		* *là*	+	+	+	+	+	+		+	+
2242	3,4	* ngó ý									+
		* *tơ ý*			+		+	+		+	
		* *tơ* chỉ (tơ ý, mối chỉ)	+								
		mối chỉ				+			+		
		* *tơ* ngó		+							
2243	5	* tơ (< *chỉ*)	+	+	+		+	+	+		
		* *chỉ*				+				+	+
2245	2	* *niềm*	+						+	+	
		lòng		+	+	+	+	+			+
2250	7	* *một*	+		+	+	+	+	+	+	+
		bốn		+							
2253	3,4	kẻ thuộc			+		+	+		+	
		* *thuộc kẻ*	+	+		+			+		+
2254	1	* *Rủ*	+		+	+	+	+	+	+	
		Nhủ		+							+
2255	5	* *hẹn*	+		+	+	+	+	+	+	+
		nặng		+							
2256	6	* *rời // dời*	+		+	+	+	+	+	+	
		dời		+							+
2257	3,4	* dùng *dắng*		+	+		+	+		+	/+/
		* *dùi dắng*	+								
		* *dùi* thẳng				+			+		
2258	5	* *ngọn*	+			+			+		
		bóng		+	+		+	+		+	+

Giáp binh kéo đến quanh nhà,
Đồng ... cùng ... : "Nào là phu nhân?"
Hai bên mười vị tướng quân,
Đặt gươm cởi giáp trước sân khấu đầu.
Cung nga thể nữ ... ... ,
Rằng: "Vâng lệnh chỉ rước chầu vu qui."
Sẵn sàng phượng ... loan nghi,
Hoa ... giấp giới hà y ... ràng.
Dựng cờ nổi trống lên đường,
Trúc tơ ... trước ... vàng kéo sau.
Hỏa bài tiền lộ ruổi mau,
Nam đình nghe động trống chầu đại doanh.
Kéo cờ lũy phát súng thành,
Từ công ... ngựa thân nghênh cửa ngoài.
Rỡ mình lạ vẻ cân đai,
... như xưa.
Cười rằng: "Cá nước duyên ưa,
"Nhớ lời nói những bao giờ hay không?
"Anh hùng mới biết anh hùng,
"Rày xem phỏng đã cam lòng ấy chưa?"

58 B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2260	2 *	*thanh*		+	+	+	+	+	+	+	+
		tiền (< tiếng // tình)	+								
	4 *	*gửi*		+	+			+			+
		hỏi				+	+		+	+	
		dói	+								
2263	5,6 *	theo *sau*		+							+
		theo hầu				+					
	*	*nối* // (nổi) *sau*	/+/		+		+	+	+	+	
2265	4 *	*liễn*	+	+	+		+	+	+	+	+
		tán				+					
2266	2 *	*quan*	+	+		+	+	+	+	+	+
		bay			+						
	7 *	*rỡ* // rõ	/+/				/+/	/+/	/+/	/+/	
	*	*rỡ*		+	+	+					+
2268	3 *	*nổi* // (nối)	+		(+)	+	(+)	(+)	+	(+)	
		dẫn		+							
		dậy									+
	5 *	*đào*	+	+	+		+	+		+	
		kiệu				+			+		+
2272	3 *	*ra*	+	+	+	+	+	+	+		+
		trên // lên								+	
2274	1→6 *	*Hãy còn hàm (cằm) én mày ngài*	+		+	(+)	(+)	(+)	+	(+)	+
		Còn in dáng khách chương đài		+							

Nàng rằng chút phận ngây thơ,
"Cũng may dây cát được nhờ bóng cây.
"Đến bây giờ mới thấy ...
"Mà lòng đã chắc những ngày một hai."
Cùng nhau trông mặt cả cười,
Dan tay về chốn trướng mai tự tình.
Tiệc bày thưởng tướng khao ... ,
... ... trống trận rập rình nhạc quân.
... hoa bõ ... phong trần,
Chữ tình ngày ... thêm ... một ngày.

Trong quân ... lúc vui vầy,
Thong dong mới kể sự ngày hàn vi:
Khi Vô – tích khi Lâm- tri,
Nơi thì lừa đảo nơi thì xót thương.
Tấm thân rày đã nhẹ nhàng,
Chút còn ân ... đôi đường chưa xong.
Từ công nghe ... thủy chung,
Bất bình nổi giận đùng đùng sấm vang.
Nghiêm quân ... tướng sẵn sàng.
Dưới cờ một lệnh vội vàng ruổi sao.

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2281	6	*	*đây*	+	+		+	+		+	+	+
			nhau			+			+			
2285	6	*	*binh*	+	+		+	+		+	+	+
			quân			+			+			
2286	1,2		Ầm ầm				+					
		*	*Om thòm*	+	+	+		+	+	+	+	
			Ầm ùng?									+
2287	1	*	*Vinh*	+	+		+	+	+	+	+	+
			Cho			+						
	4	*	*thuở*	+	+					+		
			lúc			+	+	+	+		+	+
2288	4	*	*lại*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			một									+
	6	*	*thân*	+			+			+		
			xuân		+	+		+	+		+	+
2289	3	*	*nhân*	+			+			+		+
			có		+	+		+	+		/+/	+
2294	4	*	*oán*		+		+	+	+	+	+	+
		*	ái (< *oán*)	+		+						
2295	4	*	*hết*	+						+		
			nói		+	+	+	+	+		+	+
2297	3		tuyển				+					
		*	*chọn*	+	+	+		+	+	+	+	+

Ba quân chỉ ngọn cờ đào,
Đạo ... Vô – tích đạo vào Lâm- tri.
Mấy người phụ bạc xưa kia,
Chiếu danh ... ... về ... tra.
Lại sai lệnh tiễn truyền ...
Giữ ... họ Thúc một nhà cho yên.
Mụ ... ... vãi Giác – duyên,
Cũng sai lệnh tiễn đem tin rước mời.
Thệ sư kể hết mọi lời,
Lòng lòng cũng giận người người chấp uy.
Đạo trời báo phục chỉn ghê,
... ... tóm về ... nơi.
Quân trung gươm ... giáo dài,
Vệ trong thị lập cơ ngoài song phi.
Sẵn sàng tề chỉnh uy nghi,
Bác đồng chật đất tinh kỳ ... sân.
Trướng hùm mở giữa trung quân,
Từ công sánh với phu nhân cùng ngồi.
Tiên nghiêm trống chửa dứt hồi,
Điểm danh trước ... chực ngoài cửa viên.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2300	2	sang		+							
		* *ra*	+		+	+	+	+	+	+	+
2302	3,4	tầm hoạch				+			+		
		* *tìm chọn*	+		+			+			
		tầm nã					/+/			/+/	
		truy nã		+							+
	5	* *bắt*	+		+	+	+	+	+	+	
		điệu		+							
		đem									+
	7	* *đợi*	+			+			+		
		hỏi		+	+		+	+		+	+
2303	6	* *qua*	+		+	+	+	+	+	+	
		ra		+							+
2304	2	* *giàng*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		gìn									+
2305	2,3	* Quản (< *Hoạn) gia*	+			+			+		+
		* *Hoạn* Thư		+	+		+	+		+	
2310	1→4	* *Khéo thay một mẻ*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Chia đi mọi ngả									+
	7	* *đòi*	+						+		+
		đầy		+	+	+	+	+		+	
2311	4	* *lớn*	+	+	+	+	+	+	+		+
		cả								+	
2314	7	* *rợp*		+	+	+	+	/+/	+	+	+
		* vầy // vựng (< *rợp*)	+								
2318	4	* *dẫn*	+		+	+	+	+	+	+	+
		đã		+							

Từ rằng: "Ân oán ... bên,
"Mặc nàng xử quyết báo đền cho minh."
Nàng rằng: "... cậy uy linh,
"Hãy xin báo đáp ân tình cho phu.
"Báo ân rồi sẽ giả thù."
Từ rằng: "Việc ấy ... cho mặc nàng."
... ... Thúc Lang,
Mặt như chàm đổ ... dường dẽ (cầy) run.
Nàng rằng: "Nghĩa ... nghìn ... ,
"Lâm – tri ... cũ chàng còn nhớ không?
"Sâm Thương chẳng vẹn chữ ... ,
"Tại ai, há dám ... lòng cố nhân?
"Gấm trăm cuốn bạc nghìn cân,
"Tạ lòng dễ xứng báo ân gọi là.
"Vợ chàng quỉ quái tinh ma,
"Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau.
"Kiến bò miệng chén chưa lâu,
"Mưu sâu ... giả nghĩa sâu ... vừa."
Thúc sinh trông mặt bấy giờ,
Bồ hôi chàng đã như mưa ướt dầm.

60 A

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2319	5	* *hai*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		đôi									+
2321	3	* *nhờ*	+		+	+	+	+	+	+	
		muộn		+							+
2324	5	để		+		+					+
		* *đây*	+		+		+	+	+	+	
2325	1→4	* *Cho gươm* truy (< *mời*) *đến*	+			+			+		
		* *cho gươm mời đến*			+		+	+		+	
		Sổ danh xướng trước		+							
		Sổ danh trước xướng									+
2326	5	* *thân*	+			+			+		
		mình		+	+		+	+		+	+
2327	4	* *nặng*	+	+					+		+
		trọng			+	+	+	+		+	
	6	* *non*	+	+	+		+	+	+	+	+
		cân				+					
2328	3	* *người*	/+/	+	+	+	+	+		+	+
		ngày							+		
2329	6	* *đồng*	+			+			+		
		tòng		+	+		+	+		+	+
2330	5	* *phụ*	+		+	+	+	+	+	+	+
		trách		+							
2336	3	* *cũng*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		đành									+
	7	* *cho*	+		+	+	+	+	+	+	+
		cũng		+							

Lòng riêng ... ... khôn cầm,
Sợ thay mà lại mừng thầm cho ai.
Mụ già sư trưởng thứ hai,
Thoắt đưa đến trước vội mời ...
... tay mở mặt cho nhìn.
"Hoa ... ... với Trạc – tuyền cũng tôi.
"Nhớ khi lỡ bước sẩy vời,
"Non vàng chưa dễ đền bồi tấm thương.
"Nghìn vàng gọi chút lễ thường,
... lòng Phiếu mẫu mấy vàng cho cân."
Hai người trông mặt tần ngần,
Nửa phần khiếp sợ nửa phần mừng vui.
Nàng rằng: "Xin hãy rốn ngồi,
"Xem cho rõ mặt biết tôi báo thù."
Kíp truyền chư tướng hiến phù,
Lại đem các tích phạm ... hậu tra.
Dưới cờ gươm tuốt ... ra,
Chính danh thủ phạm tên là Hoạn thư.
... trông nàng đã chào ...
"Tiểu thư cũng có bây giờ đến ... !

60 B

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2339	3,4	*	*mừng sợ*	+		+	+	+	+	+	+	+
			khấp khởi		+							
2342	7,8	*	rước (< *lên*) lên (< *trên*)	+	+		+			+	+	
		*	*lên trên*			+		+	+			+
2343	1	*	*Dắt*	+		+	/+/	+	+	+	+	+
			Nhấc		+							
2344	2,3	*	*nó kia*	+	+		+			+		+
			kia nó			+		+	+		+	
2348	1		Mà		+	+	+	+	+	+	+	+
		*	*Mỗ // Mối*	+								
2354	6	*	*tù*	+	+		+			+	+	+
			đồ			+		+	+			
2355	5	*	*mai*	+								
			nắp				+			+		
			hộp		+	+			/+/			+
			trắng					+			/+/	
2357	1	*	*Xa*	+			+			+		+
			Thoắt		+	+		+	+		+	
	6		thưa		+	+		+	+		+	+
		*	*sơ*	+			+			+		
2358	8		nơi			+		+	+		+	
		*	*đây*	+	+		+			+		+

"Đàn bà dễ có mấy tay,
"Đời xưa mấy ... đời này mấy gan!
... là thói hồng nhan,
"Càng cay ... lắm càng oan trái nhiều."
Hoạn thư ... lạc ... xiêu,
Khấu đầu dưới trướng ... điều kêu ca.
Rằng: "Tôi chút dạ đàn bà,
"Ghen tuông ... cũng người ta thường tình.
"Nghĩ cho khi gác viết kinh,
"Với khi ... của dứt tình chẳng theo.
"Lòng riêng riêng ... kính yêu,
"Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai.
"Trót ... gây việc chông gai,
"Còn nhờ lượng ... thương bài nào chăng."
Khen cho: "... đã nên rằng,
"Khôn ngoan đến mực nói năng phải lời.
"Tha ra ... cũng may đời,
"Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen.
"Đã lòng tri quá thì nên."
Truyền quân lệnh xuống trướng tiền tha ngay.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2360	4 *	*mặt*	+	+	+			+	+	+	+
		mật				+					
		mắt					+				
2361	1,2 *	*Dễ dàng*	+	+	+		+	+	+	+	+
		Giở giang				+					
2362	3 *	*ngặt*	+	+	+		+	+		+	
		nghiệt									+
		ngọt				+			+		
2363	3... 5 *	*phách... hồn...*	+	+							+
		hồn... phách...			+	+	+	+	+	+	
2364	5 *	*lựa*	+	+		+					+
		liệu					+			+	
		lộ							+		
		dở			+			+			
2366	3 *	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
		là		+							
2368	3 *	*khỏi*	+	+	+	+		+	+		+
		ra					+			+	
2369	4 *	*cũng*	+		+	+	+	+	+	+	+
		những		+							
2371	2 *	*lòng*	+		+	+	+	+	+	+	
		đà		+							+
2372	4 *	(biển) *bể*	+		+	(+)	+	+	(+)	+	+
		cả		+							
2373	3 *	*thật*	+		+	+	+	+	+	+	
		khéo		+							+
2375	3 *	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
		là		+							

Tạ lòng lạy trước sân mây,
Cửa ... lại dắt một dây dẫn vào.
Nàng rằng: "Lồng lộng trời cao,
"Hại nhân nhân hại sự nào tại ta!"
... là Bạc Hạnh Bạc bà,
... là Ưng Khuyển ... là Sở Khanh,
Tú bà ... Mã Giám sinh,
... ... tình còn sao?
Lệnh ... truyền xuống ... đao,
Thề sao thì lại cứ sao gia hình.
Máu rơi thịt nát tan tành,
Ai ai trông thấy hồn kinh phách rời.
Cho hay muôn sự tại trời,
Phụ người chẳng bõ khi người phụ ta.
Mấy người bạc ác tinh ma,
Mình làm mình chịu kêu mà ai thương!
Ba quân đông mặt pháp trường,
Thanh thiên bạch nhật rõ ràng cho coi.
Việc nàng báo phục vừa rồi,
Giác – duyên vội ... gởi lời từ qui.

61 B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2380	2 *	*viên*	+			+			+		
		hiên		+	+		+	+		+	+
2383	1 *	*Trước*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Nào									+
2384	1... 5 *	*Bên... bên...*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Nào... nào...									+
2385	3 *	*cùng*	+			+			+		
		với		+	+		+	+		+	+
2386	1→ 4 *	*Các tên tội ấy*	/+/		+		+	+	+	+	
	*	*Các tên tội* đã									+
	*	Chính danh *tội* đã		+							
	*	Đẳng danh *tội ấy*				+					
	5 *	*dáng*	+	+	+		+	+		+	+
		xét				+			+		
2387	2 *	*quân*	+		+	+	+	+	+	+	+
		trên		+							
	5 *	*nội*	+		+	+	+	+	+	+	
		khai		+							+
2398	4 *	*đã*	+		+	+	+	+	+	+	+
		vã		+							

Nàng rằng: "Thiên tải nhất ...,
"Cố nhân đã dễ mấy khi bàn hoàn.
Rồi đây bèo ... mây tan,
"Biết đâu hạc nội mây ... là đâu.
Sư rằng: "Cũng chẳng ... lâu,
"Trong năm năm lại gặp nhau đó mà.
"Nhớ ngày hành ... phương xa,
"... sư Tam – hợp vốn là tiên tri.
"... cho hội ... chi kỳ,
"Năm nay là một nữa thì năm năm.
"Mới hay tiền định chẳng lầm,
"Đã tin điều trước ắt nhầm ... sau.
"Còn nhiều ân ... với nhau,
"Cơ duyên nào đã hết đâu vội gì!"
Nàng rằng: "Tiền định tiên tri,
"Lời sư đã dạy ắt thì chẳng sai.
"Họa bao giờ có gặp người,
"Vì tôi cậy hỏi một lời chung thân."
Giác – duyên vâng dặn ân cần,
Tạ từ thoắt đã dời chân cõi ngoài.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2399	6 *	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
		kì		+							
2401	4 *	*hợp*	+	+	+	+	+	+		+	+
		mấy (= với?)							+		
2402	6 *	*ngàn*		+	+	+	+	+	+	+	+
	*	nhàn (< *ngàn*)	+								
2403	5 *	*mấy*	+		+	+	+	+	+		
		bao		+						+	+
2405	4 *	*cước*	+	+	+		+	+	+	+	+
		ước				+					
2406	1 *	*Gặp*	+	+		+	+	+	+	+	+
		Báo			+						
2407	1 *	*Bảo*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Biểu									+
	4 *	*hợp*	+		+	+	+	+	+	+	
		ngộ		+							+
2410	7	điều	+	+	+	+	+	+	+	+	
	*	*việc*	+	+							+
2411	4 *	ái (< *nghĩa*)	+		+	+	+	+	+	+	
	*	*nghĩa*		+							+

Nàng ... ân oán rạch ròi,
... oan dường đã vơi vơi ... lòng.
Tạ ơn lạy trước Từ công:
"Chút thân bồ liễu ... mong có rày!
"Trộm nhờ sấm sét ra tay,
"Tấc riêng như cất gánh đầy đổ đi.
"... xương ... dạ ... chi,
"Dễ đem gan ... đền nghì trời ... !"
Từ rằng: Quốc sĩ xưa nay,
"Chọn người tri kỷ một ... được chăng?
"Anh hùng tiếng đã gọi rằng,
"Giữa đường ... thấy bất bằng mà tha!
"Huống chi việc cũng việc nhà,
"Lọ là ... tạ ... là tri ân,
"Xót nàng còn chút song thân,
"... ... kẻ Việt người Tần cách xa.
"Sao cho muôn dặm một nhà,
"Cho người thấy mặt là ta cam lòng."
Vội truyền sửa tiệc quân trung,
Muôn binh nghìn tướng hội đồng tẩy oan.

62 B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2419	2 *	*từ*	+			+	+	+	+	+	+
		rằng		+	+						
2420	1 *	*Bể (biển)*		+	+	(+)	+	+	(+)	+	+
	?	Sát	+								
	7	cạn									+
	*	*cạnh*		+	+	+	+	+	+	+	
	*	góc (< *cạnh*)	+								
2422	5	còn								+	
	*	*nào*	+	+		+			+		+
		mà			+		+	+			
2425	1 *	*Chạm*	+			+			+		+
		Khắc		+			+	+		+	
		Nét // Nát			+						
	3 *	*chép*	+	+	+		+	+		+	+
		ghi				+			+		
	5 *	*xiết*	+		+	+	+	+	+		+
		kể								+	
		nói		+							
2426	4 *	ốc (< *óc?*) [illegible]	+								+
	*	*óc* 腛		+	+	+	+	+	+	+	
	8 *	*mây*	+	+		+	+	+	+	+	+
		xanh			+						
2428	6 *	*ngày*	+	+	+	+	+	+		+	+
		người							+		
2430	3 *	*dẫu*	+		+	+	+	+	+	+	
		khi		+							+
2432	3 *	*thâm*	+	+	+		+	+	+	+	+
		thân				+					
	5 *	*mới*	+		+	+	+	+	+	+	+
		với		+							
2434	1,2 *	*Bấy nay*			+	+	+	+	+	+	
	*	Bây // *bấy nay*	+								
	*	Bây // *bấy* lâu									+
	*	*Bấy* lâu		+							

Thừa cơ trúc chẻ ... tan,
Binh uy từ ... sấm ran trong ngoài.
Triều đình riêng một góc trời,
... hai văn võ rạch đôi sơn hà.
Đòi cơn gió ... mưa sa,
Huyện thành đạp đổ năm tòa ... Nam.
Phong trần mài một lưỡi gươm,
Những ... ... áo túi cơm sá gì.
Nghênh ngang một cõi biên thùy,
Thiếu gì cô quả thiếu gì bá vương!
Trước cờ ai dám tranh cường,
Năm năm hùng cứ một phương hải tần.

Có quan tổng đốc trọng thần,
Là Hồ Tôn - hiến kinh luân gồm tài.
Dẫy xe vâng chỉ đặc sai,
Tiện nghi ... tiễu việc ngoài đổng ...
Biết Từ là đấng anh hùng,
Biết nàng cũng dự quân trung luận bàn.
Đóng quân làm ... chiêu an,
... ... sai quan thuyết hàng.

63 A

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2439	5	* *ngói* (> /khối/)	/+/								+
		đá				+			+		
		* khối (< *ngói*)			+		+	+		+	
		* khói (< *ngói*)		+							
2440	4	* *ấy*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		đó									+
2442	1	* *Gồm*	+	+	+		+	+	+	+	+
		Sánh				+					
2443	4	* *quét*	+	+	+		+	+	+		+
		quạt				+					
		táp								+	
2444	7	* *cõi*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Hải									+
2446	2	* *loài*	+	+	+	+	+	+	+		+
		phường								+	
	3	* *giá*	+	+		+			+	+	+
		da			+		+	+			
2454	3	* *bát*	+		+	+	+	+	+	+	
		phủ		+							+
	8	* *nhung*		+	+	+	+	+	+	+	+
		* qua (< *nhung*)	+								
2457	4	* *chước*	+		+	+	+	+	+	+	+
		lễ		+							
2458	1→4	* *Ngọc vàng gấm vóc*	+		+	+	+	+	+	+	
		Phong thư mâm lễ		+							+

Lại riêng một lễ với nàng,
Hai tên thể nữ ngọc vàng nghìn cân.
Tin vào gởi trước ... ... ,
Từ công riêng ... mười phân hồ đồ.
Một tay gây dựng cơ đồ,
... lâu bể Sở sông Ngô tung hoành.
Bó thân về với triều đình,
Hàng thần ... ... phận mình ra đâu?
Áo xiêm ... ... lấy nhau,
Vào luồn ra cúi công hầu mà chi?
Sao bằng riêng một ... thùy,
Sức này đã dễ làm gì được nhau!
... trời quấy nước mặc dầu,
Dọc ngang nào biết trên đầu có ai!
Nàng ... thật dạ tin người,
... ... nói ngọt nghe lời dễ xiêu.
... mình mặt nước cánh bèo,
Đã nhiều lưu lạc ... nhiều gian truân.
... nay chịu tiếng vương thần,
Thênh thênh đường cái thanh vân hẹp gì!

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2461	5,6 *	*trung quân*	+	+		+			+		+
		quân trung			+		+	+		+	
2462	4 ?	nghĩ	+			+			+	+	
	*	*hãy*		+	+		+	+			+
2464	1 *	*Bấy*		+	+	+	+	/+/	+	+	+
	*	Bây // *Bấy*	+								
2466	3,4 *	*lơ láo*	+	+		+			+		+
		ngu lão			+		+	+		+	
2467	3,4 *	*buộc trói*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		ràng buộc									+
2469	5 *	*biên*	+	+	+	+	+	+		+	+
		bến // biển							+		
2471	1 *	*Chọc*		+							+
	*	*chọc* // đục	+		+	+	+	+	+	+	
2473	2 *	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
		đà		+							
2474	1,2 *	Của *nhiều*									+
	*	*Lễ nhiều*	+	+		+	+		+	+	
		Cùng nhau			+			+			
2475	1 *	*Nghĩ*		+	+	+	+	+	+	+	+
	?	Thì	+								
2476	5 *	*lại*		+	+	+	+	+		+	+
	?	đã	+						+		
2477	1 *	*Bằng*	+	+	+		+	+	+	+	+
		Rằng				+					

Công tư vẹn cả hai bề,
Dần dà rồi sẽ liệu về cố hương.
Cũng ngôi mệnh phụ đường đường,
Nở nang mày mặt ... ràng mẹ cha.
Trên vì nước dưới vì nhà,
Một là đắc hiếu hai là đắc trung.
Chẳng hơn chiếc bách giữa dòng,
E dè sóng ... hãi hùng ... .
Nhân khi bàn bạc gần xa,
Thừa cơ nàng mới bàn ra nói vào.
Rằng: ... thánh ... dồi dào,
“Tưới ra đã khắp thấm vào đã sâu.
“Bình thành công đức bấy lâu,
“Ai ai cũng đội trên đầu ... bao.
“Gẫm từ ... việc binh đa ,
“Đống xương Vô – định đã cao ... đầu.
“Làm chi để tiếng về sau,
Nghìn năm ai có khen đâu ... Sào!
“Sao bằng lộc trọng quyền cao,
“Công danh ai dắt lối nào cho qua?”

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2482	5 *	*rỡ*	+	+		+					+
		rõ			+		+	+	+	+	
2486	4	vỗ									+
	*	*gió*	+	+	+	+	+	+	+	+	
	7,8	nước sa									+
	*	*cỏ hoa*	+	+	+	+	+	+	+	+	
2489	2,4 *	trong......... *đế*			+	+	+	+	+	+	
		trong......... trạch		+							+
	*	*ơn.......... đế*	/+/								
2492	7	xiết		+		+			+		
	*	*biết*	/+/		+		+	+		+	+
2493	3 *	*dấy*	+	+	+	+	+	+	+		+
		gây								+	
2494	7 *	*bằng*	+	+	+		+	+	+	+	+
		hơn				+					
2496	7 *	*Hoàng*		+	+	+	+	+	+	+	+
		Hợi	+								

Nghe lời nàng nói mặn mà,
Thế công Từ mới trở ra thế ... .
Chỉnh nghi tiếp sứ vội vàng,
Hẹn kỳ thúc giáp quyết đường giải binh.
Tin lời thành hạ yêu minh,
Ngọn cờ ngơ ngác trống canh trễ tràng.
Việc binh bỏ chẳng giữ giàng,
Vương sư ... ... tỏ tường thực hư.
Hồ công quyết kế thừa cơ,
Lễ tiên binh hậu khắc cờ ... công.
Kéo cờ chiêu phủ tiên phong,
Lễ nghi giàn trước bác đồng phục sau.
Từ ... hờ hững biết đâu?
Đại quan lễ phục ra đầu cửa viên.
Hồ công ám hiệu ... ... ,
Ba bề phát súng bốn bên kéo cờ.
Đang khi bất ý ... ngờ,
Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn.
Tử sinh liều ... trận tiền,
Dạn dày cho biết gan liền tướng quân.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2500	8 *	*hàng*		+	+	+	+	+	+	+	+
		tràng, trường	+								
2506	3,4 *	*dòm dã*	+		+	+		/+/	+		+
	*	nghe *dã*					+			+	
		đã thấy		+							
2508	7 *	*tập*	/+/	+	+		+	+	+	+	+
		giáp				+					
2511	2 *	*công*	+		+	+	+	+	+	+	+
		còn		+							
2513	5,6 *	*trận tiền*	+		+	+	+	+	+	+	+
		mật truyền		+							
2515	5 *	*chẳng*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		ai									+
2517	4 *	*giữa*	+	+	+	+	/+/	+	+		+
		trong								+	

Khí thiêng ... đã về thần,
Nhơn nhơn còn đứng chôn chân ... vòng.
Trơ như đá vững như đồng,
Ai lay ... ... ai rung ... dời.
Quan quân ... ... dài,
... ... sát khí ngất trời ai đang.
Trong hào ngoài lũy tan hoang,
Loạn quân vừa dắt tay nàng đến nơi.
Trong vòng tên đá bời bời,
Thấy Từ còn đứng giữa trời trơ trơ.
Khóc rằng: "Trí dũng có thừa,
"Bởi nghe lời thiếp đến cơ hội này!
"Mặt nào trông thấy nhau đây?
... liều sống ... một ngày với nhau."
Dòng thu như ... ... sầu,
Dứt lời nàng cũng gieo đầu một bên.
Lạ thay oan khí tương triền!
Nàng vừa phục ... Từ liền ngã ra.
Quan quan kẻ lại người qua,
Xót nàng sẽ lại ... ra dần dần.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2519	3 *	*khi*	+		+	+	+	+	+	+	+
		tuy		+							
2520	7 *	*giữa*	+	+		+	+		+	+	+
		vào			+			+			
2522	3 *	*chẳng*	+			+			+		+
		cho		+	+		+	+		+	
	4 *	*chuyển*	+	+	+	+	+	+		+	+
		động							+		
	7 *	*chẳng*	+		+	+	+	+	+	+	+
		cho		+							
2523	3,4,5	thừa thế giục									+
		truy sát chây	+								
	*	*truy sát đuổi*		+	+	+	/+/	+	+	/+/	
2524	1,2	Ẩm ầm					+			+	
	*	*Ù ù*	+	+	/+/	+		/+/	+		+
2532	1 *	*Thà // (thè)*	(+)		+	+	+	+	+		+
		Cũng		+						+	
	4 *	*chết*	+			+					
		thác		+	+		+	+	+	+	+
2533	4 *	*xối*	+		+		+	+		+	
		chảy		+		+			+		
		gội									+
	5 *	*cơn*	+	+	+		+	+	+	+	+
		mạch				+					
2536	4 *	*xuống*		+		+					+
	*	hạ // *xuống*	+		+		+	+	+	+	
2538	5 *	*vực*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		giắt									+

... vào đến trước trung quân,
Hồ công thấy mặt ân cần hỏi han
Rằng: "Nàng chút phận hồng nhan,
"Gặp cơn binh cách ... nàn cũng thương.
"Đã hay thành toán miếu đường,
"Giúp công cũng có lời nàng mới nên.
Bây giờ sự đã vẹn tuyền,
"Mặc lòng nghĩ ... muốn xin bề nào.."
Nàng càng ... ngọc ... dào,
Ngập ngừng mới gởi thấp cao sự lòng.
Rằng: "Từ là đấng anh hùng,
Dọc ngang trời rộng vẫy vùng bể khơi.
"Tin tôi nên quá nghe lời,
"... thân bách chiến làm tôi triều đình.
"Ngỡ là phu quí ... vinh,
"Ai ngờ một phút tan tành thịt xương!
"Năm năm trời bể ngang tàng,
... ... bỏ chiến trường như không.
"... ... kể lấy làm công,
"Kể bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu.

65 B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2539	1	* *Đem*	+			+			+		
		Dẫn		+	+		+	+			+
		Đưa								/+/	
2542	5	* *nhiều*	+		+	+	+	+	+	+	+
		nghèo		+							
2546	4	đó	+						+		
		* *lấy*		+	+	+	+	+		+	+
2547	3	giọt		+						+	+
		* *đũa*	+								
		tủi			+			+			
		đổ // dỏ				+	/+/		+		
	5	* *tuôn*	+	+	+	+		+	+	+	+
		dầm					+				
2552	1	* *Đưa*	+		+	+		+	+		
		Đem		+							+
		Ôm					+			+	
2553	5	* *phụ*	+	+	+		+	+	+	+	+
		thê				+					
2556	1,2,3	* *Đem mình đi*	+			+			+		
		* *Đem* thân *đi*		+							
		Thoắt đem mình									+
		* Dẫn *mình đi*					+	+		+	
		* Dấn *mình đi*			+						
2557	1,2	Hại chồng		+		+			+		
		* *Khéo khuyên*	+		+		+	+		+	+

"Xét mình công ít tội nhiều,
"Sống thừa tôi đã nên liều mình tôi.
"Xin cho ... ... một doi,
"Gọi là đắp ... lấy người tử sinh."
Hồ công nghe nói thương tình,
Truyền cho kiểu táng di hình bên sông.
... ... mở tiệc hạ công,
Xôn xao tơ trúc hội đồng quân quan.
Bắt nàng thị yến dưới màn,
Dở say lại ép ... đàn nhặt tâu.
Một cung gió ... mưa sầu,
Bốn ... ... máu năm đầu ... tay.
Ve ngâm vượn hót nào tầy,
Lọt tai Hồ cũng nhăn mày rơi châu.
Hỏi rằng: "Này khúc ở đâu?
"Nghe ra muôn ... nghìn sầu lắm thay!"
Thưa rằng: "Bạc ... khúc này,
"Phổ vào đàn ấy những ngày còn thơ.
"Cung ... lựa những ngày xưa,
"Mà gương bạc mệnh bây giờ là đây!."

66 A

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2561	3,4 *	*thiển thổ*	+	+							+
	*	tiện (< *thiển) thổ*				+		+	+	+	
	*	tiện sĩ (< *thổ*)			+		/+/				
2562	4 *	điếm (< *để*)		+		+	+	+	+	+	+
	*	*để*	+		+						
2565	1,2 *	*Trong quân*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Quân trung									+
2568	5 *	*vặn*	+	+	+	+		+	+		+
		cung					+			+	
2569	4 *	*tủi*	+	+	+		+	+			+
		thảm				+			+	+	
2570	2 *	*cung*	+		+		+	+	+		
		dây		+		+				/+/	+
	3 *	*nhỏ*	+	+		+	+	+	+	+	+
		rỉ			+						
	7 *	*ngón*		+		+					
	*	ngọn (< *ngón*)	+		+		+	+	+	+	+
2574	4 *	*oán*	+		+		+	+		+	+
		thảm		+		+			+		
2575	4 *	*phận*	+		+	+	+	+	+		
		mệnh		+						+	+
2577	2	đàn	+			+			+		
	*	*cầm*		+	+		+	+		+	+

... ... càng say,
... cho mặt sắt cũng ngây vì tình!
Dạy rằng: "Hương ... ba sinh.,
"Dây loan xin nối cầm lành cho ai."
Thưa rằng: ... phận lạc loài,
"Trong mình nghĩ đã có người thác oan.
"Còn chi ... cánh hoa tàn,
"Tơ lòng đã dứt dây đàn Tiểu Lân.
"Rộng ... còn mảnh hồng quần,
"Hơi tàn được thấy gốc phần là may."
Hạ công chén đã quá say,
Hồ công đến lúc rạng ngày nhớ ra.
Nghĩ mình phương diện quốc gia,
Quan trên nhắm xuống người ta trông vào.
Phải tuồng trăng gió hay sao,
... ... biết tính thế nào ... ...
... nha vừa buổi sáng ngày,
Quyết tình ... mới đoán ngay một bài.
Lệnh quan ai dám ... lời,
Ép tình ... gán cho người thổ quan.

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2579	1→ 4	*	*Nghe càng đắm,* ngắm								+	
		*	*Nghe càng đắm, đắm*	+		+		/+/	+	+		
		*	*Nghe càng* ngấm, ngấm				+					
		*	Càng nghe càng *đắm*		+							+
2580	1	*	*Lạ*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			Dẫu									+
2581	4	*	*lửa*		+				+			+
		*	hỏa // *lửa*	+		+	+	+		+	+	
2583	3	*	*xót // trót*	+								
		?	chút		+	+	+	+	+	+	+	+
2585	3	*	*nữa*	+		+	+	+	+	+	+	+
			là		+							
2587	2	?	thương		+	+		+	+		+	+
		*	*cho*	+			+			+		
2594	1,2	*	*Sự này*	+		+	+	+	+	+	+	+
			Lỡ lời		+							
	7,8	*	*được đây*	+		+	+	+	+	+	+	+
			là hay		+							
2595	1	*	*Tảo*	+		+	+		+	+	+	
			Công		+			+				+
2596	3	*	*Công*	+		+	+	+	+	+	+	
			Hồ		+							+
2597	5	*	*cãi*		+	+	+	/+/			/+/	+
		*	than // han (< *cãi*)	+						+		
			ngăn 口根						+			
2598	3	*	*mới*		+	+	+	+	+		+	+
		?*	là (< *mới*)	+						+		

Ông tơ thật nhẽ đa đoan!
Xe ... ... khéo: vơ ... vơ xiên!

Kiệu hoa áp thẳng xuống thuyền,
Lá màn rủ thấp ngọn đèn khêu cao.
Nàng càng ủ liễu phai đào,
Trăm phần nào có phần nào phần tươi?
Đành thân cát dập sóng vùi,
Cướp công cha mẹ thiệt đời thông minh.
Chân trời mặt bể lênh đênh,
Nắm xương biết gởi tử sinh chốn nào?
Duyên đâu ai dứt tơ đào,
Nợ đâu ai đã dắt vào ... .
Thân sao thân đến thế này?
Còn ngày nào ... ... ngày ấy thôi.
Đã không biết sống là vui,
... thân nào biết thiệt ... là thương.
Một mình cay đắng trăm đường,
Thôi ... nát ngọc tan vàng ... thôi.
Mảnh ... đã ... non đoài,
Một mình luống những đứng ngồi chưa xong.

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2600	2	*	*tơ*	+		+	+	+	+	+	+	+
			dây		+							
	3	*	*sao*		+	+		+	+		+	+
			khen				+					
			cho							+		
			chửa	+								
	6	*	*càn*	+	+	+		+	+	+	+	+
			quàng				+					
2610	7,8		tạn nơi									+
		*	*tạn tay*	+	+	+			+	+		
		*	tận *tay*				+	+			+	
2612	4	*	*cũng*	+	+	+	+		+	+		+
			nữa					+			+	
	5		như					+			+	
		*	*dư*	+	+	+			+	+		+
			dơ				+					
2614	1	*	*Hoài*	+			+			+		
			Tấm		+	+		+	+		+	+
	6	*	*thòi*	+			+			+		
			rồi		+	+		+	+		+	+
2616	2	*	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
			là		+							
	7	*	*thì*	+	+	+		+	+	+	+	+
			là				+					
2617	2		trăng		+	+		+	+		+	+
		*	*gương*	+			+			+		
	4		gác		+	+		+	+		+	+
		*	*ngậm*	+			+			+		

Triều đâu nổi tiếng đùng đùng,
Hỏi ra mới biết rằng sông Tiền – đường.
Nhớ lời thần mộng rõ ràng,
Này thôi hết kiếp đoạn trường ... đây.
"Đạm Tiên nàng ... ... hay,
"Hẹn ta thì ... dưới này rước ta."
Dưới đèn sẵn bức tiên hoa,
Một thiên tuyệt ... gọi là để sau.
Cửa ... vội ... rèm châu,
Trời cao ... rộng một màu bao la.
... ... hậu đãi ta,
"... vì việc nước mà ra phụ lòng.
"... chồng mà lại lấy chồng,
"Mặt nào ... lại đứng trong cõi đời?
"Thôi thì một thác cho rồi,
Tấm lòng phó mặc trên trời dưới sông."
Trông vời con nước mênh mông,
Đem ... gieo xuống giữa dòng trường giang.
Thổ quan theo vớt vội vàng,
Thì đà đắm ngọc ... hương ... rồi (1)

(1) Ở bản 1870: Nàng đà đắm ngọc...

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2622	7	*	*là*	+		+	+	+	+	+	+	+
			từ		+							
2623	4	*	*nhé // nhẽ*	(+)	+	+		+	+	+	+	+
			hỡi				+					
	5	*	*có*		+	+	+	+	+	+	+	+
			cho	+								
2624	4	*	*đợi*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			phải									+
2626	4	*	*bút*	+		+	+	+	+	+	+	+
			mệnh		+							
2627	2	*	*bồng*	+			+			+		+
			buồng		+							
			phòng			+		+	+		+	
	4	*	*thác* (= vén lên)	+								
			mở		+	+	+	+	+	+	+	+
2628	3		sông		+							+
		*	*bể* (biển)	+		+	(+)	+	+	(+)	+	
2629	1,2, 3	*	*Rằng Từ công*	+	+		+			+		+
			Từ công rằng					+	+		+	
		*	Từ rằng *công*			+						
2630	1	*	*Chút*	+		+	+	+	+	+	+	+
			Xót		+							
2631	1		Chết		+							+
		*	*Giết*	+		+	+	+	+	+	+	
2632	3	*	*mà*	+		+		+	+	+	+	+
			còn		+		+					
2636	2	*	*mình*	+		+	+	+	+	+	+	+
			thân		+							
2638	5	*	*chìm*	+	+		+	+		+	+	+
			tiềm			+			+			
	7		mất				+					
			quá									+
		*	*đã*	+	+			+		+	+	
			cho			+			+			

Thương thay cũng một ... người,
... thay mang lấy sắc tài làm chi!
Những là oan khổ lưu ly,
Chờ cho hết kiếp còn gì là thân!
Mười lăm năm bấy nhiêu lần,
Làm gương cho khách hồng quần thử soi.
Đời người đến thế ... thôi,
Trong cơ ... ... khôn hay.
Mấy người ... nghĩa xưa nay,
Trời làm ... đến lâu ngày ... thương!

Giác - duyên từ tiết giã nàng,
... bầu quảy níp rộng đường vân du.
Gặp bà Tam – hợp đạo cô,
Thong dong hỏi hết nhỏ to sự nàng:
"Người sao hiếu nghĩa đủ đường,
"Kiếp sao ... những đoạn trường thế thôi?"
Sư rằng: "... ... ... trời,
"Cỗi nguồn cũng ở lòng người mà ra.
"... trời mà cũng tại ta,[1]
"Tu là cỗi phúc tình là dây oan.

(1) Riêng ở bản QVĐ/1879 hai chữ "tại ta" được khắc thành " 益 些 " Cần tìm hiểu thêm.

68 A

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2639	5 *	*thân*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		kiếp									+
2640	1 *	*Hại*	+				+		+	+	+
		Khéo		+	+	+		+			
2645	5 *	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
		là		+							
2646	2 → *	*âm cực dương hồi*		+			+			+	+
	6 *	dương *cực* âm *hồi*	+		+	+		+	+		
2647	3 *	vì (< *hiếu?*)	+		+	+	+	+	+	+	
	*	*hiếu*		+							+
2648	3 *	*chi*	+		+	+	+	+	+	+	+
		cho		+							
	7 *	*càng*	+		+	+	+	+	+	+	+
		lại		+							
2650	1 *	*Treo*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Đeo									+
2654	3 *	*rặt*	+		+			+	+		+
		mắc		+		+					
		chịu					+			+	
2655	3,4 *	*Phúc họa*	+		+		+	+	+	+	+
		Họa phúc		+		+					
	5 *	*đạo*	+		+	+	+	+	+	+	+
		tại		+							
2657	1 *	*Có*	+		+	+	+	+	+	+	
		Tại		+							+

"... Kiều sắc sảo khôn ngoan,
"Vô duyên là phận hồng nhan đã đành.
"Lại mang lấy một chữ tình,
"Khư khư mình buộc lấy mình vào trong.
"Vậy nên những ... thong dong,
"Ở không yên ổn ngồi không vững vàng.
"Ma ... lối quỉ đem đường,
"Lại tìm những ... đoạn trường mà đi.
"Hết nạn ấy đến nạn kia,
"Thanh lâu hai lượt thanh y ... lần.
"... vòng giáo dựng gươm trần,
"Kề răng hùm sói gởi thân tôi đòi.
"Giữa ... nước dẫy sóng giồi,
"Trước hàm rồng cá gieo ...
"Oan kia theo mãi với tình,
"Một mình mình ... một mình mình hay.
"... ... sống đọa thác đày,
"Đoạn trường cho hết kiếp này mới thôi."
... - duyên nghe nói rụng rời:
"Một đời nàng ... thương ôi còn gì!"

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2659	1	*	*Thúy*	+	+	+	+		+	+	+	+
			Đời					+				
2663	4	*	*chốn*		+		+					+
		*	tính (< *chốn*)	+		+		+	+	+	+	
2665	2	*	*giủi*	+								
			mách		+							
			đưa			+			+			+
			dắc				+			+		
			dẫn					+			+	
2666	4	*	*chốn*		+		+			+		+
		*	tính (< *chốn*)	+		+			+			
			lối					+			+	
2668	7	*	*hai*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			một									+
2669	1	*	*Giữa*	+	+	+		+	+		+	+
			Trong				+			+		
2671	2	*	*vòng*	+	+	+		+	+		+	
			dòng				+			+		+
2672	6	*	*mồi*		+						+	+
		*	mình (< *mồi*)	+		+	+	+	+	+		
	7,8	*	*thủy tinh*	+	+		+			+		
		?	vắng tanh			+		+	+		+	+
2674	4	*	*biết*	+		+	+	+	+	+	+	
			chịu		+							+
2675	1,2	*	*Làm cho*		+	+	+	+	+	+	+	+
		*	Cho làm (< *làm cho*)	+								
2677	1	*	*Giác*	+	+	+	+	+	+		+	+
			Học							+		
2678	4	*	*nhẽ // nhé*	+	+	+		+	+	+	+	+
			hỡi				+					

Sư rằng: "Song chẳng hề chi,
"Nghiệp duyên ... lại ... đi còn nhiều.
"Xét trong tội ... Thúy Kiều,
"Mắc điều tình ái khỏi điều tà dâm.
"Lấy tình thâm giả ... thâm,
"Bán mình đã động hiếu tâm đến trời.
"Hại một người cứu ... người,
"Biết đường khinh trọng biết lời phải chăng.
"Thửa công đức ấy ai bằng?
"Túc khiên đã rửa lâng lâng sạch rồi.
"... nên trời cũng chiều người,
"Nhẹ nhàng nợ trước đền bồi ... sau.
"Giác – duyên dù nhớ nghĩa nhau,
"Tiền - đường ... một ... lau rước người.
"Trước sau cho vẹn một lời,
Duyên ta mà cũng phúc trời chi không!"
Giác – duyên nghe nói mừng lòng,
Lân la tìm ... bên sông Tiền – đường.
Đánh tranh ... ... thảo đường,
Một gian nước biếc mây vàng chia đôi.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2680	3 *	*cân*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		nhắc									+
	5 *	*nhắc*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		cân									+
2681	4 *	*nghiệp*	+		+	+	+	+	+	+	+
		án		+							
2683	5 *	*tình*	+		+		+	+	+	+	+
		nghĩa		+		+					
2685	5 *	một (< *muôn*)	+		+			+			+
	*	*muôn*		+		+	+		+	+	
2689	1 *	*Khi*	+	+	+	+	+	+		+	+
		Kì							+		
2690	7 *	*duyên*	+	+	+		+	+	+	+	+
		ơn				+					
2692	3 *	*thả*	/+/			+			+		+
	*	đến // điển (< *thả*)		+	+		+	+		+	
	5 *	*bè*		+						+	+
	*	vi // *vỉ* // *bè*	+		+	+	+	+	+		
2696	4 *	*thú*	+	+	+	+	+		+	+	+
		đón						+			
2697	3 *	*chụm*	+	+	+		+	+	+	+	+
		nhóm				+					
	4 *	*nóc*	+	+	+	+	+	+	+		+
		mái								+	

... năm ngư phủ hai người,
Đóng thuyền chực bến kết chài dăng sông.
Một lòng chẳng quản mấy công,
Khéo ... gặp gỡ cũng trong chuyển vần!
Kiều từ gieo xuống ... ngân,
Nước xuôi bỗng đã ... dần tạn nơi.
Ngư ông ... lưới vớt người,
Ngẫm lời Tam – hợp rõ mười chẳng ngoa.
Trên mai ... ... áo là,
Tuy dầm hơi nước chưa lòa bóng gương.
Giác - duyên ... thật mặt nàng,
Nàng còn thiếp thiếp giấc vàng chưa phai.
Mơ màng phách quế hồn mai,
Đạm Tiên thoắt ... thấy người ngày xưa.
Rằng: "Tôi đã có lòng chờ,
"Mất công ... mấy năm thừa ở đây.
"Chị sao phận mỏng ... dày,
"Kiếp ... ... vậy ... này dễ ai!
"Tấm ... đã thấu đến trời,
"Bán mình là hiếu cứu người là nhân.

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2699	1	*	*Thuê*	+	+	+		+	+	+	+	+
			Mướn				+					
2702	2	*	*trong*	+		+	+	+	+	+	+	
			thay		+							+
2703	5	*	*duềnh*	+	+	+		+	+		+	+
			dòng				+			+		
2704	5	*	*trôi*	+	+	+	+	+	+	+		+
			nổi								+	
2705	3	*	*kéo*	+	+	+		+	+	+	+	+
			cất				+					
2707	3,4	*	*lướt sướt*	+	+	+		+	+	+	+	
		*	*lướt* mướt									+
			ướt lột				+					
2709	3	*	*nhìn*	+		+		+	+	+	+	+
			nhận		+		+					
2712	4	*	*lại*	+						+		
			đã		+	+	+	+	+		+	+
2714	3	?	mười		+							+
		*	*đã* (< mười?)	+		+	+	+	+	+	+	
2715	5	*	*đức* (< phúc)	+		+	+	+	+	+	+	
			phúc		+							+
2716	2		xưa									+
		*	*này*	+	+	+	+	+	+	+	+	
	3	*	*cũng*	+		+	+	+	+	+	+	
			đã		+							+
	5	*	*lòng*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			kiếp									+
2717	2	*	*thành*	+		+	+	+	+	+	+	
			lòng		+							+

“Một ... vì nước vì dân,
... công ... một đồng cân đã già.
“Đoạn trường sổ ... tên ra,
“Đoạn trường ... ... mà giả nhau.
“Còn nhiều hưởng thụ về ... ,
“Duyên xưa ... ... phúc ... dồi dào.”
Nàng còn ngơ ngẩn biết sao,
Trạc – tuyền! Nghe tiếng gọi vào bên tai.
Giật mình thoắt tỉnh giấc mai,
Bâng khuâng nào đã biết ai mà nhìn.
Trong thuyền nào thấy Đạm Tiên,
Bên mình chỉ thấy Giác – duyên ngồi kề.
Thấy nhau mừng rỡ trăm bề,
Dọn thuyền mới rước nàng về thảo lư.
Một nhà chung chạ sớm trưa,
Gió trăng mát mặt muối dưa chay lòng.
... bề bát ngát mênh mông,
Triều dâng hôm sớm mây lồng trước sau.
Nạn xưa trút sạch làu làu,
Duyên xưa chưa dễ biết đâu chốn này.

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2719	2	*	mình (< *niềm*)	+		+	+	+	+	+	+	
		*	*niềm*		+							+
2720	1	*	Dương (< *Âm*)	+		+	+	+	+	+	+	
		*	*Âm*		+							+
	3	*	*cất*	+	+	+		+	+		+	+
			nhắc				+			+		
2721	4	*	*rút* 捽	+	+	+	+	+		+	+	+
			tháo 村						+			
2722	3	*	*thơ*	+	+	+		+	+	+	+	+
			phải				+					
	4	*	*phải*	+	+	+		+	+	+	+	+
			đến				+					
	5	*	*nghênh* (< đưa)	+		+		+	+	+	+	
			đưa		+							+
			để				+					
2723	6	*	*lâu*								+	+
		*	sau (< *lâu*)	+	+	+	+	+	+	+		
2724	3,4	*	*tròn trặn*	+	+		+			+		+
			đầy đặn			+		+	+		+	
	6	*	*sau*	+			+			+	+	+
			lâu		+	+		+	+			
2735	1	*	*Bốn*		+	+	+	+	/+/		+	
		*	Tư (< *Bốn*)	+						+		+

Nỗi nàng tai ... đã đầy,
Nỗi chàng Kim Trọng bấy chầy mới thương.
Từ ngày muôn dặm ... tang,
Nửa năm ở đất Liêu – dương lại nhà.
Vội sang vườn Thúy dò la,
Nhìn ... ... nay đà khác xưa.
Đầy vườn cỏ mọc ... thưa,
Song ... quạnh quẽ vách mưa rã rời.
Trước sau nào thấy ... người,
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.
... ... én ... ... không,
Cỏ lan mặt đất rêu phong dấu giày.
Cuối tường gai góc mọc đầy,
Đi về này những lối này năm xưa.
Chung quanh ... ... như tờ,
Nỗi niềm tâm sự bây giờ hỏi ai?
Láng giềng có kẻ sang chơi,
Lân la sẽ hỏi một hai sự tình.
Hỏi ông ông mắc tụng đình,
Hỏi nàng nàng đã bán mình chuộc cha.

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2739	4	*	*nạn*	+	+	+		+	+	+	+	+
			hại				+					
2741	5	*	*trì*	+			+			+		
		?	phù		+	+		+	+		+	+
2744	2		xem		+							+
		*	*phong*	+		+	+	+	+	+	+	
	3,4		phong cảnh		+							+
		*	*cảnh cũ*	+		+	+	+	+	+	+	
2745	5	*	*lau*	+		+	+	+	+	+	+	
			lứa		+							+
2746	2	*	*trăng*	+		+	+	+	+	+	+	
			mây		+							+
2747	5	*	*bóng*	+		+	+	+	+	+	+	+
			mặt		+							
2749	1,2	*	*Xập xè*	+	+	+		+	+		+	+
			Quế (khuê) hoa				+			(+)		
	4	*	*lạnh*	+		+	+	+	+	+		
			liệng		+						+	+
	5	*	*lầu*	+		+		+	+			
			rường				+			+	/+/	+
			tường		+							
2753	3	*	*lạnh* (lãnh)	(+)	+	+	+	+	+	+	+	
			lặng									+
	4		nhẫn (nhãn)	(+)								
		*	*ngắt*		+	+	+	+	+	+	+	+

Hỏi nhà nhà đã dời xa,
Hỏi ... ... cùng là Thúy Vân.
Đều ... sa sút khó khăn,
... ... kiếm ăn lần hồi.
Điều đâu sét đánh lưng trời,
Thoạt nghe chàng thoắt rụng rời xiết bao.
... ... di trú nơi nao,
... đường chàng mới tìm vào tận nơi.
Nhà tranh vách đất tả tơi,
... ... rèm ... trúc gài phên thưa.
Một sân đất cỏ dầm mưa,
Càng ngao ngán nỗi càng ngơ ngẩn dường.
Đánh liều lên tiếng ... ...
Chàng Vương nghe tiếng vội vàng chạy ra.
Dắt tay vội ... vào nhà
Mé sau viên ngoại ông bà ra ngay
Khóc than kể hết niềm tây:
"Chàng ôi biết nỗi nước này cho chưa?
"Kiều nhi phận mỏng như tờ,
"Một lời đã lỗi tóc tơ với chàng.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2760	2,3, 4	* *Chàng Vương* Quan	+		+		+	+		+	
		* *chàng Vương với*				+			+		+
		Vương Quan lại		+							
2761	2	* *nay*	+		+		+	+		+	
		là		+		+			+		+
2762	1,2	Thuê may	+		+		+	+	+	+	
		* *May thuê*		+		+					+
	3,4	bán viết	+		+		+	+	+	+	
		* *viết mướn*		+		+					+
2765	1,2	* *Vội han*	+	+	+		+	+	+	+	
		Hỏi thăm				+					+
2766	1	* *Đánh*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Kiếm									+
2768	1,2	* *Lau treo*	+	+	+		+	+	+	+	+
		Rêu lan				+					
	4	* *nát*	+		+	+	+	+	+	+	
		thấp		+							+
2771	5,6	* *ngoài* đường				+					
		* *ngoài tường*		+	+		+	+	+	+	+
		tường ngoài	+								
2773	4	* *rước*	+	+	+		+	+	+	+	+
		bước				+					

Gặp cơn gia biến lạ dường,
"Bán mình nó phải tìm đường cứu cha.
"Dùng dằng khi bước chân ra,
"Cực trăm nghìn nỗi dặn ba bốn lần.
"Trót lời nặng với lang quân,
"Mượn con em nó Thúy Vân thay lời.
"... là giả chút nghĩa người,
"... này dặc dặc muôn đời chưa quên.
"Kiếp này duyên đã phụ duyên,
"Dạ đài còn biết sẽ đền lai sinh.
"Mấy lời ký chú đinh ninh,
... lòng để ... cất mình ra đi.
"Phận sao bạc ... Kiều nhi!
"Chàng Kim về đó con thì ... đâu?"
Ông bà càng nói càng đau,
Chàng càng nghe nói càng rầu như dưa.
Vật mình ... gió tuôn mưa,
Dầm dề giọt ngọc ... ... hồn mai.
Đau đòi đoạn ... đòi ... ,
Tỉnh ra lại khóc khóc rồi lại mê.

71 B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2785	1 *	*Gọi*	+	+		+		+	+		+
		Hội			+		+			+	
2786	1 *	*Sầu*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Tình									+
2790	1 *	*Ghi*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Gửi									+
	4 *	*dạ*	+		+	+	+	+	+	+	
		lại		+							+
2791	4 *	*bấy*				+			+		
	*	*mấy // bấy*	+	+	+						+
		với					+	+		+	
2792	7	đi		+	+	+	+	+		+	+
	*	*ở*	+						+		
2795	3	chải				+			+		
		vẫy									+
	*	bão (< *gào*)			+		+	+		+	
	*	*gào*	+	+							
2796	5,6 *	*thẫn thờ*	+	+	+		+	+		+	+
		dật dờ				+			+		
2797	4 *	*ngất*	+			+				+	+
		ghẻ // gấy ?		+	+		+	+	+		
	6 *	*thôi*	+	+	+		+	+		+	+
		hồi				+			+		

Thấy chàng đau nỗi biệt ly,
... ... ông mới vỗ về ... khuyên:
"Bây ... ván đã đóng thuyền,
"Đã đành phận bạc khôn đền tình chung.
"Quá thương chút nghĩa đèo bồng,
"Nghìn vàng thân ấy ... ... bỏ sao?"
Dỗ dành khuyên giải trăm chiều,
Lửa phiền ... dập càng khêu mối phiền.
Thề xưa giở đến kim hoàn,
Của xưa lại giở đến đàn ... hương.
Sinh càng trông thấy càng thương,
Gan càng tức tối ruột càng xót xa.
Rằng: "Tôi trót quá ... ra,
"Để cho đến nỗi trôi hoa giạt bèo.
"Cùng nhau thề thốt đã nhiều,
"Những điều vàng đá phải điều nói không!
"Chưa chăn gối cũng vợ chồng,
"Lòng nào mà nỡ dứt lòng cho ... .
"Bao nhiêu của mấy ngày đường,
"Còn tôi tôi một gặp nàng mới thôi."

72 A

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2800	1,2	*	*Nhịn ngừng*	+	+	+			+	+		+
			Ngại ngừng					+			+	
			Ngẫn ngữ				+					
	7	*	*nài*	+	+							
			lại			+	+		+	+		
			giải					+			+	+
2801	2	*	*giờ*	+	+		+	+	+	+	+	+
			đã			+						
2804	5,6	*	*thì* cùng					+	+			
		*	*thì hòng*	+		+	+			+	+	
		*	dễ *hòng*									+
		*	thôi *hòng*		+							
2805 2806	A	*	*Dỗ dành khuyên giải trăm chiều* *Lửa phiền khôn (càng) dập càng khêu mối phiền*	+		+	+	+	+	+	+	(+)
	B		Nặng lòng thương phận thơ đào Sẻ lòng đoái chút tuổi cao thân tàn		+							
2808	7	*	*đến*	+	+					+		
			với			+	+	+	+		+	+
2811	5	*	*chân*	+	+		+	+	+	+	+	+
			trời			+						
2816	8	*	*đang*		+	+	+	+	+	+	+	+
		*	song // xong (< *đang*)	+								

Nỗi thương nói chẳng hết lời,
Tạ từ sinh mới sụt sùi ... ra.
Vội về sửa chốn vườn hoa,
Rước mời viên ngoại ông bà cùng sang.
Thần hôn chăm chút lễ thường,
Dưỡng thân thay tấm lòng nàng ngày xưa.
Đinh ninh mài ... chép ... ,
Cắt người tìm ... đưa tờ nhắn ... .
Biết bao công mượn ... thuê,
Lâm ... mấy độ đi về dặm khơi.
Người một nơi hỏi một nơi,
Mênh mông nào biết ... trời nơi nao?
Sinh càng thảm thiết khát khao,
Như nung gan sắt như bào lòng son.
Ruột tằm ngày một héo hon,
Tuyết sương ... một hao mòn mình ve.
Thẩn thơ lúc tỉnh lúc mê,
Máu theo nước mắt hồn lìa chiêm bao.
Xuân huyên lo sợ xiết ... ,
Quá ra khi đến thế nào mà hay!

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2820	7	*	*trở*	+	+	+	+	+	+	+		
			bước								+	+
2825	4	*	*lệ*		+		+				+	+
		*	giọt (< *lệ*)	+		+		+	/+/	+		
	6	*	thơ (< *thư*)	+	+	+	+	+	+		+	
		*	*thư*							+		+
2826	4	*	*tối*		+		+					+
		*	*dõi // tối*	+		+		+	+	+	+	
	8	*	*nhe* 㖇	+	+		+			+		+
			咖			+			+			
			[illegible]					+			+	
2827	5	*	*của*	+	+		+	+	+	+	+	+
			công			+						
2828	2	*	Tri (< *Thanh*)	+	+	+	+	+	+	+	+	
		*	*Thanh*									+
2830	5	*	*bể*	+	+	+		+	+		+	+
			biển				+			+		
2834	3	*	*ngày*	+	+	+	+		+	+	+	+
			khơi ? 聞					+				
2837	6	*	*bao*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			sao									+

Vội vàng sắm ... chọn ngày,
Duyên Vân sớm đã ... dây cho chàng.
Người yểu điệu ... văn chương,
Trai tài gái sắc xuân đương ... thì.
... rằng vui chữ vu qui,
Vui này đã ... sầu kia được nào!
Khi ăn ở lúc ra vào,
Càng âu duyên mới càng dào tình xưa.
Nỗi nàng nhớ đến bao giờ,
Tuôn châu đòi trận vò tơ trăm vòng.
Có khi vắng vẻ ... phòng,
Đốt lò hương giở phím ... ngày xưa.
Bẽ bai ... rĩ tiếng tơ,
... bay lạt khói gió đưa lay rèm.
Dường như ... ... thềm,
Tiếng Kiều đồng vọng ... ... mơ màng.
Bởi lòng tạc đá ghi vàng,
Tưởng nàng nên lại thấy nàng về đây.

Những là phiền muộn đêm ngày,
Xuân thu biết đã đổi thay mấy lần?

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2839	4	* *sửa*	+		+	+	+	+	+	+	
		lễ		+							+
2840	5	xe		+	+		+	+		+	+
		* *tính*	+								
		nối				+			+		
2841	4	* *kẻ*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		khách									+
2842	7	vừa thì			+		/+/	+		+	+
		* *kịp thì* (kì)	+	(+)		+			+		
2843	1	* *Dẫu*	+						+		
		Tuy		+	+	+	+	+		+	+
2844	4	* *cất*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		gác									+
2849	5	* *thư*		+	+		+	+		+	+
		* hương (< *thư*)	+						+		
		hiên				+					
2850	6	* *đồng*	+	+	+		+	+	+	+	+
		đờn				+					
2851	3	* *râu*	+							+	+
		rủ		+	+	+	+	+	+		
2852	1	* *Trầm*	+	+	+	+	+	+		+	+
		Trần							+		
2853	3	* *bên*	+	+	+	+	+	+		+	+
		trên							+		
	4	ốc		+	+		+	+		+	
		* *chái*	+								+
		nóc				+			+		
	5	* *trước*	+			+			+	+	+
		bên		+	+		+	+			
2854	5,6	* *bóng* thêm							+		
		bỗng thêm				+					
		* *bóng xiêm*	+	+	+		+	+		+	+

... khoa gặp hội trường văn,
Vương Kim cùng chiếm bảng xuân một ngày.
Cửa trời rộng mở đường mây,
Hoa chào ngõ hạnh hương bay dặm phần.
Chàng Vương nhớ đến xa gần,
Sang nhà Chung lão tạ ơn chu ... .
Tình xưa ơn giả nghĩa đền,
... thân ... mới kết duyên Châu Trần.
... ... nhẹ bước thanh vân,
Nỗi ... càng nghĩ xa gần càng thương.
Ấy ai dặn ngọc thề vàng,
Bây giờ Kim mã Ngọc đường với ai?
... bèo chân sóng lạc loài,
Nghĩ mình vinh hiển thương người lưu ly.
Vâng ra ngoại ... Lâm – tri,
... sơn nghìn ... thê nhi một đoàn.
Cầm đường ngày tháng thanh nhàn,
Sớm khuya tiếng hạc tiếng đàn tiêu dao.
... ... trướng rủ hoa đào,
Nàng Vân nằm bỗng chiêm bao thấy nàng.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2859	1	* *Chế*	/+/	+	+		+	+		+	+
		Điển // đến 典							+		
		Đến				+					
2864	8	tuyền // toàn		+							+
		* *tuyền // triền*	+		+	+	+	+	+	+	
2866	1	* *Gia*	+	+	+	+	+	+		+	+
		Như							+		
	3	* *bèn*	+	+	/+/	+	/+/	+	+	+	
		lại									+
2867	1,2	* *Chàng càng*	+		+	+		+	+		
		* *Chàng* từ					+			+	
		Kim từ		+							+
2868	2	* *nàng*	+	+				+	+		+
		chàng			+	+	+			+	
2871	1	* *Ngon*	+		+	+	+	+	+	+	
		Rễ		+							+
2873	4	* *nhậm*	+		+	+	+	+	+	+	+
		tế		+							
2874	1	* *Quan*	+	+		+	+	+	+	+	+
		Khai			+						
	4	* *dặm*		+	+	+	+	+	+	+	+
		khoản (?)	+								
2877	1,2	* *Phòng xuân*	+	+	+		+	+	+	+	
		* *Phòng* hương				+					
		* Đêm *xuân*									+

Tỉnh ra mới ... cùng chàng,
Nghe lời chàng cũng hai đường tin nghi.
Nọ Lâm – thanh với Lâm – tri,
Khác nhau một chữ hoặc khi có lầm.
Trong cơ thanh khí tương tầm,
Ở đây ... có giai âm chăng là?
Thăng đường ... mới hỏi tra,
Họ Đô có kẻ lại già thưa lên:
"Sự này đã ngoại ... niên,
"Tôi đà biết mặt biết tên rành rành.
"Tú bà cùng Mã giám sinh,
"... mua người ở Bắc – kinh đưa về.
"Thúy Kiều ... ... ai bì!
... nghề đàn lại đủ nghề văn thơ.
"Kiên trinh chẳng phải gan vừa,
"Liều mình thế ấy phải lừa thế kia.
"Phong trần chịu đã ... ... ,
"... duyên sau lại ... về Thúc lang.
"Phải tay vợ cả phũ phàng,
"Bắt về Vô – tích toan đường bẻ hoa.

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2879	4	*	*rỉ*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			học									+
2884	3	*	*hoặc*	+		+	+	+	+	+	+	+
			họa		+							
2885	3		nàng					+	+			
		*	*chàng*	+	+	+	+			+	+	+
2887	5	*	thập // *(mười)*	+						+		
		*	*mười*		+	+	+	+	+		+	+
2890	1	*	*Di*	+		+	+	+	+	+	+	
			Có		+							+
2891	3,4	*	*tài sắc*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			sắc sảo									+
2892	1	*	*Có*	+		+	+	+	+	+	+	
			Đã		+							+
2895	5,6		盬 [illegible]									+
		*	*ê chề* // (ê hề)	+		+	(+)	+	+	(+)	+	
			nặng nề		+							
2896	1	*	*Dây*	+		+	+	+	+	+	+	
			Tơ		+							+
	5	*	*gả*	+			+	+	+	+	+	
			xe		+	+						+

"... mình nàng ... trốn ra,
"Chẳng may lại gặp một nhà Bạc kia.
"Thoắt ... về thoắt bán đi,
"Mây trôi bèo nổi thiếu gì là nơi!
"Bỗng đâu lại gặp một người,
"Hơn ... trí dũng ... trời uy linh.
"Trong tay ... vạn tinh binh,
"Kéo về đóng chật một thành Lâm- tri.
"Tóc tơ các tích mọi ... ,
"Oán thì giả oán ân thì ... ân.
"Đã nên có nghĩa có nhân,
"Trước sau trọn vẹn xa gần ngợi khen.
"... ... ... tên,
"Sự này hỏi Thúc sinh viên mới tường."
Nghe lời Đô nói rõ ràng,
... chàng Thúc sinh.
Nỗi nàng hỏi hết phân minh,
Chồng con đâu tá tính danh là gì?
... rằng: "Gặp lúc ... ly,
"Trong quân tôi hỏi thiếu gì tóc tơ.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2899	1	Cất				+			+		
	*	*Dứt*	+		+		+	+		+	
		Bức		+							+
	4 *	*phải*	+	+	+		+	+	+	+	+
		mới				+					
2901	2	mua				+					
	*	*buôn*	+	+	+		+	+	+	+	+
2904	2 *	*người*	+		+	+	+	+	+	+	
		đời		+							+
	5 *	*nghiêng*	+	+	+	+		+	+		+
		ngang					+			+	
2905	3 *	*muôn*	+		+	+	+	+	+	+	
		mười		+							+
2907	6 *	*khi*	+	+		+	+		+	+	+
		kì			+			+			
2908	7	đền				+					
	*	*trả // giả*	+	+	+		+	+	+	+	+
2911	1→5 *	*Chưa tường được họ được*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		Song còn chưa biết họ									+
2914	1,2 *	*Tức thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
		Liền sai		+							
	3	nghinh	+		+			+			
	*	*đưa*		+							+
		viết					+			+	
		tống				+			+		
	4 *	*thiếp*	+	+	+		+	+	+	+	+
		trát				+					
	5	đòi				+					
	*	*mời*	+	+	+		+	+	+	+	+
2917	1 *	*Thúc*	+		+	+	+	+	+	+	+
		Sinh		+							
	5 *	*lưu*	+		+		+	+	+	+	
		loạn		+		+					+

"Đại vương tên Hải họ Từ,
"Đánh quen trăm trận sức dư muôn người.
"Gặp nàng ... ở châu Thai,
"Lạ gì quốc sắc thiên tài phải duyên.
"Vẫy vùng trong bấy nhiêu niên,
"Làm nên động địa kinh thiên đùng đùng.
"Đại ... ... đóng cõi Đông,
"Về sau chẳng biết vân mồng làm sao."
Nghe tường ngành ngọn tiêu hao,
Lòng riêng ... ... lao đao thẫn thờ.
Xót thay chiếc lá bơ vơ,
Kiếp ... ... dũ bao giờ cho xong?
Hoa ... ... xuôi dòng,
Xót thân chìm nổi đau lòng hợp tan.
Lời xưa đã lỗi muôn vàn,
Mảnh ... còn đó phím đàn còn đây.
Đàn cầm khéo ngẩn ngơ dây,
... hương biết có kiếp này nữa thôi?
Bình bồng còn ... xa xôi.
Đỉnh chung sao nỡ ăn ngồi cho an!

75 A

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2921	3	* *ngày*	+	+		+			+		
		thì			+		+	+		+	+
2925	2	* *quân*	+		+	+	+	+	+	+	
		đồn		+							+
	3	* *đồn*	+		+	+	+	+	+	+	
		quân		+							+
2928	3,4	* *chàng luống*	+		+	+	+	+	+	+	+
		luống những		+							
2930	2	* *trần*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		phong									+
	3	trần									+
		* *biết*	+	+	+	+	+	+	+	+	
2931	2	* *trôi*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		theo									+
	3,4	* *nước, nước*	+								
		* *nước* chảy		+	+	+	+	+	+	+	+
2934	2	* *gương*	+	+	+		+	+	+	+	+
		hương				+					
2936	1	* Lò // *Lửa* 炉	+		+	+	+	+	+	+	
		* *Lửa* 炤		+							+
2937	4	* *chút*	/+/		+	+	+	+	+	+	
		kẻ		+							+

Rắp mong treo ấn từ quan,
Mấy sông cũng lội mấy ngàn cũng ... .
Giấn mình trong ... can qua,
Vào sinh ra tử họa là thấy nhau.
... ... trời thẳm vực sâu,
Bóng chim tăm cá biết đâu mà nhìn!
Những là nấn ná đợi tin,
Nắng mưa ... ... mấy phen đổi dời!
Năm mây ... thấy chiếu trời,
Khâm ... sắc chỉ ... nơi rành rành.
Kim ... cải ... Nam – bình,
... ... cũng cải ... thành Hoài Dương.

Sắm sanh ... ... vội vàng,
Hai nhà cũng thuận một ... phó quan.
Xẩy nghe ... ... đã tan,
Sóng êm Phúc - kiến ... tàn Chiết – Giang.
Được tin Kim mới rủ Vương,
Tiện đường cùng lại tìm nàng sau xưa.
Hàng – châu đến đó ... giờ,
Thật tin hỏi được tóc tơ rành rành.

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2940	8	*	*pha*	+			+	+		+	+	+
			qua 過		+	+			+			
2941	4	*	*áng*	+	+	+		+	+		+	+
			đám				+			+		
2943	1,2	*	*Nghĩ điều*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			Lại e									+
2946	3,4	*	*biết đã*	+	+					+		+
			đã biết			+	+	+	+		+	
2947	3	*	*bỗng*	+	+	+		+	+	+	+	+
			đã				+					
2948	2	*	*ban*	+	+	+		+	+	+	+	+
			sai				+					
	5	*	*đến*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			tới									+
2949	2	*	*thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
			nay		+							
	4	*	*nhậm*	+		+	+	+	+	+	+	+
			điệu		+							
2950	1,2	*	*Chàng Vương*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			Vương thì									+
	5	*	*nhậm*	+		+	+	+	+	+	+	+
			điệu		+							
2951	3,4	*	*xe ngựa*	+		+	+	+	+	+	+	+
			xa mã		+							
2952	6	*	*đàng // đường*	+	+		+	+		+	+	+
			ngày			+			+			
2953	3,4	*	*thế giặc*	+		+	+	+	+	+	+	+
			giặc, thế		+							
2954	5	*	*lửa* 焰		+	+		+	+		/+/	+
		*	tro // lò // *lửa* 炉	+			+			+		
2957	5	*	bây // *bấy*	+	+		+					
		*	*bấy*			+		+	+	+	+	+

... ngày ... nọ giao binh,
Thất cơ Từ đã thu linh trận tiền.
Nàng Kiều công cả chẳng đền,
Lệnh ... lại ... duyên thổ tù.
Nàng đà gieo ngọc chìm châu,
Sông Tiền - đường ... ... mồ hồng nhan.
Thương ôi! Không hợp mà tan,
Một nhà vinh hiển riêng oan một nàng!
Chiêu hồn thiết vị lễ thường,
Giải oan lập một đàn tràng bên sông.
Ngọn triều non bạc trùng trùng,
... trông còn tưởng cánh hồng lúc gieo.
Tình thâm ... thẳm ... ... ,
Nào hồn tinh vệ biết theo chốn nào?

Cơ duyên đâu bỗng lạ ... ,
Giác – duyên đâu bỗng tìm vào ... nơi.
Trông lên linh ... chữ bài,
... kinh ... hỏi: "Những người đâu ta?
"Với nàng thân thích gần xa,
"Người còn sao bỗng làm ma khóc người?"

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2959	1	* *Rằng*	+	+	+	+	+	+	/+/	+	
		Từ									+
	3	* *hôm*	+			+			+	+	+
		sớm		+	+		+	+			
2962	2	* *quân*	+	+	+		+	+	+	+	+
		quan				+					
	4,5	* *bắt ép*	+		+	+	+	+	+	+	+
		ép vào		+							
2964	4,5	* *đó, ấy...*	+		+	+	+	+	+	+	+
		ấy, là...		+							
2970	1	* *Vời // vọi*	+		+	+	+	+	+	+	+
		Ngùi		+							
2971	3	* *biển*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		bể									+
	5,6	* *lạ điều*	+	+	+			+	+		+
		* *lạ* chìu				+					
		* đã *điều*					+				
		đã nhiều								+	
2973	6	* *sao*	+	+		+		+		+	+
		thay			+		+		+		
2974	7	* *đến*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		tới									+
2975	4	* *vị*	+		+	+	+	+	+	+	+
		tọa		+							
2976	1	* Chợt 秩(< *Thất* 失)	+	+	+		+	+	+	+	
		* *Thất* 失				+					+
	3	vội									+
		* *mới*	+	+	+	+	+	+	+	+	

Nghe tin ... ... rụng rời,
Xúm quanh kể ... rộn lời hỏi tra:
"Này chồng này mẹ này cha,
"Này là em ruột này là em dâu.
"Thật tin nghe đã bấy lâu,
"Pháp sư dạy thế sự đâu lạ dường!"
Sư rằng: " ... quả với nàng,
"Lâm - tri ... trước Tiền – đường buổi sau.
"Khi nàng gieo ngọc ... ... ,
"Đón ... tôi đã gặp nhau rước về.
"Cùng nhau nương cửa bồ đề,
"Thảo am đó cũng gần kề chẳng xa.
"Phật tiền ... bạc lân la,
"Đăm đăm nàng cũng nhớ nhà ... khuây."
Nghe tin nở mặt nở mày,
Mừng nào lại quá mừng này nữa chăng?
Từ phen chiếc lá lìa rừng,
Thăm tìm luống những liệu chừng nước ... .
Rõ ràng hoa rụng hương bay,
Kiếp sau họa thấy kiếp này hẳn thôi.

76 B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2979	3,4	* nhơ nhác // *ngơ ngác*	+		+		+	+		+	+
		nhớn nhác		+							
		giớn giác				+			+		
2980	4	lể		+							+
		* *họ*	+		+	+	+	+	+	+	
2985	3	* *nhân*		+		+					+
		* cố // có (< *nhân*)	+		+		+	+	+	+	
2986	3	* *buổi*	+		+	+	+	+	+	+	+
		lúc		+							
2987	5,6	chìm châu // trầm chu		+	+		+	+		+	+
		* *đáy sâu*	+			+			+		
2988	2	* *theo*	+		+	+	+	+	+	+	
		nhau		+							+
2991	3	* *ngày*	+	+			+		+	+	+
		nhà			+	+		+			
2992	7	* *khôn*	+	+	+		+	+	+	+	+
		không				+					
2996	8	* *mây*	+	+		+	+		+	+	+
		non			+			+			

... dương đôi ngả chắc rồi,
Cõi trần mà lại thấy người Cửu nguyên.
... nhau ... tạ Giác – duyên,
Bộ hành một lũ theo liền một khi.
... lau vạch cỏ tìm đi,
Tình thâm luống hãy hồ nghi nửa phần.
Quanh co theo dải giang tân,
Khỏi rừng lau đã ... sân Phật đường.
Giác – duyên lên tiếng gọi nàng,
... trong ... ... vàng bước ra.
... ... đủ mặt một nhà:
Xuân già còn ... huyên già còn tươi.
Hai em phương trưởng hòa hai,
Nọ chàng Kim đó là người ngày xưa!
Tưởng bây giờ ... bao giờ,
Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao.
... ... thánh thót quẹn bào,
Mừng mừng ... ... tình.
... ... dưới gối ... ...
Khóc than ... ... sự ... đầu đuôi:

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2999	1 *	*Minh*	+	+	+		+	+		+	+
		Âm				+			+		
3001	1 *	*Quây*	+		+		+	+	+	+	
		Cùng		+							+
		Sắp				+					
	3 *	*lạy*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		vái									+
3003	1 *	*Pha*	+						/+/		
		Bẻ		+	+	+	+	+		+	+

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
3006	5		ra						+			
		*	*tới*	+	+	+	+			+	+	+
			khít					+				
3008	1	*	*Phòng*	+		+	+	+	+	+	+	
			Buồng		+							+
	3,4	*	*vội khiến*	+			+			+	/+/	
		*	*vội* chuyển					+				
		*	*vội* dao		+	+			+			
			nàng đã									+
	5	*	*sen*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			vội									+
3009	1,2		Rõ ràng				+					
		*	*Nhìn xem*	+	+	/+/				+		+
		*	Trông *xem*					+	+		+	
3010	4	*	*khoẻ*	+	+	+		+	+	+	+	+
			mạnh				+					
3013	4	*	*là*	+	+	+		+	+	+	+	+
			lại				+					
3015	1,2	*	Sụt sùi (< *Giọt châu*)	+								
		*	*Giọt châu*		+	+	+	+	+	+	+	+
3016	3,4	*	sợ sợ (< *tủi tủi*)	+		+	+		+	+		
		*	*tủi tủi*		+			+			+	+
	5,6	*	*xiết* bao	+	+	+		+	+	+	+	
		*	*xiết* sao									+
		*	biết *bao*				+					
	7	*	*là*	+	+		+	+		+	+	+
			sự			+			+			
3017	1,2	*	*Huyên già*	+		+	+	+	+	+	+	
			Gieo mình		+							+
	5,6		huyên đình		+							+
		*	*gieo mình*	+		+	+	+	+	+	+	
3018	3,4		Kể lại									+
		*	*mình kể*	+	+	+	+	+	+	+	+	
	6	*	*mình*	+		+	+	+	+	+	+	+
			tình		+							

"Từ con lưu lạc quê người,
Bèo trôi sóng vỗ chốc mười ... năm.
"Tính rằng sông nước cát lầm,
"Kiếp này ai lại còn cầm ... đây!"
Ông bà trông mặt ... tay,
Dung quang chẳng khác chi ngày bước ra.
Bấy chầy dãi nguyệt dầu hoa,
Mười phần xuân có gầy ba bốn phần.
Nỗi mừng ... lấy chi cân?
Lời tan hợp chuyện xa gần thiếu đâu.
Hai em hỏi trước han sau,
Đứng trông ... ... trở sầu làm tươi.
... nhau lạy trước Phật đài,
Tái sinh trần tạ lòng ... từ bi.
Kiệu hoa giục ... tức thì,
Vương ông dạy rước cùng về một nơi.
Nàng rằng: "Chút phận hoa rơi,
"Nửa đời nếm ... mọi mùi đắng cay.
"Tính rằng mặt nước chân mây,
"Lòng nào còn tưởng có rày nữa không?

77 B

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
3020	7	*	năm // *lăm*	+	+							
		*	*lăm*			+	+	+	+	+	+	+
3022	7	*	*gặp*	+	+	+		+	+	+	+	+
			được				+					
3023	5		cầm				+	+			+	+
		*	*trao* // giao [1]	+		+			+	+		
			bắt		+							
3027	3	*	*ông*	+		+	+	+	+	+	+	
			biết		+							+
3030	3	*	*nàng*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			chàng									+
	4	*	*đã*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			cũng									+
3031	1		Rủ						/+/		+	
		*	*Quây*	+	+	+		/+/		+		
			Sắp				+					+
3032	6	*	*người*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			ngài									+
3033	4	*	*rước*	+	+	+	+			+		
			giã					+	+		+	+
3036	4	*	*trải*	+	+	+	+			+		+
			đã					+	+		+	

(1) GIAO = đâu lại với nhau, ví dụ GIAO MẶT, GIAO ĐẦU (HTC).

"... rày tái thế tương phùng,
"Khát khao đã thỏa tấm lòng lâu nay.
"Đã đem mình bỏ am mây,
"Tuổi này gởi với cỏ cây cũng vừa.
"Mùi thiền đã bén muối dưa,
"Màu thiền ăn mặc đã ưa nâu sồng.
"Sự đời đã tắt ... lòng,
"Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi!
"Dở dang nào có hay gì,
"Đã tu tu trót qua thì thì thôi!
"Trùng sinh ơn nặng bể trời,
"Lòng nào nỡ dứt nghĩa người ra đi?"
Ông rằng: Bỉ thử nhất thì,
"Tu hành thì cũng phải khi tòng quyền.
"Phải điều cầu Phật cầu Tiên,
"Tình kia hiếu nọ ai đền cho đây?
"Độ sinh nhờ đức cao dày,
"Lập am rồi sẽ ... thầy ở chung."
Nghe lời nàng ... chiều lòng,
Giã sư giã cảnh đều cùng ... .

78 A

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	Đ	70	71	T	TH	Q	84	V	K
3039	1 *	*Thì* (< được ?)	+		+		+	+		+	
	?	Được		+		+			+		+
3045	5 *	*lửa* 焒				+			+		+
	*	tro // lò // *lửa* 炉	+	+	+		+	+		+	
3056	5 *	*rước*		+	+	+	+	+	+	+	+
	?*	lên (< *rước*)	+								
3057	4 *	đã (< *phải*)	+		+				+		
		cũng					+	+		+	
	*	*phải*		+		+					+
3058	7,8 *	*bước ra*	+	+	+	+	+	+		+	+
		ra đi							+		

Một ... về đến ... nha,
Đoàn viên vội mở tiệc hoa vui vầy.
... chén cúc dở say,
Đứng lên Vân mới giãi bày một hai.
Rằng: "Trong tác hợp cơ trời,
"... bên gặp gỡ một lời kết giao.
"Gặp cơn bình địa ... đào,
"... đem duyên chị ... vào cho em.
"Cũng là phận cải duyên kim,
"Cũng là máu chảy ruột mềm chớ sao?
"Những là rày ước mai ao,
"Mười ... năm ấy biết bao nhiêu tình!
"Bây giờ gương vỡ lại lành,
"Khuôn ... lừa ... đã dành có nơi.
"Còn duyên may lại còn người,
"Còn vừng trăng ... còn lời nguyền xưa.
... mai ba bảy ... vừa,
"Đào non sớm liệu xe tơ kịp thì."
Dứt lời nàng vội ... đi:
"Sự ... năm cũ kể chi bây giờ?

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
3059	2 *	*đoàn*	+	+	+		+	+	+	+	+
		đàng				+					
	5 *	*quan*	+		+	+	+	+	+	+	
		công									+
		huyện		+							

78 B

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
3061	1,2	*	*Tàng tàng*	+	+	+		+	+	+	+	+
			Tà tà				+					
3064	1	*	*Hai*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			Đôi									+
3065	5	*	*ba*	/+/		+	+	+	+	+	+	+
			phong		+							
3066	1	*	*Vậy*	/+/	+	+		+	+		+	
			Phải									+
			Mà				+			+		
	5		rước (< gán ?)	+								
		*	*buộc*			+		+	+		+	+
			xe		+							
			gá				+			+		
3070	2	*	năm // (*lăm*)	+								
		*	*lăm*		+	+	+	+	+	+	+	+
3072	2	*	*thiêng*		+	+		+	+	+	+	+
		*	linh // (*thiêng*)	+			+					
	4	*	*lọc*	+	+				+		+	+
			đảo			+	+	+		+		
3074	4	*	*bạc*	+		+	+	+	+	+	+	
			cũ		+							+
3075	1	*	*Quả*	+	+	+		+	+		+	+
			Trái				+			+		
	5		đang									+
		*	*khi*[1]	+		+	+	+	+	+	+	
			cũng		+							
3077	5	*	*gạt* // bạt	+	+	+	+	+	+		+	+
			át							+		
3078	2	*	*muôn*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			trăm									+

(1) KHI VỪA: rút gọn từ lối nói "có khi vừa cũng nên", một lối nói nửa phỏng đoán, nửa thăm dò, chưa khẳng định hẳn.

"Một lời tuy có ước xưa,
"Xét mình dãi gió ... mưa đã ... .
"Nói càng hổ thẹn trăm chiều,
"... cho ngọn nước thủy triều chảy xuôi."
Chàng rằng: "Nói ... lạ đời,
"Dẫu lòng kia vậy còn lời ấy sao?
"Một lời đã trót thâm giao,
"Dưới ... có đất trên cao có trời.
"Dẫu rằng vật đổi sao dời,
"Tử sinh ... giữ lấy lời tử sinh.
"Duyên kia có phụ chi ... ,
"Mà toan ... gánh chung tình làm hai?"
Nàng rằng: "Gia thất duyên hài,
... lòng ân ái ai ai cũng lòng.
"Nghĩ rằng trong ... vợ chồng,
"Hoa thơm phong nhị trăng vòng ... gương.
"Chữ trinh đáng giá nghìn vàng,
"Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa.
"Thiếp từ ngộ biến đến giờ,
"Ong qua bướm lại đã thừa xấu xa.

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
3080	5	*	*dầu*	+	+	+		+	+	+	+	+
			dầm				+					
	8	*	*nhiều*		+	+	+	+	+	+	+	+
		*	từng (< *nhiều*)	+								
3082	1	*	*Thà*									+
		*	Thì // *thè, thà*	+	+	+		+	+	+	+	
			Thì				+					
3083	4	*	*cũng*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			khéo									+
3086	2	*	trời (< *dày*)	+		+			+	+		
		*	*dày*		+			+			+	+
			thời				+					
3088	3	*	*cũng*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			phải									+
3089	6	*	*mình*	+	+		+	+		+	+	+
			tình			+			+			
3090	3	*	*chia*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			sẻ									+
3092	1	*	Xót (< *chút*)	+	+	+		+	+		+	
		*	*Chút*				+			+		+
3093	4	?	sự	+						+		
		*	*đạo*		+	+	+	+	+		+	+
3094	7	*	*tròn*	+	+	+		+	+		+	+
			ngậm				+			+		

"Bấy chầy gió táp mưa sa,
"Mấy trăng cũng khuyết mấy hoa cũng tàn.
"Còn chi là cái hồng nhan,
"Đã xong thân thế còn toan nỗi nào?
"Nghĩ mình chẳng hổ mình sao?
"Dám đem trần cấu ... vào bố kinh!
"Đã hay chàng nặng vì tình,
"Trông hoa đèn chẳng ... mình lắm ru!
"Từ rày khép cửa ... thu,
"Chẳng tu ... cũng ... tu mới là.
"Chàng dù nghĩ đến ... xa,
"Đem tình cầm sắt đổi ra cầm cờ.
"Nói chi kết tóc xe tơ,
"Đã buồn cả ... ... cả đời."
Chàng rằng: "Khéo nói nên lời,
"Mà trong nhẽ phải có người có ta.
"Xưa nay trong đạo đàn bà,
"Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường.
"Có khi biến có khi thường,
"Có quyền nào phải một đường chấp kinh.

79 B

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
3104	5	* *dự*	+	+	+		+	+	+	+	+
		dựa				+					
3106	5	thẹn		+		+					+
		* *tủi*	/+/		+		+	+	/+/	+	
3107	5	* *phòng*	+		+	+	+	+	+	+	
		buồng		+							+
3108	3	* *thì*	+		+	+	+	+	+	+	+
		thôi		+							
	5	* *là*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		như									+
3109	5	tình			+		+	+		+	
		* *gần*	+	+		+			+		+
3112	4	ruột		+	+		+	+		+	+
		* *bụng*	+			+			+		
	5	* *mà*	+		+		+	+	+	+	
		lại		+		+					+
	6	* *nhơ*	+	+	+	+	+	+	+	+	
		dơ									+

"Như nàng lấy hiếu làm trinh,
"Bụi nào cho ... được mình ấy vay?
"Trời còn ... có hôm nay,
"Tan sương ... ... mây giữa trời.
"Hoa tàn mà lại thêm tươi,
"Trăng ... mà lại hơn mười rằm xưa.
"Có điều chi nữa mà ngờ,
"Khách qua đường để hững hờ chàng Tiêu!
Nghe chàng nói đã hết điều,
Hai thân thì cũng quyết theo một bài.
Hết lời khôn nhẽ ... lời,
... đầu nàng những vắn dài thở than.
... ... ,
Hoa soi ngọn đuốc hồng ... bức là.
Cùng nhau giao ... một nhà,
Lễ đà đủ lễ đôi ... đôi.
Động phòng dìu dặt chén mồi,
Bâng khuâng duyên mới ngậm ngùi tình xưa.
Những từ ... ... đào tơ,
Mười ... năm ... bây giờ là đây.

80 A

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
3120	4	*	*đục*	+	+	+		+	+	+	+	+
			đóng				+					
3121	3	*	*để*	+	+	+		+	+	+	+	+
			đây				+					
3122	3,4	*	đầu *ngõ*		+				+			+
		*	biết ngõ (<*ngoài ngõ*)	+		+		+			+	
			biết tỏ				+			+		
	5		vén		+							+
		*	áng (< *cuốn*)	+		+	+	+	+	+	+	
3124	2	*	*trăng tàn*		+	+	+	+	+	+	+	+
			trăng lờ (?)	+								
3129	5		dứt									+
		*	*chối*	+		+	+	+	+	+	+	
			hối		+							
3130	1		Gót			+		+	+		+	
		*	*Cúi*	+			+			+		+
			Cuối		+							
3131	1→6	* A	*Nhà vừa mở tiệc đoàn viên* (Nhà lan)	+	(+)	+	+	+	+	+	+	
		B	Đoàn viên tiệc mở nhà lan									+
3132	6	*	*chen*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			giăng									+
3133	4	*	lạy (< *bái*)	+		+		+	+	+	+	
		*	*bái*		+		+					+
3134	6	*	*là*	+		+		+	+	+	+	
			đà		+		+					+
	7	*	*đủ*	+		+	+	+	+	+	+	
			xứng		+							+
3137	3,4	*	*sen ngó*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			trên ngọn									+
3138	2	*	năm // (*lăm*)	+								
		*	*lăm*		+	+	+	+	+	+	+	+
	4		ấy		+							
		*	*mới*	+		+	+	+	+	+	+	+

Tình duyên ấy hợp tan này,
Bi hoan mấy nỗi đêm ... trăng cao.
Canh khuya bức gấm rủ thao,
Dưới đèn tỏ ... má đào thêm xuân.
Tình nhân lại gặp tình nhân,
Hoa xưa ... cũ ... phân ... tình.
Nàng rằng: "Phận thiếp đã đành,
"Có làm chi nữa cái mình bỏ đi!
"Nghĩ chàng nghĩa cũ tình ghi,
"Chiều lòng gọi ... xướng tùy mảy may.
"Riêng lòng đã thẹn lắm thay,
"Cũng đà mặt dạn mày dày khó coi!
"Những ... âu yếm ... ngoài,
"Còn toan mở mặt với người cho qua.
"Lại như những thói người ta,
"... hương dưới đất bẻ hoa cuối mùa.
... ... giở nhuốc bày trò,
"Còn tình đâu nữa ... thù ... thôi!
"Người yêu ta xấu với người,
"Yêu nhau ... lại bằng mười phụ nhau!

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
3140	6		này	+		+	+	+	+	+	+	
		*	*chầy*									+
			dài		+							
3142	4	?	nghĩa	+		+	+	+	+	+	+	
		*	*rạng // dạng*		+							+
3144	3	*	*ong*	+		+	+	+	+	+	+	
			điệp		+							
			bướm									+
	5	*	*mấy*	+		+	+	+	+	+	+	
			mười		+							+
	7	*	*chung*	+	+		+	/+/	/+/		/+/	+
			trọng			+				+		
3148	4	*	*có*	+	+	+	+	+	+	+	+	
			chút									+
3151	2	*	*như*	+	+		+	+		+	+	+
			là			+			+			
	5		vòng			+	+	+	+	+	+	
		*	*vành*	+	+							+
3154	1		Vét				+					+
		*	*Vớt*	+	+	+		+	+	+	+	
3155	1,2	*	Cùng // cũng (< *Giở*) *nhơ*	+		+		+	+	+	+	
			cũng ra				+					
			khéo là		+							+
3156	5		là									+
		*	*mà*	+	+	+	+	+	+	+	+	
	7		đó		+							
		*	*đấy*	+		+	+	+	+	+	+	+
3158	3		thôi				+					
		*	*thì*	+	+	+		+	+	+	+	+

"Cửa nhà ... tính về ... ,
"Thì ... em đó lọ cầu chị đây.
"Chữ trinh còn một chút này,
"Chẳng cầm cho vững ... giày cho tan!
"Còn nhiều ân ... chan chan,
"Hay gì ... ... hoa tàn mà chơi!"
Chàng rằng: "Gắn bó một lời,
"Bỗng không cá nước chim trời lỡ nhau.
"Xót người lưu lạc bấy lâu,
"Tưởng thề thốt nặng ... đau đớn nhiều.
"... nhau sinh tử đã ... ,
"... nhau còn ... bấy nhiêu là tình.
"... xuân tơ liễu còn xanh,
"Nghĩ ... ... thoát khỏi vành ái ân.
"Gương trong chẳng chút bụi trần,
"Một lời quyết hẳn muôn phần kính thêm.
"Bấy lâu đáy bể mò kim,
"... nhiều vàng đá phải tìm trăng hoa?
"Ai ngờ lại họp một nhà,
"Lọ là chăn gối mới ra sắt cầm!"

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
3159	3	đều				+					
	*	*dù*	+	+	+		+	+	+	+	+
	6 *	*sau*	+	+		+	+	+	+	+	+
		lâu			+						
3160	2 *	*còn*	+	+	+		+	+	+	+	+
		đà				+					
3162	5 *	*lại*	+	+	/+/	+	/+/	/+/	+	+	
		nỡ									+
3163	4 *	*ái*		+	+	+	+	+	+	+	+
		nghĩa	+								
3164	3	bẻ		+							
	*	*vầy*	+		+	+	+	+	+	+	+
	4 *	*cái*	+	+	+	+		+	+		+
		cánh					+			+	
3168	5 ?	cũng			+		+	+		+	
		nên									+
	*	*những*	+	+		+			+		
3169	1	Cùng		+							+
	*	*Thương*	+		+	+	+	+	+	+	
	6 *	*liều*		+		+			+		+
	*	nhiều (< *liều*)	+		+		+	+		+	
3170	1	Với								+	
	*	*Gặp*		+							+
	*	Đưa (< *Gặp*)	+		+	+	+	+	+		
	4 *	*thỉu* (= tí, chút)	+		+	+	+	+	+	+	+
		chút		+							
3171	1	Vườn				+			+		
	*	*Chừng*	+	+	+		+	+		+	+
3172	2,3	rằng chưa		+							+
		sao cho								+	
	*	*chưa chữa*	+		+	+	+	+	+		
3176	1 *	*Là*	+	+	+		+	+	+	+	+
		Đã				+					

Nghe lời sửa áo cài trâm,
Khấu đầu lạy ... cao thâm nghìn trùng.
"Thân tàn ... đục ... trong,
"Là nhờ quân tử khác lòng người ta.
"Mấy lời tâm ... ruột rà,
"Tương tri ... ấy mới là tương tri.
"Chở che ... ... thiếu gì?
"Trăm năm danh tiết cũng ... đêm nay".
... tay lại cầm tay,
Càng yêu vì nết càng ... vì tình.
Thêm ... giá ... hương bình,
Cùng nhau lại ... chén quỳnh giao hoan.
Tình xưa lai láng khôn hàn,
Thong dong lại hỏi ... đàn ngày xưa.
Nàng rằng: "Vì mấy đường tơ,
"... người cho đến bây giờ ... thôi.
"Ăn năn thì ... đã rồi,
"Nể lòng người cũ vâng lời một phen.
Phím đàn dìu dặt tay tiên,
... trầm cao thấp tiếng ... gần xa.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
3180	4 *	*tạ*	+	+					+		+
		trước			+	+	+	+		+	
3181	3	nước		+							
		gan				+			+		+
	*	*dằn*	+								
		chặn			+		+	+		+	

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
	5		tro		+							
		*	*khơi*	+		+	+	+	+	+	+	+
3183	4		phúc		+	+	+	+	+		+	
		*	*đảm*	+						+		
			phủ									+
3184	3	?	dường		+							+
		*	*nghĩa*	+		+	+	+	+	+	+	
3185	3,4	*	*đùm bọc*	/+/	+	+		+	+		+	+
			ràng buộc				+			+		
3186	6		vì		+							+
		*	*về*	+		+	+	+	+	+	+	
3187	1,2	*	*Thoắt thôi*	+	+	+		+	+	+	+	+
			Cùng nhau				+					
3188	6	*	*say*	+	+		+			+	+	+
			thương			+		+	+			
3189	2	*	*nến*	+		+		+	+		+	+
			đèn		+							
			nồng				+			+		
	4	*	*nối*	+								+
		*	nổi // *nối*		+	+	+	+	+	+	+	
3190	4	*	*chuốc* // chúc 祝		+	+		+	+	+	+	
		*	*chuốc* 口祝	+			+					+
3192	5	*	*ngón*				+					
		*	ngọn (< *ngón*)	+	+	+		+	+	+	+	+
3194	1		Chìm							+		
			Đấm				+					
		*	*Lầm*		+			+	+		+	+
		*	Lậm // *lầm*	+		+						
	7	*	*mới*	+	+		+	+	+	+	+	+
			lại			+						
3195	4	*	*sự*	+	+	+	+	+	+		+	+
			lại							+		
3198	1	*	*Khói*	+	+	+		+	+		+	+
			Bống				+			+		
	6	*	*huyền*	+	+		+	+	+	+	+	+
			đàn			+						

Khúc ... đầm ấm dương hòa,
Ấy là hồ điệp hay là Trang sinh?
Khúc đâu êm ái xuân tình,
Ấy hồn Thục đế hay mình đỗ quyên?
Trong sao châu nhỏ ... quyên!
Ấm sao hạt ngọc Lam – điền mới đông!
Lọt tai nghe suốt năm cung,
Tiếng nào là chẳng não nùng xôn xao.
Chàng rằng: "... ấy tay nào?
"Xưa sao sầu thảm nay sao vui vầy?
"... vui bởi tại lòng này,
"Hay là khổ tận đến ngày cam lai?"
Nàng rằng: "Vì chút ... chơi,
"Đoạn trường tiếng ấy hại người bấy lâu.
"Một phen tri kỷ ... nhau,
"Cuốn dây từ ... về sau cũng chừa".
Chuyện trò chưa cạn tóc tơ,
Gà ... gáy sáng trời vừa ... đông.
Tình riêng chàng lại nói ... ,
Một nhà ai cũng lạ lùng khen ... .

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
3199	2	đâu		+	+	+	+	+		+	+
		* *sao*	+						+		
3203	5	* *duềnh*	+	+	+		+	+	+	+	+
		gành				+					
3207	3	* *Phổ*	+	+	+		+	+	+	+	+
		Nhấn				+					
3209	1	* *Thương*	+	+	+	+			+		+
		Tể					+	+		+	
3211	5	* *hay*	+		+	+	+	+	+	+	
		nghề		+							+
3213	5	* *cùng*	+		+	+	+	+	+	+	
		mừng		+							+
3214	4	* *đấy*	+		+		+	+	+	+	
		đó									+
		ấy		+		+					
3216	2	* *đà* // đã	+	+	+	+		+	+	+	
		vừa									+
		quan					+				
	7	* *rạng // dạng*	+	+		+			+		+
		Dựng // rặng			+		+	+		+	
3217	6	* *sòng*	+					?	+		+
		cùng		+	+	+	+			+	
3218	8	* *lao*	+	+	+		+	?		+	+
		sao				+			+		

Cho hay thục nữ chí cao,
Phải người sớm mận tối đào như ai?
Hai tình vẹn ... ... hai,
Chẳng trong chăn ... cũng ngoài cầm thơ.
Khi chén rượu ... cuộc cờ,
Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên.
Ba sinh đã phỉ mười nguyền,
Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn ... .
Nhớ lời lập một am mây,
... người thân ... rước thầy Giác – duyên.
Đến ... đóng cửa cài then,
Rêu ... ... ngạch cỏ ... mái nhà.
Sư đà ... thuốc phương xa,
Mây bay hạc lánh biết là tìm đâu?
Nặng vì ... nghĩa ... ... ,
... am cứ giữ hương dầu hôm mai.
Một nhà phúc lộc gồm hai,
... ... dặc dặc quan giai lần lần.
Thừa gia chẳng hết nàng Vân,
Một cây ... mộc một sân quế hòe.

Câu	Chữ		Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
3221	4	*	*vẽ*	+		+	+	+	?	+	+	+
			cả		+							
	5	*	*hòa*	+	+	+		+	?	+	+	+
			và				+					
3222	4		gối		+	+	+	+	?	+	+	+
		*	*nệm*	+								
3223	4	*	*khi*	+		+		+	?	+	+	+
			lúc		+		+					
3226	8	*	*bầy*	+		+	+	+	?	+	+	+
			bè		+							
3228	1	*	*Sai*	+	+				?	+		+
			Khiến			+	+	+			+	
	4		tín		+				?			+
		*	*thích*	+		+	+	+		+	+	
3229	2		nơi			+	+	+	?		+	+
		*	*thì*	+	+					+		
3230	2,3	*	*trùm kẽ*	+	+	+			?		+	+
		*	*trùm* trên				+			+		
		*	toàn *kẽ*					+				
	6	*	*len // lên*		+		+		?	+		+
		*	trên (< *lên // len*)	+		+		+			+	
3231	3		thái			+		+	?		+	+
		*	*hái*	+	+		+			+		
3233	3	*	*chút*		+	+	+	+	?		+	+
		*	sử // thửa (< *chút*)	+						+		
	5,6	*	*xưa sau*	+	+	+	+	+	?	+	+	
			bấy lâu									+
3234	1	*	*Trên*	+	+	+		+	?	+	+	+
			Lên				+					
3236	1,2	*	Thiên niên // *ngàn năm*	+	+	+	+	+	?	+	+	
		*	*Ngàn năm*									+
3238	3	*	*cù*	+	+	+		+	?	+	+	+
			Kiều				+					

Phong lưu phú quí ai bì,
... xuân một cửa để bia muôn đời.

Gẫm hay muôn sự ... trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân.
Bắt phong trần phải phong trần,
Cho thanh cao mới được phần thanh cao.
Có đâu thiên vị người nào,
Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai.
Có tài mà cậy chi tài,
Chữ tài liền với chữ tai một vần.
Đã mang ... ... vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần ... xa.
Thiện căn ... tại lòng ta,
Chữ tâm kia ... bằng ba chữ tài.
Lời quê ... ... dông dài,
Mua vui cũng được một vài trống canh.

Câu	Chữ	Từ ngữ dùng ở các bản	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
3240	1	Vườn		+		+		?	+		+
	*	*Vầy*	+		+		+			+	
3241	5	là	+					?			
	*	*tại*		+	+	+	+		+	+	
		bởi									+
3249	3,4 *	*lấy nghiệp*	+		+	+	+	?	+	+	+
		nghiệp ấy		+							
3250	7	chăng // chẳng	+			+		?	+	/+/	
	*	*trời*		+	+		+				+
3251	3	cũng				+		?			
	*	*ở*	+	+	+		+		+	+	+
3252	4 *	*mới*	+		+	+	+	?	+	+	+
		quý		+							
3253	3,4	chấp nhặt						?			+
	*	*lặt* lượm				+			+		
	*	*nhặt* gói			+		+				
	*	*nhặt* nhanh								+	
	*	*nhặt góp*	/+/								
		chấp gói		+							

Bản Quan Văn Đường 1879 của chúng tôi bị mất hơn 30 câu cuối, vì vậy xin để "dấu hỏi".

PHẦN THỨ BA

DỰA TRÊN CƠ SỞ 9 BẢN KIỀU THẾ KỶ 19 THỬ TÌM CÁCH PHỤC NGUYÊN LẠI MỘT VĂN BẢN GẮNG GẦN VỚI NGUYÊN TÁC NHẤT

Ở phần II chúng ta vừa thấy: trong 9 bản Kiều được đưa ra so sánh, không có bản nào hoàn toàn giống bản nào: năm bản 3254 câu nhưng cũng có hai bản 3252 câu (DMT, ADM), một bản 3256 câu (bản KOM) và một bản 3258 câu (Bản LNP). Nếu cứ cho trung bình Truyện Kiều 3254 câu thì trong tổng số 22778 chữ của văn bản cũng đã có khoảng trên dưới 10% tổng số chữ đó đã bị thay đổi, bản in thế này, bản in thế khác[1].

Nhìn chung , cứ khoảng hơn 2 câu thì có một câu bị sao chép hay khắc in sai, hoặc bị người đời sau sửa chữa với mục đích kỵ húy, đính ngoa, nhuận sắc..., tạo ra khoảng 2000 chỗ có những dị bản khác nhau. Ở những chỗ cần khảo dị này, hiện chúng ta không biết rõ:

- Trong nguyên lời văn của cụ Nguyễn Du, chữ của Cụ dùng là chữ gì?

- Chữ đó hiện có mặt ở bản nào hay những bản nào?

- Hay chữ đó đang nằm ở một bản khác ngoài 9 bản ta có?

Như vậy, có một vấn đề khoa học cần được đặt ra, đó là vấn đề phải cố gắng làm sao để có thể tìm lại được – phục nguyên lại được – gần hai ngàn

[1] Nếu chúng tôi đếm không nhầm, có cả thảy 2453 chữ bị thay đổi (10,76%) và 20325 chữ được giữ nguyên (89,23%) so với nguyên tác.

chỗ vốn có ở nguyên tác mà bị đời sau đổi khác đi.

Hiện nay, văn bản cuối cùng được cụ Nguyễn Du chấp nhận vào khoảng cuối đời, trước khi Cụ mất (1820) là một văn bản không còn được lưu lại trực tiếp trên giấy trắng mực đen.

Như vậy chỉ còn một cách là dựa vào kinh nghiệm của ngành văn bản học, xét kỹ các mặt tự dạng, âm, nghĩa, văn cảnh để nêu lên các giả thuyết, gỡ dần từng trường hợp tồn nghi một. Cố nhiên trong việc tái lập lại nguyên tác – cũng như trong việc phục nguyên ngữ âm cổ – các giải pháp đưa ra bao giờ cũng chỉ có giá trị như là những giả thuyết. Trong ngữ âm lịch sử, giới nghiên cứu thường dùng dấu hoa thị (*) đặt trước dạng phục nguyên, chính là để báo cho người đọc biết điều đó.

Sau đây là 1962 giả thuyết chúng tôi xin nêu lên để đông đảo bạn đọc và các nhà nghiên cứu cân nhắc thêm.



Mỗi một chỗ tồn nghi là một bài toán khó, có những nét đặc thù riêng. Nhưng trước quá trình mò mẫm, cố gắng giải quyết cho hết 1962 bài toán đang đặt ra trước mắt, thiết nghĩ cũng cần vươn lên tìm ra cho được một số nguyên tắc chung, một số chỗ dựa chung, giúp chúng ta có cơ sở khách quan để tiện bề định đoạt trong từng bài toán một. Theo ý chúng tôi, quan trọng nhất là 3 chỗ dựa sau đây:

- Trước hết, phải dựa vào văn bản cổ nhất, tiền thân của văn bản DMT. Hiện chúng ta có các bản Kiều DMT cho in trong các năm 1872, 1879, 1891... Nhưng đó đều là những bản in có nhiều sai sót, có nhiều chữ kỵ húy và nhiều chỗ tiếp thu từ một bản sao đã từng bị sửa chữa. Vậy cần phải phục hồi lại cho được cái bản gốc xưa nhất đang ẩn ở đằng sau lưng các bản khắc in hiện có đó. Tìm được văn bản gốc đó, coi nó như là chỗ dựa đầu tiên thì mới có cơ sở để tiến gần đến nguyên tác.

- Nhưng bên cạnh các từ, các chữ có mặt ở văn bản gốc DMT cũng cần lưu ý đến các từ, các chữ được đa số các bản Kiều cổ thế kỷ 19 chấp nhận. Trong khoa học, không phải chân lý bao giờ cũng nằm ở phía đa số, nhưng dầu sao một sự thống nhất cao độ có được ở nhiều bản cũng là một điều có thể dựa vào, coi như là một căn cứ quan trọng trong quá trình mò mẫm tìm cách phục nguyên. Hơn nữa, các bản này cũng đều xuất phát từ những bản gốc nào đó rất xưa, không kém gì bản gốc DMT.

Trường hợp có được sự ăn khớp giữa hai tiêu chí 1,2 trên đây, nghĩa là có được sự ăn khớp giữa văn bản DMT và đa số các bản Kiều thế kỷ 19 thì

không gì may bằng. Vì đó là trường hợp thường ít phải băn khoăn nhiều, ít phải biện luận nhiều. Nhưng trường hợp tiêu chí số 1 trái với tiêu chí số 2 thì sao? Nên nghiêng về bên nào? Hay nên nghĩ đến một khả năng thứ 3? Rõ ràng trường hợp này cần phải viện dẫn thêm nhiều cứ liệu khác, trước khi định đoạt: phải nghĩ đến văn phong của cụ Nguyễn Du, phải nghĩ đến đặc điểm ngữ ngôn văn tự thời đại Cụ, nghĩ đến sự chi phối của bản Hán văn TTTN, nghĩ đến những ảnh hưởng mà Cụ đã từng tiếp thu từ truyền thống quê hương dòng họ. Những gì liên quan đến con người Nguyễn Du hay nghệ thuật Nguyễn Du mà chúng ta viện dẫn đến trong khi lập luận, xin gọi chung đó là chỗ dựa thứ 3, tiêu chí thứ 3.

Đi vào cụ thể, chúng ta hãy cùng nhau mở lại từng trang ở phần II. Ở mỗi chỗ có nhiều dị bản khác nhau, trước khi định chọn một từ, một chữ nào đó để đề nghị phục nguyên, chúng ta hãy tự đặt ra 3 câu hỏi:

1. Chữ này, từ này có thấy ở văn bản gốc DMT không?

2. Chữ này, từ này có được đa số bản Kiều cổ thế kỷ 19 chấp nhận không?

3. Chữ này, từ này có ăn khớp với Nguyễn Du không?

Hi vọng rằng ai cũng dễ dàng tìm ra ngay được lời giải đáp cho 2 câu hỏi 1,2, dùng làm tiêu chí kiểm tra, vì đã có cứ liệu khách quan khá rõ ràng. Trả lời câu hỏi 3 thì có khó khăn hơn. Nhưng quá trình tìm đáp án cho câu hỏi này là cả một quá trình đầy hứng thú nên có lẽ ai ai cũng sẽ vui lòng tham gia.

Để minh họa, xin thử bắt đầu cùng nhau cân nhắc về câu số 6, đây là ví dụ về trường hợp có 2 tiêu chí 1,2 ăn khớp với nhau:

Câu 5: *Lạ gì bỉ sắc tư phong*

Câu 6: *Trời xanh quen ... má hồng đánh ghen*

Ở vị trí thứ 4, bản ĐDAnh chọn chữ THÓI. Nhưng chữ này không đáp ứng được 2 tiêu chí đầu. Trái lại, cả bản gốc DMT, cả 8 bản Kiều thế kỷ 19 đều cho thấy chữ được dùng là chữ VỚI. Dùng THÓI câu thơ cũng có hiện tượng đảo, xin so sánh với câu nói xuôi bình thường:

Trời xanh quen thói đánh ghen má hồng

Vậy dùng VỚI MÁ HỒNG đảo lên trước ĐÁNH GHEN cũng không phải là một chuyện thua kém so với QUEN THÓI. Hơn nữa, trong 48 trường hợp dùng VỚI, Truyện Kiều cũng đã có mấy lần đảo VỚI lên trước như vậy.

Ở câu 154: *VỚI Vương Quan trước vẫn là chu (> đồng) thân*

Ở câu 358: *VỚI cành thoa ấy tức thì đổi trao*

Hoặc ở câu 2977: *VỚI nàng thân thích gần xa*

Hơn nữa, còn có một điều: dùng QUEN THÓI thì có phần nói xấu TRỜI XANH, điểm này chắc cụ Nguyễn Du không tán thành! Bởi vì qui luật là qui luật, ta chỉ nên khách quan ghi nhận mà thôi chứ không nên oán trách, chê bai tạo hóa!

Rõ ràng phục nguyên VỚI là điều hợp với cả 3 tiêu chí.

Ví dụ về trường hợp 2 tiêu chí đầu mới xem qua không thống nhất với nhau:

Câu 21: *Hoa cười ngọc thốt đoan trang*

Câu 22: *Mây KHOE (!) nước tóc tuyết nhường màu da*

Ở sau chữ MÂY bản gốc DMT khắc chữ KHOA với âm cổ Hán Việt là KHOE. Bản ADM cũng khắc Nôm như vậy và phiên Quốc ngữ là KHOE. Nhưng 7 bản đều dùng THUA!

Theo ý chúng tôi, trường hợp này chắc cụ Nguyễn Du cũng dùng THUA, vì 2 lẽ:

a. Đối lại với NHƯỜNG thì dùng THUA hợp hơn.

b. Dùng THUA là rất hợp với quan niệm phương Đông. Theo truyền thống xưa thì "thuận thiên giả tồn", ai hòa hợp được với trời đất thì hạnh phúc, ai bị tạo hóa chống đối thì chung cục sẽ khổ. Kiều bị GHEN bị HỜN:

Hoa GHEN thua thắm, liễu HỜN kém xanh

thì đời Kiều long đong; Vân được THUA, được NHƯỜNG:

Mây THUA nước tóc tuyết NHƯỜNG màu da

thì đời Vân phẳng lặng, yên ổn.

Chắc cụ Nguyễn Du cũng đã viết như vậy nên đa số bản Kiều về sau mới in theo, chép theo. Vậy sao bản gốc DMT lại đi ngược hẳn? Và bị thiểu số? Không, bản gốc DMT không đi ngược đâu. Nó khắc là KHOA nhưng để ghi THUA chứ không phải để ghi KHOE. Đó là một cách ghi Nôm cổ, xin so sánh:

KHÓA > KHUẢ > THUẢ / THUỞ

KHOA > KHUA > THUA

Từ điển Việt Bồ La (1651) cho biết thế kỷ 17 còn nói cả THUỞ, cả KHUỞ. Từ điển chữ Nôm Trần Văn Kiệm cho biết chữ THUA có thể ghi là KHOA.

Vậy ADM in Quốc ngữ sai, chứ bản gốc DMT viết Nôm đúng, không những viết đúng mà còn viết theo một dạng rất cổ.



Về cách làm, trên đại thể là như vậy. Nhưng trước khi đi vào từng trang một, cùng nhau tiến hành công việc phục nguyên, thiết nghĩ cũng nên dự kiến trước 2 điều có thể làm cho chúng ta băn khoăn:

1. Đó là khả năng gặp những dị bản phải phục nguyên, nhưng có vẻ quá xa lạ, khó được nhiều người đồng tình.

2. Và khả năng đi đến những dạng phục nguyên nằm ngoài danh sách các dị bản hiện có.

Ví dụ về trường hợp 1: ta có 2 câu 2201 và 2202:

Khen cho con mắt tinh đời

Anh hùng... giữa trần ai mới già

Ai cũng hiểu đó là hai câu Từ Hải khen Kiều đã nhận ra, phát hiện ra mình là một bậc phi thường. Việc "phát hiện" này đã được diễn đạt bằng 3 động từ khác nhau: TÌM, BIẾT, ĐỨNG, với tần số như sau, ở 9 bản Kiều thế kỷ 19:

CÂU	CHỮ	TỪ NGỮ	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
2202	3	Tìm				+					
		Biết									+
		Đứng	+	+	+		+	+	+	+	

Mà đó là chưa kể dị bản ĐOÁN hiện thấy ở T.T.Kim, Đ.D.Anh, N.T.Giang, V.V.Kính v.v. Thật là lạ, đáng băn khoăn: nếu căn cứ 2 tiêu chí thì phải phục nguyên ĐỨNG. Nhưng căn cứ tiếng Việt hiện nay, ĐỨNG khó hiểu hơn các dị bản kia nhiều! Riêng N.B.Triệu khen ĐỨNG "xuôi tai và mặn ý hơn", nhưng ông không giải thích vì sao. Thành thử đây vẫn là một bài toán hóc búa cho người phục nguyên.

Ví dụ về trường hợp 2: ở 2 câu 153, 154 nói về Kim Trọng:

Chung quanh vẫn đất nước nhà

Với Vương Quan trước vẫn là....... thân

Chúng ta có 3 dị bản ĐỒNG THÂN, TƯƠNG THÂN, SONG THÂN với tần số xuất hiện như sau:

CÂU	CHỮ	TỪ NGỮ	D	70	71	T	TH	Q	84	V	K
154	7	Đồng	+		+	+	+	+	+	+	
		Tương → thân		+							
		Song									+

Căn cứ 2 tiêu chí, đáng được phục nguyên là dị bản ĐỒNG THÂN, nhưng xét mặt nghĩa thì các từ điển lại cho dị bản này là sai (xin xem HVTĐ của ĐDA chẳng hạn). Vì vậy về sau ĐDA ở từ điển truyện Kiều đã phải thay đổi sự giải thích khác trước. Còn chúng tôi, chúng tôi cho vốn là dị bản CHU THÂN (周 親) bị chép nhầm thành ĐỒNG THÂN (同 親). Nhưng nếu chủ trương này đúng thì CHU THÂN lại nằm ngoài danh sách các dị bản hiện có!

Theo ý chúng tôi, 2 trường hợp vừa nêu dẫn chứng ở trên cũng không có gì đáng lấy làm ngại!

Về trường hợp đầu, cứ nắm thật chắc mục đích phục nguyên là có thể yên tâm. Phục nguyên là để gắng tìm lại cho được cái gọi là "nguyên lời văn" của cụ Nguyễn Du. Nhưng cụ Nguyễn Du sáng tác truyện Kiều cách đây đã 2 thế kỷ: nếu nguyên lời văn của Cụ có cổ, có khác ngày nay thì có gì là khó hiểu! Cụ Nguyễn Du là một nhà nho gốc Nghệ Tĩnh: nếu nguyên lời văn của Cụ đôi lúc có những điển cố hiểm hóc (như NĂM TRÒN), hoặc có những vết tích phương ngữ khu IV (như CÒN THỈU BẤY NHIÊU LÀ TÌNH) thì cũng có gì đáng làm cho chúng ta run tay trước khi hạ bút phục nguyên!

Có điều, muốn tranh thủ được sự đồng tình của bạn đọc thì cần phải có thêm những chú thích về ngữ nghĩa cổ, dạng ngữ âm cổ cũng như những chú thích về gốc tích lấy từ trong tiếng Hán, trong tiếng địa phương và về cách thức viết chữ Nôm của các thế hệ sao chép.

Về trường hợp thứ 2, quả có những nhà nghiên cứu rất ngại chuyện "đẻ thêm dị bản mới". Họ cho rằng người phục nguyên chỉ được quyền chọn một trong các dị bản đã có sẵn. Theo ý chúng tôi, thận trọng là một điều rất nên có, và rất đáng được đề cao. Song thận trọng là để tìm ra đúng chân lý, chứ không phải cần thận trọng vì sự thận trọng!

Nếu quả thấy những dị bản hiện có đều không thể dùng để phục nguyên được thì cần phải nghĩ đến những khả năng khác chứ không thể cứ bị động trước các dị bản đó. Biết đâu dị bản đúng đang nằm trong một bản Kiều nào khác mà chúng ta hiện chưa có? Hoặc biết đâu nguyên lời của cụ Nguyễn Du đã bị chép sai, đưa đến những dị bản không thể chấp nhận được như hiện thấy? Tóm lại cái chính là phải tiếp tục thu thập tư liệu, tiếp tục điều tra bổ

sung. Còn khi khảo sát các truyền bản hiện có thì phải hết sức chú ý đến kinh nghiệm của ngành văn bản học: chú ý đến các khả năng lầm lẫn tự dạng này với tự dạng khác, hay chuyển từ cách đọc nhẩm nọ đến cách đọc nhẩm kia v.v... Cố nhiên, để thận trọng, cũng cần phải trình bày rõ ràng cho bạn đọc biết con đường phục nguyên "đẻ ra dị bản mới" của mình, với đầy đủ lý lẽ, đầy đủ cứ liệu, để bạn đọc cân nhắc thêm, xem thử khả năng đáng tin cậy đến đâu...

Người phục nguyên văn bản cổ cũng như người phục nguyên ngữ âm cổ bao giờ cũng tự biết rằng: kết quả họ tìm ra mới chỉ là những giả thuyết khoa học: nhưng thiếu những giả thuyết như vậy thì khoa học sẽ khó tiến lên. Ở ngành Kiều học cũng vậy thôi.

Còn sau đây là công việc phục nguyên ở từng trang một, từ trang 2A cho đến trang 83A.

*

Trang 2A

1. Trong trang này có 2 chỗ (câu 6 và câu 18) cả 8 bản nhất trí với bản gốc DMT nghĩa là không cần đặt vào danh sách khảo dị. Nhưng, như trên đã nói, cụ Đào Duy Anh vẫn đưa vào dị bản khác:

- Ở câu 6 : *QUEN THÓI* thay vì *QUEN VỚI*
- Ở câu 18: *MỖI...... MỖI* thay vì *MỘT...... MỘT*

Vì vậy chúng tôi vẫn xếp vào đây để gợi lên khả năng có thể còn có truyền bản khác nữa, Cụ Đào Duy Anh biết mà chúng tôi không có. Còn về mặt phục nguyên thì chúng tôi vẫn đề nghị QUEN VỚI và MỘT...... MỘT vì chúng đáp ứng cả 2 tiêu chí 1, 2 đã đề ra.

2. Trong 8 chỗ có dị bản khác nhau, 5 chỗ bản gốc DMT ăn khớp với đa số, vậy có thể phục nguyên theo:

- ĐÃ ở câu 4
- CÓ LỤC ở câu 8
- NGHĨ ở câu 12
- KHÁC ở câu 19
- Và NÉT NGÀI ở câu 20

3. Ở câu 2, bản gốc DMT bị thiểu số: TÀI SẮC CỢT NHAU chỉ được một mình bản ADM in theo; cả 7 bản còn lại đều nhất trí chọn dị bản.

Chữ TÀI chữ MỆNH khéo là GHÉT nhau

Nhưng ở phần I chúng tôi đã chứng minh rằng cụ Nguyễn Du có chữa đi chữa lại: TÀI SẮC CỢT NHAU Cụ viết ở một bản thảo thuộc giai đoạn thứ hai, còn về sau Cụ đã chữa lại thành TÀI MỆNH GHÉT NHAU – Vậy phải phục nguyên theo ý muốn cuối cùng của Cụ; chúng ta phục nguyên theo tiêu chí 2 (thấy ở đa số bản) chính là phục nguyên theo bản thảo Cụ đã tự nhuận sắc.

4. Cũng vậy ở câu 20: bản DMT/1872 in TƯ PHONG nhưng đa số đều theo KHUÔN TRĂNG. Ở đây cũng cần xét tiêu chí 3 vì 2 tiêu chí 1, 2 mâu thuẫn nhau. Căn cứ cả đoạn trước đoạn sau, chúng ta thấy thế tiểu đối đã được sử dụng với một mật độ cao:

- *Mai cốt cách / tuyết tinh thần* (câu 17)

  Một người một vẻ / mười phân vẹn mười

- *Mây thua nước tóc / tuyết nhường màu da* (câu 22)

- *Làn thu thủy / nét xuân sơn* (câu 25)

- *Hoa ghen thua thắm / liễu hờn kém xanh* (câu 26)

Với phong cách ấy, nếu cụ Nguyễn Du có sơ thảo là TƯ PHONG thì Cụ cũng sớm đi đến thế tiểu đối:

KHUÔN TRĂNG đầy đặn NÉT NGÀI nở nang

Đó là chưa nói đến khả năng cụ Nguyễn Du đã dùng KHUÔN TRĂNG ngay từ đầu, nhưng người chép đã đọc nhầm sai và đi đến chép nhầm. Trong một bản biên tập khá sớm (khoảng 1833 – 1836) ta thấy rõ đã có KHUÔN TRĂNG, vì Trương Vĩnh Kí đã dùng bản này nhưng đã đọc thành KHUÔN LƯNG: chữ TRĂNG và chữ LƯNG có thể viết gần như nhau!

Trang 2B

1. Trong trang này chúng ta có 4 chỗ phải tìm cho ra từ ngữ hiện thấy ở bản DMT/1872 vốn xưa là gì, ở bản gốc DMT:

a. Trên đây chúng ta đã tìm được một: chữ KHOA ở câu 22 không phải là chữ dùng để ghi KHOE mà dùng để ghi THUA.

b. Còn HƯƠNG ở câu 25 cũng không phải vốn là HƯƠNG. HƯƠNG chỉ là chữ triều Gia Long bắt dùng để thay chữ LAN của nguyên tác. LÀN có thanh phù LAN nên cũng bị đổi.

c. Chữ ĐỚN (cũng ở câu 25) nên coi đó là chữ VẾT hay chữ NÉT khắc nhầm? ADM phiên Quốc ngữ là VÍT, tức VẾT, nhưng như vậy là thừa một nét ngang! Trái lại, nếu tách nửa bên trái của khung BỆNH (tức của bộ NẠCH) để làm bộ THỦY thì ta sẽ thấy về cơ bản đây là chữ NÉT. Không

thừa không thiếu một nét ngang nào! Chắc chữ bản gốc bị mờ, sau không nhận diện đúng tự dạng nên NÉT nhầm thành ĐỚN. Còn thấy ĐỚN, Trương Vĩnh Kí và ADM lại nhận diện nhầm thành VẾT! Ba bản TMĐ, VNB-60, KOM cũng vậy.

d. Ở câu 36 bản DMT/1872 khắc chữ LÊN. Nhưng ở phần I chúng ta đã thấy đó là chữ TRÊN bị khắc nhầm. ADM (có lẽ với sự giúp đỡ của bản thân DMT) đã phát hiện ra sự sai lầm này và đã đính ngoa rất chính xác.

2. Với những sự điều chỉnh đó, kết quả là chúng ta có cả thảy 8 trường hợp chữ dùng ở bản gốc DMT cùng đúng là chữ được đa số chấp nhận. Vậy có thể phục nguyên chúng:

THỐT ở câu 21

THUA ở câu 22

LÀN ở câu 25

HAI ở câu 27

TRỌI // ĐÒI ở câu 28

PHA ở câu 30

THIÊN ở câu 34

ÊM NỀM / ĐỀM ở câu 37

3. Có 2 trường hợp số lượng ngang nhau: TƯ TRỜI và TÍNH TRỜI ở câu 29; NGÀY XUÂN và TIẾT VỪA ở câu 39.

a. Nhưng TƯ TRỜI và NGÀY XUÂN đều ở về phía 4 bản trong đó có cả bản cổ DMT: vậy đó là một điểm trội so với phía 4 bản của TÍNH TRỜI và TIẾT VỪA.

b. Nói về THÔNG MINH thì giải thích bằng TÍNH TRỜI, hay TƯ TRỜI đều được cả, nhưng chắc cụ Nguyễn Du không tự lặp lại mình, Cụ dùng cả hai, tùy văn cảnh, ngữ cảnh mà chọn lựa. Trong toàn truyện Kiều có 2 câu:

- *Thông minh vốn sẵn...... trời (câu 29)*

- *Văn chương nết đất, thông minh...... trời (câu 150)*

Rõ ràng về mặt âm hưởng mà dùng THÔNG MINH TƯ TRỜI thì nghe không ổn; vậy ở câu 150 tất cả 9 bản đều thống nhất chọn TÍNH TRỜI là phải. Đã thế, chắc hẳn ở câu 29 cụ chọn TƯ TRỜI.

c. Cũng vậy ở câu 39: chọn NGÀY XUÂN thì hơn hẳn TIẾT VỪA, vì có nêu NGÀY ở câu lục thì mới ăn khớp với hai con số CHÍN CHỤC và SÁU MƯƠI ở câu bát được.

d. Ba lý do trên khiến chúng ta phải nghiêng về TƯ TRỜI và NGÀY XUÂN khi phục nguyên. Cứ liệu đặc biệt ở hai bản TVKI và ADM càng thêm ủng hộ sự lựa chọn đó. TVKI theo bản MÙA XUÂN, rõ ràng MÙA XUÂN thì gần với NGÀY XUÂN hơn; ADM dùng TỰ TRỜI không biết lấy từ đâu: căn cứ mặt âm, có thể nghĩ rằng ADM đã nhuận sắc TƯ TRỜI thành TỰ TRỜI cho dễ hiểu hơn. Nhưng như vậy thì ở phía TƯ TRỜI ta lại có thêm một bản nữa: bản Nôm mà ADM dùng khi chưa nhuận sắc.

4. Về trường hợp NÉT hay VẾT, trên đây chúng ta đã phân tích tự dạng, chứng minh rằng ở bản gốc DMT vốn là chữ NÉT nhưng sau nhận diện nhầm nên chuyển thành ĐỚN. Đã có NÉT ở bản gốc DMT lại có NÉT ở bản khắc in cổ nhất là bản LVĐ/1871 thì chắc xưa trong nguyên tác cũng vậy. Nếu tính thêm cả chuyện sửa sai cách đọc của TVK, ADM và cách viết của LNP, QVĐ thì NÉT cũng đạt đủ 2 tiêu chí! Tuy nhiên chúng tôi vẫn phụ chú thêm về VẾT để bạn đọc rộng đường cân nhắc.

5. Còn lại 5 trường hợp phía DMT bị thiểu số, cần cân nhắc.

a. Ở câu 23 phải chú ý đến chữ XEM: chắc lúc đầu cụ Nguyễn Du đặt KIỀU XEM song song với VÂN XEM. Hơn nữa nếu để KIỀU CÀNG trước SẮC SẢO MẶN MÀ thì dễ gây cảm tưởng là Thúy Vân cũng SẮC SẢO MẶN MÀ, tuy ở mức độ thấp hơn: điều mà Cụ không có trong ý nghĩ! Nhưng nếu hiểu là sau 4 câu tả Thúy Vân đẹp, 2 chữ KIỀU CÀNG chỉ cốt dùng để tôn Thúy Kiều lên cao hơn một bậc (Vân đẹp, Kiều càng đẹp) thì đoạn tiếp sau đó rõ ràng là chỉ nói riêng về Kiều:

Kiều càng ... ... SẮC sảo mặn mà
So bề tài sắc lại là phần hơn

Có lẽ Cụ đã ngắt câu lại, hiểu lại như vậy nên mới chữa KIỀU XEM thành KIỀU CÀNG. Cụ có tự chữa thì 7 bản Bắc, Trung, Nam mới chữa theo. Tóm lại nên phục nguyên CÀNG.

b. Ở câu 30 phải phục nguyên THƯ HỌA vì:

- Kiều quả có tài thư pháp, tài đó được khen qua lời Hoạn thư.

Khen rằng bút pháp đã tinh
So vào với thiếp Lan đình nào thua

Và đặt tài thư pháp bên tài hội họa là rất phù hợp.

- Hơn nữa nếu để THI HỌA thì THI vừa có phần trùng lặp với "ĐỦ MÙI CA NGÂM" ở sau vừa làm cho câu nói tổng quan trở thành phiến diện, vì bỏ mất một cái tài có thực – tài viết chữ đẹp – như đã thấy.

- Sở dĩ đa số bản in THI HỌA là vì Ư/Ơ rất gần nhau (THƯ/THƠ, CỨ/

CỚ...), THƯ HỌA rất dễ nhầm thành THƠ HỌA khi đọc nhẩm. Mà đã đọc THƠ HỌA thì lại dễ viết thành THI HỌA!

c. Trường hợp NĂM ÂM (ở câu 31) nay nghe không quen bằng NGŨ ÂM, nhưng chắc cụ Nguyễn Du vốn viết thế, vì NGŨ LUÂN ở câu 327 Cụ cũng đã dịch thành NĂM (5) TRÒN! Cụ dịch vì Cụ theo truyền thống: so sánh với các trường hợp NGŨ THƯỜNG → NĂM HẰNG; NGŨ UẨN → NĂM MANG; NGŨ NỘI → NĂM TRONG v.v... (xin xem Điển cố Văn học).

d. XOANG, CUNG là thuật ngữ âm nhạc, CHƯƠNG, THIÊN là thuật ngữ về văn thơ, nhưng DMT lại kết hợp XOANG với THIÊN, LNP lại kết hợp CUNG với CHƯƠNG! Mà đó là hai vị có trình độ và rất thận trọng! Sao vậy? Lý do rất đơn giản: Kiều là một nhân vật có tài cả về thơ ca cả về âm nhạc. TTTN cho biết nàng "thường soạn bài ca bạc mệnh (thơ) phổ vào hồ cầm (nhạc) trăm vần thê lương, khiến người nghe thấy đều chau mày rơi lệ". Còn giữa hai bản LNP và DMT thì chắc rằng bản DMT đúng với nguyên tác hơn, vì hợp lý hơn. Chỉ phục nguyên:

Khúc nhà tay lựa nên xoang
Một thiên bạc mệnh lại càng não thân

thì mới có sự hợp lý ở câu lục: KHÚC đi với XOANG đúng hơn là đi với CHƯƠNG; và cũng mới có sự hợp lý ở câu bát: BẠC MỆNH là tên một bài ca, vậy phải gọi nó là một THIÊN chứ không phải một CUNG.

e. Cuối cùng còn lại trường hợp DMT in là LÊN. Với sự đính ngoa của ADM chúng ta biết đó là chữ TRÊN khắc nhầm: phải phục nguyên TRÊN, với các lý do đã phân tích ở phần I (xin xem lại trang 30, 31)

Trang 3A

1. Có 7 trường hợp có thể đề nghị phục nguyên một cách dễ dàng vì có sự ăn khớp giữa 2 tiêu chí 1 và 2; đó là:

- TẠN ở câu 41
- NÔ NỨC ở câu 45
- NEN ở câu 48
- BÓ, TÀN, GIẤY ở câu 50
- Và DAN TAY ở câu 52

Tuy nhiên, cũng nên lưu ý mấy điểm như sau:

a. Cách đọc TẠN hiện nay đã mất; nếu in truyện Kiều để phục vụ đông đảo độc giả thì in TẬN (với chú thích "vốn đọc TẠN") cũng được.

b. Ở câu 60, nếu THOI dùng với nghĩa là "thỏi nhỏ", thì trái với ngữ pháp. Vậy có 2 khả năng:

- Hoặc THOI dùng với nghĩa là một thứ đồng, một loại hợp kim.

- Hoặc THOI là THÒA viết nhầm mà thành, THÒA là vàng có pha đồng.

Nói VÀNG BÓ, BẠC BÓ được thì chắc nói THOI BÓ, THÒA BÓ cũng được; và THOI BÓ (THÒA BÓ) + VÀNG BÓ mà đối lại với TRO GIẤY + TÀN GIẤY thì cũng chỉnh.

Giữa GI và D có quan hệ lịch sử: CÁ CHIẾC > CÁ GIẾC có thể chuyển thành CÁ DIẾC; RAU CHÊN > RAU GIỀN có thể chuyển thành RAU DỀN, vậy GIẤY BAY cũng có thể là DẤY BAY. Nếu đọc THÒA (THOI) VÀNG BỬA RẮC, TRO TÀN DẤY BAY thì bảo đảm nhịp hai của lục bát.

Nếu đọc THÒA (THOI) VÀNG BÓ RẮC, TRO TÀN GIẤY BAY thì gần với cách hiểu đã quen thuộc. Vậy phải cân nhắc.

Còn chuyện đổi TÀN thành TIỀN để đối với VÀNG ở vế trước thì chắc đó chỉ là dị bản mới xuất hiện về sau, ở Huế.

Chú thích: Cũng nên nghĩ đến khả năng VÀNG THOI bị chép nhầm thành THOI VÀNG! Đọc đảo lại thì hình như khá đạt:

Vàng thoi bửa rắc, tro tàn dấy bay

2. Ở câu 43, DMT/1872 in:

Thanh minh GIỮA tiết NGÀY BA

GIỮA không phổ biến bằng TRONG, nhưng hai bên không khác nhau cơ bản về mặt nội dung. TRONG có lẽ đúng hơn, vì Thanh minh vào khoảng mồng 5 mồng 6 âm lịch, nhưng GIỮA cũng không nhất thiết là chỉ ngày rằm! Khi nói GẶP NHAU GIỮA ĐƯỜNG hay VIỆC XẢY RA GIỮA BAN NGÀY cũng không ai nghĩ đến một trung tâm cách đều hai điểm hai đầu. Cho nên phục nguyên GIỮA cũng được.

NGÀY BA thì trước đây chúng tôi tưởng là in sai. Nhưng xét kỹ thì trong ngôn ngữ dân gian, khi nói về hai mùa giáp hạt rõ ràng có hai cách dùng như nhau: nói THÁNG BA NGÀY TÁM cũng được mà nói NGÀY BA THÁNG TÁM cũng được. Vậy trước hai con số BA và TÁM ghi NGÀY có thể hiểu là THÁNG và nói THÁNG cũng có thể đổi thành NGÀY.

Do đó, chúng tôi đề nghị cứ nên tôn trọng bản cổ.

3. Ở câu 44, DMT/1872 khắc GỌI và được nhiều bản theo. Nhưng xét ra thì phải HỘI mới đúng: có dùng HỘI thì thế đối với LỄ ở trước mới chỉnh. Vả lại, trong TTTN cũng gọi là HỘI ĐẠP THANH. Vậy DMT/1872 khắc

sai? Sai sao nhiều bản miền Bắc cũng khắc như vậy? Hơn nữa ở câu 2785 chữ GỌI lại được các bản LVĐ/1871, TMĐ/1879, QVĐ/1879 và bản VNB-60 khắc sai ngược trở lại, nghĩa là khắc thành HỘI! Phải chăng trước đây HỘI và GỌI có thể viết như nhau, 2 cách, kiểu như MỚI và VỚI; CŨNG và CÙNG v.v... ? Nếu thế, cũng có cơ sở vì trong ngôn ngữ HÓA VỢ có thể nói GÓA VỢ, HÃY HƯỢM có thể nói HÃY GƯỢM, HẦM HÈ có thể nói GẰM GHÈ.

Tóm lại về mặt nguyên nhân, còn cần phải xét. Nhưng về mặt phục nguyên, rõ ràng chúng ta phải đọc là HỘI thay vì GỌI, khi in ra Quốc ngữ.

4. Còn lại hai trường hợp có kết cấu lấp láy ở hai câu 56 và 58.

a. Ở câu 56 là kết cấu lặp của tính từ NHỎ. Bản DMT/1872 khắc NHỎ NHỎ, hai bản TVKI, ADM cũng in Quốc ngữ là NHỎ NHỎ. Riêng 6 bản còn lại thì khắc Nôm là NHO NHỎ. Hiện tượng khắc Nôm theo sát cách phát âm này nói chung rất hiếm trong các bản Nôm: chỉ đến câu 484 ta mới gặp lại cách ghi GIẦM GIẬP / DẦM DẬP ở hai bản TMĐ/1879 và VNB-60. Như vậy có phần chắc trong nguyên tác đang ghi kiểu lặp hoàn toàn là NHỎ NHỎ, theo truyền thống từ xưa.

b. Từ lặp đầu câu 58 có hai cách ghi Nôm khác nhau, do đó trước nay cũng đưa đến hai cách đọc khác nhau: SỜ SỜ (除 除) ở bản DMT/1872 và ở bản TVKI; SÈ SÈ (茌 茌) ở 4 bản ngoài Bắc và 2 bản gốc Huế. Riêng ADM đọc SỜ SỜ nhưng ghi Nôm 茌 茌 như ở Bắc và ở Huế. Có thể nghĩ là ADM chịu ảnh hưởng cách đọc ở TVKI. Nhưng cũng có thể nghĩ rằng cả hai cách ghi Nôm xưa đều đọc SỜ SỜ vì thanh phù 仕 cho thấy như vậy[1]. Chắc chỉ sang thế kỷ 20, dưới ảnh hưởng của từ láy LÈ TÈ và cách đọc Hán Việt SĨ của thanh phù nên cách đọc SÈ SÈ mới xuất hiện. Vì vậy đối với thời cụ Nguyễn Du, xin phục nguyên cách đọc SỜ SỜ, như Vũ Văn Kính. Nhưng khi in để phục vụ đông đảo bạn đọc, in SÈ SÈ cũng được, vì đã quá quen, và vì cũng hợp với thanh phù SĨ.

Trang 3B

1. Có thể phục nguyên những trường hợp sau đây, vì đạt đồng thời cả hai tiêu chí 1, 2:

- MỚI ở câu 61
- THÌ ở câu 63

---

[1] Thanh phù Sĩ thuộc vận bộ "chi" có 30 trên 140 trường hợp đọc với Ư ở cách đọc Hán Việt. Cũng thuộc vận bộ này là các cách đọc Việt hóa như ở CHỢ, THƠ, TƠ, TỜ, TỢ//TỰA, CHỮ v.v...

- ĐẾN ở câu 69

- BUỒNG ở câu 71

- BẤY ở câu 74

- CHÚT ĐÍCH ở câu 76

- VÙI NÔNG ở câu 78

Duy có trường hợp LẠNH ở câu: *Buồng không LẠNH ngắt như tờ* – là còn gây ngờ vực, tuy cũng đạt cả hai tiêu chí: vì thông thường nói LẶNG NHƯ TỜ, còn LẠNH thì LẠNH NHƯ ĐỒNG[1]. Nhưng ở đây có hai khả năng cần nghĩ đến:

a. Hoặc đọc ngắt câu: *Buồng không LẠNH NGẮT, như tờ*

b. Hoặc đọc và hiểu theo phương ngữ Khu IV: cuốn *Phương ngữ Bình Trị Thiên* của Võ Xuân Trang (1997) trang 249 cho biết LẠNH ở vùng này cũng nói LẮNG. Nhưng lại có từ LẮNG khác cùng gốc với LẶNG! Theo KTTĐ, LẮNG có nghĩa là "để yên", còn theo TĐTV (HP) thì LẮNG có nghĩa là "trở lại trạng thái tĩnh..." . Mà LẶNG thì hai từ điển này giải thích là "im, tĩnh, không động (KTTĐ), "ở trạng thái yên tĩnh" (TĐTV-HP). Vậy viết LẠNH cũng có thể đọc LẮNG, LẶNG đối với người Huế.

Theo ý chúng tôi, nói đến nhà có người chết, nên dùng cả LẠNH NGẮT và dùng cả "yên tĩnh như tờ": nghĩa là đọc với cách ngắt câu như trên. Nhưng cũng xin phụ chú cả LẶNG.

2. Có một trường hợp nữa cũng cần cân nhắc, tuy đạt hai tiêu chí. Đó là hai chữ cuối trong câu 75:

Đã không duyên trước CHĂNG THÀ

Sở dĩ phải cân nhắc là vì cách dùng CHĂNG, CHẲNG ở đây không nhằm mục đích nêu ý gạt bỏ như trong câu:

Thôi thì mặt khuất CHẲNG THÀ lòng đau

(CHẲNG THÀ: không thể chấp nhận được chuyện...), mà nhằm mục đích nhấn mạnh chữ ở đằng sau. Xin xem TĐTV – HP:

- Ngỡ là ai, HÓA ra lại là anh!

  Ngỡ là ai, CHẲNG HÓA ra lại là anh!

- Có xe, TỘI gì mà đi bộ!

  Có xe, CHẲNG TỘI gì mà đi bộ

- THÀ như thế còn hơn

---

[1] Cũng có thể xưa có cả cách nói LẠNH NGẮT NHƯ TỜ.

CHẲNG THÀ như thế còn hơn

Vậy đọc CHĂNG / CHẲNG ở câu này đều chỉ nói rõ hơn chuyện THÀ, tức chuyện chịu chấp nhận cái cơ sự KHÔNG DUYÊN TRƯỚC, coi đó như là một việc đã rồi. Có thế mới chuyển sang ý của câu bát liền ngay sau đó được (câu 76).

Tóm lại phục nguyên CHĂNG/CHẲNG THÀ là hoàn toàn phù hợp[1]

3. Còn lại ba trường hợp bản gốc DMT bị thiểu số. Thế nhưng chúng tôi vẫn đề nghị nên phục nguyên theo DMT. Đó là CHÀNG VƯƠNG ở câu 61, SÁN QUANH ở câu 64 và NẾP GIẤY ở câu 77.

a. Các bản đa số in là VƯƠNG QUAN. Nhưng CHÀNG VƯƠNG thì cũng có thể chấp nhận được, vì cụ Nguyễn Du cũng đã từng dùng CHÀNG KIM, CHÀNG THÚC, CHÀNG TIÊU kiểu như vậy. Ví dụ:

- *CHÀNG KIM từ lại thư song* (ở câu 245)
- *Kể từ khi gặp CHÀNG KIM* (ở câu 727)
- *CHÀNG KIM về đó, con thì đi đâu* (ở câu 2792)
- *Nọ CHÀNG KIM đó là người ngày xưa* (ở câu 3012)
- *Nghĩ tình CHÀNG THÚC mà thương* (ở câu 1431)
- *Mà CHÀNG THÚC phải ra người bó tay* (ở câu 2008)
- *Khách qua đường để hững hờ CHÀNG TIÊU* (ở câu 3126)

Đó là chưa nói đến việc CHÀNG VƯƠNG đã được dùng nhiều nhất, đến 5 lần, chưa kể ở câu này:

- *CHÀNG VƯƠNG quen mặt ra chào (ở câu 145)*
- *Hỏi CHÀNG VƯƠNG với cùng là Thúy Vân (ở câu 2760)*
- *CHÀNG VƯƠNG nghe tiếng vội vàng chạy ra (ở câu 2772)*
- *CHÀNG VƯƠNG nhớ đến xa gần (ở câu 2863)*
- *CHÀNG VƯƠNG cũng cải nhậm thành Hoài Dương (ở câu 2950)*

Vậy cứ phục nguyên theo DMT.

b. Trường hợp SÁN QUANH và XÔN XAO có hai điểm khác nhau như sau:

---

[1] TVKI phiên Nôm CHẲNG THÀ, một số tác giả khác lại phiên CHĂNG THÀ. Nhưng cả CHĂNG THÀ, cả CHẲNG THÀ ở câu này đều nhấn mạnh cái ý "chịu chấp nhận". Ý nghĩa của hai câu 75, 76, theo ý chúng tôi phải hiểu như sau:

ĐÃ chịu chấp nhận cái chuyện KHÔNG DUYÊN TRƯỚC
THÌ CHI CHÚT ĐÍCH GỌI LÀ DUYÊN SAU.

- XÔN XAO nói về tiếng ồn ào rộn rịp; SÁN QUANH thì nói chuyện xích lại gần, sát một bên, do bị thu hút.

- XÔN XAO được dùng khá phổ biến, ngay trong toàn truyện dùng đến 8 lần (theo ĐDA) còn SÁN QUANH thì chưa từng gặp. Phải chăng ở đây cụ Nguyễn Du muốn tránh sự trùng lặp nên đưa từ dân dã mà rất chính xác này ra dùng? Có lẽ các vị nhuận sắc về sau thấy XÔN XAO quen hơn, SÁN QUANH dân dã hơn nên lại gạt bỏ cái độc đáo để quay trở lại cái quen thuộc, trái với sự dụng ý của nhà thơ!

Chúng tôi đề nghị nên tôn trọng cái độc đáo, phục nguyên SÁN QUANH.

c. Chúng tôi cũng đề nghị phục nguyên NẾP GIẤY XE CHÂU theo DMT, thay vì NẾP TỬ XE CHÂU hay XE TRÂU. Lý do như sau:

- NẾP GIẤY tuy chỉ được 3 trên 9 bản dùng, nhưng nó lại có mặt ở bản cổ nhất.

- Gỗ TỬ các nhà nho hiểu là gỗ "thị", mà gỗ thị thì ở Việt Nam lại cho là gỗ quý, nó hợpvới XE CHÂU, nhưng quá sang với Đạm Tiên; ngược lại, NẾP TỬ khó đi đôi với XE TRÂU.

- Bản DMT/1872 không viết CHÂU với bộ NGỌC mà có lẽ với bộ THẠCH (tuy khắc không chuẩn): vậy XE CHÂU chỉ có nghĩa là "xe sơn đỏ" thường thấy trong mọi đám tang: có loại xe sơn đỏ rất sang trọng, mà cũng có loại xe sơn đỏ rất xoàng. Có lẽ ở đám tang Đạm Tiên chỉ có một loại xe sơn đỏ bình dân, đi đôi với "nếp giấy" hiểu theo cách của TVKI (= rương đựng đồ minh khí) hay theo cách hiểu của HTC (= xếp giấy đắp mặt cho người chết).

Hiểu như vậy thì mới ăn khớp với CHÚT ĐÍCH ở câu trước, và với VÙI NÔNG MỘT NẤM ở câu sau.

4. Cuối cùng còn lại trường hợp câu 68: ở câu này 8 bản dùng chữ NỨC, riêng bản DMT/1872 dùng một chữ chưa rõ nên đọc là gì: đọc PHỤC hay là đọc MẶN. Xét cách viết tắt của thanh phù thì nên nghiêng về PHỤC; nhưng theo VVK, ở miền Nam chữ đó lại đọc MẶN.

Vậy đề nghị phục nguyên MẶN, vì bản DMT là bản miền Nam – có điều cũng nên phụ chú thêm cả NỨC để bạn đọc xét.

Trang 4A

1. Trang này có 14 chỗ cần khảo dị. Trong số đó, đã có đến 8 chỗ đa số thống nhất với bản gốc DMT, nên sự lựa chọn ở đây không có gì phải băn khoăn. Có thể chọn để phục nguyên:

- MỎN ở câu 81

- RẰNG ở câu 84

- BẠC MỆNH cũng ở câu 84

- KHẤN VÁI ở câu 95

- NGỌN LAU ở câu 98

- RÚT TRÂM ở câu 99

- BỐN CÂU, BA VẦN ở câu 100

MỎN là một từ cổ cùng nguồn gốc với MÒN: ở HTC có cả MÒN MỎI cả MỎN MỎI với nghĩa gần như nhau – Có thể hiểu câu thơ là "LÒNG ĐÂU SẴN MỦI THƯƠNG TÂM" vì HTC giải thích MỎN là "hết khí lực", MỦI là "oải, yếu". Và biết đâu cũng có thể hiểu là "LÒNG ĐÂU SẴN THẢM THƯƠNG TÂM", vì THỎN MỎN, HTC giải thích là "hóa ra buồn thảm". Nói chung, SẴN MỎN THƯƠNG TÂM có nghĩa là SẴN YẾU ĐUỐI, THƯƠNG TÂM. Génibrel cũng đọc là MỎN và đã dẫn nguyên cả câu thơ vào từ điển.

Nói chung sự thống nhất giữa bản DMT và đa số các bản còn lại là một cơ sở đáng tin cậy. Thay vì BÔNG LAU, cả hai bên đều chọn NGỌN LAU: rất chính xác về mặt khoa học! Bởi vì tiết Thanh minh lau lách chỉ có thể có ngọn mà thôi: loài này đến mùa thu mới đâm bông nở hoa!

2. Ở trường hợp không đủ cả hai tiêu chí như ở các câu 82, 86, 96, sau khi cân nhắc, chúng tôi nghĩ vẫn nên theo bản cổ, vì có cơ sở. Ví dụ:

- KIỀU THOẮT (ở câu 82): hợp với tính dễ xúc động của Kiều hơn là KIỀU ĐÃ;

- HẠI thay, NẰM xuống, LÀ ma (ở câu 86) là một lối diễn đạt theo khẩu ngữ, làm cho câu nói của Kiều rất tự nhiên;

- VÀ CÁO (ở câu 96) là một lối nói vùng quê hương cụ Nguyễn Du, có ý nghĩa sát hợp hơn hẳn BẠ CỎ hoặc VÀ GẬT. Theo *Từ điển tiếng Nghệ*, CÁO là cúng bằng lòng thành.

3. Còn lại trường hợp BẤY hay MẤY ở câu 85.

BẤY không chiếm đa số. Nhưng bản gốc DMT chọn nó là có cơ sở: căn cứ cả hệ thống BẤY, BẤY LÂU, BẤY NHIÊU, BẤY có nghĩa là "dường ấy"; nghĩa đó rất hợp với ngữ cảnh ở câu này, xét theo thiên hướng trong văn chương cổ điển. MẤY thì hơi nôm na hơn. Vậy vẫn nên phục nguyên BẤY.

Trang 4B

1. Trang này cho thấy:

- ĐỨNG LẶNG ở câu 102
- ĐỜI SƠ ở câu 106
- MỘT ĐIỀU ở câu 112
- DẶM VỀ ở câu 114
- THỂ PHÁCH ở câu 116

đều là những trường hợp thỏa mãn đồng thời cả hai tiêu chí 1, 2. Vậy đề nghị cứ phục nguyên lại như vậy.

2. Trường hợp THUỞ XƯA cũng đạt hai tiêu chí (có ở 5 bản, trong đó có bản gốc DMT) trong lúc NGHÌN XƯA chỉ có ở 4 bản. Vậy nên phục nguyên THUỞ XƯA. Có điều xin lưu ý: ở hai câu 106, 107 hai bản LNP, TVKI bị trùng vận, riêng bản KOM không trùng vận. Còn chúng ta, khi in Quốc ngữ chúng ta cũng có khả năng đọc chữ 初 thành hai cách khác nhau: đọc thành SƠ và XƯA để tránh trùng vận. Trước đây, dựa vào BAN SƠ của HTC chúng tôi đề nghị đọc THUỞ SƠ ở câu 107; nhưng nay thấy ở từ điển Việt - La lại có ĐỜI SƠ, vậy xin đổi lại như sau:

Câu 106: *Khéo dư nước mắt khóc người ĐỜI SƠ*

Câu 107: *Rằng: Hồng nhan từ THUỞ XƯA*

3. ĐẤY, ĐÓ rất gần nhau về mặt ý nghĩa. Về mặt tần số xuất hiện, ĐÓ có mặt ở 5 bản, ĐẤY có mặt ở 4 bản, nhưng trong 4 bản này lại có cả bản gốc DMT. Rõ ràng đáng băn khoăn trong khi chọn lựa. Xin để giới nghiên cứu quyết định. Riêng chúng tôi, chúng tôi nghĩ vẫn nên phục nguyên ĐẤY, vì 2 lẽ: vì tôn trọng bản cổ, và vì để đa dạng hóa cách diễn đạt: ĐÓ đã nhiều gấp 5 lần ĐẤY (20/4)!

4. Còn lại hai trường hợp phía DMT thực sự bị thiểu số, nên hai tiêu chí không ăn khớp với nhau. Vậy cần cân nhắc kỹ.

a. Nên phục nguyên MÊ MẨN hay MÊ MẢI? Theo từ điển thì MÊ MẨN có ý nghĩa "mê đi, không còn ý thức" còn MÊ MẢI thì "chỉ trạng thái tâm trí tập trung cao độ, không còn biết đến chung quanh, hoặc quên các việc khác". Xét trạng thái của Thúy Kiều thì có lẽ dùng MÊ MẢI đúng hơn. Vậy cứ nên tái lập theo văn bản cổ DMT.

b. Hiện nay các bản Kiều in ra đều ủng hộ KHÉO DƯ. 7 bản Kiều thế kỷ 19 cũng đứng về phía KHÉO DƯ. Cũng dễ hiểu: về mặt văn chương, theo Vũ Văn Kính, KHÉO "diễn tả được sự chê trách Kiều làm sao lắm nước mắt thế"; dùng CŨNG lại có phần trùng lặp với CŨNG của câu trên!

KHÉO thường ghi bằng chữ 窖 (đọc GIÁO hoặc KHÁO). Nhưng cũng có khi nó ghi bằng chữ KHÁO với nghĩa là "nương tựa" 靠 hoặc chữ KIẾU 矯. Vậy phải chăng còn có một cách ghi khác nữa mà bản DMT/1872 khắc nhầm thành CŨNG? Chúng tôi nghĩ đến chữ KHIÊU 挑 như trong KHIÊU CHIẾN. Chữ này thường dùng để ghi Nôm các chữ KHÊU, KHỀU và cả KHỂU vì ngay trong tiếng Hán nó cũng đọc vừa cả bình thanh, vừa cả thượng thanh. Nếu chữ LIỄU ghi được cả LỀU cả LÉO thì từ KHỂU cũng có thể chuyển sang KHÉO – Tóm lại chúng tôi đề nghị:

- Vẫn phục nguyên KHÉO theo đa số.

- Và theo cả giả thuyết bản gốc DMT vốn viết KHÉO bằng chữ KHIÊU[1]

Trang 5A

1. Có 4 trường hợp sự ăn khớp giữa bản gốc DMT và đa số các bản cho phép chọn ngay để phục nguyên:

CHẲNG NỀ: ở câu 128

VÀ LỜI: ở câu 130

ĐÂU ĐÃ: ở câu 134

MÙI ÁO: ở câu 140

2. Còn sau đây là các trường hợp có thể theo DMT, tuy phía DMT thiểu số:

a. Trường hợp VẾT GIÀY ở câu 124: có thể phục nguyên như vậy vì VẾT về cơ bản cũng gần như đồng nghĩa với DẤU; còn GIÀY thì thuần Việt, được 8 trên 9 bản nhất trí, khác hẳn với HÀI Hán Việt.

b. Cũng vậy, có thể phục nguyên BIẾT ở câu 127 và cách nói DỞ...... DỞ ở câu 133, vì bản DMT/1872 cũng được 3 bản ở hai miền Nam và Trung in giống như vậy. Vả lại, xét mặt ý nghĩa thì DỞ Ở DỞ VỀ hầu như tương đương với NỬA Ở NỬA VỀ; còn BIẾT TA lại còn đúng thực tế hơn cả GẶP TA! Đạm Tiên hiển linh cho mọi người BIẾT, chứ GẶP thì đến đêm, trong chiêm bao, Kiều với Đạm Tiên mới mặt đối mặt.

c. Riêng ở câu 121 cần phải biện luận. Căn cứ mặt chữ rõ ràng bản DMT/1872 khắc chữ GIÓ. Nhưng ở câu 120 trước đó chúng ta vừa thấy quang cảnh:

Phút đâu trận gió cuốn cờ đến ngay

---

[1] Nếu giả thuyết này đúng thì KHÉO 挑 quả dễ nhầm thành CŨNG 拱 !

Không lẽ ở câu 121 lại lặp lại chữ GIÓ. Chúng tôi ngờ rằng đây là chữ GIŨ với nội dung ý nghĩa là "làm động tác rung, lắc mạnh cho... rơi xuống". GIŨ và GIÓ có chung thanh phù DŨ cho nên có thể lẫn lộn. Vậy nên phục nguyên "GIŨ LỘC", thay vì cách đọc mặt chữ GIÓ LỐC. Bản QVĐ/1879 miền Bắc cũng in giống như bản DMT/1872!

Trang 5B

1. Căn cứ sự thống nhất giữa hai tiêu chí, có thể phục nguyên:

- NHƯ THỂ ở câu 144
- E MẶT ở câu 146
- ĐÂU XA ở câu 147
- PHÚ HẬU ở câu 149
- THIÊN TƯ ở câu 151
- VỚI VƯƠNG QUAN ở câu 154
- VẪN LÀ cũng ở câu 154
- ĐỒNG THÂN (!,?) cũng ở câu 154, nhưng phải đính ngoa.
- TRỘM DẤU ở câu 158
- ĐỐ LÁ ở câu 160

Nhưng cũng cần nói rõ thêm một số trường hợp:

a. E MẶT cũng là e lệ, nhưng đã có cách xử trí rõ ràng là lánh mặt. Còn e lệ thì có thể lúng túng, có thể cúi đầu không dám nhìn... Ở đây nhà thơ nói rõ "nép vào dưới hoa" vậy dùng E MẶT là phải. Dùng E MẶT còn là để chọi lại với QUEN MẶT của câu trước!

b. Có sự nhất trí cao giữa bản DMT/ 1872 và 6 bản về 2 chữ ĐỒNG THÂN. Nhưng chúng tôi phải đặt dấu than, dấu hỏi để tỏ sự ngờ vực. Vì 2 chữ này có nghĩa là – theo HVTĐ, ĐDA – "cùng một cha mẹ sinh ra" hoặc "làm thông gia với nhau", quan hệ thân thuộc đó không có giữa Vương Quan và Kim Trọng. Biết ĐỒNG THÂN sai, LPN đính ngoa thành TƯƠNG THÂN, KOM đính ngoa thành SONG THÂN, nhưng TƯƠNG và SONG thì không thể nhầm thành ĐỒNG vì tự dạng quá khác nhau. Chúng tôi ngờ rằng trong bản gốc DMT vốn là CHU THÂN, với nghĩa là "chí thân", theo Từ Hải. Chữ Chu 周 mới dễ chép thành ĐỒNG 同 !

c. Trường hợp ĐỐ LÁ hiện chưa rõ nguồn gốc. TĐTK gợi lên 2 khả năng:

ĐỐ LÁ bắt nguồn hoặc từ mấy chữ "thái hoa đấu thảo"

hoặc từ trò "diệp hí" đời Đường.

Nhưng dầu thế cũng không thể đính ngoa thành ĐỎ LÁ như ở KOM hay thành ĐỔ LÁ như ở TVKI được vì Kim Trọng gặp hai chị em Kiều giữa tiết tháng 3 chứ đâu phải giữa tiết thu đông.

2. Còn lại 3 chỗ cần khảo dị: RÕ / TỎ ở câu 141, GIAI NHÂN / HÀI VĂN ở câu 143 và BUỒNG THÊU/BUỒNG ĐÀO/NGUỒN ĐÀO ở câu 157.

a. Trường hợp RÕ / TỎ nghĩa khá gần nhau, nhưng vẫn có sắc thái tí chút khác nhau, so sánh "Tai nghe còn tỏ"/ "Tai nghe chưa rõ". Chúng tôi phục nguyên RÕ vì tôn trọng bản gốc DMT nhưng cũng vì ngữ cảnh cho thấy hai bên chỉ mới "trông rõ" chứ chưa thật "tỏ tường".

b. Trường hợp GIAI NHÂN chắc chắn là sai, vì không thể dùng GIAI NHÂN để chỉ Kim Trọng được. Căn cứ tự dạng, chắc là 2 chữ HÀI VĂN bị chép hay khắc nhầm mà thành.

c. Chữ THÊU ở bản DMT 1872 khắc rất rõ, không thể lầm lẫn. Chúng tôi tôn trọng bản gốc DMT nên chủ trương phục nguyên BUỒNG THÊU. Hơn nữa, THÊU gieo vần với YÊU thì hơn hẳn ĐÀO.

Trang 6A

1. Câu 162 trong bản DMT/ 1872 khắc in là:

Xuân hương thu cúc mặn mà cả hai

Ta biết đó là một câu đã kị húy: trong bản gốc DMT, khi chưa kị húy, 4 chữ đầu câu là XUÂN LAN THU CÚC. Vậy phải phục nguyên lại đúng như vậy.

2. Có 9 trường hợp cũng có thể phục nguyên ngay, vì có đủ hai tiêu chí:

- Cả HAI ở câu 162
- BÓNG TÀ ở câu 167
- LÊN NGỰA ở câu 168
- GƯƠNG NGA, VẠNH VẠNH ở câu 173
- RỘN, GẦN, NỖI ở câu 178
- THÌ THÔI ở câu 179

3. Ở câu 166 có hai chữ xưa nay không ai chú ý: RỐN NGỒI. Ở tha ma ghế đâu mà NGỒI! Trong TTTN cũng nói "không tiện đứng lâu". Vậy NGỒI là chữ gì in chép nhầm mà thành: LIỀU 料 ? LÊ 坐列 ? CHƠI 制 ? Xin tạm chọn LIỀU.

4. Trường hợp câu 170 có đến 4 dị bản nên có hiện tượng phân tán, thiếu tập trung. Nhưng THA LA cũng có mặt được ở 3 bản, lại có mặt ở bản gốc DMT. Vậy cũng có thể phục nguyên. Có điều đây là kết cấu cổ, không thông dụng quen thuộc như THƯỚT THA: vậy phải có chú thích.

5. Ở câu 169, DƯỚI CẦU cũng như DƯỚI GIÒNG/DÒNG đều được 3 bản ủng hộ. Nhưng chúng tôi nghiêng về DƯỚI CẦU vì hai lẽ:

a. Nó có mặt ở bản cổ DMT

b. Có thế sóng đôi giữa câu lục và câu bát

DƯỚI CẦU – DẢI NƯỚC trong veo

BÊN CẦU – tơ liễu bóng chiều tha la

Cũng do tôn trọng hai điểm a, b đó, chúng tôi đề nghị phục nguyên DẢI NƯỚC để đối với TƠ LIỄU ở câu sau, tuy NƯỚC CHẢY xuất hiện ở nhiều bản hơn.

6. Có một trường hợp số lượng các bản bằng nhau giữa 3 dị bản:

a. LẶN NÚI, b. GÁC NÚI và c. ĐẾN ĐẤT (ở câu 172).

Chúng tôi đề nghị chọn LẶN NÚI chứ không phải lối nói bóng bẩy GÁC NÚI vì trong phục nguyên cần nhất là tiêu chí "cổ hơn". Mà về phương diện này thì chắc chắn LẶN NÚI cổ hơn: vì nó có mặt trong bản gốc DMT; hơn nữa nó còn có mặt từ lâu trong lối nói của nhân dân: MẶT TRỜI MỌC, MẶT TRỜI LẶN.

7. Ở hai trường hợp ĐẦY SONG (câu 173) LẶNG NGẮM (câu 177) bản DMT/1872 được 2, 3 bản nhất trí, nhưng số lượng đó vẫn thua số bản của TỪ SONG và RẠNG NGẮM. Có điều ĐẦY SONG là kết cấu diễn Nôm đúng theo 2 chữ MÃN SONG trong tiếng HÁN, giới nhà nho quen thuộc hơn TỪ SONG; và LẶNG NGẮM thì dễ được chấp nhận hơn RẠNG NGẮM. Riêng DÒM SONG chắc độc giả ngày nay thích hơn, nhưng nó chỉ có mặt ở 2 bản gốc Huế: chắc đó là kết quả nhuận sắc lại ở đất kinh đô. Nếu chưa chứng minh được đó là do nhà thơ tự nhuận sắc thời vào làm quan ở Huế thì dầu hay, chúng ta cũng đành phải gạt bỏ, để phục nguyên ĐẦY SONG, vốn có ở bản gốc DMT như LẶNG NGẮM.

8. Còn lại ĐĂM ĐĂM và BÓNG HOA ở câu 177. Nghe xa lạ quá so với hai kết cấu quen thuộc MỘT MÌNH và BÓNG NGA!

a. Nhưng chúng tôi xét vẫn phải nên phục nguyên ĐĂM ĐĂM như ở bản gốc DMT, lý do:

- MỘT MÌNH chỉ nói lên sự cô đơn của nàng Kiều.

- ĐĂM ĐĂM, trái lại, nói lên sự chú mục của nàng vào một điểm trong

không gian (BÓNG HOA hay BÓNG NGA tùy bản); chính sự chú mục đó sẽ làm nàng quên hết mọi vật khác để chuyển sang một sự tập trung tư tưởng cao độ, đi sâu vào nội tâm: nghĩ về đường gần, nỗi xa, thương xót cho một con người như Đạm Tiên, băn khoăn về chuyện tương lai sẽ như thế nào trong quan hệ với một người như Kim Trọng... Rõ ràng văn mạch đòi hỏi phải chọn ĐĂM ĐĂM như ở văn bản cổ.

b. BÓNG HOA chắc gây bất ngờ cho nhiều người, vì ai cũng đã quen với chuyện Kiều ngắm trăng! Nhưng thực ra cụ Nguyễn Du đã trình bày theo trình tự lô gích như sau:

1. Kiều trở về nhà,trời tối, trăng lên.

2. Các quang cảnh hiện lên dưới ánh trăng:

- Nào do tác động của ánh trăng: "vàng gieo ngấn nước", "cây lồng bóng sân".

- Nào do đêm khuya dần, trăng ngả về phía tây: "Hải đường lả ngọn đông lân", "giọt sương treo nặng cành xuân la đà".

3. Và nàng bắt đầu chú mục ngắm. Ngắm cái gì? Ngắm ngay vầng trăng ư? Cũng được. Nhưng thiết nghĩ sau khi đã đưa con mắt đi từ ánh vàng trên ngấn nước sang hình cây vẽ giữa sân; đi từ bụi hải đường ngọn ngả bóng phía đông sang cành cây trĩu nặng dưới sương khuya thì hiển nhiên chuyện nàng chú mục vào bóng hoa gần đó là chuyện hợp lý hơn nhiều, so với chuyện nàng đột ngột cất đầu ngước mắt lên trời. Xin chú ý thêm đến trình tự nhà thơ đã dựng nên: có ánh trăng đầy song, rực vàng trên nước, làm hiện lên: CÂY → NGỌN → CÀNH → HOA. Cho nên bản cổ nhất có cái lý của nó. Tiếc rằng các bản về sau không thấy cái lý đó, mà đi tìm những cái dễ dãi hơn!

Trang 6B

1. Bản gốc DMT ở về phía đa số trong mấy trường hợp sau đây:

- TUYỆT DIỆU ở câu 184
- SEN VÀNG ở câu 190[1]
- LÃNG ĐÃNG cũng ở câu 190
- DON HỎI ở câu 191
- TÂY THIÊN ở câu 195

---

[1] Trường hợp này chỉ đạt đa số tương đối: 4/9 (xin so với 2/9 ở TRÊN và 3/9 ở NHẠC. Ở bản Minh Mạng lục niên cũng SEN VÀNG, vậy có thể đổi 4/9 thành 5/10.

- MẤY LÒNG ở câu 197

- Và MÀ XEM ở câu 200

Vậy có thể cứ theo thế mà phục nguyên.

2. Kết cấu TỰA LOAN không dễ hiểu bằng TỰA NGỒI; kết cấu Việt hóa NGUỒN ĐÀO hơi lạ hơn kết cấu gốc Hán ĐÀO NGUYÊN, nên trường hợp nào số lượng bản in theo cũng hơi bị ít hơn một tí (3/4 ở trường hợp đầu; 4/5 ở trường hợp sau), nhưng bản gốc DMT lại đáng được phục nguyên theo! Thiết nghĩ không phải không có lý do: TỰA LOAN nghe nhã hơn, hợp với phong cách cổ điển hơn, không phải ngẫu nhiên mà O.F.M.Génibrel chọn cả câu đưa vào mục ví dụ cho từ điển; NGUỒN ĐÀO thì lại nằm trong hệ thống những kết cấu nhà thơ cố gắng Việt hóa từ ngữ Hán, như dùng CẦM TRĂNG thay vì ĐÀN NGUYỆT (ở câu 467), VIỆN SÁCH thay vì THƯ VIỆN (ở câu 1648, câu 1937) hay ĐƯỜNG MÂY thay vì VÂN LỘ (ở câu 2861) v.v... Bản gốc DMT tôn trọng nguyên tác, vậy ta lại phải tôn trọng bản gốc DMT khi phục nguyên.

8. Một trường hợp nữa bản DMT/1872 cũng bị thiểu số: ở câu 191 chỉ 2 bản dùng CHÀO MỪNG theo DMT, còn 5 bản dùng RƯỚC MỪNG. Theo ý chúng tôi, trước 4 chữ ĐON HỎI DÒ LA thì dùng CHÀO MỪNG hợp hơn, tự nhiên hơn. RƯỚC có vẻ thiên về lễ nghi, nên chỉ hợp ở những câu như:

- *Vội mừng làm lễ RƯỚC vào* (câu 445)

- *RƯỚC dâu về đến trú phường* (câu 785)

- *Mượn người thuê kiệu RƯỚC nàng* (câu 2143)

- *Rằng vâng lệnh chỉ RƯỚC chầu vu quy* (câu 2264) v.v...

Vậy cứ nên phục nguyên CHÀO MỪNG theo bản gốc DMT.

Trang 7A

1. Nói chung trang này khá đơn giản; ở các câu 206, 207, 212, 213 việc phục nguyên đều có điều kiện khá thuận lợi: các trường hợp VẪY, THẮC THỎM, CẦM LẠI, SỊCH đều vừa có mặt ở văn bản cổ nhất (bản gốc DMT) vừa có mặt ở đa số các bản khác. Điều đáng nói chỉ là: trong cả 4 trường hợp bản DMT/1872 đều khắc không chuẩn, phải đoán mới đọc được.

2. Ở câu 216 bản gốc DMT dùng NHƯỜNG, các bản khác dùng DƯỜNG: có thể nói đó là hai biến thể của một từ, chứ không phải là hai dị bản khác nhau. Trong TĐTV của Hoàng Phê, hai chữ chỉ được giải thích một lần,ở chữ này xin xem sang chữ kia.

3. Riêng ở câu 220, có hiện tượng chép nhầm do liên tưởng không

đúng về ngữ nghĩa ở khâu đọc nhẩm: chép câu HOA TRÔI BÈO GIẠT ĐÃ ĐÀNH xong, chuyển sang câu bát, vừa nhìn vào chữ BIẾT là người chép đã nghĩ ngay đến kết cấu BIẾT ĐÂU! Cũng dễ hiểu: trong tiếng Việt, chuyện nói BIẾT SAO, BIẾT ĐÂU là chuyện thường xuyên đầu cửa miệng! Ngay trong truyện Kiều cụ Nguyễn Du cũng 3 lần dùng BIẾT SAO và 12 lần dùng BIẾT ĐÂU.

Do đó phải đính ngoa trước khi phục nguyên. Vả lại, tuy với BIẾT ĐÂU câu thơ vẫn có nghĩa, nhưng có đính ngoa thì mới có được 2 vế BIẾT DUYÊN MÌNH / BIẾT PHẬN MÌNH vừa lặp vừa đối nhau một cách thật là cân xứng. Tuy nhiên, để thận trọng, chúng tôi vẫn sẽ phụ chú thêm cả BIẾT ĐÂU để bạn đọc rộng đường cân nhắc.

Trang 7B

1. Trong trang này trường hợp có sự ăn khớp giữa hai tiêu chí 1, 2 cũng khá nhiều: 9 trên 14 chỗ có vấn đề khảo dị. Đó là các trường hợp:

- SÓNG DỒI ở câu 221
- ĐÒI CƠN ở câu 222
- ĐÔI NỢ ở câu 228
- PHẬN CON và THÔI CÓ ở câu 234
- MỘNG TRIỆU và CỨ ĐÂU ở câu 235
- MẠCH TƯƠNG ở câu 238
- NÁCH TƯỜNG ở câu 240

Những trường hợp này chúng ta cứ theo thế để phục nguyên.

2. Bốn chữ cuối câu 240 rất khác nhau giữa các bản:

- BAY NGANG TRƯỚC MÀNH ở 5 bản (LNP, LVĐ, TVK, TMĐ, QVĐ)
- BAY SANG TRƯỚC MÀNH ở 1 bản (VNB-60)
- BAY SANG LÁNG GIỀNG ở 1bản (KOM)
- RẼ SANG NGANG MÀNH ở 1 bản (ADM)
- RẼ SANG NGANG DUỀNH ở 1 bản (DMT/1872)

Giữa hai khả năng – theo đa số hay theo văn bản cổ – chúng tôi đề nghị nên phục nguyên theo văn bản cổ.

3. Như vậy là chỉ còn 2 câu 225 và 229. Ở 2 câu này chúng tôi cũng phục nguyên theo bản gốc DMT:

a. Đa số các bản đều dùng CỚ SAO: có lẽ là để khỏi trùng lặp với 4 chữ "HỎI CƠN CỚ GÌ" ở câu trên. Nhưng chúng tôi không tán thành sự nhuận sắc ấy. Trong câu:

Nhà huyên chợt tỉnh hỏi cơn cớ gì

4 chữ "hỏi cơn cớ gì" chưa phải là câu hỏi.

Câu "cớ ... trằn trọc canh khuya... " mới là câu hỏi trực tiếp. Dùng CỚ CHI ở đây là cách tiếp nối tự nhiên nhất với 4 chữ "HỎI CƠN CỚ GÌ" ở trên.

b. Dùng BUỔI NGÀY là không chuẩn: ở tiếng Việt chỉ dùng BUỔI trước SÁNG, TRƯA, CHIỀU, TỐI; còn trước NGÀY, ĐÊM phải nói là BAN.

Cách dùng *NGAY NGÀY chơi mả Đạm Tiên* ở bản gốc DMT đúng hơn nhiều (xin xem lại phần I)

Trang 8A

1. Trong 14 chỗ có dị bản khác nhau, 12 chỗ bản DMT ăn khớp hoàn toàn với đa số. Nhưng chỉ 9 trường hợp chúng tôi tái lập theo DMT và đa số đó:

- CHÊNH CHÊNH ở câu 241
- DỨT MỐI ở câu 244
- BIẾNG KHUÂY ở câu 246
- CÀNG KHẮC ở câu 247
- BỤI HỒNG ở câu 250
- BUỒNG VĂN và HƠI GIÁ ở câu 253
- NGÓN THỎ ở câu 254
- DỜI CHÂN ở câu 260

Cách tái lập đó 5 trường hợp mâu thuẫn với bản KOM mà nhiều bản Quốc ngữ về sau đã tin theo. Cũng dễ hiểu, vì KOM đã theo bản kinh mà chữa lại quá nhiều: như hiểu nhầm BỤI HỒNG là HỒNG TRẦN nên thay bằng BÓNG HỒNG; hiểu nhầm TRÚC là quản bút nên thay NGÓN THỎ bằng NGÒI THỎ v.v...

2. Tất nhiên cũng có trường hợp KOM thiểu số mà vẫn đúng, và chúng tôi vẫn tái lập theo, ví dụ LÀ GIỐNG HỮU TÌNH ở câu 243, ĐEM GIỐNG KHUYNH THÀNH ở câu 258: sở dĩ bản gốc DMT đổi thành THÓI là vì phải kị húy chữ GIỐNG/CHỦNG tên của Gia Long theo lệnh 1803. Cách

đổi thành THÓI nghe cũng được nên đa số các bản theo. Nhưng đã nói phục nguyên theo nguyên tác thì phải trở lại những gì cụ Nguyễn Du đã viết ra khi chưa bị kị húy.

3. Có một trường hợp, ở câu 248, bản thì ghi Nôm là 論 bản thì ghi Nôm là 扽. Hai cách ghi này đọc là GIỌN/DỌN cũng được, đọc là GIỒN/DỒN cũng được. Và nghĩa của hai bên cũng khá gần nhau, ví dụ ở HTC: DỌN = sắp đặt; DỒN = sắp lại một chỗ. Vậy đây không thật là 2 dị bản mà chỉ là 2 biến thể phát âm, 2 biến thể văn tự của một từ trong nguyên tác. Không biết nhà thơ vốn đọc theo biến thể nào? Nếu theo phương ngữ Nghệ Tĩnh thì GIỌN > NHÒN và có nghĩa như DỒN (ví dụ trong câu "sàng rồi cho nhòn lại một chỗ mà bốc ra"). Tạm thời chúng tôi phục nguyên GIỌN – và để cho dễ hiểu đối với độc giả hiện nay – chúng tôi đề nghị chú thích là "dồn lại", như Đào Duy Anh (TĐTK).

4. Trường hợp DÂY và GÂY ở câu 256 thì chúng ta có số lượng bản bên nào cũng như bên nào. Về mặt ngữ nghĩa, bên nào cũng dùng được, tuy GÂY đã quen thuộc hơn. Với tinh thần tôn trọng văn bản cổ, chúng tôi vẫn đề nghị phục nguyên DÂY với nghĩa là "dính vào" (TĐTV-HP).

5. Riêng HÃY ở câu 242 thì bị hẳn thiểu số. Song nó lại có ở bản gốc DMT! Vậy phải xét tứ thơ của cụ Nguyễn Du. Nếu dùng NỖI RIÊNG, thì mới xem qua hình như nghe hay hơn. Nhưng nó lại có phần nào trùng lặp với TẤC RIÊNG ở sau. Nếu cho là nhà thơ có dụng ý láy lại đi nữa thì 3 lần lặp chữ RIÊNG cũng là đã đủ rõ cái chuyện Kiều trăn trở với tâm tư riêng.

Dùng HÃY thì thêm hẳn ý mới: trăng đã xế, đêm đang qua, gần sáng rồi mà Kiều HÃY còn thao thức!

Chúng tôi vẫn đề nghị phục nguyên HÃY.

Trang 8B

1. Ở trang này chúng tôi đề nghị phục nguyên:

- VI LAU và CỚI TRÊU ở câu 264
- NGHỀ RIÊNG, NHỚ ÍT, TƯỞNG NHIỀU ở câu 265
- THẲM NGHIÊM và KÍN CỐNG ở câu 267
- DẪY THỀM ở câu 272
- BUỒNG KHÔNG ở câu 276
- DU HỌC ở câu 277
- DỌN SANG ở câu 278

Có sự ăn khớp giữa hai tiêu chí 1, 2 là đã có đủ cơ sở để tái lập rồi. Tuy

nhiên chúng tôi cũng muốn nói thêm về một số trường hợp cho rõ hơn.

a. Có lẽ vì thấy VI LAU là kết cấu ½ Hán ½ Việt nên bản KOM đổi thành BÔNG LAU. Nhưng loại kết cấu như vậy không phải là một cái gì sai trái: KHÁCH KHỨA, BẠN LỨA chúng ta cũng đã từng nghe quen tai từ lâu. Hơn nữa, đang tiết Thanh minh làm gì có BÔNG LAU: loài lau lách chỉ nở hoa về mùa thu!

b. CỚI TRÊU đã được HTC định nghĩa là "trêu ghẹo, diễu cợt". Ý nghĩa của lối nói cổ đó rất hợp ở đây (xin xem đoạn sau).

c. NGHỀ RIÊNG là cách nói bị các vị trong kinh chữa thành CHẠNH RIÊNG. Như thế là bỏ mất một lối nói rất quen thuộc: ở đời (nghề đời nó thế!) mỗi sự đam mê đều có những sự trớ trêu riêng, những "trò riêng" của nó. Ở đây NGHỀ RIÊNG chỉ cái trò riêng đó của tình yêu!

Các vị cũng đảo NHỚ ÍT, TƯỞNG NHIỀU thành TƯỞNG ÍT NHỚ NHIỀU cho hợp với cái lô gích của tâm lý. Nhưng các vị quên đặc điểm của tiếng Việt: khi cho lồng 2 kết cấu xen kẽ nhau thì đảo theo trật tự nào cũng được, ý nghĩa cơ bản không thay đổi! Xin so sánh CAO CHẠY XA BAY với XA CHẠY CAO BAY; CON CHA CHÁU ÔNG với CON ÔNG CHÁU CHA hoặc HỒN LẠC PHÁCH XIÊU với PHÁCH LẠC HỒN XIÊU v.v...

d. Hiện ta quen nói THÂM NGHIÊM, nhưng 6 bản, kể cả bản DMT lại đều khắc chữ THẨM chứ không phải chữ THÂM! Hẳn nhà thơ muốn ghi lối nói THẲM THẲM. Vậy phải tái lập cho đúng cái ý đó của nguyên tác – như cụ Đào Duy Anh đã làm! Và cũng vậy, nên tái lập KÍN CỔNG theo gợi ý của Tản Đà: có KÍN CỔNG thì mới ăn khớp với 4 chữ "CẠN GIÒNG LÁ THẮM" ở sau được.

e. DẪY có ý nghĩa là "đầy lên", "tràn ra". Cách nói này cuối thế kỷ 19 còn được ghi trong từ điển HTC. Nói "tràn dẫy" thường là nói về nước, nhưng dùng rộng ra vẫn được, ví dụ "HƠI DẪY LÊN", "NO DẪY", "ĐẦY DẪY KHÓ KHĂN". Các bản Nôm đều viết DẪY, không lẽ gì chúng ta lại đổi thành ĐẦY theo KOM.

2. Có một trường hợp cách ghi ở bản cổ được nhiều bản theo: đó là trường hợp MỘT DÒNG//VÙNG ở câu 261. Nhưng ở đây dầu có sự thống nhất giữa hai tiêu chí đã đề ra, chúng ta vẫn phải gạt bỏ, vì biết rõ lý do. Phải tái lập chữ LÀN bị thiểu số: nó sở dĩ bị thay bằng DÒNG//VÙNG là để kị húy. Có điều DÒNG//VÙNG khá quen thuộc và khá hay: nên phụ chú.

3. Nếu chữ chiếm tần số cao mà bị gạt thì chuyện ngược lại cũng không nên lấy làm lạ: hai trường hợp sau đây đều là hai trường hợp bị thiểu số, nhưng chúng tôi vẫn chọn để phục nguyên. Đó là hai trường hợp GIỤC ở câu 263 và DIỀU ở câu 274.

a. GỢI CƠN SẦU cũng hay, nhưng vẫn nên tái lập GIỤC. Vì hai lẽ:

- Lẽ thứ nhất là nó có mặt ở bản gốc DMT.

- Và lẽ thứ hai là nó hợp lý hơn: cơn sầu của Kim Trọng có đã từ lâu:

Chàng Kim từ lại thư song

Nỗi nàng canh cánh bên lòng biếng khuây

Sầu đong càng khắc càng đầy

Chứ đâu có phải khi đến nơi kỳ ngộ cơn gió chiều mới gợi ra! Có điều đến lại chỗ gặp Kiều hôm trước thì cái sầu tương tư đó mới càng nổi lên, mạnh hơn, hối hả hơn, đến độ -- khách quan mà nói, bình tĩnh mà nói – thì có thể buồn cười, có thể đem ra để diễu cợt. Ai như xúi giục thành ra thế? Đó là ngọn gió chiều! Ai như diễu cợt? Đó là chòm lau đang chứng kiến. Vậy viết:

Gió chiều như GIỤC cơn sầu

Vi lau hiu hắt như màu CỢI TRÊU

thiết nghĩ là vô cùng sát đúng.

b. Cũng vậy DẠO QUANH và DIỄU QUANH đều có nội dung cơ bản như nhau. Có điều DẠO QUANH thì có vẻ thung dung quá, bình tĩnh quá: theo TĐTV thì DẠO có nghĩa là "đi thong thả... để tiêu khiển, nhìn ngắm!". Còn DIỄU QUANH thì thêm được cái ý là có mục đích "nhằm để nhìn cho thấy" như TĐTV-HP đã phân tích.

Trang 9A

1. Trang này có 4 trường hợp có thể phục nguyên, mà không cần biện luận: MỪNG THẦM ở câu 281, VÀO RA ở câu 286, THẤM THOẮT ở câu 288 và NHÁC THẤY ở câu 294: cả bản gốc DMT và cả đa số các bản đều nhất trí.

2. Nhưng có đến 6 chỗ bản DMT bị thiểu số, cần phải giải thích thêm về sự lựa chọn.

a. ĐỘNG KHÓA//TỎA NGUỒN PHONG ở câu 285 được DMT khắc đúng như vậy. Và đọc đúng như vậy thì rõ ràng dễ hiểu hơn các dị bản ĐỘNG TỎA//KHÓA NGUYÊN PHONG hoặc ĐỒNG TỎA NGUYÊN PHONG của đa số các bản khác.

b. Đa số các bản (8 trên 9!) chấp nhận QUÁN KHÁCH ở câu 287. Kết cấu này nghe rất quen thuộc, nhưng chúng tôi lại không tán thành: phòng của Kim Trọng thuê đâu phải là QUÁN KHÁCH! Đây là chỗ khi Kim Trọng thuê có tả rõ:

Lấy điều du học hỏi thuê

Túi đàn cặp sách đề huề dọn sang

Và sau này chỗ ấy còn được gọi là "thư hiện", "thư hiên", "viện sách". Vậy ở đoạn giữa này mà gọi đó là QUÁN CÁC, một phòng của Tòa Hàn lâm – thì rõ ràng là sát hợp hơn và cũng hóm hỉnh hơn! Sát hợp hơn vì có đủ kinh sử, có tranh phong cảnh, có đàn... , và hóm hỉnh hơn là vì vị "viện sĩ" trẻ tuổi tuy suốt ngày ngồi ở QUÁN CÁC nhưng chỉ để được gần mĩ nhân, theo dõi, tìm cách để thấy được mĩ nhân chứ đâu phải để ngó ngàng gì đến kinh sử!

c. Ở ba câu 288, 293, 300 chúng tôi cũng phục nguyên theo DMT như hai trường hợp trên đây. Lý do: TRÒN HAI không thua gì ĐẦY HAI hoặc THÈM HAI; RÀO GẤM, HƯƠNG THẦM cũng không thua gì TƯỜNG GẤM, HƯƠNG TRẦM của đa số các bản về sau; lại được cái là từ ngữ có trong văn bản cổ!

d. Riêng trường hợp câu 292 thì cần phải nói rõ hơn – Giữa THƠM NỨC (được 7 bản chấp nhận) và NGÁT SỰC (chỉ có ở bản DMT) cần xét bên nào là đúng lời của cụ Nguyễn Du? Chúng tôi ngờ rằng trong nguyên tác vốn là NGÁT SỰC, vì chắc Cụ không muốn dùng một kết cấu sáo mòn như THƠM NỨC. Cụ dựng cảnh Kim Trọng thoáng thấy bóng hồng, vội vàng chạy ra, nhưng không còn kịp nữa rồi: người đẹp đã biến đâu mất! Thật không thể ngờ được: mùi hương còn đó, đang còn đầy ắp trong không khí, đang còn đánh mạnh vào khứu giác của Kim Trọng; ngào ngạt, sực nức! Muốn diễn tả Cụ phải kết hợp THƠM NGÁT với SỰC NỨC, tạo ra một kết cấu hoàn toàn mới lạ: NGÁT SỰC. Và rõ ràng có dùng HƯƠNG CÒN NGÁT SỰC ở trước thì mới làm nổi lên được cái bất ngờ đến phi lý NGƯỜI ĐÃ VẮNG TANH ở sau. Dùng THƠM NỨC thì cũng được thôi. Nhưng cái từ ngữ quá quen thuộc ấy thì không thể đủ sức đưa đến cho người đọc cái ấn tượng cần thiết!

Trang 9B

1. Có một số trường hợp có thể quyết định được ngay, ví dụ nên tái lập THOA ĐÂU ở câu 305, ƠN LÒNG ở câu 308, NÀO CỦA ở câu 309, VIN//VÉN MÂY ở câu 319, CHĂNG NHE ở câu 320. Lý do: xét về tần số xuất hiện, đây là những cách nói có mặt ở đa số bản, kể cả ở văn bản cổ nhất; xét về mặt văn từ, chúng cũng có những nét hợp hơn so với các dị bản còn lại. Chẳng hạn nói THOA NÀY thì chỉ nói cái thoa hiện đang ở trong tay KIM TRỌNG, thế thôi! Trái lại nói THOA ĐÂU thì nổi lên được 2 ý: có chiếc thoa không rõ từ đâu lọt vào tay; và chiếc thoa ấy hiện không biết chủ nhân là ai. Về mặt ngôn ngữ, có 2 cái ý đó thì mới dẫn đến được sự giải thích "BẮT ĐƯỢC HƯ KHÔNG" và dẫn đến được câu hỏi BIẾT ĐÂU HỢP

PHỐ MÀ MONG CHÂU VỀ. Trả thoa chỉ là cái cớ; chuyện chính của Kim Trọng là làm sao gặp được Kiều. Về mặt tâm lý, Kim Trọng biết, với hai chữ ĐÂU trong 2 câu ướm hỏi, Kiều không thể không trả lời và không thể không xuất đầu lộ diện.

Cũng vậy, NÀO CỦA thì hơn hẳn LÀ CỦA: dùng NÀO thì mới nhấn mạnh được 3 chữ CỦA MẤY MƯƠI ở sau đó, đồng thời mới bắt được sang câu sau một cách tự nhiên hơn: NÀO CỦA MẤY MƯƠI → MÀ... Cách nói NÀO... MÀ... có tác dụng hạ thấp giá trị của vật để đề cao giá trị của người một cách rõ rệt hơn là cách nói LÀ... MÀ...

2. Bốn trường hợp sau đây, từ ngữ của phía DMT bị thiểu số, không đạt được cả hai tiêu chí. Nhưng thực ra chúng vẫn có giá trị hơn. So sánh:

- ĐƯỢC RÀY NHỜ thì tỏ lòng tri ân, rõ rệt hơn là: ĐƯỢC RÀY NHƯ.

- Nói chiếc thoa là CHÚT HƠI RƠI thì gắn nó với chủ nhân của nó mật thiết hơn là nói CHÚT THƠM RƠI.

- Nói BẤY LÂU thì nhã hơn nói MẤY LÂU.

- Nói VỘI VÀO thì sát đúng cảnh thực hơn là nói VỘI VỀ: Buồng Kim Trọng ở ngay sát cạnh đó!

3. Hai trường hợp TRƯỢNG NGHĨA ở câu 310 và HAI CHIẾC ở câu 318 chúng tôi cũng đều phục nguyên theo DMT, mặc dầu chúng ngược lại với đa số các bản khác. Bởi vì có những lý do hết sức xác đáng:

a. TRƯỢNG NGHĨA là lối nói kiêng húy của dòng họ Tiên Điền chắc chắn đó là lời cụ Nguyễn Du viết trong nguyên tác.

b. Còn HAI CHIẾC thì rõ ràng đúng về ngữ pháp hơn ĐÔI CHIẾC. Cái sai của ĐÔI CHIẾC chúng tôi đã phân tích tỉ mỉ ở phần I: xin xem lại trang 33.

Trang 10A

1. Trong chữ Nôm viết BÂY có thể đọc BẤY được (VVK, TVK) cũng như QUA/QUÁ, THAN/THÁN. Ở câu 324 nên đọc BẤY: đọc BẤY thì đạt hai tiêu chí!

2. Trang này lại còn 3 chỗ đồng thời đạt cả 2 tiêu chí nữa: vừa có mặt ở bản gốc DMT vừa được nhiều bản tán đồng. Đó là:

- RÕ MẶT chứ không phải TẬN MẶT ở câu 322.

- TRẺ CON chứ không phải TRẺ THƠ ở câu 336.

- Và THIỆT ĐÂY chứ không phải THIỆT TA ở câu 340.

Nhiều bản tán đồng cũng phải. Nói Kim Trọng nhìn "RÕ MẶT" thì

hợp; nói nhìn TẠN (= TẬN) MẶT thì sỗ sàng quá! Kiều tự cho mình còn trẻ con, nghĩa là tự nhận đang còn ít tuổi, đang ở phận làm con trong nhà, chưa dám định đoạt; còn nếu tự nhận còn TRẺ THƠ thì ngoài cái ý đang còn ít tuổi lại thêm ý còn thơ dại! Mà nhấn mạnh mặt tính tình thì ở đây không quan trọng bằng nhấn mạnh cái vị trí chưa cho phép làm như người lớn. Ngay hiện nay cũng vậy thôi: có thể nói "trẻ con không được hút thuốc!" chứ không ai nói "trẻ thơ không được hút thuốc!". Còn nói THIỆT ĐÂY thì bình đẳng, nói THIỆT TA thì có vẻ cao ngạo quá. Trong ca dao hay dùng ĐẤY ĐÂY là vì vậy:

Đấy vàng đây cũng đồng đen

Đấy hoa thiên lý đây sen Tây Hồ

Đấy đông thì đây bên tây

Đây chưa có vợ đấy nay chưa chồng

3. Trong 6 trường hợp bản gốc DMT bị thiểu số, có 2 trường hợp sau đây khá chắc là phía thiểu số theo sát nguyên tác:

a. RÒN MÒN ở câu 325. Hai lối nói THÂU MÔN, RŨ MÒN ở 7 bản còn lại rõ ràng là không cổ và không chính xác bằng RÒN MÒN. Ở từ điển HTC, Génibrel định nghĩa RÒN là "ốm o dần, gầy guộc dần đi", vậy RÒN đi đôi với MÒN là rất đúng. Chắc kết cấu này cổ, khó hiểu nên sau bị thay thế.

b. 5 TRÒN ở câu 327: 5 TRÒN dùng để dịch kết cấu NGŨ LUÂN cũng như các trường hợp dùng 5 TRONG để dịch NGŨ NỘI, dùng 5 HẰNG để dịch NGŨ THƯỜNG, dùng 5 MANG để dịch NGŨ UẨN mà Điển cổ văn học đã ghi nhận. Theo từ điển Phật học Hán Việt thì "2 cánh tay, 2 đầu gối và đầu đều tròn nên gọi là NGŨ LUÂN. NGŨ LUÂN đó chạm đất mà lễ... thì đó là lễ cung kính nhất". Như vậy nói NGŨ LUÂN hay nói 5 TRÒN cũng đều là nói về thân người, nhưng là cái thân của một con người đang thành kính hành lễ, đang có sở nguyện cầu xin một chuyện gì. Kim Trọng dùng 5 TRÒN là để tự chỉ mình, với ý như là THÂN HÈN NÀY, LÒNG THÀNH NÀY. Kim Trọng đang có sở nguyện cầu xin nên mới nói:

5 TRÒN (tức THÂN HÈN hay LÒNG THÀNH) *như gửi cung mây*

Trần trần một phận, ấp cây đã liều

Bản ADM không hiểu nên đổi con số 5 thành NĂM (= 12 tháng). Các bản khác thấy Kim Trọng mới gặp Kiều hôm đi Thanh minh, làm gì đã được một năm, nên lại đổi thành THÁNG TRÒN. Rõ ràng là đổi một cách tùy tiện, không có cơ sở văn bản học: chữ THÁNG và chữ 5 quá khác nhau, khó lầm lẫn! Cụ Hoàng Xuân Hãn nghĩ đến VUÔNG TRÒN còn có phần có lý hơn.

5 TRÒN chắc có ở nguyên tác. Nhưng lấy điển cố từ Phật học nên ít ai hiểu, sau bị thay. Nhưng thay bằng THÁNG TRÒN thì cũng chẳng có tí gì dễ hiểu hơn!

4. Còn 3 trường hợp nữa bản gốc DMT cũng bị thiểu số.

a. Ở câu 326: LẠI hay HÃY? Xét dị bản này với dị bản kia thấy cũng không có sự khác nhau gì lớn, nghĩa gần gần tương đương, nên chúng tôi cứ chọn LẠI CÒN theo văn bản cổ. Hơn nữa, xét thật kỹ thì LẠI cũng hơn HÃY vì gia thêm được cái ý mà TĐTV (HP) gọi là "trái với lẽ thường", vì bất ngờ, ngoài sự chờ đợi!

b. Riêng 2 trường hợp sau đây thì chúng tôi nghĩ quả từ ngữ phía văn bản cổ có phần đạt hơn một cách khá rõ rệt.

- Chúng ta hãy so sánh 2 dị bản ở câu 324.

1. ĐẮM trông trộm nhớ bấy lâu đã chồn (ở DMT)

2. THẦM trông trộm nhớ bấy lâu đã chồn (ở 8 bản còn lại)

THẦM TRÔNG TRỘM NHỚ là thành ngữ quen thuộc, nên nghe qua ai cũng dễ tán đồng. Nhưng xét kỹ THẦM và TRỘM nghĩa gần trùng nhau, 2 từ nhưng lượng thông tin không nhân lên gấp đôi. Trái lại, khi nói ĐẮM TRÔNG TRỘM NHỚ thì rõ ràng vừa diễn đạt được cả cái mức độ (ĐẮM ĐUỐI) vừa diễn đạt được cả cái cách thức (THẦM TRỘM) trong nỗi lòng thương nhớ. Và lòng thương nhớ hiện lên có chiều sâu hơn, cụ thể hơn, chân thực hơn, chứ không khách sáo.

- Chúng ta lại hãy so sánh thêm 2 dị bản trong câu 331.

1. NGẦN NGỪ nàng mới thưa rằng (ở 2 bản)

2. NGẨN NGƠ nàng mới thưa rằng (ở 7 bản)

Theo từ điển, NGẨN NGƠ chỉ "trạng thái như không còn chú ý gì đến xung quanh, vì tâm trí đang để ở đâu đâu". Còn NGẦN NGỪ thì chỉ "trạng thái chưa dứt khoát trong hành động, do còn suy tính, cân nhắc điều gì". Có sự khác nhau như vậy nên từ điển mới đưa ra dẫn chứng, một bên là TIẾC NGẨN NGƠ, NHỚ AI RA NGẨN VÀO NGƠ và một bên là NGẦN NGỪ MÃI RỒI MỚI TRẢ LỜI; NGẦN NGỪ, ĐỊNH ĐI RỒI LẠI THÔI (TĐTV-HP chủ biên).

Vậy xin hỏi: sau khi nghe Kim Trọng thổ lộ tình yêu và trước khi NÀNG MỚI THƯA RẰNG, Kiều "đang để tâm trí ở đâu đâu" (= ngẩn ngơ) hay Kiều đang "còn suy tính, cân nhắc" câu trả lời (= ngần ngừ)?

Chắc ai cũng phải nghiêng về việc nên phục nguyên NGẦN NGỪ như ở bản gốc DMT, dầu nó bị thiểu số.

Trang 10B

1. Trong trang này bản DMT chỉ bị thiểu số 2 trường hợp; đó là dùng NHẮN BÓ ở câu 341 và dùng RẰNG KHI BUỔI MỚI LẠ LÙNG ở câu 349. Nhưng ở hai trường hợp này có thể đoán ra ngay: NHẮN BÓ chỉ là cách ghi GẮN BÓ theo phát âm vùng Nghệ Tĩnh (so sánh GHẸO với NHÉO) và ở câu 349 thì chỉ là hiện tượng chép nhầm, khắc nhầm. Có hai khả năng:

- Hoặc khắc nhầm chép nhầm TRONG thành KHI

- Hoặc khắc nhầm CŨ MỚI LẠ LÙNG thành BUỔI MỚI LẠ LÙNG

Quả vậy kết cấu LONG + NỘI 竜内 có thể chuyển thành 欺 (KHI) và kết cấu 苜貝 có thể chuyển nhầm thành 目貝 BUỔI! (xin chú ý: chữ BUỔI ở DMT/1872 không khắc bộ NHẬT mà khắc bộ MỤC! Chữ CŨ ghi theo TVK).

Cần tiếp tục làm sáng tỏ thêm. Trước mắt chúng tôi tạm chấp nhận TRONG BUỔI theo bên đa số.

2. Ở 8 trường hợp còn lại, cách ghi ở bản DMT/1872 đều được đa số các bản khác nhất trí. Nhưng chỉ có thể tái lập được 7:

- CHÚT CHI ở câu 341
- KHUÔN THIÊNG ở câu 343
- ĐEO ĐUỔI ở câu 346
- ĐƯỢC LỜI và TẤM LÒNG ở câu 353
- BẢ QUẠT HOA QUỲ ở câu 357
- Và VỪA GẮN ở câu 359

3. Còn lại một trường hợp cuối cùng cần phải xét riêng: trường hợp KIM CHÂU ở câu 354. Trường hợp này có sự nhất trí giữa bản DMT/1872 với 5 bản nữa, nhưng chúng ta không thể phục nguyên theo. Cứ liệu KIM HUỜN ở TVKI cho thấy ông đã theo một bản Nôm biên tập sau năm 1833 – tức năm chữ HOÀN được miễn húy. Mà để HOÀN/HUỜN ở câu này là rất hợp lý, vì trước kia ta đã thấy Kim Trọng:

Vội vào thêm lấy của nhà
Xuyến vàng hai chiếc khăn là một vuông

XUYẾN VÀNG chính là KIM HOÀN, nên nay mới nói:

Được lời như cởi tấm lòng
Giở KIM HOÀN với khăn hồng trao tay

Chắc bản gốc DMT và bản gốc xưa của các bản miền Bắc đã từng có hồi viết tắt chữ HOÀN để kỵ húy 環 > 环 rồi chữ tắt đó chuyển nhầm thành CHÂU 珠. Còn hai bản gốc Huế đổi thành KIM THOA là đi quá xa thực tế.

Trang 11A

1. Ở trang này có thể đề nghị phục nguyên ngay:

- VỘI VÀNG ở câu 361
- THƯ VIỆN và NÀNG ở câu 362
- THẤM THÍA và LÒNG ở câu 364
- TƯƠNG ở câu 365
- THƯA ở câu 370
- HẢI ĐƯỜNG ở câu 372
- BIỆN DÂNG ở câu 374
- THÌ TRÂN ở câu 377

Đây là 10 trường hợp không những chỉ có mặt ở bản DMT theo tiêu chí 1 mà còn đồng thời có mặt ở đa số các bản còn lại, theo tiêu chí 2.

2. Nhưng cũng có trường hợp đạt đủ cả 2 tiêu chí nhưng chúng ta không thể phục nguyên theo như vậy: đó là trường hợp HƯƠNG ở câu 375. Lý do chúng ta đã biết rõ: đó là chữ dùng để kị húy theo lệnh 1803. Chữ của nguyên tác cần phải phục nguyên lại ở đây là chữ LAN.

3. Trường hợp CHỚ, CHỞ, TRỞ, ĐIỂM, ĐÓN ở câu 367 thì chúng ta đã trình bày ở phần I. Đây là chữ CHỚ với ý nghĩa là "ngăn lại" hiện còn có mặt ở bản DMT/1872. Các bản khác vì không nghĩ đến chữ đó nên đã nhuận sắc hoặc đính ngoa nhầm. Xin xem lại trang 36, 37.

4. Còn lại 3 trường hợp bản DMT/1872 bị thiểu số: ở câu 373, câu 376 và câu 380.

a. Hai trường hợp đầu không có sự khác nhau gì đáng kể giữa hai dị bản. So sánh:

- Ở câu 373 :

Tưng bừng SẮM ÁO SỬA XIÊM (DMT, ADM)

Tưng bừng SẮM SỬA ÁO XIÊM (ở 7 bản còn lại)

- Ở câu 380 :

Dưới hoa THẤY ĐÃ có chàng đứng trông (DMT, LNP, KOM)

Dưới hoa ĐÃ THẤY có chàng đứng trông (ở 6 bản còn lại)

Vậy cứ nên phục nguyên theo bản gốc DMT.

b. Riêng trường hợp cuối thì cần phải cân nhắc: trong 7 bản đều dùng hai chữ HÔM NAY, riêng bản DMT và bản ADM thì dùng hai chữ có thể

đọc là CÓ NƠI hoặc CÓ NAY. ADM chọn cách đọc CÓ NƠI, tuy cách đọc đó hơi kém về mặt hiệp vần. Nên chăng là chọn cách dọc khác: CÓ NAY, BẤY NAY v.v. Nếu cho là HÔM NAY khắc nhầm thì hơi khó giải thích về mặt tự dạng, trừ trường hợp một chữ HÔM viết tắt và đá thảo của Nam Bộ là hơi có dáng ít nhiều gần gũi. Nếu cho là BẤY NAY khắc nhầm thì đó là một chữ BẤY có bộ MÔN viết tắt. Còn nếu không nghĩ đến chuyện chép nhầm, khắc nhầm thì đành phải chấp nhận cách đọc CÓ NAY. Rõ ràng còn cần phải tìm hiểu sâu hơn nữa. Tạm thời chúng ta phục nguyên theo đa số.

Trang 11B

1. Trong trang này, 5 trường hợp có được sự ăn khớp giữa hai tiêu chí được đề ra. Đó là:

- RA ở câu 388
- MẶT ở câu 393
- NGÂM ở câu 396
- MỘT BỨC và TREO TRÊN ở câu 398[1]

Vậy có thể cứ theo thế mà phục nguyên.

2. Về những trường hợp bản DMT bị thiếu số, chúng tôi thấy như sau:

a. Ở câu 381 cứ nên phục nguyên là VỚI theo đa số. Nếu phục nguyên là BẤY thì sẽ trùng lặp với chữ BẤY của câu sau. Chuyện chép, khắc nhầm ở bản DMT/1872 có thể có lý do như sau: VỚI có thể viết, đọc thành MẤY, mà MẤY thì có khi được coi như một biến thể của BẤY, ví dụ: MẤY LÂU = BẤY LÂU.

b. Ở câu 388 phục nguyên ĐÂY: có thế thì mới hợp lý về mặt nghĩa và mặt gieo vần. Chữ NƠI có thể là do chữ ĐÂY chép hay khắc nhầm.

c. Ở câu 391, chúng tôi nghĩ cứ nên chú thêm cả DMT. Phải chăng đọc: *Xắn NGANG mở MẶT động Đào* thì nhã hơn *Xắn TAY mở KHÓA động Đào*? Nhưng tạm theo đa số.

d. Ở câu 397 rõ ràng nên phục nguyên THI ĐỒNG, tuy bản DMT khắc THI nhầm thành ĐÃI, lại bị thiếu số.

e. Cuối cùng là trường hợp chữ đầu câu 400. Chữ này đã từng gặp ở câu 68 trước đây. Căn cứ thanh phù (viết tắt) chúng tôi đã nghĩ đến PHỤC. Nhưng DMT là người Gia Định, rất có thể ông đọc MẶN theo chữ Nôm Nam Bộ. Vậy tạm thời cứ nên phục nguyên MẶN.

---

[1] Xét mặt chữ, cũng có khả năng bản DMT/1872 dùng TREO LÊN như ở các bản khác. Hay phải đọc thành TREO LEN // TREO CHEN // TREO XEN?

Trang 12A

1. Cứ theo hai tiêu chí trước đây, có thể phục nguyên:

- TAY TIÊN ở câu 403
- CHỮA DÀY ở câu 407
- PHÚC NÀO và ĐỔI ĐƯỢC ở câu 408
- TRỘM LIẾC ở câu 409
- THÌ PHƯỜNG ở câu 410
- BIẾT CÓ ở câu 412
- PHÁT TIẾT ở câu 415[1]
- LẠI NGẮM ở câu 417

2. Có hai trường hợp bản DMT bị thiếu số nhưng chúng tôi vẫn phục nguyên theo:

- MỚI RỒI ở câu 401: theo ý chúng tôi MỚI RỒI thì nội dung cũng cơ bản giống như VỪA RỒI, vậy vẫn cứ nên theo văn bản cổ.

- VÀO TA ở câu 417: sau động từ NGẮM thì dùng VÀO TA hợp hơn là ĐẾN TA! NGẮM VÀO TA thì rõ ý "tự nhìn vào bản thân" hơn.

3. Ở trang này bản DMT có câu 414 sau bị các bản 1870, 1902 thay hoàn toàn. Chúng tôi vẫn phục nguyên cả câu theo DMT, vì 2 lẽ:

- Thứ nhất là vì có 6 bản ăn khớp với DMT, tức đạt cả tiêu chí 1 cả tiêu chí 2.

- Và thứ hai là vì câu này hợp với văn mạch hơn.

Sau câu lục: "*Nhớ từ năm hãy thơ ngây*" mà viết tiếp "*Có người tướng sĩ đoán ngay một lời*" thì rất ăn khớp, vì câu bát này nêu lên một việc cụ thể rất dễ nhớ, và rất dễ chuyển sang câu lục tiếp theo: "*Anh hoa phát tiết ra ngoài*". Trái lại nếu viết tiếp "*Cứ trong tướng pháp lắm thầy chê bai*" thì dễ gây ấn tượng rằng đó là một sự bình luận chung chung không thật gắn bó với hai câu lục ở trước và sau.

Trang 12B

1. Trường hợp sau đây truyền bản DMT ăn khớp với đa số, vậy có thể phục nguyên theo:

- THÌ ở câu 422

[1] Nếu ở bản LVĐ/1871, QVĐ/79 và ADM/84 đều đúng là PHÁT TIẾT thì kết cấu này cũng đạt đủ cả 2 tiêu chí.

- TRUNG KHÚC ở câu 423

- LỐI ở câu 432

- VỪA ở câu 435

- DỞ... DỞ... ở câu 436

- SEN ở câu 437

- ĐỈNH GIÁP ở câu 439

2. Trong số các trường hợp còn lại, thiết nghĩ ở hai câu 421 và 434, việc phục nguyên cũng không khó lắm.

- Ở câu 421 bản DMT/1872 khắc nhầm trật tự, làm chữ thứ hai bị vần trắc, nay chỉ cần đảo lại cho đúng. Vả lại phục nguyên VÍ DÙ thì vẫn dễ hiểu hơn DÙ ĐÂU.

- Còn ở câu 434 thì có 4 thanh phù cho phép đọc cả LỌT, cả SUỐT. Chúng tôi nghĩ rằng riêng với cách ghi ở DMT/1872 thì nên đọc SUỐT như Vũ Văn Kính.

3. Cần cân nhắc kỹ ở câu 438: đa số các bản đều cho là XẾ, mà nếu thế thì câu phải ngắt đôi thành hai vế đối nhau: *Bóng trăng đã xế, hoa lê lại gần*. Vì sao? Vì XẾ là một động từ không thể có bổ ngữ! Vế đầu của câu tả cảnh trăng, vế sau nêu hình tượng nàng Kiều đến gần. Nhưng trong bản DMT/1872 không dùng XẾ mà dùng TRỞ: theo từ điển TRỞ có nghĩa là "làm đảo ngược vị trí, đầu thành đuôi, trên thành dưới và ngược trở lại" (TĐTV-HP), ví dụ trong TRỞ BÁNH CHƯNG CHO CHÍN ĐỀU hoặc TRỞ ĐẦU ĐŨA... Vậy câu thơ này phải hiểu là "Bóng trăng đã đưa nàng Kiều quay trở lại". Nhà thơ đã nhân cách hóa bóng trăng, biến bóng trăng thành kẻ chủ động, và sự tự ý quay lại của nàng Kiều đã được thi vị hóa! Vậy chúng ta phục nguyên BÓNG TRĂNG ĐÃ TRỞ. Cách nói ĐÃ XẾ rõ là sai! Trời vừa tối, nàng về nhà, thấy có điều kiện thì quay trở lại: cũng khó nói lúc này trăng đã xế! Cảnh "*Nhặt thưa gương giọi đầu cành*" cũng khó cho là cảnh khi trăng đã hạ thấp về phía tây! Hơn nữa, chỉ sau đó 10 câu, nhà thơ tả: "*Vừng trăng vằng vặc giữa trời*"!

Trang 13A

1. Cũng vậy, ở trang này cũng có hiện tượng trong đa số trường hợp, đa số truyền bản đều in giống như ở bản DMT: 11 lần trên tổng số 15 lần! Điều đó tạo điều kiện dễ dàng cho chúng ta rất nhiều. Chẳng hạn chúng ta có thể yên tâm phục nguyên:

- CHO PHẢI (= khiến phải) ở câu 442

- DỌ/DÒ ĐƯỜNG cũng ở câu 442
- VỘI MỪNG ở câu 445
- NỐI SÁP ở câu 446
- MÓN và ĐÔI ở câu 448
- GIỮA TRỜI ở câu 449
- HAI MẶT ở câu 450
- DẢI LÀ ở câu 454
- CHÀY SƯƠNG ở câu 457
- CHƯA NÊN cũng ở câu 457

2. Nhưng có một trường hợp chúng ta nên tái lập khác bản DMT; đây là ở đoạn nói về một chuyện nhà thơ thêm vào, không có ở trong truyện Tàu: chuyện cắt tóc ăn thề. Theo lễ nghi này thì chắc câu thơ 448 phải là:

Tóc mây một món, dao vàng chia đôi

Nhưng 4 bản, kể cả bản DMT lại in là MỘT ĐÔI! Chúng tôi ngờ rằng chữ CHIA viết tắt thành chữ CHI, nên sau nhầm thành chữ MỘT viết tắt. Cách viết tắt chữ CHIA này còn thấy ở rất nhiều câu, ví dụ ở các câu 564, 704, 782, 1038, 1342, 1519, 1628, 1875, 2698, 3090 !

Còn chuyện đọc nhầm thành MỘT thì cũng rất dễ hiểu, đọc thành: "*Tóc mây một món, dao vàng một đôi*" thì tạo cho câu thơ một thế tiểu đối rất ngoạn mục!

3. Còn lại ba trường hợp cách dùng từ ngữ ở bản DMT/1872 bị thiểu số. Có lẽ do quá độc đáo nên bị thế! So sánh:

	Ở BẢN DMT	**Ở CÁC BẢN KHÁC**
Ở câu 447	Tiên thề cùng SUỐT/TRÓT một chương	- Cùng THẢO...
Ở câu 452	Tạc một chữ đồng TÀNG xương	- ĐẾN xương
Ở câu 443	Bây giờ TỎ mặt đôi ta	- RÕ mặt

Chỉ xét câu cuối cùng chẳng hạn, là đủ thấy rõ nhà thơ không bằng lòng với lối dùng từ ngữ theo lối sáo mòn: nhà thơ muốn tìm cách diễn đạt sâu sắc hơn, độc đáo hơn. TỎ có nghĩa gần như RÕ. Nhưng trong tiếng Việt hai bên có sự khác nhau rất tế nhị; xin nêu vài dẫn chứng:

Có thể nói TRĂNG TỎ	Không nói TRĂNG RÕ
Có thể nói TAI CỤ CÒN TỎ	Không nói TAI CỤ CÒN RÕ
Có thể nói TỎ TÌNH	Không nói RÕ TÌNH

Như vậy TỎ là sáng rõ, rõ từ bên trong, làm rõ qua sự biểu lộ. Có hiểu

như vậy mới thấy 2 câu:

Bây giờ TỎ mặt đôi ta

Và *Bây giờ RÕ mặt đôi ta*

khác nhau biết chừng nào: một bên là mặt đối mặt, hiểu nhau tỏ tường, từ trong sâu thẳm của cõi lòng; còn một bên chỉ là trông vào bộ mặt của nhau, thấy rõ ràng, dựa vào thị giác.

Vì vậy, dẫu bản DMT bị thiểu số, chúng tôi vẫn xin đề nghị: tuy phục nguyên THẢO, ĐẾN, RÕ theo đa số cho dễ hiểu nhưng nên phụ chú 3 dị bản của DMT/1872.

Trang 13B

1. Ở trang này cũng có 9 trên tổng số 13 trường hợp, có thể phục nguyên khá dễ dàng: vì có sự ăn khớp giữa hai tiêu chí. Đó là:

- ĐỪNG ở câu 461
- NGOÀI RA ở câu 462
- RẰNG NGHE NỔI TIẾNG ở câu 463
- DẠY THÌ ở câu 466
- TAY NÂNG ở câu 468
- SO DẦN ở câu 471
- LƯU THỦY ở câu 478
- HAI RẰNG ở câu 478
- HÀNH VÂN cũng ở câu 478

2. Điều đáng lưu ý là hiện tượng bản DMT bị nhuận sắc lại ở hai câu 469, 470.

- Ở câu 469: nghề mọn RIÊNG TÂY bị đổi thành RIÊNG TAY.

- Ở câu 470: cho nặng LÒNG NGƯỜI bị đổi thành LÒNG NÀY. Hai câu DMT bám sát bản Hán văn, xin so sánh với TTTN: "Chàng vì ngón đàn nhỏ mọn của thiếp mà quy lụy thiếp như thế" (Kim Trọng lấy đàn ra, quỳ xuống, tay nâng đưa cho Kiều). Rõ ràng 4 chữ "NGHỀ MỌN RIÊNG TÂY" là diễn Nôm từ "ngón đàn nhỏ mọn của thiếp", "LÀM CHI CHO NẶNG LÒNG NGƯỜI" là diễn Nôm từ "Chàng vì... mà quy lụy thiếp như thế". Đổi RIÊNG TÂY thành RIÊNG TAY thì hơi nhấn mạnh "tay nghề", và hơi giảm nhẹ cái ý "riêng tư" nhưng vẫn chưa đi xa lắm. Trái lại đổi LÒNG NGƯỜI thành LÒNG NÀY thì nghĩa khác hẳn trước: LÒNG NGƯỜI chỉ Kim Trọng, LÒNG NÀY thì lại chỉ vào Kiều! Tuy LÒNG NGƯỜI hiệp vần không tốt

bằng LÒNG NÀY, nhưng chúng ta vẫn phải phục nguyên như ở bản DMT: hai câu DMT theo sát TTTN, vậy đó là hai câu nằm trong bản phác thảo của cụ Nguyễn Du.

Cũng nhân đây, xin nói thêm về chữ THĂN: đó là một dạng cổ, địa phương của THAY = LẮM THĂN có nghĩa là LẮM THAY. Ngữ âm lịch sử cho biết vốn có quan hệ giữa âm – i/-y cuối và âm – n cuối như vậy: CÂY → CƠN ở Nghệ Tĩnh; CÀY CẤY → CẦN CẤN ở Thanh Hóa v.v... Theo truyền thống xưa, vần chữ thứ 6 và vần chữ thứ 8 trong câu bát nên khác nhau: ở đây đã có NGƯỜI (hoặc NÀY) ở chữ thứ 6 thì THAY ở chữ thứ 8 nên đổi sang dạng THĂN.

3. Riêng sự khác nhau giữa HÁN SỞ và SỞ HÁN, giữa HOÀNG CẦU và PHƯỢNG CẦU thì không có gì quá lớn, quá cơ bản, nên thiết nghĩ theo bên nào cũng được. Cố nhiên chúng ta vẫn nên theo bên DMT vì đó là truyền bản cổ hơn. Thêm vào đó, chúng tôi thoáng có ý nghĩ: phải chăng cụ Nguyễn Du muốn nhấn mạnh vai trò của Hạng Vũ hơn, nhấn mạnh mục đích "cầu hoàng" của Tư mã hơn? Do đó phục nguyên theo bản DMT là cũng để lưu lại một dị bản có thể giúp cho chúng ta tiếp tục nghiên cứu sau này.

Trang 14A

1. Trang này có 9 chỗ xin tái lập như sau, vì đạt cả 2 tiêu chí:

- NGỒI ĐẤY ở câu 486
- KHI VÒ CHÍN KHÚC ở câu 488
- LỰA CHI đầu câu 491
- NHỮNG BỰC giữa câu 491
- TIÊU TAO cũng ở câu 491
- THIỆT LÒNG MÌNH ở câu 492
- NAO NAO ở cũng ở câu 492
- CUỐI MẶT ở câu 498
- CÓ CHIỀU ở câu 500

Đáng chú ý là xét về mặt hợp lý thì ở câu 498 nên nói ĐẦU MÀY CUỐI MẮT vì hai bên nhìn nhau âm yếm. Nhưng trong tiếng Việt thường quen nói MẶT MÀY, MẮT MŨI, nên ở từ điển KTTĐ cũng phải ghi ĐẦU MÀY CUỐI MẶT. Chúng tôi sẽ phục nguyên theo văn bản và theo từ điển.

2. Trường hợp sau đây chúng tôi đang băn khoăn: hai chữ HOA HƯƠNG ở câu 497. Trong TTTN, đây là đoạn tả nàng Kiều sau khi gảy đàn xong: "Kim Trọng chợt nhìn thấy Thúy Kiều lúc ấy cặp mắt mơ màng, đôi má đỏ

bừng, như thược dược sương pha, hoa đào mưa nhuận". Không rõ cụ Nguyễn Du đã diễn Nôm đoạn đó thành:

HOA HƯƠNG càng tỏ thức hồng (như ở DMT và đa số)

Hay thành: *NGỌN LAN càng tỏ thức hồng* (như ở 2 bản gốc Huế).

LNP và KOM cho rằng HƯƠNG là chữ dùng để kị húy. Nhưng chắc gì đây là chuyện kị húy? Kị húy thường làm cho câu thơ gượng gạo, còn ở câu này thì HOA HƯƠNG hình như còn tự nhiên hơn cả NGỌN LAN! Do đó đề nghị bạn đọc cân nhắc thêm. Riêng chúng tôi, chúng tôi nghĩ rằng vẫn nên phục nguyên như ở bản DMT và đa số. Phục nguyên như vậy lại đúng tinh thần nguyên tác hơn[1]

3. Có 2 trường hợp, dị bản này 8 lạng thì dị bản kia cũng nửa cân:

- Ở câu 482: TIẾNG SUỐI có mặt ở 4 bản, trong đó có bản DMT còn NƯỚC SUỐI thì có mặt ở 5 bản.

- Ở câu 486 cũng vậy: DMT và 3 bản dùng CŨNG, còn 5 bản thì dùng MÀ.

Sau khi cân nhắc, chúng tôi đề nghị phục nguyên TIẾNG SUỐI thay vì NƯỚC SUỐI: vì có vậy mới tạo được thế sóng đôi giữa 2 câu:

Trong như TIẾNG hạc bay qua

Đục như TIẾNG suối mới sa nửa vời

Đây là âm nhạc: nói trong hay nói đục đều là nói về âm thanh, việc lặp lại chữ TIẾNG quan trọng lắm.

Ở câu 486, chúng tôi cũng phục nguyên theo dị bản DMT. Người đàn sầu thảm, người nghe cũng sầu thảm, vậy bản DMT dùng CŨNG là đúng.

4. Cuối cùng còn lại hai trường hợp:

Nên phục nguyên SẬP SẬP hay DẦM DẬP ở câu 484?

Nên phục nguyên XEM ĐÃ//CHỚM ĐÃ hay DƯỜNG ĐÃ ở câu 499?

Hình như không có sự khác nhau gì quá lớn giữa dị bản này với dị bản kia; hình như chọn bên nào cũng được. Trong tình thế đó, chúng tôi nghĩ rằng cách xử lý tốt hơn cả vẫn là nên tái hợp theo bản cổ.

---

[1] TTTN so sánh một cách tổng hợp: "như thược dược..., như hoa đào...". Cách nói HOA HƯƠNG gần như vậy hơn, còn cách nói NGỌN LAN thì ngược lại hẳn.

Trang 14B

1. Sự phục nguyên gần nguyên tác ở trang này cũng gặp thuận lợi lớn: 8 trên 10 trường hợp có sự ăn khớp giữa văn bản DMT và đa số các bản khác. 8 trường hợp đó là:

- DẼ//GIẼ = Khoan đã,(TVKI)//RẼ = xin hãy (ĐDA) ở câu 502
- VĨ CHI (= sá chi, quản chi, HTC) ở câu 503
- YÊU ĐÀO cũng ở câu 503
- THÌ ở câu 508
- TIẾT 100 NĂM ở câu 510
- NÊN ĐÃ ở câu 514
- MỘT BÊN ở câu 516
- CHO DUYÊN (= khiến duyên, HTC) ở câu 518

2. Hai trường hợp DMT bị thiếu số đều nằm trong câu 515. Nhưng xét kỹ có thể thấy:

a. BÀY CÁNH là một lối diễn Nôm cổ, chắc có ở nguyên tác. BÀY CÁNH dịch 2 chữ TỈ DỰC, nhưng trong văn cổ có 2 chữ TỈ KIÊN đã được dịch là "sánh vai", "bằng vai" hoặc "bày vai": vậy TỈ DỰC diễn Nôm thành "BÀY CÁNH" là theo truyền thống đó (BẰNG VAI = BÀY VAI, xin xem TĐTV, HP).

b. 6 bản dùng TRÊN CÀNH, chắc là do LIỀN CÀNH chép hoặc khắc nhầm mà thành. LIỀN CÀNH mà dịch 3 chữ LIÊN LÍ CHI thì rất sát hợp.

Vậy cứ nên phục nguyên BÀY CÁNH LIỀN CÀNH.

Trang 15A

1. Trong trang này có chuyện 2 bản gốc Huế (LNP, KOM) thay 4 câu A bằng 6 câu B. Nhưng bản DMT và 6 bản còn lại vẫn giữ 4 câu. Vậy phải phục nguyên 4 câu A.

2. Ở hai câu 527, 528, LNP cũng thay THÌ bằng LIỀN để kị húy Tự Đức, bản DMT và 7 bản khác (kể cả KOM) đều vẫn giữ THÌ. Vậy cũng phải phục nguyên THÌ.

3. Ngoài ra căn cứ 2 tiêu chí, có thể phục nguyên:

- SÂN ở câu 525
- ĐẾN ở câu 526
- BUỒNG THÊU ở câu 527

- BƯỚC ở câu 528

- VỘI RA cũng ở câu 528

- CỬA SÀI ở câu 529

Nhân đây cũng xin nói thêm:

a. Ở câu 525 đúng là VẺ SÂN: dưới ánh trăng đường TÀU ở mái nhà đổ bóng XUỐNG SÂN, khi trăng mờ thì bóng đó nhạt đi, nên nhà thơ mới viết:

Bóng TÀU vừa nhạt vẻ SÂN

Chỉ khi nói về ánh Ngân hà sáng trắng như bạc mới nói VẺ NGÂN, ví dụ ở câu 2061, 2062:

Cửa thiền vừa trăng / cữ / cuối xuân

Bóng hoa đầy đất VẺ NGÂN ngang trời

b. Ở câu 528, trước chữ BƯỚC hay chữ GÓT, nhiều bản phiên là DẠO. Thực ra với những thanh phù như TẠO, TÁO hay ĐẠO, ĐÁO, GIÁO đều có thể ghi chữ RẢO được cả, chứ không nhất thiết là DẠO. Cứ liệu ngữ âm lịch sử và nhiều tiền lệ trong chữ Nôm cho thấy R có quan hệ không chỉ với L, S, TR mà với cả T, Đ, D//GI. Vậy ADM, NBT phiên Nôm RẢO là đúng: đúng không những về ngữ âm mà về cả ngữ nghĩa: có tin gấp không thể thong thả như ở chữ DẠO mà phải vội vã như ở chữ RẢO. Tóm lại chúng tôi đề nghị phục nguyên chữ BƯỚC theo đúng DMT/1872 và đa số các bản và đặt nó trong kết cấu RẢO BƯỚC.

4. Như vậy chỉ còn lại trường hợp câu 522. Ở câu này bản DMT khắc in:

Vội chi liễu ép hoa nài

Còn thân CÒN MỘT đền bồi có khi

Bốn bản chữa CÒN MỘT thành ẮT LẠI, một bản chữa thành ẮT CŨNG. Thật ra cách nói CÒN MỘT là cách nói tự nhiên nhất, hợp với tinh thần tiếng Việt nhất. Không phải ngẫu nhiên mà các vị khó tính, hay bắt bẻ ở trong kinh lần này cũng phải chấp nhận.

Trang 15B

1. Trong trang này có những trường hợp dễ phục nguyên nhưng cũng có những trường hợp cần thảo luận.

Dễ phục nguyên là các trường hợp:

- CHỐC BA ĐÔNG ở câu 543

- RUỘT RỐI ở câu 547
- GHÉT BỎ ở câu 549
- CHIA PHÔI ở câu 550
- THUYỀN AI ở câu 556

Những trường hợp này đều vừa có mặt ở bản DMT vừa có mặt ở đa số các bản khác.

2. Chữ RỜI 移 trong câu 559 cũng đạt cả 2 tiêu chí. Nhưng đây là chữ thường đọc DỜI, đôi khi cũng có thể đọc RỜI (như ở Maiorica, Trần Văn Kiệm, NQX&VVK). Cách đọc đầu thì không ai bàn cãi vì cách đọc DI là theo Hán Việt, cách đọc DỜI là theo Hán Việt Việt hóa. Cách đọc RỜI mà vẫn viết DI là cách đọc đã được ghi nhận, như đã nói ở trên, nhưng cần phải giải thích thêm: theo ngữ âm lịch sử, theo tiền lệ trong chữ Nôm, vốn có quan hệ giữa D và R và đó là một quan hệ khá thường gặp: R(D) chỉ đứng sau D(Đ) và GI(D)! Như vậy ở câu 559 về thực chất không có hai dị bản mà chỉ có hai cách viết khác nhau của một từ, vì ở câu này chắc ai cũng nhất trí là phải đọc RỜI TAY.

3. TRĂNG THỀ hay TRĂNG THỀM?

Căn cứ mặt chữ ở câu 541 bản DMT thì rõ ràng là TRĂNG THỀM. Với chữ ấy câu thơ không phải không có nghĩa. Nhưng xét tinh thần thường gặp trong văn chương cổ điển thì có phần chắc đây là TRĂNG THỀ. Vậy có khả năng THỀ bị chép hay khắc nhầm thành THỀM. Hai chữ có tự dạng có thể lầm lẫn cho nhau.

Tóm lại chúng ta cứ phục nguyên TRĂNG THỀ theo đa số.

4. Ở câu 584 không có chữ nào chiếm đa số. Vậy cứ nên phục nguyên NHỊN NGỪNG theo văn bản cổ. NHỊN NGỪNG có nghĩa rất phù hợp: "giữ nước mắt lại, gắng nhịn không khóc". Xưa NGỪNG có nghĩa là nước mắt (xin xem từ điển Taberd).

5. Trường hợp ĐÔI CHỮ ở câu 555 thì phải gạt bỏ khi phục nguyên: không phải chúng bị thiểu số mà vì lý do ngữ pháp: ĐỒNG TÂM rõ ràng là hai chữ. ĐÔI cũng có nghĩa là 2, nhưng thường chỉ dùng trước danh từ chỉ sự vật có thể tạo thành cặp, như ĐÔI XUYẾN, ĐÔI GIÀY, ĐÔI NGỖNG... Còn khi dùng trước danh từ chỉ đơn vị, đếm được (như CON, CÂY, CÁI, CHIẾC, hoặc CÂN, THƯỚC...) thì ĐÔI lại có ý nghĩa ước chừng là VÀI, ĐÔI BA, HAI BA... Danh từ CHỮ có đặc điểm rất gần với danh từ đếm được, chỉ đơn vị, nên ĐÔI CHỮ không chỉ 2 chữ mà chuyển sang nghĩa "vài chữ", "đôi ba chữ", ví dụ:

"Bài này nói chung viết tốt nhưng ĐÔI CHỮ cũng phải chữa".

Do lẽ đó phải phục nguyên HAI CHỮ ĐỒNG TÂM theo đa số.

6. Còn lại trường hợp CHƯA hay CHO ở câu 544: Bản DMT/1872 và bản ADM/1884 in CHƯA, 7 bản còn lại in CHO. Theo ý chúng tôi phải nghĩ đến hai khả năng:

a. Nếu chữ GỠ có nghĩa là "làm cho hết rối" (KTTĐ) thì câu đúng phải là:

Mối sầu khi GỠ CHO XONG còn chầy.

Bản DMT/1872 khắc CHƯA là nhầm, chắc nhầm ở khâu đọc nhầm.

b. Nhưng nếu chữ GỠ dùng để đọc GỞ, CỠ, CỚ như ở Vũ Văn Kính và Maiorica thì có khả năng câu đúng lại là:

Mối sầu khi CỚ CHƯA XONG còn chầy

Ở KTTĐ có chữ CỚ với nghĩa là "có tang, có trở". Chúng tôi tạm phục nguyên GỠ CHO XONG theo đa số. Khả năng KHI CỚ CHƯA XONG phải tiếp tục nghiên cứu.

Trang 16A

1. Ở trang này chỉ có thể phục nguyên ngay 4 trường hợp:

- MỘT NGÀY ở câu 568
- NÀNG THÌ ở câu 569[1]
- CHÍN HỒI ở câu 570
- Và XÔN XAO ở câu 576

2. Trong các trường hợp còn lại, trước hết cần chú ý đến các dị bản mà ý nghĩa cơ bản như nhau, ví dụ:

- NGẠI NGẦN hoặc NGẠI NGÙNG ở câu 561
- BUỒNG TRÔNG hoặc BUỒN NOI ở câu 565
- RŨ hoặc TỰA ở câu 569
- VÔ LẠI hoặc VÔ LOẠI ở câu 580

Ở các trường hợp này chúng tôi đề nghị cứ theo như bản gốc cổ của DMT mà phục nguyên: NGẠI NGẦN, BUỒN NOI, RŨ, VÔ LẠI.

3. Ở câu 566, khi so sánh 2 dị bản:

---

[1] Chữ THÌ và chữ CÒN nếu bị mờ nét thì cũng có thể đọc nhầm nhau.

a. TIẾNG CÂY quyên nhặt, BÓNG trời nhạn thưa

b. ĐẦU CÀNH quyên nhặt, CUỐI trời nhạn thưa

Chúng ta thấy câu b rõ ràng là câu đã được nhuận sắc lại cho thanh thoát hơn: bỏ chữ TIẾNG, bỏ chữ BÓNG vì nói QUYÊN NHẶT, nói NHẠN THƯA là đã đủ hiểu. Có thể đây là sự tự nhuận sắc của nhà thơ, vì chỉ có chữa ở bản thảo của nhà thơ rồi gửi đi ba vùng thì hiện nay dị bản b mới có thể có mặt đồng thời ở cả miền Bắc, ở cả Huế, ở cả Nam Bộ. Vậy nên phục nguyên theo câu b.

4. Cũng có tình hình gần gần như vậy ở câu 567. So sánh 3 dị bản:

a. NGHE gió RẰNG mưa

b. TRẢI gió DẦM mưa

c. CỮ gió TUẦN mưa

Có thể thấy quá trình nhuận sắc đã đi từ a sang b (thay động từ hiện đại hơn) rồi mới sang c (bỏ động từ, thay bằng danh từ). Hai dị bản a, b chỉ có ở Nam Bộ – Nhưng dị bản c phổ biến cả ở Huế cả ở Bắc Bộ. Vậy chắc vẫn là trường hợp nhà thơ tự nhuận sắc rồi truyền đi hai vùng. Sở dĩ Nam Bộ không tiếp thu được chắc là vì đường sá xa xôi quá.

Mà đã là câu tác giả tự nhuận sắc thì chúng ta phải phục nguyên, tuy rằng cũng cần phụ chú cả dị bản cổ nhất.

5. Trường hợp VƠ CHẰNG – VƠ QUÀNG – GIÀ GIANG ở câu 579 cũng có quá trình nhuận sắc gần gần như trường hợp câu 567 ở trên: cũng nhuận sắc khoảng thời gian nhà thơ ở Huế, và cũng truyền bá ra Bắc. Nhưng chúng tôi ngờ rằng lần này nhà thơ không tự nhuận sắc, vì câu chữa xong có phần bất hợp lý hơn câu cũ đã gửi vào Nam Bộ. Hai chữ VƠ CHẰNG có vẻ dân gian hơn, không hành chính như GIÀ GIANG, nhưng nó ăn khớp với câu sau: "*Một giây vô lại buộc hai thâm tình*".

Hai chữ GIÀ GIANG, trái lại có thể gây ấn tượng mâu thuẫn! Do có sự phỏng đoán như vậy chúng tôi vẫn phục nguyên theo 2 câu DMT/1872.

Trang 16B

1. Ở trang này ngược lại với trang trên: 10 trên 12 trường hợp có sự ăn khớp giữa tiêu chí 1 với tiêu chí 2. Do đó có thể phục nguyên.

- RỤNG RỜI, KHUNG DỆT cùng GÓI MAY ở câu 582[1]

---

[1] MAY đạt được cả hai tiêu chí. GÓI tuy chỉ có mặt ở DMT và 3 bản nhưng nó phù hợp với MAY hơn là QUẢ.

- QUÉT (hoặc VÉT: Kw > w > v) ở câu 584

- BAY BUỘC ở câu 585

- ĐAN RẬP và GIẬT GIÀM ở câu 586

- RỤNG MÂY ở câu 590

- VAN VÁI ở câu 591

- Và DẪU NGƯỜI ĐÁ ở câu 594 (với đa số tương đối: 4/9)

Riêng câu cuối cùng này có đến 4 bản nhuận sắc lại. Xem qua thì DẪU LÀ ĐÁ, DẪU RẰNG ĐÁ, DẪU MÀ ĐÁ có vẻ hợp lý hơn, nhưng rõ ràng sự nhuận sắc nào cũng không truyền xa được: DẪU LÀ chỉ đóng khung ở Nam Bộ, DẪU RẰNG chỉ đóng khung ở Bắc Bộ, DẪU MÀ chỉ có ở bản gốc Huế (KOM).

Trong lúc đó DẪU NGƯỜI ĐÁ có mặt ở cả ba miền: điều đó chứng tỏ nhà thơ viết vậy ngay từ đầu – Không biết về sau Cụ có tiếp thu nhuận sắc không và tiếp thu cách nhuận sắc nào? Vì vậy vẫn phải phục nguyên theo bản phác thảo xưa.

2. Ở câu 583 có 2 dị bản RIÊNG TÂY / RIÊNG TAY. RIÊNG TAY được 5 bản chấp nhận. Nhưng xét văn mạch thì RIÊNG TÂY hợp lý hơn. Vả lại nó vốn có mặt ở bản gốc DMT, vậy ta vẫn nên phục nguyên RIÊNG TÂY.

3. Ở câu 588: *Phải tên xưng xuất... thằng bán tơ.*

Nhiều bản chấp nhận TẠI, chắc với lập luận như của VVK, là "nó chỉ rõ nguyên nhân của tai họa". Nhưng chúng tôi vẫn đề nghị phục nguyên LÀ như ở bản DMT/1872. Với lập luận như sau:

a. Nếu chỉ có 4 chữ: LÀ THẰNG BÁN TƠ hoặc TẠI THẰNG BÁN TƠ, thì đúng là 4 chữ sau có nêu rõ "THẰNG BÁN TƠ" là nguyên nhân tai họa, nhờ có chữ TẠI ở trước.

Nhưng trong toàn câu thì TẠI lại không cần nữa, mà cần chữ LÀ!

b. Mà điều đó là một điều thuộc phạm vi quy tắc ngữ pháp tiếng Việt: trong công thức đồng nhất hai vế: TÊN XƯNG XUẤT = THẰNG BÁN TƠ thì hệ từ LÀ là từ duy nhất có thể và phải dùng để diễn đạt quan hệ đó.

Trang 17A

1. Có 8 trường hợp sau đây đáp ứng được đồng thời cả 2 tiêu chí: có mặt ở bản DMT và có mặt ở đa số các văn bản:

- CHỮ... CHỮ ở câu 602

- DỄ CHO... ở câu 606

- NGHĨ CŨNG ... ở câu 610

- HÃY... ở câu 613

- DẶN, NÀNG ở câu 614

- VẠ GIÓ ở câu 616

Vì vậy cứ nên theo thế mà phục nguyên.

2. Riêng ở câu 613, bản DMT/1872 và bản ADM/1884 in:

Hãy CẦU tạm phó giam ngoài

Nhưng đa số các bản khác đều dùng HÃY VỀ hoặc ĐEM VỀ. Theo cụ Hoàng Xuân Hãn, CẦU hợp hơn vì lúc này chỉ "xin", sau khi nộp tiền rồi mới "về" được. Chúng tôi cũng nghĩ như vậy, nên tái lập CẦU theo bản DMT/1872, tuy biết rằng có thể có người cho rằng chữ CẦU chỉ là chữ VỀ khắc tất mà thành!

3. Ở hai câu 615, 618, sự khác nhau về ý nghĩa giữa các dị bản không có gì là quá lớn: so sánh THƯƠNG NÀNG với THƯƠNG LÒNG, THƯƠNG TÌNH, và nhất là so sánh CHẢ TIẾC với CHẲNG TIẾC thì ai cũng thấy thế. Do đó, chúng tôi vẫn xin phục nguyên theo bản gốc DMT, tuy nó bị thiểu số. Hơn nữa, xét cả đoạn, ta thấy ở câu 609 có THẤY NÀNG, ở câu 610 có VÌ NÀNG thì ở câu 615 này viết tiếp THƯƠNG NÀNG là hoàn toàn hợp lý.

4. Cũng vậy ở hai câu 619, 620:

Hạt mưa sá... phận hèn

Liệu / Liều đem tấc cỏ quyết đền ba xuân

Theo ý chúng tôi, ở hai câu này mà phục nguyên SÁ NGẠI thì hợp lý hơn là phục nguyên SÁ NGHĨ, mặc dầu đa số các bản chọn SÁ NGHĨ. Sự khác nhau giữa hai dị bản khá tế nhị. Theo ý chúng tôi, trong quá trình cân nhắc tính toán, trước khi làm một việc khó, thì người ta thường chỉ hay đặt lên bàn cân những điều đáng NGẠI, có thể trở NGẠI công việc. Ngay NGHĨ đến những điều đó cũng là một biểu hiện của sự E NGẠI rồi!

Trang 17B

1. Ở trang này, trước hết có thể đề nghị phục nguyên mấy trường hợp như sau:

ĐƯA MỐI ở câu 630

SẴN SÀNG ở câu 631

BUỒNG TRONG ở câu 632

NGỪNG/NGƯNG? HOA ở câu 636

MỐI CÀNG ở câu 637

ĐIỆU GẦY ở câu 638

Đó đều là những trường hợp đạt đồng thời cả hai tiêu chí 1, 2. Xin nhắc lại hai tiêu chí đó:

a. Có mặt ở bản gốc DMT, bản cổ nhất hiện biết.

b. Được đa số các bản khác chấp nhận.

2. Nhưng trong những câu bản DMT/1872 có từ ngữ ăn khớp với đa số bản, rõ ràng không phải bao giờ cũng phục nguyên được ngay như vậy. Ví dụ câu 631. Câu này có một điểm đáng băn khoăn. Trừ hai bản khắc in chữ rõ ràng (GHÉ LÊN ở TVKI và GHẾ TRÊN ở KOM), 6 bản còn lại đều khắc GHÉ TRÊN: không rõ đúng thế hay là GHÉ LÊN hoặc GHẾ TRÊN khắc nhầm? Đa số các nhà phiên âm đều chọn GHẾ TRÊN, tuy cách hiểu ở thế kỷ 19 có thể khác: chứng cớ là bản VNB-60 khắc VẮT TRÊN: VẮT cũng là một động từ như GHÉ nhưng không thể cho là chữ GHẾ khắc nhầm!

Để bạn đọc rộng đường lựa chọn, chúng tôi sẽ phục nguyên GHẾ TRÊN, nhưng vẫn phụ chú thêm phần GHÉ LÊN theo tinh thần hai bản TVKI và VNB-60.

3. Hai trường hợp chúng ta có một bên 4 bản, một bên 5 bản, nhưng bên bốn bản lại có văn bản cổ:

a. Trước hết đó là BỐN TUẦN hay TƯ TUẦN/TỨ TUẦN ở câu 627

b. Và thứ hai đó là LAO XAO hay XÔN XAO ở câu 629.

Trường hợp a không có sai biệt gì lớn về mặt ý nghĩa nên chúng tôi đề nghị phục nguyên BỐN TUẦN theo bản gốc DMT.

Trường hợp b LAO XAO, XÔN XAO đều chỉ cảnh ồn ào, có nhiều tiếng động, nhưng LAO XAO có gia thêm nét nghĩa "lao nhao", "nhốn nháo". Vậy cũng nên tái lập theo bản DMT/1872.

Trước thầy sau tớ LAO XAO

Hơn nữa XÔN XAO dễ gây cái ý "rung động trong lòng": mà thầy tớ họ Mã làm gì có sự xao xuyến đó! (1)

4. Còn lại 7 trường hợp bản DMT/1872 đều bị thiểu số - Tuy vậy, sau khi đã cân nhắc, chúng tôi vẫn thiên về phục nguyên theo DMTL. Xin giải thích vì sao:

---

(1) Theo HTC, LAO XAO có nét nghĩa tương đương với XAO XÁC, XAO ĐỘNG.

a. Ở câu 626, nhà thơ không dùng CŨNG GẦN mà dùng TẢN GẦN là có đầy đủ lý do: Mã Giám Sinh mở cửa hàng ở Lâm Tri, nhưng nói dối quê ở Lâm Thanh. Mụ mối cũng cho biết "hắn sợ chuyện thị phi, ngỏ ý hễ trao tiền rồi là đem người đi ngay". Vậy họ Mã nói hiện ở gần, nhưng do di trú, tản cư chứ không phải do có nơi định cư rõ ràng là để sau bịt đường dò tìm. Nhà thơ dùng TẢN GẦN là để phản ánh điều đó.

b. Ở câu 628 bản DMT/1872 dùng RÂU MÀY. Hiện nay mọi người đã quen với MÀY RÂU NHẴN NHỤI, nhưng thực ra RÂU MÀY mới là lối nói hợp với 2 chữ TU MI trong tiếng Hán.

c. Ở câu 632 các bản đều dùng GIỤC NÀNG KÍP RA. Nói GIỤC có thể hiểu là nàng chần chừ không chịu ra, nhưng chỉ qua một câu là chúng ta chứng kiến nàng đã đi ra rồi:

"Thềm hoa một bước, lệ hoa mấy hàng

Vậy viết ĐƯA NÀNG KÍP RA là đúng hơn.

d. Ở câu 633 đa số bản có sự hiểu biết quá nông cạn về 2 vế:

Nỗi mình ... ... nỗi nhà

tưởng đâu rằng đó là hai chuyện khác nhau: có NỖI MÌNH rồi lại cộng thêm NỖI NHÀ, vì vậy mới dùng hai chữ THÊM TỨC. Kỳ thực TỨC NỖI NHÀ đó là nội dung của NỖI MÌNH – Vì vậy viết:

Nỗi mình ĐANG tức nỗi nhà

như ở bản DMT/1872 là hoàn toàn chính xác.

e. Từ NẢN ở câu 635 là một từ cổ, có ý nghĩa là "sợ". Từ điển Việt Bồ La có từ đó. Mà dùng SỢ để đối với E là hoàn toàn chỉnh. Vì không biết điều đó, tưởng "NẢN" là CHÁN NẢN, nên đa số thay bằng DỚN // RỢN là những cách nói bắt nguồn từ chữ ĐẠN vốn cũng có nghĩa là "SỢ". Riêng TVKI tưởng đây là chữ NẢN Hán Việt nên dịch nghĩa thành THẸN: THẸN thì trùng lặp với THẸN ở câu sau.

Cuối cùng là việc lựa chọn GIỌT HOA hay LỆ HOA ở câu 634 và việc lựa chọn VUỐT TÓC hay VÉN TÓC ở câu 637. Chúng tôi cho rằng VUỐT TÓC hay VÉN TÓC không có sự khác biệt quá lớn trong việc xây dựng hình tượng mụ mối. Vậy nên theo bản DMT/1872. Nhưng GIỌT thì chắc do LỆ chuyển nhầm mà thành vì GIỌT hơi trái với MẤY HÀNG!

Tóm lại, chúng tôi vẫn phục nguyên TẢN ở câu 626, RÂU MÀY ở câu 628, ĐƯA NÀNG ở câu 632, ĐANG TỨC ở câu 633, NẢN GIÓ ở câu 635, VUỐT TÓC ở câu 637, nhưng chữa GIỌT thành LỆ ở câu 634. Mặc dầu 6 trường hợp đầu không ăn khớp với đa số, nhưng có một điều khá chắc chắn: đó là những từ ngữ đã có trong văn bản cổ.

TRANG 18A

1. Trang này, từ câu 641 đến câu 660 có cả thảy 13 chỗ từ ngữ khác nhau. Trong số đó, 9 trường hợp có sự ăn khớp giữa bản DMT và đa số các bản còn lại. Vậy những chỗ đó chúng ta cứ theo thế mà phục nguyên. Cụ thể là:

ĐẤY và CHIỀNG//CHƯỜNG ở câu 644 (nhưng phải tìm hiểu tiếp!)

ĐÁNG và GIÁ ở câu 645

GIỚP // DỚP// RẤP ở câu 646

VÂNG ở câu 648

ĐỊNH THỜI ở câu 651 (nhưng phải đính ngoa THỜI thành NGÀY)

ÔNG ĐÃ ở câu 656

BẤY TRỜI ở câu 659

2. Bốn trường hợp sau đây cần cân nhắc thêm:

a. Ở câu 644 bản DMT/1872 in:

Rằng mua ngọc đến Lam Kiều

Sính nghi XIN dạy bao nhiêu đấy chiềng // chường

Thiết nghĩ chữ XIN ấy rất hợp, ít nhất là hợp hơn chữ VÂNG mà đa số các bản khác dùng.

b. Ở câu 652, sau 3 chữ "TIỀN LƯNG ĐÃ..." bản thì dùng THẤY, bản thì dùng SẴN, bản thì dùng CÓ. Sự khác nhau từ THẤY đến CÓ tuy không lớn lắm, nhưng chúng tôi vẫn ngờ rằng cụ Nguyễn Du đã tự nhuận sắc, và Cụ đã cho phổ biến ra cả 3 miền, từ Huế đến Bắc, Nam. Tái lập CÓ là theo đa số và biết đâu cũng là theo ý Cụ?

c. Ở hai câu 655, 656 chúng ta có:

Thương... con trẻ cha già

Nhìn nàng ông đã máu sa ruột rầu

Kể ra dùng THƯƠNG TÌNH cũng có cái hợp lý nhất định, nhưng nếu cứ dùng THƯƠNG NÀNG thì cũng sóng đôi với NHÌN NÀNG ở câu sau! Trên kia, ở hai câu 615, 616 cũng có văn cảnh tương tự và chúng tôi đã phục nguyên NÀNG (thay vì TÌNH)[1]. Nhưng ở đây thì lại phải phục nguyên

---

[1] VVK cho rằng nói "Thương nàng CÒN trẻ, thơ ngây" thì được, còn nói "Thương nàng//con trẻ thơ ngây" thì không được: chúng tôi không hiểu tại sao? Trong ngữ pháp tiếng Việt chuyện không dùng hệ từ ở những câu như "Thương nó//con út bé bỏng"; "NÓ//con nít dại dột"; "Cô ta// con gái mới lớn lên, đã biết gì đâu!" là chuyện bình thường. Huống hồ đây lại là ngữ pháp trong thơ!

TÌNH (tuy cũng nên phụ chú NÀNG).

d. Cũng vậy, trường hợp sau đây cũng phải phục nguyên khác, không thể nào theo bản DMT! Đó là ở câu 650:

Hãy đưa ... thiếp trước cầm làm ghi

Chúng tôi chắc nhà thơ dùng CANH THIẾP là kết cấu chỉ cái thiếp ghi tuổi (= CANH) hai bên nhà trai nhà gái trao cho nhau trong lễ vấn danh. Dùng từ CÁNH cũng được, nhưng không chính xác bằng – Mà chúng tôi tin rằng từ ngữ nhà thơ dùng ở nguyên tác thì rất chính xác. Chắc về sau, khi chép, ở khâu đọc nhầm CANH, người chép đã chuyển nhầm thành CÁNH, và bản chép đó đã truyền đến tay Duy Minh Thị. Vậy phải trả lại cho Nguyễn Du cái gì vốn là của Nguyễn Du.

Trang 18B

1. Ở trang này phải cân nhắc tương đối nhiều. Nhưng cũng có được 8 trường hợp đạt đồng thời cả 2 tiêu chí. Đó là:

- OAN KHỐC ở câu 662
- ÔNG ĐÃ ở câu 666
- NGƯỜI COI ở câu 667
- MỘT MẢNH ở câu 669
- CHƯA CHÚT ở câu 670
- DỨT TÌNH ở câu 675
- THÂN CON ở câu 677
- PHẬN SAO ở câu 679

2. Còn về những trường hợp cần cân nhắc thì như sau:

a. Ở câu 663: *Một........... sau trước cũng là*

Kể ra nếu phục nguyên MỘT LỜI thì hình như cũng có lý vì:

- Một mặt chúng ta thấy cả hai tiêu chí đều đạt được.

- Và mặt khác chúng ta lại thấy câu bát ở sau có thể hiểu như đó chính là nội dung của lời nói đã phát ra:

MỘT LẦN sau trước cũng là:

"Thôi thà mặt khuất, chẳng thà lòng đau!"

Nhưng xét kỹ, chắc LỜI là do chữ LẦN khắc nhầm mà thành. Về tự dạng chữ LẦN xưa có thể nhầm thành TRỜI (吝 > 𡗶). Căn cứ văn cảnh và thói quen xưa, TRỜI lại đọc LỜI, do đó sao ra thành dị bản mới. Vậy

phải đính ngoa rồi mới phục nguyên.

b. Ở câu 664 bản DMT 1872 khắc hai chữ thường đọc là THÌ nhưng ở đây phải đọc là THÀ... THÀ. Đó là hai chữ THÀ ghi theo dạng cổ THÈ... THÈ: quan hệ THÈ/THÀ thì cũng giống như quan hệ ở các cặp KHOE/KHOA, XE/XA, MÈ/MÀ, NHÉ/NHÁ... Bản LNP vì kỵ húy chữ THÌ nên ghi THÀ... THÀ theo lối bình thường.

Các bản còn lại đều đổi THÀ... THÀ thành THÌ... THÀ. Nếu đọc cả hai câu 663, 664 chúng ta sẽ hiểu lý do của sự thay đổi đó:

MỘT LẦN sau trước cũng là

Thôi THÌ mặt khuất, chẳng THÀ lòng đau

- Chữ thứ 6 trong câu bát ở vị trí gieo vần với chữ LÀ cuối câu lục nên dầu có viết theo dạng cổ THÌ/THÈ thì ai cũng dễ phát hiện ra là phải đọc THÀ. Do đó, các bản đều ghi THÀ theo lối bình thường.

- Chữ thứ hai không ở vị trí gieo vần nên không cần sự thay đổi đó, cứ để dạng cổ cũng được. Mà về mặt nghĩa đọc THÌ thì cũng hoàn toàn hiểu được.

Tất nhiên, trong công tác phục nguyên, chúng ta phải trở lại kết cấu THÀ... THÀ, vì đó là kết cấu cổ các nhà nho xưa dùng để dịch lối nói NINH... VÔ NINH của tiếng Hán. Chắc trong bản diễn Nôm của mình, cụ Nguyễn Du cũng viết theo đúng truyền thống đó.

c. Ở câu 665 chúng ta thấy 8 bản nhất trí in:

Theo lời NHƯ chảy dòng châu

Câu đó đúng ngữ pháp và vẫn có thể hiểu được với nội dung như sau:

"cùng theo với lời nói là dòng châu, tuôn ra như chảy"

Thế nhưng bản KOM vẫn cho là sai, và chữa NHƯ thành CÀNG. Nếu KOM nhuận sắc thì chúng ta không thể theo khi phục nguyên. Còn nếu KOM đính ngoa thì cũng khó tin, vì về tự dạng CÀNG không thể nhầm thành NHƯ. Nếu quả NHƯ là sai thì chỉ có thể là chữ NÔ hay chữ NỒ. Hai chữ này viết là 奴 rất gần như 如, nên người chép mới có thể chép nhầm. Theo từ điển (KTTĐ) NÔ là "đua" và câu thơ sẽ có nghĩa là:

Theo lời NÔ (= đua) chảy dòng châu

Còn NỒ là "lướt đi, làm dữ, mạnh" như khi nói ngọn gió mạnh, dòng nước mạnh (theo HTC), và câu thơ sẽ có nghĩa là:

Theo lời NỒ (= cuộn) chảy dòng châu

Chúng tôi chưa dám khẳng định mà chỉ đưa tư liệu ra để giới nghiên cứu

cân nhắc giữa 3 khả năng: NHƯ, NÔ và có thể cả NỒ.

d. Ở câu 675: Lòng TƠ dù chẳng dứt tình.

Chúng tôi đã chứng minh rằng LÒNG TƠ chính là LÒNG TỪ, mà LÒNG TỪ là diễn Nôm theo sát mấy chữ "lời của bậc từ phụ", ở trong TTTN (xin xem lại phần I, trang 33). Còn LƯỢNG TRÊN thì đó không phải là kết cấu dùng để đính ngoa, mà là kết cấu các vị trong kinh tự ý đặt ra để nhuận sắc. Không thể phục nguyên LƯỢNG TRÊN mà phải phục nguyên LÒNG TỪ (> LÒNG TƠ).

e. Trường hợp GIÓ MÂY ở câu 676 rõ ràng không hợp với ngữ cảnh, dẫu bản DMT 1872 và 7 bản khác đều nhất trí như vậy. Hai bản gốc Kinh (LNP, KOM) đã đính ngoa đúng, ở câu này phải đọc: "GIÓ MƯA âu hẳn tan tành nước non".

Nhưng giải thích làm sao việc chữ MƯA có thể nhầm thành chữ MÂY? Ngành văn bản học đòi hỏi phải có sự giải thích như vậy. Và may quá, chúng ta có cứ liệu giúp cho việc giải thích đó. Trong tài liệu chữ Nôm thế kỷ 17 của Maioria có chữ 𩄲 dùng để ghi cả MÂY cả MƯA. Bảng chữ Nôm miền Nam cho biết chữ [illegible] cũng đọc cả MÂY cả MƯA. Vậy chắc trong nguyên tác đã dùng chữ MƯA kiểu như vậy. Và những người sao chép về sau lại nhận diện đó là chữ MÂY và sao ra những bản sai lầm.

3. Còn lại hai câu 661 và 673.

a. Ở câu 661 có 2 dị bản BÚA ĐAO/PHỦ ĐAO và BÚA RÌU/PHỦ CÂN. Nghĩa 2 bên không có gì khác nhau lắm nên chúng tôi chọn BÚA ĐAO theo bản DMT.

b. Ở câu 673 có 4 dị bản: ĐỐNG XUÂN, CỘI XUÂN, XUÂN HUYÊN và CHỒI XUÂN. Trong TTTN Kiều nói: "Cha ơi! Cả nhà đều chăm chú trông vào cha LÀM CHỦ ..., nếu cha mà chết đi thì mẹ con trông cậy vào ai, các em con trông cậy vào ai?" Ý ấy nhà thơ đã diễn Nôm thành:

... XUÂN tuổi hạc càng cao

Một cây gánh vác biết bao nhiêu cành

Vì hình tượng ấy nên KOM dùng kết cấu CỘI XUÂN. Bản DMT/1872 lại khắc ĐỐNG XUÂN: ĐỐNG là do CỘI khắc nhầm chăng? Hay là cụ Nguyễn Du nhớ đến câu tục ngữ Việt Nam "Con không cha như nhà không nóc" và dùng chữ ĐỐNG với nghĩa là "đòn nóc" (ĐDA – Couvreur)? Còn CHỒI XUÂN và XUÂN HUYÊN thì đúng như Nguyễn Bá Triệu phân tích – không hợp với ngữ cảnh này. Có lẽ nên cân nhắc thêm: tái lập ĐỐNG? Hay chỉ coi như ĐỐNG là chữ CỘI bị khắc nhầm? Chúng tôi sẽ ghi cả hai khả năng.

Trang 19A

1. Trong trang này 4 lần bản DMT/1872 ăn khớp với đa số, và cũng 4 lần nó bị thiểu số.

Bốn lần có đủ 2 tiêu chí để phục nguyên là:

- MÉ NGOÀI ở câu 685
- CHẲNG LỰA ở câu 688
- ĐÃ TẠM ở câu 693
- MỘT MÌNH NÀNG ở câu 695

Ở câu cuối cùng này, hai bản khắc đúng là NƯƠNG (bản LNP và bản TVKI), còn 7 bản khắc chữ đọc NƯƠNG cũng được, đọc NÀNG cũng được. Đọc NÀNG thì nhân vật Kiều nổi lên, trước khi xuất hiện nhân vật Thúy Vân ở câu 713 sau đó. Đọc NƯƠNG thì nhân vật Kiều phải hiểu ngầm qua văn cảnh. Chúng tôi đọc NÀNG vì ngờ rằng nói NƯƠNG NGỌN ĐÈN KHUYA thì không ổn (so với các ví dụ NƯƠNG GẬY, NƯƠNG GHẾ, NƯƠNG CỬA PHẬT...)[1]

2. Còn ở 4 trường hợp bản DMT bị thiểu số thì như sau:

a. Ở câu 681, TÍNH, TOAN, LO nghĩa cũng không có gì khác nhau quá lớn, vì vậy tốt hơn cả là vẫn phục nguyên theo bản gốc DMT.

b. Ở câu 696, trước hết cần nói một điều: 4 bản ngoài Bắc khắc chữ TÓC nhầm thành MÂY: chúng tôi chỉ chữa lại chứ không tính đó là một dị bản. Đa số các bản dùng XE//SE riêng KOM nhuận sắc thành CHIA. Vậy có thể tin ở bản xưa là TÓC, XE//SE, có thể theo thế mà phục nguyên. Còn đứng trước 2 dị bản GIỌT TỦI hay GIỌT LỆ; MỐI SẦU hay MÁI SẦU thì chúng tôi nghĩ như sau:

- Nên phục nguyên GIỌT TỦI vì TỦI đối với SẦU ở sau chỉnh hơn.

- Và cũng vậy, nên nghĩ đến sự đối chỉnh giữa GIỌT và MỐI để chọn MỐI. GIỌT là từ chỉ đơn vị, MỐI cũng có thể chuyển thành từ chỉ đơn vị (ví dụ: MỘT MỐI SẦU, CÓ HAI MỐI SẦU...). Nhưng mối quan hệ liên tưởng giữa hai từ TÓC và MÁI cũng là điều không thể coi nhẹ. Căn cứ các miền, chúng tôi ngờ rằng ở bản cổ vốn là MỐI (nay còn ở DMT, TVKI, ADM) nhưng sau ở Huế và ở Bắc nhuận sắc lại thành MÁI. Cần xét cụ Nguyễn Du có tham gia hay có tán thành sự nhuận sắc này không? Xin đề nghị cân nhắc thêm. Nếu có, ta phải theo Cụ.

---

[1] Theo TĐTV (HP) NƯƠNG được giải thích là:
- Dựa vào để cho được vững, ví dụ: nương mình vào ghế.
- Dựa vào để có được sự che chở, giúp đỡ, ví dụ: nương vào nhau mà sống.

c. CHÚT và XÓT tự dạng dễ lầm lẫn. Nhưng căn cứ văn cảnh cả đoạn này, có lẽ phục nguyên động từ XÓT thì đúng hơn.

Trang 19B

1. Từ câu 701 đến câu 720, ở trang 19B, có 6 trường hợp việc phục nguyên có thể tiến hành một cách thuận lợi, nhờ đạt đồng thời đủ cả 2 tiêu chí. Đó là:

CHIA NHÀ ở câu 704

THÌ THÔI ở câu 706

LỆ (> GIỌT) TRÀN ở câu 712

THẮM (> THẤM) cũng ở câu 712

MẮC ở câu 718

ĐANG THỔN THỨC ở câu 719

Ở câu 712 chỉ 3 bản in rõ là THẮM: có cả nghĩa phù CHU hoặc XÍCH. (DMT, QVĐ, KOM); 6 bản chỉ dùng thanh phù nên có thể đọc thành THẤM. Nhưng THẮM KHĂN mới đối thật chỉnh với TRẮNG ĐĨA ở trước được! Vậy phải đính ngoa THẤM thành THẮM. Cũng vậy, sau GIỌT thì ít ai nói TRÀN THẮM KHĂN được! Chắc là LỆ in nhầm thành GIỌT, vì gần tự dạng!

2. Trong số 5 trường hợp bản DMT/1872 bị thiểu số, cần lưu ý: có đến bốn trường hợp vẫn nên phục nguyên theo DMT vì có cơ sở khá vững chắc; đó là THỀ LÒNG, NIỀM, MỘT MÌNH, MƯỚI.

a. THỀ LÒNG nằm ở câu 710. Mới xem qua ai cũng tưởng THỀ HOA là kết cấu văn vẻ hơn. Nhưng hóa ra THỀ LÒNG là lối nói quen thuộc thời xưa, đã được thu thập vào từ điển. Theo HTC, THỀ LÒNG là "quyết lòng, lập tâm chắc chắn". Vậy chúng ta nên giữ từ cổ của bản cổ hơn là chạy theo cái vẻ văn chương bên ngoài.

b. Ở câu 711, đa số các bản đều dùng NỖI RIÊNG, nhưng DMT dùng NIỀM RIÊNG. Lúc đầu chúng tôi tưởng chọn bên nào cũng được, vì ý nghĩa gần gần như nhau, nhưng tra cứu tài liệu xưa thì thấy NIỀM khác NỖI một cách khá cơ bản. NIỀM nói thiên về "phận sự, trách nhiệm, đạo nghĩa", ví dụ: TRỌN NIỀM = trọn đạo, trọn nghĩa; LỖI NIỀM = lỗi đạo; GIỮ MỘT NIỀM = giữ một tiết; NIỀM TÂY = phận sự riêng. Vì vậy xưa nói NIỀM TRUNG HIẾU chứ không ai nói NỖI TRUNG HIẾU, nói NIỀM CÔNG CHÍNH, NIỀM TRUNG TRINH BÁO QUỐC chứ không ai nói NỖI CÔNG CHÍNH, NỖI TRUNG TRINH BÁO QUỐC. Từ điển HTC còn định nghĩa

NIỀM THẦN TỬ = phận sự kẻ làm tôi làm con. Trong cả đoạn, chúng ta thấy Thúy Kiều băn khoăn là băn khoăn về chuyện đạo nghĩa: lỗi lời thề, mang tiếng phụ bạc với Kim Trọng. Vậy cụ Nguyễn Du viết "Niềm riêng riêng những bàn hoàn" là hoàn toàn chính xác. Trái lại, đến câu 718, Thúy Vân đến, hỏi chị "có chuyện gì riêng tư vậy" thì nhà thơ lại viết: "Nỗi riêng còn mắc mười tình chi đây?". Thành ra cũng một câu chuyện, một sự việc nhưng trong lòng Kiều thì là NIỀM RIÊNG, còn trong miệng Thúy Vân thì là NỖI RIÊNG, bởi vì người trong cuộc thì đang băn khoăn về đạo nghĩa, người ngoài cuộc thì chỉ hỏi để biết chuyện, để có thông tin. Vậy phải phục nguyên NIỀM RIÊNG ở câu này cho đúng nguyên tác.

c. Ở câu 717 bản DMT/1872 in câu nói của Thúy Vân hỏi chị:

Một mình ngồi nhẫn tàn canh

Nỗi riêng còn mắc mười tình chi đây?

Nhiều bản đổi lại: "CỚ CHI ngồi nhẫn tàn canh", tưởng rằng thay MỘT MÌNH bằng CỚ CHI thì tránh được trùng lặp, lại cụ thể hóa được cái chuyện "Dưới đèn ghé đến... hỏi han". Thực ra, đã nêu câu hỏi: "*Nỗi riêng còn mắc mười tình chi đây*" là Thúy Vân đã biết được vì sao Thúy Kiều "ngồi nhẫn tàn canh" rồi, cần gì phải thêm hai chữ CỚ CHI nữa! Dùng hai chữ này thì Thúy Vân có vẻ như đứng ngoài cuộc quá, có vẻ moi móc cật vấn quá, không còn thực sự ân cần nữa.

Cứ để Thúy Vân dùng lặp hai chữ MỘT MÌNH, với thái độ thông cảm nỗi cô đơn của chị, thay vì thái độ bàng quan chất vấn chị thì Thúy Vân mới hiện lên đúng như cụ Nguyễn Du muốn miêu tả, khi xây dựng nhân vật này.

d. Ở câu 718 có hai chữ MẮC MƯỚI. Đó là một từ cổ có nghĩa như "mắc mớ", "vướng mắc" hiện nay. Dùng MẮC MƯỚI thì chính xác, cô đọng hơn nhiều so với các dị bản "MẮC VỚI, MẮC MỐI, VƯỚNG MỐI".

3. Riêng có một trường hợp hiện chúng tôi đang băn khoăn chưa biết nên phục nguyên như thế nào, ở câu 720: nên chọn CON TƠ hay là TƠ DUYÊN ở trong câu:

... ... còn vướng mối này chưa xong

TƠ DUYÊN được đa số bản chấp nhận, vì phổ thông, dễ hiểu, thường gặp. Nhưng cũng cần nghiên cứu vì sao có kết cấu CON TƠ: phải chăng nhà thơ muốn kết hợp hai cách nói ÔNG TƠ và CON TẠO để đưa ra một lối diễn đạt mới? Tất nhiên trong lúc chưa tìm hiểu được thì tốt nhất là dựa vào đa số, phục nguyên TƠ DUYÊN. Dị bản này có cả ở 3 miền, nên hy vọng thuộc loại nhuận sắc đã được nhà thơ đồng tình.

Trang 20A

1. Ở trang này, 10 trên 13 trường hợp đa số các bản đều ăn khớp với DMT. Do đó ta có đủ cơ sở để phục nguyên:

THÌ PHỤ ở câu 722

EM CÓ ở câu 723

KỂ TỪ ở câu 727

CÓ NHẼ (= có nhẽ nào) ở câu 730

NGÀY XUÂN ở câu 731

CHIẾC VÀNH ở câu 735

THÌ GIỮ ở câu 736

XÓT NGƯỜI ở câu 738

CHẲNG QUÊN cũng ở câu 738

HƯƠNG NGUYỀN ở câu 740

2. Ba trường hợp sau đây thì bản DMT bị thiểu số, nhưng chúng tôi vẫn phục nguyên theo DMT:

a) Ở câu 734 chúng tôi nghiêng về CŨNG CÒN thay vì HÃY CÒN là vì lý do ngữ pháp. Trong 2 câu:

Chị dù thịt nát xương mòn

Ngậm cười chín suối CŨNG còn thơm lây

đã có DÙ ở câu lục thì ở câu bát nên có CŨNG hoặc VẪN, đó là theo quy tắc phổ biến. So sánh:

Dù mưa tôi vẫn đi

Hoặc *Dù mưa tôi cũng đi*

Dùng HÃY thì có phần hơi trái với cái quy tắc chi phối toàn bộ cả 2 câu; nó chỉ có giá trị cục bộ giữa hai vế của riêng câu bát.

b. Ở câu 739 chúng tôi nghiêng về GỌI CHÚT thay vì CÒN CHÚT là theo văn phong của Nguyễn Du. Ở 2 câu 355, 356 chúng ta đã thấy:

Rằng trăm năm cũng từ đây

Của tin GỌI MỘT CHÚT này làm ghi

Vậy thì ở đây phục nguyên:

Mất người GỌI CHÚT của tin

Phím đàn với mảnh hương nguyền ngày xưa

là rất nhất quán. Hơn nữa GỌI, GỌI LÀ dùng với kiểu như trên, đó là một lối nói rất tự nhiên của người Việt.

c. Riêng ở câu 740, MẢNH chỉ có mặt ở 4 bản trong khi TẤM có mặt ở 5 bản. Nhưng chúng tôi phục nguyên MẢNH vì 2 lẽ:

- Vì ở vị trí trước chữ HƯƠNG thì dùng MẢNH hợp hơn là dùng TẤM.

- Và vì trong số 4 bản, có cả bản DMT mà nguồn gốc đã được chứng minh là rất cổ.

Trang 20B

1. Trong trang này có 9 trường hợp hội đủ 2 tiêu chí, có thể phục nguyên ngay. Đó là:

- CÓ BAO GIỜ ở câu 741
- SO TƠ ở câu 742
- THÌ HAY ở câu 744
- GIỌT ở câu 748
- NƯỚC cũng ở câu 748
- TRÂM GÃY ở câu 749
- GƯƠNG TAN cũng ở câu 749
- LỠ DƯỜNG ở câu 754
- HỒN DỨT MÁU SAY ở câu 757

Kiểm tra thêm cũng thấy phục nguyên như vậy là phải, ví dụ trong TTTN cũng nói "rưới trà" chứ không phải "rưới lệ"; trong bản LNP/1870 dùng RẰNG ở câu 744 chỉ là vì để kị húy chứ trước vốn là THÌ v.v...

2. Về các trường hợp còn lại thì như sau:

a. Ở câu 746 tuy CÒN NGHÌ bị thiểu số, nhưng DMT khắc CÒN NGHÌ là đúng. Cụ Nguyễn Du phân biệt rất rõ ĐỀN NGHÌ và CÒN NGHÌ, ví dụ:

- Khi có chuyện "đền ơn đáp nghĩa" thì Cụ dùng ĐỀN NGHÌ, chẳng hạn ở 4 câu Kiều nói với Từ Hải (2423-2426).

Trộm nhờ sấm sét ra tay
Tấc riêng như cất gánh đầy đổ đi
Chạm xương, chép dạ, xiết chi
Dễ đem gan óc ĐỀN NGHÌ trời mây

Ở đoạn Kiều nghĩ đến chuyện tái sinh, trả món nợ tình cho Kim Trọng,

Cụ cũng viết:

Tái sinh chưa dứt hương thề

Làm thân trâu ngựa ĐỀN NGHÌ trúc mai

Nhưng ở đoạn này, Kiều chỉ nói thân tuy tan nát, nhưng linh hồn vẫn còn, và trong hồn thiêng đó thì cái nghĩa trúc mai vẫn còn nên Cụ viết (từ câu 743 đến câu 746):

Trông ra ngọn cỏ lá cây

Thấy hiu hiu gió thì hay chị về

Hồn còn mang nặng lời thề

Nát thân bồ liễu, CÒN NGHÌ trúc mai

Vậy ở câu 746, phục nguyên CÒN NGHÌ là đúng văn phong Nguyễn Du.

b. Ở câu 752 TÓC TƠ chỉ có mặt ở 3 bản. Nhưng ở phần I chúng ta đã nói rõ dùng MÂY TƠ ở đây là vô nghĩa; MÂY TƠ chỉ là do TÓC TƠ chép sai mà thành. Vậy chữa lại MÂY TƠ thành TÓC TƠ thì ta lại được đa số: 7 bản cả thảy, trong đó có cả bản DMT! Nói một cách khác, TÓC TƠ có đủ cả 2 tiêu chí cần thiết để được tái lập. Hơn nữa TÓC TƠ nghĩa cũng gần như TƠ DUYÊN (xin xem câu 1532).

c. Ở câu 754 tái lập BÈO TRÔI theo bên thiểu số là vì thư tịch xưa cho thấy: khi nói duyên may gặp gỡ thì người ta nói BÌNH THỦY TƯƠNG PHÙNG (= nước bèo hội ngộ), còn khi nói lưu lạc, li tán thì tất nhiên phải nói ngược lại, ví dụ:

Phận BÈO bao quản NƯỚC SA

Lênh đênh đâu nữa cũng là lênh đênh

Ở đây cũng vậy:

Phận sao phận bạc như vôi

Đã đành NƯỚC chảy BÈO trôi lỡ dường

Dùng HOA TRÔI NƯỚC CHẢY cũng được thôi, nhưng không có cơ sở điển tích rõ ràng bằng.

d. Còn giữa TỪ NAY và TỪ ĐÂY thiết nghĩ nghĩa gần như nhau, chọn bên nào cũng được. Nhưng bản gốc cổ của DMT đã dùng TỪ NAY thì chúng ta cứ nên theo thế mà phục nguyên. Hơn nữa ở trên (câu 749) đã nói về thời gian:

BÂY GIỜ trâm gãy gương tan

thì ở đây lặp lại chuyện thời gian (TỪ NAY) lại có phần hợp hơn:

Ôi Kim Lang, hỡi Kim Lang

Thôi thôi thiếp đã phụ chàng TỪ NAY!

e. Cuối cùng là sự chọn lựa giữa 3 dị bản TẤP NẬP, VÂY LỚP và CHẬT NÍCH. Theo ý chúng tôi "VÂY LỚP" hơi trùng lặp với "KẺ TRONG NGƯỜI NGOÀI"; CHẬT NÍCH thì chỉ mô tả được cái chuyện "người đông, không đủ chỗ", còn TẤP NẬP thì có đủ cả ý "đông đảo" cả ý "rộn rịp" (theo từ điển KTTĐ). Vậy có lẽ cứ nên phục nguyên TẤP NẬP. Ngay các vị hay bắt bẻ, đòi nhuận sắc lại ở Huế, trường hợp này cũng đều phải công nhận TẤP NẬP là hợp hơn cả.

Trang 21A

1. Từ câu 761 đến câu 780, có 7 trường hợp có thể tiến hành phục nguyên ngay, vì hội đủ hai tiêu chí đã đề ra. Đó là 7 trường hợp sau đây:

ĐÂY: chữ thứ 3 ở câu 766 (phải đính ngoa ĐỂ thành ĐÂY)

THÔI THÌ: hai chữ đầu câu 768

DẶN LẠI ở câu 771

QUẢN ĐÂU ở câu 776

THẢM SẦU ở cuối câu 777

NAM LÂU ở câu 778

GIỤC NGÀY ở câu 780

Phục nguyên theo hai tiêu chí là chính, nhưng cũng có chú ý đến cả những lý do bổ sung. Một ví dụ: tái lập QUẢN ĐÂU ở câu 776 thì hiệp vần tốt hơn với SẦU, LÂU ở sau, lại tránh được hiện tượng trùng lặp (xin xem dưới đây).

2. Việc phục nguyên ở các trường hợp còn lại thì đòi hỏi phải có cân nhắc.

a. Ở câu 766 rõ ràng phải tái lập CHIẾC VÀNH chứ không phải CHIẾC THOA, vì trước đó chúng ta đã biết Kim Trọng tặng Kiều hai chiếc xuyến (tức VÀNH, tức KIM HOÀN):

Vội vào thêm lấy của nhà

XUYẾN VÀNG hai chiếc, khăn là một vuông (câu 318)

Được lời như cởi tấm lòng

Giở KIM HOÀN với khăn hồng trao tay (câu 354)

b. Ở câu 767 bản DMT/1872 khắc theo bản cổ một chữ lạ [illegible] : không rõ đó là chữ BỞI miền Nam 迪 hay là chữ NAY 𠉞 ? Sau khi cân nhắc

chúng tôi thấy giống chữ BỞI hơn nên phục nguyên BỞI. BỞI rất gần VÌ ở bản ĐDA.

c. Ở câu 772, chúng tôi phục nguyên:

Dẫu mòn NGẤN ĐÁ dám sai tấc vàng

Thiết nghĩ nói MÒN NGẤN ĐÁ là nói theo ngôn ngữ bình thường, như ở ca dao đã có:

Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn
Tào Khê nước chảy vẫn còn trơ trơ

chứ ở đây có chuyện gì liên quan đến BẢNG VÀNG / BIA ĐÁ hay đến BIA ĐÁ / BIA MIỆNG đâu!

d. RÉN CHIỀNG cổ hơn THƯA CHIỀNG, vậy nguyên tác dùng RÉN CHIỀNG rồi các bản đời sau đổi đi cho dễ hiểu; chứ ít khi có chuyện ngược lại: nguyên tác dùng chữ dễ hiểu, bản DMT lại đem cổ hóa đi!

e. Ở câu 775, trong TTTN Kiều nói: "Cha ơi, nếu cha giúp con cho được tròn chí nguyện ấy (tức gả Thúy Vân cho Kim Trọng) thì CHẲNG KỂ là đi làm lẽ mọn người ta, mà dù chết ở nơi đất khách quê người, cũng không oán trách gì nữa!". Mấy câu ấy, cụ Nguyễn Du đã diễn Nôm thành:

Lạy thôi nàng lại rén chiềng
Nhờ cha trả được nghĩa chàng cho xuôi
THỐT CHI thân phận tôi đòi
Dẫu rằng xương trắng quê người quản đâu!

Cân nhắc mọi mặt, chúng ta thấy rằng, dầu sao CHẲNG KỂ cũng gần THỐT CHI hơn là SÁ CHI! Vậy bản DMT/1872 chắc là đã bám sát nguyên tác. Và chúng ta cũng phải phục nguyên THỐT CHI theo DMT.

f. Ở câu 777, có 2 dị bản phải chọn lựa:

Hoặc : *Xiết BAO KỂ nỗi thảm sầu* (ở 6 bản)

Hoặc : *Xiết ĐÂU TRONG nỗi thảm sầu* (ở DMT và ADM)

Trong TTTN đoạn này viết "Thúy Kiều cất tiếng khóc ầm lên, vừa nhủ thầm: Chàng Kim! Chàng Kim! Bữa nay vợ chàng chia ly cùng chàng đây!". Vậy buồn khóc là chính, nghĩ thầm là chính, chứ có kể lể gì đâu! Cho nên có thể phỏng đoán, khi mới phác thảo, cụ Nguyễn Du theo sát TTTN, chỉ viết:

XIẾT ĐÂU TRONG NỖI thảm sầu

nghĩa là Cụ không động gì đến chuyện kể lể cả! Nhưng mở đầu câu 777 như vậy thì hai chữ XIẾT ĐÂU lại trùng lặp với hai chữ QUẢN ĐÂU ở cuối câu 776 trước đó! Chúng ta thử đọc lên và sẽ thấy ngay chỗ không ổn ấy.

Thốt chi thân phận tôi đòi

Dẫu rằng xương trắng quê người QUẢN ĐÂU!

XIẾT ĐÂU trong nỗi thảm sầu

Vậy chắc vì lý do đó, về sau Cụ đã tự nhuận sắc, chữa lại thành: XIẾT BAO KỂ NỖI thảm sầu.

Cụ có tự nhuận sắc thì mới dễ hiểu vì sao dị bản này lại được truyền đi, phổ biến rộng rãi khắp cả 3 miền đất nước.

g. Liên quan với câu trên là việc lựa chọn cách dùng từ ngữ ở câu tiếp liền sau đó: ở câu 778 nên chọn LẠI GIỤC hay chọn ĐÃ GIỤC? Câu trên đã chữa 4 chữ XIẾT ĐÂU TRONG NỖI (ở phác thảo) thành XIẾT BAO KỂ NỖI... với nghĩa là "chưa thể kể hết" thì ở câu 778 này chắc thế nào cũng phải chữa thành ĐÃ GIỤC. Quy tắc tiếng Việt thường đòi hỏi sự hô ứng như vậy: CHƯA... MÀ ĐÃ...

h. Rồi lại liên quan với chữ ĐÃ ở trên là việc dùng 2 chữ ĐÃ liền ngay sau đó! Chắc ở 2 câu 779, 780 xưa đã phác thảo:

Kiệu hoa đâu ĐÃ đến ngoài (câu 779)

Quản huyền đâu ĐÃ giục NGÀY sinh ly (câu 780)

Trong phục nguyên nên giữ như thế, vì mới thêm chữ ĐÃ ở câu 778, hai chữ ĐÃ vốn có này lại càng thêm nhấn mạnh sự hô ứng: CHƯA... MÀ ĐÃ... ĐÃ... ĐÃ...

Trang 21B

1. Trong trang này chúng ta phải cân nhắc nhiều, vì trường hợp hội đủ 2 tiêu chí, dễ phục nguyên chỉ vẻn vẹn có:

GIỌT RƠI ở câu 782

BỐN BỀ ở câu 786

CÒN GÌ ở câu 796

Và GÓI VÀO ở câu 800

2. Điểm đầu tiên cần phải cân nhắc là ở câu 784 nên tái lập NGỌN KHÓI hay là tái lập NGỌN CỎ? Xét câu trước đó chúng ta thấy:

Trời hôm mây kéo tối rầm

Vậy có lẽ ở câu này nên chọn NGỌN KHÓI hơn. Đã "tối rầm" thì còn thấy gì được "ngọn cỏ"! Vả lại, NGỌN KHÓI bốc lên thì càng hợp với cảnh "tối sầm"! Một chi tiết nữa: trước KHÓI, sau SƯƠNG thì đối nhau chỉnh tề hơn!

3. Ở câu 785, kể ra phục nguyên RƯỚC DÂU cũng được, RƯỚC NÀNG cũng được. Nhưng dầu sao thì đây cũng phải gọi là một cuộc hôn lễ. Mà đã là hôn lễ thì dùng RƯỚC DÂU thỏa đáng hơn. Vả lại cũng nên tránh chuyện lặp chữ NÀNG có ở câu sau.

4. Ở câu 789: *Phẩm tiên... đến tay hèn.*

đã dùng chữ ĐẾN chứ không phải chữ XUỐNG (như ở TTTN)[1] thì trước chữ ĐẾN nên phục nguyên chữ THUỞ hơn là chữ RƠI. Trong tiếng Việt thường nói RƠI XUỐNG, ít khi nói RƠI ĐẾN!

5. Trong câu 792 có 3 dị bản:

- ĐÃ BẺ CHO NGƯỜI (ở 6 bản)
- THÀ BẺ CHO NGƯỜI (ở 2 bản)
- THÀ LẤY TAY NGƯỜI (ở DMT)

Bản DMT là bản duy nhất dùng động từ LẤY, 8 bản kia đều dùng động từ BẺ! Nhưng thiết nghĩ bản DMT đúng, thiểu số nhưng mà đúng! Bởi vì bản DMT tôn trọng nguyên tác! Các bản đã nhuận sắc lại không thích chữ LẤY, nhưng quên rằng 2 chữ mở đầu câu là 2 chữ NHỊ ĐÀO chứ không phải 2 chữ CÀNH ĐÀO! CÀNH thì bẻ được, chứ NHỊ HOA thì làm sao mà bẻ được! Phải tái lập theo DMT.

6. Trong câu 793 đúng là chúng tôi băn khoăn không biết nên phục nguyên VÌ AI hay VÌ TA? Hình như cách nói VÌ AI hay hơn. Tản Đà đã nổi tiếng về chữ AI này! Nhưng xét kỹ cả đoạn, chúng tôi lại thấy: ở câu 790 vừa có 2 chữ VỚI AI chỉ KIM TRỌNG:

Hoài công nắng giữ mưa gìn VỚI AI

Vậy có lẽ lúc đầu ở câu này, cụ Nguyễn Du không muốn dùng AI mà lại để nói đến nàng Kiều! Và bản gốc DMT đã giữ được câu phác thảo đó:

VÌ TA ngăn đón gió đông

Thiệt lòng khi ở đau lòng khi đi!

Không biết về sau cụ Nguyễn Du có nhuận sắc lại không? Khả năng đó có, vì Cụ có chữa thì các bản cả ba miền mới có cơ sở để thống nhất như nhau. Nhưng chưa chứng minh được hoàn toàn chuyện Cụ tự sửa chữa, thì nên nói VÌ AI là đi "theo đa số", và nên phụ chú cả dị bản VÌ TA.

7. ÔM hay MANG? Đó là băn khoăn ở câu 798. Trong TTTN đoạn này Thúy Kiều nói: "Thúy Kiều này sao bạc mệnh lắm thay! Chồng phong lưu

---

[1] Ở bản dịch TTTN: "Thật đáng thương cho đóa hoa thơm phải RƠI XUỐNG chốn bùn lầy!"

không được hưởng thụ, lại phải đi lấy đứa xấu xa... trời hỡi trời, đã không cho tôi cái số tốt đẹp, thì đừng cho gặp con người tài tử!". Lối nói của Kiều bộc toạc, chân thật. Phải chăng vì thế nhà thơ không dùng từ văn vẻ mà chọn lối nói dân dã cho phù hợp?

Đã sinh ra số long đong

Còn ÔM lấy kiếp má hồng được sao?

MANG chắc là do sự biên tập về sau đưa lại.

8. Ở câu 799 và câu 800 có thể tái lập theo DMT. Chữ RỌT trong RỌT KHĂN, là một từ cổ, với nghĩa là "cái mép của khăn"; có thể tin rằng loại từ ngữ cổ này vốn có trong nguyên tác. Vậy, tóm lại, hai câu 799 và 800 xin phục nguyên là:

Trên yên NHÁC THẤY THANH dao

Giấu cầm nàng đã GÓI vào RỌT khăn

Trang 22A

1. Sáu trường hợp sau đây có thể phục nguyên dễ dàng vì hội đủ cả hai tiêu chí:

THÌ LIỆU ở câu 802

CHẲNG LÀ ở câu 805

QUÁ CHƠI ở câu 807

QUEN VÙNG ở câu 808

THÌ QUÊ ở câu 815

MẶT NGƯỜI ở câu 818

2. Về những trường hợp không đủ 2 tiêu chí, trước hết nên cân nhắc: THÂN SAU NÀY hay THÂN PHẬN NÀY (ở câu 802)? Trong TTTN, Thúy Kiều hoạch định kế hoạch tự tử trước rồi mới tìm được dao sau. Nhưng cụ Nguyễn Du lại đảo ngược cho Kiều tìm được dao trước, có dao rồi mới nghĩ đến kế hoạch sử dụng. Điều chắc chắn là con dao có sứ mệnh phải giải quyết cho xong cái thân phận của nàng. Nhưng điều đó, Kiều chỉ dự phòng cho khi NƯỚC ĐÃ ĐẾN CHÂN chứ không dự tính là bao giờ. Vậy sau câu lục, viết "Dao này thì liệu với thân phận này" là rất lô gích! Trái lại, nói đến cái THÂN SAU NÀY thì không ăn khớp được thế!

3. Ở câu 803 có 3 dị bản: ĐIỂM SẦU, ĐÊM SẦU, ĐÊM THU. Có thể gạt bỏ ngay ĐÊM THU vì sau tiết Thanh minh hai tháng (câu 288), mùa xuân vừa qua (câu 370) thì xảy ra gia biến, Kiều phải bán mình ngay cho họ

Mã: làm sao đã là mùa thu được?

Còn giữa ĐIỂM SẦU và ĐÊM SẦU thì đầu tiên phải giải quyết vấn đề: đây là 2 dị bản? hay chỉ một dị bản nhưng viết hai cách? (Vì có từ điển, như của TVK, cho biết ĐÊM có thể viết bằng chữ ĐIỂM!). Nếu là một dị bản thì không còn vấn đề chọn lựa nữa: chúng ta sẽ phục nguyên ĐÊM SẦU. Nhưng nếu vẫn chủ trương có hai dị bản, thì chúng tôi nghĩ rằng nên nghiêng về ĐIỂM SẦU, vì có ĐIỂM SẦU thì mới ăn khớp với MỘT KHẮC, MỘT CHẦY ở sau. ĐIỂM SẦU – theo VVK là một lối nói cổ. Dễ hiểu vì sao nó chỉ có mặt ở bản DMT.

4. Ở câu 810 chúng tôi ghi thành hai dị bản VỀ NHÀ, VỀ GIÀ là để đề phòng có người chủ trương đọc và hiểu theo mặt chữ: cho rằng TÚ BÀ "trở về nhà", "hết duyên" rồi mới "mở một ngôi hàng". Kỳ thực, VỀ NHÀ có lẽ chỉ là cách ghi VỀ GIÀ của người Thừa Thiên – Huế. Vì vậy cứ phục nguyên theo tiếng phổ thông là VỀ GIÀ.

5. Giữa hai dị bản CỬA HÀNG và NGÔI HÀNG ở câu 813, chúng tôi chủ trương phục nguyên CỬA HÀNG vì mấy lý do:

- nó có mặt ở bản DMT

- nó là từ ngữ phổ thông và theo - VVK – thường dùng ở ngoài đời.

- và nhất là nó phù hợp với cơ ngơi có thực của Tú Bà: một cửa hàng nhỏ, chỉ có hai gái đĩ (theo TTTN) ở một đô thị nhỏ.

6. Ở câu 814, DMT in là BÁN GƯƠNG. Chúng tôi ngờ rằng đây chỉ là cách ghi Nôm của Nam Bộ: dùng G, H đôi khi lẫn lộn, ví dụ HỚP, HẤP ghi như GẶP, GẬP; GẤU ghi với thanh phù HẬU v.v.[1]. Trong ngôn ngữ GƯƠNG thường đi với LƯỢC; HƯƠNG thường đi với PHẤN...; ở câu này đã nói BUÔN PHẤN thì chắc sau đó là BÁN HƯƠNG. Vậy chúng tôi xin phục nguyên:

Chung lưng mở một CỬA hàng

Quanh năm buôn phấn, bán HƯƠNG đã lề

7. Ở hai câu 819, 820 chúng tôi ngờ rằng đã có hiện tượng chép nhầm, khắc nhầm vì tự dạng gần nhau: CHÚT viết gần như XÓT, ĐEM có khi viết gần như ĐƯA > ĐI (ví dụ ở Maiorica). Dó đó chúng tôi đính ngoa và phục nguyên CHÚT ở câu 819, ĐEM ở câu 820 theo đa số. Nhưng nếu cứ theo DMT/1872 thì cũng vẫn rất có lý.

---

[1] Ở câu 25, DMT/1872 ghi HƯƠNG thì ADM viết Nôm GƯƠNG và TVK cũng in Quốc ngữ GƯƠNG – Ở HỘI ĐẠP THANH chúng tôi cũng đã chú thích chuyện lẫn lộn GỌI – HỘI, xin xem lại trang 436, 437.

Trang 22B

1. Trang này có đến 7 trường hợp hội đủ đồng thời 2 tiêu chí. Đó là:

RẺ GIÁ ở câu 822

NƯỚC TRƯỚC ở câu 827

THÌ LỜI ở câu 830

CỦA TRỜI ở câu 832

DƯỚI TRẦN ở câu 835

MÀO GÀ ở câu 837

MẬP MỜ ở câu 839

Kể ra chỉ dựa vào hai tiêu chí hình thức như vậy là cũng đã đủ để phục nguyên. Nhưng để cẩn thận, cũng cần xét thêm. Và càng xét thì càng thấy đúng: ví dụ sau SÍNH NGHI thì dùng RẺ GIÁ mới có nghĩa, dùng NẠP GIÁ thì thừa; nói CỦA TRỜI thì đúng hơn CỦA ĐỜI vì trong ngôn ngữ thông thường khi may được vật gì quý thì ai cũng bảo "CỦA TRỜI CHO" v.v...

2. Còn sau đây là những trường hợp tiêu chí này ngược với tiêu chí kia, nên phải có thêm biện luận. Trước hết chúng ta hãy bàn về câu 821. Ở đây 8 bản dùng MẮC, nhưng bản DMT/1872 khắc một chữ đọc Hán Việt là NIÊM, hoặc đọc theo kết cấu THỦ + CHIÊM là CHỚM. NIÊM cũng có thể phiên Nôm là NẮM, NÉM. Nói NÉM VÀO KHUÔN, CHỚM VÀO KHUÔN thì cũng gần như MẮC VÀO KHUÔN, riêng CHỚM thì có thêm ý là "mới bắt đầu". Nghĩa cơ bản hai bên không khác nhau, vậy cứ tôn trọng theo bản gốc có niên đại cổ. Nhưng, để thận trọng, xin ghi cả theo đa số.

3. Ở câu 824 là KHÚC HOÀNG hay KHÚC VÀNG?

Chỉ thấy KHÚC HOÀNG ở DMT, ở TVKI và ở phần Quốc ngữ của A.D.Michels. Điển tích Phượng cầu hoàng dùng phải chăng để chỉ bản đàn Kiều đã đánh? Hay KHÚC HOÀNG là do các bản sao ở Nam Bộ chép sai hai chữ KHÚC VÀNG mà thành?

Các bản ở Huế và ở Bắc đều nhất trí in là KHÚC VÀNG. Mà nhất trí in như vậy có lẽ đúng. Câu bát này đặt theo thế tiểu đối: CÀNG SAY KHÚC VÀNG là vế thứ hai. Có thể suy ra vế này từ 4 chữ CÀNG NHÌN VẺ NGỌC của vế thứ nhất! Đối lại NGỌC thì chắc phải là VÀNG, chứ ít có thể là HOÀNG! Nhưng về mặt nghĩa, theo TĐTK, KHÚC VÀNG cũng có vấn đề!

4. Ở câu 829, bản DMT/1872 khắc in "BA BỐN TRĂM LẠNG THỬ ĐÂU", đa số bản thì lại in: HẲN BA TRĂM LẠNG KÉM ĐÂU. Trong TTTN chúng ta thấy: "Mã Quy nghĩ thầm: Cô gái đẹp đẽ như thế, chỉ đêm

đầu tiếp khách cũng vớ được vài trăm lạng vào tay rồi". Xin chú ý mấy chi tiết "cũng vớ được" và "vài": VÀI thì ăn khớp với lối nói ước chừng "BA, BỐN" chứ không ăn khớp với lối nói dứt khoát BA TRĂM LẠNG. CŨNG VỚ ĐƯỢC thì hàm ý "có lẽ cũng", không ăn khớp với sự quả quyết "Hẳn...". Vậy câu DMT cũng có khả năng là đúng câu phác thảo của cụ Nguyễn Du, vì như nhiều lần đã thấy – lúc phác thảo Cụ thường bám sát nguyên tác của TTTN. Hai chữ THỬ ĐÂU, với nghĩa như "thử sao", "thử xem sao" cũng ăn khớp với tinh thần "phỏng chừng", "không dứt khoát hẳn" vốn có trong truyện Tàu. Ngoài ra cũng cần nghĩ đến khả năng vốn là "Ba bốn trăm lạng bì đâu": chữ BÌ in thành chữ THỬ?

5. Cuối cùng là hai dị bản CHƯA DỄ và ĐÃ DỄ ở câu 836. Về ngữ pháp, CHƯA ngược hẳn với ĐÃ; nhưng CHƯA DỄ dùng trong một câu bình thường thì nghĩa cũng gần như tương đương với ĐÃ DỄ đặt trong một câu dùng nghi vấn để phủ định! Nghĩa không khác nhau, vậy vẫn xin theo bản gốc cổ để phục nguyên.

Trang 23A

1. Từ câu 841 đến câu 860, có 10 trường hợp bản DMT/1872 ăn khớp với đa số các bản khác. Đó là:

HOẶC CÓ ở câu 841

ĐẾN ĐÂY ở câu 843 (nhưng xin đính ngoa thành VẢ ĐÂY)[1]

THƯƠNG... TIẾC... ở câu 848

TIỆC XUÂN ở câu 849

CĂM ở câu 852

DƠ//NHƠ cũng ở câu 852

CẦM DAO ở câu 858

MỘT MÌNH ở câu 860

THÌ SAO cũng ở câu 860

Chúng tôi đề nghị cứ nên theo thế mà phục nguyên.

2. Trong 5 trường hợp bản DMT/1872 không đứng về phía đa số, trước hết nên bàn đến chữ NỌ trong câu 850:

Đuốc hoa để NỌ, MỘT nàng ngồi trơ

Theo ý chúng tôi chữ NỌ chắc là do chữ ĐÓ chép hay in nhầm mà thành,

---

[1] Bản DMT/1872 cho phép phỏng đoán chữ THẢ/VẢ bị nhầm thành ĐÁN/ĐẾN ở một bản sao xưa. Rồi sau các bản khác nhầm theo và ghi thành ĐIỂN/ĐẾN.

do tự dạng gần gũi (妬 > 奴). Vậy cần đính ngoa trước khi phục nguyên.

3. Trong câu này có hai chữ MỘT và NGỒI được TVKI và ADM tán thành, nhưng bị các bản khác thay bằng MẶC và NẰM. Rõ ràng MỘT NÀNG là đã diễn đạt đủ ý "để mặc nàng một mình"; lại ăn khớp với 3 chữ MỘT trước đó. Nhưng NẰM TRƠ và NGỒI TRƠ thì không thể cho là như nhau. Vậy trong nguyên tác vốn là thế nào? Truyện Tàu cho biết "tan cuộc mây mưa, Mã Quy gục đầu ngủ thẳng. Còn Thúy Kiều nước mắt đầm đìa... trằn trọc không sao ngủ được" rồi làm chín bài "gặp phải đứa vô loài". Còn truyện Nôm thì lại còn đem việc Kiều định tự tử đảo xuống, đặt luôn vào lúc này:

Giận duyên tủi phận bời bời

Cầm dao nàng đã toan bài quyên sinh

Rất có thể cụ Nguyễn Du không muốn để nhân vật Kiều NẰM TRƠ bên cạnh Mã Quy, mà cho nàng NGỒI TRƠ: để ăn khớp với các chi tiết "không sao ngủ được", "làm chín bài thơ", "cầm dao toan tự tử".

4. Ở câu 851, dị bản NỖI RIÊNG được 4, 5 bản chấp nhận, nhưng nó có 2 điểm không thể cho là hay:

Nói NỖI RIÊNG rồi tiếp thêm 4 chữ TẦM TÃ TUÔN MƯA thì không hợp bằng nói GIỌT RIÊNG.

Hơn nữa nó lại sẽ trùng lặp với 2 chữ NỖI ở câu sau:

Phần căm nỗi khách, phần dơ nỗi mình

Thiết nghĩ cứ nên phục nguyên GIỌT (hay DỘT với nghĩa là SẦU, RẦU RĨ) như ở bản DMT/1872. Bản gốc Huế của KOM cũng tán thành như vậy. Bản Huế LNP thì cũng đi đến một dị bản gần gũi: LỆ RIÊNG.

Cuối cùng là chữ CHỐN ở câu 853. Chữ này là chữ đời Gia Long tạm dùng để thay chữ GIỐNG của nguyên tác. Vậy phải gạt bỏ CHỐN để phục nguyên GIỐNG, như ở 8 bản còn lại.

Trang 23B

1. Ở trang này trường hợp phải cân nhắc không nhiều lắm: vì 10 trên 16 trường hợp đã hội đủ 2 tiêu chí cần thiết cho việc phục nguyên. Đó là:

RÚC CÒI ở câu 867

GIỤC GIẠO ở câu 868

PHÂN KÌ ở câu 869

BỀ//VỪA ở câu 871

MƯỜI DẶM cũng ở câu 871

GÁNH TIỆC ở câu 872

NGOÀI THÌ ở câu 873

MỘT NHÀ ở câu 874

NHÌN CÀNG LÃ CHÃ ở câu 875

LỠ LÀNG ở câu 879

2. Còn ở 6 câu cần cân nhắc thì như sau:

Ngay trong một câu 863 đã có 3 điểm khác nhau, tạo ra 4 dị bản:

1. Đánh liều âu hãy thả dần (2 bản: DMT, ADM)[1]

2. Trót liều âu phải giãn dần (1 bản: LNP)

3. Nỗi mình âu cũng giãn dần (5 bản LVĐ, TVK, TMĐ, QVĐ, VNB-60)

4. Đánh liều âu cũng giãn dần (1 bản: KOM)

Câu này nằm ở đoạn TTTN cho biết Kiều định tự tử, nhưng nghĩ lại, sợ liên lụy đến cha, nên quyết định hoãn lại, thư thả sẽ tính sau: "Thôi thôi ta cũng quyết liều một chết, nhưng hãy để im trong bụng theo hắn về nhà. Nếu không ổn thỏa, chừng ấy sẽ chết tại nhà hắn, như vậy sẽ không liên lụy đến cha ta, há chẳng ổn tiện hơn hay sao?".

Câu 1 ở bản DMT/1872 diễn đạt rất đúng nội dung đó.

Câu 2 dùng TRÓT LIỀU, ÂU PHẢI là chệch ý chính.

Câu 3 dùng NỖI MÌNH, ÂU CŨNG lại càng chệch[2]

Câu 4 dùng chữ CŨNG cũng không đúng ý.

Rõ ràng phải phục nguyên theo DMT.

3. Ở câu 864 chúng tôi cũng chủ trương phục nguyên LÀ THÔI. Về cú pháp LÀ THÔI có khác với MÀ THÔI.

4. Ở câu 877 Kiều bắt đầu nói:

VẢ sinh ra phận thơ đào

Chắc các bản thấy bắt đầu nói mà lại dùng chữ VẢ thường có nghĩa "mà lại", thì cho rằng không ổn, nên chữa thành HỔ! Thực ra chữ VẢ, theo HTC, còn có ý nghĩa là "vốn"; có từ điển lại thêm cả nghĩa là "nay". Như vậy câu hoàn toàn không có gì khó hiểu. Và chúng ta vẫn có thể phục nguyên chữ VẢ đó.

---

[1] Thả = buông (KTTĐ) = sẽ sẽ, khoan khoan; chậm chậm, từ từ (VBL).

[2] Cứ xem câu dịch của P.Schneider là thấy rõ.

5. Cuối cùng là chữ PHI ở câu 879 trong bản DMT. Đây là một chữ khắc sai: có thể đoán là chữ PHA bị nhầm mà thành. Sau khi đính ngoa xong, chúng ta sẽ có câu:

Lỡ làng NƯỚC ĐỤC PHA TRONG

NƯỚC ĐỤC PHA TRONG thì cũng có nghĩa "lẫn lộn trong đục" như dị bản NƯỚC ĐỤC BỤI TRONG mà đa số các bản chấp nhận. Vậy vẫn có thể phục nguyên được theo bản DMT.

Trang 24A

1. Trang này có 7 trường hợp hội đủ cả 2 tiêu chí:

KHI VỀ ở câu 883 LỠ LÀNG ở câu 885

VÀI TUẦN ở câu 893 RUỔI XE ở câu 894

CHÚT THÂN ở đầu câu 847 LIỄU YẾU ở giữa câu 897 (1)

TRẤT NHÀ ở câu 898

Trong 7 trường hợp này này cần lưu ý 3 điểm:

a. VÀI TUẦN ở bản DMT/1872 khắc nhầm thành VÀI CÂU. VÀI CÂU cũng có thể hiểu được, nhưng cân nhắc kỹ thì rõ ràng là VÀI TUẦN.

b. CHÚT THÂN khắc nhầm thành XÓT THÂN; đọc XÓT THÂN cũng có nghĩa, nhưng đọc CHÚT THÂN thì chắc đúng hơn.

c. TRẤT NHÀ cũng có người đọc thành RẤP//RỚP NHÀ, tuy chuyển âm cuối –t thành –p! TRẤT nghĩa là "bế tắc".

2. Gần với 7 trường hợp trên đây là trường hợp ở câu 884. Câu này có đến 3 dị bản nên đưa đến tình trạng phân tán, không có dị bản nào đạt đa số cần thiết (5/9). Nhưng nếu căn cứ tần số từng yếu tố thì hai chữ DÙI DẮNG cũng hội đủ 2 tiêu chí để phục nguyên như 7 trường hợp trên.

3. Có 4 trường hợp bản DMT/1872 không chiếm được đa số, nhưng dị bản của nó trên đại thể cũng tương đương như dị bản còn lại, vì vậy chúng tôi vẫn phục nguyên theo, để biểu thị tinh thần tôn trọng văn bản có nguồn gốc cổ. Đó là:

NGẮM ở câu 888 (so sánh với GẪM // NGẪM)

RẠCH TRỜI ở câu 892 (so sánh với VẠCH TRỜI)

---

(1) Vì đối với THƠ ĐÀO ở sau nên LIỄU YẾU đã được đảo lại thành YẾU LIỄU đây là một sự đính ngoa có mặt ở 2 bản gốc Huế. Nếu cụ Nguyễn Du có được hỏi thì chắc cụ cũng tán thành. Vậy nên theo, nhưng phải gắng chứng minh được điều đó.

BÌ BÌ // BỀ BỀ ở câu 895 (so sánh với TRÌ TRÌ // CHỀ CHỀ)

ÔNG LẠI NẰN NÌ ở câu 896 (so sánh với ÔNG ĐÃ NẰN NÌ)

4. Cuối cùng là trường hợp đặc biệt ở câu 898. Ở câu này bản LVĐ/1871 khắc chữ ⿰金義, bản TMĐ/1879 khắc chữ ⿰糸義 chúng tôi đoán là KÉ (thanh phù NGHĨA). Tính trong 7 bản còn lại thì chữ GIẤN đạt được đa số tương đối, lại có mặt ở bản DMT/1872. Vì vậy chúng tôi cũng đề nghị phục nguyên GIẤN trong câu: TRẤT nhà đến nỗi GIẤN vào tôi ngươi.

(*Chú thích:* trong bản DMT/1872 hai chữ TÔI NGƯƠI khắc nhầm, lại xếp theo trật tự ngược nên thành ĐÍCH TÔI: tất nhiên phải đính ngoa).

Trang 24B

1. Từ câu 901 đến câu 920 có cả thảy 11 chỗ có dị bản khác nhau. Nhưng ở trang này có một điều may: 9 trên 11 chỗ đó đều là những trường hợp có sự ăn khớp giữa bản DMT/1872 với đa số bản còn lại. Vì vậy có thể phục nguyên theo nguyên tắc đã đề ra:

GIÓ GIỤC ở câu 907

MÂY TẦN cũng ở câu 907 (1)

PHÂN TAY ở câu 909

NGÀY NGÀY ở câu 910

NÀNG THÌ ở đầu câu 911

CÕI KHÁCH ở giữa câu 911

VI LAU ở câu 913

RỪNG THU ở đầu câu 917

ĐẾN NƠI ở cuối câu 920

2. Như vậy chỉ còn hai trường hợp cần biện luận: trường hợp đầu là bốn dị bản ở câu 914. Vì có nhiều dị bản như thế nên không dị bản nào chiếm được đa số cần thiết (tức 5/9). Hai dị bản có đa số tương đối là SAY (ở 3 bản) và AI (cũng ở 3 bản). Dị bản SAY gần NGÂY (LNP), lại có mặt ở bản gốc DMT nên chúng tôi đề nghị phục nguyên theo dị bản này.

3. Ở câu 917 dị bản ÚA HỒNG có mặt ở bản DMT nhưng chỉ được thêm 3 bản nữa chấp nhận, trái lại dị bản CHEN HỒNG đạt được đa số 5/9. Thế

---

(1) Cũng như trường hợp LIỄU YẾU đảo thành YẾU LIỄU ở câu 897 trên đây, ở câu này 2 bản Huế cũng đổi kiến trúc câu: GIÓ GIỤC MÂY TẦN đổi thành GIÓ GIỤC MÂY VẦN. Chúng ta phục nguyên MÂY TẦN theo 2 tiêu chí, nhưng cũng nên phụ chú thêm cả MÂY VẦN.

là thiếu sự ăn khớp giữa 2 tiêu chí. Nghe qua hình như CHEN HỒNG hay hơn. Nhưng đã tả màu sắc thì nên chọn ÚA HỒNG để phục nguyên, vì thêm được một màu so với CHEN HỒNG: đó là màu ÚA, ngoài hai màu BIẾC và HỒNG – Hơn nữa chắc đây là dị bản vốn có từ đầu.

Trang 25A

1. Lại một trang có điều kiện thuận lợi: 13 trên 17 trường hợp bản DMT/1872 ăn khớp với đa số các bản còn lại. Sau đây là danh sách 13 trường hợp có thể phục nguyên đó:

LỚI LẢ ở câu 925

HAN CHÀO cũng ở câu 925

BÊN THÌ ở câu 927

BÊN THÌ ở câu 928

LÀNG CHƠI cũng ở câu 928

THÌ LẤY ở câu 932

HƯƠNG HÔM HOA SỚM ở câu 933

XẤU MẼ ở câu 934

CHO THƯA (với nghĩa KHIẾN CHO THƯA) cũng ở câu 934

TRƯỚC THẦN ở câu 936

ĐỔI HOA ở câu 937

BƯỚM ONG BAY LẠI ở câu 938

KIỀU CÒN ở câu 939

2. Trong bốn trường hợp còn lại, chúng ta thấy như sau:

a. Ở câu 930, đa số bản đều in "TRÊN TREO MỘT TƯỢNG". Chúng ta sẽ phục nguyên theo dị bản này vì ở phần I chúng ta đã chứng minh, đến thế hệ bản thảo thứ 3, chính nhà thơ đã tự chữa lại như thế, để phù hợp với tín ngưỡng dân gian.

b. Ở câu 937, riêng bản DMT/1872 in:

Đổi hoa lót DƯỚI chiếu nằm

Các bản khác đều nhuận sắc, chữa DƯỚI thành XUỐNG! Mới xét qua, nhuận sắc lại như thế thì nghe tự nhiên hơn. Nhưng lót khăn trải giường, lót nệm xuống chiếu thì được vì người sẽ nằm trên khăn, trên nệm. Hai bản 1875, 1884 thay ĐỔI HOA bằng NỆM HOA là vì vậy. Còn LÓT HOA thì nhất định phải lót DƯỚI CHIẾU, chứ không lẽ khách làng chơi "bay lại ầm

ầm tứ vi" mà bắt họ nằm trên hoa! Mà ngay cô kĩ nữ cũng vậy thôi, không lẽ bắt cô nằm trên hoa! Cho nên chúng tôi vẫn cho rằng bản DMT/1872 khắc chữ DƯỚI là đúng! Xem lại TTTN, chúng ta thấy đoạn này viết như sau: "Mỗi khi cửa hàng vắng khách thì các ả gái đĩ đến trước bàn thờ, cởi trần truồng hướng về bàn thờ DÂNG HOA. Khấn khứa... đoạn đem GIẤU VÀO ĐẦU GIƯỜNG". Đã nói GIẤU là không thể để trên chiếu, đầu giường, mà phải lót kín dưới chiếu! Vậy chắc khi diễn Nôm, cụ Nguyễn Du đã viết đúng như thế: LÓT DƯỚI CHIẾU NẰM.

c. Ở câu 929 có đến 5 dị bản, nên không dị bản nào đạt được đa số cần thiết (5/9). Hai dị bản đạt được đa số tương đối là HƯƠNG NẾN (ở 3 bản) và HƯƠNG LỬA (cũng ở 3 bản). Nói đến bàn thờ thì dùng HƯƠNG NẾN hợp hơn HƯƠNG LỬA. Hơn nữa dị bản HƯƠNG NẾN có mặt ở văn bản cổ. Vậy nên phục nguyên theo như thế.

d. Trường hợp cuối cùng là hai chữ LIỆU ĐẤT bản DMT/1872 khắc in ở câu 939. Rõ ràng đây là 2 chữ không dễ được người đọc tán thành như 2 chữ NGƠ NGẨN (ở 6 bản) hoặc 2 chữ BỠ NGỠ (ở 1 bản). Phải chăng trong câu:

Kiều còn LIỆU ĐẤT biết gì

động từ LIỆU dùng với ý nghĩa như ở LIỆU LỜI, LIỆU THẾ, LIỆU CHIỀU, LIỆU ĐƯỜNG? Còn ĐẤT là dùng để chỉ nơi mới đến, chưa thật am hiểu? Chúng ta tái lập NGƠ NGẨN theo đa số, nhưng dị bản DMT dẫu sao cũng là trường hợp cần cân nhắc. Cũng cần nghĩ đến khả năng có 2 chữ gì khác khắc nhầm mà thành.

Trang 25B

1. Có 7 trường hợp bản DMT/1872 ăn khớp với đa số các bản khác; đó là 7 trường hợp có thể phục nguyên ngay:

MUÔN NGHÌN ở câu 943

NHẠN VẨN ở câu 945

RA CŨNG ở câu 948

GIA ĐƯỜNG ở câu 949

VẮT NÓC ở câu 950

THÌ LAY ở câu 952

DÁM XIN ở câu 960

2. Trong 3 trường hợp không đạt đủ 2 tiêu chí, trước hết chúng ta hãy xét 2 dị bản ở câu 956: Sau 4 chữ NGÂY THƠ CHẲNG BIẾT, nên chọn

VỚI//MẤY DANH PHẬN GÌ hay chọn LÀ DANH PHẬN GÌ? Trong bản DMT/1872 chữ được khắc in là chữ MÃI. Chữ này có thể đọc Nôm là MỚI, MẤY, VỚI. Cách đọc VỚI hơi phù hợp, nhưng trong DMT/1872 VỚI thì thường dùng thanh phù BỐI (đếm có 45 trường hợp như vậy!). Cho nên cũng phải nghĩ đến khả năng chữ LÀ viết tắt 罕 khắc nhầm mà thành.

Tạm thời coi như bản DMT khắc sai, và phục nguyên LÀ theo đa số.

3. Ở câu 958, hai chữ CHUNG CHẠ được dùng ở 4 bản, 2 chữ SUỒNG SÃ có mặt ở 5 bản. Nhưng sự chênh lệch đó có thể coi như không đáng kể. Cứ nên phục nguyên CHUNG CHẠ vì trong thực tế Kiều đã thành thân với Mã Quy chứ không chỉ SUỒNG SÃ với nhau mà thôi. Và có nghe hai chữ CHUNG CHẠ thì Tú Bà mới nổi tam bành lên như thế! Hơn nữa CHUNG CHẠ là kết cấu có ở văn bản cổ.

4. Cuối cùng là trường hợp ở câu 960:

Dám xin... lại một lời cho mình

Bản DMT/1872 khắc thiếu chữ này. Căn cứ bản DMT/1879 VVK cho biết đó là chữ CHI (với nghĩa là "chưng"): trong cuốn Truyện Kiều; đối chiếu chữ Nôm – Quốc ngữ, ông đọc là GÌ, trong cuốn *Tìm nguyên tác Truyện Kiều* ông lại đọc là CHỈ! Dị bản thứ hai là chữ GỬI. Nếu phần bên trái chữ này bị mờ thì phần bên phải cũng có thể nhầm thành chữ CHI. Ngoài ra cũng cần nghĩ đến khả năng chữ LẶP 立 nhận nhầm thành chữ CHI. Vậy cuối cùng có thể có 3 khả năng:

Dám xin GÌ // CHỈ lại một lời cho minh

Dám xin GỬI lại một lời cho minh

Dám xin LẶP lại một lời cho minh

Hiện giờ 8 bản nhất trí đọc GỬI, tạm thời chúng ta phục nguyên theo, trong lúc nghiên cứu tiếp cách viết CHI của bản DMT/1879.

Trang 26A

1. Trong trang này có thể phục nguyên dễ dàng 7 trường hợp sau đây; vì hội đủ 2 tiêu chí:

CHỒNG MIN ở câu 964

BẢO ở câu 965

KIẾM LỜI ở câu 966

VÔ NGHĨA ở câu 967

BÁN CHO TA ở câu 971

NHẬP GIA ở câu 972

MÀ MÀY ở câu 974

2. Còn 6 trường hợp phải biện luận vì bản DMT bị thiểu số. Trước hết là chữ thứ 4 ở câu 964. Bản DMT/1872 khắc cả câu là: *Thôi đã cướp CỦA chồng min đi rồi*! Rõ ràng chữ CỦA không ổn! Chúng tôi đoán chữ SỐNG 𤯩 khắc nhầm thành chữ CỦA 貼 . Vậy phải đính ngoa và phục nguyên SỐNG làm cho bản DMT lại ăn khớp với đa số các bản khác.

3. Ở câu 965 có vấn đề nên chọn BẢO THÌ hay BẢO RẰNG? Dùng chữ THÌ cũng có nghĩa: BẢO THÌ như thế này mà LÀM THÌ như thế kia! Nhưng cũng có thể chữ THÌ là do chữ LÀ viết tắt khắc sai mà thành 罗 > 時 . Nhưng hiện không có văn bản nào có chữ LÀ mà chỉ có RẰNG ở trong 6 bản. Vậy phục nguyên thế nào? Chúng tôi tạm ghi LÀ, coi như một giả thuyết đưa ra để bạn đọc cân nhắc. Còn phục nguyên thì vẫn theo RẰNG của bên đa số.

4. Ở câu 967 bản DMT/1872 dùng VÔ NHÂN, 6 bản dùng BẤT NHÂN. Hai bên nghĩa gần như nhau. Chúng tôi cho rằng lặp 2 chữ VÔ như ở bản cổ là đúng hơn.

5. Trong 3 dị bản NÀY KIA, CON KIA, LÃO KIA ở câu 973 chắc LÃO KIA là dị bản đúng, CON KIA là sai, còn NÀY KIA là khắc nhầm: giữa LÃO 老 và NÀY 尼 tự dạng rất gần nhau! Vậy nên phục nguyên LÃO KIA.

6. Ở câu 974 còn 2 vấn đề. Trước hết là vấn đề chọn giữa 3 kết cấu: LẠI NGHE, ĐÀNH NGHE và ĐỪNG NGHE. Phải xét ngữ cảnh mới chọn đúng được. Trên kia chúng ta đã chọn MÀ MÀY thì ở đây chỉ có thể là LẠI NGHE hoặc ĐÀNH NGHE mà thôi. Còn giữa LẠI và ĐÀNH thì chúng tôi thiên về ĐÀNH, vì hai lẽ:

a. Đây là chữ có ở bản DMT.

b. Hơn nữa, về mặt ý nghĩa, Kiều ở tình thế bất đắc dĩ, phải nghe, vậy dùng ĐÀNH là đúng. Theo TĐTV (HP), ĐÀNH có nghĩa là "miễn cưỡng bằng lòng vì suy tính thấy không thể khác được". Và dùng ĐÀNH NGHE ở câu này là rất khớp với chữ CHỊU ở câu sau.

7. Còn vấn đề thứ hai là chọn động từ nào trong 4 động từ LOI, PHANG, VĂNG và MẮNG? Hai chữ có đa số tương đối là PHANG và VĂNG – VĂNG có mặt ở Bắc và ở Huế; PHANG có mặt ở Nam và ở Bắc. Như vậy kể ra chọn bên nào cũng được. Cuối cùng chúng tôi nghiêng về PHANG, vì đó là dị bản được bản cổ chấp nhận.

Trang 26B

1. Sự thống nhất giữa bản DMT/1872 và đa số các bản khác cho phép phục nguyên các trường hợp sau đây:

THÔI THÌ THÔI ở câu 981

TRÔNG MẶT ở câu 984

MỰC NÀY ở câu 985

NÀNG THÌ ở câu 989

XEM SÓC ở câu 992

DƯỜNG ĐÃ 2 chữ số 3, số 4 câu 994

ĐỨNG BÊN MỘT NÀNG cũng ở câu 994

RỈ RẰNG ở câu 995

MUỐN QUYẾT ở câu 998

HÃY XIN HẾT KIẾP LIỄU BỒ ở câu 999

2. Trong số các trường hợp đạt cả hai tiêu chí, cần để riêng trường hợp THUỐC THANG ở câu 992: kết cấu này không hiệp vần được với kết cấu TRẦN DUYÊN ở cuối câu sau. Vậy phải đính ngoa và phục nguyên là THUỐC MEN. Chắc ở khâu đọc nhầm THUỐC MEN đã chuyển thành THUỐC THANG.

3. Từ lặp NGÁY NGÁY//MÉT MÉT hay từ lặp CẬP CẬP//NGỢP NGỢP đều có thể chấp nhận được cả: khó nói bên nào hay hơn bên nào. Chúng tôi căn cứ vào bản DMT/1872 để phục nguyên. Nhưng cách viết ở bản DMT có thể cho là NGÁY NGÁY mà cũng có thể cho là MÉT MÉT, đề nghị cân nhắc thêm.

4. Ở câu 992, RƯỚC THẦY có mặt ở 5 bản, CHẠY THẦY có mặt ở 4 bản, sự chênh lệch không đáng kể lắm nếu xét mặt đa số, thiểu số. Chúng tôi nghiêng về CHẠY THẦY, vì CHẠY THẦY là lối nói tự nhiên hơn. Thêm vào đó ở vùng Nghệ Tĩnh hầu như ít ai dùng RƯỚC THẦY. Chắc bản DMT/1872 đã bảo lưu được từ ngữ của một bản thảo gốc Nghệ Tĩnh.

5. Kết cấu TRONG MÂY ở câu 994 chắc 6 bản đã in sai, vì mâu thuẫn với 4 chữ ĐỨNG BÊN MỘT NÀNG. 2 chữ MÂY và MÊ tự dạng gần nhau nên dễ xảy ra nhầm lẫn. Xin đính ngoa và phục nguyên là TRONG MÊ như ở bản DMT, LNP, KOM.

Trang 27A

1. Việc phục nguyên ở trang này gặp thuận lợi lớn: 13 trên 15 trường hợp đều đạt được đồng thời cả 2 tiêu chí. Có thể phục nguyên:

GIẤC MÊ ở câu 1002

GIEO LỜI ở đầu câu 1004

ĐANG NHỤY ở câu 1006

SAO NỠ ở câu 1008

TRÓT ĐÃ ở câu 1009

BUỒNG XUÂN ở đầu câu 1010

ĐỂ ĐỢI ở giữa câu 1010

THÌ CỦA và HÃY CÒN ở câu 1011

HAY GÌ ở câu 1014

VẢ SUY ở câu 1017

TÚC NHÂN ở đầu câu 1018

THÌ CŨNG cũng ở câu 1018

2. Tuy nhiên cũng có trường hợp hội đủ cả 2 tiêu chí mà phải gạt bỏ: đó là trường hợp ở câu 1020:

Làm chi THÌ CŨNG MỘT CHỒNG kiếp sau

Chúng tôi đã chứng minh được rằng 4 chữ THÌ CŨNG NỢ CHỒNG của nguyên tác đã bị chép và in sai thành THÌ CŨNG MỘT CHỒNG. Lý do: chữ NỢ viết tắt thành NỮ 女 và NỮ đã đọc rồi chép và in nhầm thành chữ MỘT viết tắt 殳. Từ cái sai ban đầu đó về sau 7 bản chép thành 2 chữ MỘT 没, CHỒNG 𫯳.

Vậy phải đính ngoa và phục nguyên lại như nguyên tác.

3. Có một trường hợp bản DMT/1872 bị thiếu số, mà vẫn phải phục nguyên như vậy: đó là 2 chữ ỎN THÓT ở câu 1004. Vì hai chữ này cổ, các bản đời sau không hiểu nên đã nhuận sắc khác đi.

4. Cuối cùng là 3 dị bản ở câu 1012: XỨNG ĐÁNG LÀM, XỨNG ĐÁNG LÀ, XỨNG ĐỂ LÀ. Đây là câu nói ý sẽ tìm nơi xứng đáng để gả Kiều về làm dâu nhà người ta. Vậy chỉ hai dị bản phù hợp: dị bản đầu và dị bản thứ 3. Căn cứ mạch văn, dị bản đầu hợp hơn cả: nhưng nó cũng chỉ có mặt ở 2 bản như dị bản 3. Mà dị bản 3 lại vốn được dùng ở bản DMT/1872: vậy tốt hơn cả vẫn là phục nguyên:

Tìm nơi XỨNG ĐỂ LÀ con cái nhà

"ĐỂ LÀ con cái nhà" có nghĩa là để làm dâu nhà người ta. Còn nếu nói "tìm nơi XỨNG ĐÁNG LÀ con cái nhà" thì mới chỉ có ý "tìm được người thanh niên tốt" chứ chưa rõ được ý gả chồng! (trừ trường hợp CON CÁI đã đổi thành CON GÁI, như ở các bản LVĐ, QVĐ).

Trang 27B

1. Trong trang này có 8 trường hợp bản DMT/1872 ăn khớp với đa số các bản khác. Vậy chúng ta cứ phục nguyên theo:

DỐI // ĐỔI LÒNG ở câu 1028

TRƯỚC LẦU ở câu 1033

VẾT//VỆT ở câu 1034

XA TRÔNG ở câu 1035

BỤI HỒNG ở câu 1036

NỬA..., NỬA ở câu 1038

RÀY TRÔNG ở câu 1040

Trong các câu này cần lưu ý mấy điểm:

a. Hai chữ DỐI, ĐỔI có khi viết như nhau, ví dụ ĐỔI ở VVK thì TVK lại đọc DỐI! Vả lại nếu Tú Bà nói DỐI lòng mình thì đối với Kiều, mụ lại ĐỔI lòng! Cho nên tạm thời coi như 2 biến thể chứ chưa phải 2 dị bản.

b. Ở TTTN rõ ràng là LẦU NGƯNG BÍCH. Phải chăng SAU chỉ là chữ LẦU viết nhầm? (vì tự dạng gần nhau). Nhưng khi thấy một Cụ uyên bác như Hoan Châu Tiểu Tô LNP cũng chép TRƯỚC SAU, chúng tôi nảy sinh ý nghĩ: phải chăng cụ Nguyễn Du muốn xóa một cái tên riêng không cần thiết, vì không gợi lên được gì nhiều trong óc người đọc, để thay bằng việc tả cảnh, làm cho người đọc thấy được nhiều hơn? Và một người như cụ LNP cũng phải tán thành! Do đó chúng tôi một mặt đề nghị phục nguyên TRƯỚC LẦU NGƯNG BÍCH, một mặt phụ chú TRƯỚC SAU... BIẾC.

2. Ở câu 1021 có 5 dị bản khác nhau, bản nào cũng dùng một từ ghép, đa số rất khó giải mã được một cách thật chắc chắn, và kết quả là không biết được dị bản nào vốn có mặt ở phác thảo của nhà thơ. Tạm thời chúng tôi xin phục nguyên như ở bản DMT/1872: TẨM NGẨM với ý nghĩa là "bộ lì lì, im lặng" (KTTĐ).

Cũng ở cuối câu này, có 3 dị bản: GÓT ĐẦU, CUỐI ĐẦU và một dị bản có 2 khả năng đọc: CÚI ĐẦU hoặc CUỐI ĐẦU. Dị bản thứ 3 có được hai ý nghĩa để lựa chọn, lại nằm ở văn bản cổ, vậy xin phục nguyên theo. Đọc thế nào, xin để giới nghiên cứu cân nhắc thêm, tạm thời chúng tôi ghi Quốc ngữ

là CUỐI ĐẦU để ăn khớp với hai dị bản kia.

3. Ở câu 1023, ĐƯỢC NHƯ bị khắc nhầm thành THÌ NHÀ ở bản DMT/1872. Đính ngoa xong thì bản DMT/1872 lại ăn khớp với tất cả các bản còn lại.

4. Ở câu 1025 một bản dùng LỆ KHI, một bản dùng E KHI, 7 bản dùng SỢ KHI. LỆ KHI là kết cấu cổ nên chúng tôi ngờ rằng nó vốn có ở nguyên tác: xin tái lập nó!

5. Cuối cùng ở câu 1035 có 2 dị bản nghĩa cũng hoàn toàn như nhau: BỐN BỀ và TỨ BỀ, chọn bên nào cũng được. Theo tiêu chí 2, chúng tôi phục nguyên BỐN BỀ. Nhưng nên điều tra thêm: có phải về sau, các vị ở Huế đã nhuận sắc BỐN BỀ thành TỨ BỀ? Khả năng đó có: vì ở truyện Kiều 18 lần dùng BỐN, ngay trước chữ BỀ cũng 5 lần dùng chữ BỐN, nếu không kể trường hợp này. Vả lại, ở nguyên tác có dùng BỐN thì các bản cả 3 miền mới nhất trí theo như vậy. Chẳng qua bản gốc DMT khi đi qua Huế, đã bị Huế hóa!

Trang 28A

1. Sự thống nhất giữa bản DMT/1872 với đa số các bản khác cho phép phục nguyên ở trang này 9 trường hợp như sau:

- GỘT RỬA ở câu 1042
- NỘI CỎ ở câu 1051
- MẶT DUỀNH ở câu 1053
- OM THÒM/SÒM ở câu 1054 (1)
- NGẬM NGÙI ở câu 1057
- RỦ BỨC ở câu 1057
- CÁCH LẦU ở câu 1058
- HÌNH DUNG ở câu 1060
- DỊU DÀNG ở câu 1060

2. Có một trường hợp cũng hội đủ 2 tiêu chí, nhưng chúng ta phải gạt bỏ: đó là hai chữ BỒNG LAI ở câu 1045. Lý do: nhớ nhầm điển tích SÂN LAI thành điển tích BỒNG LAI. Ở đây phải phục nguyên SÂN LAI mới hợp văn cảnh.

3. Câu 1048 cũng có vấn đề. Ở bản DMT/1872 câu đó được in là:

---

(1) Cũng nên nghĩ đến khả năng đọc là ÂM THẦM, như ở bản LNP/1870 do N.B. Triệu phiên âm.

Thuyền ai thoáng cánh gió buồm xa xa.

Bản ADM cũng in theo như vậy. Nhưng 7 bản còn lại in là:

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa

Bảy bản này bao gồm đủ các bản của cả 3 miền: Nam, Huế, Bắc. Vậy rất có khả năng là thời ở Huế nhà thơ đã tự nhuận sắc lại, làm cho câu thơ hay hơn. Vậy vừa phải phục nguyên như vậy vừa phải tìm thêm chứng cớ về việc tác giả đã tự chữa.

Trang 28B

1. Trang này là trang duy nhất bản DMT/1872 in 22 câu, vì ngoài 18 câu chung với nhiều bản, có 4 câu Nguyễn Du phác thảo, sau bị bạn bè ngoài Bắc thay bằng 6 câu. Bản DMT/1872 đã cho chúng ta cả hai dị bản.

Trong 22 câu này, trước hết xin phục nguyên 4 câu nhà thơ đã phác thảo (tiếp theo sau câu 1066, và trước câu 1073)

QUẾ TRONG TRĂNG HẠNH TRÊN MÂY
CÁT LẦM NỠ ĐỂ CHO ĐẦY DỌA HOA
TIẾC ĐIỀU NHẦM CHẲNG BIẾT TA
VẾ CHÂU VỚT NGỌC DỄ ĐÀ NHƯ CHƠI

2. Trong 18 câu còn lại thì căn cứ sự hội đủ 2 tiêu chí có thể phục nguyên:

- CŨNG MẠCH ở câu 1061
- ĐEO ĐAI ở câu 1064
- GIÃ GIÀY ở câu 1068
- BẤY HOA cũng ở câu 1068
- SONG THU ở câu 1073

3. Câu 1064 mở đầu bằng 4 chữ TRÔNG CHÀNG, NÀNG CŨNG. Bốn chữ này cũng hội đủ 2 tiêu chí, nhưng chúng tôi vẫn gạt ra khi phục nguyên. Ở phần I chúng tôi đã chứng minh rằng về sau nhà thơ đã tự chữa lại thành trật tự TRÔNG NÀNG, CHÀNG CŨNG để bênh vực Kiều và vạch trần Sở Khanh. Vậy nay phải phục nguyên theo trình tự mà nhà thơ đã tự nhuận sắc lại.

4. ÔI THAN ở câu 1065 chắc chỉ là hai chữ THAN ÔI bị đảo nhầm trật tự khi chép hoặc khi khắc. Chuyện đảo nhầm trật tự này không hiếm, ở bản DMT/1872 cũng như ở nhiều bản khác. Vậy phải phục nguyên THAN ÔI.

5. Trong 6 câu mà bạn bè chữa lại, cần lưu ý hai điểm:

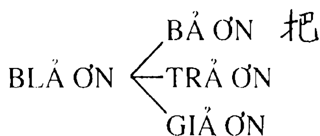
a. Điểm đầu là cân nhắc giữa 4 kết cấu: NỔI GAN, SỐT GAN, TỨC GAN và NỔI CƠN. Không dị bản nào đạt đa số 5/9. Có thể coi chữ CƠN là chữ GAN khắc thiếu bộ NHỤC, và phục nguyên NỔI GAN, vì bây giờ đã hội đủ 2 tiêu chí. Nhưng vẫn cần xét tiếp khả năng NỔI CƠN GIẬN, vì khả năng này cũng có cái độc đáo của nó.

b. Điều thứ hai là đính ngoa TRỜI HOA thành TRỜI GIÀ rồi phục nguyên. Phải đính ngoa vì không lẽ nhà thơ lặp 2 lần chữ HOA trong khi gieo vần!

6. Còn lại trường hợp cuối cùng ở câu 1076. Xét trên mặt chữ chúng ta hiện có 4 dị bản: BƠ VƠ, CHƠ VƠ//TRƠ VƠ, GIƠ VƠ và NHƠ VƠ. Chúng tôi có mấy ý nghĩ như sau:

- NHƠ có thể là GIƠ viết nhầm mà thành.

- Còn giữa BƠ VƠ, CHƠ VƠ // TRƠ VƠ và GIƠ VƠ thì có quan hệ lịch sử kiểu như:



- Còn từ TRƠ VƠ chuyển thành CHƠ VƠ thì cũng có quy luật và có nhiều tiền lệ.

Chứng cớ là trong HTC có cả BƠ VƠ, CHƠ VƠ nghĩa gần như nhau, và ngay chữ TRƠ cũng được giải nghĩa là BƠ VƠ. Vậy xưa không phải là những từ ngữ khác nhau mà chỉ là những biến thể phát âm và văn tự của cùng một kết cấu. Có thể căn cứ biến thể thông dụng nhất để phục nguyên: BƠ VƠ.

Trang 29A

1. Từ câu 1079 đến câu 1098 có 8 trường hợp bản DMT/1872 ăn khớp với đa số các bản khác. Đó là 8 trường hợp có thể phục nguyên theo 2 tiêu chí đã đề ra.

- MỘT HAI LỜI ở câu 1079

- TIỆN HỒNG ở câu 1084

- ĐẾN NƠI ở câu 1086

- GIÁ TRÀ MI ở câu 1092

- TRĂNG NỬA VÀNH cũng ở câu 1092

- LÊN VÀO ở câu 1094

- XÓT THÂN ở câu 1097

- LẠC ĐƯỜNG ở câu 1098

Tuy nhiên cũng có vài chỗ cần nói rõ thêm:

a. NỬA MÀNH có thể đọc NỬA VÀNH vì ghi bằng một chữ có thể đọc 2 cách (xem TVK). Quan hệ M/V có trong thực tế: nhiều chữ Hán Việt đọc V, Nôm đọc M (VẠN - MUÔN, VỤ - MÙA, VỊ - MÙI v.v.). Trong tiếng thuần Việt cũng vậy: VỜI - MỜI; cây LỘC VỪNG - LỘC MƯNG (ở Nghệ An), VỤN - MỤN (ở Huế), MÓNG TAY - VÓNG TAY (ở Huế), CẦU VỒNG - CÁI MỐNG v.v.

b. CHÚT và XÓT tự dạng có thể gần nhau. Cần xét: XÓT THÂN có phải do CHÚT THÂN in nhầm không?

c. Ở Huế ĐÀN đọc như ĐÀNG: vậy bản gốc Huế KOM dùng chữ ghi LẠC ĐÀN với nghĩa gì: LẠC ĐÀN? Hay LẠC ĐÀNG?

2. Theo ý chúng tôi đoạn này cụ Nguyễn Du chữa nhiều. Như đã nói ở phần I, lúc đầu Cụ phác thảo theo sát TTTN. Vì TTTN để Kiều coi Sở Khanh như người cứu mạng, đằng hắng làm hiệu cho Sở Khanh leo thang vào, mừng rỡ, sụp lạy, phó thác vận mệnh mình cho Sở Khanh, cho Sở Khanh ăn nằm v.v. nên Cụ mới cho Sở Khanh BƯỚC VÀO, cho Kiều LẠY, tự hạ mình xưng là BÈO BỌT CHÚT THÂN, tuy có ngại ngần nhưng cũng chấp nhận ĐÀNH LIỀU NHẮN MỘT HAI LỜI... Nhưng với thiên hướng bênh vực Kiều, vạch trần Sở Khanh, dần dần Cụ chữa lại:

- Thay vì mời Sở Khanh BƯỚC VÀO, Cụ viết:

Đẩy song đã thấy Sở Khanh LẺN VÀO

- Thay vì tỏ thái độ mừng rỡ, Cụ viết:

SƯỢNG SÙNG DÁNH DẠN ra chào

Và như đã nói, đến khi vào làm quan ở Huế, Cụ còn chữa nốt TRÔNG CHÀNG, NÀNG CŨNG thành TRÔNG NÀNG, CHÀNG CŨNG. Quá trình kéo dài, khi Cụ chữa điểm này, khi Cụ thay điểm nọ nên các bản sao vào những thời kỳ khác nhau có thể sinh ra khác nhau: bản thì chép theo dị bản cũ, bản thì đã tiếp thu được cái mới.

Với tình hình thực tế như trên, chúng tôi chủ trương:

- Tái lập XÓT, ĐƯỜNG, song vẫn ghi thêm hai trường hợp CHÚT THÂN và LẠC ĐÀN để bạn đọc rộng đường lựa chọn.

- Mạnh dạn phục nguyên ĐOẠN THÔI thay vì LẠY THÔI ở câu 1096; phục nguyên BÈO NƯỚC thay vì BÈO BỌT ở câu 1097, phục nguyên ĐÁNH LIỀU thay vì ĐÀNH LIỀU ở câu 1079.

Đề nghị thế là cốt tôn trọng sự tự nhuận sắc của tác giả. Mà đề nghị thế cũng là tôn trọng đồng thời cả bản gốc cổ của DMT.

3. Cuối cùng trong trang này cũng còn 2 điểm cần phải nói rõ lý do phục nguyên:

a. Ở câu 1083 chúng tôi phục nguyên HÔM DAO vì đó là từ ngữ cổ, chắc có ở nguyên tác. Chỉ bản DMT/1872 là còn giữ được từ ngữ cổ đó.

b. Ở câu 1098 chúng tôi phục nguyên YẾN ANH theo đa số. Nhưng kỳ thực là cũng theo cả bản DMT/1872, vì OANH ở Nam Bộ chỉ là cách ghi của ANH (cũng như XUYÊN là cách ghi của XIÊN ở câu 1701, hay KHỦNG KHUYỂN là cách ghi của KHỦNG KHIỂN, ở câu 1734).

Trang 29B

1. Công tác phục nguyên trong trang này cũng gặp được khá nhiều thuận lợi: 8 trên 11 trường hợp có sự ăn khớp giữa bản DMT/1872 và đa số các bản khác.

Có thể căn cứ theo 2 tiêu chí đó mà phục nguyên theo:

- THẤM THÍA ở câu 1101
- BỂ TRẦM LUÂN ở câu 1104
- LẤP CHO BẰNG cũng ở câu 1104
- MỘT BÀI ở câu 1106
- LẠI HƠN ở cuối câu 1110
- QUÁ TRỚN ở câu 1114
- ĐƯỢC THÂN cũng ở câu 1114
- DƯỚI LẦU ở câu 1117 (< XUỐNG LẦU?)

Trong 8 trường hợp trên dây cũng có 2 trường hợp cần nói rõ:

a. Ở câu 1114, sau chữ QUÁ, 5 bản in chữ ĐIỂN/ĐẾN (LVĐ/1872, QVĐ/1879, TMĐ/1879, VNB-60 và ADM); 2 bản chép chữ ĐẤT (LNP, TVKI), một bản chép chữ ĐÁN (DMT/1872) - Bản KOM chữa thành chữ ĐỖI.

Theo ý chúng tôi, đa số bản đều ghi chữ TRỚN viết theo lối cổ: quan hệ Đ/TR đã có nhiều tiền lệ, và đúng theo quy tắc ngữ âm lịch sử, quan hệ AN, IÊN/ƠN cũng vậy. Có thể minh họa: Maiorica dùng ĐÁN ghi TRÁN, dùng ĐẠN ghi TRỢN; dùng ĐÁN ghi ĐỚN; *Bảng tra chữ Nôm miền Nam* (VVK) dùng ĐẢO ghi TRÁO, dùng ĐIẾU ghi TRÉO; dùng thanh phù VIÊN ghi VỜN, dùng thanh phù DIỄN ghi GIỠN; Trần Văn Kiệm dùng ĐỘN ghi

TRỘN, dùng thanh phù KIỆN ghi CỢN v.v.

b. Ở câu 1117 tám bản ghi:

Cùng nhau lén/lén bước DƯỚI LẦU

duy KOM đổi thành XUỐNG LẦU, nghe hợp hơn. Nhưng DƯỚI LẦU cũng có nghĩa, cũng đúng ngữ pháp. Rất có thể xưa nhà thơ viết theo cấu trúc "XÍCH (quai xước) + HẠ", chữ đó đọc cả DƯỚI cả XUỐNG (xem VVK trang 27, 53), nên sau sinh ra 2 cách hiểu. Xin tái lập XUỐNG với chú thích "thường in DƯỚI".

2. Trong số 3 trường hợp bản DMT/1872 bị thiểu số, chúng tôi thấy như sau:

a. Ở câu 1109 bản DMT in LÉN KHẼ (hoặc LÉN//LẺN VÚT), đa số các bản in LÉN BƯỚC. Nhưng sau đó 7 câu lại có LÉN BƯỚC, không lẽ nhà thơ tự lặp lại như vậy? Do đó chúng tôi vẫn phục nguyên theo DMT.

b. Ở câu 1110 chúng tôi phục nguyên CHƯỚC GÌ theo đa số. Ở bản DMT in CHƯỚC NÀO là sai vì không hiệp vần với KIỆN NHI, RA ĐI ở 2 câu trước được.

c. Cuối cùng là sự chọn lựa giữa 4 dị bản GIEO CHÂN//RẢO CHÂN - SẨY CHÂN - DỜI CHÂN - ĐƯA CHÂN. Kết cấu SẨY CHÂN thì rõ ràng không hợp. DỜI CHÂN vừa có mặt ở 5 bản, vừa chắc là do chính hai chữ ĐƯA CHÂN in nhầm mà thành: do đó cuối cùng chúng tôi tái lập ĐƯA CHÂN, tuy có phụ chú GIEO CHÂN theo bản DMT.

Trang 30A

1. Trong trang này bản DMT/1872 chỉ bị thiểu số ở một trường hợp: ở câu 1119. Bốn bản chọn KHẮC LẬU, 3 bản chọn KHẮC MÃN, duy bản DMT/1872 chọn KHẮC VỢI. Theo ý chúng tôi KHẮC VỢI rất hay, chắc đúng là của cụ Nguyễn Du. Không phải ngẫu nhiên mà bản KOM cũng in theo. Xin tái lập KHẮC VỢI.

2. Trong 12 trường hợp còn lại, chúng ta đều có sự ăn khớp giữa 2 tiêu chí, vậy có thể phục nguyên một cách yên tâm:

- TRÚT LÁ ở câu 1120
- CỎ LỢT ở câu 1121
- MÙI (= Màu) SƯƠNG cũng ở câu 1121
- XAO XÁC ở câu 1123
- LỐI NÀO ở câu 1126
- KHÔN BIẾT ở câu 1127

- THẬT ở câu 1129

- MỘT ĐOÀN ở đầu câu 1131

- ĐỔ ĐẾN ở giữa câu 1131

- ĐẾN NƠI ở câu 1133

- ĐANG TAY ở câu 1136

3. Duy chỉ trường hợp DƯỚI ĐẤT... TRÊN TRỜI ở câu 1132 là cần biện luận. Xét 2 tiêu chí (có ở bản DMT/1872 và đạt đa số 5/9) thì phải chấp nhận như vậy. Nhưng xét mặt ý nghĩa thì phải XUỐNG ĐẤT... LÊN TRỜI mới hợp. Vậy có nên coi đây như một trường hợp chép sai, in sai? Tạm thời chúng tôi đoán là xưa viết XUỐNG, LÊN, nhưng hai chữ Nôm đó bị nhận diện nhầm thành DƯỚI, TRÊN. Có những cách viết cho phép đọc 2 cách như thế, xin xem lại ví dụ ở trang trước, về câu 1117.

Trang 30B

1. Danh sách những trường hợp hội đủ 2 tiêu chí ở trang này:

- CẤT ĐẦU ở câu 1140

- THÌ THÔI ở câu 1144

- TỪ SAU ở giữa câu 1148

- CŨNG CHỪA ở cuối câu 1148

- GẠN GÙNG ở câu 1154 (hay ở DMT là ĐÓN RÀO?)

- HỞ Ý ở câu 1156

2. Nhưng cũng có hai trường hợp hội đủ 2 tiêu chí, nhưng phải cân nhắc; đó là:

a. NÚI ĐỔ ở câu 1140. Xét văn cảnh, ở đây NÚI ĐỔ không ăn khớp. Chắc là THỊT ĐỔ khắc nhầm mà thành. Chắc viết chữ THIẾT hoặc chữ THIỆT ở trên bộ NHỤC nên sau mới nhầm thành NÚI. Xin đính ngoa rồi tái lập.

b. Hai chữ ĐÂY ĐÂU ở câu 1146 cũng vậy. Kể ra dùng ĐÂY ĐÂU thì cũng có nghĩa, cũng hiểu được. Nhưng vì câu đặt theo thế tiểu đối, nên dùng ĐỂ ĐÂU thì chọi với ĐÀNH VẬY ở trước một cách ưng ý hơn. Vả lại về mặt ý nghĩa, dùng ĐỂ ĐÂU đạt hơn. Tự dạng ĐỂ và ĐÂY khá gần nhau, nên dễ nhầm lẫn. Tóm lại nên phục nguyên sau khi đính ngoa.

3. Hai câu 1141, 1148 đều động đến cách đọc CHÚT hay XÓT//TRÓT. Ba bản LNP, TVKI, KOM nhất trí dùng CHÚT ở cả hai câu; bản DMT dùng TRÓT//XÓT ở câu 1141, và dùng CHÚT ở câu 1148; các bản còn lại dùng

CHÚT ở câu 1141 và dùng XÓT ở câu 1148. Có 2 khả năng:

- Cụ Nguyễn Du không muốn để Kiều tự hạ mình quá nên đổi CHÚT thành TRÓT ở câu 1141. Miền Bắc nghe tin ấy cũng chữa lại, nhưng chữa CHÚT thành XÓT ở câu 1148, đồng thời chữa TỪ SAU CŨNG CHỪA thành TỪ LÂU ĐẾN GIỜ.

- Hoặc cả bản DMT, cả các bản miền Bắc đều chép nhầm CHÚT thành TRÓT//XÓT.

Chúng tôi thiên về khả năng đầu nhưng chưa đủ cơ sở để chứng minh. Vì vậy xin tạm phục nguyên CHÚT ở cả hai câu, coi như phục nguyên theo phác thảo đầu tiên của nhà thơ.

3. Ở câu 1143 bản DMT dùng SỐNG THÁC và được 3 bản theo; 5 bản còn lại dùng SỐNG CHẾT. Về nội dung, không có sự khác nhau gì đáng kể giữa 2 dị bản, vì vậy chúng tôi đề nghị cứ nên phục nguyên SỐNG THÁC, theo bản có nguồn gốc cổ.

4. Cuối cùng là trường hợp bản DMT/1872 rơi vào hoàn cảnh bị cô lập, nhưng chúng tôi vẫn phục nguyên theo: đó là trường hợp chủ trương lặp lại chữ BẮT ở câu 1150. Tuy trong thực tế sự khác nhau sẽ không có gì lớn lắm, nhưng bỏ chữ LÀM, chia câu thành 2 vế, mỗi vế mở đầu bằng một chữ BẮT thì nghe hay hơn nhiều: điều kiện Tú Bà trở thành nghiệt ngã hơn hẳn: *BẮT người bảo lãnh, BẮT tờ cung chiêu.*

Trang 31A

1. Những trường hợp sau đây có thể phục nguyên được, vì hội đủ 2 tiêu chí đã đề ra:

- BẠC TÌNH ở câu 1159
- LẬP SẴN ở câu 1161
- CÓ BA DĂM LẠNG ở câu 1163 (DĂM//LĂM > TRĂM)
- CHI CÓ ở câu 1164
- CHUYỆN NÀY cũng ở câu 1164
- TRÒ KIA cuối câu 1164
- BỚT LỜI KÊU: chữ thứ 3 câu 1166
- CHỚ RẦY CHI: chữ thứ 5, thứ 6 câu 1166
- MÀ ĐỜI cuối câu 1166 (<MỊ ĐỜI = THIỆT ĐỜI)
- DỌ//DÒ đầu câu 1172
- RẰNG CÓ cũng ở câu 1172

- CÓ BIẾT ở câu 1174

- THÌ THÔI ở câu 1175

- BƯỚC VÀO ở câu 1178

Trong việc phục nguyên trên đây, xin nói rõ đôi điểm:

a. Ở câu 1163 các bản đều in BA TRĂM LẠNG: đó là con số vô lý. Bản KOM đổi thành BA MƯƠI theo TTTN, chữ TRĂM và MƯƠI tự dạng rất khác nhau, không thể nhầm từ chữ này thành chữ kia. Chúng tôi đã có bài chứng minh rằng cụ Nguyễn Du muốn đổi con số 30 lạng của TTTN thành một con số ước chừng, nhỏ hơn là DĂM BA hoặc BA DĂM. Nhưng vì viết chữ DĂM như LĂM 𠄻 nên sau in nhầm thành TRĂM 𤾓 .

b. MÀ ĐỜI ở câu 1166, TĐTK (ĐDA) giải thích là "mà đi đời, mà khổ". Có bản đổi thành DẠI ĐỜI, NƯỚC ĐỜI, THIỆT ĐỜI, nhưng tự dạng quá khác chữ MÀ. Chúng tôi đoán xưa dùng từ Hán Việt 靡 có thể đọc là MI, MỊ, với nghĩa là "phá hỏng", "làm suy hại", chữ này dễ nhầm thành MÀ 麻 - Cũng có thể căn cứ KOM, không đọc theo âm MỊ ĐỜI, mà đọc theo nghĩa nên thành THIỆT ĐỜI.

2. Ở câu 1168, không có dị bản nào đạt đa số 5/9. Chúng tôi phục nguyên theo DMT/1872:

Có đâu mà lại CÓ NGƯỜI hiểm sâu

3. Ở câu 1176 bản DMT/1872 khắc LA TRỜI. Chúng tôi đoán 2 khả năng:

a. Hoặc chữ LA viết tắt (囉) là do chữ VÂNG (𠳐) chép và khắc nhầm mà thành. Cũng vậy, TRỜI vốn đọc LỜI (như ở CHÚA LỜI!).

b. Hoặc cụ Nguyễn Du diễn Nôm theo sát TTTN, dùng đúng hai chữ LA TRỜI. Vì trong truyện Tàu, TTTN cho biết sau khi Thúy Kiều nói mỉa:

"Anh nói không thì là không chứ sao!"

Sở Khanh đã tát Kiều và Kiều lăn ra giãy giụa, kêu ầm lên, tố cáo các thủ đoạn của họ Sở rồi đòi:

"Trời cao chứng giám, mày có dám thề không"... "mày nói không đưa tao đi trốn thì mày vào đây, tao thề cho mày xem!".

Cụ Nguyễn Du viết:

Rằng không thì cũng LA TRỜI rằng không

là để cho thấy Kiều vẫn mỉa mai, nhưng mỉa mai một cách công khai, ầm ĩ, xung quanh ai cũng nghe, theo tinh thần như TTTN.

Tạm thời chúng tôi chọn VÂNG LỜI nhưng gợi cả hai khả năng để bạn đọc và giới nghiên cứu cân nhắc chọn lựa.

Trang 31B

1. Nếu không kể trường hợp câu 1186 có 3 dị bản khác hẳn nhau gần như toàn bộ (chỉ trừ 2 chữ cuối) thì trong trang này chỉ có 8 trường hợp khác nhau ở một hai chữ. 7 trong 8 trường hợp này bản DMT/1872 ăn khớp với đa số các bản khác. Xin xem:

- ĐEM NGƯỜI ở câu 1181
- DẨY XUỐNG cũng ở câu 1181
- GIẾNG THƠI cuối câu 1181
- LỜI NGAY đầu câu 1185
- DƠ TUỒNG ở câu 1188
- BUỒNG RIÊNG ở câu 1189
- VỠ RỒI ở câu 1197

Thiết nghĩ 7 trường hợp này cứ nên phục nguyên như vậy cả, vì hội đủ cả hai tiêu chí 1, 2.

2. Một trường hợp duy nhất bản DMT/1872 bị thiểu số. Đó là câu:

PHỤ TÌNH án đã rõ ràng.

Bản DMT/1872 khắc PHỤ TÌNH thành RIÊNG TÌNH. Chúng tôi ngờ rằng có một lỗi in ấn. Tuy trong câu này chữ RIÊNG viết đầy đủ cả nghĩa phù, cả thanh phù, nhưng lắm khi bản DMT/1872 viết tắt chữ RIÊNG, chỉ dùng thanh phù TRINH: xin xem ở 2 câu 711, 718 trong trang 19B trước đây chẳng hạn. Mà chữ RIÊNG viết tắt thành TRINH như vậy thì rất gần chữ PHỤ. Vậy có thể là PHỤ TÌNH đã bị đọc nhầm thành RIÊNG TÌNH (tưởng RIÊNG viết tắt) rồi lại chép ra thành chữ RIÊNG đầy đủ các nét. Với sự suy luận như vậy, chúng tôi xin đính ngoa, và phục nguyên PHỤ TÌNH theo đa số.

3. Riêng câu 1186 đã nói trên, chắc vào Huế cụ Nguyễn Du đã nhuận sắc lại để vạch trần Sở Khanh mạnh mẽ hơn nữa, vì Cụ vốn bênh Kiều mà ghét Sở.

Ai ai cũng gớm mặt người vô lương

Chữ GỚM mạnh hơn hai chữ CHÊ, CƯỜI trong thế hệ phác thảo cũ. Còn ở Bắc thì vẫn in theo thế hệ bản thảo chưa nhuận sắc lại.

Trang 32A

1. Có thể căn cứ hai tiêu chí "có ở bản DMT" và "có ở đa số bản" để phục nguyên các trường hợp dưới đây:

- THÌ CŨNG ở câu 1204

- NGƯỜI TA ở đầu câu 1206

- KHÓE HẠNH ở câu 1213

- KHI.... cũng ở câu 1213 (phải đính ngoa NGHE thành KHÓE ở DMT)

- CƯỜI CỢT HOA ở câu 1214

- NGHỀ NGHIỆP TRONG... ở câu 1215

- NGƯỜI SOI ở câu 1216

2. Nhưng có 5 trường hợp bản DMT/1872 bị thiểu số, phải cân nhắc. Trước hết là ở câu 1200: Ở câu này bản DMTkhắc chữ SÍNH//SÁNH trong lúc đa số in chữ GHÉ (GHÉ LẠI hoặc GHÉ ĐẾN). SÍNH là tiếng Hán Việt có nghĩa là "mời", "hỏi thăm". SÁNH là tiếng Nôm với nghĩa là "sát bên nhau", ví dụ ở SÁNH BƯỚC, SÁNH VAI (theo Trần Văn Kiệm). So với GHÉ LẠI, GHÉ ĐẾN thì có vẻ SÁNH LẠI dùng chính xác hơn: ở trong cùng một cửa hàng, sao Tú Bà lại "GHÉ LẠI"; mụ ta chỉ có thể "đến sát bên nhau" để tỉ tê dặn dò! Vậy có lẽ cứ nên phục nguyên theo bản DMT/1872, với phụ chú về khả năng hai chữ SÁNH 竝聘 và GHÉ 跬寄 có thể bị nhận diện nhầm, trông chữ này thành chữ kia.

3. Ở hai câu 1201, 1202 bản DMT/1872 cho in:

Nghề chơi cũng lắm công phu

CON NGƯỜI ta phải biết cho đủ điều

chứ không in LÀNG CHƠI TA PHẢI như ở đa số các bản khác. Theo ý chúng tôi, Kiều đang bắt đầu "nhập môn". Tú Bà nói LÀNG CHƠI TA thì có thể gây cho Kiều mặc cảm, đâm suy nghĩ, không chú ý nghe mụ! Nói chung chung CON NGƯỜI TA PHẢI thì có lẽ tránh được điều đó, và lôi cuốn được Kiều hơn. Vậy cũng xin phục nguyên như ở bản DMT/1872.

4. Ở câu 1203 giữa MƯA GIÓ và MÂY GIÓ thì chắc MÂY GIÓ in sai, một bản sai rồi nhiều bản khác sai theo. Và sai là do - như đã có lần nói - hai chữ MƯA và MÂY xưa có khi viết như nhau: xin xem MÂY ở trang 41 và MƯA ở trang 42 của VVK (Bảng tra chữ Nôm miền Nam) hoặc xem chữ MÂY, chữ MƯA ở hai trang 50, 53 của Maiorica (Bảng tra chữ Nôm thế kỷ 17).

5. Giữa AI CÓ TIỀN HOÀI ĐẾN ĐÂY và AI MẤT TIỀN HOÀI ĐẾN ĐÂY: khi viết tắt chữ MẤT (末 , 末) có thể nhầm thành CÓ (古 , 古) (xin xem Maiorica). Vậy tuy CÓ vẫn có nghĩa, nhưng cứ đính ngoa rồi phục nguyên là MẤT.

6. Cân nhắc giữa CHIỀU HỒNG và VẺ HỒNG của câu 1218: vì hai bên

nghĩa gần như nhau, nên chúng tôi vẫn phục nguyên theo tiêu chí tôn trọng "bản gốc cổ của DMT".

7. Đến đây cũng xin nói thêm: Ở trang này có một câu khác nhau hoàn toàn: câu A có mặt ở 8 bản, câu B chỉ có mặt ở bản LNP/1870. Câu A hội đủ cả hai tiêu chí nên chúng tôi phục nguyên lại đúng cả câu như thế.

8. Và cuối cùng là hai câu 1217, 1218: hai câu này dị bản LNP/1870 lược bỏ, nên chỉ có mặt ở 8 bản. Do đó dị bản GÓT có mặt ở 4 bản, dị bản CÚI//CUỐI cũng có mặt ở 4 bản, không bên nào đạt đa số 5/9. Chúng tôi phục nguyên dị bản có ở DMT/1872; dị bản đó là một chữ có hai khả năng đọc: nếu đọc CUỐI ĐẦU thì nội dung cơ bản giống như dị bản GÓT ĐẦU; còn nếu đọc CÚI ĐẦU thì cũng rất có lý! Đề nghị bạn đọc và giới nghiên cứu xét xem nên chọn cách đọc nào. Tạm thời chúng tôi ghi CUỐI ĐẦU để gần với GÓT ĐẦU các bản khác.

Trang 32B

1. Chúng ta hãy mở đầu trang này bằng câu 1221, vì có 2 vấn đề:

a. Trước hết là vấn đề chọn PHÒNG hay BUỒNG. 7 bản ghi BUỒNG thì không thể đọc PHÒNG. Nhưng hai bản ghi PHÒNG thì có thể đọc được cả BUỒNG (người ta thường nói đó là đọc theo nghĩa, nhưng kỳ thực đó là đọc theo âm cổ Hán Việt). Vậy phục nguyên cách đọc BUỒNG thì vừa hợp với cả đa số, hợp với cả bản DMT/1872.

b. Ngoài ra ở đầu câu này cũng có một trường hợp tương tự: KOM ghi chữ 㤕 và chỉ đọc được XÓT, còn các bản khác thì đều ghi với thanh phù TỐT: đây là một chữ có thể đọc XÓT (như ở TVK, LNP và ADM) mà cũng có thể đọc TỦI (như ở N.Q.Tuân). Chúng tôi dự định phục nguyên chữ có thanh phù TỐT (như ở bản DMT/1872) để có 2 khả năng đọc, tạo điều kiện cho giới nghiên cứu sau này rộng đường chọn lựa.

2. Ở 7 trường hợp sau đây thì có sự ăn khớp giữa bản DMT/1872 với đa số các bản khác, nên có thể cứ theo đó mà phục nguyên:

- VỠ LÒNG ở câu 1222
- HỌC LẤY cũng ở câu 1222
- KIẾP NGƯỜI ở câu 1224
- THÌ THÔI cũng ở câu 1224
- BƯỚM LẢ ở câu 1229
- ONG LƠI cũng ở câu 1229
- và TRƯỜNG KHANH ở câu 1232

3. Riêng ở câu 1230 lại có chuyện tự dạng và cách đọc. Hai bản LNP, KOM dùng chữ 𢯰 và đọc SUỐT; 7 bản còn lại lại chọn chữ 卒 : chữ này có người đọc TRÓT (như ADM, N.Q.Tuân) có người lại đọc SUỐT (như Hoàng Xuân Hãn). Vậy về thực chất cho là có hai dị bản cũng được, mà nói là có sự thống nhất cơ bản giữa 9 bản cũng được. Chúng tôi nghĩ rằng nên coi như đó chỉ là 2 cách viết của một chữ, và chúng tôi đề nghị nên phục nguyên đó là chữ SUỐT: trong văn cảnh này, trước chữ ĐÊM, tiếng Việt phổ thông bao giờ cũng đọc SUỐT.

Trang 33A

1. Dựa vào sự hội đủ hai tiêu chí, có thể phục nguyên ngay ở trang này 7 trường hợp sau đây:

- MÂY TẦN ở câu 1239
- BIẾT CÓ ở câu 1240
- NỬA RÈM ở đầu câu 1242
- TUYẾT NGẬM ở giữa câu 1242
- ĐEO SẦU ở câu 1243
- SÂN HÒE ĐÔI CHÚT ở câu 1257
- VIỆC MÌNH ở câu 1258

2. Riêng hai chữ 5, 6 trong câu 1242 thì có tình hình như sau: vì có đến 4 dị bản, nên không có dị bản nào đạt được đa số 5/9. Dị bản BỐN HÈ có đa số tương đối cao nhất: có mặt ở 4 bản. Nhưng trong 4 bản đó, có cả bản DMT/1872. Vậy thiết nghĩ nên phục nguyên BỐN HÈ.

Trang 33B

1. Từ câu đầu đến câu cuối trong trang 33B này, có 6 lần bản DMT/1872 đưa ra một dị bản nằm trong phía đa số. Vậy cứ xin tái lập theo:

- BIẾT TÌNH ở câu 1260
- CÂY NÀY ở câu 1264
- SONG SA ở câu 1267
- CHỮ HỒNG NHAN ở câu 1271
- LÀM CHO ở câu 1272
- CŨNG LOÀI//NÒI ở câu 1276

Riêng ở câu 1276, có lẽ cứ nên phục nguyên NÒI, trong khi chờ kết quả kiểm tra xem việc TVK ghi NÒI bằng LOẠI là đúng hay sai. Đáng chú ý là có cách ghi NÒI bằng chữ có kết cấu TỬ + LỘI: cũng dùng thanh phù có L! Về quan hệ N(L), OI(OAI) VVK cũng cho ví dụ: NỖI(LỖI); TỎI(TOÁI).

2. Trong 6 câu bản DMT/1872 bị thiểu số, trước hết cần cân nhắc BA SINH hay là TAM SINH. Rất có thể, ở câu 1259 này văn bản đã khắc chữ TAM nhưng để đọc theo nghĩa là BA, như CỬU ở câu 40 đã từng khắc để đọc CHÍN. Hơn nữa BA SINH có ý nghĩa phù hợp, còn TAM SINH thì có thể gây hiểu lầm. Vì vậy nên phục nguyên BA SINH.

3. LUỐNG NHỮNG ở câu 1266 bị 6 bản thay bằng LUỐNG LẦN. Thật ra LUỐNG NHỮNG hay hơn: nghĩa của nó là "luôn luôn", "hoài hoài, hủy hủy, chẳng khi hở" (HTC). Ngoài câu "Giấc hương quan LUỐNG NHỮNG MƠ CANH DÀI" cụ Nguyễn Du còn dùng LUỐNG NHỮNG ở 6 câu nữa. Ví dụ thêm: *Tin sương LUỐNG NHỮNG rày trông mai chờ.*

Hoặc: *Đêm ngày LUỐNG NHỮNG âm thầm*

Vậy đề nghị cứ phục nguyên LUỐNG NHỮNG ở câu 1266 này.

4. Ở câu 1274 có 2 chữ XUYẾT NHỤC, có thể đọc Hán Việt như vậy, hoặc có thể đọc theo nghĩa thành NUỐT NHỤC. Nhưng so với SĨ NHỤC thì không bằng. Chúng tôi ngờ rằng XUYẾT NHỤC sau đã được nhà thơ tự nhuận sắc thành SĨ NHỤC: có thế các bản ở cả 3 miền mới đạt được sự thống nhất hoàn toàn như hiện thấy (8 trên 8 bản!). Xin có 2 đề nghị:

- Phục nguyên SĨ NHỤC theo tiêu chí 2.

- Nhưng tiếp tục thu thập thêm cứ liệu để làm sáng tỏ giả thuyết về chuyện nhà thơ đã tự nhuận sắc lại, hay đã tiếp thu sự nhuận sắc lại.

6. Riêng trường hợp NGHIÊM THÂN/NGHIÊM ĐƯỜNG ở câu 1278 thì chúng tôi nghĩ như sau: nghĩa hai bên gần như nhau, vậy nên tôn trọng tiêu chí 1. Vả lại đến câu 1292 sẽ có NGHIÊM ĐƯỜNG, ở đây phục nguyên NGHIÊM THÂN là hợp lý: tránh được việc dùng hai lần cùng một chữ trong vòng 10 câu, lại cũng tránh được việc gieo vần bất thường: trong một câu có cả ĐƯỜNG và HÀNG.

Trang 34A

1. Trang này có 4 trường hợp phải cân nhắc vì bản DMT/1872 không được đa số, có sự ngược nhau giữa hai tiêu chí. Đó là DỊP SAO ở câu 1291, NGHIÊM ĐƯỜNG ở câu 1292, DỐC RƯỢU ở câu 1296 và LỪA NƯỚC ở câu 1298.

Nhưng theo ý chúng tôi, vẫn nên phục nguyên như ở DMT/1872, vì nhiều lẽ:

a. DỊP SAO quả hiện nay nghe không bằng DỊP ĐÂU, nhưng căn cứ tài liệu cổ thì xưa dùng DỊP SAO cũng như DỊP ĐÂU. So sánh: SAO NỠ = ĐÂU NỠ; SAO ĐÀNH = ĐÂU ĐÀNH (HTC). Nay ta thường dùng TẠI SAO, nhưng trong HTC không có TẠI SAO mà chỉ có TẠI ĐÂU và TẠI LÀM SAO. Vậy chắc xưa DỊP SAO là một lối nói đang phổ biến, bản DMT/1872 giữ được lối nói cổ đó, và chúng ta nên phục nguyên.

b. NGHIÊM ĐƯỜNG thì nghĩa cũng gần như XUÂN ĐƯỜNG, nhưng nó lại có được nét nghĩa "NGHIÊM" mà ta đã thấy ở NGHIÊM THÂN trong câu 1278. Nét nghĩa này rất cần: nó giải thích vì sao sẽ có chuyện "CÁO QUÌ CỬA CÔNG" ở đoạn sau. Vậy phục nguyên NGHIÊM ĐƯỜNG là hợp lý.

c. Cũng vậy, DỐC RƯỢU cũng không kém gì CHUỐC RƯỢU, RÓT RƯỢU. Mà biết đâu nó còn ý vị hơn, vì DỐC là rót cho đến cạn be!

d. Còn giữa ĐIỂM NƯỚC, ĐẾM NƯỚC và LỪA NƯỚC thì trong chuyện đánh cờ, LỪA NƯỚC có phần dùng "đắc địa" hơn! Đó là một thuật ngữ thực sự chuyên môn trong giới đấu cờ, không ai không biết.

Chúng tôi có cảm tưởng cả trong 4 trường hợp, những người nhuận sắc về sau đều tìm những lối nói dễ dãi, bỏ mất những từ ngữ rất hay của nguyên tác!

2. Ngoài các trường hợp trên ra thì còn lại đều là những trường hợp dễ chọn lựa, vì có sự hội đủ 2 tiêu chí. Sau đây là 6 câu bản DMT/1872 dùng từ ngữ được đa số các bản khác tán thành: có thể phục nguyên theo:

- NGÀY XUÂN ở câu 1284 - MỘT BUỘC ở câu 1288
- LẠI QUÊ ở câu 1292 - QUÊN VỀ ở câu 1294
- MÂY TRƯA ở câu 1297 - BÀN VÂY ở câu 1298

Chú thích: Ở câu 1297 chắc MÂY TRƯA đối lại SƯƠNG SỚM chứ không phải HƯƠNG SỚM. Có thế mới ăn khớp với GIÓ GÁC, TRĂNG SÂN ở câu 1295. Trong một bản phác thảo xưa có thể SƯƠNG viết 相 hoặc 相 như ở 2 câu 1237, 3122 của DMT/1872. Bản sao lại nhầm thành 相 . Rồi chữ kỳ lạ này lại được đính ngoa thành HƯỜNG 香 - Hay cũng có thể là sai ở khâu đọc nhầm trong đầu: 2 chữ cùng vần, nghe gần nhau, đọc SƯƠNG nhưng rồi tự nhắc lại thành HƯƠNG!

Trang 34B

1. Ở trang này có thể căn cứ theo 2 tiêu chí, phục nguyên 9 chỗ như sau:

- QUEN NẾT ở câu 1303

- THÌ MÊ ở câu 1306

- RỦ BỨC ở câu 1310 (hay NÂNG BỨC?)

- NGỤ TÌNH ở câu 1314

- LÒNG CHÀNG ở câu 1315

- CHÂU NGỌC ở câu 1316

- NỖI QUÊ ở câu 1318

- NGHĨ chữ thứ 3 ở câu 1318

- HAI chữ thứ 5 cũng ở câu 1318

2. Có 6 trường hợp không hội đủ 2 tiêu chí, phải cân nhắc. Trước hết, ở câu 1299, cần so sánh 3 dị bản MIỆT MÀI, MỆT MỜ và MỆT MÊ. MIỆT MÀI có nghĩa là "say mê, theo đuổi" (KTTĐ), nghĩa đó rất hợp. MỆT MÊ không thấy trong từ điển cổ, nhưng MÊ MỆT thì có, với nghĩa là "mệt nhọc, bất tỉnh" ở HTC; và nghĩa là "mê mẩn, say mê, đắm đuối" ở Génibrel, KTTĐ. MỆT MỜ, MỜ MỆT cũng có ở Génibrel và HTC. HTC giải thích là "lu bù, không thấy đàng", ý nghĩa đó cũng hợp với văn cảnh. Có điều chắc MỆT MỜ là lối nói cổ (Ơ>AI như QUẢ MƠ>Ô MAI) nên sau bị nhuận sắc thành MIỆT MÀI. Sự nhuận sắc này chỉ thấy ở các bản Huế và miền Bắc, không truyền vào đến được trong Nam. Vậy có lẽ nên phục nguyên cả MỆT MỜ theo bản cổ, cả MIỆT MÀI theo sự nhuận sắc về sau. Biết đâu nhà thơ có tham gia sự nhuận sắc này! Tất nhiên điều đó còn cần phải được chứng minh.

3. Trường hợp HỄ hay NGỬI ở câu 1306 cho thấy: đa số thích chọn một từ đơn giản, thông dụng; bản DMT/1872 thì bảo lưu một chữ chọn lựa rất dụng công. Xin so sánh hai dị bản:

- Máu tham HỄ thấy hơi đồng thì mê

- Máu tham NGỬI thấy hơi đồng thì mê

Riêng ý chúng tôi, chúng tôi đề nghị nên phục nguyên NGỬI.

4. Ở câu 1309, bản DMT/1872 ghi Nôm hai chữ PHÒNG LA. Không rõ xưa đọc thế nào? Vì ghi PHÒNG có thể đọc cả BUỒNG theo âm cổ; ghi LA có thể đọc LÀ mà cũng có thể đọc theo nghĩa là THE.

Xin phục nguyên BUỒNG THE theo đa số. Mà phục nguyên thế thì - như trên vừa nói, cũng không hẳn là trái với bản DMT/1872.

5. Trường hợp LAN/HƯƠNG ở câu 1310 thì chắc ai cũng thấy rõ: phải phục nguyên LAN, gạt bỏ HƯƠNG. Phục nguyên LAN không phải chỉ vì theo đa số; mà đó là theo lời nguyên tác, trước khi có lệnh kị húy năm 1803.

6. Ở hai câu 1310, 1311 có mâu thuẫn giữa hai tiêu chí: nếu theo bản cổ thì phải chọn SẠCH, RÕ RÀNG; nếu theo đa số thì phải chọn TẨM//TẮM và RÕ MÀU. Đành dựa vào văn phong cụ Nguyễn Du để tìm câu giải đáp thôi. Mà lời văn Cụ thì bao giờ cũng rất trang nhã! Vậy có lẽ phải phục nguyên:

Thang lan rủ bức trướng hồng TẨM // TẮM hoa

Rõ RÀNG trong ngọc trắng ngà

Trang 35A

1. Trang này có thể phục nguyên 7 trường hợp sau đây vì có sự ăn khớp giữa bản DMT/1872 với đa số các bản còn lại.

- ÁNG MÂY VÀNG ở câu 1319
- SAO NÓI ở câu 1321
- DỞ MÀ BUỒN TÊNH ở câu 1324
- MÀ CHƠI ở câu 1326
- NẤN NÁ ở câu 1335
- RÃ//RỬA... ở câu 1337
- MÃI CHĂNG ở câu 1338

2. Về các trường hợp bản DMT bị thiểu số, trước hết xin nói đến hai chữ cực kỳ khó ở câu 1320. Ở câu này 8 bản dùng hai chữ HỌA VẦN, được rất nhiều người đồng tình. Nhưng sao bản DMT/1872 lại khắc hai chữ mà một chuyên gia như VVK cũng phải chú thích là "đọc không được"? Chúng tôi tạm đọc BẤN NGÒI nhưng cũng không dám chắc. Sợ rằng hai chữ đó có một giá trị nào đó mà chúng ta chưa thể lường được hết, chúng tôi chủ trương:

a. Phục nguyên đúng nguyên dạng chữ Nôm ⿱艹徉 ⿱艹外 để đợi thế hệ sau tìm cách giải mã.

b. Đồng thời cũng phục nguyên HỌA VẦN, theo đa số, để tạm dùng trước mắt.

3. Cũng vậy, ở câu 1324: nếu không kể chữ LÚC Quốc ngữ ở TVKI thì có 3 cách ghi Nôm chữ thứ 3 của câu này: ghi LÚC ở KOM, ghi chữ LỤC (= 6) để đọc LÚC ở 5 bản và ghi chữ LỤC (như trong PHONG TÌNH CÓ LỤC) ở 2 bản: ở LNP và DMT/1872. Nguyễn Bá Triệu cũng phiên LÚC ở bản LNP. Riêng chúng tôi hơi nghi ngờ: khi phiên DMT/1872, chúng tôi đề nghị đọc:

Đoạn trường LỤC ấy dở mà buồn tênh

Đề nghị như vậy là vì chúng tôi có nghĩ đến khả năng 3 chữ ĐOẠN TRƯỜNG LỤC tạo thành một khối, kiểu như TRÀ ĐỒNG GIÁNG SINH LỤC, LONG ĐÌNH ĐỐI TỤNG LỤC v.v. Và câu thơ có thể hiểu là "Chuyện đoạn trường ấy mà dở ra thì buồn tênh"[1]. Tất nhiên đó cũng chỉ là một giả thuyết đưa ra "dĩ đãi lai giả". Tóm lại, khi phục nguyên chúng tôi sẽ phục nguyên LÚC theo đa số, kèm với chú thích "cần xét khả năng đọc LỤC".

4. Các trường hợp sau đây chúng tôi cũng theo bản DMT/1872 khi tái lập:

- TỦI DỘT ở câu 1323
- LẢ//LẠ//LỰA ở câu 1326
- NGÁC SÔNG ở câu 1332

5. Riêng chữ XÓT ở câu 1334 thì chắc là do chữ CHÚT khắc nhầm. Nên phục nguyên CHÚT theo đa số.

6. Cuối cùng còn hai chữ 沼 - 㨭. Chúng tôi thiên về cách đọc RỬA... LAU, vì trong TTTN Kiều có nói đến chuyện lúc về nhà chồng, sống theo lề lối làm ăn lương thiện, không còn tô son điểm phấn nữa. Chữ LAU bị thiểu số, nhưng chữ RỬA thì đạt được cả 2 tiêu chí.

Trang 35B

1. Trong trang này chỉ có một câu duy nhất bản DMT/1872 bị thiểu số: đó là câu 1351. Ở câu này bản DMT/1872 và bản LNP khắc LUỒN DƯỚI, trong lúc 7 bản còn lại đều in LUỒN XUỐNG.

Xét kỹ, khắc LUỒN DƯỚI là đúng, khắc LUỒN XUỐNG là sai. Trong tiếng Việt, ở sau kết cấu "Động từ + XUỐNG" là một từ chỉ một điểm đến, ở vị trí thấp hơn điểm xuất phát, ví dụ:

BƯỚC XUỐNG SÂN: từ trên nền (cao) → xuống sân (thấp)

LÁ RƠI XUỐNG MÁI NHÀ: từ trên cây (cao) → xuống mái nhà (thấp)

Nhưng chân vẫn bước TRÊN SÂN, lá rơi vẫn nằm TRÊN MÁI NHÀ! Còn trong câu 1351, khi Kiều nói:

Cúi đầu luồn... mái nhà

---

[1] Trong bản dịch truyện của TTTN không có chi tiết nào nói về thời gian "lúc ấy" mà chỉ nói đến "việc đoạn trường ấy". Xin trích: Thúy Kiều nói: "Chàng đừng hỏi cái việc đoạn trường ấy nữa, nói ra càng thêm đau lòng".

thì rõ ràng ai cũng hiểu đây là nói chuyện "chui luồn ở DƯỚI mái nhà, mái nhà vẫn ở trên đầu người! Chỉ có con trăn từ trên cây hay ngọn gió từ trên trời thì mới LUỒN XUỐNG MÁI NHÀ được!

2. Ngoài ra còn lại 12 trường hợp đều hội đủ cả hai tiêu chí cả. Có thể phục nguyên theo bản DMT/1872, tức cũng theo cả đa số:

- CHỊ HẰNG ở câu 1340
- BẤY LÂU ở đầu câu 1341
- DẢI ĐỒNG ở cuối câu 1341
- NGƯỜI CŨNG ở câu 1342
- VĨ CHI ở câu 1343
- MỘT VÀI ở câu 1348
- DẤM CHUA ở đầu câu 1352
- LỬA NỒNG ở cuối câu 1352
- LÒNG TRÊN ở đầu câu 1354
- BIẾT LÒNG cũng ở câu 1354
- RA PHƯỜNG ở câu 1356
- NHƠ // DƠ ở câu 1357
- NGHĨ ở câu 1358

Trang 36A

1. Có thể phục nguyên 5 trường hợp sau đây, vì đạt được đồng thời cả 2 tiêu chí:

- THÌ VÂNG ở câu 1360
- LÒNG ĐẤY ở câu 1362
- CŨNG QUYẾT ở câu 1366
- ĐẾN LỜI ở câu 1368
- ĐẾN MẶT ở câu 1376

2. Có hai trường hợp phải cân nhắc:

a. Ở câu 1363 năm bản chọn ĐƯỜNG DÀI, bốn bản chọn ĐƯỜNG XA. Số lượng hai bên xấp xỉ như nhau, ý nghĩa hai bên cũng cùng một kiểu. Vậy nên căn cứ tiêu chí một (có ở bản DMT) và tiêu chí ba (thanh ngang hay hơn thanh huyền) để phục nguyên: *Đường XA chớ ngại Ngô Lào.*

b. Ở câu 1378 có đến 5 dị bản, nên không dị bản nào đạt đến đa số 5/9 cần thiết. Bản DMT/1872 khắc hai chữ có thể tạm đọc là LỊCH DỜI. Cũng có thể là hai chữ SẠCH DỜI dùng để dịch hai chữ HOÀN LƯƠNG. Đó là chưa kể khả năng khắc nhầm hai chữ CUNG DI mà thành. Trong lúc chờ đợi nghiên cứu tiếp cách ghi ở bản DMT/1872, chúng ta hãy tạm tái lập HOÀN (có mặt ở 6 bản) và NGUYÊN (ở 4 bản) hoặc LƯƠNG (ở 3 bản). Có lẽ HOÀN LƯƠNG đạt hơn.

Trang 36B

1. Ở những điểm sau đây có sự hoàn toàn nhất trí giữa bản DMT/1872 và đa số các bản khác:

- VỪA NẢY ở chữ thứ 3 câu 1387
- GIÒ SƯƠNG ở chữ thứ 5 câu 1387
- QUYẾT NGAY ở chữ thứ 2 câu 1391
- BIỆN BẠCH ở chữ thứ 3, thứ 4 cũng câu 1391
- DẠY CHO ở câu 1392
- DẪU RẰNG ở câu 1396
- TRÓT//XÓT ở câu 1397

Do đó, có thể cứ phục nguyên như thế.

Nhưng cũng xin nói rõ thêm về TRÓT//XÓT: câu 1397 có 3 cách viết 㤕, 捽 và 啐. Hai cách sau đều dùng thanh phù TỐT, và thường đọc TRÓT//CHÓT. Chữ đầu thường đọc XÓT nhưng cũng có khả năng đọc cả TRÓT vì có quan hệ giữa TR và S, X (xem TVK). Căn cứ văn cảnh đọc XÓT cũng được nhưng đọc TRÓT thì có lẽ đúng hơn. Nếu thế, chúng ta không có 3 dị bản mà chỉ có 3 cách viết, với 2 cách đọc có thể lựa chọn.

2. Có 3 trường hợp phía DMT/1872 chỉ được 3 bản còn phía bên kia được 6 bản; xin so sánh:

- Ở câu 1384 : VẺ NGUYỆT - VẺ NGỌC
- Ở câu 1388 : XE BỒ - GỐI YÊN
- Ở câu 1390 : SỐT LÒNG - NẶNG LÒNG

Xét nghĩa, hai bên cũng gần gần như nhau. Xét số lượng, phía ba bản lại có cả bản DMT/1872 ở trong đó. Sau khi cân nhắc, chúng tôi cho rằng cứ nên phục nguyên VẺ NGUYỆT, XE BỒ và SỐT LÒNG như ở phía thiểu số có bản DMT/1872.

3. Còn lại đều là những trường hợp bản DMT/1872 đứng riêng một mình. Trước hết có hai chữ khắc không chuẩn nên chắc đã được chữa lại hay nhuận sắc lại. Đó là:

- Chữ số 2 câu 1379: TVKI, ADM đọc là XEM, chúng tôi thấy hơi giống RIÊNG, nhưng chắc phải là chữ TƯ:

Công TƯ hai lẽ đều xong

- Chữ đầu ở câu 1387: TVKI, ADM đọc là MẬN, chúng tôi thấy hơi giống HÈ, nhưng chắc phải là chữ GIẬU:

GIẬU thu vừa nảy giò sương

Vậy có lẽ cứ nên phục nguyên TƯ và GIẬU theo đa số.

3. Ba trường hợp còn lại, DMT/1872 cũng đứng riêng một mình, đó là:

- TRÓT ở câu 1380
- SÓNG ở câu 1383
- ƠI HỠI ở câu 1390

Chúng tôi đã tra từ điển và thấy từ ngữ ở bản DMT/1872 rất được chọn lọc:

- Ở câu 1380 : *Gót tiên TRÓT đã thoát vòng trần ai.*

Hai chữ TRÓT ĐÃ có nghĩa là "trọn vẹn đã" (HTC) hay hơn hẳn dị bản PHÚT ĐÃ. Có lẽ vì các bản không biết nghĩa cổ ấy nên mới thay thế.

- Ở câu 1383 : *Hương càng SÓNG, lửa càng nồng.*

Nói HƯƠNG CÀNG SÓNG là nói hương càng "quyện vào nhau" (KTTĐ): rõ ràng có phần độc đáo hơn nói HƯƠNG CÀNG ĐƯỢM.

- Còn ở câu 1390 : *Sốt lòng... ... tính bài phân chia*

Mà dùng E ẤP với nghĩa là "rụt rè, không quả quyết" (KTTĐ) như ở đa số bản thì rõ ràng là mâu thuẫn với câu trên:

Phong lôi nổi trận bời bời

Mà cũng mâu thuẫn với cả 4 chữ "TÍNH BÀI PHÂN CHIA" ở ngay cuối câu! Còn dùng "ƠI HỠI", rút gọn từ lối nói TRỜI ƠI ĐẤT HỠI là "tiếng than kêu trời đất" (HTC) thì rất ăn khớp với hai chữ SỐT LÒNG ở trước / SỐT LÒNG = NÓNG LÒNG = "nóng nảy, bực tức" (HTC); SỐT LÒNG = SỐT RUỘT = "nóng nảy, khó chịu trong lòng" (KTTĐ)/ mà cũng ăn khớp với tất cả các tình tiết về sau như: TÍNH BÀI PHÂN CHIA, DẠY... VỀ LẦU XANH v.v.

Trang 37A

1. Trong trang này có 6 trường hợp hội đủ hai tiêu chí 1, 2; đó là:

- QUYẾT CHẲNG ở câu 1401
- BẠC ĐEN ở câu 1402
- VÀNG ĐÁ ở câu 1403
- LẠY QUỲ ở câu 1408
- CHƯA YÊN ở câu 1416

- ĐƯỜNG ẤY ở câu 1418 (hay "Có 2 đường: Ý muốn sao, mặc mình"?)

Những trường hợp này chúng ta sẽ cứ theo thế mà phục nguyên. Có điều, cũng cần nói rõ thêm về hai chữ VÀNG ĐÁ. Hiện nay, nhiều bản theo KOM chữa lại thành SẮT ĐÁ: chữa lại như vậy là để nói Thúc Sinh có ý định không lay chuyển được. Còn trước kia, 8 bản đều in:

Thấy lời VÀNG ĐÁ tri tri

In thế là rất phù hợp với 2 câu 1399, 1400 trước đó:

Cùng nhau vả tiếng một ngày

Ôm cầm ai nỡ dứt dây cho dành

Thúc Sinh đúng là tỏ ra có ý định không lay chuyển: nhưng đó là sự không lay chuyển trong việc bảo vệ tình VÀNG ĐÁ giữa Thúc và nàng Kiều.

2. Còn lại 4 trường hợp không đạt đủ 2 tiêu chí, phải biện luận. Ở câu 1404, 6 bản dùng 2 chữ rất dễ hiểu: CÁO QUÌ hoặc THÂN QUÌ. Nhưng 2 bản miền Bắc và bản DMT/1872 lại in là CÁO TÌ, không thật rõ nghĩa lắm. Chúng tôi phải tạm đưa ra 2 sự phỏng đoán: 4 chữ CÁO TÌ CỬA CÔNG:

- Hoặc có nghĩa là "đi cáo và dựa vào cửa quan"

- Hoặc có nghĩa là "đi tố cáo tội lỗi ở cửa quan" (dùng chữ TÌ theo lối đồng âm).

Vì bản DMT/1872 là một bản quan trọng nên chúng tôi đề nghị nên phụ chú CÁO TÌ để giới chuyên môn tiếp tục nghiên cứu. Nhưng khi tái lập phải tiếp thu CÁO QUÌ để tạm thời phục vụ bạn đọc (kết cấu CÁO QUÌ chỉ có mặt ở 4 bản, nhưng riêng CÁO có ở 7 bản, riêng QUÌ có ở 6 bản).

3. So sánh 3 trường hợp:

- LẬP UY / LẬP NGHIÊM (ở câu 1410)

- TRƯỚC ĐÃ / TRƯỚC HÃY (cũng ở câu 1410)

- ẤY LÀ / THẾ LÀ / THẾ RA (ở câu 1412)

Chúng tôi thấy không có sự khác nhau gì thật quá sâu đậm giữa dị bản này với dị bản kia, kể ra dùng bên nào cũng được cả. Vì vậy chúng tôi đề nghị phục nguyên theo tiêu chí một, tức theo bản DMT/1872.

LẬP UY trước ĐÃ ra uy nặng lời

- *Mà con người ẤY LÀ (RA?) người dong đưa* (xin chú ý: ở Nam Bộ RA có khi viết như LÀ (xin xem VVK).

Trang 37B

1. Từ câu 1419 đến câu 1438, trong trang này chỉ có một câu cần phải biện luận: mà đó là một câu vô cùng rắc rối. Câu 1434 đó, bản DMT/1872 khắc in là:

Có nghe... trước chả đà kẻo sau

Chữ thứ 3 khắc là chữ MÌNH theo lối [illegible] . Hai bản gốc Huế (LNP, KOM) thấy MÌNH khó hiểu nên đổi thành chữ LỜI. Nhưng câu này đặt theo thế tiểu đối: dã dùng MÌNH TRƯỚC hay LỜI TRƯỚC ở vế đầu thì KẺO SAU ở vế thứ hai đối không chỉnh! Hai bản LNP, KOM phải đổi KẺO thành LỤY, còn hai bản LVĐ/1871,QVĐ/1879 phải đổi thành LỆ, bản TMĐ đổi thành HỐI. Ngay chữ KẺO với nghĩa là "khỏi, tránh khỏi" cũng không dễ hiểu, nên ba bản phải hiện đại hóa nó thành KHỎI (TVKI, ADM, VNB-60). CHẢ ĐÀ cũng bị đổi thành CHẲNG ĐÀ (KOM) hoặc DỄ MÀ (LNP). Rồi LNP lại còn đổi cả chữ CÓ thành chữ PHẢI!

Rõ ràng tất cả các bản đều cốt làm cho câu có nghĩa, hiểu được nên tùy tiện thay đổi, không cân nhắc gì đến tự dạng và nghĩa cổ trong văn bản gốc DMT. Theo ý chúng tôi thì:

a. Vế thứ 2 nên để y nguyên như ở bản DMT, nhưng phải hiểu theo nghĩa đặc biệt của 2 chữ CHẢ ĐÀ// CHẲNG ĐÃ: trong văn cảnh này phải hiểu chữ CHẢ//CHẲNG như chữ chỉ có tác dụng nhấn mạnh, chứ không phải là chữ phủ định; so sánh theo TĐTV (HP):

Tôi gì mà đi bộ! → Chả tôi gì mà đi bộ!

Thà như thế còn hơn → Chẳng thà như thế còn hơn

Hóa ra lại là anh → Chẳng hóa ra lại là anh

Đã bảo rồi kia mà! → Chẳng đã bảo rồi kia mà!

b. Còn ở vế đầu thì phải đính ngoa chữ MÌNH thành chữ TRỌN với nghĩa là "đủ hết", "không bỏ sót". Trong chữ Nôm cổ, ví dụ ở thế kỷ 17, trong Maiorica, chữ TRỌN có cách viết là 侖 , chính chữ này bị chép nhầm thành chữ MÌNH [illegible] . Dùng TRỌN TRƯỚC đối với KẺO SAU là rất phù hợp. Và câu thơ:

Có nghe trọn trước chả đà kẻo sau

(= Nếu nghe trọn vẹn lúc trước hẳn đã tránh khỏi về sau)

sẽ hoàn toàn ăn khớp với cả đoạn 4 câu:

Khóc rằng "oan khốc vì ta

Có nghe trọn trước chả đà kẻo sau

Cạn lòng chẳng biết nghĩ sâu

Để ai trăng tủi hoa sầu vì ai?"

2. Ngoài trường hợp trên đây, các trường hợp còn lại đều rất dễ phục nguyên, vì đều hội đủ đồng thời cả 2 tiêu chí. Đó là:

- MỘT LÀ ở câu 1420
- CHẶT//CHẸT LẠI ở câu1426
- HOEN QUẸN ở câu 1428
- OAN KHỐC ở câu 1433
- CẠN LÒNG ở câu 1435
- CHẲNG BIẾT cũng ở câu 1435

Trang 38A

1. Trong trang này có thể phục nguyên mấy trường hợp sau đây:

- SỰ NGÀY CẦU THÂN ở câu 1440
- TẠI... HỨNG LẤY... ở câu 1443[1]
- MỞ BÀI ở câu 1446
- THẾ THÌ ở câu 1447
- CŨNG VẢ ở câu 1450
- GIÁ LẠT ở câu 1455
- THẬT LÀ ở câu 1457

Đó đều là những trường hợp hội đủ đồng thời cả hai tiêu chí.

2. Trong 5 trường hợp còn lại có 2 trường hợp chúng tôi ngờ rằng có hiện tượng chép hoặc in sai:

a. Ở câu 1443, bản DMT/1872 khắc in:

---

[1] Trong câu 1443, chữ thứ 3: bản DMT/1872 và 7 bản ghi là XỨNG và có thể vốn dùng chữ ấy với nghĩa là "cân nhắc". Nhưng chúng tôi phục nguyên HỨNG, vì ngờ rằng chữ XỨNG xưa có khả năng dùng để ghi từ HỨNG (Cách ghi Nôm này tuy đặc biệt nhưng nó có ở một bản thảo rất xưa, rồi sau truyền rộng ra!). Về nguyên nhân ngữ âm lịch sử, xin xem cuốn Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt ở các trang 88, 289. Ở đây chỉ xin dẫn vài cứ liệu để minh họa mối quan hệ giữa X và H: chữ XÚC Hán Việt đã đưa đến HÚC (trong "trâu bò húc nhau"); XỈ MŨI = HỈ MŨI; XẨNG NẮNG = HẨNG NẮNG; XỚT CỎ = HỚT CỎ... (KTTĐ); cũng vậy, ở Bắc nói NGỒI XỔM, ở Nghệ Tĩnh nói NGỒI CHỒM HỔM.

Tại tôi hứng lấy một TÔI

Chữ TÔI cuối câu không hiệp vần được với chữ RÀY ở câu trước và với chữ NÀY ở câu sau. Có thể đoán rằng TÔI là do chữ TAY chuyển nhầm mà thành (qua khâu đọc nhầm; hoặc qua cả khâu xem nhầm mặt chữ - tuy xác suất của khả năng sau có phần thấp hơn) - TAY có mặt ở 8 bản.

b. Ở câu 1449 bản DMT/1872 khắc in:

Sinh rằng: XÓT phận bọt bèo

Khắc in thế, câu cũng có thể có nghĩa; nhưng có phần chắc đây là chữ CHÚT bị chuyển nhầm thành chữ XÓT vì hai bên tự dạng rất gần nhau. 8 bản còn lại đều in CHÚT. Vậy phải đính ngoa trước khi phục nguyên.

3. Cuối cùng còn lại là 3 trường hợp bản DMT/1872 không nằm trong phía đạt được đa số cần thiết:

- LẠI KỂ ở câu 1440: ở DMT/1872 và 3 bản.
- NHƯNG CŨNG ở câu 1448: ở DMT/1872 và 1 bản.
- NÀO CÓ ở câu 1548: ở DMT/1872 và 1 bản.

Nhưng chúng tôi vẫn phục nguyên theo DMT/1872, với lý do là không có sự khác nhau nào quá lớn giữa các dị bản. So sánh LẠI KỂ với KỂ SỰ, KỂ LẠI hoặc so sánh NHƯNG với SONG; NÀO CÓ với CÒN CÓ, LẠI CÓ v.v. chúng ta thấy rõ điều đó. Trong một tình hình như vậy, thiết nghĩ vẫn nên tôn trọng dị bản có nguồn gốc xưa hơn cả. Xin chú ý: LẠI KỂ cũng có thể là KỂ LẠI khắc nhầm trật tự trước sau!

Trang 38B

1. Trang 38B có 9 trường hợp đạt được cả 2 tiêu chí. Đó là:

- LỠ NHỊP ở câu 1460
- NGOÀI THÌ ở câu 1462
- LÀ NHỄ cũng ở câu 1462
- ĐIỂM SAO ở câu 1466
- CỔ VŨ ở câu 1467
- VÌ NẾT ở câu 1469
- CỜ TRƯA ở câu 1473
- NHẠN CÁ ở câu 1478 (NHẠN YẾN khắc nhầm)
- ĐÃ CÙNG cũng ở câu 1478

Những trường hợp này chúng ta cứ theo thế mà phục nguyên[1]. Ngoài ra, ở câu 1471 có chữ HƯƠNG cũng hội đủ hai tiêu chí, nhưng trường hợp này là trường hợp kỵ húy theo lệnh 1803, vậy nay phải phục nguyên là LAN theo đúng nguyên tác.

2. Có 5 chỗ bản DMT/1872 không ăn khớp với đa số các bản khác, nhưng 4 trường hợp chúng tôi vẫn phục nguyên đúng từ ngữ bản DMT/1872 đã dùng. Sở dĩ thế là vì hai lẽ:

a. Lẽ thứ nhất là theo tiêu chí 1 đã đề ra: tôn trọng bản có nguồn gốc cổ.

b. Và lẽ thứ hai là do cân nhắc cách diễn đạt, thấy dị bản DMT/1872 không có gì khác cơ bản, và có khi còn hợp lí hơn.

- So sánh CHÁC DỮ MUA HỜN với RƯỚC ĐỮ CƯU HỜN, dễ thấy cách nói đầu là cách nói dễ hiểu hơn, người Việt hay dùng hơn.

- So sánh KÍP THỜI SẮM SỬA . . . với KÍP TRUYỀN SẮM SỬA chúng ta biết rằng cách nói sau là cách diễn Nôm theo sát truyện Tàu, chắc đó là cách nói có trong bản phác thảo đầu tiên. Vậy có lẽ KÍP THỜI/KỊP THÌ là cách nói do nhà thơ sau tự nhuận sắc lại. Mà chữa lại là hợp lí: nên để ông quan dừng lại sau khi cho lời phán xét! Dầu trong thực tế ông có tốt bụng "hối hả tả hữu sửa soạn cờ quạt, cỗ nhạc, kiệu hoa có chữ Hỷ đỏ, đưa hai người song song về nhà" (TTTN) thì trên mặt pháp lý, mặt tổ chức hành chính, nói chung, cũng không nên để một ông quan trực tiếp "truyền lệnh", tự mình tham gia tổ chức một đám cưới vừa bị kiện tụng, mà ông vừa phán xử cho một bên được một bên thua. Ông mà trực tiếp tham gia như vậy thì dễ gây ấn tượng Ông không còn là đại diện công lý, khách quan, công bằng đứng giữa hai bên; và ông cũng dễ gây mất mặt cho Thúc ông- một điều cũng không có lợi gì cho việc hòa hợp trong gia đình họ Thúc mà ông mong muốn.

- So sánh BAY THẮM với PHAI THẮM, có thể nghĩ rằng nhà thơ không muốn dùng một chữ PHAI quá sáo mòn; nhưng dầu không đúng thế đi nữa thì BAY THẮM cũng không có gì là quá kém cỏi, so với PHAI THẮM: vẫn có thể bảo lưu được.

3. Cuối cùng còn một trường hợp đang còn nghi vấn: ở câu 1466 bản DMT/1872 khắc KIỆU HOA TINH GIÓ trong lúc các bản khác đưa ra 4 dị bản nữa: CẤT GIÓ (4 bản), CHEN GIÓ (1 bản), LƯỚT GIÓ(1 bản) và SÁNH GIÓ (1 bản). Chúng tôi ngờ rằng TINH GIÓ bị chép hoặc in sai.

---

(1) Nói chung là vậy, nhưng cũng phải kiểm tra lại. Ví dụ NHẠN CÁ có thể là do NHẠN YẾN đọc nhầm bị nhầm mà thành.

Căn cứ tự dạng, có thể đưa ra mấy khả năng như sau: TẠNH GIÓ, TĨNH GIÓ (với chữ TĨNH bị khắc ngược - như nhiều chữ đã từng bị khắc ngược!) là 錆 hoặc SÁNH GIÓ khắc với chữ SẢNH 倩 hoặc chữ THANH đọc SẢNH 清. Tạm thời chúng tôi phục nguyên SẢNH GIÓ, với chữ Nôm viết như ở LNP: 掅.

Trang 39 A

1. Trong số 18 chỗ có từ ngữ khác nhau ở trang này, theo ý chúng tôi, 10 chỗ có thể phục nguyên ngay, vì hội đủ 2 tiêu chí đã đề ra:

- LẠT TÌNH ở câu 1480
- KẺ LỚN ở câu 1483
- Ở VÀO ở câu 1484
- TIÊU HAO ở câu 1489
- LIỆU KÍP ở câu 1491
- ĐÊM NGÀY ở câu 1493
- ĐỊNH LÒNG ở câu 1496 (//ĐỊNH cũng có thể đọc ĐÀNH)
- SINH MỚI cũng ở câu 1496
- GỬI ĐẾN ở câu 1497
- XUÂN ĐƯỜNG cũng ở câu 1497

2. Có một trường hợp cũng hội đủ 2 tiêu chí, nhưng khi phục nguyên cần phải cân nhắc: đó là chữ LÀ ở câu 1492:

Xin chàng liệu kíp lại nhà (1491)

Trước LÀ ý đẹp sau ta biết tình (1492)

Với chữ LÀ câu hoàn toàn có ý nghĩa, hiểu được nên 7 bản tán thành. Nhưng xét kỹ, câu này đặt theo thể tiểu đối: vậy chữ LÀ 罗 chắc là do chữ NGƯỜI viết tắt 㝵 chép hoặc khắc nhầm mà thành. Hai bản LNP và KOM đã đính ngoa lại câu như vậy. Chúng tôi tán thành và đề nghị phục nguyên NGƯỜI thay vì LÀ.

3. Về những trường hợp bản DMT/1872 không đứng về phía đa số thì chúng tôi nghĩ như sau:

a. Có 3 trường hợp có thể vẫn phục nguyên như ở DMT/1872. Đó là:

- THẦM TIN ở câu 1479 (thay vì VẮNG TIN)
- AI KẺ ở câu 1482 (thay vì AI DỄ)
- BÂY GIỜ ở câu 1489 (thay vì BẤY CHẦY)

Lý do của chúng tôi là:

- Về nội dung ý nghĩa hai bên không hơn kém nhau lắm; AI KẺ và BÂY GIỜ còn có vẻ hay hơn cả AI DỄ, BẤY CHẦY.

- Hơn nữa, tỉ lệ thiểu số/đa số tuy là 3/6 nhưng phía thiểu số lại có bản có nguồn gốc rất cổ.

b. Ba trường hợp BỤNG SÔNG (ở câu 1486), GIẤU GIUNG (ở câu 1488), KHUYÊN DỖ (ở câu 1495) tuy còn được ít bản tán thành hơn nữa, nhưng chúng tôi vẫn bảo lưu khi phục nguyên. Ngoài lý do tôn trọng bản DMT/1872, chúng tôi còn thấy lý do văn phong như sau:

- Trong 2 câu:

E thay những dạ phi thường

Dễ dò rốn bể, khôn lường bụng sông

chúng tôi cho rằng dùng BỤNG SÔNG đạt hơn ĐÁY SÔNG. Tuy dựa vào hình tượng SÔNG, BỂ vốn có ở trong lối nói văn học để diễn đạt một cách bóng gió, nhưng vấn đề đưa ra thực chất là vấn đề thăm dò tâm địa tính tình của Hoạn Thư: trong tiếng Việt, nói đến tâm địa, tính tình mà dùng chữ BỤNG là rất thích đáng. Hơn nữa, dùng BỤNG đối lại với RỐN là rất chỉnh; BỤNG lại rất khớp với DẠ của câu tiếp! Cá nhân chúng tôi thích BỤNG SÔNG hơn ĐÁY SÔNG nhiều, không biết có chủ quan quá không?

- Trong 2 câu:

Mà ta suốt một năm ròng

Thế nào cũng chẳng GIẤU GIUNG được nào

GIẤU GIUNG là một từ đôi, lấp láy, hay hơn hẳn dị bản GIẤU XONG! GIẤU thì chỉ có thể nói "giấu được", "giấu không được" hoặc "giấu được trong thời gian bao lâu", chứ biết thế nào là GIẤU XONG!

- Trong câu 1495: *Nghe lời KHUYÊN DỖ thong dong*

cũng vậy: dùng KHUYÊN DỖ thì đúng hơn KHUYÊN NHỦ nhiều!

Thúc Sinh rất yếu đuối, rất tình cảm, rất ngây thơ: đọc truyện ai cũng thấy rõ ràng là Kiều KHUYÊN DỖ chứ không phải KHUYÊN NHỦ.

c. Cuối cùng là chuyện chép hoặc khắc sai ở câu 1496. Câu này vốn được bản DMT/1872 và ba bản LVĐ/1871, QVĐ/1879, ADM/1884 khắc in là: *Đành lòng sinh mới quyết TÌNH hồi hương.* Về nghĩa không có vấn đề gì. Nhưng chữ TÌNH không hiệp vần được với chữ THÔNG, DONG của hai câu trước đó. Có thể đoán chắc đây là chữ LÒNG viết theo lối TÂM+LỘNG 㤰 nên bị nhận diện nhầm thành chữ TÌNH 情.

Vậy phải đính ngoa và phục nguyên là QUYẾT LÒNG theo đa số.

Trang 39B

1. Danh sách những trường hợp đề nghị phục nguyên ngay trong trang này:

- SÔNG TẦN ở câu 1501
- XANH XANH cũng ở câu 1501
- LÒA YẾM THẮM TRÔN. . . ở câu 1507
- ĐÈO BÒNG ở câu 1509
- NÓI SÒNG ở câu 1510
- MƯA GIÓ ở câu 1511
- LỚN chữ thứ nhất ở câu 1512
- UY LỚN chữ thứ ba, thứ tư ở câu 1512
- NHỮNG VIỆC ở câu 1514
- ĐÊM NÀY ở câu 1518

Ở những trường hợp này chúng ta có đủ hai tiêu chí đã đề ra nên cứ thế mà phục nguyên. Nếu ai đó nêu căn cứ khác (như SÓNG GIÓ thì hợp hơn MƯA GIÓ, hoặc BỮA NÀY thì ăn khớp với TTTN hơn ĐÊM NÀY ...) thì ta vẫn giữ nguyên tắc đã đề ra. Tất nhiên trừ khi đã có được sự chứng minh chắc chắn rằng cụ Nguyễn Du đã tự chữa thành SÓNG GIÓ hay BỮA NÀY v.v.

2. Trong 7 câu có chỗ bản DMT/1872 không ăn khớp được với đa số, chúng tôi thấy nên chia thành 3 trường hợp. Trước hết là trường hợp 2 cặp NGỪNG CHÉN/NGẠI CHÉN và BƯNG MẮT/BƯNG MẶT.

- Ở câu 1504 chúng tôi ngờ rằng bản DMT/1872 đã khắc nhầm NGỪNG CHÉN thành NGẠI CHÉN vì 2 bên có tự dạng rất gần nhau. Căn cứ văn cảnh, tuy NGẠI không phải là vô nghĩa, nhưng NGỪNG hợp hơn...

- Ở câu 1508 cũng vậy: BƯNG MẮT thì hợp với lô- gích hơn, tuy dùng BƯNG MẶT cũng vẫn được. Cách viết MẮT và MẶT cũng khá gần nhau.

Vậy đây là 2 trường hợp cần đính ngoa theo đa số rồi mới phục nguyên.

3. Trường hợp thứ hai là trường hợp vẫn nên tái lập theo bản DMT/1872, tuy chỉ 2, 3 bản theo nó. Lý do là hai dị bản hầu như hoàn toàn tương đương, chọn bên nào cũng được. Đã thế thì nên theo tiêu chí 1, tôn trọng văn bản có nguồn gốc cổ. So sánh dị bản DÀI THỞ VẮN THAN với dị bản DÀI

VẮN THỞ THAN ở câu 1503, chắc ai cũng thấy nên giải quyết thế[1].

4. Trường hợp thứ ba cũng gần như trường hợp thứ hai: chúng tôi cũng đề nghị phục nguyên theo bên thiểu số. Nhưng chúng tôi sở dĩ tách riêng là vì từ ngữ có phần phức tạp hơn trường hợp trên, cần phải có thêm phần thuyết minh, giải thích.

Ví dụ 1: chữ ĐÀNH ở vế thứ nhất trong câu 1512.

Lớn ĐÀNH uy lớn, tôi đành phận tôi

Theo TĐTV (HP) chữ ĐÀNH có ý nghĩa là "miễn cưỡng bằng lòng vì suy tính thấy không thể khác được". Với cách hiểu ấy, vế TÔI ĐÀNH PHẬN TÔI được tất cả mọi bản chấp nhận. Nhưng ở vế LỚN ĐÀNH UY LỚN 6 bản đổi thành LỚN RA UY LỚN, lầm tưởng rằng dùng ĐÀNH ở đây là sai, vì LỚN CÓ UY LỚN thì có gì là "miễn cưỡng bằng lòng"! Thật ra đây có phải là nói về sự bằng lòng của Hoạn thư đâu, mà là đang nói về hai chuyện Kiều tự thấy đành phải miễn cưỡng chấp nhận: thứ nhất là đành phải chấp nhận chuyện Hoạn thư là bề trên, có quyền uy lớn và thứ hai là đành phải chấp nhận chuyện bản thân mình là bậc dưới, với thân phận như tôi đòi. Vậy Kiều dùng cả hai chữ ĐÀNH đều rất đúng.

Ví dụ 2: chữ LẦN NAY ở trong câu 1517 của bản DMT/1872

Chén đưa nhớ bữa LẦN NAY

Trong tiếng Việt không nói được LẦN NAY, vì vậy 8 bản chữa lại thành HÔM NAY. Nhưng tự dạng hai bên quá khác nhau, HÔM làm sao có thể chép hoặc in nhầm thành LẦN được! Theo ý chúng tôi, trong nguyên tác vốn là ĐÊM NAY. Bữa tiệc tiễn Thúc sinh đúng là bữa tiệc đêm trong gia đình. Và chữ ĐÊM viết nhanh 店 rất gần chữ LẦN 吝 nên mới có chuyện nhận diện nhầm.

Hôm đưa tiễn giữa đường, trước khi chia tay, Kiều muốn nhắc lại 2 điểm quan trọng mà Kiều đã nói với Thúc sinh trong bữa tiệc đêm trước:

- Phải về với Hoạn thư cho được một năm. Không ngại lâu, vì đó là chiến lược.

- Phải tin tưởng ở thắng lợi: năm sau sẽ ăn mừng tái ngộ.

Trong truyện Kiều cụ Nguyễn Du đã diễn Nôm thành:

Thương nhau xin nhớ lời nhau:

"Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy

---

[1] Hai chữ DẠO RA ở câu 1500 và hai chữ BẤT BÌNH ở câu 1511 cũng được phục nguyên theo hướng lập luận như thế.

Chén đưa nhớ bữa ĐÊM NAY

Chén mừng xin đợi ĐÊM NÀY năm sau"

Câu bát được 6 bản giữ nguyên. Nhưng câu lục bị 8 bản chữa thành HÔM NAY, vì thấy tiễn đưa giữa ban ngày. Do câu lục đổi, 3 bản bỏ 2 chữ ĐÊM NÀY và thay thành câu bát như sau:

Chén mừng xin đợi BỮA NÀY năm sau

Các vị nhuận sắc đã quên mất một chuyện: về bữa ăn ít ai nói "BỮA NÀY NĂM SAU"! Do đó sang thế kỷ 20 các bản B.KỈ, T.T.Kim, Tản Đà, B.K.Diễn và L.V.Hòe đã phải nhuận sắc lại một lần nữa: thay BỮA NÀY bằng NGÀY NÀY!

Nhưng tất nhiên, tốt hơn cả là phải phục nguyên lại ĐÊM NAY và ĐÊM NÀY như ở bản DMT/1872, sau khi đã đính ngoa 2 chữ LẦN NAY.

Trang 40 A

1. Trang này có đến 6 chỗ bản DMT/1872 không ăn khớp được với đa số, nhưng chúng ta vẫn có thể cứ phục nguyên theo, bảo đảm sự tôn trọng một văn bản có nguồn gốc cổ.

a. Có vài trường hợp giữa các dị bản sự khác nhau không có gì cơ bản lắm. So sánh:

- CÂY XANH với DÂU XANH ở câu 1522
- LẠI NỖI với NÀY NỖI ở câu 1528[1]
- GỌI LÀ với TÊN LÀ ở câu 1530

b. Có vài trường hợp bên phía DMT/1872 lại có vẻ hay hơn, ví dụ:

- Ở câu 1534 dùng RÀNG BUỘC thì đúng hơn dùng GIÀM BUỘC, TRÓI BUỘC. Hai dị bản sau đưa đến những hình tượng cụ thể quá, không cần thiết.

- Ở câu 1538 nói Hoạn thư GIẬN Thúc sinh thì sát đúng hơn là TRÁCH!

2. Còn những trường hợp sau đây thì chúng ta có đủ đồng thời cả 2 tiêu chí, có thể yên tâm phục nguyên:

- NHỮNG NỐI DỌC ĐƯỜNG ở câu 1527
- BUỒNG TRONG ở câu 1528

---

[1] Cũng có thể LẠI là do NÀY mà ra, vì tự dạng không xa nhau lắm. Cần cân nhắc thêm.

- THUẬN NẺO ở câu 1531

- THÌ TAY CŨNG GIÀ ở câu 1534

- TIN NHÀ THÌ KHÔNG ở câu 1536

- LỬA TÂM ở câu 1537

Trang 40B

1. Ở trang 40B này có thể phục nguyên theo 2 tiêu chí đã đề ra mấy trường hợp sau đây:

- CŨNG DUNG ở câu 1540

- TÍNH RẰNG ở câu 1545

- GIẤU TA ở câu 1546

- Ý CŨNG ở câu 1556

- LIỆU BÀI cũng ở câu 1556

2. Nhưng có đến 6 trường hợp phải cân nhắc thêm.

Trước hết là 2 chữ ĐƯỜNG TRÊN ở bản DMT/1872 và hai bản TVKI, ADM. Các bản khác đổi thành NGƯỜI TRÊN, LƯỢNG TRÊN, BẬC TRÊN. Trong đoạn này:

Ví bằng thú thật cùng ta

Cũng dung kẻ dưới mới là ... trên

có thể hiểu 2 cách: CŨNG DUNG KẺ DƯỚI (tức "rộng lượng với vợ lẽ") mới là "thượng sách" hoặc mới là "vai trò của người vợ cả". Các bản hình như chỉ nghĩ đến cách hiểu sau; hai chữ ĐƯỜNG (ĐÀNG, ĐẰNG) TRÊN tuy có vẻ mơ hồ hơn nhưng lại bao gồm được cả 2 cách hiểu. Hơn nữa, ĐƯỜNG, ĐẰNG gần BỀ (100 đường = 100 bề), ĐẰNG TRÊN chắc xưa cũng gần BỀ TRÊN.

3. Ba câu có 2 dị bản gần như tương đương. So sánh:

- CHÁC TIẾNG GHEN với RƯỚC TIẾNG GHEN ở câu 1542

- CÓ BÒ ĐI ĐÂU với LẠI BÒ ĐI ĐÂU ở câu 1548

- BỖNG CÓ HAI NGƯỜI với BỖNG THẤY HAI NGƯỜI ở câu 1555

Vậy tốt hơn cả là cứ phục nguyên theo dị bản có ở văn bản cổ.

4. Còn ở 2 câu 1553, 1558 thì từ ngữ bản DMT/1872 dùng lại có phần hay hơn.

- Ở câu 1553, 1554 ta thấy:

... lòng kín chẳng ai hay

Ngoài tai để mặc gió bay mé ngoài

Rõ ràng dùng TRONG LÒNG ở câu lục thì có sự sóng đôi với 2 chữ NGOÀI TAI của câu bát. Đổi thành NỖI LÒNG thì bỏ mất thế sóng đôi thú vị đó. Vả lại nói TRONG LÒNG: KÍN CHẲNG AI HAY thì hợp với tinh thần của tiếng Việt hơn.

- Ở câu 1557, 1558 ta có:

Tiểu thư nổi giận đùng đùng

Gớm... thêu dệt ra lòng trêu ngươi!

Ở câu 1558, sau chữ GỚM mà dùng chữ THAY hoặc chữ HAY thì nhấn mạnh vào sự việc mách tin; mà dùng chữ TAY thì nhấn mạnh vào người mách tin: thử xét bên nào hơn? Theo ý chúng tôi, nhấn mạnh vào sự việc thì ăn khớp hơn, vì ngay sau đó là 2 câu cải chính cái tin ấy:

Lang quân nào phải như ai

Điều này hẳn bởi những người thị phi

Hơn nữa có 2 người mách tin mà viết "GỚM TAY THÊU DỆT" thì không ổn về mặt ngôn ngữ: thà viết "GỚM QUÂN THÊU DỆT" còn hơn!

Tóm lại chúng tôi chủ trương phục nguyên TRONG LÒNG ở câu 1553 và GỚM THAY // HAY THÊU DỆT ở câu 1558.

Trang 41A

1. Có 5 trường hợp các dị bản có giá trị gần như tương đương, nên có thể cứ theo bản có nguồn gốc cổ mà phục nguyên. So sánh:

- LANG QUÂN với CHỒNG TAO ở câu 1559
- HẲN BỞI với HẲN MIỆNG ở câu 1560
- GÃ THÌ với ĐỨA THÌ ở câu 1562
- CHẲNG ĐỘNG với BẤT ĐỘNG ở câu 1576
- NGHĨ LÀ với NGHĨ ĐÀ ở câu 1577
- ĐÃ XƯNG với LẠI XƯNG ở câu 1578

2. Riêng trường hợp DƯỚI YÊN/XUỐNG YÊN ở câu 1568 thì chắc XUỐNG YÊN đúng hơn, tuy đa số nghiêng về DƯỚI YÊN. Trước đây cũng đã có lần chúng ta gặp trường hợp như vậy, vì 𨑜 có thể đọc cả DƯỚI cả xuống; và vì cách viết XUỐNG 竜下 và DƯỚI 帯下 cũng rất dễ nhầm nhau!

3. Còn lại đều là những trường hợp có đủ 2 tiêu chí để tái lập. Đó là:

- VỘI VÀNG ở đầu câu 1561

- LÀM DỮ ở giữa câu 1561

- ĐỨA THÌ... THÌ... ở câu 1562

- BUỒNG THÊU ở câu 1565

- SỰ MÌNH ở câu 1574

- CƯỜI TỈNH NÓI SAY ở câu 1575

4. Ở câu 1561 bản LNP khắc hai chữ đọc Hán Việt là TRỪNG LĂNG, chúng tôi đoán phải đọc Nôm là CHƯNG LỪNG vì trong HTC có LỪNG CHỪNG với nghĩa là "còn trắc trở, chưa xuôi bề nào" "dở lỡ". Trong từ lấp láy đôi khi có thể đảo ngược như vậy, ví dụ: BỒNG LÔNG → LÔNG BÔNG. Nhưng Nguyễn Bá Triệu lại nhận diện là 2 chữ Hán Việt VI LĂNG, và đọc Nôm là VỜ LỪNG -- Vậy xin cân nhắc tiếp.

Trang 41B

1. Trang này bản DMT/1872 có ba chỗ khắc sai: 2 lần khắc LỜI thành ĐIỀU và một lần khắc QUÊ thành XUÂN:

- Ở câu 1582: LỜI khắc thành ĐIỀU nên không hiệp vần với CƯỜI ở câu trên được. Sáu bản khác cũng cùng sai theo.

- Ở câu 1586: cũng vì LỜI khắc thành ĐIỀU nên không hiệp vần với DÀI của câu lục trước đó được. Lần này chỉ DMT/1872 sai.

Hai sự nhầm lẫn này chắc xảy ra ở khâu đọc nhẩm, do liên tưởng lạc sang chữ có ý nghĩa khác, nhưng vẫn ăn khớp với ngữ cảnh. So sánh:

Những LỜI đâu đâu → Những ĐIỀU đâu đâu

Những LỜI nọ kia → Những ĐIỀU nọ kia

- Còn ở câu 1539 thì chắc ở bản cổ xưa chữ QUÊ ghi bằng chữ KHUÊ (là "sao khuê") 奎 nên mới nhầm thành chữ XUÂN 春 , làm cho câu thơ trở thành khó hiểu. Chữa ba chỗ ấy xong thì bản DMT lại sẽ thống nhất với bên đa số.

2. Ở 6 trường hợp sau đây chúng ta cũng có đủ 2 tiêu chí để phục nguyên:

- KHEN ở câu 1585

- NON ở đầu câu 1593

- THUẦN ở chữ thứ 3 câu 1593

- VƯỢC ở chữ thứ 4 câu 1593

Xin chú ý: 4 bản dùng chữ 馘 (đọc Hán Việt là QUẮC hay HỨC), 5 bản dùng chữ 魊 (đọc Hán Việt là HỨC). Nhưng đây là chữ Nôm, trong văn bản Nôm, viết trùng với chữ Hán, kiểu như ĐẤT (ở câu 57), ĐỨT (ở câu 32, đều ở LVĐ) viết trùng với chữ THẢN. Không ai đọc "Sờ sờ nấm THẢN bên đường" hoặc "nghề riêng ăn THẢN hồ cầm một trương" vì đọc thế thì câu trở thành vô nghĩa. Trường hợp 魊 đọc HỨC còn có nghĩa, nhưng loài cá này không liên quan gì đến điển tích THUẦN LÔ, còn trường hợp 馘 thì đọc HỨC có còn là cá nữa đâu! Vậy phải đọc Nôm là VƯỢC, như cụ ĐDA và nhiều người đã đề nghị.

- MỘT NIỀM ở câu 1596, đính ngoa thành MÀU [1]

- RỈ RĂNG ở câu 1597

3. Cuối cùng có hai trường hợp cần phải có tí chút biện luận:

a. Ở câu 1592 bản DMT/1872 và hai bản LNP/1870, KOM/1902 đều in CHUNG BÓNG; 6 bản còn lại thì in CHONG BÓNG. Kể ra đọc theo bên nào cũng được cả. Nhưng xét thế tiểu đối trong câu, thì nên theo 3 bản đầu: ở vế sau 2 người đã TRĂNG TRÒN SÁNH VAI thì ở vế trước hai người cũng phải ĐÈN KHUYA CHUNG BÓNG, có thế mới hợp. Nếu đọc ĐÈN KHUYA CHONG BÓNG thì mối quan hệ giữa hai người sẽ nhường chỗ cho mối liên hệ với chiếc đèn!

b. Ở câu 1954 sáu bản in:

Giếng vàng đã RỤNG một vài LÁ ngô

Bản DMT/1872 và 3 bản nữa lại in:

Giếng vàng đã NẨY một vài TIN ngô

Thiết nghĩ cả hai bên đều cũng xuất phát từ mấy câu thơ cổ:

Ngô đồng nhất diệp lạc

Thiên hạ cộng tri thu

Nhưng đa số dùng dị bản bám sát theo cảnh đẹp trong bài thơ cổ, còn phía DMT thì lại gắng diễn đạt cái thông tin chính rút từ cảnh đó – Mà diễn đạt một cách cũng khá độc đáo!

---

(1) Không sợ trùng lặp: một trong 2 chữ NIỀM ở 2 câu 1595, 1596 chắc do chữ LÒNG hay chữ MÀU chép nhầm mà thành. P. Schneider / 1981 đã đính ngoa cả 2 nơi; chúng tôi thì đề nghị chữa NIỀM thành MÀU ở câu 1596, theo tiền lệ ở các bản TMĐ, VNB - 60 và KOM.

Trang 42A

1. Có 11 trên 14 trường hợp có thể phục nguyên theo bản DMT/1872 vì đa số các bản khác cũng ăn khớp như vậy. Đó là:

- MỞ ở câu 1601
- KHÓI BIẾC ở câu 1604
- NÀNG chữ thứ 3 ở câu 1606
- ĐÃ chữ thứ 4 cũng ở câu 1606
- GIẬN, GHẺ ở câu 1609
- ĐƯỜNG BỘ ở câu 1613
- THÌ GẦN ở câu 1514
- DỌN THUYỀN ở câu 1615
- DÂY XÍCH ở câu 1616
- MỆT ở câu 1617

2. Có hai trường hợp bản DMT/1872 khắc sai, phải đính ngoa trước khi phục nguyên:

- TÍNH MÀ khắc sai thành TÍNH ĐIỀU ở câu 1600, không hiệp vần được với XA XA ở cuối câu trên.

- Và QUÊ NGƯỜI khắc sai thành XUÂN NGƯỜI ở câu 1602.

Ở hai câu này lý do khắc sai thì cũng như ở các câu 1582, 1586 và ở câu 1593 trang 41B trước đây.

3. Ngoài ra ở câu 1609 có một kết cấu 3 bản in là VÓ CÂU, 6 bản in là ROI CÂU. Vì bản DMT/1872 in là VÓ CÂU nên chúng tôi cũng phục nguyên như thế, để tôn trọng văn bản có nguồn gốc cổ. Động từ GIÓNG ở sau, theo TĐTV(HP) có thể dùng để nói về ROI CÂU cũng được, nói về VÓ CÂU cũng được.

Trang 42B

1. Trước khi phục nguyên ở trang này có 5 điểm cần phải cân nhắc:

a. Ở câu 1621 hai bản in CŨNG MẦU, 7 bản chọn RẤT MẦU. Về mặt ngữ pháp, RẤT chỉ "mức độ cao, trên hẳn mức bình thường", còn CŨNG thì "dùng để làm cho lời nói bớt vẻ khẳng định" (TĐTV-HP) – Câu Nguyễn Du viết:

Phu nhân khen chước... mầu

có lẽ dùng chữ MẦU sau chữ CŨNG, bởi vì trong TTTN đoạn này bà mẹ

Hoạn thư tỏ về có ý ngần ngại, cân nhắc. Bà nói: "Chồng con chưa đi thì có thể dùng mưu kế. Nay nó đi rồi thì còn làm sao được!"

Vậy có lẽ nên phục nguyên CŨNG MẦU như ở bản DMT/1872, chắc đó là cách nói vốn có trong bản phác thảo của nhà thơ.

b. Ở câu 1629 bảy bản dùng hai chữ BÓNG DÂU, chỉ hai bản DMT/1872 và ADM/1884 dùng BÓNG TANG. Nội dung hai bên cơ bản như nhau. TANG lại có thể – nếu muốn – đọc theo nghĩa thành DÂU. Vậy có lẽ cứ nên đọc DÂU tuy viết như bên thiểu số, vì dẫu sao, dị bản đó cũng là dị bản có nguồn gốc rất cổ.

c. Ở câu 1634 có 3 dị bản: KHUÔN DUYÊN có mặt ở 5 bản, NHÂN DUYÊN có mặt ở 3 bản, HƯƠNG DUYÊN chỉ có mặt ở bản DMT/1872. Tra cứu thư tịch, chúng ta sẽ thấy rằng HƯƠNG DUYÊN là cách nói tắt của 4 chữ HƯƠNG HỎA NHÂN DUYÊN. Đây là cách nói có nguồn gốc Phật giáo dùng để chỉ một mối nhân duyên hòa hợp, gắn bó đôi bên một cách trang trọng, có lễ nghi thành kính. Vậy có lẽ vẫn nên phục nguyên "HƯƠNG DUYÊN biết có vuông tròn cho chăng". Chữ dùng có nguồn gốc tôn giáo như vậy chắc là chữ cụ Nguyễn Du đã cân nhắc chọn lọc cẩn thận.

d. Ở câu 1635, bản DMT/1872, chúng ta có:

Thân sao nhiều ÁN bất bằng

Cũng có thể tạm hiểu được: "Thân sao gặp nhiều vụ việc oái oăm đáng giận như vậy!". Nhưng chúng tôi vẫn ngờ ngợ về chữ ÁN. Phải chăng đó chỉ là chữ NỖI khắc không chuẩn? Cần tiếp tục cân nhắc về trường hợp phục nguyên này: ÁN hay NỖI? Nếu theo tiêu chí 2 thì NỖI!

e. Cuối cùng là việc cân nhắc giữa 3 dị bản Ả HẰNG – CHỊ HẰNG – CUNG TRĂNG: đây là 2 chữ thứ 3 thứ 4 trong câu 1636.

Hai bản LNP, KOM cặp đôi Ả TỐ với CUNG TRĂNG. Các bản còn lại thì cặp đôi CUNG QUẢNG với Ả HẰNG hoặc CHỊ HẰNG. Vì CUNG QUẢNG đã hội đủ 2 tiêu chí để phục nguyên, vậy cũng phải phục nguyên cả Ả hoặc CHỊ HẰNG. Chúng tôi tôn trọng bản DMT/1872 nên chọn CUNG QUẢNG, CHỊ HẰNG.

2. Trong 7 trường hợp sau đây bản DMT/1872 hoàn toàn ăn khớp với đa số các bản còn lại. Nhưng theo ý chúng tôi chỉ phục nguyên ngay được 5 trường hợp, còn 2 trường hợp cần phải tìm hiểu tiếp.

Danh sách 5 trường hợp có thể phục nguyên ngay:

- TRÒ CƯỜI ở câu 1620
- BẾN//BIỂN TỀ ở câu 1626

- QUANH VAI ở câu 1631

- NÀO LỜI... NÀO LỜI... ở câu 1632

- SẮN BÌM CHÚT PHẬN... ở câu 1633

3. Hai trường hợp cần tìm hiểu tiếp, trước khi phục nguyên:

a. Ở câu 1624 bản DMT/1872 in MỘT VÀI và được 6 bản khác cũng ăn khớp như vậy. Mới xem qua tưởng có thể tái lập ngay. Nhưng hai bản TVKI và KOM lại in MỘT BẦY! Hai chữ VÀI BẦY tự dạng có chỗ gần nhau: vậy phải đề phòng chuyện lẫn lộn từ bên này sang bên kia! Trong TTTN có những câu mô tả như:

"Bọn vũ dũng kia chẳng nói gì cả, một tên đưa ngay dúm thuốc mê nhét vào miệng Thúy Kiều..."

"Rồi bọn chúng kéo ùa vào trong nhà..."

"Liền đó chúng lại phóng lửa đốt nhà..."

"Nhân lúc hỗn loạn ấy, bọn kia liền kéo nhau chuồn thẳng"

Trong truyện Kiều cụ Nguyễn Du cũng viết: Dưới hoa dậy lũ ác nhân

Rõ ràng đây là một nhóm có tổ chức: chọn "MỘT BẦY CÔN QUANG" có lẽ đúng hơn là "MỘT VÀI CÔN QUANG". Hơn nữa, BẦY thì hiệp vần tốt hơn với hai chữ TAY, MÂY của hai câu trước.

Có thể sơ bộ kết luận: VÀI chắc là chữ BẦY khắc nhầm mà thành. Nên phục nguyên BẦY.

b. Ở câu 1625 bản DMT/1872 và 7 bản nhất trí in:

Dặn dò hết các MỌI ĐƯỜNG

Duy bản LNP đổi MỌI ĐƯỜNG thành NẺO ĐƯỜNG. Nhưng MỌI và NẺO tự dạng quá khác nhau, khó nói bên này chuyển nhầm thành bên kia. Vậy trong nguyên tác vốn như thế nào? Khó tin là cụ Nguyễn Du viết trùng lặp cả CÁC cả MỌI như thế. Tra cứu các tài liệu khác chúng ta thấy:

- Trong chữ Nôm thế kỷ 17, như ở Maiorica, chữ MỌI còn có thể đọc MỐI, MŨI.

- Chữ ĐƯỜNG còn có thể đọc như ở TVK là GIỀNG tức GIƯỜNG/DƯỜNG.

Vậy phải chăng câu thơ xưa vốn được phác thảo là: Dặn dò hết các MỐI GIƯỜNG?

MỐI GIƯỜNG // GIỀNG có thể chỉ "những cái cơ bản, những điểm chính, những đường lối khái quát". Về nghĩa như vậy là phù hợp, vì trong TTTN, Hoạn thư cũng đã "tính mẹo", cũng đã "bày mưu kế" trên đại thể để

bọn Khuyển Ưng theo đó mà thi hành.

Còn về mặt quy tắc đọc Nôm, thanh phù ĐƯỜNG hoàn toàn có thể dùng để ghi DƯỜNG rồi từ đó chuyển sang ghi được cả GIƯỜNG, GIỀNG.

Tóm lại chúng tôi đề nghị nên phục nguyên MỐI GIƯỜNG thay vì MỌI ĐƯỜNG như xưa nay thường làm.

Trang 43A

1. Có thể phục nguyên ngay những trường hợp sau đây:

- THIÊN ĐÀI ở câu 1639
- CHỮA CẠN ở giữa câu 1640
- VÂN VÂN ở cuối câu 1640
- MỌC RA ở cuối câu 1642
- DẪY... TỨC THÌ ở câu 1647
- PHÒNG ĐÀO ở câu 1648
- BỐN BỀ cũng ở câu 1648
- ĐEM VÀO ở đầu câu 1650
- ĐỂ ĐÓ ở giữa câu 1650
- PHA CÀN ở đầu câu 1652
- ĐẾN NƠI ở cuối câu 1655
- TƯỚI LỬA ở câu 1656

2. Còn lại 4 câu cần cân nhắc thêm trước khi phục nguyên:

a. Ở câu 1644 bản DMT/1872 khắc BIẾT RẰNG trong khi đa số khắc BIẾT LÀ. Có thể đoán chắc bản DMT/1872 sai vì BIẾT RẰNG không hiệp vần với SÁNG LÒA ở câu lục được. Nhưng RẰNG và LÀ tự dạng khác nhau: vậy có lẽ sai lầm ở khâu đọc nhẩm, nghe BIẾT thì liên tưởng về mặt ngữ nghĩa đến RẰNG.

b. Ở câu 1645 riêng bản DMT/1872 khắc:

Thuốc mê đâu THOẮT rưới vào

Ở 8 bản còn lại đều dùng chữ ĐÃ. Chắc THOẮT đúng hơn, và phải phục nguyên nó. Lý do: nó có mặt ở bản có nguồn gốc cổ và nó mô tả được rõ hơn.

c. Ở câu 1655 chữ CHẠY hơi bị thiểu số (chỉ 4 trên 9 bản chấp nhận) nhưng nó có mặt ở bản DMT/1872 và nó có vẻ miêu tả đúng hơn chữ NHẢY.

d. Ở câu 1657 có lẽ chữ TUNG là chữ CAO khắc nhầm, vì lặp 2 lần chữ CAO, câu nghe ý vị hơn. Đa số chấp nhận CAO là có cơ sở:

Gió CAO ngọn lửa càng cao

Trang 43B

1. Trang này việc khảo dị không nhiều: chỉ có 7 trường hợp! Trong số đó chỉ có 3 trường hợp cần cân nhắc, vì thiếu sự ăn khớp giữa tiêu chí 1 và tiêu chí 2.

Trước hết cần so sánh 3 dị bản RƠI GIỌT, RƠI LỆ và SÙI SỤT để chọn lựa kết cấu hợp với cả câu 1665. Có lẽ trước 2 chữ VẮN DÀI, nên chọn RƠI GIỌT như ở câu 684 trước đây hay ở câu 1840 sau này. So sánh:

- Ở 2 câu 683, 684:

Phải lời ông cũng êm tai

Nhìn nhau GIỌT VẮN GIỌT DÀI ngổn ngang

- Hoặc ở 2 câu 1839, 1840:

Sinh càng như dại như ngây

GIỌT DÀI GIỌT VẮN chén đầy chén vơi

Cả 3 nơi đều nói về đàn ông. Phải chăng vì thế VVK mới viết " SÙI SỤT nên dành cho trẻ em hoặc đàn bà".

Chúng tôi chọn RƠI GIỌT nhưng cũng phụ chú thêm hai chữ SÙI SỤT vì hai lẽ: 1. Chúng đạt đa số 5/9, 2. Chúng có tự dạng gần RƠI GIỌT, hai bên dễ nhầm lẫn.

2. Ở câu 1667 cần chọn lựa giữa NHẶT GÓI, NHẶT SẮP và NHẶT NHẠNH sao cho có kết cấu hợp với cái khung:

Di hài ... ... về nhà

Ở tiếng Việt thường chỉ có thể nói NHẶT VỀ NHÀ, GÓI VỀ NHÀ chứ ít ai nói SẮP VỀ NHÀ. Vậy có lẽ cứ nên phục nguyên NHẶT GÓI. Còn chuyện SẮP vào quan tài thì sẽ nói ở câu sau, sau khi đã về đến nhà:

Di hài NHẶT GÓI về nhà

Nào là khâm liệm, nào là tang trai

3. Chữ VẸN ở câu 1669 khắc quá khác chữ ĐỦ, vậy không thể có chuyện nhầm lẫn. Bản DMT/1872 khắc chữ VẸN chắc là có dụng ý: nhấn mạnh sự hoàn thành nghĩa vụ với thái độ trân trọng. Nếu dùng ĐÃ ĐỦ MỘT HAI thì dễ gây ấn tượng là lễ nghi chỉ tổ chức một cách hình thức. ĐÃ ĐỦ có mặt ở 6 bản, nhưng chúng tôi không phục nguyên là vì vậy.

4. Còn lại 4 trường hợp hội đủ cả hai điểm: có mặt ở bản DMT/1872 và đồng thời có mặt ở đa số các bản khác. Đó là:

- CHẠY RA ở câu 1661
- TRÔNG ở đầu câu 1662
- THAN ở chữ thứ 2, câu 1662
- ĐỨT RUỘT ở câu 1676

Ở đây cũng cần bình luận thêm một tí về câu 1662. Ba bản viết về đoạn này như sau:

Chạy ra chốn cũ phòng hương

TRONG than (hoặc tro) thấy một đống xương cháy tàn

Chúng tôi hơi ngờ ngợ: phải chăng có chuyện khắc nhầm? VÌ TRONG, TRÔNG tự dạng cũng khá gần nhau: cùng có thanh phù LONG cả! Nhưng xét kỹ có lẽ dùng TRÔNG là có dụng ý: nhấn mạnh đến sự cố gắng xem xét, để tâm tìm tòi. Vậy xin tạm phục nguyên TRÔNG và phụ chú cả TRONG để nghiên cứu tiếp.

Trang 44A

1. Trang này có chuyện bất thường: hai câu 1681, 1682 khác nhau toàn bộ, hình thành nên 3 dị bản. Nếu cho 2 câu lục là A1, B1; cho 2 câu bát là A2, B2 thì chúng ta có:

A1 / A2 : ở 7 bản

B1 / B2 : ở 1 bản

A1 / B2 : ở 1 bản

Vậy cứ xin tái lập A1, A2 theo đúng hai tiêu chí.

2. Có hai chỗ chắc bản DMT/1872 khắc in sai. Đó là:

a. LÀ NGÀY ở câu 1680 khắc nhầm thành ĐẾN NGÀY.

b. TAM ĐẢO ở câu 1685 khắc nhầm thành TAM BẢO.

Trường hợp đầu khắc sai do tự dạng: chữ LÀ viết tắt 羿 khắc thành ĐẾN viết tắt 旦

Trường hợp sau chắc sai do liên tưởng nhầm về nghĩa: nghe TAM thì nghĩ đến BẢO, vì TAM BẢO cũng là một kết cấu phổ biến, không khác gì TAM ĐẢO. Sự sai lầm này do đó đã truyền rộng ra: hiện có mặt ở 7 bản.

3. Còn lại 3 trường hợp phục nguyên dễ dàng vì có mặt ở cả bản DMT/1872, ở cả đa số các bản khác:

- TRÍ QUỈ ở câu 1684

- NẶNG KIẾP ở câu 1693

- CHIỀN CHIỀN ở câu 1697

4. Và 2 trường hợp phục nguyên theo dị bản thiểu số: ĐƯA SANG ở câu 1687 và MỆNH CUNG ở câu 1695. Chúng tôi phục nguyên như thế là vì hai lẽ:

- Sự chênh lệch giữa 3 bản và 6 bản tuy cũng quan trọng, nhưng chúng tôi có cơ sở để nghiêng về phía thiểu số: trước hết đó là sự có mặt của bản DMT/1872 trong phía thiểu số ấy.

- Và thứ hai, đó là điểm trội về mặt văn phong: nếu nói đến lễ vật thì dùng ĐƯA SANG đúng hơn RƯỚC SANG; còn nếu nói đến chuyện mời thầy thì phải nói RƯỚC VỀ mới hợp lý. Cũng vậy, dùng MỆNH CUNG thì phổ thông hơn, dễ hiểu hơn; dùng BỘT CUNG thì chuyên môn quá, không phải bạn đọc nào cũng nắm được thuật ngữ đó.

Trang 44B

1. Trang này cũng có chỗ khác hẳn cả một câu: câu 1705. So sánh:

A. *Đành rằng nàng đã cửu nguyên*

B. *Nước trôi hoa rụng đã yên*

Câu 1705/A chắc là câu chữa lại ở Huế vì nó chỉ có mặt ở hai bản LNP và KOM. Câu 1705/B thì có mặt ở cả miền Bắc ở cả Nam Bộ. Sự nhuận sắc ở Huế, theo ý chúng tôi, không làm cho câu thơ hay hơn, mà trái lại! Vì vậy nhất định phải phục nguyên theo đúng câu 1705/B, vì nó vừa đạt hai tiêu chí, vừa lại có giá trị hơn.

2. Ở 3 trường hợp nữa, chúng tôi cũng tái lập theo câu cổ có ở bản DMT/1872. So sánh các dị bản:

Ở câu lục 1699:

A1. ĐIỀU ĐÂU nói lạ DƯỜNG NÀY (DMT, ADM, KOM)

B1. ĐIỀU ĐÂU nói LẠ LÙNG THAY (TVKI)

C1. NGHE LỜI nói lạ DƯỜNG NÀY (LNP, LVĐ, TMĐ, QVĐ, VNB-60)

Và ở câu bát 1700:

A2. Sự nàng LÀ thế lời thầy dám tin (DMT, ADM, LNP)

B2. Sự nàng ĐÃ thế lời thầy dám tin (LVĐ, TMĐ, QVĐ, NVB-60, TVKI, KOM)

LẠ LÙNG THAY ở B1 không dùng được vì trùng vần với chữ THAY cuối câu 1698 trước đó. DƯỜNG NÀY thì có thể chọn để phục nguyên vì nó hội đủ 2 tiêu chí. Nhưng do đó cũng nên chọn luôn cả ĐIỀU ĐÂU trong cùng câu, vì nó có mặt ở bản DMT/1872 đồng thời cũng còn có mặt ở 3 bản nữa của Nam Bộ và của Huế.

Đó là nói về việc phục nguyên câu lục. Còn về câu bát thì như sau: chấp nhận câu SỰ NÀNG ĐÃ THẾ là khẳng định chuyện Thúc sinh chắc chắn Kiều đã chết và coi đó là cơ sở để không tin lời thầy chút nào. Còn chấp nhận câu SỰ NÀNG LÀ THẾ thì lại cho thấy Thúc sinh chỉ lặp lại lời kể của thầy, và tỏ ý không tin vào câu chuyện thầy vừa kể đó. Rõ ràng sự không tin thầy có phần giảm nhẹ hơn. Mà điều đó thì rất phù hợp: phù hợp với 4 chữ "bán tín bán nghi" trong TTTN, lại còn phù hợp ngay cả với 2 câu phản bác sau đó:

Người đâu mà lại thấy trên cõi trần?

Thân này dễ lại mấy lần gặp tiên!

Phản bác thế tức là Thúc sinh vẫn có phần nửa tin nửa ngờ cái chuyện SỰ NÀNG LÀ THẾ hơn là đã xác tín 100% về cái chuyện SỰ NÀNG ĐÃ THẾ. Có lẽ nên cân nhắc theo tinh thần đó khi phục nguyên: chọn câu A2 có lẽ hợp hơn.

3. Ở câu 1718 có 2 dị bản: SẢNH ĐƯỜNG và SẢNH TRÊN. Chúng tôi cũng phục nguyên SẢNH TRÊN theo DMT/1872 vì 2 lẽ:

- Kiều mới tỉnh dậy đã đâu biết có SẢNH ĐƯỜNG!

- Hơn nữa, dùng SẢNH TRÊN thì vừa phù hợp với sự nhận thức của Kiều lúc ấy, vừa phù hợp với cách dùng 2 chữ LÊN HẦU ở cuối câu.

4. Cuối cùng còn lại đều là những trường hợp có thể yên tâm phục nguyên ngay:

- DỄ LẠI ở câu 1704
- HAY ĐÂU ở câu 1706
- VỰC NÀNG ở câu 1708
- HUYỆN TÍCH ở câu 1710
- DỠ//GIÃ ĐÒ ở câu 1711
- VỰC NÀNG ở câu 1713
- HOÀNG LƯƠNG ở đầu câu 1715
- NGHE TỈNH ở giữa câu 1715
- HỒN MAI ở cuối câu 1715
- ĐÂU MẤT ở câu 1716

Trang 45A

1. Ở trang 45A này, có thể căn cứ 2 tiêu chí đã đề ra để phục nguyên ngay mấy trường hợp như sau:

- TRÊN DƯỚI ở câu 1719
- DÃY DÀI ở câu 1721
- TREO TRÊN ở câu 1722
- HAI BÊN ở câu 1723
- NÀNG ĐÃ... GỞI THƯA ở câu 1726
- NHỮNG GIỐNG ở giữa câu 1728
- CHẲNG MÀU TRỐN CHÚA ở câu 1730

2. Trong 8 trường hợp bản DMT/1872 không ăn khớp với đa số thì phải cân nhắc thêm mới quyết định được.

a.Trường hợp MỌI NGƯỜI ở câu 1720, đa số nghiêng về MỘT NGƯỜI, nhưng chúng tôi vẫn chọn theo bên thiểu số. Lý do: chắc cụ Nguyễn Du viết MỌI NGƯỜI, vì có viết thế mới ăn khớp với những câu như:

- Câu 1719: *A hoàn trên dưới giục mau*
- Câu 1737: *A hoàn trên dưới dạ rân*

Đã nói "trên dưới" và "dạ rân" thì phải hiểu là có nhiều người! Các bản in MỘT NGƯỜI là in theo TTTN chứ không phải theo cụ Nguyễn Du.

b. Trường hợp NHÁC/LIẾC TRÔNG cũng chỉ có mặt ở 4 bản như trường hợp MỌI. Và ở đây chúng tôi cũng vẫn chọn theo bên thiểu số. Rõ ràng khi Kiều bị "giục mau" lên gặp bà cụ mẹ Hoạn thư thì nàng chỉ có thể NHÁC TRÔNG một cách lướt qua chứ không thể ung dung NGƯỚC xem hay NHÌN KỸ.

Phải phục nguyên NHÁC // LIẾC TRÔNG mới phù hợp!

3. Ở 2 câu 1723, 1731 thì rõ ràng cần phải đính ngoa trước khi phục nguyên.

a. Ở câu 1723: *BẰNG ngày NẾN thắp hai bên.*

chúng tôi đã từng nghĩ đến 2 khả năng:

- BẰNG NGÀY là dịch hai chữ BÌNH NHẬT - hoặc BẰNG là cách khắc nhầm của chữ BAN. Nhưng căn cứ thực tế văn bản, chúng tôi chưa tìm được tài liệu nào khác cũng dùng hai chữ BẰNG NGÀY. Vậy có lẽ phải nghiêng sang giả thuyết chữ BAN 班 khắc nhầm thành chữ BẰNG 平 . Còn NẾN thì cứ nên theo bản gốc DMT/1872.

b. Ở câu 1731: *Ra tuồng mèo mả CÒ đồng.*

Cũng phải cho CÒ là một chữ chép và in không chuẩn. Hai lý do ủng hộ giả thuyết đó:

- Trong tiếng Việt MÈO MẢ GÀ ĐỒNG là một thành ngữ quen thuộc, nhà thơ không thể tùy tiện chữa lại.

- Về chữ Nôm, giữa cách viết CÒ [illegible] và cách viết GÀ [illegible] 鵸 có sự gần gũi nhau cho phép tạo ra sự nhầm lẫn. Hơn nữa ngay từ điển TVK cũng ghi nhận: có khi viết chữ CÒ mà lại đọc GÀ! Vậy phải đính ngoa rồi phục nguyên GÀ đúng như trong câu thành ngữ.

c. Ở câu 1728: *Diếc NÀNG những giống bơ thờ quen thân.*

chúng tôi cũng ngờ rằng chữ NÀNG 娘 vốn là chữ RẰNG 浪 khắc nhầm mà thành. Nhưng ở câu này chúng tôi đang còn có tí chút lưỡng lự, vì dầu sao DIẾC NÀNG cũng có nghĩa và cũng còn có thể chấp nhận được. Vậy phải tiếp tục cân nhắc thêm nữa.

4. Đến đây còn 2 trường hợp phải bàn đến cách đọc chứ không phải bàn đến tự dạng, trước khi phiên ra Quốc ngữ.

a. Ở câu 1724: *TRÊN giường thất bảo ngồi... một bà.*

Việc phục nguyên chữ đứng đầu câu không có gì là khó khăn: cả bản DMT/1872 cả đa số các bản khác đều nhất trí cho rằng đó là chữ TRÊN chứ không phải chữ GIỮA. Nhưng đến chữ thứ 6 thì có 3 dị bản: 5 bản chọn TRÊN, 3 bản chọn LÊN; riêng bản DMT/1872 khắc chữ LIÊN (= sen). Việt La và HTC đọc chữ đó là REN và cho biết nó thường dùng như trong HỎI ĐON HỎI REN (= hỏi thăm, hỏi mót, dò đón). Cả ĐON, cả ĐON REN, và suy ra cả REN, cũng cùng nghĩa như vậy. Génibrel cũng có mục REN, mục ĐON và kết cấu ĐON REN. Vậy NGỒI REN có ý nghĩa là <u>ngồi chờ sẵn trước</u> để <u>thăm chừng sự thể ra làm sao</u>. Riêng từ điển Việt La thì lại còn thêm nét nghĩa ĐON REN là *háo hức* (tham lam) *muốn dò cho ra* (tìm kiếm). Những định nghĩa này mô tả một thái độ rất ăn khớp với thái độ bà mẹ Hoạn thư khi bà ngồi chờ sẵn và cho người gọi Kiều lên để hỏi. Có thể tin rằng phục nguyên câu này thành:

TRÊN giường thất bảo ngồi REN một bà

là phục nguyên đúng câu cụ Nguyễn Du đã viết. Có điều REN là từ cổ, ít ai hiểu, nên cần phải chú thích.

b. Ở câu 1734: *Lại còn khủng... ... làm cao thế này.*

Bản DMT/1872 khắc chữ thứ 4 thành chữ KHUYỂN. Theo cách đọc Nam Bộ, chúng ta biết đó là kết cấu KHỦNG KHIỂN mà từ điển HTC giải thích là "thủng thỉnh, lần lần". VVK lại cho biết KHỦNG KHIỂN chính là

lối nói Nam Bộ tương đương với KHỦNG KHỈNH của tiếng phổ thông. Điều đó chắc đúng vì KHIỂN viết với âm -N ở cuối, nhưng phát âm với -NG, mà KHIỂNG thì đúng là tương đương với KHỈNH. Ngay HTC bên cạnh cách ghi KIẾN (đọc thì KIẾNG) đã chú thích trong 2 ngoặc đơn là chữ KÍNH: ví dụ KIẾN NHƯỜNG = KÍNH NHƯỜNG; KIẾN SOI = GƯƠNG SOI MẶT, KÍNH SOI, KÍNH CON MẮT. Điều đáng nói là với định nghĩa "thủng thỉnh, lần lần" HTC mới chỉ tả bề ngoài, chưa đi sâu được vào bên trong, vì KHỦNG KHỈNH là thái độ của người có tâm lý muốn "làm cao", ("trở bộ làm cao, làm bộ, vì bất hòa hay khinh dễ" theo KTTĐ). Với tất cả những điều vừa nói trên đây, khi phục nguyên chúng ta phải phổ thông hóa 2 chữ KHỦNG KHIỂN thành KHỦNG KHỈNH.

5. Cuối cùng ở trang này chỉ còn lại 3 dị bản ở câu 1735:

- Gia pháp đâu? Trẻ nọ bay!
- Nào là gia pháp nọ bay?
- Chưa nào roi nọc chúng bay

Chúng tôi chọn dị bản đầu, vì nó có mặt ở bản DMT/1872 và nhất là vì nó rất ăn khớp với mệnh lệnh nêu ở câu tiếp theo.

Gia pháp đâu? Trẻ nọ bay
Hãy cho ba chục biết tay một lần!

Trang 45B

1. Năm trường hợp sau đây đều có mặt đồng thời vừa ở bản DMT/1872 vừa ở đa số các bản khác. Vậy có thể cứ phục nguyên như vậy:

- GIÚP LỜI ở câu 1750
- DẠY RẰNG ở câu 1751
- NGƯỜI CŨ ở câu 1756
- CON ONG chữ thứ 2 câu 1758
- CÁI KIẾN chữ thứ 3 câu 1758

2. Ba dị bản BUỒNG THE, PHÒNG ĐÀO, PHÒNG THÊU ở câu 1744 về cơ bản cũng gần gần như nhau, xét về mặt giá trị văn học. BUỒNG THE có thể gạt bỏ, vì nó chỉ được một bản chấp nhận. Hai dị bản còn lại đều như nhau: có mặt ở 4 bản. Nhưng PHÒNG THÊU có điểm trội là có mặt ở bản DMT/1872. Vậy chúng ta nên tái lập PHÒNG THÊU.

3. Ở câu 1747, QUẢN GIA được dùng ở 5 bản, HOẠN GIA được dùng ở 4 bản, trong đó có cả bản DMT/1872. Đó là một điểm đáng lưu ý. Nhưng

điều đáng lưu ý hơn nữa là trong câu:

... ... có một mụ nào.

nhà thơ đã hé cho chúng ta thấy 2 chữ đầu tiên chắc phải là 2 chữ HOẠN GIA. Vì trong HOẠN GIA có thể có nhiều bà già, nên mới có thể nói "có một mụ nào". Nếu là QUẢN GIA thì khó có thể nói như vậy được. Và tra truyện Tàu, quả đúng như vậy thật. Ở trang 228 bản dịch tác phẩm của TTTN, sau đoạn Kiều bị đánh, chúng ta thấy có những câu như:

- *(Mẹ Hoạn thư) "liền gọi MỘT MỤ GIÀ ra bảo:"*

- *"MỤ GIÀ bước tới nói với Thúy Kiều"*

- *"MỤ GIÀ liền dìu Thúy Kiều về buồng mình"*

Ở trang 286 chúng ta lại gặp những câu như:

- *"Thiếp chịu ơn cha con họ Thúc và BÀ GIÀ ở HOẠN PHỦ"*

- *"Từ Hải... bèn truyền mời... BÀ GIÀ Ở HOẠN PHỦ... cho vào yê kiến"*

Vậy phải phục nguyên 2 chữ HOẠN GIA thay vì 2 chữ QUẢN GIA.

Trang 46A

1. Bảy trường hợp có thể phục nguyên như ở bản DMT/1872 vì đa số cá bản khác cũng ăn khớp như vậy:

- NO NHỮNG... ở câu 1760, chữ thứ 3.
- CHẰNG CHẰNG ở câu 1764
- QUA THÌ ở câu 1767
- MỚI VỀ ở câu 1768
- MỚI GỌI ở câu 1770
- GIỮ ở câu 1776
- PHẢI ĐÊM ở đầu câu 1777

2. Các trường hợp bên DMT/1872 có từ ngữ tương đương như bên đa s thì chúng tôi vẫn phục nguyên theo DMT/1872; so sánh:

- Ở câu 1759: ĐŨA NGỌC (hoặc DỎ NGỌC) với GIỌT NGỌC
- Ở câu 1762: CŨNG CÓ với LẠI CÓ
- Ở câu 1772: ĐÀI TRANG với LẦU TRANG

3. Trường hợp bản DMT/1872 bị thiểu số mà từ ngữ khác bên đa số th tất nhiên cần phải có cân nhắc trước khi quyết định. Chẳng hạn ở câu 1760

bên thiểu số có NO, bên đa số có NỖI, tạo ra 3 câu khác nhau như sau:

- *NO lòng NO những bàn hoàn niềm tây (DMT, TVKI)*

- *NỖI lòng NO những bàn hoàn niềm tây (5 bản)*

- *NỖI lòng LUỐNG những bàn hoàn niềm tây (2 bản)*

Chúng tôi cảm thấy lối nói lặp đi lặp lại một chữ là lối nói rất quen thuộc, ca dao rất thường dùng, ví dụ:

- *Yêu nhau yêu cả đường đi*

Ghét nhau ghét cả tông chi họ hàng

- *Nhớ ai nhớ mãi thế này*

Nhớ đêm quên ngủ, nhớ ngày quên ăn

Và trong truyện Kiều nhiều chỗ khác cũng vậy: chỉ chuyện lặp lại 2, 3 lần chữ RIÊNG có thể thấy ở câu 242, câu 711, câu 1189, câu 2369. Kết cấu câu 1336:

Yêu hoa yêu được một màu điểm trang

rất gần với dị bản 1 trên đây. Vì vậy chúng tôi phục nguyên theo nó:

NO lòng NO những bàn hoàn niềm tây

4. Cuối cùng còn một trường hợp đáng băn khoăn: đó là trường hợp chữ đầu tiên trong câu 1763. Bảy bản in là:

LÀM sao bạc chẳng vừa thôi

Chỉ 2 bản gốc Huế đổi LÀM thành PHẬN! Một chuyện đính ngoa? Cũng có thể, vì chữ PHẬN có tự dạng cũng có thể nhầm thành LÀM! Hay là một chuyện nhuận sắc? Nếu nhuận sắc, cụ Nguyễn Du có tham gia hay tán thành không? Hiện chưa rõ, vì vậy chúng tôi có hai đề nghị:

- Thứ nhất cứ phục nguyên PHẬN coi như sai phải đính ngoa.

- Nhưng thứ hai cũng ghi kèm cả dị bản đạt cả hai tiêu chí (tức LÀM) để giới nghiên cứu tiếp tục khảo sát.

Trang 46B

1. Trong trang này có một trường hợp cần phải đính ngoa trước khi phục nguyên: chữ CHÚT bị nhầm thành XÓT ở câu 1783. Hai chữ này tự dạng gần gũi nên rất nhiều trường hợp cũng lẫn lộn từ bên này sang bên kia như vậy.

2. Ngoài ra có 3 trường hợp giữa dị bản này và dị bản kia không có sự khác nhau đáng kể, nên chúng tôi vẫn phục nguyên theo văn bản có nguồn

gốc cổ, tuy nó không ăn khớp với đa số. So sánh kết cấu phục nguyên với các kết cấu còn lại:

- DẮT DÂY với LỰA DÂY, GIỞ DÂY ở câu 1779

- CHIẾNG HOA với NỞ HOA, NỞ RA ở câu 1795

- CỔI // CỞI DẦN NHỚ THƯƠNG với KHUÂY DẦN NHỚ THƯƠNG ở câu 1798.

Kể ra KHUÂY thì hiện nghe hợp hơn; nhưng CỔI//CỞI lại hay được dùng trong văn cổ do vay từ chữ GIẢI của tiếng Hán: GIẢI SẦU, GIẢI MUỘN v.v.

3. Còn lại thì đều là những trường hợp có thể yên tâm phục nguyên ngay, vì hội đủ 2 tiêu chí:

- THÁNH THÓT ở câu 1780

- SỚM NĂN NỈ BÓNG ở đầu câu 1784

- ĐÊM chữ thứ 5 câu 1784

- ÂN HẬN LÒNG ở cuối câu 1784

- CHÚT NGHĨA ở câu 1785

- NƯỚC BÈO ở câu 1786

- CỐ QUỐC ở câu 1788

- PHÒNG KHÔNG ở câu 1792

- MÂY XANH ở câu 1793

- MAI ở câu 1795

Trang 47A

1. Trong trang này có thể căn cứ 2 tiêu chí đã đề ra để phục nguyên ngay:

- CHẠNH NIỀM ở câu 1799

- PHÒNG TRONG ở câu 1804

- MỘT DỪNG ở câu 1805

- NGỒI ĐÓ ở câu 1808

- BÂY GIỜ TÌNH MỚI RÕ... ở câu 1809

- VÀO VÀNH ở câu 1810

- THẬT LỨA ở câu 1813

- ĐÔI NƠI ở câu 1814

2. Có một chữ bản DMT/1872 bị thiểu số, nhưng chúng tôi nghĩ vẫn nên phục nguyên theo DMT. Đó là ở 2 câu 1799, 1800:

Chạnh NIỀM nhớ... gia hương

Nhớ quê chàng lại tìm đường thăm quê

Ở chữ thứ 4 câu lục 7 bản dùng chữ CẢNH, chỉ 2 bản DMT/1872 và ADM/1884 dùng chữ ĐẾN. Chúng tôi cho rằng nếu ở câu lục chỉ nói NHỚ ĐẾN GIA HƯƠNG một cách chung chung thì ở câu bát mới nêu cụ thể NHỚ QUÊ, TÌM ĐƯỜNG THĂM QUÊ được. Còn nếu ở câu lục đã nói cụ thể NHỚ CẢNH GIA HƯƠNG rồi thì 2 chữ NHỚ QUÊ ở câu bát lại hơi trùng lặp! Nhưng vẫn cần xét: hay CẢNH bị mờ ở dưới nên nhầm thành ĐẾN?

3. Ngược lại, lại có 2 câu bản DMT/1872 ăn khớp với đa số nhưng vẫn cần cân nhắc:

a. Trước hết đó là chữ HƯƠNG ở câu 1803. Trước nay, ví dụ ở câu 162, chúng ta đã nhiều lần chữa chữ HƯƠNG thành LAN vì biết năm 1803 lệnh Gia Long đã bắt đổi LAN thành HƯƠNG để kị húy. Muốn phục nguyên lời cụ Nguyễn Du thì nay phải chữa lại như trước.

Nhưng riêng ở câu này giới nghiên cứu đang băn khoăn: HƯƠNG là chữ Cụ vốn viết ra? Hay Cụ vốn viết LAN? Tạm thời cứ giả thử coi câu này như câu 375 và so sánh:

- Câu 375: NHÀ LAN (< HƯƠNG) thanh vắng một mình

- Câu 1803 này: NHÀ? HƯƠNG cao cuốn bức là

Hai bên quả có nét khá gần gũi nhau! Nhưng phục nguyên LAN lại có chỗ không ổn: trong cả 9 bản không có bản nào dùng dị bản đó! Chỉ có XUÂN và HƯƠNG! Vậy đành phải tái lập HƯƠNG, theo đúng 2 tiêu chí.

b. Ở câu 1816: Mà trong nham hiểm... người không dao

chữ thứ bảy được khắc là 𣩂. Căn cứ quy tắc cấu tạo, nó có thể đọc cả CHẾT cả GIẾT, nhưng trong thực tế nó thường đọc CHẾT. Vậy nên phục nguyên cách đọc nào? Nên đọc CHẾT theo thói quen ngành Nôm học? Hay, nên đọc GIẾT theo thói quen của giới Văn học? Theo ý chúng tôi, đọc văn bản Kiều thì thiết nghĩ phải nên nghiêng về ý kiến giới Văn học, nhất là khi tự dạng cho phép!

Trang 47B

1. Trang này có hai câu 1827, 1828 bị bản LNP đổi thành 4 câu. Nhưng đa số các bản, kể cả bản KOM, đều giữ 2 câu như ở bản DMT/1872. Vậy chúng ta vẫn phục nguyên theo 2 câu đó.

2. Ngoài ra có một câu có chữ rất rắc rối: đó là câu 1826:

Thôi thôi ta đã mắc tay... rồi!

Ở bản DMT/1872 chữ thứ 7 của câu này được viết là 它. Chữ này thường đọc Nôm là Đà; Trương Vĩnh Kí đọc là ĐÃ; ADM còn chấm câu như sau:

Thôi! Thôi! Ta đã mắc tay! Đà rồi!

Nhưng cách hiểu đó hình như không thuyết phục được người đọc. Có 5 bản lại in thành câu:

Thôi thôi ta đã mắc tay AI rồi

Đứng trước tình hình đó, trước đây chúng tôi đã gợi ý: phải chăng đó là chữ ẤY (ghi bằng chữ Ý) hay chữ AI (như trong BI AI) khắc nhầm mà thành? Nay suy nghĩ của chúng tôi lại chuyển sang thêm một hướng nữa, như sau:

a. Chắc xưa có một chữ có tự dạng gần như 它 rồi chép nhầm thành 它

b. Chữ 它 làm cho câu khó hiểu nên đáng ngờ.

Vậy vấn đề là phải tìm cho ra chữ có tự dạng gần như 它 mà có bản thảo xưa đã dùng. Chúng tôi lưu ý đến 2 khả năng:

- Đó là chữ NHŨNG 冗 (cũng có thể viết 宂) với nghĩa là "rối rang - lộn xộn - gian dối - thừa ra - lôi thôi" (ĐDA).

- Hoặc là chữ QUĨ 宄 với nghĩa là "gian - mưu phản - trộm cắp ở trong nhà là GIAN, ở ngoài vào là QUĨ" (ĐDA).

Về mặt văn tự, chỉ cần viết nhanh, chệch nét phẩy sang bên phải là đã có thể nhầm thành chữ ĐÀ: 宄 → 它 → 它. Về mặt ý nghĩa, chữ QUĨ khá phù hợp, hợp hơn chữ NHŨNG, tuy NHŨNG vẫn có thể dùng được. Về mặt cách đọc chúng tôi hình dung:

- Có thể đọc theo nghĩa là GIAN:

Thôi thôi ta đã mắc tay GIAN rồi!

- Mà cũng có thể đọc theo âm là QUĨ / QUỈ

Thôi thôi ta đã mắc tay QUỈ rồi!

(Có thể đọc thành dấu hỏi là vì đã có sẵn chữ QUỈ 鬼 dùng ở đây cũng rất phù hợp[1]. Chúng tôi sẽ tái lập AI theo đa số, nhưng sẽ phụ trú thêm về

---

[1] Chúng tôi ngờ rằng chuyện chữa AI thành QUỈ là chuyện nhuận sắc ở Huế vì 2 lẽ: 1/ Dùng chữ QUĨ ít nét thay chữ QUỈ, đó là chuyện của nơi HỎI NGÃ lẫn lộn: Huế là vùng như vậy. 2/ Và chính ở Huế bản LNP đã đổi AI RỒI thành MẶT THÙ: MẶT THÙ cũng là danh từ như QUỈ!
Vào Nam bộ chữ QUĨ chép nhầm thành ĐÀ.

sự phỏng đoán này để cân nhắc hết mọi khả năng.

3. Trừ hai trường hợp trên ra thì mọi trường hợp khác đều có thể phục nguyên dễ dàng vì đều hội đủ cả hai tiêu chí.

- CHẲNG PHẢI ở câu 1824

- CÓ VIỆC CHI MÀ ở câu 1830

- ĐỨNG CHỰC chữ thứ 3, thứ 4 ở câu 1836

- TRÌ HỒ chữ thứ 5, thứ 6 ở câu 1836

- HAI NƠI cuối câu 1836

- TẬN... TẬN... ở câu 1838

Trang 48A

1. Như sau này sẽ thấy, trong trang này bản DMT/1872 chỉ bị thiểu số một lần, và lần ấy lại chính bản DMT/1872 đúng. Còn lại đều là những trường hợp có sự ăn khớp giữa đa số các bản và bản DMT. Có cả thảy 16 trường hợp như vậy:

- DỬNG ĐI ở câu 1841 (với nghĩa là "trơ đi" (VBL) "lảng đi" (HTC).

- CÁO SAY ở câu 1842

- CHÀNG ĐÃ cũng ở câu 1842 (chữ thứ 3)

- DẠM // GIẠM chữ thứ 5 cũng câu 1842 (với đa số tương đối, và với nghĩa "nói ướm trước", có phần hay hơn các dị bản khác)

- LẢNG RA: 2 chữ cuối câu 1842

- 7 chữ đầu trong câu KHUYÊN CHÀNG CHẲNG CẠN THÌ TA CÓ đòn (câu 1844)

- RÁO NGAY ở câu 1846

- CƯỜI TỈNH NÓI SAY ở câu 1847

- LẠI BÀY ở câu 1848

- TÁN HOÁN ở câu 1851

- TRONG ở câu 1855

- CƯỜI NỤ giữa câu 1856

- KHÓC THẦM cuối câu 1846

- GIỌT CHÂU ở câu 1857

- CHÀNG NHỮNG... ở câu 1858

- GIỌT chữ thứ 7 câu 1858

2. Như trên đã có nói, ở câu 1858 có chữ duy nhất bản DMT/1872 chỉ được một bản in theo (bản KOM): đó là chữ TƯƠNG trong GIỌT TƯƠNG. Bảy bản còn lại đều dùng GIỌT SƯƠNG. Theo ĐDA, ở đây phải dùng GIỌT TƯƠNG với nghĩa là "giọt nước mắt" mới đúng.

Trang 48B

1. Trong trang này có 5 trường hợp bản DMT/1872 không ăn khớp với đa số các bản khác. Trong số đó, ba trường hợp cần phải đính ngoa trước khi phục nguyên. Nhưng hai trường hợp còn lại thì chúng ta phải bảo lưu theo tiêu chí 1.

Trước hết xin nói về 3 trường hợp cần đính ngoa theo đa số:

a. Đính ngoa KHÚC RỒNG thành GIỌT RỒNG ở câu 1865. Rõ ràng KHÚC RỒNG sai. Có thể sai về tự dạng. Ví dụ nếu trong phác thảo cổ dùng 2 chữ VẠCH RỒNG 画 𧍰 chẳng hạn thì VẠCH có thể nhầm thành KHÚC do nhận nhầm mặt chữ. Nhưng hiện chưa có điều kiện khảo sát khả năng sai sót này. Vậy tạm cho GIỌT RỒNG chép hoặc in nhầm thành KHÚC RỒNG do liên tưởng nhầm về kết cấu ngữ nghĩa qua khâu đọc nhẩm.

b. Đính ngoa CHIỀU CHUỘNG thành KHINH TRỌNG ở câu 1878. Ở câu này chắc ở vế đầu là 2 chữ KHINH TRỌNG, có 2 chữ Hán Việt đó thì mới có thể cùng 2 chữ THỊ PHI ở vế sau tạo thành thế biền ngẫu được. Có lẽ quá trình sai sót xảy ra như sau: do tự dạng có phần gần nhau, chữ KHINH 輕 chuyển nhầm thành chữ CHIỀU 朝. Đã thế chữ TRỌNG ở đằng sau đọc thành CHUỘNG (viết tắt 重) rồi sau lại viết thành 𨤼 như hiện thấy.

c. Đính ngoa ĐIỀU thành LỜI cũng ở câu 1878. Dùng ĐIỀU THỊ PHI thì có nghĩa nhưng không hiệp vần với chữ TRỜI ở câu trước được, do đó biết là sai. Chuyện LỜI nhầm thành ĐIỀU chúng ta đã gặp mấy lần, vì vậy xin xem lại lý do sai sót đã được trình bày trước đây (xin xem trang 538, 41B).

2. Về hai trường hợp cần bảo lưu thì như sau:

Ở câu lục 1873 có 2 dị bản khác nhau ở 2 điểm đầu, cuối:

1 - ĐẾN NAY mới BIẾT ĐẦU ĐUÔI

2 - BÂY GIỜ mới RÕ TĂM HƠI

Dị bản 1 có mặt ở 3 bản (DMT/1872, TVKI/1875, ADM/1884). Dị bản có 2 mặt ở 6 bản còn lại.

Theo ý chúng tôi, BÂY GIỜ thì không bằng ĐẾN NAY, tuy vẫn còn

tạm chấp nhận được, còn nói RÕ TĂM HƠI thì sai, vì không đúng với thực tế! - TĂM HƠI là cái dấu vết giúp chúng ta biết một điều đang tìm, đang mong [1] nhưng lâu nay Kiều có mong đợi điều gì đâu, và có ý định tìm hiểu vấn đề nào đâu. Trái lại BIẾT RÕ ĐẦU ĐUÔI thì hoàn toàn đúng. Được đột ngột gọi ra đón ông chủ lại thấy ông chủ chính là Thúc Sinh thế là Kiều hiểu ngay: mình không phải bị bọn cướp bắt bán đi xa làm nô lệ, mà đó chính là "chước rẽ thúy chia uyên" của Hoạn Thư! Và nguyên nhân của mọi trò hành hạ cũng trở nên sáng rõ hoàn toàn: đó là máu ghen lạ đời của bà vợ cả!

Vậy nên phục nguyên ĐẾN NAY MỚI BIẾT ĐẦU ĐUÔI theo ba bản miền Nam trong đó có bản DMT/1872 nguồn gốc rất cổ. Còn BÂY GIỜ MỚI RÕ TĂM HƠI thì phải gạt tuy nó đã được 6 bản của miền Bắc và của Huế chấp nhận.

3. Ngoài 5 trường hợp trên, còn lại đều là những trường hợp dễ phục nguyên cả, vì hội đủ 2 tiêu chí . Đó là:

- LẠI NẠT ở câu 1859
- SAO CHẲNG ở câu 1861
- TỘI THÌ ở câu 1867
- GƯỢNG.... GƯỢNG.... ở câu 1864
- KHẤP KHỞI ở câu 1867
- BUỒN NÀY ở câu 1868
- XƯA NAY cũng ở câu 1868
- THÌ: chữ thứ 2 câu 1869
- DÀY // ĐẦY: chữ cuối câu 1869
- NHÀ: ở câu 1874
- AI: đầu câu 1876
- NẤY: chữ thứ 4 câu 1876
- MỘT VỰC: ở câu 1877

Trang 49A

1. Ở trang 49A này cũng có mấy trường hợp bảnDMT/1872 không đứng về phía đa số, nhưng chúng tôi vẫn nghĩ rằng phục nguyên theo DMT là có cơ sở:

---

[1] Theo TĐTV/HP thì TĂM HƠI được định nghĩa như sau "Dấu hiệu nhờ đó có thể biết về sự có mặt của một người nào hoặc một cái gì đó đang tìm kiếm, đang mong đợi"

a. Trước hết là ở câu 1880. Ở câu này đa số các bản đều hiểu như một câu ghép hàm ý "Dầu .... thì cũng CÒN GÌ LÀ DUYÊN". 5 bản in GỠ CHO RA NỮA// NỢ; 1bản in GỠ RA CHO ĐƯỢC và 1 bản chép GỠ RA CHO KHỎI. Nhưng ở tất cả các bản đó Kiều vẫn chỉ có 1 băn khoăn: CÒN GÌ LÀ DUYÊN?

Ở DMT / 1872 thì khác: không còn là câu ghép mà là 2 câu đơn:

GỠ SAO RA NỢ? CÒN GÌ LÀ DUYÊN

Hai câu hỏi, hai băn khoăn! Rõ ràng tâm trạng lo lắng của Kiều được nhân lên gấp đôi, đúng hơn!

b. Ở câu 1894, 4 bản in:

ĐÁNH LIỀU mới sẽ LỰA đường hỏi tra

Một bản chữa ĐÁNH LIỀU thành LẤY LÒNG: bản KOM.

Riêng bản DMT/1872 và hai bản TVKI, ADM in:

PHÔ SÒNG mới sẽ LIỆU đường hỏi tra

TTTN cho biết Hoạn Thư yêu cầu Thúc Sinh tra vấn Kiều hộ, Thúc Sinh nhận: nhận không phải để LẤY LÒNG, cũng không phải vì ĐÁNH LIỀU. TTTN cho thấy Thúc Sinh có toan tính, đắn đo, rồi nói như chợt mới nghĩ ra:

"Tôi vừa về, để tôi hỏi đã, rồi hãy đánh cũng chưa muộn"

Rõ ràng cách diễn đạt "phô vẻ phân minh sòng phẳng" và "liệu đường hỏi tra" là chính xác hơn cả.

c. Ở câu 1869 hai chữ THÂN CUNG được 6 bản dùng, hai chữ TỰ CUNG được 1 bản dùng. 7 bản đó lần này lại theo đúng như trong truyện Tàu, vì TTTN viết:

"Thúy Kiều nước mắt dàn dụa nói: - Xin phép cho Hoa Nô tự cung ạ!"

Nhưng trong câu diễn nôm lần này cụ Nguyễn Du viết rõ:

... ... nàng mới lên qua một tờ

Vậy dùng THÂN CUNG hay TỰ CUNG là phần nào có hơi thừa chữ THÂN , chữ TỰ! Chỉ dùng BẠCH CUNG như ở bản DMT/1872 và bản ADM/1884 là đã đủ!

d. Ở câu 1898, 8 bản đều nhất trí:

Thoắt xem dường CÓ NGẨN NGƠ CHÚT TÌNH.

Riêng bản DMT/1872 không dùng CHÚT mà dùng NGẨN NHƠ NAO TÌNH. Theo từ điển thì NGẨN NGƠ "chỉ cái vẻ đờ đẫn, để tâm trí ở đâu

đâu" với tí chút tình cảm thì ít khi sinh ra ngẩn ngơ được! Trái lại, NAO trong NAO LÒNG thì mới có ý nghĩa là "bối rối xao động về tình cảm" (TĐTV - HP): NAO TÌNH thì đi với NGẨN NGƠ mới hợp! [1]

2. Có một câu không rõ bản DMT 1872 khắc chữ gì: câu 1892. Cuối câu này các bản đều dùng một chữ ĐANG rất đạt:

Nói ra chẳng tiện trông vào chẳng ĐANG

Thay vì chữ ĐANG (當 hoặc 登) bản DMT/1872 khắc chữ 軴. Tra các từ điển không thấy có chữ này! Chúng tôi đành phải tạm nghĩ đến 2 khả năng:

a. Hoặc đó là chữ ĐONG 䡴 ĐONG có thể đọc thành ĐƯƠNG, ĐANG như kiểu VONG có thể đọc thành VƯƠNG.

b. Hoặc đó là chữ XUNG /XONG 轒, 軴 (viết theo Couvreur) có thể đọc thành XOANG (theo HTC). Trong tiếng Hán chữ này có nghĩa là "mặt đối mặt" ví dụ ở câu ĐẠI MÔN XUNG BẮC, vậy TRÔNG VÀO CHẲNG XOANG sẽ có nghĩa là "trông vào nhau thì chẳng nhìn mặt nhau được".

Trong tình thế như vậy chúng tôi sẽ phục nguyên nước đôi, với thái độ nghi vấn: ĐANG?// XOANG?

3. Ngoài các trường hợp trên ra thì còn lại 9 trường hợp sau đây, hội đủ 2 tiêu chí,có thể yên tâm phục nguyên:

- DƯỜNG ở câu 1881 [2]
- ĐÊM CHẦY ở câu 1883
- CHẠM MẶT ở câu 1886
- LẠI HỎI ở câu 1889
- RÁT RUỘT ở câu 1891
- MỚI Ở CÂU 1896
- LÊN cũng ở câu 1896
- DIỆN TIỀN TRÌNH VỚI ở câu 1897
- DƯỜNG CÓ ở câu 1898.

---

[1] Còn muốn phục nguyên CHÚT thì cũng dễ: cho là chữ CHÚT 𡮔 bị chép hay khắc nhầm thành NAO 𢗼, hai bên tự dạng gần nhau.

[2] DƯỜNG = CHỪNG → LỠ CHỪNG = LỠ DỞ NỬA CHỪNG → LỠ DỞ = LỠ LÀNG (HTC).
Vậy LỠ DƯỜNG là lối nói xưa, tương đương như LỠ LÀNG.

Trang 49B

1. Trang này, ở 7 câu sau đây chúng ta có đủ 2 tiêu chí để phục nguyên:

- LIỀN TAY ở câu 1899
- HỮU TÀI ở câu 1904
- TỪ BI ở câu 1908
- THÔI THÌ THÔI ở câu 1911
- CHO NGHỈ ở câu 1912 (1)
- CỔ THỤ ở câu 1915
- SAN HÔ cũng ở câu 1915

2. Riêng ở câu 1901 tuy bản DMT/1872 bị thiếu số, nhưng chúng tôi vẫn phục nguyên theo. Ở câu này có 3 dị bản khác nhau ở chữ thứ 2:

Ví ... có số giàu sang

Giá này dẫu đúc nhà vàng cũng nên

5 bản dùng VÍ CHĂNG, 1 lần viết 庄 , 4 lần viết 拯 .

1 bản dùng VÍ MÀ.

Và 3 bản dùng VÍ SINH.

Bản DMT/1872 khắc in theo dị bản thứ 3. Chúng tôi cho rằng kết cấu này là vô cùng phù hợp, nên hoàn toàn tán thành. Chúng tôi sẽ phục nguyên VÍ SINH. Còn về các dị bản khác chúng tôi đoán như sau:

SINH bị chuyển nhầm thành CHĂNG 庄 vì tự dạng gần nhau. Bản chép nhầm này chắc là một bản ở Huế, vì có hai chứng cớ:

1. Năm 1870 LNP thấy sai nên chữa thành VÍ MÀ

2. Cuối thế kỷ 19 KOM nhận được một bản từ Huế cũng viết theo chữ CHĂNG này.

Còn các bản khác thì lại chuyển 庄 thành 拯.

Quan hệ giữa SINH 生 - CHĂNG 庄 là quan hệ gần gũi về mặt chữ; quan hệ giữa CHĂNG 庄 - CHĂNG 拯 là quan hệ gần gũi về mặt ngữ nghĩa.

3. Cuối cùng là trường hợp câu 1916. Ở câu này 7 bản dùng dị bản TỤNG KINH, 1 bản dùng VIẾT KINH (TVKI), 1 bản dùng CHÉP KINH

---

(1) Theo VBL: CHO = chấp nhận → CHO CHO = chấp nhận cho..., để cho... Vậy CŨNG CHO CHO NGHỈ ... = cũng chấp nhận cho nghỉ..., để cho nghỉ...

(KOM). Nhưng TVKI, KOM đều làm công việc nhuận sắc chứ không phải công việc đính ngoa! Chúng tôi cũng nghiêng về ý nghĩ xưa cụ Nguyễn Du dùng hai chữ CHÉP KINH, vì đến đoạn sau Cụ cho Hoạn thư khen:

Khen rằng: Bút pháp đã tinh

So vào với thiếp Lan Đình nào thua

Nhưng chữ CHÉP trong bản thảo hay bản sao xưa phải có tự dạng làm sao để có thể chuyển nhầm thành chữ TỤNG được. Chúng tôi đã tìm ra được hai cách viết như vậy:

a. Viết là ⿰言耴 (thay bộ XA 車 trong chữ TRIẾP 輒 bằng bộ NGÔN): kiểu viết này theo cùng một nguyên tắc như chữ (CÁ) CHÉP 鮿 trong từ điển Trần Văn Kiệm.

b. Viết là 摄 hoặc 攝 (thay bộ TÂM 忄 trong chữ TRIẾP 懾 bằng bộ THỦ): kiểu viết này thấy có in trong bảng tra chữ Nôm sau thế kỷ 17 của Vũ Văn Kính, trang 215. Xin chú ý: bộ THỦ 扌 này rất dễ lẫn lộn với bộ NGÔN viết đá thảo 讠

c.Tất nhiên, nếu điều tra thêm, cũng có thể còn tìm thêm được những khả năng viết khác nữa.

Tóm lại chúng tôi sẽ xin phục nguyên nước đôi: cả CHÉP KINH, cả TỤNG KINH.

Trang 50A

1. Trong tổng số 15 chỗ cần khảo dị, chỉ có 2 chỗ cần cân nhắc. Ngoài ra, đều có thể phục nguyên được cả. Trước hết xin lập danh sách phục nguyên:

- TÍNH ĐỦ ở câu 1923
- LÁNH DẤU ở câu 1925
- LẠI CÒN ở câu 1927
- SẦU KHƠI ở câu 1929
- CHO HAY ở câu 1931
- LỬA // TRO // LÒ ở câu 1932
- SỒNG NÂU ở câu 1933
- VÀI PHEN ở câu 1934
- QUAN PHÒNG ở câu 1935
- THEN NHẶT//CHẶT cũng ở câu 1935

- NÓI LỜI ở câu 1936

- GANG TẤC ở câu 1938

- GẤP MƯỜI cũng ở câu 1938

2. Ở câu 1919 một mình bản DMT/1872 khắc in 2 chữ MỐNG ĐƯA. MỐNG là một từ cổ lại có nghĩa rất phù hợp: là thu xếp (= "rắp ranh, toan lo, sắp đặt" ở HTC). Vậy cứ nên phục nguyên như vậy.

3. Ở câu 1928, các bản đều kết thúc câu bằng 2 chữ THÌ THÔI (7 bản) hoặc LÀ THÔI (1 bản), kết thúc như vậy thì nghe rất dễ hiểu:

Khỏi điều thẹn phấn tủi hồng THÌ THÔI

Nhưng bản DMT/1872 lại kết thúc câu bằng THÔI THÔI! Hai chữ THÔI có ý nghĩa khác nhau. Chữ THÔI trước có ý nghĩa nôm na là "đành chỉ thế, chừng ấy là được rồi", còn chữ THÔI sau lại có ý nghĩa "có thể coi là xong, không có gì phải nói nữa" (xin xem TĐTV / HP). Có thể hiểu cả câu là:

"Khỏi điều thẹn phấn tủi hồng" LÀ ĐƯỢC, KHÔNG CÓ GÌ PHẢI NÓI NỮA.

Tuy khó hiểu hơn, hơi lạ hơn, nhưng 2 chữ THÔI THÔI lại phong phú hơn về nội dung. Vì vậy thiết nghĩ cũng nên phục nguyên.

Trang 50B

1. Trong 20 câu trang này có 5 trường hợp bản DMT/1872 không ăn khớp với đa số, nhưng chúng tôi vẫn phục nguyên theo vì những lý do như sau:

Trước hết, ở 3 trường hợp RẰNG CAM (câu 1945), CHÚA ĐÔNG (câu 1946), PHÙ TRẦM (câu 1958) chúng tôi chọn theo văn bản có nguồn gốc cổ, vì từ ngữ hai bên cơ bản cũng gần gần như nhau. So sánh:

RẰNG CAM CHỊU BẠC VỚI TÌNH với ĐÃ CAM...

CHÚA ĐÔNG ĐỂ TỘI... với CHÚA XUÂN ĐỂ TỘI...

PHÙ TRẦM CŨNG MẶC... với NỔI CHÌM CŨNG MẶC...

Hơn nữa, cũng có khả năng PHÙ TRẦM đọc theo nghĩa thành NỔI CHÌM.

2. Có 2 trường hợp chúng tôi cho rằng từ ngữ bên phía DMT/1872 có phần chính xác hơn:

a. Xin xét câu 1943: *Sụt sùi KỂ nỗi đoạn trường*

Nếu thay KỂ bằng GIỜ hay NGHĨ thì có lẽ kém hơn vì rõ ràng là Thúc

sinh kế: trong văn bản Quốc ngữ phải mở đóng 2 dấu ngoặc kép để trích lại!

b. Còn về câu 1939 thì ở cuốn "Tư liệu truyện Kiều – bản DMT/1872" chúng tôi đã chứng minh rằng lối nói "NGÂM THỞ GIỌT THAN đã dựng lên một nàng Kiều khác hẳn: một nàng Kiều "than thở qua lời thơ, lời châm biếm" chứ không phải một nàng Kiều chỉ bị động "NGẬM THỞ NUỐT THAN" hay "NGẬM THỞ NGÙI THAN", không còn làm thơ, không còn mai mỉa gì nữa.

3. Tất nhiên, ở các trường hợp còn lại thì chúng ta cứ theo nguyên tắc đã đề ra để tái lập. Danh sách tái lập như sau:

GIỌT CHÂU ở đầu câu 1944 (hay vốn là LỆ CHÂU in nhầm?)

ƯỚT, TRÀNG ở giữa câu 1944 (thay vì ĐẪM, LÀN)

THIỆT THÒI (đối với CÁT LẦM) ở câu 1950 (thay vì THIỆT ĐỜI)

QUẢN CHI ở câu 1951 (thay vì LUẬN CHI)

TRÊN GÁC ở câu 1951 (thay vì LÊN GÁC, LÊN THÁC)

DƯỚI DUỀNH cũng ở câu 1951 (thay vì XUỐNG DUỀNH, XUỐNG GHỀNH)

Trang 51A

1. Trang này có 8 trường hợp có thể phục nguyên ngay, vì có sự ăn khớp giữa bản DMT/1872 (tiêu chí 1) với đa số các bản khác (tiêu chí 2). Đó là:

- VŨNG LẦY ở câu 1959
- CŨNG HAY ở câu 1962
- TÌNH NẶNG ở câu 1966
- NỮA KHI ở câu 1969
- THIỆT RIÊNG ĐẤY ở câu 1970
- CAO...... XA...... ở câu 1971
- KÉO TƠ ở câu 1976

2. Tuy nhiên cũng có trường hợp đạt cả 2 tiêu chí mà chúng tôi vẫn còn băn khoăn: đó là trường hợp chữ CHÚT ở câu 1963. Chúng tôi ngờ rằng đây có thể là chữ XÓT hay chữ TRÓT khắc nhầm mà thành. LNP và KOM thì cho là XÓT, TVKI thì cho là TRÓT. Tạm thời chúng tôi phục nguyên cả TRÓT cả XÓT để giới nghiên cứu cân nhắc thêm, thay vì dị bản CHÚT đã đạt cả hai tiêu chí.

3. Ngược lại có 2 trường hợp bản DMT/1872 bị thiểu số nhưng chúng tôi

vẫn bảo lưu, vì phía bên đa số cũng không có gì tỏ ra trội hơn hẳn. So sánh dị bản được DMT/1872 khắc in với các dị bản chiếm đa số:

CẦM ĐÃ BÁM DÂY / CẦM ĐÃ BÉN DÂY (ở câu 1963)

LIỆU MÀ... CỬA CHO RA / LIỆU BÀI... (ở câu 1965)

4. Cuối cùng còn một trường hợp cần phải đính ngoa vì có phần chắc bản DMT/1872 khắc in sai. Đó là chữ thứ 3 ở câu 1965 vừa dẫn ở trên. Xin nhắc lại:

Liệu mà RA cửa cho ra

Chúng tôi ngờ rằng trong các bản thảo xưa có một chữ MỞ viết theo cấu trúc MĨ + XUẤT 美出 hoặc BỠ (< BÃI) + XUẤT 罷出 rồi sau chúng chuyển nhầm thành RA do có tự dạng gần gũi 罒出 . Đa số in MỞ là phải.

Trang 51B

1. Nói chung trang này có 3 trường hợp chính:

a. Trường hợp đạt đủ 2 tiêu chí, cứ theo thế mà phục nguyên.

b. Trường hợp đạt đủ 2 tiêu chí nhưng phải điều chỉnh rồi mới phục nguyên được.

c. Và trường hợp bản DMT/1872 bị thiểu số, phải cân nhắc rồi mới quyết định được nên thế nào

2. Có thể phục nguyên được ngay là các kết cấu sau đây:

- NHỊN NGỪNG ở đầu câu 1981
- NUỐT TỦI ĐỨNG RA ở cuối câu 1981
- THUYỀN//THIỀN TRÀ ở đầu câu 1991
- RỈ TAI ở câu 1994
- ĐÃ LÂU ở câu 1995
- DÓN CHÂN ở đầu câu 1996
- ĐỨNG NẤP ở giữa câu 1996
- KẼ TÓC CHÂN TƠ ở câu 1997

3. Phải điều chỉnh rồi mới phục nguyên được là chữ HƯƠNG ở câu 1988. Xin nhắc lại, HƯƠNG là chữ lệnh năm 1803 bắt dùng để kị húy tên bà mẹ cả Gia Long. Nay ta phải bỏ HƯƠNG để phục nguyên lại chữ LAN.

4. Còn hai trường hợp bản DMT/1872 bị thiểu số, phải cân nhắc thêm:

a. Một trường hợp chúng tôi đề nghị vẫn bảo lưu dị bản của DMT: chữ GÓT ở câu 1982. Ở đây có đến 5 dị bản nhưng chữ GÓT vẫn đạt được đa số

tương đối: 3 trên 9 bản. Các kết cấu khác chỉ có mặt ở 1 hoặc 2 bản mà thôi. 5 dị bản chia thành 2 từ loại: động từ như RẼ, LÁNH và danh từ như GÓT, HÀI, THỀM. Các nhà biên tập về sau thường thích kết cấu bình thường, phổ thông như:

Tiểu thư đâu đã RẼ HOA BƯỚC VÀO

Thực ra, về mặt ngữ pháp, không nhất thiết phải dùng kết cấu ĐỘNG TỪ + BỔ NGỮ làm vị ngữ. Một câu thơ như:

Tiểu thư đâu đã GÓT HOA BƯỚC VÀO

cũng rất chuẩn.

b. Một trường hợp thì cần phải đính ngoa trước khi phục nguyên: đó là câu DMT khắc in là:

Thuyền (thiền), trà RÓT nước hồng mai

Ở câu 1991 này chúng tôi ngờ rằng chữ CẠN đã chuyển nhầm thành chữ RÓT. Có điều xin nói rõ: thông thường chữ CẠN dùng thanh phù KIỆN (như trong SỰ KIỆN) nên dạng 氵件 rất xa chữ GÓT. Nhưng nếu trong bản sao xưa dùng thanh phù KIỆN (như trong TRÁNG KIỆN) viết đủ nét hoặc viết tắt thì các dạng như 氵健, 湕, 津 lại rất gần chữ RÓT 津 : nhầm lẫn xảy ra là điều dễ hiểu.

Hiện đã có 5 bản theo kết cấu CẠN + (NƯỚC, CHÉN). Nếu đính ngoa RÓT NƯỚC thành CẠN NƯỚC ở ba bản bị khắc sai nữa thì kết quả là CẠN NƯỚC lại hoàn toàn có đủ 2 tiêu chí để được phục nguyên.

Trang 52A

1. Có mấy chỗ bản DMT/1872 không đứng về phía đa số, lại có mặt này mặt nọ, cần cân nhắc khi phục nguyên.

Trước hết là 3 trường hợp câu 2006, câu 2010 và câu 2017.

a. Ở câu 2006 các bản đều thường in:

Nghĩ càng thêm NỖI SỞN GAI rụng rời

Hoặc: Nghĩ càng thêm NỖI ĐẮNG CAY rụng rời

Riêng bản DMT/1872 (và theo nó là bản ADM/1884) in:

Nghĩ càng thêm NGHĨ, SỞN GAI rụng rời

Rõ ràng kết cấu SỞN GAI đúng hơn là ĐẮNG CAY vì Kiều đang sợ hãi chứ không phải chua xót. Và dùng chữ NGHĨ thứ 2 thay vì chữ NỖI cũng rất là phù hợp. Dùng chữ NỖI thì câu thơ trở thành dễ dãi. Dùng lại chữ NGHĨ thì câu thơ cho thấy nội tâm của Kiều sâu hơn. Vì cả đoạn mười mấy câu

thơ đều trở đi trở lại 2 chuyện: Kiều NGHĨ và Kiều SỢ: từ câu 2003 đến câu 2005 là SỢ và NGHĨ rồi từ câu 2007 đến câu 2018 lại NGHĨ và SỢ; câu 2006 ở giữa như sơ kết một đợt để rồi lại tiếp tục một đợt khác. Cho nên chúng tôi đề nghị nên phục nguyên cả câu như ở bản DMT/1872 để bớt cái dễ dãi, tăng cái chiều sâu cho câu thơ.

b. Ở câu 2010 bản DMT/1872 dùng CAU MÀY là thích hợp hơn CHAU MÀY. Theo TĐTV/HP, CAU MÀY được giải thích là "nhíu lông mày làm nhăn da trán, thường vì bực tức hoặc nghĩ ngợi"; còn CHAU MÀY lại được giải thích là "hơi nhíu lông mày lại" nhưng "thường vì *đau buồn, nghĩ ngợi*". Không phải ngẫu nhiên mà trong tục ngữ thường nói "MẶT Ủ MÀY CHAU". Cả đoạn này nói về thái độ của người đàn bà có máu ghen tuông bắt được quả tang chồng mình đang tình tự với người đàn bà khác: thế thì bực bội tức giận rõ là chính xác hơn đau buồn, và mô tả CAU MÀY rõ là đúng hơn CHAU MÀY!

c. Ở câu 2017 cũng vậy. Đa số các bản đều in:

Ví chăng CHẮP cánh cao bay

Chỉ riêng bản DMT/1872 dùng 2 chữ GIEO cánh. Có thể nghĩ là 2 chữ GIEO 招 và CHẮP 执 đã từng lẫn lộn cho nhau. Nhưng sau cân nhắc lại chúng tôi thấy: CHẮP CÁNH dùng cũng được, nhưng GIEO CÁNH có nét hay hơn. Lý do: CHẮP CÁNH dùng ở CHẮP CÁNH LIỀN CÀNH thì đúng, vì mượn hình tượng của một đôi chim, 2 con! Ở đây, chỉ một mình Kiều, nếu nói CHẮP CÁNH thì phải hiểu là CHẮP THÊM CÁNH. Giữa CHẮP THÊM CÁNH và GIEO CÁNH có sự khác nhau gì không? Mới nghe qua hình như nói thế nào cũng vậy cả, vì nội dung na ná như nhau. Nhưng xét cho kỹ thì CHẮP THÊM CÁNH... thiên về ý nghĩa "tìm cách, tìm phương tiện để trốn" còn GIEO CÁNH...... thì thiên về ý nghĩa "phải trốn thoát ngay thôi", vì phương tiện đã có rồi.

2. Cân nhắc hai trường hợp sau đây chúng tôi thấy một trường hợp có thể bảo lưu, một trường hợp phải thay đổi.

a. Ở câu 2004 bản DMT/1872 dùng 4 chữ "Đàn bà DƯỜNG ẤY", 4 bản dùng THỂ ẤY, 1 bản dùng THẾ ẤY. Theo ý chúng tôi, giữa 3 dị bản không có sự khác nhau gì cơ bản lắm, có thể tôn trọng văn bản có nguồn gốc cổ, cứ phục nguyên DƯỜNG ẤY – Hơn nữa DƯỜNG ẤY cũng có mặt ở 4 bản!

b. Ở câu 2008 thì phải thay đổi: bản DMT/1872 khắc "MÀ CHÀNG THÚC THỦ", hai bản in "MÀ CHÀNG THÚC CŨNG", 6 bản in "MÀ CHÀNG THÚC PHẢI". Trước đây chúng tôi đã chứng minh rằng cụ Nguyễn Du đã từng nhuận sắc lại: từ tên riêng THÚC THỦ đến kết cấu động + bổ "thúc thủ", rồi cuối cùng đến 4 chữ MÀ CHÀNG THÚC PHẢI. Cụ tự nhuận

sắc lại để phù hợp với tình tiết trong truyện Nôm (không có tên THÚC THỦ như ở TTTN), và phù hợp với diễn biến tâm lý trong nhân vật Kiều: từ chỗ đang có tí chút hy vọng Thúc sinh có thể "liệu bài mở cửa cho ra" chuyển sang chỗ thấy Thúc sinh hoàn toàn bị lép vế, bị khống chế, PHẢI BÓ TAY. Cụ đã đổi, tất nhiên chúng ta phải đổi theo, như đa số bản đã đổi theo.

3. Còn sau đây là 7 trường hợp cứ phục nguyên theo đúng 2 tiêu chí:

- NGĂN TÔI ở câu 2001
- THẤY ÂU MỘT NGƯỜI ở câu 2004
- CẮN RĂNG ở câu 2010//NGHIẾN RĂNG (T.V.Kiệm, N.B.Triệu)
- ÊM CHẲNG...... ở câu 2011
- LO ÂU ở câu 2015
- VÍ CHĂNG ở câu 2017
- RÀO CÂY ở câu 2018

Trang 52B

1. Trang này có 5 chỗ có thể phục nguyên ngay, vì hội đủ hai tiêu chí, đó là:

- QUÊ KHÁCH ở câu 2021
- LẦN NGHE ở câu 2026
- ĐỒI CÂY ở câu 2029
- ĐIẾM CỎ ở câu 2030
- RƯỚC MỜI ở câu 2038

2. Có hai câu bản DMT/1872 bị thiểu số vì khắc sai. Phải đính ngoa rồi mới phục nguyên được.

a. Ở câu 2032 việc đính ngoa khá dễ, vì đa số các bản đã cho chữ Nôm chính xác, so sánh:

CHỈN e đường sá, phần thương dãi dầu (ở DMT/1872)

PHẦN e đường sá, phần thương dãi dầu (ở 8 bản)

CHỈN cũng có nghĩa, nhưng câu đặt theo lối 2 vế đối ứng với nhau: CHỈN không ứng với PHẦN ở vế sau được! Chữ CHỈN 亠 và chữ PHẦN 分 tự dạng lại gần nhau, vậy chắc chữ PHẦN đã khắc nhầm thành CHỈN. Phải đính ngoa rồi phục nguyên PHẦN.

b. Ở câu 2037 thì biết sai, nhưng phải gắng tìm cho ra các chữ đúng vốn có trong văn bản cổ. Bản DMT/1872 khắc câu này là:

Xăm xăm gõ cửa bước vào

Câu hoàn toàn hiểu được, nhưng biết sai là vì VÀO không hiệp vần với chữ BÀI ở câu trước và chữ MỜI ở câu sau được. Theo ý chúng tôi 4 chữ đầu đều đúng, sai là sai ở hai chữ cuối. Chúng tôi cho rằng:

- Chữ VÀO 𠓨 chắc là chữ NGOÀI 外

- Còn chữ BƯỚC 𨀈 thì chắc là chữ BẬC. Trong từ điển TVK có 6 cách viết chữ BẬC, trong đó có cách viết với thanh phù BẮC 北 và có bộ TÚC, bên cạnh cách viết với thanh phù BẮC 北 và có bộ PHỤ: 𨀈, 阝北. Chuyện một cách viết có hai, ba cách đọc là chuyện không có gì đáng lấy làm lạ: chữ 𨀈 có thể đọc cả BƯỚC cả BẬC!

Vậy phải phục nguyên cả câu là:

Xăm xăm gõ CỬA BẬC NGOÀI

Trang 53A

1. Trong trang này có một chỗ phải đính ngoa ở 7 trên 9 bản: đó là chữ NỆN ở câu 2058. Cả 7 bản đều viết thành chữ NẶNG. Hai bên đều có tự dạng gần gũi, lầm bên này sang bên kia là chuyện dễ hiểu. Hơn nữa, cứ đọc NẶNG thì câu vẫn có nghĩa.

Ngọa đèn khêu nguyệt, tiếng chày nặng sương

Nhưng đa số các nhà biên khảo đều cho rằng NỆN thì đúng hơn. Vì vậy chúng ta coi như phải đính ngoa NẶNG thành NỆN.

Nguyễn Bá Triệu cũng đã từng làm như vậy.

2. Ở câu 2051, hai dị bản hoàn toàn khác kiểu loại. Xin so sánh: ở 5 bản:

CHỈN E đường sá một mình

Ở DMT và 3 bản nữa:

HIỀN ĐỒ đường sá một mình

Nên phục nguyên theo bên nào? Theo ý chúng tôi, nên nghiêng về HIỀN ĐỒ. Vì mấy lẽ:

a. Trong vòng 30 dòng chúng ta thấy có:

CHỈN E quê khách một mình: ở câu 2021

Phần E đường sá, phần thương dãi dầu: ở câu 2032

Không lẽ cụ Nguyễn Du lại lặp lại câu 2051 này gần như câu 2021! Riêng từ E lặp 3 lần!

b. Hơn nữa, nếu so sánh, chúng ta thấy dùng CHỈN E ở câu 2021 là ăn khớp hoàn toàn với cả đoạn:

CHỈN E quê khách một mình

Tay không chưa dễ tìm vành ấm no

Nghĩ đi nghĩ lại quanh co

Phật tiền sẵn có mọi đồ kim ngân

Bên mình giắt để hộ thân

Ở đây, thì không phải thế: Sau khi CHỈN E... cho Kiều, Giác Duyên đề nghị gì? – đề nghị ở lại chùa ít ngày! Nhưng đó là điều Kiều đã cho ngầm hiểu ngay từ đầu rồi: Kiều có hở ý sẽ ra đi ngay đâu! Còn chuyện Kiều "đường sá một mình" đến trước "bản sư" thì là chuyện đã qua rồi còn "CHỈN E" gì nữa!

Tóm lại chúng tôi hiểu câu nói của Giác Duyên ở Nguyễn Du là:

"... đã đi trước một mình vất vả

Vậy ở lại đây nghỉ vài hôm, chờ sư huynh đến"

Tất nhiên với cách hiểu như thế thì thêm 2 chữ HIỀN ĐỒ ở trước là rất phù hợp. Và dị bản này là dị bản cổ, không những có mặt ở bản gốc của bản DMT/1872 và 2 bản miền Nam mà còn được bảo lưu ở cả 1 bản ở miền Bắc nữa (bản VNB – 60).

3. Ở các câu còn lại đều là những trường hợp đạt đủ 2 tiêu chí. Nhưng chúng tôi chỉ yên tâm phục nguyên 5 trường hợp, còn 3 trường hợp thì nhận thấy nên có sự cân nhắc thêm nữa.

Danh sách 5 trường hợp phục nguyên được ngay:

- THẤY MÀU ở câu 2039
- XEM QUA ở câu 2049
- ĐƯỢC CHỐN ở câu 2053
- MUỐI DƯA ở câu 2054
- VIỆC CŨ ở câu 2056

4. Ba trường hợp cần cân nhắc thêm:

- PHẢI NI hay PHẢI NƠI? (ở câu 2050)
- RA MÁI hay LÁ BỐI? (ở giữa câu 2057)
- PHÊN MÂY hay PHƯỚN MÂY? (ở cuối câu 2057)

Ở câu 2050 trước nay các nhà biên khảo đều phiên NÔM là:

Phải NƠI Hằng Thủy là ta hậu tình.

Chỉ gần đây, Nguyễn Bá Triệu rồi Nguyễn Quảng Tuân mới phiên lại thành PHẢI NI HẰNG THỦY. Chữ NƠI và chữ NI viết như nhau, vấn đề là nên đọc thế nào? Theo ý chúng tôi, đọc NI đúng. HẰNG THỦY, theo TVKI là tên một ngôi chùa. TTTN cho biết chùa ấy ở Trấn Giang. Đã là danh từ riêng chỉ tên chùa thì trước nó ít ai dùng chữ NƠI: dùng BÊN, PHÍA, ĐẰNG, HƯỚNG, TRÊN, DƯỚI... thì được.

Trong bản dịch truyện của TTTN, ta thấy Giác Duyên hỏi Kiều: "lệnh sư phải chăng là sư huynh Hằng Thủy ở Trấn Giang?". Vậy ở đây, Giác Duyên coi Kiều là ni cô Hằng Thủy, đó là điều hoàn toàn ăn khớp.

5. Câu 2057 được bản DMT/1872 khắc in là:

Sớm khuya RA MÁI PHÊN MÂY

Và 6 bản nữa cũng khắc in như thế. Nhưng 2 bản gốc Huế đính ngoa lại (hay nhuận sắc lại?) thành:

Sớm khuya LÁ BỐI PHƯỚN MÂY

Về mặt văn học ai cũng cho rằng dị bản LÁ BỐI PHƯỚN MÂY là dị bản hơn hẳn về mặt chất lượng. Có điều nếu đây là dị bản được nhuận sắc lại thì chúng ta vẫn không thể phục nguyên, vì nhiệm vụ của việc phục nguyên là tìm lại nguyên lời Nguyễn Du, chứ không phải tìm cái gì hay hơn.

May rằng, có khả năng đây là 3 chữ được đính ngoa lại, chứ không phải là 3 chữ được nhuận sắc lại. Về mặt phong cách ngôn ngữ, xét cả đoạn sau câu:

Gửi thân được chốn am mây

ta thấy nhà thơ toàn là dùng danh từ làm chủ đề để nói về các mặt sinh hoạt:

- MUỐI DƯA...
- KỆ KINH...
- HƯƠNG ĐÈN...
- TRAI PHÒNG...
- NGỌN ĐÈN...
- TIẾNG CHÀY...

Như vậy LÁ BỐI, PHƯỚN MÂY rất ăn khớp. Còn RA MÁI PHÊN MÂY thì lại bắt đầu bằng một động từ theo kiểu khác!

Về mặt chữ NÔM giữa RA và LA, giữa MÁI và BỐI, giữa PHÊN và PHƯỚN cũng có sự gần gũi nhất định về mặt tự dạng, cho phép xảy ra lầm lẫn.

Nếu đính ngoa được chữ sai, tìm ra được chữ đúng vốn có, thì 3 chữ đúng LÁ, BỐI, PHƯỚN lại đáng được phục nguyên, vì chúng chắc đã có mặt trong nguyên tác.

Trang 53B

1. Ở trang này, mấy trường hợp sau đây đều có thể phục nguyên ngay vì vừa có mặt ở bản DMT/1827 vừa có mặt ở đa số bản.

- CỬA THIỀN ở câu 2061
- ĐẦY ĐẤT ở câu 2062
- MÂY TẠNH ở câu 2063
- RỈ TAI ở đầu câu 2075
- NÀNG, MỚI DẢI: ba chữ thứ 3,4,5 câu 2075.

2. Có một trường hợp có 6 dị bản khác nhau: TRĂNG, TIẾT, BUỔI, CỮ, CHẶNG, ĐÃ. Chúng phải đứng ở vị trí thứ 4 trong câu 2061:

Cửa thiền vừa ... cuối xuân.

Bản DMT/1872 dùng VỪA TRĂNG CUỐI XUÂN : hơi lạ, vì ở vị trí thứ 4 mà dùng thanh bằng! Nhưng dị bản này lại rất ăn khớp với câu sau, đêm trăng, mới thấy rõ được mồn một:

Bóng hoa đầy đất, vẻ ngân ngang trời

Không một dị bản nào khác (TIẾT, BUỔI, CỠ, CHẶNG, ĐÃ) có được sự ăn khớp trực tiếp với cảnh trí như thế. Vậy cụ Nguyễn Du có dụng ý dùng thanh bằng ngoại lệ? Chúng tôi vẫn mạnh dạn phục nguyên đúng theo câu thơ có vẻ hiện đại đó.

3. Trường hợp 2 câu 2066, 2078 cũng nhiều dị bản, nên cũng không dị bản nào đạt đến đa số 5/9 cần thiết.

a. Nhưng ở câu 2066 có thể phục nguyên ngay chữ GIỐNG, vì 2 chữ kia (HỆT và TẠC) ai cũng biết rõ là 2 chữ dùng để thay GIỐNG, theo lệnh kị húy tên vua Gia Long.

b. Ở câu 2078, dị bản có đa số tương đối (4/9) lại đồng thời cũng chính là dị bản đạt tiêu chí 1 (= có mặt ở bản DMT/1872): đó là hai chữ THẾ THÌ [1]. Đặt nó vào trong hai câu 2077, 2078, nghe cũng đạt

E chăng những sự bất kì
Để nàng cho đến THẾ THÌ cũng thương.

Vậy cũng xin phục nguyên THẾ THÌ.

---

[1] Cả kết cấu THẾ THÌ đạt đa số tương đối: 4/9. Nhưng nếu tách riêng từng chữ mà xét thì chữ nào cũng đạt đa số cần thiết: 7/9 ở THẾ, 5/9 ở THÌ!

Trang 54A

1. Trường hợp có đến 3, 4 dị bản cũng gặp khá nhiều trong trang này.

Trước hết xin lên danh sách những chỗ đạt đủ 2 tiêu chí có thể chọn để phục nguyên ngay:

- NGỒI CHỜ ở đầu câu 2080
- NÊN DƯỜNG ở chữ thứ 5, thứ 6 câu 2080
- DẶN HẾT ở câu 2083
- CHỨA CHÂN ở câu 2084
- CŨNG TỔ BỢM GIÀ ở câu 2087
- LẠT PHẤN ở câu 2089
- NHÀM SON ở câu 2089
- ĐẶT BỎ ở câu 2091
- SỚN SÁC // NHỚN NHÁC ở câu 2092
- XOI DÓI ở câu 2093
- PHÁ GIA ở câu 2097

2. Trong danh sách này cũng có vài điểm nên nói rõ thêm:

a. Trường hợp LẠT PHẤN NHÀM SON là trường hợp đặt theo cú pháp kiểu văn ngôn. Xin xem lại sự chú thích của chúng tôi trong cuốn "Tư liệu Truyện Kiều – Bản DMT/1872"

b. ĐẶT ĐỂ hiện được dùng phổ biến. Nhưng ý nghĩa "bịa đặt" xưa cũng diễn đạt được bằng kết cấu ĐẶT BỎ. Theo bảng đối chiếu, 2 chữ đó có ở cả bản gốc DMT/1872 ở cả 3 bản miền Bắc: vậy chắc xưa cụ Nguyễn Du phác thảo thế. ĐẶT ĐỂ là do các bản Huế mới nhuận sắc về sau, vì thời bản gốc DMT/1872 kinh qua Huế, nó vẫn giữ dạng cổ. Đề nghị phục nguyên ĐẶT BỎ theo như xưa.

c. XOI DÓI là kết cấu cổ, hiện còn lưu lại vết tích trong XOI MÓI và DỞ DÓI (xin xem định nghĩa ở KTTĐ)

d. Trường hợp KHÉO ở câu 2097 tuy hội đủ 2 tiêu chí nhưng chúng tôi không đưa vào danh sách, vì nó chỉ là chữ sau lệnh năm 1803 được dùng để Kị húy chữ GIỐNG//CHỦNG. Khi phục nguyên phải phục nguyên GIỐNG.

3. Còn lại mấy trường hợp cần cân nhắc sau đây:

a. Ở câu 2081 có 3 dị bản MỤ BẠC, HỌ BẠC, NÀNG BẠC. Chúng tôi đề nghị phục nguyên MỤ BẠC vì 2 lẽ: nó có mặt ở bản DMT/1872 và nó đạt

được đa số tương đối:4/9.

b. Ở câu 2090 có 4 dị bản: ĐƯỢC MỐI, ĐƯỢC BUỔI, ĐƯỢC THÓP, ĐƯỢC CHỐN. Chúng tôi cho rằng dị bản mà bản DMT/1872 khắc in là dị bản hay nhất, chắc có ở nguyên tác. Theo TĐTV/HP, THÓP có nghĩa là "chỗ yếu mà người khác biết và có thể lợi dụng được"; nghĩa này đưa đến những lối nói như BẮT ĐƯỢC THÓP, NẮM ĐƯỢC THÓP v.v. ĐƯỢC THÓP là kết cấu rút gọn từ những lối nói đó.

c. Ở câu 2096 có 2 dị bản: LẤY là dị bản chiếm đa số, NHỮNG là dị bản có mặt ở bản DMT/1872. Chúng tôi cho rằng nên phục nguyên NHỮNG theo như ở bản DMT/1872. Đối chiếu:

Với 2 câu 1514 – *LẠI MANG NHỮNG việc tày trời đến sau*

và 2640 – *Hại thay MANG LẤY sắc tài làm chi*

Chúng tôi thấy câu 2096 gần với câu 1514 hơn, so với câu 2640! Rõ rằng NHỮNG khác LẤY. Và cũng rõ ràng theo phong cách cụ Nguyễn Du phải để "LẠI MANG NHỮNG TIẾNG dữ gần lành xa" bên cạnh kiểu LẠI MANG NHỮNG VIỆC tày trời đến sau".

Trang 54B

1. Có 3 trường hợp cần phải xử lý khác nhau trong trang này:

a. Trường hợp đơn giản có thể phục nguyên ngay được (ở 7 câu)

b. Trường hợp in sai phải đính ngoa trước (ở câu 2109)

c. Và trường hợp kị húy phải khôi phục lại từ ngữ khi chưa bị lệnh triều đình bắt đổi (ở câu 2118)

2. Trường hợp a chiếm đa số. Danh sách như sau:

- THÌ CHẲNG ở câu 2102
- NÀY CHÀNG ở câu 2103
- CỬA NHÀ ở câu 2105
- CHẲNG HỀ ở câu 2106
- CHẲNG QUYẾT ở câu 2111
- TRÁI LỜI ở câu 2112
- SẨY CHÂN ở câu 2115

Nhưng cần nói rõ thêm về câu 2111. Nay ta quen với QUYẾT CHẲNG nhưng 8 bản xưa lại chọn CHẲNG QUYẾT! Do bản gốc đảo nhầm trật tự? Hay do nhà thơ dụng ý viết "nếu nàng không muốn thuận tình" chứ không phải "nếu nàng dứt khoát không thuận tình"? Vậy tạm phục nguyên theo 8

bản, trong khi chờ đợi nghiên cứu tiếp.

3. Trường hợp b) là trường hợp 2 chữ BẤY NAY. Căn cứ văn cảnh thì BẤY GIỜ mới hợp. Căn cứ tự dạng chữ GIỜ 𣇞 cũng có khả năng nhầm thành NAY 𫢩 . Vậy chắc đây là trường hợp khắc sai, phải đính ngoa, trước khi phục nguyên.

4. Trường hợp c) là trường hợp BÀN MÁY CUNG bản DMT/1872 khắc in ở câu 2118. Chữ LÀN phải kị húy thành BÀN, vậy nay phục nguyên lại LÀN, điều đó chắc ai cũng dễ nhất trí. Nhưng MÁY CUNG//CONG thì thế nào? Phục nguyên thành LÀN MÂY CONG hoặc LÀN MÁI CONG để gần tự dạng? Hay phục nguyên thành LÀN CÂY CONG như lâu nay đã quen thuộc?

Theo ý chúng tôi, về mặt chữ, CÂY và MÁI khó nhầm từ bên này sang bên kia. Còn nếu đọc MÁI CONG (suy từ bản DMT/1872) thì nên hiểu chữ MÁI với nội dung gì?. Dễ nghĩ đến nhất là hình tượng cái mái cong lên ở hai đầu mà ta thường thấy ở các ngôi đình, ngôi chùa cổ. Nhưng từ điển Việt Bồ La của A.de Rhodes lại còn cho biết thêm một nghĩa nữa của chữ MÁI: đó là cái que dài vót bằng tre dùng để uốn thành cái vành lớn, dưới cùng của chiếc nón. Cuốn từ điển cổ này có dẫn ví dụ MÁI NÓN và định nghĩa đó là cái "mép nón". Có thể chữ MÁI hiểu theo nghĩa này thì hợp với chữ LÀN hơn chăng? Vậy trong khi tạm phục nguyên MÁI CONG, vẫn cần tìm hiểu tiếp.

Trang 55A

1. Trang này có 8 chỗ có thể phục nguyên ngay được, vì đó đều là những trường hợp vừa đồng thời có mặt trong bản DMT/1872 vừa đồng thời có mặt trong đa số các bản khác. Nhưng cũng có 3 trường hợp phải cân nhắc biện luận:

Danh sách 8 trường hợp có thể phục nguyên ngay:

- NỮA KHI ở câu 2121
- DÙ AI... ở câu 2123
- BẤY GIỜ ở câu 2126
- VƯỢT BỂ cũng ở câu 2126
- NGUYỆN ở câu 2132
- TRƯỚC SÂN ở câu 2133
- LÊN TRƯỚC ở câu 2138
- NGÀY chữ cuối câu 2138

2. Trường hợp đầu tiên cần phải cân nhắc là chữ QUỈ ở câu 2122 trong bản DMT/1872 và trong cả bản LVĐ/1871. Bản TVKI và bản ADM cũng theo bản DMT/1872. Phải cân nhắc vì không nghe ai nói BÁN HÙM BUÔN QUỈ. Đi đôi với HÙM thì thường chỉ dùng HÙM BEO, HÙM HỔ, HÙM SÓI. Chúng tôi đoán trong bản thảo xưa là BÁN HÙM BUÔN SÓI, vì có chữ SÓI dùng thanh phù KHỐI viết tắt: 犭 + 塊 = ⿰犭塊, chỉ chữ SÓI này (có trong TVK) mới có thể nhầm thành QUỈ. Vậy xin đính ngoa QUỈ thành SÓI, rồi phục nguyên (vì đạt đa số 6/9).

3. Trường hợp thứ 2 là chữ thứ 7 trong câu 2128. Chữ đó trước chúng tôi cho là có cấu trúc TÂM + NÃI nên đề nghị đọc là NẢY / NÁY. Nay xét kỹ thì thấy viết là ⿰忏乃 : có thể đưa ra giả thuyết mới: SÁM viết tắt + dấu cá nháy: 忏 + 亇 . Tám bản đều dùng y nguyên phồn thể chữ SÁM, hoặc thay TÂM bằng bộ THỦ, còn bản DMT/1872 thì dùng SÁM, viết tắt thêm CÁ NHÁY: có thể cho là cả hai bên cùng đều ghi Nôm chữ SẮM – giả thuyết này năm 1994 cụ VVK đã đưa ra, nhưng Cụ viết với thanh phù NÃI nên chúng tôi ngờ vực. Nay thì chúng tôi tán thành phải phục nguyên là SẮM (trong SẮM SANH).

4. Ở câu 2138, chữ thứ 7 được DMT/1872 khắc in là chữ MỌI. Chữ này ở các bản miền Bắc khắc nhầm thành HỎI. Sau khi cân nhắc chúng tôi thấy phải phục nguyên là MỌI.

Trang 55B

1. Trang này có hai chỗ chúng tôi đoán là cụ Nguyễn Du có tự nhuận sắc lại; hoặc đính ngoa lại.

a. Trước hết là chữ thứ 5 ở câu 2156:

Mà cho bùn lại... ... lên mấy lần

Bản DMT/1872, bản TVKI, bản ADM và bản QVĐ đều in NHUỐM; các bản còn lại thì đều dùng chữ VẨN.

b. Ở chữ thứ 6 câu 2158 cũng có hiện tượng gần gần như vậy. Trong câu:

Đã xoay đến thế còn... ... chưa tha

Ba bản miền Nam (DMT, TVKI, ADM) và bản LVĐ đều in HẰN // HỜN; các bản còn lại đều dùng chữ VẦN.

NHUỐM BÙN, HẰN HỌC hoặc HỜN GIẬN "chưa tha" đó đều là những cách nói bình thường trong tiếng Việt; hơn nữa chúng lại đều được in ở cả miền Nam, cả miền Bắc: vì vậy chúng tôi đoán rằng chúng đã có trong các bản sao đầu tiên của truyện Kiều, rồi từ đó truyền đi khắp nơi. Nhưng có

lẽ sau khi nghĩ đến câu lục:

Tiếc thay nước đã đánh phèn

nên nhà thơ chữa NHUỐM LÊN thành VẨN LÊN cho hợp hơn. Và cũng vậy, do nghĩ đến chữ XOAY trong vế ĐÃ XOAY ĐẾN THẾ, Cụ mới chữa vế sau thành CÒN VẦN CHƯA THA để có sự chọi nhau giữa XOAY và VẦN. Các cách nói mới chữa lại này cũng đều có mặt vừa ở Huế vừa ở miền Bắc: do đó có thể tin rằng tự tay nhà thơ đã chữa và cho sao gửi bạn bè các nơi.

Không có tự dạng gần nhau giữa NHUỐM và VẨN, cũng như giữa HẰN và VẦN: vậy phải nghĩ đến hai khả năng:

- Khả năng Cụ nhuận sắc lại thời ở Huế, như vừa nói ở trên.

- Hoặc khả năng Cụ đính ngoa các bản sao sai: trường hợp này thì lại phải giả thuyết rằng Cụ dùng VẨN và VẦN ngay từ đầu nhưng khi sao lại, người chép đã liên tưởng nhầm về ngữ nghĩa và sao thành NHUỐM, thành HẰN, rồi cái nhầm đó được truyền rộng ra. Đến lúc vào Huế Cụ phát hiện được, Cụ đính ngoa và báo cho bạn bè ở Huế và ở Bắc phải chữa lại.

Tóm lại phải phục nguyên VẨN ở câu 2156 và VẦN ở câu 2158.

3. Ngoài hai trường hợp vừa biện luận ở trên thì còn lại đều là những trường hợp hội đủ 2 tiêu chí cả. Do đó có thể phục nguyên một cách yên tâm:

- THÌ và BUÔNG ở câu 2142
- ĐẶT ở câu 2145
- CHÉM CHA ở câu 2151

Trang 56A

1. Tuyệt đại đa số trường hợp ở trang này, chúng ta đều có thể căn cứ vào 2 tiêu chí và phục nguyên được ngay. Đó là:

- LẠC BƯỚC ở câu 2159
- CHẠY ở câu 2163
- LẦN THÂU ở câu 2165
- ĐÊM THANH (< TRĂNG THANH) cũng ở câu 2165[1]

[1] Bản DMT/1872 có 20 lần khắc chữ ĐÊM đơn giản (= ĐIẾM) nhưng ở câu này khắc có bộ NGUYỆT. Vậy có lẽ vốn là chữ TRĂNG nhưng bị chuyển nhầm thành chữ ĐÊM. Các bản khác cũng sai theo như thế.

- ĐẾN CHƠI ở câu 2166

- CẦM ÉN ở câu 2167

- NĂM, TẤC ở câu 2168

- THẤY ở câu 2175

- CŨNG ở câu 2176

2. Ở câu 2162 có một chữ phải đính ngoa. Câu này bản DMT/1872 khắc in:

Má hồng đền quá nửa thì chưa THA

Câu hoàn toàn có nghĩa. Nhưng lại sai, vì THA không hiệp vần được với TRỜI, RỒI ở hai câu sau. Vậy phải theo đa số đính ngoa THA thành THÔI. Chuyện người sao chép nhầm CHƯA THÔI thành CHƯA THA là bắt nguồn từ sự liên tưởng nhầm về ngữ nghĩa trong khi đọc nhẩm.

3. Ở câu 2178, có 2 chỗ đang chưa biết nên đọc thế nào:

Hai bên... ... liếc, hai lòng... ... ưa

- 5 bản chọn ... ... CÙNG LIẾC, ... CŨNG ƯA

- 2 bản chọn ... ... CŨNG LIẾC, ... CŨNG ƯA

- 2 bản chọn ... ... CÙNG LIẾC, ... CÙNG ƯA

Chúng tôi đề nghị phục nguyên CÙNG... ... CÙNG theo bản DMT/1872.

Trang 56B

1. Trang này có 3 trường hợp có thể phục nguyên và 2 trường hợp cần phải cân nhắc. Ba trường hợp có thể phục nguyên ngay là:

- CÓ KHÔNG ở cuối câu 2182

- NÀNG RẰNG ở đầu câu 2185

- ĐƯỢC THẤY ở câu 2196

2. Hai trường hợp cần cân nhắc là:

a. Chữ thứ 4 trong câu 2179. Ở đây có 3 dị bản gần như tương đương: TÂM PHÚC – TÂM ĐẢM – TÂM PHỦ, không dị bản nào đạt được đa số 5/9 cần thiết. Đa số các bản Kiều hiện in TÂM PHÚC, nhưng chúng tôi đề nghị phục nguyên TÂM ĐẢM, vì bản DMT/1872 chọn dị bản này, và dị bản này có mặt ở cả miền Nam, miền Bắc.

b. Hai chữ đầu trong câu 2187. Ở đây cũng có 3 dị bản: CHÚT RIÊNG – XÓT RIÊNG và ĐỐT THAN. Lối nói ĐỐT THAN có mặt ở bản có nguồn

gốc cổ (tức bản DMT/1872) lại có mặt đồng thời ở 3 bản miền Bắc; đa số 4/9 cũng là đa số tương đối. Hơn nữa ĐỐT THAN, CHỌN ĐÁ, THỬ VÀNG vừa có nghĩa bóng, vừa phản ánh đúng nghiệp vụ của nghề kinh doanh vàng bạc. Vì các lẽ đó, chúng tôi đề nghị phục nguyên đúng như vậy.

Trang 57A

1. Tất cả 10 trường hợp trong trang này đều hội đủ 2 tiêu chí: có mặt ở bản DMT/1872 và có mặt ở đa số bản. Vậy có thể phục nguyên một cách yên tâm:

- TRƯỚC SAU ở câu 2200
- ĐỨNG ở câu 2202
- NGỎ LỜI NÓI VỚI... ở câu 2207
- TIỀN TRĂM ở đầu câu 2208
- NGUYÊN NGÂN ở giữa câu 2208
- PHÁT HOÀN ở cuối câu 2208
- PHÒNG RIÊNG ở câu 2209
- SÁNH PHƯỢNG ở câu 2212
- THOẮT ĐÃ ở câu 2214
- MÊNH MÔNG ở câu 2215

2. Tuy nhiên cũng xin lưu ý mấy điểm:

a. Chữ ĐỨNG xưa có nghĩa cả như DỰNG

b. Chữ MÔNG xưa có thể gieo vần cả với vần ANG vần ƯƠNG.

Trang 57B

1. Trang này có 9 trường hợp đạt đủ 2 tiêu chí để tái lập:

- TÂM ĐẢM ở câu 2219
- BẤY GIỜ ở câu 2224
- QUYẾT LỜI ở câu 2229
- GIÓ MÂY ở câu 2230
- BẰNG ĐÃ ở chữ thứ 4 câu 2230
- NÀNG THÌ ở câu 2231
- NHẶT CÀI ở câu 2232
- DẤU GIÀY // ĐẦY ở câu 2233

- ĐOÁI THƯƠNG ở câu 2235

Nhưng cũng xin nói thêm vài điểm:

a. Ở câu 2224 ba bản khắc chữ BẤY với thanh phù BÉ; còn 6 bản khắc một chữ đọc BÂY cũng được, đọc BẤY cũng được, tùy văn cảnh: ở văn cảnh này thì phải đọc BẤY. Đọc cả thanh SẮC, thanh NGANG là có cơ sở từ tiếng Hán, ví dụ: KHÁN đọc cả KHAN, THẮNG đọc cả THĂNG v.v... Ở đây viết BI đọc cả BÂY cả BẤY là vì vậy. (Xin xem bảng tra chữ Nôm thế kỷ 17 (Maiorica) và từ điển TVK).

b. Ở câu 2233 chữ 苔 có thể đọc ĐẦY mà cũng có thể đọc DẦY, DÀY. Sự hòa nhập D/GI cũng cho phép đọc thành cả GIÀY.

2. Có 3 trường hợp bản DMT/1872 không ăn khớp với đa số nhưng chúng tôi vẫn phục nguyên theo:

a. Ở câu 2222 bản DMT/1872 khắc in TIẾNG ĐỒNG tức "tiếng vang to của trống". Chữ ĐỒNG này ít gặp nên bị thiểu số. Nhưng xét về mặt văn học thì không có khác nhau gì cơ bản giữa TIẾNG CHIÊNG, TIẾNG BỂ (= trống lớn) và tiếng ĐỒNG, vì vậy chúng tôi tôn trọng dị bản có nguồn gốc cổ.

b. Ở câu 2230, chữ thứ 6 có thể đọc XÍ hay đọc KÌ. Đọc KÌ thì nghĩa vẫn thế, nhưng âm có thể dùng để ghi thay 期 (kì hạn). Dị bản này được đa số tương đối (4/9) lại có mặt ở bản DMT/1872 nên chúng tôi cũng phục nguyên: ĐẾN KÌ.

c. Ở câu 2232, bản DMT/1872 khắc in:

NGÀY THÂU đằng đẵng nhặt cài then mây

Trước kia chúng tôi tưởng là ĐÊM khắc nhầm thành NGÀY. Nay xét kỹ thì đúng là NGÀY:

- Ở HTC cho biết THÂU có nghĩa là "luôn, trót, suốt" và chữ đó có thể nói về cả ĐÊM, cả NGÀY, ví dụ: THÂU NGÀY, THÂU ĐÊM.

- Hơn nữa, nếu suốt đêm mà "nhặt cài then mây" thì có gì là lạ! Ở đây nhà thơ muốn nói Từ Hải đi vắng nên suốt ngày Kiều cũng đóng kín cửa, không ra khỏi nhà, không dạo chơi, không đi đâu. Có thế thì mới ăn khớp với các câu sau: sân đầy rêu, không có dấu giày, cỏ mọc cao hơn thước; cây liễu không có người cũng gầy đi.

- NGÀY THÂU có ở bản thảo cổ nên truyền ra cả Bắc, truyền cả vào Nam, nhưng sau không được ủng hộ, chỉ đạt được đa số 4/9. Mặc dầu vậy chúng tôi vẫn phục nguyên NGÀY THÂU theo nguyên tác.

Trang 58A

1. Về vấn đề phục nguyên ở trang này, có thể chia thành 3 trường hợp:

a. Trường hợp phục nguyên theo đúng 2 tiêu chí.

b. Trường hợp chỉ phục nguyên theo DMT/1872.

c. Và trường hợp phải đính ngoa rồi mới phục nguyên.

Trường hợp đầu, có thể lập danh sách phục nguyên như sau:

- CHỐC LÀ ở câu 2239
- TƠ HỒNG ở câu 2243 (có thể chữ CHỈ in nhầm thành TƠ!)
- MỘT PHƯƠNG ở câu 2250
- THUỘC, KẺ... ở câu 2253
- RỦ NÀNG ở câu 2254
- HẸN LỜI ở câu 2255
- DÁM RỜI... ở câu 2256[1]

2. Có 3 câu chỉ phục nguyên theo bản DMT/1872 vì không ăn khớp với đa số bản còn lại. Nội dung các dị bản nói chung rất gần nhau. So sánh:

- Ở câu 2245: TẤC NIỀM với TẤC LÒNG
- Ở câu 2257; DÙI DẰNG với DÙNG DẰNG
- Ở câu 2258: NGỌN CỜ với BÓNG CỜ

Kể ra, TẤC NIỀM có phần đúng ơn TẤC LÒNG, vì tình cảm đối với cố quốc là một thứ tình cảm có gắn với nghĩa vụ, trách nhiệm[2] DÙI DẰNG với ý nghĩa là "kéo dài, chậm trễ (HTC: "diên dẫn, trễ tràng") thì cũng tương đương như DÙNG DẰNG (một biến thể của DÙNG DẰNG).

Ý nghĩa dã không khác nhau lắm thì thiết nghĩ nên bảo lưu dị bản cổ.

3. Còn trường hợp phải đính ngoa là 2 chữ TƠ CHỈ trong câu 2242 của bản DMT/1872. TVKI và ADM đã chữa thành MỐI CHỈ: TƠ → MỐI; CHỈ 紙 → 织. Nhưng theo ý chúng tôi nguồn gốc 2 chữ TƠ CHỈ có lẽ vốn khác. Nếu ở câu 2586 nhà thơ đã nghĩ đến cây đàn của Tiểu Lân và viết "Tơ lòng đã dứt dây đàn Tiểu Lân" thì ở đây Cụ cũng có thể nghĩ đến cây đàn LỤC Ỷ Tư mã Tương như đã dùng để tỏ tình, tìm bạn đôi lứa; và câu thơ 2242 có thể đã được Cụ phác thảo là "Dẫu lìa LỤC Ỷ còn vương tơ lòng" hoặc "Dẫu lìa TƠ Ỷ còn vương tơ lòng", vì đàn LỤC Ỷ cũng được gọi tắt là đàn

(1) Có thể phiên DỜI vì trong từ điển (ví dụ TVK) dùng cả 移 cả 涞.

(2) Xem lại trang 19B.

Ỷ (Ỷ CẦM). Lìa LỤC Ỷ hay lìa TƠ Ỷ là nói việc cắt đứt mối duyên nợ trăm năm với Kim Trọng: rất phù hợp với văn cảnh! Nhưng chữ LỤC 綠 rất gần với chữ TƠ 絲, và chữ Ỷ 綺 cũng rất gần với chữ CHỈ 紙 về mặt tự dạng, cho nên có thể chuyển nhầm. Mặt khác chữ Ỷ cũng chính là đầu mối đưa đến chữ Ý về mặt âm trong dị bản: "Dẫu lìa TƠ Ý còn vương tơ lòng".

Tóm lại, chúng tôi không phục nguyên theo 2 chữ nhuận sắc ở Huế (NGÓ Ý ở KOM, TƠ NGÓ ở LNP) vì NGÓ rất xa TƠ CHỈ! Xin đề nghị hoặc theo giả thuyết: Dẫu lìa LỤC Ỷ // TƠ Ỷ hoặc theo đa số: Dẫu lìa TƠ Ý còn vương tơ lòng (TƠ đạt đa số 6/9; Ý đạt 5/9).

Trang 58B

1. Điều đầu tiên cần phải nói đến ở trang này là 4 chữ mở đầu câu 2260. Chắc bản DMT/1872 sai ở khâu chép hoặc ở khâu in. Trước đây chúng tôi đã thử đọc là ĐỒNG TIỀN CÙNG DÓI nhưng nghe không ổn. Sau chúng tôi lại thử đọc ĐỒNG TÌNH CÙNG DÓI (TIỀN // TÌNH kiểu như KIẾN // KÍNH ở HTC): có lẽ ở phác thảo vốn như vậy, nên phụ chú! Nhưng chắc sau chữa lại: phải phục nguyên theo đa số các bản khác, như hiện thấy:

ĐỒNG THANH CÙNG GỬI: "Nào là phu nhân?". (1)

2. Ngoài trường hợp đó ra, thì còn lại đều có thể phục nguyên theo đúng 2 tiêu chí:

- NỐI SAU ở câu 2263
- PHƯỢNG LIỄN ở câu 2265
- HOA QUAN ở đầu câu 2266
- RỠ RÀNG ở cuối câu 2266

Xin chú ý: khắc chữ RÕ, khác với chữ RỠ ở câu 2273 sau đó; nhưng chữ RÕ này có khi từ điển Nôm cũng đọc thành RỠ (Xem TVK chẳng hạn!).

- NỔI TRƯỚC chữ thứ 3 câu 2268

Lại xin chú ý: 4 bản miền Bắc khắc NỐI, đọc NỔI. Chuyện NỐI, NỔI viết như nhau đã thấy từ thế kỷ 17: ở Maiorica cũng có ví dụ như vậy.

- ĐÀO VÀNG chữ thứ 5 câu 2268
- RA NGỰA ở câu 2272
- HÃY CÒN HÀM (CẦM) ÉN MÀY NGÀI: ở câu 2274

---

(1) ĐỒNG THANH và CÙNG GỬI hơi trùng ý. Nếu theo dị bản ĐỒNG TÌNH CÙNG GỬI thì tránh được điều đó.

Trang 59A

1. Trang này có 6 trường hợp hội đủ 2 tiêu chí, có thể theo đó mà phục nguyên. Ngoài ra có 4 trường hợp có thể phục nguyên theo bản DMT/1872 và một trường hợp cần đính ngoa. Sáu trường hợp hội đủ 2 tiêu chí là:

- THẤY ĐÂY ở câu 2281
- KHAO BINH ở câu 2285
- OM THÒM // SÒM ở câu 2286
- VINH HOA ở đầu câu 2287
- NGÀY LẠI ở câu 2288
- CHỌN TƯỚNG ở câu 2297

2. Bốn trường hợp phải phục nguyên theo bản DMT/1872 là: THUỞ ở câu 2287, THÂN ở câu 2288, NHÂN ở câu 2289 và HẾT ở câu 2295. So sánh giữa các dị bản thấy hơn kém nhau không đáng kể. So sánh:

- THUỞ PHONG TRẦN với LÚC PHONG TRẦN
- THÊM THÂN với THÊM XUÂN (tức THÂN TÌNH với XUÂN TÌNH)
- NHÂN LÚC với CÓ LÚC
- NGHE HẾT THỦY CHUNG với NGHE NÓI THỦY CHUNG

Vậy phục nguyên theo bên văn bản có nguồn gốc cổ là hợp lý.

3. Hai chữ ÂN OÁN ở câu 2294 bị chép rồi khắc nhầm thành ÂN ÁI, do liên tưởng sai về ngữ nghĩa khi đọc nhẩm. Chắc sai ở một thế hệ bản sao rất cổ, vì cái sai này truyền cả vào Nam, cả ra Bắc. Phải đính ngoa trước khi phục nguyên.

Trang 59B

1. Từ câu 2299 đến câu 2318 có 12 chỗ có dị bản khác nhau. 7 chỗ có thể chọn được ngay kết cấu cần phục nguyên vì chúng vừa có mặt ở bản DMT/1872 vừa có mặt ở đa số các bản khác. Các kết cấu đó là:

- ĐẠO RA VÔ TÍCH ở câu 2300
- BẮT VỀ ở câu 2302
- TRUYỀN QUA ở câu 2303
- GIỮ GIÀNG ở câu 2304
- KHÉO THAY MỘT MẺ ở câu 2310
- GƯƠM LỚN ở câu 2311

- TRƯỚC DẪN ở câu 2318

2. Ba chỗ nên phục nguyên theo bản DMT/1872, vì dị bản có ở văn bản cổ này cũng không thua kém gì dị bản có ở các bản khác, nếu không muốn nói là hay hơn.

a. Ở câu 2302 có 4 dị bản: TRUY NÃ, TẦM NÃ, TẦM HOẠCH, TÌM CHỌN. Mấy dị bản đầu hợp với ngôn ngữ pháp lý. Nhưng theo truyện của TTTN thì TÌM CHỌN là kết cấu đúng hơn cả. Khi Từ Hải định đem quân "quét sạch vùng Lâm Tri", Kiều nói:

"Tội nhân chỉ có mấy tên Mã Bất Tiến, mụ Tú và Sở khanh mà thôi! Chớ nên làm hại lây đến người khác".

Nghe theo lời Kiều, Từ Hải ra lệnh *"đem bọn thám tử đến Lâm Tri trước do thám nơi ăn ở và cách hành động"* của bọn đó *"rồi bí mật nấp sẵn ở đó"*... *"sẽ đón bắt cho hết"*.

Vậy đúng là có "dò tìm" và "lựa chọn" cho đúng đối tượng.

b. Ở cuối câu này lại còn 2 dị bản "ĐỢI TRA" và "HỎI TRA". Bản DMT/1872 chọn BẮT VỀ ĐỢI TRA là chính xác, vì bắt về đã hỏi tra chúng ngay đâu: trước hết phải lo chuyện báo ơn mấy vị ân nhân đã! Mãi đến gần 50 dòng sau, nhà thơ còn viết (ở câu 2354):

Lại đem các tích phạm tù HẬU TRA

c. Ở câu 2310 cũng vậy: dị bản ĐÒI NƠI phù hợp hơn là dị bản ĐẦY NƠI. Đọc cả đoạn, nhất là 2 câu:

Đạo trời báo phục chỉn ghê

Khéo thay một mẻ, tóm về ĐÒI NƠI

ai cũng thấy rằng nhà thơ đang nói chuyện bắt được bọn tội phạm từ khắp nơi về, chứ không phải nói chuyện bắt chúng về đang giam chật ních! Chỉ giam cả thảy 7 tên thì ĐẦY NƠI sao được!

3. Cuối cùng còn một chỗ cần đính ngoa và một chỗ cần cân nhắc:

a. Cần đính ngoa ở câu 2305, vì cả hai dị bản QUẢN GIA và HOẠN THƯ đều sai. Hai chữ số 2, số 3 trong câu:

Mụ ... ..., vãi Giác Duyên

phải là 2 chữ HOẠN GIA, điều đó chúng ta đã chứng minh khi xét câu 1747 trước đây!

b. Cần cân nhắc ở câu 2314, vì chữ thứ 7 của câu này bản DMT/1872 khắc in là 果乚 : có thể đoán đây là chữ 𥗹 hoặc chữ 𥗹 khắc không chuẩn. Trước đây chúng tôi căn cứ vào bộ phận QUẢ ở dưới nên cho là chữ đọc Hán

Việt thành VỊ hoặc VỰNG, đọc Nôm thành VẦY hoặc VỰNG; nhưng nay căn cứ bộ phận ⺄ hay được dùng để thay bộ VŨ 雨 , chúng tôi lại ngờ rằng đây là chữ RỢP khắc sai ở phần dưới. Vì 8 trên 9 bản đều dùng dị bản RỢP nên nay chúng tôi cũng nghiêng về việc phục nguyên như vậy.

Trang 60A

1. Trang này có 8 trường hợp hội đủ cả 2 tiêu chí, nhưng trước hết chúng ta phục nguyên 7; có một trường hợp phải nói rõ thêm sau.

a. 7 trường hợp đầu là:

- HAI BÊN ở câu 2319
- NHỜ CẬY ở câu 2321
- NGHÌN NON ở câu 2327
- NGƯỜI CŨ ở câu 2328
- PHỤ LÒNG ở câu 2330
- CŨNG GIẢ ở câu 2336
- Và CHO VỪA cũng ở câu 2336

b. Trường hợp cần nói rõ thêm là chữ ĐÂY trong câu 2324:

Từ rằng: "Việc ấy ĐÂY cho mặc nàng"

Chữ ĐÂY có tự dạng gần chữ ĐỂ, nên 3 bản chữa thành ĐỂ CHO MẶC NÀNG. Chữa lại như thế nghe cũng rất hay. Nhưng bản DMT/1872 khắc chữ ĐÂY rất rõ ràng; 5 bản ở ngoài Bắc, trong Nam cũng đều in đúng như vậy. Cho nên chúng tôi nghĩ rằng đây là đại từ ĐÂY mà ở ca dao xưa và ở vùng Nghệ Tĩnh hiện nay vẫn rất hay dùng. Ở câu 340 chúng ta đã từng gặp đại từ này và cũng đã từng phân tích. Vậy xin phục nguyên ĐÂY theo đúng cả 2 tiêu chí.

2. Còn lại 3 trường hợp bản DMT/1872 bị thiểu số và 1 trường hợp bị sai, phải đính ngoa.

a. 3 trường hợp bản DMT/1872 bị thiểu số nhưng chúng tôi vẫn phục nguyên theo là:

* THÂN DƯỜNG ở câu 2326 (xin so sánh với MÌNH DƯỜNG)
* NGHĨA NẶNG ở câu 2327 (xin so sánh với NGHĨA TRỌNG)
* CHỮ ĐỒNG ở câu 2329 (xin so sánh với CHỮ TÒNG)

b. Trường hợp phải đính ngoa là chữ TRUY ở câu 2325:

Cho gươm ... đến Thúc Lang

Mới xem qua, thấy "CHO GƯƠM" thì cũng dễ nghĩ đến chuyện TRUY ĐẾN lắm! Vả lại, TRUY tức là "tìm trở ngược các việc đã qua" để hành động (như TRUY TẶNG, TRUY ĐIỆU, TRUY CỨU, TRUY NÃ v.v.), biết đâu Kiều sẽ TRUY TẦM tội gì đó của Thúc sinh. Nhưng Kiều đã nói:

Báo ân rồi sẽ giả thù

Vậy vời Thúc sinh đến trước chắc là để báo ân. Mà đã vời đến để báo ân thì có lẽ dùng chữ MỜI hợp hơn là dùng chữ TRUY. Hai chữ lại có tự dạng gần nhau. Vậy rất có khả năng chữ MỜI đã bị chuyển nhầm thành chữ TRUY, phải đính ngoa trở lại thành MỜI. Đính ngoa xong, chữ MỜI sẽ có mặt ở 7 bản, trong đó có bản DMT/1872. Ta có đủ cả 2 tiêu chí để phục nguyên: CHO GƯƠM MỜI ĐẾN THÚC LANG.

Trang 60B

1. Trang này có 5 chỗ đạt 2 tiêu chí, có thể phục nguyên. Đó là:

- MỪNG SỢ ở câu 2339
- DẮT TAY ở câu 2343
- HOA NÔ KIA ở câu 2344
- PHẠM TÙ ở câu 2354
- ĐẾN ĐÂY ở câu 2358

Ngoài ra có 1 câu cũng đạt 2 tiêu chí nhưng chúng tôi băn khoăn khi đọc bản in của DMT/1872. Đó là câu 2342:

Thoắt đưa đến trước vội MỜI RƯỚC LÊN

Các nơi khác, khi có RƯỚC kết hợp với một động từ nữa, chúng tôi đều thấy cụ Nguyễn Du đặt RƯỚC ở trước, ví dụ: RƯỚC MỜI VÀO TRONG ở câu 2038, ĐEM TIN RƯỚC MỜI ở câu 2306; RƯỚC MỜI VIÊN NGOẠI ở câu 2822; RƯỚC CHÂU VU QUI ở câu 2264... Ở đây lại có trật tự nghe hơi lạ: VỘI MỜI RƯỚC LÊN! Xem 4 bản còn lại, chúng tôi thấy đều in VỘI MỜI LÊN TRÊN: Vậy có khả năng MỜI RƯỚC LÊN là do MỜI LÊN TRÊN khắc nhầm mà thành, vì tự dạng rất gần giữa RƯỚC và LÊN cũng như giữa LÊN và TRÊN. Sau khi cân nhắc, chúng tôi đính ngoa, và kết quả là cả 9 bản trở thành thống nhất như nhau, và điều quan trọng hơn là kết quả đó ăn khớp với phong cách nhà thơ ở các nơi khác.

2. Có 2 chỗ bản DMT/1872 không ăn khớp với đa số nhưng chúng tôi vẫn phục nguyên theo, vì cảm thấy hợp lý hơn. Đó là ở câu 2357. Xin so sánh:

* XA trông nàng đã CHÀO SƠ (ở DMT, TVKI, ADM)

* THOẮT trông nàng đã CHÀO THƯA (ở 6 bản còn lại)

Dị bản sau cho thấy Kiều lễ phép quá! Trong TTTN Kiều tỏ ra lạnh lùng, nghiêm khắc hơn nhiều. Và chắc cụ Nguyễn Du cũng tán thành thế.

3. Cuối cùng là 2 trường hợp rất khó, chúng tôi băn khoăn mãi.

a. Đầu câu 2348, 8 bản nhất trí dùng chữ MÀ:

MÀ lòng Phiếu mẫu mấy vàng cho cân

Riêng bản DMT/1872 khắc chữ [illegible], chữ này chỉ có 2 khả năng đọc ở câu này: đọc MỐI, và đọc MỖ. MỐI LÒNG PHIẾU MẪU thì đại khái cũng gần gần như MỐI TÌNH hoặc TẤM LÒNG. Còn MỖ thì khó hiểu hơn, vì dùng với nghĩa cổ là "một số lượng ít", "một mảy", "một chút" (theo TĐTC): MỖ LÒNG PHIẾU MẪU có thể diễn đạt thành CHÚT LÒNG PHIẾU MẪU.

Vậy xin ghi nhận cả hai cách đọc để giới nghiên cứu cân nhắc thêm.

b. Ở câu 2355.

Dưới cờ gươm TUỐT... RA

Có 4 dị bản: TUỐT NẮP RA - TUỐT HỘP RA - TUỐT TRẮNG RA và ở bản DMT/1872 - TUỐT MAI RA. Cũng lạ: thông thường ít nghe ai nói NẮP GƯƠM, HỘP GƯƠM mà chỉ nghe nói BAO GƯƠM hoặc VỎ GƯƠM. Thiết nghĩ từ cái MAI RÙA mà nói GƯƠM TUỐT MAI RA thì cũng không thua kém gì các dị bản trên.

Dầu sao cũng xin để giới nghiên cứu quyết định.

Trang 61A

1. Ở trang này tình hình tương đối đơn giản, chỉ có một trường hợp bản DMT/1872 khắc sai CHÚT thành XÓT, phải đính ngoa (ở câu 2365) và 2 trường hợp bị thiểu số, nhưng vẫn tái lập theo được:

a. Ở câu 2363 sáu bản dùng HỒN LẠC PHÁCH XIÊU nhưng bản DMT và hai bản LNP, KOM đều có trật tự đảo ngược lại là PHÁCH LẠC HỒN XIÊU! Vậy nên tôn trọng văn bản có nguồn gốc cổ.

b. Ở câu 2364, bản DMT/1872 khắc in:

Khấu đầu dưới trướng LỰA điều kêu ca

Và được ba bản khác in theo: vậy có đa số tương đối: 4/9. Ba dị bản khác không được như vậy:

* LIỆU ĐIỀU KÊU CA chỉ có mặt ở 2 bản

* DỞ ĐIỀU KÊU CA cũng chỉ có mặt ở 2 bản

* LỘ ĐIỀU KÊU CA chỉ có mặt ở một bản

Vậy chúng ta vẫn nên phục nguyên động từ LỰA.

2. Còn lại 10 trường hợp hoàn toàn có sự ăn khớp giữa bản DMT/1872 và đa số các bản khác. Có thể phục nguyên:

- MẤY MẶT ở câu 2360
- DỄ DÀNG ở câu 2361 (= thuần hòa, không nóng nảy, theo KTTĐ)
- CAY NGẶT ở câu 2362
- THÌ CŨNG ở câu 2366
- KHỎI CỬA ở câu 2368
- RIÊNG CŨNG ở câu 2369
- TRÓT LÒNG ở câu 2371
- LƯỢNG BỂ (BIỂN) ở câu 2372
- THẬT ĐÃ ở câu 2373
- Và THA RA THÌ... ở câu 2375

Trang 61B

1. Trang này tình hình cũng đơn giản như trang trước. Có thể phục nguyên ngay 7 trường hợp hội đủ 2 tiêu chí sau đây:

- TRƯỚC LÀ... ở câu 2383
- BÊN LÀ... BÊN LÀ... ở câu 2384
- ĐÁNG TÌNH... cũng ở câu 2386
- LỆNH QUÂN ở câu 2387
- NỘI ĐAO cũng ở câu 2387
- VỘI ĐÃ ở câu 2398

2. Còn 2 trường hợp bản DMT/1872 bị thiểu số, nhưng dùng dị bản cũng tương đương như dị bản còn lại; so sánh:

* Ở câu 2380: CỬA VIÊN ở DMT/1872 và CỬA HIÊN ở 6 bản.

* Ở câu 2385: CÙNG ở DMT/1872 và VỚI ở 6 bản.

Vậy cứ nên tái lập theo dị bản có nguồn gốc cổ.

Trang 62A

1. Việc đầu tiên phải làm ở trang này là đính ngoa và cải tiến lại văn bản:

a. Ở câu 2411: Còn nhiều ÂN NGHĨA với nhau.

Xưa người sao chép đã liên tưởng nhầm về ngữ nghĩa, nên 2 chữ ÂN NGHĨA chuyển thành ÂN ÁI. Vậy phải đính ngoa trở lại thành ÂN NGHĨA để phù hợp với mối quan hệ tình cảm giữa Kiều và Giác Duyên.

b. Ở câu 2402, 4 chữ HẠC NỘI MÂY NGÀN đã khắc in thành HẠC NỘI MÂY NHÀN ở bản DMT/1872. Tuy ai cũng biết mối quan hệ NH/NG (như ở NHẮM / NGẮM, NHÁNH - NHÀNH / NGÀNH, NHẤC / NGẤC, NHƠ NHÁC / NGƠ NGÁC...), nhưng để MÂY NHÀN thì có thể gây hiểu nhầm: vậy nên chữa lại thành MÂY NGÀN như mọi người đã quen thuộc.

2. Sau 2 việc ấy là có thể tiến hành phục nguyên các trường hợp còn lại. Phục nguyên theo đúng 2 tiêu chí như:

- NHẤT THÌ ở câu 2399
- BÈO HỢP MÂY TAN ở câu 2401
- MẤY LÂU ở câu 2403
- HÀNH CƯỚC ở câu 2405
- GẶP SƯ TAM HỢP ở câu 2406
- BẢO ở đầu câu 2407
- HỘI HỢP ở giữa câu 2407

3. Phục nguyên chỉ theo tiêu chí 1 cũng có một trường hợp: ở câu 2410. Trong câu này 6 bản dùng 2 chữ ĐIỀU SAU, còn bản DMT/1872 dùng VIỆC SAU. Hai bản LNP và KOM đều theo DMT. Và theo là có lý, vì VIỆC SAU không những cùng nghĩa như ĐIỀU SAU, mà lại còn có điểm trội hơn: nó làm cho vế sau đối với vế trước chỉnh hơn:

Đã tin ĐIỀU TRƯỚC, ắt nhầm VIỆC SAU

Trang 62B

1. Trang này có mấy chỗ cách viết chữ Nôm bắt buộc chúng ta phải giải quyết trước khi xét vấn đề phục nguyên.

a. Ở câu 2420 bản DMT/1872 đã in một chữ như chữ GIÁC (trong GIÁC NGỘ), trước đây chúng tôi đã tạm đọc GÓC, đồng thời gợi lên khả năng có thể là do chữ CẠNH khắc nhầm mà thành. Sở dĩ chúng tôi gợi lên khả năng đó là vì trong Maiorica có chữ CẠNH phía trên viết như TỊNH (= đều) và phía dưới có chữ KIẾN (= thấy). Nay 7 bản ở cả 3 miền đều nhất trí dùng chữ CẠNH. Vậy rõ ràng bản DMT/1872 đã chép và in không chuẩn chữ CẠNH cổ, viết theo kiểu Maiorica.

b. Ở câu 2426 bản DMT và bản KOM khắc in chữ ÓC, nhưng 7 bản còn lại đều dùng chữ ỐC. Căn cứ văn cảnh, phải cho rằng ỐC chỉ là chữ ÓC khắc

hoặc chép một cách không chuẩn.

c. Ở câu 2434, bản DMT khắc BI (= thương xót) NAY. Khi xét câu 2224 trang 57B trước đây chúng tôi đã trình bày rằng BI có thể đọc BÂY hay BẤY tùy văn cảnh. Ở câu này cũng phải đọc BẤY NAY mới hợp lý.

2. Đến đây đã có thể bàn đến vấn đề phục nguyên - Có 9 trường hợp hội đủ 2 tiêu chí, cho phép chúng ta tái lập như sau:

- NÀNG TỪ... ở câu 2419
- NÀO MONG ở câu 2422
- CHÉP ở chữ thứ 3, câu 2425
- XIẾT ở chữ thứ 5, cũng câu 2425
- TRỜI MÂY ở câu 2426
- MỘT NGÀY ở câu 2428
- DẪU THẤY ở câu 2430
- THÂM TẠ ở câu 2432
- MỚI LÀ cũng ở câu 2432

Hai chữ cuối cùng này, cụ Đào Duy Anh cho rằng phải phiên thành VỚI LÀ (với nghĩa "cùng là, với lại") mới "thông nghĩa". Nhưng cứ liệu bản DMT/1872 cho thấy trong gần 100% trường hợp VỚI đều ghi bằng chữ BỐI, còn ở đây lại viết chữ MÃI: có lẽ đọc MỚI LÀ vẫn đúng hơn.

3. Cuối cùng có 2 trường hợp cần cân nhắc, vì dị bản do DMT khắc in, tuy không đạt đa số cần thiết, nhưng lại có đóng góp đáng coi trọng:

a. Ở câu 2420, 8 bản đều in như sau:

BỂ oan dường đã vơi vơi cạnh lòng

Riêng bản DMT/1872 không dùng chữ BỂ mà khắc một chữ cơ bản giống như chữ SÁT: 殺 . Nếu là SÁT thì từ điển HTC, Génibrel đều giải thích là "cạn, rặc", "hết, chấm dứt". Vậy cũng phải tính đến cách hiểu SÁT OAN = "hết oan khiên". Biết đâu đó là kết cấu trong phác thảo xưa?

Vậy xin ghi thêm bên cạnh BỂ OAN để nghiên cứu tiếp.

b. Ở câu 2425, trong 4 bản DMT, TVKI, ADM, KOM dùng CHẠM XƯƠNG, trong 4 bản LNP, TMĐ, QVĐ, VNB-60 lại dùng KHẮC XƯƠNG: không dị bản nào đạt được đa số cần thiết. Tạm thời chúng tôi nghĩ là nên phục nguyên CHẠM XƯƠNG, vốn có ở văn bản cổ hơn.

Trang 63A

1. Từ câu 2439 đến câu 2458, trong 11 chỗ cần khảo dị, có đến 9 trường hợp đa số các bản đều thống nhất với bản DMT/1872. Đó là một điều kiện rất thuận lợi. Có thể tái lập:

- TỪ ẤY ở câu 2440
- GỒM ở câu 2442
- QUÉT ở câu 2443
- CÕI NAM ở câu 2444
- NHỮNG LOÀI và GIÁ ÁO ở câu 2446
- BÁT TIỄU ở câu 2454
- CHƯỚC ở câu 2457
- NGỌC VÀNG GẤM VÓC ở câu 2458

2. Như vậy chỉ có 2 câu của bản DMT/72 là không thể dựa vào để phục nguyên ngay; vì in nhầm, phải đính ngoa trước!

a. Ở câu 2439 bản DMT/1872 khắc in một chữ có cấu trúc là bộ THẠCH + chữ KHỐI. Theo VVK/1994 đây cũng là một cách viết chữ KHỐI. Khắc KHỐI thế là sai vì ở câu này phải đọc NGÓI: *Thừa cơ trúc chẻ ngói tan.*

Nhưng ngoài cách viết là NGÕA, chữ NGÓI rất hay dùng thanh phù KHỐI. Vậy có thể đính ngoa chữ KHỐI ở bản DMT/1872 và ở 4 bản miền Bắc cũng như chữ KHỐI ở bản LNP thành NGÓI. Kết quả, sau khi đính ngoa, chúng ta có: NGÓI: ở 7 bản; ĐÁ: ở 2 bản.

b. Còn ở câu 2454 thì bản DMT/1872 bị thiểu số vì khắc nhầm sang chữ khác: đáng lẽ chữ NHUNG 戎, thợ in đã khắc thành chữ QUA 戈, không hiệp vần được với HÙNG, TRUNG ở 2 câu sau.

Vậy phải đính ngoa, rồi phục nguyên đúng chữ NHUNG như ở 8 bản còn lại.

Trang 63B

1. Trong trang này có thể phục nguyên ngay 8 trường hợp hội đủ 2 tiêu chí sau đây:

- TRUNG QUÂN ở câu 2461
- LƠ LÁO ở câu 2466
- BUỘC TRÓI ở câu 2467
- BIÊN THÙY ở câu 2469

- CHỌC TRỜI ở câu 2471

- NÀNG THÌ ở câu 2473

- LỄ NHIỀU ở câu 2474

- BẰNG NAY ở câu 2477

2. Có một câu chúng ta gặp lại hiện tượng đã mấy lần nói ở trước: khắc chữ BI (= bia) có thể đọc BẬY hay đọc BẤY, tùy văn cảnh. Trong câu 2464 này thiết nghĩ phải đọc BẤY.

3. Còn lại 3 câu bản DMT/1872 bị thiểu số. Đa số đều in:

a. Ở câu 2462: Từ công riêng HÃY mười phân hồ đồ.

b. Ở câu 2475: NGHĨ mình mặt nước cánh bèo.

c. Ở câu 2476: Đã nhiều lưu lạc LẠI nhiều gian truân.

Ở a (2462) DMT/1872 khắc in NGHĨ – Hai bản miền Nam và một bản miền Bắc (VNB-60) cũng in như vậy.

Ở b (2475) chỉ một mình DMT in THÌ.

Ở c (2476) cũng một mình DMT in ĐÃ.

Chúng tôi nghĩ rằng vẫn nên coi trọng dị bản DMT/1872 đưa ra, chứ không nên vội gạt bỏ ngay. Rất có thể đây là những cách nói có ở trong phác thảo đầu tiên. Chứng cớ là:

- Ở câu a (2462) có bản miền Bắc cũng in như vậy. Phải có chữ NGHĨ trong một bản phác thảo rất xưa thì nó mới truyền được cả vào Nam, ra Bắc. Hơn nữa trong RIÊNG... MƯỜI PHÂN HỒ ĐỒ, chữ HÃY chỉ nhấn rõ ý nghĩa là "đang tiếp tục ở trạng thái", còn chữ NGHĨ thì mới gợi lên được khía cạnh "đang suy tư".

- Ở hai câu b (2475) và c (2476) thì việc dùng chữ THÌ, việc lặp lại chữ ĐÃ lại cho thấy câu thơ đang ở dạng tự nhiên, rất gần khẩu ngữ.

Vậy chắc cả 3 câu sau có sự nhuận sắc lại. Không biết cụ Nguyễn Du có tham gia khâu nhuận sắc này không? (Tự mình nhuận sắc hay tán thành sự nhuận sắc của bạn bè)?

Do đó bên cạnh việc phục nguyên theo đa số, thiết nghĩ cũng nên chú thêm 3 dị bản hiện thấy ở bản DMT/1872.

Trang 64A

1. Phải chia thành 4 trường hợp khi xét trang này:

a. Trường hợp đạt đủ 2 tiêu chí, có thể phục nguyên.

b. Trường hợp đạt đủ 2 tiêu chí, nhưng có vấn đề phải cân nhắc.

c. Trường hợp bản DTM/1872 bị thiểu số nhưng có thể phục nguyê theo.

d. Và trường hợp bản DMT/1872 khắc sai, phải phục nguyên theo bê đa số.

2. Trường hợp a) bao gồm 5 câu sau đây:

- Ở câu 2486: có thể phục nguyên SÓNG GIÓ (chữ số 4).
- Cũng ở câu 2486: có thể phục nguyên CỎ, HOA (chữ số 7, số 8).
- Ở câu 2492: có thể phục nguyên BIẾT BAO.
- Ở câu 2493: có thể phục nguyên DẤY VIỆC.
- Ở câu 2494: có thể phục nguyên BẰNG ĐẦU.

3. Trường hợp b) là câu số 2489. Câu này đa số in là:

RẰNG TRONG thánh ĐẾ dồi dào

Nhưng in như thế rõ ràng là thiếu mất cái ý "ơn vua". Vì vậy các bả Kiều về sau đã nhuận sắc hay đính ngoa lại theo 2 hướng:

a. Chữa chữ TRONG thành ƠN

b. Hoặc chữa chữ ĐẾ thành TRẠCH

Trước đây chúng tôi đã nghiên cứu câu b) và muốn đi theo hướng đín ngoa: gắng tìm cho ra cái chữ đúng vốn có. Chúng tôi đã gợi ý phải nghĩ đế chữ GIÁO 窖 , vì GIÁO có tự dạng phần nào gần ĐẾ hơn TRẠCH (xi xem chú thích 784, ở "Tư liệu truyện Kiều – Bản Duy Minh Thị 1872") Nay xin đề xuất thêm một giả thuyết nữa liên quan đến câu a) cũng the hướng đính ngoa: gắng tìm cho ra cái chữ cần thiết vốn có tự dạng gần vớ chữ TRONG. Vì TRONG có nhiều cách viết, chúng tôi bắt đầu bằng ch TRONG có thanh phù LONG của bản DMT/1872. Nhưng xét kỹ hóa r không phải LONG mà là chữ SỦNG 寵 với nghĩa là "ơn"! Vậy SỦNG l nghĩa phù! Và bộ phận TRUNG lại phải chuyển thành thanh phù – tất nhiê một thanh phù khắc không chuẩn, cần phải đính chính lại! Căn cứ vào lịc sử diễn biến IN > ƠN > ÂN[1] chúng tôi đoán rằng trong chữ Nôm cổ, âm Ơ có thể ghi bằng thanh phù IN, tức chữ ẤN. Giả thuyết: ta vốn có chữ ƠN vớ cấu trúc SỦNG + IN 寵印 , chính chữ này đã bị khắc sai thành chữ tưởng l TRONG ở bản DMT/1872: 寵中 . Với giả thuyết này, có thể nói cách chữa b) là sai, ở a) là đúng; và khi đính ngoa xong có thể phục nguyên theo câu bản DMT: "*Rằng ƠN thánh đế dồi dào*".

---

[1] Chữ NHÂN hiện nhiều vùng còn đọc NHƠN; còn thế kỷ 17 thì đọc NHIN.

4. Trường hợp c) là câu số 2482. Trong câu này bản DMT/1872 khắc đúng chữ RỠ (trong RỠ RÀNG MẸ CHA), nhưng bị thiểu số. Chúng tôi chủ trương phục nguyên RỠ. Vì 3 lẽ:

- Về mặt văn cảnh, RỠ RÀNG là từ ngữ phù hợp.

- Về mặt lịch sử, bản DMT/1872 là bản có nguồn gốc cổ, cần tôn trọng.

- Hơn nữa, chữ RÕ trong phía đa số cũng đã được chứng minh là một chữ có thể đọc RỠ (xin xem trang 58B trước đây).

4. Trường hợp d) là trường hợp chữ HỢI trong câu 2496. Không rõ vì sao HOÀNG SÀO lại bị khắc thành HỢI SÀO. Hay là xưa có một tên phản loạn nào đấy tên HỢI nên nhà thơ tạo ra tên ghép HỢI + SÀO? Vấn đề cần tìm hiểu tiếp. Trước mắt chúng ta cứ phục nguyên HOÀNG SÀO theo đa số các bản.

Trang 64B

1. Ở trang này có 6 trường hợp có đủ 2 điều kiện để phục nguyên:

- DÒM ĐÃ ở câu 2506

- TẬP CÔNG ở câu 2508

- TỪ CÔNG ở đầu câu 2511

- TRẬN TIỀN ở cuối câu 2513

- CHẲNG NGỜ ở câu 2315

- Và LIỀU GIỮA ở câu 2517

2. Và một trường hợp bị khắc sai phải chữa lại:

- Ở câu 2500 hai chữ THẾ HÀNG bản DMT/1872 khắc in thành THẾ TRƯỜNG / TRÀNG. Chưa rõ lý do vì sao khắc in sai. Nhưng rõ ràng phải đính ngoa rồi phục nguyên THẾ HÀNG như 8 bản còn lại.

Trang 65A

1. Ở trang này tình hình cũng gần như ở trang trên - đa số trường hợp có đủ điều kiện để phục nguyên ngay:

- KHI ĐÃ ở câu 2519

- GIỮA VÒNG ở câu 2520

- CHUYỂN ở chữ thứ 4, câu 2522

- CHẲNG ở chữ thứ 7, cũng câu 2522

- Ù Ù ở câu 2254

- THÀ LIỀU ở đầu câu 2532

- NHƯ XỐI ở câu 2533

- CƠN SẦU cũng ở câu 2533

- VỰC RA ở câu 2538

Riêng ở câu 2536 sáu bản đều khắc PHỤC HẠ, nhưng có lẽ khắc để đọc theo nghĩa: PHỤC XUỐNG. Chấp nhận điều này thì ta sẽ có đa số tuyệt đối (9/9) để phục nguyên PHỤC XUỐNG.

2. Ở câu 2522, năm bản dùng từ CHO, bốn bản dùng từ CHẲNG. Chúng tôi đề nghị phục nguyên CHẲNG vì có hai lý do:

- Bản DMT/1872 cũng khắc in từ CHẲNG

- Phục nguyên CHẲNG thì sẽ tạo ra được một sự lặp lại từ phủ định này, làm cho thế câu thơ mạnh hơn.

Ai lay CHẲNG chuyển, ai rung CHẲNG dời

3. Ở câu 2532 đa số dùng từ THÁC, nhưng bản DMT/1872 dùng từ CHẾT. Chúng tôi phục nguyên SỐNG CHẾT vì SỐNG CHẾT được dùng phổ biến hơn ở trong lối nói bình thường của người Việt, so với SỐNG THÁC. Mà câu 2532 này là một câu Kiều vừa nói vừa khóc, tính chất khẩu ngữ phải được tôn trọng.

4. Còn lại một câu bản DMT/1872 bỏ trống một chữ, không khắc. Đa số các bản khác đều khắc chữ ĐUỔI ở vị trí ấy.

Quan quân truy sát ĐUỔI dài

Nhưng VVK cho biết, ở bản DMT trùng san năm 1879 câu 2523 này lại khắc đầy đủ cả 6 chữ, với chữ CHI 之 ở vị trí trước kia bỏ trống. Chúng tôi đoán là phải đọc thành CHÂY / TRÂY với nghĩa là "chịu lì", "tiếp tục không lay chuyển" (như trong CHÂY LƯỜI, TRÂY NỢ...). Nhưng 2 lần điền ô thiếu bản DMT/1879 đều dùng CHI! Chúng tôi hơi nghi ngờ nên sẽ chọn ĐUỔI theo đa số (tuy vẫn có kèm thêm chú thích).

Trang 65B

1. Trường hợp cần biện luận cũng gần ngang như trường hợp có thể phục nguyên ngay: đó là đặc điểm của trang này. Có 5 trường hợp có thể phục nguyên ngay, danh sách như sau:

- NHIỀU NÀN ở câu 2542

- TUÔN DÀO ở câu 2547

- ĐƯA THÂN ở câu 2552

- PHỤ VINH ở câu 2553

- KHÉO KHUYÊN ở câu 2557

2. Còn trường hợp cần biện luận thì chỉ ít hơn một tí: 4 lần ở 4 câu 2539, 2546, 2547 và 2556! Đáng chú ý là chỉ có 4 trường hợp, nhưng số lượng dị bản ở mỗi trường hợp thường lại rất nhiều: tổng cộng chúng ta phải cân nhắc về 14 dị bản cả thảy: 3 ở câu 2359, 2 ở câu 2546, 4 ở câu 2547 và 5 ở câu 2556.

Trước hết xin nói về 3 dị bản ở câu 2539: ĐEM VÀO, DẪN VÀO và ĐƯA VÀO. Xét về mặt sắc thái ý nghĩa, 2 chữ ĐEM và ĐƯA đều có tính chất bình dị, phổ thông hơn, còn chữ DẪN thì có tính chất chọn lọc hơn. Không phải ngẫu nhiên mà đa số (5/9) thiên về DẪN. Nhưng ĐEM lại có mặt ở bản có nguồn gốc cổ nhất. Phải chăng ở các bản phác thảo sớm nhất nhà thơ dùng ĐEM rồi sau vào Huế mới nhuận sắc lại thành DẪN? Trong lúc chưa chứng minh được điều đó chúng tôi sẽ đề nghị nên theo DMT, tái lập ĐEM, đồng thời có ghi kèm thêm cả DẪN.

3. Trường hợp 2 dị bản MẶC LÒNG NGHĨ ĐÓ và MẶC LÒNG NGHĨ LẤY có lẽ cũng tương tự như trường hợp vừa nói ở trên: chắc lúc đầu phác thảo theo lối nói gần với khẩu ngữ (... ĐÓ) rồi sau mới nhuận sắc lại (... NGHĨ LẤY). Nhưng lần này có khả năng là nhà thơ đã tham gia vào việc nhuận sắc (bản thân tự nhuận sắc hay tiếp thu sự nhuận sắc của bạn bè): vì có thế thì lối nói mới chữa lại này mới truyền đi được cả 3 miền: ở Huế cũng như ở cả 2 miền Nam, Bắc.

Với sự phỏng đoán như vậy chúng tôi thiên về việc tái lập 2 chữ NGHĨ LẤY.

4. Ở câu 2547 có 4 dị bản: GIỌT NGỌC, ĐŨA NGỌC, TỦI NGỌC và ĐỔ // DỎ NGỌC; nhưng thường được chú ý là hai dị bản đầu. So sánh ĐŨA NGỌC TUÔN TRÀO với GIỌT NGỌC TUÔN TRÀO, chúng tôi nghiêng về cách nói đầu. Lý do: xét về cú pháp, trước hai chữ TUÔN TRÀO thì dùng chữ GIỌT không ổn lắm. Chúng ta thường nói: SUỐI LỆ TUÔN TRÀO hoặc DÒNG NƯỚC MẮT TUÔN TRÀO. Cũng có thể nói: LỆ TUÔN TRÀO hoặc NƯỚC MẮT TUÔN TRÀO. Nhưng ít khi nói: GIỌT LỆ TUÔN TRÀO – GIỌT NƯỚC MẮT TUÔN TRÀO. Sở dĩ thế là vì chữ GIỌT thiên về số ít, mâu thuẫn với TUÔN TRÀO. ĐŨA NGỌC có phần tương đương với DÒNG LỆ, SUỐI LỆ nên nói ĐŨA NGỌC TUÔN TRÀO là được. Chúng tôi phục nguyên cách nói đó là vì có lập luận như vậy, ngoài việc tôn trọng bản DMT/1872. Rất mong các nhà nghiên cứu cân nhắc thêm.

5. Cuối cùng là 5 dị bản cần so sánh ở câu 2556. Mỗi dị bản là một kết

cấu 3 chữ. Sau đây là tần số xuất hiện của từng chữ, trong số 7 chữ đã được dùng:

MÌNH: có mặt ở 8 bản

ĐEM: có mặt ở 5 bản

DẪN có mặt ở 3 bản

DẤN có mặt ở 1 bản

THÂN có mặt ở 1 bản

THOẮT có mặt ở 1 bản

Cộng lại, 3 kết cấu có tần số cao nhất là ĐEM MÌNH ĐI (= 21), DẪN MÌNH ĐI (= 19) và DẤN MÌNH ĐI (= 17). Chúng ta phục nguyên ĐEM MÌNH ĐI tức là phục nguyên theo tần số cao nhất, đồng thời cũng là theo văn bản có nguồn gốc cổ nhất!

Trang 66A

1. Từ câu 2559 đến câu 2578 có 7 trường hợp đạt 2 tiêu chí để có thể phục nguyên được ngay. Ngoài ra lại còn 4 trường hợp cần phải cân nhắc.

7 trường hợp có thể phục nguyên là:

- TRONG QUÂN ở câu 2565
- VẶN ĐÀN ở câu 2568
- GIÓ TỦI ở câu 2569
- BỐN CUNG ở câu 2570
- NHỎ MÁU cũng ở câu 2570
- MUÔN OÁN ở câu 2574
- BẠC PHẬN ở câu 2575

2. Trường hợp đầu tiên phải cân nhắc là: chọn THIỂN THỔ – TIỆN THỔ hay TIỆN SĨ? Chữ SĨ chắc là do chữ THỔ khắc nhầm mà thành. Nếu chữa lại chữ này thì sẽ có được TIỆN THỔ ở 6 bản. Nhưng bản DMT/1872 dùng THIỂN THỔ. Chắc xưa cũng vậy. Có điều khi bản thảo truyền ra Bắc thì chữ THIỂN bị sao nhầm thành chữ TIỆN vì hai bên đều có chung thanh phù TIÊN, chỉ khác nhau ở bộ THỦY, bộ BỐI. Vậy có thể phục nguyên THIỂN THỔ ở câu 2561.

3. Ở câu 2562 bảy bản dùng 2 chữ ĐẮP ĐIẾM với nghĩa là "che đắp cho kín" (TĐTV-HP). Nhiều bản Kiều hiện nay cũng in theo thế. Nhưng chúng tôi vẫn đề nghị phục nguyên ĐẮP ĐỂ như ở bản DMT/1872, vì:

- Chắc đây là dị bản cổ: không những nó được truyền vào Nam mà cả bản LVĐ/1871 ngoài Bắc cũng tiếp thu như vậy.

- ĐẮP ĐỂ có nghĩa cũng gần như ĐẮP ĐIẾM. Hơn nữa những lối nói như ĐỂ MẢ, ĐỂ ĐẤT lại rất ăn khớp với ngữ cảnh đang xét.

- Chữ ĐỂ có tự dạng cho phép chuyển thành ĐIẾM. Rồi vì ĐIẾM quen thuộc hơn nên sau nó được ủng hộ.

4. Còn lại 2 trường hợp NGÓN / NGỌN ở câu 2570 và CUNG CẦM / CUNG ĐÀN ở câu 2577.

a. Chắc chắn là NGÓN chuyển nhầm thành NGỌN, vì 2 lẽ: không ai nói NGỌN TAY mà chỉ nói NGÓN TAY; hơn nữa 2 bên tự dạng có thể gây lẫn lộn vì cả NGÓN và NGỌN đều có thể viết với thanh phù NGUYỄN, chỉ khác nhau ở bộ thủ. Vậy câu thơ phải được phục nguyên như sau, sau khi đã đính ngoa xong:

Bốn cung nhỏ máu năm đầu NGÓN TAY

b. CUNG ĐÀN với CUNG CẦM: có nghĩa tương đương. Chắc CUNG ĐÀN được dùng ở bản phác thảo và ở các bản sao đầu tiên. Có thể nó mới được khắc in ở bản DMT/1872. Nhưng về sau, có lẽ để tránh lặp lại chữ ĐÀN đã có ở câu trên, nhà thơ đã tham gia nhuận sắc lại thành CUNG CẦM: nhuận sắc thời kỳ ở Huế, vì chỉ các bản gốc Huế và các bản ở Bắc là biết để chữa lại.

Đề nghị phục nguyên CUNG CẦM với ghi chú thêm "vốn là CUNG ĐÀN".

Trang 66B

1. Ở đây có thể yên tâm phục nguyên 7 trường hợp như sau:

- NGHE CÀNG ĐẮM, ĐẮM CÀNG SAY ở câu 2579
- LẠ CHO ở câu 2580
- CÒN CHI NỮA ở câu 2585
- SỰ NÀY ở đầu câu 2594
- ĐƯỢC ĐÂY ở cuối câu 2594
- TẢO NHA ở câu 2595
- CÔNG ở câu 2596

Có một chỗ cũng hội đủ 2 tiêu chí như 7 trường hợp trên nhưng cần phải biện luận: đó là 2 chữ HƯƠNG HỎA hiện có mặt ở 6 bản, kể cả bản DMT/1872. Chắc khắc chữ HỎA nhưng phải đọc LỬA, theo nghĩa, để ăn khớp với

văn cảnh. KTTĐ cho biết: HƯƠNG LỬA chỉ dùng khi nói đến "tình nghĩa nồng nàn của vợ chồng" còn HƯƠNG HỎA lại dùng khi nói đến "di sản để lại, dùng vào việc cúng giỗ"; vậy rõ ràng HƯƠNG HỎA đặt vào câu 2581 này không hợp.

Chúng ta có đủ cơ sở để tái lập HƯƠNG LỬA.

2. Có 2 câu lục có vấn đề liên quan với nhau, nên xét chung.

- Ở câu 2583 tám bản cho in:

Thưa rằng: CHÚT phận lạc loài

- Ở câu 2587 sáu bản cũng cho in:

Rộng THƯƠNG còn mảnh hồng quần

Hơi tàn ĐƯỢC THẤY gốc phần là may

Nhưng bản DMT/1872 lại dùng chữ có thể đọc XÓT // TRÓT ở câu trên và dùng chữ CHO ở câu dưới! Đoán là chữ CHÚT bị khắc nhầm thành XÓT thì cũng được. Nhưng chúng tôi ngờ rằng cụ Nguyễn Du vốn viết như ở bản DMT/1872. Cụ không thiên về việc chỉ tìm cho ra chữ đọc lên nghe hay, nghe thuận tai. Cụ có thiên hướng bênh vực Kiều, tránh những chữ hạ thấp nàng quá. Cụ không muốn để Kiều tự xưng là CHÚT PHẬN LẠC LOÀI, và để Kiều xin Hồ Tôn Hiến THƯƠNG HẠI. Cụ chỉ cho Kiều thưa lại mấy ý, 3 lần đều bắt đầu bằng động từ:

- Thưa rằng: XÓT (// TRÓT) phận lạc loài

- Trong mình NGHĨ ĐÃ có người thác oan

- CÒN CHI NỮA cánh hoa tàn...

Và chỉ xin:

- Rộng CHO còn mảnh hồng quần

- Hơi tàn ĐƯỢC THẤY gốc phần là may

Việc không cho Kiều tự hạ mình quá trước những người đáng ghét, cụ Nguyễn Du đã cho ta thấy qua bản DMT/1872, ở câu 2561:

XIN CHO thiển thổ một doi

Gọi là đắp để cho người tử sinh[1]

Và trước đây, ở trang 29A, sau khi Cụ phác thảo theo sát TTTN, ta thấy Cụ đã dần dần chữa lại. Xin so sánh từ ngữ Cụ đã tự nhuận sắc lại, hiện in ở bản DMT/1872 với từ ngữ trong một phác thảo cổ hơn mà đôi vùng còn lưu lại được, như:

---

[1] Ở truyện Tàu, TTTN cho Kiều nói năng mềm mỏng nhún nhường hơn.

- Câu 1094 ở các bản LNP/1870, TVKI/1875

- Câu 1096 ở các bản LNP/1870, LVĐ/1871, TVKI/1875

- Câu 1097 ở các bản LNP/1870, LVĐ/1871, TVKI/1875

(Xin xem lại trang 507, 508)

Chắc rằng ở đoạn này cũng thế: XÓT // TRÓT CHO là dị bản mới của cụ Nguyễn Du; còn CHÚT PHẬN, RỘNG THƯƠNG là chữ hoặc do Cụ đã bỏ đi mà các nơi không biết, còn giữ lại; hoặc do đời sau mới nhuận sắc[1]

Với sự phỏng đoán như vậy, chúng tôi chủ trương tái lập theo bản DMT/1872. Riêng XÓT, chúng tôi chú thêm CHÚT để bạn đọc cân nhắc.

3. Ở câu 2597 có 3 dị bản:CÃI LỜI, HAN LỜI, NGĂN LỜI. Chữ HAN hiện thấy ở bản ADM/1884 và bản DMT/1872. Nhưng chắc đó là chữ CÃI khắc không chuẩn, vì 2 lẽ:

- Về mặt ngữ nghĩa để HAN // THAN ở câu này không ổn. Vậy chắc chắn đó là chữ khác do khắc nhầm mà thành.

- Trong các cách viết chữ CÃI có một cách viết hội ý (ghép ý với ý): dùng chữ HOÁN 換 đọc theo nghĩa là CẢI để làm nghĩa phù chính, rồi dùng bộ KHẨU hoặc thêm vào 喚, hoặc thay bộ THỦ: 㖥 (TVK). Chính cách viết này đã nhầm thành chữ HAN // THAN 嘆 .

Nếu phỏng đoán trên đây là đúng thì dị bản CÃI sẽ hội đủ cả 2 tiêu chí, đáng được phục nguyên.

4. Cuối cùng còn 2 dị bản cần phải chọn lựa nữa: đó là hai dị bản MỚI hay LÀ ở trong câu 2598.

Ép tình ... gán cho người thổ quan

Chỉ xét câu này thôi, ai cũng nghĩ dùng chữ MỚI là đúng. Nhưng xét cả đoạn chúng ta thấy có 2 chi tiết:

- Hồ Tôn Hiến "đoán ngay một bài"

- Hồ Tôn Hiến có ra một lệnh, không ai dám cãi.

Theo ý chúng tôi "bài" đó là "ép duyên Thúy Kiều" và cái lệnh cụ thể đó là "gán cho người thổ quan". Và câu thơ có lẽ nên in là: Ép tình - LÀ gán cho người thổ quan. Tuy nhiên, để thận trọng, chúng tôi vẫn phục nguyên MỚI theo đa số, tạm coi như bản DMT đã khắc MỚI 買 nhầm thành LÀ 罗

---

[1] Chúng tôi nghiêng về ý kiến Cụ bỏ đi nhưng các vùng in theo bản sao cổ hơn. Có thế mới giải thích được sự nhất trí giữa các vùng.

Trang 67A

1. Trước hết xin phục nguyên các trường hợp có điều kiện thuận lợi, đạt đủ đồng thời cả 2 tiêu chí:

- XE TƠ ở câu 2600 (chữ thứ 2)
- VƠ CÀN ở câu 2600 (chữ thứ 6)
- TẬN TAY ở câu 2610
- CŨNG ở chữ thứ 4, câu 2612
- DƯ ở chữ thứ 5, cũng câu 2612
- THÔI THÌ ở câu 2616
- THÌ THÔI ở cũng ở câu 2616

2. Về các trường hợp cần biện luận, xin mở đầu bằng chữ thứ 3 trong câu 2600:

Xe tơ ... khéo vơ càn vơ xiên

Ở vị trí cần cân nhắc này, hiện có 4 dị bản: SAO KHÉO, KHEN KHÉO, CHO KHÉO, CHỬA KHÉO. Dùng hai chữ SAO KHÉO nghe có vẻ rất hay, nên 6 bản in theo như thế. Nhưng văn bản có nguồn gốc cổ nhất lại dùng CHỬA KHÉO:

Xe tơ CHỬA KHÉO: Vơ càn, vơ xiên!

Dùng SAO KHÉO thì nêu câu hỏi để mà trách Ông Tơ. Dùng CHỬA KHÉO thì lại khẳng định lỗi lầm và nói rõ nội dung lỗi lầm của ông ta.

Theo ý chúng tôi câu nào cũng chấp nhận được. Nhưng hình như CHỬA KHÉO về sau được chữa lại thành SAO KHÉO: chữa thời gian nhà thơ ở Huế[1]. Có lẽ nên phục nguyên SAO KHÉO với sự chú thích: "vốn trước kia phác thảo là CHỬA KHÉO".

3. Câu 2614 cũng có 2 chỗ phải cân nhắc. Hiện 6 bản chấp nhận dị bản: *TẤM thân nào biết thiệt RỒI là thương*. Ba bản miền Nam lại in: *HOÀI thân nào biết thiệt THÒI là thương.*

Có một điều dễ thấy: các bản Kiều về sau đều chọn từ láy THIỆT THÒI, cho rằng hay hơn kết cấu THIỆT RỒI. Nhưng hai chữ HOÀI THÂN thì chưa được chấp nhận. Cách chọn lựa như vậy là một cách chọn lựa tùy thích, không theo một văn bản cổ nào cả. Chúng tôi đề nghị nên đi theo một hướng khác: đã chọn phục nguyên THIỆT THÒI của bản DMT/1872 thì

---

[1] SAO KHÉO có ở hai bản LNP, KOM và cũng truyền được ra cả 4 bản miền Bắc.

phải chọn phục nguyên luôn cả 2 chữ HOÀI THÂN của văn bản cổ này. Đây là hướng TVKI và ADM đã theo.

4. Riêng về trường hợp MẢNH TRĂNG ĐÃ GÁC hay MẢNH GƯƠNG ĐÃ NGẬM (ở câu 2617) thì chúng tôi thấy như sau:

- Về giá trị văn học 2 bên như nhau, chọn bên nào cũng được.

- Nhưng như thế thì rõ ràng là nên phục nguyên MẢNH GƯƠNG ĐÃ NGẬM, vì nó vốn có mặt ở văn bản xưa hơn, và nó giải thích được văn phong của nhà thơ hơn: TRĂNG đã dùng đến 37 lần mà GƯƠNG mới chỉ dùng thay mặt trời 1 lần, thay mặt trăng 5 lần! Tránh được trùng lặp chừng nào hay chừng ấy! Hơn nữa GÁC NON ĐOÀI thì dùng cho mặt trời mặt trăng ngang nhau, còn NGẬM NON ĐOÀI thì tuy cũng nói về cả 2 bên:

như ở câu 426: *Trông ra ác đã ngậm gương non đoài*

và ở câu 1370: *Ngoài hiên thỏ đã non đoài ngậm gương*

nhưng nó vẫn thiên về mặt trăng hơn, với số liệu nhiều gấp ba.

Trang 67B

1. Trong 20 câu trang này, 11 trên tổng số 15 trường hợp cần khảo dị, chúng ta đã hầu như có lời giải đáp; vì có sự ăn khớp hoàn toàn giữa tiêu chí 1 và tiêu chí 2. Có thể phục nguyên 10 trường hợp:

- LÀ ĐÂY ở câu 2622
- THÌ ĐỢI ở câu 2624
- TUYỆT BÚT ở câu 2626
- BỂ RỘNG ở câu 2628
- RẰNG TỪ CÔNG ở câu 2629
- CHÚT VÌ ở câu 2630
- GIẾT CHỒNG ở câu 2631
- MÀ LẠI ở câu 2632
- ĐEM MÌNH ở câu 2636
- CHÌM HƯƠNG chữ thứ 5 câu 2638

Còn một trường hợp cũng đạt 2 tiêu chí, nhưng chúng tôi vẫn để riêng để xét thêm: đó là trường hợp chữ thứ 7 trong câu 2638. Ở vị trí này 5 bản dùng chữ ĐÃ, 2 bản dùng chữ CHO, 1 bản dùng chữ QUÁ và 1 bản dùng chữ MẤT. Cách đọc MẤT của TVKI nay nghe ổn hơn cả, nên cũng phải nghĩ đến khả năng – bằng cách nào đó – MẤT đã nhầm thành ĐÃ. Nhưng chúng tôi trước mắt vẫn phục nguyên ĐÃ RỒI theo 2 tiêu chí đã đề ra. Có điều, phải

chăng nên hiểu chữ ĐÀ – chữ thứ 2 ở câu đầu – với ý nghĩa là "sức hướng tới trước"? Và hiểu kết cấu ĐÃ RỒI một cách đặc biệt, không như bình thường? (ví dụ ĐÃ RỒI = ĐÃ XONG hoặc XONG RỒI, MẤT RỒI v.v.).

2. Câu 2623 bảy bản in là:

Đạm Tiên nàng NHẺ // NHÉ CÓ hay!

Bản TVKI đổi một chữ, thành:

Đạm Tiên nàng HỠI, CÓ hay!

Riêng bản DMT/1872 lại khác:

Đạm Tiên nàng NHÉ (< ĐÃ?) CHO hay

Chữ NHẺ // NHÉ 㖠 có tự dạng gần gũi với chữ ĐÃ viết có bộ KHẨU 吔 nên chúng tôi phải nghĩ đến khả năng ĐÃ có thể bị mờ, nhầm thành NHẺ // NHÉ: nếu đúng thế thực thì kết cấu ĐÃ CHO lại có phần dễ hiểu hơn các dị bản khác! Và cổ hơn các dị bản khác! Đó là một điều không thể không tính đến, tuy trước mắt vẫn nên phục nguyên theo đa số.

3. Ở câu 2627 không có dị bản nào đạt đến đa số cần thiết. Chúng tôi tái lập CỬA BỒNG theo bản DMT/1872 và đa số tương đối. Chữ thứ 4 của câu này, riêng bản DMT/1872 dùng từ Hán Việt THÁC với nghĩa là "lấy tay vén cất lên". Chắc đó là từ nhà thơ dùng trong bản phác thảo[1]. Dị bản MỞ dễ hiểu hơn, chắc về sau mới được dùng để thay THÁC. Chúng tôi sẽ phục nguyên THÁC để tôn trọng nguyên tác, nhưng cũng sẽ ghi thêm MỞ để phản ánh sự nhuận sắc đã được 8 bản của cả ba miền chấp nhận.

Trang 68A

1. Trang này có bốn chữ ÂM CỰC DƯƠNG HỒI bị khắc nhầm thành DƯƠNG CỰC ÂM HỒI ở câu 2646. Vậy phải chữa lại trước khi phục nguyên.

2. Ngoài ra cả 11 trường hợp còn lại đều hội đủ 2 tiêu chí, có thể yên tâm phục nguyên:

- THÂN NGƯỜI ở câu 2639
- HẠI THAY ở câu 2640
- THÌ THÔI ở câu 2645
- VÌ NGHĨA ở câu 2647[2]

---

[1] Cần xét: đọc THÁC theo âm hay đọc VÉN theo nghĩa?

[2] Cũng có thể chữ HIẾU nhầm thành chữ VÌ vì tự dạng không xa nhau lắm.

- LÀM CHI ở câu 2648

- CÀNG THƯƠNG cũng ở câu 2648

- TREO BẦU ở câu 2650

- RẶT NHỮNG ở câu 2654

- PHÚC HỌA ở chữ thứ 3, số 4 câu 2655

- ĐẠO chữ số 5 cũng câu 2655

- CÓ TRỜI ở câu 2657

Trang 68B

1. Trong 20 câu trang này có 4 chỗ sai, phải đính ngoa trước khi phục nguyên:

- CHỐN khắc nhầm thành TÍNH ở hai câu 2663 và 2666.

- MỒI khắc nhầm thành MÌNH ở câu 2672, vì sai nên không hiệp vần được với hai câu trước.

- LÀM CHO khắc nhầm trật tự thành CHO LÀM ở câu 2675.

2. Có 2 trường hợp bản DMT/1872 bị thiểu số, cần phải cân nhắc:

a. Ở câu 2665 chỉ một mình bản DMT/1872 khắc in ba chữ MA GIỬI LỐI. Động từ GIỬI có nghĩa là "ma làm cho người mê mẩn mà đưa đến một chỗ nào" (KTTĐ). Vậy đó là dị bản đúng nhất, so với 4 dị bản còn lại. Phải phục nguyên như ở bản DMT/1872.

b. Ở câu 2672 có 2 dị bản giới nghiên cứu cho là đều có nghĩa, có thể chấp nhận được:THỦY TINH và VẮNG TANH. Đa số nghiêng về dị bản sau. Bản DMT/1872 cùng 3 bản nữa lại chọn dị bản đầu. Chúng tôi tạm phục nguyên THỦY TINH theo DMT/1872.

3. Còn lại đều là những trường hợp đạt được đồng thời cả 2 tiêu chí:

- THÚY KIỀU ở câu 2659

- HAI LẦN ở câu 2668

- GIỮA VÒNG ở câu 2669

- GIỮA VÒNG ở câu 2671

- MÌNH BIẾT ở câu 2674

- GIÁC DUYÊN ở câu 2677

- NHÉ // NHẼ ở câu 2678

Trường hợp GIỮA VÒNG ở câu 2671 cần được nói rõ thêm. Có ý kiến

cho rằng đây là 2 chữ GIỮA DÒNG do người Nam Bộ chép sai. Nhưng chắc ý kiến đó không đúng, bởi lẽ:

Thứ nhất là một số bản ở Huế và ở Bắc cũng khắc với phụ âm V như ở bản DMT/1872.

Và thứ hai là, về mặt văn phong, lặp lại hai lần kết cấu GIỮA VÒNG cũng có cái hay của nó.

Trang 69A

1. Trong 20 câu trang này có 9 trường hợp có thể phục nguyên ngay. Đó là:

- CÂN LẠI ở chữ số 3, câu 2680
- NHẮC ĐI ở chữ số 5, cũng câu 2680
- TỘI NGHIỆP ở câu 2681
- GIẢ TÌNH THÂM ở câu 2683
- KHI NÊN ở câu 2689
- DUYÊN SAU ở câu 2690
- TÌM THÚ ở câu 2696
- CHỤM và NÓC ở câu 2697

Cũng còn một trường hợp nữa đạt đủ 2 tiêu chí như 9 trường hợp trên đây, nhưng phải xét riêng. Đó là 2 chữ Nôm viết là VI LAU ở câu 2692. Phải xét riêng, vì về cách đọc có đến 3 khả năng:

Đọc là VI LAU và hiểu là "chiếc xuồng (= thuyền) nho nhỏ" như TVKI chủ trương.

Đọc là BÈ LAU theo từ điển TVK. Khả năng này cần cân nhắc thêm, vì dùng I thay E thì được, nhưng dùng V ghi B thì ít khi gặp hơn dùng B ghi V.

Và đọc là VỈ LAU: VỈ là một loại lưới đan bằng tre nứa, thường dùng để trong nồi vại; nhưng có vùng đan những tấm ngăn suối để vớt tôm cá.

4. Có 2 trường hợp cần đính ngoa trước khi phục nguyên:

a. Chữ MUÔN khắc thành chữ MỘT ở câu 2685. Có lẽ ở bản thảo xưa viết chữ VẠN để đọc MUÔN theo nghĩa (cũng tức là theo âm cổ): 萬 . Chữ này dễ nhầm thành chữ MIỆT 蔑 xưa hay dùng ghi con số MỘT. Do lẽ đó từ MUÔN chuyển nhầm thành MỘT. Về sau MỘT có thể ghi với những tự dạng khác như 沒 , 殳 .

b. Chữ THẢ khắc nhầm thành chữ ĐẾN (且 > 旦) ở câu 2692.

Cũng vậy, khi cách đọc ĐẾN đã phổ biến thì nó lại cũng có thể ghi theo kiểu khác: 𦤾 , 典 ...

c. Điều đáng chú ý là những sự khắc sai này không làm câu mất nghĩa, mà chỉ làm câu chuyển nghĩa: do lẽ đó đến nay có 2 loại văn bản: loại thì hiểu theo nghĩa này, loại thì hiểu theo nghĩa kia. Chúng tôi chấp nhận nghĩa MUÔN, nghĩa THẢ nên mới cho ghi MỘT, ghi ĐẾN là sai.

Trang 69B

1. Trang này hầu như hoàn toàn không có khó khăn gì về vấn đề phục nguyên. 13 trên tổng số 14 trường hợp ta đều có sự ăn khớp giữa bản DMT/1872 với đa số các bản còn lại. Danh sách các từ ngữ được phục nguyên:

- THUÊ NĂM ở câu 2699
- TRONG GẶP GỠ ở câu 2702
- DUYỀNH NGÂN ở câu 2703
- TRÔI DẦN ở câu 2704
- KÉO LƯỚI ở câu 2705
- LƯỚT SƯỚT ở câu 2707
- NHÌN ở câu 2709
- ĐÃ MẤY ở câu 2714[1]
- ĐỨC DÀY ở câu 2715[2]
- KIẾP NÀY ở câu 2716 (chữ số 2)
- CŨNG VẬY cũng ở câu 2716 (chữ số 3)
- LÒNG NÀY cũng ở câu 2716 (chữ số 5)
- TẤM THÀNH ở câu 2717

2. Chỉ có một trường hợp duy nhất bản DMT/1872 bị thiểu số: đó là việc dùng chữ LẠI ở câu 2712. Đa số các bản khác đều dùng chữ ĐÃ. Theo ý chúng tôi trong câu đó dùng LẠI dùng ĐÃ đều được cả, mà có lẽ dùng LẠI còn hay hơn. Vậy cứ phục nguyên LẠI theo văn bản có nguồn gốc cổ.

Trang 70A

1. 20 câu này cũng có tình hình như ở 20 câu trên. 8 trên 11 trường hợp không có khó khăn gì về vấn đề phục nguyên. Đó là:

---

(1) Phải chăng chữ ĐÃ 㐌 là do chữ MƯỜI 𨑮 chuyển nhầm mà thành?
(2) Chữ ĐỨC cũng vậy phải chăng vốn là PHÚC?

- MỘT MÌNH ở câu 2719 < MỘT NIỀM[1]

- CẤT chữ số 3, ở câu 2720

- RÚT TÊN RA ở câu 2721

- THƠ chữ số 3, câu 2722

- PHẢI chữ số 4, câu 2722

- NGHÊNH chữ số 5, câu 2722 (chú ý: hay ĐƯA nhầm thành NGHÊNH?)

- TRÒN TRẶN chữ số 3, số 4 câu 2724

- SAU chữ số 6 cũng câu 2724

2. Có hai trường hợp bản gốc bản DMT sai, làm cho nhiều bản khác sai theo: 2 chữ ÂM CÔNG bị nhầm thành DƯƠNG CÔNG ở câu 2720; VỀ LÂU nhầm thành VỀ SAU ở câu 2723, thành ra trùng vận với câu 2724. Phải đính ngoa.

3. Và cuối cùng là trường hợp 2 chữ BỐN BỀ đổi thành TƯ BỀ ở câu 2735. Trước đây ở câu 1035 trang 27B cũng đã có một lần như thế. Và chúng tôi đã gợi lên mấy ý:

- Chắc ở phác thảo của cụ Nguyễn Du vốn viết BỐN. Có thế thì các bản ở 3 miền mới theo một cách thống nhất như nhau.

- Nhưng bản gốc bản DMT/1872 đã bị Huế hóa, đổi BỐN thành TƯ. Chứng cớ là ở bản KOM cũng dùng TƯ. Phải phục nguyên BỐN.

Trang 70B

1. Trong 20 câu này có 3 chỗ bản DMT/1872 bị thiểu số, trong đó có trường hợp cần phải tìm hiểu kỹ.

a. Trường hợp đầu là 2 chữ TRÌ TANG ở câu 2741. TRÌ TANG cũng có nghĩa, chắc đó là 2 chữ phác thảo đầu tiên. Sau có thể là đã có sự nhuận sắc lại nên 6 bản ở Bắc và ở Huế in là PHÙ TANG. Ở miền Nam cả TVKI cả ADM đều giữ dị bản cổ. Đề nghị phục nguyên TRÌ TANG theo tiêu chí 1, kèm thêm PHÙ TANG theo tiêu chí 2, đề phòng khả năng cụ Nguyễn Du có tham gia sự nhuận sắc lại, thời kỳ ở Huế.

b. Trường hợp thứ 2 là 3 dị bản LẦU KHÔNG – RƯỜNG KHÔNG và TƯỜNG KHÔNG ở câu 2749. Đều có nghĩa và có thể chấp nhận được cả, nhưng LẦU KHÔNG hơn 2 dị bản kia ở chỗ là nó có mặt ở bản DMT/1872.

---

[1] Chắc chữ NIỀM 念 nhầm thành chữ MÌNH 命 ở một bản sao rất xưa, nên sau nhiều bản bị sai theo. Nhưng MỘT MÌNH cũng vẫn có nghĩa.

Vả lại nó cũng đạt được đa số tương đối (4/9). Nên phục nguyên dị bản này.

c. Trường hợp nên xét kỹ là 2 chữ LÃNH NHÃN ở câu 2753. Phải chăng nhà thơ muốn nói rằng cảnh vật xung quanh đang nhìn Kim Trọng với "với cọn mắt lãnh đạm"? (ĐDA – TĐHV). Hay chữ NHÃN phải đọc NHẴN vì NHẮN, NHẶN trong chữ Nôm có khi cũng viết với thanh phù NHÃN? Hay phải đọc NGẮT, theo 2 tiền lệ sau đây:

- Tiền lệ 1: các nhà nho xưa có khi gieo vần có –N ở thanh trắc với vần có –T ở cuối, như ở Tản Đà chẳng hạn.

- Tiền lệ 2: NH có thể dùng để thay NG như đã thấy.

Trong phục nguyên chúng tôi sẽ tạm theo đa số: LẠNH NGẮT[1]

3. Ngoài 3 trường hợp trên, còn mấy trường hợp sau đây có thể phục nguyên được một cách khá thuận lợi:

- TAI NẠN ở câu 2739
- PHONG, CẢNH CŨ ở câu 2744
- LAU THƯA ở câu 2745
- SONG TRĂNG ở câu 2746
- BÓNG NGƯỜI ở câu 2747
- XẬP XÈ : 2 chữ đầu ở câu 2749
- ÉN LẠNH: ở chữ thứ 4, cũng câu 2749

Trang 71A

1. Trong 10 chỗ cần khảo dị, có một chỗ bản DMT/1872 khắc sai, cần phải chữa lại trước khi phục nguyên. Đó là trường hợp NGOÀI TƯỜNG bị nhầm thành TƯỜNG NGOÀI, không hiệp vần được với câu trước, câu sau. Đính ngoa xong, 2 chữ NGOÀI TƯỜNG ở câu 2771 sẽ đạt được sự thống nhất tuyệt đối giữa 9 bản!

2. Còn sau đây là các trường hợp có thể phục nguyên, nếu chỉ xét theo 2 tiêu chí 1, 2:

- CHÀNG VƯƠNG QUAN ở câu 2760 (nhưng sau chữa lại)
- ĐỀU NAY...... ở câu 2761
- THUÊ MAY và BÁN VIẾT ở câu 2762 (nhưng sau chữa lại)

---

[1] Về khả năng đọc LẠNH thành LẶNG xin xem lại trang 3B, ở câu 71. Cũng có thể xưa có cả cách nói LẠNH NGẮT NHƯ TỜ.

- VỘI HAN ở câu 2765

- ĐÁNH ĐƯỜNG ở câu 2766

- LAU TREO ở câu 2768

- NÁT chữ số 4 trong câu 2768

- VỘI RƯỚC ở câu 2773

Nhưng cũng cần nói thêm về hai câu 2760 và 2762. Dị bản HỎI CHÀNG VƯƠNG QUAN rất hợp về từ vựng, ngữ pháp nhưng hơi trái với thơ lục bát về mặt bằng trắc, sinh ra khó đọc. Dị bản THUÊ MAY BÁN VIẾT lại không ổn về mặt ngữ nghĩa. Nhiều truyền bản ở Bắc thống nhất với bản gốc DMT/1872, vậy chắc xưa cụ Nguyễn Du phác thảo như vậy. Nhưng 2 bản LNP, KOM đã chữa lại. Cách nhuận sắc lại như thế, bản TVKI trong Nam cũng biết và in theo. Vậy có khả năng thời kỳ ở Huế nhà thơ đã tự nhuận sắc lại hay tiếp thu sự nhuận sắc của bạn bè. Do đó đề nghị phục nguyên theo 2 câu chữa lại của Cụ: HỎI CHÀNG VƯƠNG VỚI...... và MAY THUÊ, VIẾT MƯỚN.

Trang 71B

1. Có 6 trường hợp có thể phục nguyên ngay trong 10 trường hợp cần khảo dị ở trang này. Đó là:

- GỌI LÀ ở câu 2785

- SẦU NÀY ở câu 2786

- GHI LÒNG và ĐỂ DẠ ở câu 2790

- THẪN THỜ ở câu 2796

- ĐÒI THÔI ở câu 2797

2. Còn lại 4 trường hợp tuy bản DMT/1872 không ở phía đa số, nhưng chúng tôi vẫn phục nguyên theo, vì lẽ này hay lẽ khác, ngoài chuyện tôn trọng văn bản cổ.

a. Ở câu 2791 có 3 dị bản BẤY, MẤY, VỚI. Thật ra BẤY, MẤY có thể cho là 2 biến thể của một từ, trong văn chương cổ điển. Vậy có thể phục nguyên chúng, vì chúng có mặt trong 6 bản, đạt cả 2 tiêu chí. Tất nhiên chúng tôi sẽ chú rõ thêm rằng biến thể MẤY có mặt ở bản DMT/1872 và đồng thời cũng đạt đa số tương đối.

b. Ở câu 2792:

Chàng Kim về đó, con thì... đâu?

bản DMT/1872 dùng động từ Ở; còn 7 bản dùng ĐI. Kể ra dùng Ở đúng hơn,

vì gia đình Viên ngoại không biết Kiều ở đâu thật. Còn ĐI ĐÂU thì họ biết chứ: biết đi theo Mã Giám sinh, về Lâm Thanh! Có điều ở vế trước đã có "Chàng Kim VỀ ĐÓ" thì ở vế sau dùng "Con thì ĐI ĐÂU?", nghe hợp hơn, hay hơn.

Chúng tôi sẽ phục nguyên Ở theo dị bản cổ, nhưng sẽ ghi kèm theo cả dị bản ĐI theo đa số.

c. Ở câu 2795 có 4 dị bản CHẢI GIÓ, VẪY GIÓ, BÃO GIÓ và GÀO GIÓ. VẪY GIÓ có ở bản KOM nên nay nhiều nhà biên khảo in theo. Nhưng xét ra GÀO vẫn đúng hơn: Kim Trọng "vật mình" và chỉ GÀO cùng KHÓC. Chỉ tại chữ GÀO ít khi đi đôi với chữ TUÔN ở sau nên nhiều người mới không dám chọn. Xin đề nghị phục nguyên GÀO. Còn nếu đính ngoa cả BÃO ở miền Bắc thành GÀO, ta sẽ đạt đa số 6/9.

d. Ở câu 2797 chữ NGẤT của DMT/1872 cũng chỉ được 3 bản in theo, không đạt đa số cần thiết. Nhưng đó là 3 bản của đủ cả 3 miền! Vậy phục nguyên NGẤT là có cơ sở.

Trang 72A

1. Trang này có 3 trường hợp:

a. Trường hợp có thể phục nguyên ngay.

b. Trường hợp phải đính ngoa trước.

c. Và trường hợp phải cân nhắc rồi mới phục nguyên được.

2. Có 5 dị bản có thể chấp nhận để phục nguyên ngay:

- NHỊN NGỪNG ở đầu câu 2800;
- BÂY GIỜ ở câu 2801;
- THÌ HÒNG ở câu 2804;
- Dị bản A ở hai câu 2805, 2806;
- QUÁ CHÂN ở câu 2811.

3. Trường hợp cần đính ngoa trước là chữ cuối câu 2816. Bản DMT/1872 khắc một chữ có thể có 2 cách giải thích:

- Đó là chữ SONG dùng để ghi XONG;

- Hoặc đó là chữ ĐANG ghi bằng ĐĂNG 登

nhưng khắc còn thiếu phần dưới.

Cách giải thích đầu có 2 nhược điểm: ít khi thấy XONG ghi bằng SONG; và XONG kém về mặt gieo vần: vừa đồng vận với chữ LÒNG (chữ thứ 6) ở

trước, vừa không thật hài hòa với chữ ĐƯỜNG của câu sau:

Cách giải thích sau có mặt rất mạnh: sau 7 chữ đầu:

Lòng nào mà nỡ dứt lòng cho...

mà hạ chữ ĐANG thì rất phù hợp! Không phải ngẫu nhiên mà 8 bản tán thành dùng chữ ĐANG ở cuối câu này.

Vậy thì phải cho là có chuyện khắc sai, phải đính ngoa rồi phục nguyên.

4. Về hai trường hợp cần cân nhắc, trước hết xin nói về 3 dị bản ở câu 2800: NÀI KHUYÊN, GIẢI KHUYÊN và LẠI KHUYÊN. Điều đáng ngạc nhiên là dị bản được rất nhiều người hiện nay ủng hộ là GIẢI KHUYÊN: một kết cấu chắc mới được nhuận sắc về sau! So với 3 bản được chép, được in sớm nhất là bản LNP (1870), bản LVĐ (1871), bản DMT (1872) thì chữ GIẢI không có một mối liên quan nào! Trái lại chữ cổ lại chắc nằm trong 3 bản này, nhưng đó là một chữ cần phải xác định. Hiện chúng ta thấy NÀI ở bản LNP, LẠI ở bản LVĐ còn ở bản ĐMT thì khắc là 祭 . Chữ này chắc vốn là chữ NÀI 奈 khắc không chuẩn, trông gần với chữ TẾ 祭 . Chính cách đọc TẾ đã đưa đến TỚI 細 theo con đường đồng âm rồi đưa đến LẠI theo con đường đồng nghĩa. Do đó có lẽ nên phục nguyên NÀI KHUYÊN. Nguyễn Bá Triệu có sợ rằng chỉ dưới mới NÀI với trên, nhưng thực ra không phải thế: so sánh NÀI XIN, NÀI KHUYÊN với NÀI ÉP chúng ta có thể yên tâm về điều đó.

5. Hai dị bản ĐẾN, VỚI trong câu 2808 cũng không đơn giản.

Nếu phân tích câu lục là:

Thề xưa / giở đến / kim hoàn

thì ở câu bát phải là:

Của xưa / lại giở đến / đàn VỚI hương

Câu lục đọc đúng nhịp, câu bát nghe trái nhịp! Còn nếu phân tích câu lục là:

Thề xưa / giở / đến kim hoàn

thì ở câu bát lại phải là:

Của xưa / lại giở / ĐẾN đàn ĐẾN hương

Câu bát nghe đúng nhịp thì câu lục lại đọc trái nhịp! Nói một cách khác, có thể coi hai dị bản không bên nào hơn hẳn bên nào. Vì vậy chúng tôi phục nguyên ĐẾN là phục nguyên với tinh thần tôn trọng văn bản có nguồn gốc cổ.

Trang 72B

1. Nếu căn cứ vào bảng đối chiếu 9 bảng Kiều thế kỷ 19 thì dễ nghĩ rằng ở trang này có đủ điều kiện để có thể phục nguyên ngay cả 10 trường hợp cần khảo dị. Nhưng nếu đi sâu vào thì thực ra cũng có đến 4 trường hợp cần phải bình luận trước khi phục nguyên.

Ở câu 2825 GIỌT có mặt ở 5 bản, THƠ có mặt ở 7 bản, và cả hai chữ đều được khắc in ở bản DMT/1872: nghĩa là, chúng ta có sự ăn khớp giữa hai tiêu chí. Nhưng xét tiêu chí thứ 3 – tức xét văn phong của cụ Nguyễn Du – thì chắc ai cũng phải cho rằng Cụ dùng chữ LỆ chứ không phải dùng chữ GIỌT. Chỉ vì tự dạng gần nhau nên chữ LỆ ở bản thảo bị sao nhầm thành chữ GIỌT, sự nhầm lẫn đó đã truyền rộng vào Nam ra Bắc, từ rất sớm, trong đời Gia Long. Vậy nay phải đính ngoa rồi phục nguyên LỆ.

Chữ THƠ cũng vậy. Căn cứ tinh thần đoạn thơ, đây phải là chữ THU mới đúng. Nhưng khổ nỗi các vị sao chép người Nghệ Tĩnh đều đọc THU thành THƠ! Ở trong Nam cũng vậy. Và ngay đến ngày nay cũng vậy, cho nên thấy chữ THƯ của bản thảo họ đọc nhầm thành THƠ và chép thành chữ THƠ như trong THƠ PHÚ! Lại phải gạt bỏ cách ghi địa phương ấy và phục nguyên trở lại chữ THƯ của tiếng phổ thông, dùng trong ngôn ngữ văn học.

2. Ở câu 2826 lại có vấn đề liên quan đến nguyên tắc cơ bản về khoa học. Căn cứ 6 văn bản rõ ràng trong câu thơ 2 chữ được dùng là hai chữ TÌM DÕI. Nhưng trong một câu chia thành 2 vế tiểu đối như:

Cắt người TÌM ..., đưa tờ NHẮN NHE

thì dễ hiểu vì sao người đọc lại tổng hợp TÌM TÒI với TÌM DÕI để tạo thành một từ láy âm, vốn chưa có ở trong từ điển: TÌM TÕI! Bởi vì có đọc TÌM TÕI ở trước thì mới đối chỉnh được với NHẮN NHE ở sau! Đọc chữ Nôm cũng như đọc chữ Hán: trên nguyên tắc là phải đọc với âm hiện đại. Nhưng nghiên cứu văn cổ, lại phải tôn trọng thực tế lịch sử có trong văn bản. Vậy trường hợp này chúng ta sẽ phục nguyên TÌM DÕI, nhưng ghi kèm thêm chú thích "nay đọc là TÌM TÕI"[1]

3. Trường hợp thứ 4 phải bình luận là hai dị bản LÂM TRI / LÂM THANH ở câu 2828. Theo nội dung trong truyện thì ở đây chắc nhà thơ dùng hai chữ LÂM THANH, vì gia đình Kiều vẫn đi tìm theo cái địa chỉ sai mà tên lừa bịp họ Mã đã để lại. Nhưng những ai đã đọc truyện Kiều, sao chép truyện Kiều thì cũng đều biết có cả hai địa danh cho nên ở khâu đọc nhầm

---

[1] Cũng như trường hợp NHẪN TRỤI / NHẪN NHỤI ở câu 628 trang 17B trước đây.

đã xảy ra sự lẫn lộn từ tên này sang tên kia. Vậy mặc dầu 2 chữ LÂM TRI đã đạt đủ 2 tiêu chí nhưng chúng ta vẫn phải coi như hai chữ chép sai, phải đính ngoa và phục nguyên dạng đúng vốn có là LÂM THANH.

4. Đến đây thì đã có thể trở lại việc phục nguyên đầy đủ các trường hợp:

- TRỞ RA ở câu 2820.
- LỆ (> GIỌT) ở câu 2825.
- THƯ (> THƠ) cũng ở câu 2825.
- TÌM DÕI // (nay đọc TÌM TÕI) ở câu 2826.
- NHẮN NHE cũng ở câu 2826.
- CỦA THUÊ ở câu 2827;
- LÂM THANH (> LÂM TRI) ở câu 2828;
- BỂ TRỜI ở câu 2830;
- NGÀY MỘT ở câu 2834;
- XIẾT BAO ở câu 2837.

Trang 73A

1. Trong trang này có 6 trường hợp bản DMT/1872 bị thiểu số, dị bản nó đưa ra có khi không đạt bằng các dị bản về sau: không biết có phải sự nhuận sắc về sau đã làm cho cách diễn đạt hay hơn không? Và nhà thơ có tham gia vào quá trình nhuận sắc đó không? Trong khi chưa rõ về các vấn đề trên chúng tôi xin một lần tái lập theo tiêu chí 2, nhưng 5 lần theo tiêu chí 1, coi như để lưu lại vết tích của thế hệ phác thảo xưa nhất:

- TÍNH DÂY ở câu 2840
- KỊP THÌ ở câu 2842
- DẪU RẰNG ở câu 2843
- THƯ (> HƯƠNG) PHÒNG ở câu 2849
- RẦU RĨ ở câu 2851
- (BÊN) CHÁI ở câu 2853

2. Còn sau đây là các trường hợp hội đủ đồng thời 2 tiêu chí, phục nguyên trên cơ sở sự ăn khớp đó:

- SẮM SỬA ở câu 2839
- KẺ VĂN CHƯƠNG ở câu 2841

- CẤT SẦU ở câu 2844
- PHÍM ĐỒNG ở câu 2850
- TRẦM BAY ở câu 2852
- BÊN ở chữ số 3, câu 2853
- TRƯỚC ở chữ số 5, câu 2853
- BÓNG XIÊM ở câu 2854

Trang 73B

1. Ngoài một trường hợp phải để riêng vì chưa biết chữ Nôm viết sai hay đúng, và nếu đúng thì đọc như thế nào, trong trang này còn lại 10 trường hợp có thể phục nguyên như sau:

- CHẾ KHOA ở câu 2859;
- CHU TUYỀN // TRIỀN ở câu 2864;
- GIA THÂN ở câu 2866;
- BÈN MỚI cũng ở câu 2866;
- CHÀNG CÀNG ở câu 2867;
- NỖI NÀNG ở câu 2868;
- NGỌN BÈO ở câu 2871;
- NGOẠI NHẬM ở câu 2873;
- QUAN SƠN ở câu 2874;
- PHÒNG XUÂN ở câu 2877.

2. Trường hợp để riêng là chữ thứ 4 trong câu số 2874. Trong đa số các bản, ở vị trí chữ đó, bản nào cùng dùng thống nhất chữ DẶM, và xét ra đó là chữ phù hợp nhất, căn cứ về mặt ngữ cảnh:

Quan sơn nghìn DẶM, thê nhi một đoàn

Riêng bản DMT/1872 khắc chữ như sau: 口欢. Chúng tôi thấy hình như chữ đó có cấu trúc (BỘ KHẨU + HOAN viết tắt) nhưng không tra ra cách đọc và ý nghĩa. Cho nên chúng tôi tạm coi như chữ KHOẢN 欵 khắc không chuẩn, chữ KHOẢN đó, theo HTC, có nghĩa là "chặng", "điều".

Vì những lý do trên, ở câu này chúng tôi phục nguyên DẶM theo đa số (tiêu chí 2).

Trang 74A

1. Trái lại với trang trên, trang này không gặp trường hợp nào quá khó. Có thể phục nguyên:

- RỈ CÙNG ở câu 2879
- HOẶC CÓ ở câu 2884
- CHÀNG MỚI ở câu 2885
- ĐI MUA ở câu 2890
- TÀI SẮC ở câu 2891
- CÓ NGHỀ ĐÀN ở câu 2892;
- Ê CHỀ ở câu 2895;
- DÂY DUYÊN ở câu 2896 (chữ đầu tiên);
- GẢ VỀ ở câu 2896 (chữ thứ 5).

2. Chỉ một trường hợp đáng cân nhắc. Trong câu 2887 chúng ta thấy khắc:

Sự này đã NGOẠI THẬP NIÊN

không biết nên đọc kiểu Hán như vậy, hay đọc theo nghĩa thành "đã NGOẠI MƯỜI NIÊN"? Có lẽ đối với độc giả bây giờ phục nguyên MƯỜI NIÊN có lẽ dễ hiểu hơn. Tám bản cũng đi theo hướng đó.

Trang 74B

1. Trong 20 câu này, có thể phục nguyên:

- DỨT MÌNH ở câu 2899
- NÀNG PHẢI cũng ở câu 2899
- BUÔN VỀ ở câu 2901
- HƠN NGƯỜI ở đầu câu 2904
- NGHIÊNG TRỜI ở chữ số 5 cũng câu 2904
- MỌI KHI ở câu 2907
- GIẢ ÂN ở câu 2908
- CHƯA TƯỜNG ĐƯỢC HỌ, ĐƯỢC... ở câu 2911
- TỨC THÌ: 2 chữ đầu câu 2914
- THIẾP chữ thứ 4 câu 2914
- MỜI chữ thứ 5 cũng câu 2914

- THÚC RẰNG ở đầu câu 2917

- LƯU LI ở cuối câu 2917

2. Có hai trường hợp cũng phải bàn thêm:

a. Chữ thứ 3 trong câu: *Trong tay ... vạn tinh binh*
được khắc là MUÔN ở 7 bản, và khắc là MƯỜI ở 2 bản.

Có thể cho rằng MƯỜI là chữ do 2 bản LNP và KOM nhuận sắc lại để sát hợp thực tế hơn, vì các vị biên tập bản gốc hai bản này có lẽ đã nghĩ rằng MUÔN VẠN là 100 triệu, làm gì có đội quân đông như vậy! Nhưng cũng có khả năng mấy vị này cho rằng chữ MUÔN là do chữ MƯỜI (MẠI + THẬP: 𨑮 viết nhầm mà thành: 𨑮 > 𨷈 - Nếu vậy các vị ấy đính ngoa chứ không phải nhuận sắc.

Trường hợp họ đính ngoa, tất nhiên chúng ta tái lập MƯỜI; trường hợp họ nhuận sắc thì chúng ta cứ lưu chữ MUÔN của văn bản cổ, coi như MUÔN VẠN chỉ là một kết cấu chỉ có ý nghĩa là "rất nhiều" (= hàng muôn, hàng vạn).

Trong tình hình hiện chưa chứng minh được chuyện họ đính ngoa hay nhuận sắc, có lẽ cứ nên tái lập MUÔN, với sự giải thích như trên về ý nghĩa của MUÔN VẠN.

b. Trong câu 2914 có 4 dị bản NGHINH – ĐƯA – VIẾT – TỐNG trước chữ THIẾP. Bản DMT/1872 dùng dị bản đầu. Có hai khả năng giải thích:

- Hoặc cho là nhà thơ dùng kết cấu NGHINH THIẾP làm chủ ngữ của khối vị ngữ MỜI CHÀNG THÚC SINH.

- Hoặc cho là có động từ gì đó khắc nhầm thành NGHINH: ví dụ động từ ĐEM chẳng hạn: 𨑜 > 迎.

Chúng tôi nghiêng về cách giải thích sau. Và chúng tôi tạm tái lập ĐƯA theo bản chép xưa nhất. Nhưng nên thêm một câu ghi chú nói về việc nên tiếp tục tìm hiểu[1].

Trang 75A

1. Trang này có 2 trường hợp bản DMT/1872 bị thiểu số nhưng chúng tôi vẫn phục nguyên theo:

a. Ở câu 2921, chúng tôi cho rằng dùng chữ NGÀY vẫn hay hơn chữ THÌ. Hơn nữa NGÀY cũng có mặt ở 4 bản, trong đó có cả văn bản cổ. Vậy

---

[1] Vì nếu theo cách giải thích sau thì chưa xác định được vốn là chữ gì nhầm thành NGHINH, để phục nguyên một cách chắc chắn 100%.

phục nguyên NGÀY là có cơ sở.

b. Ở câu 2931 chúng tôi phục nguyên cả câu là:

Hoa trôi NƯỚC, NƯỚC xuôi dòng

Vì có 3 lý do:

- Để câu lục có thế tiểu đối như vậy thì rất hợp với thế tiểu đối ở câu bát liền theo đó.

Xót thân chìm nổi, đau lòng biệt ly

- Hơn nữa, chặt đôi câu lục thành 2 vế, với sự lặp lại 2 lần chữ NƯỚC ở giữa, thì làm cho cả đoạn mất được sự đơn điệu, bằng phẳng và trở nên sôi động, phản ảnh đúng nỗi lòng của Kim Trọng khi thì triền miên buồn bã, khi thì bỗng nhiên xao động mạnh.

- Đó là chưa nói đến một điều: nếu cho vốn là NƯỚC CHẢY mới đúng, NƯỚC NƯỚC là khắc sai, vậy làm sao giải thích được lý do của sự sai lầm đó: giữa NƯỚC và CHẢY tự dạng rất khác nhau; giữa dấu lặp ⺁ và chữ CHẢY 沚 tự dạng cũng rất khác nhau!

2. Ngoài hai trường hợp trên đây, còn lại thì đều là những trường hợp có đủ điều kiện để phục nguyên được ngay. Sau đây là những dạng phục nguyên đó:

- ĐẠI QUÂN ở câu 2925,
- ĐỒN ĐÓNG cũng ở câu 2925;
- CHÀNG LUỐNG ở câu 2928;
- KIẾP TRẦN ở câu 2930;
- BIẾT DŨ cũng ở câu 2930;
- HOA TRÔI ở câu 2931;
- MẢNH GƯƠNG ở câu 2934;
- LỬA HƯƠNG ở câu 2936 (炷);
- CÒN CHÚT ở câu 2938.

Trang 75B

1. Trong 20 câu này có 15 trường hợp có thể phục nguyên ngay:

- CŨNG PHA ở câu 2940;
- ÁNG CAN QUA ở câu 2941;
- NGHĨ ĐIỀU ở câu 2943;

- BỖNG THẤY ở câu 2947;

- KHÂM BAN ở chữ số 2, câu 2948;

- ĐẾN NƠI ở chữ số 5 cũng câu 2948;

- KIM THÌ ở chữ số 2 câu 2949;

- CẢI NHẬM ở chữ số 4 cũng câu 2949;

- CHÀNG VƯƠNG 2 chữ đầu câu 2950;

- CẢI NHẬM ở chữ số 5 cũng câu 2950;

- XE NGỰA ở câu 2951;

- MỘT ĐÀNG ở câu 2952;

- THẾ GIẶC ở câu 2953;

- LỬA TÀN ở câu 2954;

- BẤY GIỜ ở câu 2957.

Nhưng cũng xin nói rõ 2 điểm:

a. Ở câu 2954 bản DMT/1872 khắc một chữ thường đọc LÒ, TRO nhưng cũng có khi đọc LỬA vì dùng thanh phù cũng như ở các chữ LỪA (LỪA LỌC), LỰA (LỰA CHỌN). Đọc LỬA thì phù hợp với sự thưởng thức văn học hơn.

b. Ở câu 2957 bản DMT/1872 khắc chữ BI (= BIA), chữ này có thể đọc BÂY hoặc BẤY. Ở câu này có lẽ nên đọc BẤY.

2. Ngoài 15 trường hợp trên chỉ còn lại một trường hợp ở câu 2946. Đa số các bản in ĐÃ BIẾT, riêng bản DMT/1872 và 3 bản LNP, ADM, KOM đảo lại thành BIẾT ĐÃ. Chúng tôi phục nguyên BIẾT ĐÃ vì lối nói đó, xét về mặt ngôn ngữ, tinh tế hơn lối nói ĐÃ BIẾT; hơn nữa nó đạt tiêu chí 1 đã đề ra.

Trang 76A

1. Xin phục nguyên ngay tất cả các trường hợp đủ 2 tiêu chí thành danh sách như sau:

- RẰNG, NGÀY HÔM NỌ: ở câu 2959 (hai chữ số 1, số 3);

- LỆNH QUÂN: ở 2 chữ đầu câu 2962;

- BẮT ÉP: ở giữa câu 2962;

- ĐÓ, ẤY: chữ số 4, số 5 câu 2964;

- VỜI // VỌI: chữ đầu câu 2970;

- BIẾN THẲM: ở câu 2971 (chữ số 3);

- LẠ ĐIỀU: cũng ở câu 2971 (2 chữ cuối);

- LẠ SAO: ở câu 2973;

- ĐẾN NƠI: ở câu 2974;

- LINH VỊ: ở câu 2975;

- CHỢT KINH: ở đầu câu 2976; hay (< THẤT KINH)?

- MỚI HỎI: chữ số 3 cũng ở câu 2976.

2. Nhưng còn một nghi vấn nhỏ: chữ đầu câu 2976 bảy bản (ví dụ 1870, 1871, 1872, 1884) in là 秩 và chúng tôi đọc CHỢT như cụ Hoàng Xuân Hãn. Nhưng nhiều bản khi in Quốc ngữ lại đọc THẤT KINH như ADM, N.B. Triệu, N.Q. Tuân: vậy phải chăng vốn là THẤT, in 秩 là sai, khi phiên phải đính ngoa? Hay chữ này các bản in đúng vàphải đọc CHỢT? Xin tạm phục nguyên THẤT KINH theo kết cấu Hán.

Trang 76B

1. Trang này bản DMT/1872 có 2 điểm đáng chú ý:

a. Ở câu 2979 hai chữ NGƠ NGÁC in thành NHƠ NHÁC. Cách ghi theo tiếng địa phương này chắc đã có ở các bản sao rất xưa, vì nó đã truyền ra cả miền Bắc, truyền vào đến cả Huế và Nam Bộ.

b. Ở câu 2987, thay vì CHÌM CHÂU, bản DMT/1872 khắc in 2 chữ ĐÁY SÂU; có lẽ vì CHÌM CHÂU gây ấn tượng là chết đuối rồi.

Trong việc phục nguyên, trường hợp a) chúng tôi sẽ bỏ lối ghi theo tiếng địa phương, chuyển theo tiếng phổ thông để cho hợp với ngôn ngữ văn học.

Trong trường hợp b) thì chúng tôi vẫn tôn trọng từ ngữ cổ và đúng mà bản DMT/1872 đã lưu lại được.

2. Ngoài hai điểm ấy ra thì còn lại đều là những trường hợp có thể tái lập một cách khá thuận lợi. Đó là:

- KỂ HỌ ở câu 2980[1]

- NHÂN QUẢ ở câu 2985 (chữ NHÂN bị bảy bản khắc nhầm thành chữ CỐ, phải đính ngoa trước);

- BUỔI TRƯỚC ở câu 2986;

---

(1) Cũng có thể vốn là KỂ LỄ, chữ LỄ viết thành LỆ 戾 nên sau nhầm thành HỌ. Nếu thế thì phải đính ngoa để bảo đảm thế tiểu đối trong câu. Cần nghiên cứu tiếp.

- ĐÓN THEO ở câu 2988;

- NGÀY BẠC ở câu 2991;

- KHÔN KHUÂY ở câu 2992;

- NƯỚC MÂY ở câu 2996.

Trang 77A

1. Trong 20 câu này có đến 19 chỗ cần phải khảo dị! Nhiều chỗ có đến 3, 4 dị bản: điều đó chứng tỏ rằng các nhà biên tập thế kỷ 19 đã bỏ nhiều công sức để cải tiến cách diễn đạt có trong các bản sao cổ.

Sau đây chúng ta cũng sẽ cân nhắc để phục nguyên. Trước hết chúng ta hãy phục nguyên những trường hợp có điều kiện thuận lợi: đạt đồng thời cả hai tiêu chí:

- MINH DƯƠNG ở đầu câu 2999
- QUÂY NHAU ở đầu câu 3001
- LẠY TẠ ở giữa câu 3001
- TỚI SÂN ở câu 3006
- PHÒNG TRONG ở đầu câu 3008
- SEN chữ thứ 5 cũng ở câu 3008
- NHÌN XEM ở câu 3009
- CÒN KHỎE ở câu 3010
- LÀ ở câu 3013
- XIẾT BAO chữ số 5, số 6 câu 3016
- LÀ chữ số 7 cũng câu 3016
- HUYÊN GIÀ hai chữ đầu câu 3017
- GIEO MÌNH hai chữ cuối câu 3017
- MÌNH KẾ hai chữ số 3, số 4 câu 3018
- MÌNH chữ số 6 cũng câu 3018

2. Có hai trường hợp bản DMT/1872 bị thiểu số nhưng chúng tôi vẫn phục nguyên theo, vì thấy dị bản được dùng là một dị bản có giá trị.

a. Ở câu 3003: 7 bản dùng 2 chữ BẺ LAU. Nhưng bản DMT/1872 lại dùng PHA LAU! Chúng tôi cho rằng BẺ LAU không thật hợp lý vì khi đi đường, dầu có theo đường mòn cũng ít khi phải BẺ cây ngả ra giữa lối đi. Trái lại động từ PHA đã được A.D.Rhodes định nghĩa từ thế kỷ 17 là "đi tắt,

băng qua" - Ở HTC cũng có lối nói PHA BỜ PHA BỤI với nghĩa là "xông pha rừng bụi".

Phục nguyên PHA LAU là phục hồi một lối diễn đạt rất đúng, đã có mặt trong bản phác thảo và các bản sao xưa. BẺ chắc do PHA chuyển nhầm mà thành.

b. Ở câu 3008, 3 bản dùng VỘI DẠO, 1 bản dùng VỘI CHUYỂN, 1 bản dùng NÀNG ĐÃ; còn lại 4 bản thì dùng VỘI KHIẾN, trong đó có cả bản DMT/1872: VỘI KHIẾN quả nhiên chưa thực hay, và chưa đạt được đa số cần thiết, nhưng đó là một kết cấu cổ, có mặt cả trong Nam cả ngoài Bắc. Vậy vẫn nên phục nguyên nó.

3. Có hai trường hợp sai phải chữa. Trước hết có lẽ phải chữa hai chữ SỤT SÙI ở câu 3015. Nói "có lẽ" vì cứ để SỤT SÙI hình như câu vẫn dùng được:

SỤT SÙI, thánh thót quẹn bào

Nhưng 8 bản dùng GIỌT CHÂU: nghe GIỌT CHÂU THÁNH THÓT, hình như đúng và hay hơn. Thêm vào đó chữ SỤT có khi viết gần như chữ GIỌT, chữ SÙI viết cũng gần chữ CHÂU, nên chuyện GIỌT CHÂU chuyển nhầm thành SỤT SÙI là một khả năng có thể xảy ra.

Do các lẽ đó chúng tôi đính ngoa và phục nguyên hai chữ GIỌT CHÂU theo đa số các bản.

4. Cuối cùng là hai chữ SỢ SỢ ở câu 3016. Hai chữ này đạt cả 2 tiêu chí, nhưng chúng tôi không máy móc cứ thấy có đủ 2 tiêu chí là phục nguyên.

Xét 4 bản còn lại, chúng ta thấy in 2 chữ TỦI TỦI, có lẽ đúng hơn, vì tâm trạng của Kiều lúc này là:

MỪNG MỪNG, TỦI TỦI xiết bao là tình

Chứ không phải MỪNG MỪNG, SỢ SỢ!

Hơn nữa 5 bản dùng SỢ SỢ có mặt ở cả miền Bắc cả miền Nam; còn 4 bản dùng TỦI TỦI thì lại có mặt ở Huế và ở miền Bắc. Chúng tôi đoán rằng các bản sao xưa chép sai thành SỢ SỢ nên hai chữ này mới truyền được vào Nam ra Bắc; nhưng khi cụ Nguyễn Du vào Huế Cụ đã phát hiện, đã đính ngoa hay tiếp thu sự đính ngoa của bạn bè, chữa SỢ SỢ thành TỦI TỦI. Chỉ bạn bè ở Huế và ở Bắc biết và chữa lại.

Căn cứ những điều trình bày ở trên, chúng tôi phục nguyên TỦI TỦI, với sự ghi chú kèm theo là "vốn xưa chép sai là SỢ SỢ: chữ SỢ 怍 và chữ TỦI 悴 cũng dễ nhầm nhau!

Trang 77B

1. Trang này cũng có 2 điểm cần phải bàn qua trước khi phục nguyên.

a. Ở câu 3020 bản DMT/1872 khắc in MƯỜI NĂM NĂM thay vì MƯỜI LĂM NĂM. Ai cũng biết LĂM cũng như RẰM đều do con số 5 mà ra, vậy khắc như ở bản DMT/1872 không thể cho là khắc sai. Có điều trong tiếng phổ thông ai cũng công nhận MƯỜI LĂM là cách nói chuẩn mực. Vậy khi phục nguyên chúng ta chỉ cần chữa lại cách đọc cho đúng chuẩn mực là được.

b. Ở câu 3023 hiện có 3 dị bản: CẦM TAY, TRAO TAY và BẮT TAY. Kết cấu TRAO TAY mà bản DMT/1872 khắc in chỉ đạt đa số tương đối (4 trên 9 bản chấp nhận) nhưng chúng tôi vẫn phục nguyên theo, vì nó vốn có mặt ở văn bản cổ, có mặt ở cả Nam cả Bắc. Có điều phải hiểu đúng nghĩa cổ của nó. Hiện nay TRAO là "đưa tận tay cho ai vật gì" (KTTĐ). GIAO cũng vậy. Nhưng cuối thế kỷ 19, HTC còn giải thích GIAO là "giáp nhau, đâu lại với nhau" như trong GIAO MẶT, GIAO ĐẦU.

2. Còn sau đây là các trường hợp có thể phục nguyên một cách bình thường:

- GẶP ĐÂY ở câu 3022
- ÔNG chữ số 3 ở câu 3027
- NÀNG, ĐÃ ở câu 3030
- QUÂY NHAU ở câu 3031
- LÒNG NGƯỜI ở câu 3032
- GIỤC RƯỚC ở câu 3033
- NỆM TRẢI ở câu 3036

3. Có một vấn đề cũng cần nói thêm cho rõ. Ở câu 3030 bản KOM chữa lại thành:

Đứng trông, CHÀNG đã trở sầu làm tươi

KOM cho rằng sau khi nói đến ông bà Viên ngoại, nói đến hai em thì phải nói đến chàng Kim, mà chủ yếu nói đến tâm trạng vui mừng của chàng. KOM theo sát truyện tàu, vì ở đoạn này TTTN viết: "Kim Trọng không tiện đến gần, chỉ đứng một bên, vẻ mặt tươi cười hớn hở".

Nhưng tám bản lại cho in khác thế:

Đứng trông nàng đã trở sầu làm tươi

Chúng tôi nảy sinh ý nghĩ: chắc cụ Nguyễn Du không muốn theo sát truyện Tàu – như nhiều lần Cụ đã làm. Cụ cũng nghĩ đến chàng Kim, nhưng

Cụ không muốn nêu rõ ra: chuyện "Đứng trông nàng đã trở sầu làm vui" là chuyện của chàng, nhưng Cụ không thêm chữ CHÀNG ở trước, coi như chàng cùng hai em cùng làm. Bỏ chữ CHÀNG chính là để phản ánh cái tình thế chàng "không tiện đến gần, chỉ đứng một bên" mà ai cũng cảm thấy rất đúng.

Trang 78A

1. Trong 20 câu này hiện có 5 chỗ phải khảo dị, nhưng chỉ có một chỗ phục nguyên được ngay, còn 4 chỗ (4 trên 5) phải cân nhắc, phải thảo luận. Trước hết nói đến chữ THÌ ở câu 3039. Câu đó nằm trong cả đoạn như sau:

"Nàng rằng: chút phận hoa rơi
Nửa đời nếm trải mọi mùi đắng cay
Tính rằng mặt nước chân mây
Lòng nào còn tưởng có rày nữa không
THÌ RÀY tái thế tương phùng
Khát khao đã thỏa tấm lòng lâu nay..."

Năm bản ở cả Bắc cả Nam đều chấp nhận chữ THÌ cho rằng dùng như thế là đúng. Mà đúng thật, nếu xét theo lối nói tự nhiên trong khẩu ngữ! Nhưng bốn bản tách câu này khỏi văn cảnh lại cho THÌ là chữ ĐƯỢC chép nhầm mà thành: và cả 4 bản đính ngoa lại thành ĐƯỢC.

Chúng tôi chủ trương phục nguyên THÌ theo đúng 2 tiêu chí đã đề ra. Nhưng chúng tôi cũng sẽ thêm chú thích về chuyện đính ngoa (hay nhuận sắc?) thành ĐƯỢC.

2. Ở câu 3045 sáu bản dùng chữ LỬA viết theo lối có thể đọc thành cả LÒ, đôi khi cả TRO. Ở đây rõ ràng phải đọc LỬA, và phục nguyên LỬA.

3. Ở câu 3056, 8 bản in như sau:

Lập am rồi sẽ RƯỚC thầy ở chung

Riêng bản DMT khắc in LÊN THẦY Ở CHUNG. Hai khả năng cần được đặt ra:

- Chữ LÊN và chữ RƯỚC chuyển nhầm mà thành? (do tự dạng khá gần nhau)? – hay xưa dùng LÊN?

Phục nguyên RƯỚC là điều ai cũng dễ nghĩ đến nhất. Chúng tôi cũng vậy. Nhưng cũng nên xét đến khả năng xưa dùng LÊN: nói LÊN THẦY Ở CHUNG là tỏ thái độ trân trọng hơn đối với THẦY cũng như đối với AM. Và quả sau này, đến hai câu 3233, 3234 chúng ta lại thấy thái độ trân trọng đó:

Nặng vì chút nghĩa xưa sau

TRÊN AM cứ giữ hương dầu hôm mai

4. Ở câu 3057 có 3 dị bản: ĐÃ CHIỀU LÒNG – CŨNG CHIỀU LÒNG và PHẢI CHIỀU LÒNG. Không dị bản nào đạt đến được đa số cần thiết. Chúng tôi ngờ rằng xưa nhà thơ vốn dùng chữ PHẢI, nhưng chữ đó đã bị các bản sao chép nhầm thành ĐÃ: 沛 > 㐌. Chuyện chép nhầm xảy ra rất sớm vì cả bản DMT/1872 trong Nam cả bản LVĐ/1871 ngoài Bắc đều nhầm như nhau.

Vậy xin phục nguyên sau khi đã đính ngoa ĐÃ thành PHẢI.

5. Cuối cùng là việc phục nguyên ở câu còn lại: phục nguyên hai chữ BƯỚC RA ở câu 3058, theo đúng 2 tiêu chí.

Trang 78B

1. Trong trang này có 12 trường hợp có thể phục nguyên tương đối dễ dàng. Đó là:

- MỘT ĐOÀN ở câu 3059
- QUAN NHA cũng ở câu 3059
- TÀNG TÀNG ở câu 3061
- HAI BÊN ở câu 3064
- BA ĐÀO ở câu 3065
- VẬY chữ đầu câu 3066
- LỪA LỌC ở câu 3072
- TRĂNG BẠC ở câu 3074
- QUẢ chữ đầu câu 3075
- KHI chữ số 5 cũng câu 3075
- GẠT (< BẠT) ĐI ở câu 3077
- MUÔN NĂM ở câu 3078

2. Nhưng có đến mấy trường hợp cần phải cân nhắc. Trước hết đó là chữ thứ 5 trong câu 3066:

Vậy đem duyên chị... vào cho em

Có bốn dị bản: RƯỚC VÀO – BUỘC VÀO – XE VÀO – GÁ VÀO.

Bản DMT/1872 khắc RƯỚC VÀO, nhưng hai người đồng thời với DMT, cũng ở miền Nam là TVKI, ADM lại cho in GÁ VÀO!

Chúng tôi nảy sinh ý nghĩ: chắc trong phác thảo nhà thơ dùng hai chữ GÁN VÀO. Có hai lý do khiến chúng tôi đi đến ý nghĩ ấy:

Về chữ Nôm, GÁN có thể ghi bằng chữ CẢN 赶 (HVTĐ, ĐDA đọc là HÃN, nhưng chữ này vốn thuộc thanh mẫu KIẾN / K /) mà CẢN thì có thể sao chép nhầm thành RƯỚC 逴 .

GÁ và GÁN có khía cạnh âm nghĩa gần nhau, cho nên TVKI và ADM mới in thành GÁ.

Trong lúc chờ đợi nghiên cứu tiếp chúng tôi xin cứ theo đa số, phục nguyên BUỘC (căn cứ tiêu chí 2). Nhưng chúng tôi sẽ ghi chú thêm 2 dị bản nữa: RƯỚC (theo tiêu chí 1) và GÁN (theo tiêu chí 1, sau khi đã đính ngoa).

3. Cuối cùng có 2 trường hợp xin nói qua:

a. Ở câu 3070 có hiện tượng MƯỜI LĂM ghi thành MƯỜI NĂM như đã gặp ở câu 3020 trang 77B.

b. Giữa KHUÔN LINH và KHUÔN THIÊNG không có sự khác nhau gì cơ bản: LINH có thể đọc THIÊNG theo nghĩa, hay đọc LINH theo âm. Nên phiên Quốc ngữ ở câu 3072 là THIÊNG (câu 3072).

Trang 79A

1. Trong 20 câu này bản DMT/1872 in sai nhiều cho nên phải đính ngoa trước khi phục nguyên. Ba chỗ đáng chú ý:

a. Có một chỗ sai chắc ở khâu sao chép vì 8 bản khác đều không sai, đó là khắc ĐÃ TỪNG ở cuối câu 3080. ĐÃ TỪNG vẫn có nghĩa, nhưng không hiệp vần được với hai câu sau. Vậy phải đính ngoa lại thành ĐÃ NHIỀU. Sai là do liên tưởng về ngữ nghĩa trong khi đọc nhẩm.

b. Điểm sai thứ hai cũng do liên tưởng về ngữ nghĩa: đáng lẽ DƯỚI DÀY CÓ ĐẤT thì in thành DƯỚI TRỜI CÓ ĐẤT ở câu 3086.

c. Điểm sai thứ ba lại do nhận diện mặt chữ không đúng: chữ CHÚT ở câu 3092 đã chuyển nhầm thành chữ XÓT.

Hai chữ sai ở b) và c) thì chắc đã có trong các bản sao cổ: chứng cớ là nhiều bản ở cả miền Bắc, miền Nam đều bị sai theo.

2. Câu 3093 là trường hợp bản DMT/1872 bị thiểu số: thay vì TRONG ĐẠO VỢ CHỒNG lại dùng kết cấu TRONG SỰ VỢ CHỒNG. Có thể phỏng đoán rằng trong bản phác thảo đầu tay nhà thơ đang dùng chữ SỰ, nhưng chỉ một thời gian không lâu sau thì SỰ đã được chữa lại thành ĐẠO cho nên đa số các bản đều in là ĐẠO cả. Để trung thành với nguyên tác chúng tôi sẽ

một mặt ghi nhận cả hai, một mặt chú thích rõ SỰ có mặt ở bản DMT/1872 còn ĐẠO thì có mặt ở 7 bản; và chắc chính nhà thơ đã tự nhuận sắc rồi mới cho sao truyền đi các vùng. Khi phục nguyên sẽ tạm chọn ĐẠO theo đa số.

3. Còn lại đều là những trường hợp không có vấn đề gì, có thể phục nguyên theo 2 tiêu chí đã đề ra:

- DẦU MƯA ở câu 3080
- THÀ (< THÈ) CHO ở câu 3082
- C ŨNG LẠ ĐỜI ở câu 3083
- CŨNG GIỮ ở câu 3088
- MÌNH cuối câu 3089
- CHIA GÁNH ở câu 3090
- TRÒN GƯƠNG ở câu 3094

Trang 79B

1. Xin phục nguyên ngay ở trang này mấy trường hợp như sau:

- DỰ VÀO ở câu 3104
- TỦI MÌNH ở câu 3106
- PHÒNG THU ở câu 3107
- THÌ CŨNG ở chữ số 3 câu 3108
- LÀ TU ở chữ số 5 cũng câu 3108
- GẦN XA ở câu 3109
- MÀ, NHƠ hai chữ số 5, 6 của câu 3112

2. Chỉ một trường hợp duy nhất bản DMT/1872 bị thiểu số nhưng chúng tôi vẫn phục nguyên theo. Đó là chữ BỤNG trong câu 3112.

Đã buồn cả BỤNG mà nhơ cả đời

Sáu bản đổi BỤNG thành RUỘT. Nhưng theo ý chúng tôi BUỒN hay đi với BỤNG hơn là đi với RUỘT. Vả lại hai bên không có gì khác nhau cơ bản, phục nguyên BỤNG là tôn trọng văn bản có nguồn gốc xưa.

Trang 80A

1. Trong 20 câu này có 11 trường hợp dễ phục nguyên nên chúng tôi có thể phục nguyên ngay. Các trường hợp có vấn đề sẽ xin bàn thêm sau.

Danh sách 11 trường hợp phục nguyên ngay:

- ĐỤC ở câu 3120

- ĐỂ ở câu 3121

- CHỐI LỜI ở câu 3129

- Dị bản A ở câu 3131: NHÀ VỪA MỞ TIỆC ĐOÀN VIÊN

- HỒNG CHEN ở câu 3132

- LÀ, ĐỦ ở câu 3134[1]

- SEN, NGÓ ở câu 3137

- MƯỜI LĂM (// NĂM) MỚI ở câu 3138

2. Có một trường hợp bản DMT/1872 chỉ đứng về phía đa số tương đối (4/9) nhưng chúng tôi vẫn phục nguyên theo: đó là chữ CÚI trong kết cấu CÚI ĐẦU ở câu 3130. Trong 3 dị bản GÓT ĐẦU, CUỐI ĐẦU và CÚI ĐẦU, chỉ kết cấu CÚI ĐẦU là phù hợp hơn cả.

3. Trái lại, có 1 trường hợp bản DMT/1872 đứng về phía đa số nhưng chúng tôi lại băn khoăn: đó là chữ LẠY trong câu 3133:

Cùng nhau giao LẠY một nhà

Căn cứ ngữ cảnh và thói quen trong ngôn ngữ có lẽ ở đây phải dùng kết cấu GIAO BÁI mới hợp. Nhưng vì giữa BÁI và LẠY vừa có nghĩa vừa có tự dạng gần nhau nên trong khi sao chép dễ để xảy ra nhầm lẫn. Sự nhầm lẫn này chắc đã có trong bản sao xưa nên nay cả ở miền Nam cả ở miền Bắc, nhiều bản sai theo. Chúng tôi xin phục nguyên theo 3 bản đã đính ngoa.

4. Ở câu 3124 bản DMT/1872 có khắc một chữ không đủ rõ, sau chữ TRĂNG:

Trăng... mà lại hơn mười rằm xưa

Chúng tôi có phỏng đoán là chữ LỜ nhưng không dám chắc. Để thận trọng, trường hợp này chúng tôi sẽ phục nguyên chữ TÀN theo đa số.

5. Cuối cùng là câu 3122. Ở câu này có một sự khác nhau rất lớn giữa đa số các bản thế kỷ 19 và các bản hiện nay. Có lẽ các bản Kiều thế kỷ 20 đều theo bản KOM nói riêng, các bản gốc Huế nói chung nên mới đi xa đa số các bản Nôm thế kỷ 19 đến thế. Những sự băn khoăn về từ ngữ là như sau:

- Ở chữ thứ 3: ĐẦU hay BIẾT?

- Ở chữ thứ 4: NGÕ hay TỎ?

- Ở chữ thứ 5: VÉN hay ÁNG?

---

[1] Có vài bản nhuận sắc thành ĐÀ XỨNG: câu thơ nghe hay hơn, nhưng có phần đi xa các bản Nôm cổ.

Nhưng từ đó hình thành nên 4 kiểu câu khác nhau:

a. Tan sương BIẾT NGÕ ÁNG mây giữa trời

b. Tan sương BIẾT TỎ ÁNG mây giữa trời

c. Tan sương ĐẦU NGÕ ÁNG mây giữa trời

d. Tan sương ĐẦU NGÕ VÉN mây giữa trời

Câu (d) là câu hiện nay được chấp nhận, vì nó cũng dễ hiểu: ý chính của nó là "tai qua nạn khỏi" cuộc đời đã sáng sủa trở lại. Câu (c) khó hiểu nhất, còn hai câu (a), (b) thì cơ bản như nhau: ý của hai câu này là "trước thì có chuyện không may (mây che khuất giữa trời), nhưng nay thì đã có điều kiện thuận lợi (tan sương) để biết rõ cái hoàn cảnh xảy ra điều đó (biết ngõ nào, biết tỏ tường).

Còn nếu muốn hiểu như ở d) mà lại xuất phát từ văn bản cổ là a) thì phải nêu giả thuyết rằng có chuyện sao chép sai: NGOÀI 外 nhầm thành BIẾT 别 ; CUỐN 卷 nhầm thành ÁNG 盎 , chẳng hạn. Chữa những chỗ sai này đi, chúng ta sẽ có:

Tan sương NGOÀI NGÕ, CUỐN mây giữa trời

Phải chăng đây là câu nên phục nguyên để kết hợp được bản cổ và sự nhuận sắc ở các bản như bản 1870? Chúng tôi đang cân nhắc và mong được bạn đọc cho thêm ý kiến.

Trang 80B

1. Đi vào trang này, trước hết cần giải quyết các chỗ sai, chỗ khó rồi mới có thể bắt đầu phục nguyên. Ngay 2 câu đầu tiên (3139, 3140) đã có vấn đề. Nếu căn cứ bảng đối chiếu, chúng ta thấy 7 bản nhất trí in:

Tình duyên ấy hợp tan này

Bi hoan mấy nỗi, đêm NÀY trăng cao

Rõ ràng là không ổn: trong thơ xưa không thể lặp vần như thế này; vả lại 4 chữ "ĐÊM NÀY TRĂNG CAO" cũng khó giải thích vì sao nhà thơ lại viết thế. Chắc chữ CHẦY viết tắt đã chuyển nhầm thành chữ NÀY. Vậy bản KOM đã đính ngoa đúng. Đính ngoa xong, câu bát trở nên một câu thơ rõ nghĩa, đúng vận luật hoàn toàn:

Bi hoan mấy nỗi, đêm CHẦY trăng cao

2. Câu 3151 cũng có vấn đề nhưng dễ giải quyết: bản DMT/1872 khắc chữ VÀNH và bị thiểu số. Nhưng bên đa số dùng chữ VÒNG thì cũng chả có gì hơn. Có thể phục nguyên VÀNH để tôn trọng văn bản có nguồn gốc cổ.

3. Trái lại câu 3155 là một câu các bản Bắc bản Nam in ra có chỗ rất khó biện luận phải đọc Nôm thế nào, nên bản LNP, bản KOM phải nhuận sắc lại với từ ngữ khác hẳn. Theo ý chúng tôi, khi đọc các bản Bắc và bản Nam chỉ có 2 cách đọc sau đây là tạm chấp nhận được. Phải đính ngoa câu "cùng nhơ, giở nhục bày trò" thành:

a. Cùng // cũng nhơ, cùng // cũng nhuốc, bày trò. Hoặc:

b. Giở nhơ, giở nhuốc, bày trò.

Hai cách đọc a), b) dựa trên giả thuyết cho rằng hai chữ 拱 ... 𢪀 (cũng... dở / giở) vốn là 拱 ... 拱 (cùng... cùng... hoặc cũng... cũng) hoặc vốn là 𢪀 ... 𢪀 (dở / giở... dở / giở...).

Đính ngoa như vậy là vẫn gắng gần bản DMT/1872 nhất vì chỉ chữa một chữ. Đề nghị bạn đọc cân nhắc. Chúng tôi tạm đề nghị chọn b).

4. Cũng khó biện luận cách đọc gần như câu trên là 4 chữ đầu trong câu 3142. Ở đây đã có 3 cách đọc được đề xuất:

a. Dưới đèn TỎ NGHĨA, má đào thêm xuân

b. Dưới đèn TỎ RẠNG, má đào thêm xuân

c. Dưới đèn TỎ DẠNG, má đào thêm xuân

ADM/1884 giải thích TỎ NGHĨA là "bày tỏ tình nghĩa cho nhau". Những vị đọc TỎ RẠNG và TỎ DẠNG đều cho rằng chữ NGHĨA, chữ DẠNG//RẠNG có tự dạng gần nhau nên đã xảy ra nhầm lẫn.

Vậy nên phục nguyên thế nào? Có lẽ nên tiếp tục tìm hiểu bản DMT và cách đọc của hai người đương thời là TVKI và ADM, nhưng tạm thời chấp nhận câu đã đính ngoa: *Dưới đèn tỏ rạng, má đào thêm xuân.*

5. Đến đây đã có thể đi sang việc phục nguyên các trường hợp tương đối thuận lợi. Danh sách các trường hợp đó như sau:

- ONG CŨ ở câu 3144
- MÂY PHÂN cũng ở câu 3144
- CHUNG TÌNH cũng ở câu 3144
- GỌI CÓ ở câu 3148
- NHỮNG NHƯ ở câu 3151
- VỚT HƯƠNG ở câu 3154
- MÀ THÙ ĐẤY THÔI ở câu 3156
- THÌ LẠI ở câu 3158

Trang 81A

1. Trong trang này có 12 trường hợp hội đủ 2 tiêu chí 1 và 2, đó là thuận lợi lớn, cho phép chúng ta có thể phục nguyên chúng ngay:

- DÙ TÍNH ở câu 3159
- VỀ SAU cũng ở câu 3159
- THÌ CÒN ở câu 3160
- LẠI GIÀY ở câu 3162
- VẨY, CÁI ở câu 3164
- THƯƠNG NHAU ở câu 3169
- GẶP (> ĐƯA) ở câu 3170[1]
- THỈU (= XÍU) cũng ở câu 3170[2]
- CHỪNG ở câu 3171
- CHƯA CHỮA ở câu 3172
- LÀ ở câu 3176

2.. Bên cạnh các trường hợp tương đối đơn giản kể trên cũng có một số trường hợp vì lẽ này hay lẽ khác – cần phải cân nhắc trước khi tái lập dạng cổ.

a. Trước hết là trường hợp bản DMT có dị bản tương đương với dị bản khác về ngữ nghĩa cũng như về mức độ phổ biến: so sánh NHỮNG ĐAU ĐỚN NHIỀU với CŨNG ĐAU ĐỚN NHIỀU ở câu 3168. Cả NHỮNG cả CŨNG đều có mặt ở 4 bản.

Chúng tôi phục nguyên NHỮNG với lý do tôn trọng văn bản có nguồn gốc cổ hơn.

b. Lại còn 2 chỗ nữa cũng cần cân nhắc như vậy:

- Chữ NGHĨA ở câu 3163, nhiều vị cho rằng phiên ÁI mới đúng. Theo họ, người sao chép khi đọc nhầm đến chữ ÂN thì liên tưởng đến chữ NGHĨA, nên chép nhầm. Nhưng biết đâu chính Kiều chỉ muốn nói đến ÂN NGHĨA

---

(1) Ở bản DMT/1872 khắc một chữ không rõ là GẶP hay ĐƯA. Cũng có thể ĐƯA là do GẶP in nhầm.

(2) Khắc in THIỂU // THIẾU có lẽ là để ghi chữ THỈU của phương ngữ Nghệ Tĩnh, tức XÍU của miền Bắc. Về mặt nội dung MỘT THỈU, MỘT XÍU có nghĩa là MỘT CHÚT (TĐTN). Không đọc THIẾU là căn cứ sự phân tích của cụ ĐDA, cho rằng đọc THIẾU thì thô tục, trái với ý cả đoạn (TĐTK). Còn đính ngoa thành CHÚT thì quá xa về tự dạng.

mà thôi! Cần xét tiếp!

- Chữ NHIỀU ở câu 3169 thì sai, vì trùng vận với NHIỀU ở câu trước. Chữ đúng phải là chữ LIỀU. Lần sai lầm này lại bắt nguồn từ hiện tượng nhiều chữ có thể đọc với chữ L cũng được, đọc với chữ NH cũng được như LÊ – NHÊ, LẨM – NHẨM, LANH LẸN – NHANH NHẸN. Người chép vì quen với hiện tượng như vậy nên khi đọc nhầm LIỀU tự nhiên chuyển sang chép NHIỀU...

Hai trường hợp này chúng tôi phân biệt đối xử như sau: tạm thời phục nguyên ÂN ÁI theo đa số, nhưng ĐÃ NHIỀU thì dứt khoát chữa thành ĐÃ LIỀU theo bên thiểu số.

Trang 81B

1. Trong 20 câu ở trang này có đến 19 chỗ phải khảo dị. Nhiều chỗ phải cân nhắc kỹ rồi mới phục nguyên được. Ngay câu thứ hai (câu 3180) đã phải thế. Chúng tôi đoán rằng lúc đầu cụ Nguyễn Du phác thảo LẠY TRƯỚC rồi gửi bản sao vào Nam và ra Bắc. Các bản ở Bắc in lại đúng thế. Nhưng bản gốc của DMT/1872 khi vào Huế đã bị Huế hóa: LẠY TRƯỚC chuyển thành LẠY TẠ. Sự Huế hóa này không rõ cụ Nguyễn Du có tham gia không? Vì không biết rõ điều đó nên chúng tôi phải chủ trương nước đôi: vừa phụ chú LẠY TRƯỚC theo phác thảo đầu tiên, và theo đa số; vừa phục nguyên hai chữ LẠY TẠ theo bản DMT/1872 tức là bản đã làm cơ sở cho tiêu chí 1.

2. Ở câu 3181, chữ thứ 3 chia thành hai loại: loại dùng một danh từ (NƯỚC ĐỤC) và loại dùng một động từ (GẠN ĐỤC – DẰN ĐỤC – CHẶN ĐỤC). Loại sau phổ biến hơn, có mặt ở 8 bản, vì vậy chúng tôi phục nguyên theo hướng này: chúng tôi chọn DẰN ĐỤC theo DMT tuy nó không quen thuộc bằng GẠN ĐỤC. Nhưng DẰN ĐỤC thì gần với CHẶN ĐỤC của các bản miền Bắc.

3. Có vài trường hợp đã giải quyết trước rồi nay xin nhắc qua:

a. Bản DMT/1872 hay dùng TÂM ĐẢM thay vì TÂM PHÚC.

b. NỐI và NỔI có khi viết như nhau, đọc thế nào phải tùy văn cảnh.

c. NGÓN và NGỌN cũng vậy: phải tùy văn cảnh chọn cho đúng.

Ở đây chúng tôi phục nguyên TÂM ĐẢM ở câu 3183, NỐI HƯƠNG BÌNH ở câu 3189 và NGÓN ĐÀN ở câu 3192.

4. Có hai trường hợp bản DMT/1872 bị thiểu số nhưng dùng một cách ghi hoặc tương đương hoặc hay hơn các cách ghi khác.

a. Hay hơn như ở câu 3190: CHUỐC ghi có bộ KHẨU không thể có ai đọc nhầm thành CHÚC được.

b. Tương đương như dùng LẠM với nghĩa là "sai lầm" (theo HTC) thay vì LẦM ở câu 3194. LẠM và LẦM coi như hai biến thể.

Với sự đánh giá như vậy chúng tôi sẽ xin phục nguyên: a. CHUỐC ở câu 3190 và b. LẦM ở câu 3194 để có biến thể phổ thông hơn.

5. Còn lại 11 trường hợp sau đây, có thể phục nguyên ngay không cần cân nhắc vì cả hai tiêu chí đều hội đủ:

- KHƠI TRONG ở câu 3181
- NGHĨA ẤY // DƯỜNG ẤY ở câu 3184[1]
- ĐÙM BỌC ở câu 3185
- CŨNG VỀ ở câu 3186
- THOẮT THÔI ở câu 3187
- CÀNG SAY ở câu 3188
- NẾN GIÁ ở câu 3189
- MỚI THÔI ở câu 3194
- SỰ ĐÃ RỒI ở câu 3195
- KHÓI TRẦM ở câu 3198
- TIẾNG HUYỀN cũng ở câu 3198

Trang 82A

1. Trong 11 chỗ cần khảo dị ở trang này, có 2 chỗ dị bản phía DMT/1872 tương đương với dị bản phía đa số:

a. So sánh: KHÚC SAO với KHÚC ĐÂU ở câu 3199.

b. So sánh: NÓI SÒNG với NÓI CÙNG ở câu 3217

Thấy rằng SAO cũng như ĐÂU, NÓI SÒNG có phần còn hay hơn NÓI CÙNG nên chúng tôi tái lập SAO và SÒNG. Nhưng để thận trọng chúng tôi cũng ghi kèm bên cạnh cả 2 dị bản ĐÂU và CÙNG.

2. Còn sau đây là 9 trường hợp có thể phục nguyên không cần bình luận:

- DUỀNH QUYÊN ở câu 3203
- PHỔ ẤY ở câu 3207
- THƯƠNG VUI ở câu 3209

---

[1] Chữ NGHĨA và chữ DƯỜNG hay lầm lẫn nhau. Nếu bạn đọc thấy DƯỜNG hay hơn NGHĨA thì xin đổi lại, phục nguyên DƯỜNG. Nhưng có lẽ NGHĨA có chiều sâu hơn DƯỜNG nên 7 bản ủng hộ.

- HAY CHƠI ở câu 3211

- CÙNG NHAU ở câu 3213

- TỪ ĐẤY ở câu 3214

- GÀ ĐÀ GÁY SÁNG ở câu 3216

- RẠNG ĐÔNG cũng ở câu 3216

- KHEN LAO ở câu 3218

Trang 82B

1. Trong 20 câu này có hai chữ bản DMT/1872 khắc sai nên phải đính ngoa trước khi phục nguyên.

a. Ở câu 3233: nặng vì... nghĩa xưa sau.

Chữ số 3 in là chữ SỬ 史. Trước đây chúng tôi đang còn lưỡng lự chưa biết chữ in sai là chữ gì, và đoán đó là chữ THỪA đại từ hoặc chữ CHÚT viết tắt. Nhưng nay cân nhắc lại chúng tôi nghiêng về ý chữ SỬ là do chữ CHÚT khắc không chuẩn mà thành: 出 > 出 > 史. Vậy phải đính ngoa và tái lập dạng cổ là CHÚT.

b. Ở câu 3230 chữ LEN // LÊN khắc nhầm thành chữ TRÊN: CỎ TRÊN MÁI NHÀ thì không đối với RÊU TRÙM KẼ NGẠCH được. Vậy cũng phải chữa.

2. Ở hai trường hợp sau đây phía DMT/1872 không đủ đa số. So sánh:

a. HÁI THUỐC với THÁI THUỐC ở câu 3231: tỉ lệ 4/4.

b. ĐẾN THÌ với ĐẾN NƠI ở câu 3229: tỉ lệ 3/5!

Nhưng chúng tôi chủ trương phục nguyên theo bản DMT/1872 vì lẽ: HÁI THUỐC thì quen thuộc hơn THÁI THUỐC.

Và ĐẾN THÌ nghe tự nhiên hơn ĐẾN NƠI.

3. Còn hai trường hợp sau đây thì có sự tương đương về giá trị nghệ thuật giữa dị bản này với dị bản kia; xin cân nhắc:

a. CHĂN NỆM so với CHĂN GỐI ở câu 3222.

b. SAI NGƯỜI so với KHIẾN NGƯỜI ở câu 3228.

Chúng tôi sẽ phục nguyên NỆM, SAI để bảo lưu một dị bản có nguồn gốc cổ hơn, mà không chút nào kém hơn.

4. Còn sau đây là những trường hợp hội đủ 2 tiêu chí, có thể yên tâm phục nguyên:

- VẸN VẼ, HÒA HAI ở câu 3221

- KHI CUỘC CỜ ở câu 3223

- BẠN BẦY ở câu 3226
- THÂN THÍCH ở câu 3228
- RÊU TRÙM KẼ NGẠCH ở câu 3230
- XƯA SAU ở câu 3233
- TRÊN AM ở câu 3234
- THIÊN NIÊN // NGÀN NĂM ở câu 3236[1]
- CÙ MỘC ở câu 3238

Trang 83A

1. Có thể phục nguyên ngay mấy trường hợp sau đây:

a. LẤY NGHIỆP ở câu 3249

b. Ở TẠI LÒNG TA ở câu 3251

c. KIA MỚI ở câu 3252

2. Còn sau đây là các trường hợp cần cân nhắc trước lúc phục nguyên:

a. Ở câu 3240: VẦY hay VƯỜN? Có lẽ nên phục nguyên VẦY là một động từ với ý nghĩ là "xum họp" (KTTĐ) để hợp với thế tiểu đối trong câu: VẦY XUÂN mới ăn khớp với ĐỀ BIA ở sau được.

b. Ở câu 3241: LÀ hay TẠI, BỞI? Chắc lúc đầu nhà thơ phác thảo LÀ nên mới có dị bản đó ở bản DMT/1872, rồi vào Huế Cụ tham gia nhuận sắc thành TẠI: chứng cớ là TẠI đã thống nhất truyền được vào Nam, ra Bắc, ngoài chuyện được sao chép lại tại Huế. Vậy nên phục nguyên TẠI theo đa số, nhưng có chú thích thêm "vốn phác thảo LÀ".

c. Ở câu 3250: CHẲNG XA hay TRỜI XA? Ở câu này chắc cũng có tình hình như ở câu 3241: từ phác thảo CHẲNG XA, Cụ vào Huế đã (cùng với bạn bè?) chữa lại thành TRỜI XA. Cách phục nguyên cũng sẽ như trên: ghi lại ý kiến cuối cùng của Cụ, nhưng có ghi thêm cách diễn đạt đầu tiên.

d. Và cuối cùng là ở câu 3253: NHẶT NHANH hay NHẶT GÓI, NHẶT LƯỢM, CHẮP NHẶT... ? Các bản cổ đều mở đầu bằng NHẶT, hai bản gốc Huế đều bắt đầu bằng CHẮP. NHẶT // LẶT lại có mặt ở cả miền Nam, ở cả miền Bắc trong 6 bản: vậy nên phục nguyên NHẶT. Còn chữ thứ hai sau NHẶT thì sao? Chúng tôi xin tái lập NHẶT GÓP (hay NHẶT NHẠNH?) theo bản cổ DMT.

---

[1] Nếu đọc theo nghĩa là NGÀN NĂM thì ở câu 3236 không phải có 2 dị bản mà chỉ có hai cách ghi khác nhau mà thôi.

VÀI LỜI CUỐI SÁCH

1. Đến đây chắc bạn đọc đã thấy rõ: theo lời khuyên của nhà nghiên cứu lão thành, cố giáo sư Hoàng Xuân Hãn, chúng ta đã cố gắng đi sâu vào các bản Kiều có niên đại cổ hiện có thể có được, để bước đầu đối chiếu, so sánh. Chúng ta đã chọn 9 bản biên tập trong thế kỷ 19 để làm việc đó, trong số 9 bản ấy có 5 bản xưa nhất hiện biết, về mặt này hay mặt nọ: bản còn giữ được các lối kị húy đầu triều Nguyễn, bản chép tay sớm nhất hiện còn, bản in mộc bản sớm nhất, bản phiên ra Quốc ngữ đầu tiên, bản được dịch ra tiếng nước ngoài (tiếng Pháp) đầu tiên...

2. Căn cứ trên 9 bản Nôm và Quốc ngữ đó, chúng ta đã tìm ra được 1693 câu của cụ Nguyễn Du hiện còn được giữ nguyên vẹn, và 1561 câu có sự khác nhau giữa truyền bản này với truyền bản nọ: thường chỉ khác nhau một chữ, nhưng cũng có khi trong cùng một câu mà khác nhau ở hai ba chỗ. Những câu này chúng tôi chỉ cho in ra phần thống nhất giữa các bản, còn những chỗ có các dị bản khác nhau thì chúng tôi đành phải gạt đi và thay vào bằng những chỗ để trống... Nếu tính trung bình mỗi bản Kiều có 3254 câu thì số câu được giữ nguyên vẹn chiếm 52%, còn 48% đã bị thay đổi. Nhưng trong số những câu bị thay đổi từ ngữ này, vẫn có những bộ phận được giữ nguyên, hoàn toàn thống nhất giữa 9 bản. Trên tổng số 22.778 chữ (3.254 X 7) của truyện Kiều, tính đến cuối thế kỷ 19, còn khoảng trên hai vạn ba trăm chữ được giữ nguyên như vậy. Nói một cách khác, nếu lấy chữ để làm đơn vị tính toán, thì khoảng gần 90% kho từ ngữ của cụ Nguyễn Du vẫn được tôn trọng, in thống nhất trong tất cả 9 bản. Sự khác biệt giữa chúng chỉ thể hiện ra ở khoảng hơn 10% của văn bản mà thôi[1].

Việc điều tra gặp không ít khó khăn: trong 163 bảng đối chiếu các dị bản, có thể có những điểm bạn đọc chưa hẳn đồng tình, về sau còn cần phải điều chỉnh lại. Nhưng dầu sao, với cách đi mà giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã đề xuất, hiện chúng ta cũng đã có được trong tay một khối lượng khá lớn cứ liệu khách quan về tình hình diễn biến của văn bản truyện Kiều khoảng 7, 8 mươi năm sau khi cụ Nguyễn Du qua đời. Đó là những điểm

---

(1) Xin xem lại chú thích ở trang 425.

xuất phát có thể giúp chúng ta soi sáng được nhiều vấn đề.

3. Từ khối lượng cứ liệu khách quan trên đây (trình bày ở phần II) chúng tôi đã gắng thử nêu lên những nhận xét tổng quan về các truyền bản thế kỷ 19 của truyện Kiều (trình bày ở phần I) cũng như đã gắng thử phục nguyên lại một văn bản cổ hy vọng rằng gần nhất với nguyên tác (trình bày ở phần III).

Trong phần I, những vấn đề thiên kinh địa nghĩa của ngành văn bản học (như vấn đề kị húy, vấn đề đính ngoa nhuận sắc, vấn đề sai sót trong các khâu sao chép, in ấn v.v...) đều đã được minh họa bằng cứ liệu cụ thể của 9 truyền bản. Nhưng cũng có những vấn đề đặc thù riêng của truyện Kiều đã được đề xuất thêm như:

- Vấn đề xây dựng giả thuyết có thể cụ Nguyễn Du đã có 4, 5 lần sửa chữa bản thảo, ảnh hưởng đến 4, 5 lần sao chép khác nhau.

- Hoặc vấn đề xác định vùng trung tâm truyền bá các bản sao đầu tiên là vùng Nghệ Tĩnh; từ Nghệ Tĩnh phải kinh qua Huế rồi các bản sao mới vào Nam v.v...

Trong phần III, chúng tôi quan tâm trước tiên là việc xác lập các tiêu chí giúp ai cũng có thể tham gia vào công tác phục nguyên được. Với những tiêu chí ấy khoảng 2/3 trường hợp bạn đọc có thể yên tâm đưa ra câu trả lời: cách diễn đạt này vốn là của cụ Nguyễn Du, cách diễn đạt kia là của người đời sau đưa vào v.v. Mỗi chỗ khảo dị là một bài toán khó, 2/3 tổng số các bài toán khó được giải đáp, mà ai cũng tự thấy mình có thể giải đáp được: đó là một điều đáng mừng.

Nhưng bên cạnh hơn 1.300 bài toán đã có đáp số tương đối đáng tin cậy ấy, cũng đang còn có khoảng hơn 650 bài toán đang treo vì theo tiêu chí này thì mâu thuẫn với tiêu chí kia. Chúng tôi đã đề nghị khoảng 420 trường hợp phục nguyên theo truyền bản cổ nhất, và khoảng 230 trường hợp phục nguyên theo đa số các bản còn lại. Cách giải quyết cuối cùng nên thế nào, có lẽ chúng ta đang còn cần phải cân nhắc, cùng nhau trao đổi tiếp. Nhưng có một điều đã tương đối rõ ràng: nhờ điều tra được 9 bản Kiều thế kỷ 19, trong đó đa số chắc có nguồn gốc cổ hơn bản KOM, nhất định chúng ta không còn có nguy cơ bị bản KOM và chỉ đôi ba bản thế kỷ 20 chi phối mạnh mẽ như trước kia nữa.

4. Như đã nêu trong LỜI NÓI ĐẦU, việc cho ra đời cuốn sách này là một việc làm bất đắc dĩ, do tình thế đòi hỏi. Cuốn sách chính mà ai cũng chờ đợi là cuốn Kiều Tầm Nguyên, cụ Hoàng Xuân Hãn đã để gần nửa thế kỷ để biên soạn, và bản thảo đã được Cụ sửa đi sửa lại nhiều lần.

Nếu nay mai cuốn sách đó ra được chúng ta sẽ có điều kiện so sánh. Tuy hai cuốn đều cùng theo một hướng, nhưng chắc chắn sẽ có những

chỗ khác nhau. Khác nhau chắc phần lớn là do chúng tôi sai lầm: có thể là do chúng tôi nắm bắt chưa thấu đáo ý đồ của Cụ hoặc nắm bắt được đại cương nhưng khi đi vào cụ thể thì thiếu kiến thức, thiếu kinh nghiệm nên vận dụng sai ý tưởng của Cụ. Cũng có thể khác nhau là do chúng tôi có đem tri thức ngôn ngữ học bổ sung thêm vào hướng đi mà Cụ đã chỉ dẫn. Một sự so sánh giữa hai cuốn sẽ là điều rất có lợi cho bước tiến lên của Ngành Kiều học.

Còn trong khi cuốn Kiều Tầm Nguyên của Cụ chưa ra được thì xin bạn đọc hãy dùng tạm cuốn này. Có điều mong bạn đọc lưu ý cho đến mấy điểm sau đây:

a. Nếu trong khi đọc cuốn này bạn đọc thấy có những kiến giải có thể cho là mới mẻ, có đóng góp, thì xin bạn đọc coi đó là những kiến giải chính nhờ giáo sư Hoàng Xuân Hãn mới có được. Đó là những kết quả cụ thể mà giáo sư đã đóng góp trong việc nghiên cứu truyện Kiều và nghiên cứu Nguyễn Du. Và thông qua những đóng góp cụ thể đó là sự đóng góp bao trùm hơn về mặt phương hướng, phương pháp nghiên cứu mà giáo sư đã để lại cho chúng ta cùng các thế hệ mai sau.

b. Trong công trình này chắc chắn còn những điểm bạn đọc chưa thể hài lòng. Trường hợp này – như đã nói trong LỜI NÓI ĐẦU – xin bạn đọc hãy coi đó là những nhược điểm, khuyết điểm riêng của chúng tôi. Mong bạn đọc thẳng thắn phê phán, đồng thời góp ý cho, nên sửa chữa những chỗ sai sót đó theo cách thức như thế nào?

c. Và cuối cùng là mong bạn đọc đóng góp phần riêng của bạn đọc vào bước đường tương lai của Ngành Kiều học. Khoa học bao giờ cũng luôn luôn tiến lên; các nhà nghiên cứu thế hệ trước nhất định sẽ có lúc phải nhường bước để cho các thế hệ sau vượt mình. Ở Ngành Kiều học, ở giới Kiều học cũng vậy thôi. Mong các nhà nghiên cứu trẻ nghiên cứu thật kỹ những sự đóng góp của giáo sư Hoàng Xuân Hãn để tìm cách vươn lên: đó là cách tốt nhất để nối chí giáo sư Hoàng Xuân Hãn.

NGƯỜI VIẾT

PHỤ LỤC

VỀ BẢN LIỄU VĂN ĐƯỜNG 1866 VỪA PHÁT HIỆN ĐƯỢC

1. Trong thời chúng tôi biên soạn cuốn sách trên đây, bản Liễu Văn Đường 1871 đang được coi là bản in cổ nhất, nên chúng tôi cũng phải chấp nhận theo ý kiến chung đó. Nay phát hiện được bản 1866 cổ hơn, có những vấn đề cần phải làm sáng tỏ, vì vậy chúng tôi xin viết thêm phần phụ lục này để bổ sung cho bạn đọc rõ.

2. Kể ra từ lâu chúng tôi đã có tí chút hơi ngờ vực về bản 1871. Trong bài CHỮ HÚY TRONG HAI BẢN KIỀU NÔM 1871, 1872 đăng ở Tạp chí Ngôn ngữ số 1 năm 2002, chúng tôi đã nói về bản 1871 như sau: "xét vết tích hiện còn lưu lại ở 68 tờ sách, có thể thấy ván khá cũ: không một tờ nào đường chỉ của bộ khung còn giữ được đầy đủ; nhiều tấm bị mòn, chữ in ra không còn sắc cạnh hoặc bị mờ nét; ba tấm 14, 51, 53 đã bị nứt nẻ khi đưa in; bị mất 1 chữ ở các tấm 24, 35, 36 và bị mất 5 chữ ở tấm 58; thậm chí đã có hơn 10 tấm chữ cũ bị mất, phải đục bỏ và khắc chữ mới thêm vào". Viết như thế là có ngụ ý rằng bản LVĐ/1871 chưa chắc đã phải là bản in cổ nhất: trước nó còn có thể có một hay một vài lần in xưa hơn nữa, khi bộ ván còn mới. Thậm chí chúng tôi còn hi vọng có ngày còn có thể tìm ra được một bản in đời Minh Mạng, vì bản 1871 không kị húy Thiệu Trị, Tự Đức mà chỉ kị húy theo lệnh trong khoảng 1836 – 1840.

3. Việc phát hiện được bản Kiều LVĐ/1866 đầu tháng 5/2004 vừa rồi là một tin vui lớn, đối với mọi người nói chung, đối với giới Kiều học nói riêng. Nhưng xin nói ngay, đây không phải là bản

cổ mà chúng tôi chờ đợi: có nhiều chứng cớ chứng tỏ rằng bộ ván 1866 không phải là bộ ván 5 năm sau đem dùng để in lại bản 1871; ví dụ:

- bộ khung bản 1866 thường không thanh mảnh như bộ khung bản 1871, nhất là ở các đường chỉ phía trên.

- ở hai câu 241, 242

  241: *Hiên tà gác bóng chênh chênh*

  242: *Nỗi riêng riêng chạnh tấc riêng một mình*

  bản 1866 khắc CHÊNH CHÊNH và RIÊNG RIÊNG với đầy đủ mọi nét còn bản 1871 lại khắc kí hiệu lặp ở chữ sau.

- ở hai tờ số 49 và 55 bản 1871 không để một khoảng trống nào ngăn cách các câu lục và các câu bát trong lúc văn bản 1866 lại có để những dòng như vậy..v..v.. và ..v..v...

4. Bản 1866 không phải là bản chúng tôi chờ đợi, nhưng nó vẫn là một bản rất quí. Tiếc rằng nó bị mất 864 câu (5 lần mất 1 tờ, 5 lần mất 2 tờ và 1 lần mất 3 tờ), thành thử chỉ còn giữ lại được cả thảy 2390 câu. Tình hình hiện tại là như sau:

CÒN TỪ CÂU	ĐẾN CÂU	MẤT TỪ CÂU	ĐẾN CÂU
Câu 1	câu 144	Câu 145	câu 192
193	288	289	336
337	384	385	480
481	912	913	1056
1057	1536	1537	1584
1585	1632	1633	1680
1681	1872	1873	1968
1969	2160	2161	2208
2209	2496	2497	2592
2593	2640	2641	2736
2737	2976	2977	3072
3073	3254		

5. Nói chung bản 1866 và bản 1871 trên đại thể là tương tự. Nhưng nói thế không phải là không có những sự khác nhau:

a. Có những chỗ hai bên đều sai nhưng mỗi bên sai một kiểu:

- Ví dụ 1: bản 1871 mất 8 chữ TÍA, XAO, KHUÂY, CHỐN NÀY, THƯƠNG, CŨ, HỒI ở 7 câu 1130, 1656, 1682, 2738, 2740, 2744, 2762; thì bản 1866 lại mất 7 chữ khác: MỘT THẨY (ở câu 1683), DƯỚI CỬU TUYỀN (ở câu 1685) và VẼ (ở câu 2232).

- Ví dụ 2: bản 1871 in sai hai câu thơ 3143, 3144:

Tình nhân lại gặp tình nhân
Hoa xưa ong cũ mấy phân chung tình

Đổi CHUNG TÌNH thành TRỌNG TÌNH! Thì bản 1866 lại đảo CHUNG TÌNH thành TÌNH CHUNG làm sai cả việc hiệp vần!

b. Nhưng tất nhiên, bản 1866 in trước, tránh được nhiều cái kém của bản in sau:

- Ví dụ 1: bản 1866 đang in THƠ NGÂY, chưa sai thành THƠ NÀO; hoặc đang in Ô DANH, chưa sai thành CÁI DANH như ở hai câu 615, 854.

- Ví dụ 2: bản 1866 đang in CỦA THUÊ (ở câu 2827) và CHÉM CHA (ở câu 2151) chứ chưa làm cho giá trị kém hơn như trong 2 câu bản 1871, so sánh:

+ *Biết bao công mượn* (CỦA >) *CÔNG thuê*
Lâm Thanh mấy độ đi về dặm khơi.

+ (CHÉM CHA>) *GỚM CHO cái số hoa đào*
Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi!

c. Khi in bản 1866 rõ ràng chưa có nhiều những sự nhuận sắc tai hại mà bản 1871 đã phải chịu đựng. Chỉ cần làm một sự đối chiếu như sau là chúng ta đủ thấy rõ:

- Ở bản 1866:

Sống làm vợ khắp người ta
Khéo thay thác xuống làm ma không chồng

- Ở bản 1871:

Sống thìn tình chẳng riêng ai
Khéo thay thác xuống ra người tình không

- Ở bản 1866:

Tiểu thư vội thét: "Con Hoa
Khuyên chàng chẳng cạn thì ta có đòn!"

- Ở bản 1871:

Tiểu thư vội thét: "Con Hoa!"
Nói vào những phép, giở ra những đòn

d. Nhìn chung bản 1866 còn giữ được truyền thống cổ, chưa để ảnh hưởng các bản Huế lọt vào nhiều.

- Ở câu 735 hai bản in khác nhau: in THOA ở 1871, in VÀNH ở 1866:

Chiếc VÀNH (>THOA) *với bức tờ mây*
Duyên này thì giữ, vật này của chung

- Ở câu 1756 hai bản cũng in khác nhau: in QUEN THUỘC ở bản 1871, in NGƯỜI CŨ ở bản 1866:

Ở đây tai vách, mạch rừng
Thấy ai NGƯỜI CŨ (>QUEN THUỘC) *cũng đừng nhìn chi*

Chữ VÀNH và hai chữ NGƯỜI CŨ có mặt ở hầu hết tất cả các bản thế kỷ 19; chữ THOA và 2 chữ QUEN THUỘC thì trái lại: chúng chỉ có mặt ở hai bản 1871 và Kiều Oánh Mậu! Không thể nói bản 1871 chịu ảnh hưởng của bản 1902, in sau hơn 30 năm! Nhưng sự giống nhau giữa 2 bên rõ ràng có thể gợi ý: lần in năm 1871, bản Liễu Văn Đường đã có tham khảo một vài bản Kiều nào đó từ kinh đô chuyển ra.

6. Kể về năm in, rõ ràng bản 1866 cổ hơn bản 1871. Nhưng xét về văn bản bên trong thì sao? Sở dĩ phải đặt vấn đề như vậy là vì có khi có thể có sự mâu thuẫn: bản Lâm Nọa Phu chép trước bản

Liễu Văn Đường 1871 nhưng văn bản lại biên tập sau; cũng vậy bản Duy Minh Thị 1872 in sau bản Lâm Nọa Phu 2 năm nhưng lại có văn bản biên tập khá lâu về trước.

Căn cứ chữ húy, bản 1866 chỉ khác bản 1871 ở 2 điểm:

- mất 3 chữ húy ở câu 162, 2564, 3000.
- và kị húy nghiêm ngặt chữ GIỐNG/CHỦNG ở câu 853 trong lúc bản 1871 quên kị húy.

Hiện tượng kị húy nghiêm mật này làm cho chúng ta dễ nghiêng về ý nghĩ: văn bản bản 1866 có thể được biên tập sớm, khi lệnh kị húy Gia Long còn đề ra rất gắt gao. Nhưng một mình cứ liệu đó chưa đủ! Tiếc rằng cứ liệu quan trọng nhất (việc kị húy chữ CAO theo lệnh năm 1836) lại nằm trong câu 2564 bị xé mất! Thành thử trước mắt có lẽ chúng ta vẫn phải nên tạm thời đặt văn bản cả hai bản 1866, 1871 vào giai đoạn biên tập 1836-1840.

7. Bản 1866 cổ và quí nhưng vẫn không thể cổ và quí hơn bản Duy Minh Thị mà Giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã kiến nghị nên dùng làm bản trục khi tiến hành phục nguyên văn bản Truyện Kiều. Hai điểm trội cơ bản nhất của bản Duy Minh Thị mà hiện nay chưa bản nào vượt được, kể cả bản 1866 vừa phát hiện, đó là:

   - bản Duy Minh Thị là văn bản xưa nhất hiện biết: nó được chứng minh là có sự kị húy nghiêm ngặt theo các lệnh đời Gia Long; và nó có văn bản biên tập trong khoảng 1803-1825.
   - và đó là bản có sự đóng góp nhiều nhất trong việc tìm hiểu lịch sử Truyện Kiều cũng như trong việc phục nguyên văn bản Truyện Kiều.

TƯ LIỆU TRUYỆN KIỀU

**TỪ BẢN DUY MINH THỊ
ĐẾN BẢN KIỀU OÁNH MẬU**



Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN VĂN LƯU

Biên tập:
KIM PHƯỚC
Sửa bản in:
HỒNG SƠN
Trình bày bìa:
MAI QUẾ VŨ

In 1.000 cuốn, khổ 16 x 24 cm, tại: Xí nghiệp in Fahasa
GPXB số: 1511/2 Cục Xuất bản cấp ngày 7/6/2004
In xong và nộp lưu chiểu tháng 10/2004.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU QUỐC HỌC
Center For National Culture Studies

Hà Nội: 9 Nguyễn Đình Chiểu
Tel: (84-4) 9438072
Fax: (84-4) 8263777
E-mail: maiquoclien@hcm.vnn.vn

TP. Hồ Chí Minh: 81 Trần Quốc Thảo
Tel: (84-8) 9327061
Tel/Fax: (84-8) 8290498 - 15 Phan Kế Bính